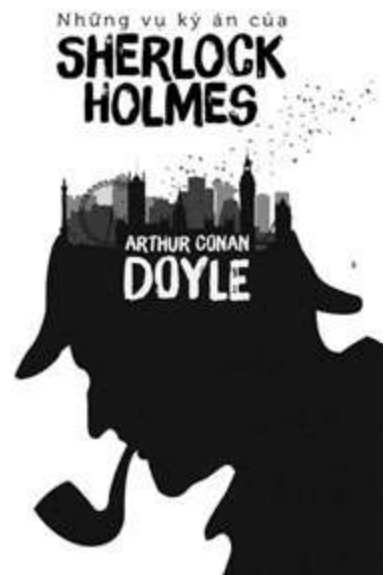


Những vụ kỳ án của

SHERLOCK HOLMES

ARTHUR CONAN
DOYLE

AMUN[®] vh NXB VĂN HỌC



Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Doyle, Arthur Conan

Những vụ kỳ án của Sherlock Holmes / Arthur Conan Doyle ; Thái Hà dịch. - H. : Văn học ; Công ty Văn hoá Đình Tị, 2015. - 528tr. ; 21cm. - (Amunbooks)

1. Văn học cận đại 2. Truyện trinh thám 3. Anh
823. 912 - dc23

VHK0182p-CIP

Những vụ kỳ án của

SHERLOCK HOLMES



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

GIỚI THIỆU NHÂN VẬT

Sherlock Holmes

Sherlock Holmes là một thám tử tài ba Anh quốc và cũng là thám tử lừng danh thế giới. Ông là một thân sĩ nước Anh rất có trách nhiệm với xã hội, là điển hình của thời đại Victoria.

◆  **Nghề nghiệp:** Ông tự nhận là nhà “Thám tử tư vấn”. Khi gặp khó khăn, các thám tử khác và cảnh sát thường tới thỉnh giáo ông, và đều rất nhanh chóng giải quyết được vấn đề.  

◆ **Sở trường đặc biệt:** Có biệt tài thông qua quan sát và suy đoán để giải quyết vấn đề; đặc biệt có thể căn cứ vào quần áo, giày dép, thần sắc, ngôn ngữ và hành vi của một người để phán đoán ra được quê quán, nghề nghiệp, quá khứ...

◆   **Nhược điểm:** Dưới con mắt của người hiện đại, ông là người tính tình nóng nảy, thỉnh thoảng bị u uất. Ông có thể hưng phấn mấy tuần liền, nhưng có lúc lại lo lắng không yên tới nửa tháng vì luôn suy nghĩ về các vụ án.

◆   **Học thức và bản lĩnh:**

- Kiến thức văn học: Hoàn toàn không biết gì, thường chế giễu cách tường trình vụ án như thể viết tiểu thuyết của Watson.

- Kiến thức chính trị: Rất nông cạn.

- Kiến thức thực vật học: Am hiểu về chất độc, nhưng chẳng biết gì về nghệ thuật làm vườn.

- Kiến thức địa chất học: Hạn chế nhưng thực tế. Thoạt nhìn có thể phân biệt được các loại đất. Sau khi đi dạo về, có thể căn cứ vào màu của bùn đất và độ cứng, biết ngay bị dính bùn ở chỗ nào.

- Kiến thức xã hội: Hiểu biết rộng, tìm hiểu rất kỹ càng tất cả các vụ án mạng và khủng bố trong xã hội.

- Âm nhạc: Chơi vĩ cầm rất khá.

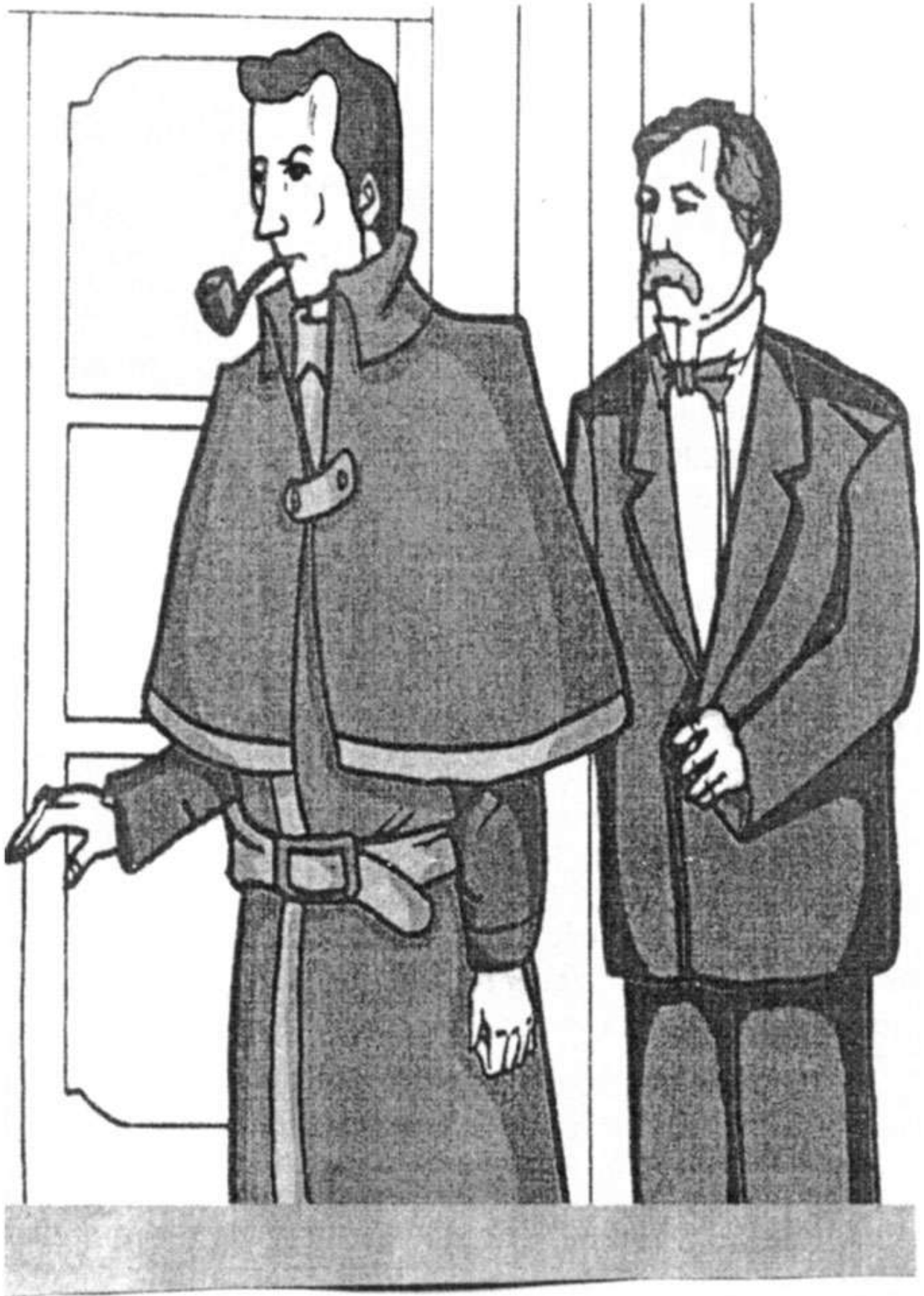
- Võ thuật: Đánh gậy, đấu kiếm, quyền anh.

John Watson

Bác sĩ y khoa, người bạn trung thành, trợ thủ đắc lực và người ghi chép lại các vụ án của Sherlock Holmes.

Ông công khai thừa nhận mình không thông minh bằng Holmes nhưng thỉnh thoảng cũng có ý kiến phản đối, kết quả, đều bị Holmes chê cười, và hoàn toàn bị khuất phục trước những lý lẽ phân tích của Holmes.

Sau khi lập gia đình, ông mở phòng mạch riêng, làm ăn phát đạt.



NGƯỜI THUÊ NHÀ ĐEO MẶT CHE MẶT

Một buổi sáng cuối năm 1896, tôi nhận được tờ giấy viết vội của Sherlock Holmes, mời tôi lập tức tới phố Baker ngay. Tới nơi, tôi thấy anh đang ngồi trong một căn phòng mù mịt khói thuốc, trên chiếc ghế đối diện là một phụ nữ đầy đà đã luống tuổi và có dáng dấp một bà chủ nhà trọ.

- Anh Watson, đây là bà Merrilow ở quận South Brixton. - Ông bạn tôi giờ tay giới thiệu - Bà đây không phản đối việc hút thuốc, nên anh cứ mặc sức tận hưởng thú vui của mình. Bà Merrilow muốn kể cho chúng ta nghe một câu chuyện vô cùng thú vị. Và có thể sự việc sẽ còn tiến triển, nên sự có mặt của anh ở đây là vô cùng hữu ích.

- Nếu tôi có thể giúp được gì...

- Bà Merrilow, chắc bà cũng hiểu rằng nếu tôi tới gặp bà Ronder thì tôi hy vọng có một người làm chứng. Xin bà hãy nói với bà ấy về điều này trước.

- Chúa sẽ phù hộ cho ông, ông Holmes ạ! - Người khách nói - Bà ấy rất muốn gặp ông, nên ông có gọi tất cả mọi người trong khu này đến thì bà ấy cũng chả bận tâm gì đâu.

- Vậy chiều nay chúng ta nên xuất phát sớm một chút. Trước khi đi, phải đảm bảo là chúng ta đã nắm rõ mọi việc. Bà hãy kể lại tất cả một lần nữa, giúp bác sĩ Watson có thể hiểu được tình hình. Ban nãy bà có nói, bà Ronder đã trọ ở nhà bà bảy năm rồi, nhưng bà mới nhìn rõ mặt bà ấy chỉ một lần duy nhất phải không?

Bà Merrilow nói:

- Thề có Chúa, tôi ước gì mình chưa bao giờ nhìn thấy mặt bà ấy thì hơn!
- Mặt bà ấy bị thương tổn rất nặng nề, phải vậy chứ?

- Thưa ông Holmes, không thể gọi đó là một cái mặt người được! Thật là vô cùng khủng khiếp. Một lần, người đưa sữa cho tôi nhác thấy bà ấy đang đứng ngấm cảnh ở cửa sổ tầng trên, anh ta kinh hoàng tới mức làm đổ cả thùng sữa! Lần nọ, bất ngờ tôi chợt nhìn thấy mặt bà ấy, bà ấy lập tức che mặt lại và nói: “Bà Merrilow, chắc bây giờ bà đã hiểu vì sao tôi luôn luôn che mặt bằng tấm mạng này rồi chứ?”.

- Bà có biết tí gì về quá khứ của bà ấy không?

- Tôi hoàn toàn không biết gì về bà ấy cả.

- Khi bà ấy tới thuê nhà, có sự giới thiệu của ai không?

- Không, nhưng bà ấy trả bằng tiền mặt và luôn trả trước rất nhiều. Tiền thuê nhà trả cả quý, hơn nữa cũng không hề cò kè mặc cả. Tôi ngần này tuổi rồi, lại bơ vơ một mình trong thời buổi khó khăn, ngài bảo làm sao có thể từ chối được một người khách giàu có và hào phóng như vậy được?

- Lý do gì khiến bà ấy chọn thuê căn hộ của bà?

- Căn hộ của tôi cách đường khá xa, yên tĩnh hơn so với các căn hộ cho thuê khác. Hơn nữa, tôi chỉ nhận mỗi một người khách trọ; bản thân tôi cũng không có người thân. Tôi đoán rằng bà ấy đã từng thuê nhiều nơi, nhưng bà ấy thích căn hộ của tôi nhất. Bà ấy cần yên tĩnh và không tiếc tiền.

- Bà có nói rằng, kể từ khi tới ở, bà ấy chưa bao giờ để lộ khuôn mặt của mình, chỉ trừ một lần duy nhất kia thôi. Đây quả là một chuyện khá đặc biệt và vô cùng kỳ lạ. Do đó tôi hiểu vì sao bà muốn điều tra xác minh nó đến vậy.

- Không phải tôi muốn thế, thưa ông Holmes. Với tôi mà nói, chỉ cần có tiền thuê nhà là tôi đã cảm thấy rất hài lòng rồi. Không có vị khách thuê nhà nào yên lặng hơn, ít chuyện hơn bà ấy.

- Vậy thì tại sao bà lại tới đây?

- Thưa ông Holmes, đó là vì sức khỏe của bà ấy. Bà ấy càng ngày càng yếu đi. Hơn nữa, trong lòng bà ấy có những bí mật rất hãi hùng nào đó. Có lúc bà ấy la to: “Giết người! Giết người!”. Lần khác lại nghe tiếng bà ấy hét toáng: “Đồ súc sinh tàn ác! Đồ yêu ma quỷ quái!”. Bà ấy kêu gào vào lúc nửa đêm, tiếng hét của bà ấy vang dội khắp nhà làm tôi sợ run lên. Sáng hôm sau, tôi lên thăm bà ấy. Tôi chân thành khuyên: “Bà Ronder này! Nếu

trong lòng bà có điều gì u uất không thể nói ra, bà có thể tìm tới cha xứ hoặc cảnh sát, biết đâu họ có cách giúp bà”. “Ồn Chúa, tôi không cần tới cảnh sát!” - Bà ấy nói - “Cha xứ thì không thể làm gì để thay đổi được quá khứ. Nhưng trước khi tôi chết, nếu có một ai đó biết được toàn bộ câu chuyện này thì tôi có thể được an ủi phần nào”. Tôi mách cho bà ấy: “Ồ, nếu bà không muốn nhờ cảnh sát, thì bà hãy nhờ đến ông thám tử nổi tiếng mà mọi người đều biết là Sherlock Holmes ấy”. Thừa ngài, xin lỗi vì tôi đã nhanh mồm như vậy. Nhưng bà ấy vừa nghe liền đồng ý ngay: “Đúng rồi, tôi cần một người như thế”. Bà ấy nói: “Tại sao tôi lại không nghĩ ra nhỉ? Xin bà hãy mau chóng mời ông ta tới đây, bà Merrilow! Nếu ông ta không chịu tới, bà hãy nói với ông ta rằng tôi là vợ của Ronder, người dạy thú ở đoàn xiếc. Bà chỉ cần nói vậy thôi và cho ông ta cái tên “Abbas Parva””. Bà ấy viết chữ đó lên mảnh giấy đưa cho tôi rồi nói: “Cái tên này sẽ khiến ông ta tới ngay, nếu ông ta đúng là người như tôi nghĩ”.

- Đúng là tôi phải đi thật, bà Merrilow ạ! - Holmes nói - Giờ tôi cần trao đổi với bác sĩ Watson một lúc và cuộc nói chuyện này phải kéo dài tới bữa trưa. Khoảng ba giờ chiều, chúng tôi mới có thể tới nhà bà được.

Vị khách của chúng tôi vừa lạch bạch bước ra khỏi phòng, vì không còn từ nào có thể miêu tả đúng hơn dáng đi của bà ấy, thì Holmes liền đứng bật dậy, vùi đầu vào lật tìm đồng tài liệu trong góc phòng. Vài phút sau, chỉ có tiếng lật giấy “soạt, soạt”, sau đó anh à lên một tiếng đầy thoả mãn. Nghe thế, tôi biết là Holmes đã tìm ra được điều gì đó. Anh ngồi bệt xuống sàn nhà, hai chân khoanh lại, một đồng sách to dùng bao quanh, và trên đùi lại có một tập báo đang mở nữa.

- Lúc đó, vụ án này đã khiến tôi rất đau đầu, Watson ạ! Anh hãy nhìn những ghi chép bên lề các tin, bài trong đồng sách báo này thì biết. Tôi thừa nhận rằng mình đã không thể phá được vụ án này, nhưng tôi lại tin chắc rằng giám định tử thi có sai sót. Anh không nhớ thảm kịch ở Abbas Parva à?

- Không nhớ gì cả, Holmes ạ!

- Lúc đó anh đi cùng tôi mà. Nhưng ấn tượng riêng của tôi về vụ này cũng rất mờ nhạt, bởi vì người ta không tìm ra được bất kỳ một bằng chứng

nào, và cũng không có ai nhờ tôi hỗ trợ. Anh hãy xem lại những ghi chép này đi!

- Anh có thể nói những điểm chính cho tôi nghe được không?

- Việc đó không khó. Có thể ngay khi nghe tôi nói, anh sẽ nhớ lại hết những tình huống lúc đó. Mọi người đều biết cái tên Ronder, ông ta là đối thủ cạnh tranh của Wombwell và Sanger, và là một trong những đoàn xiếc thú lớn nhất lúc đó. Nhưng trước khi thảm kịch xảy ra, Ronder đã trở thành một tay bợm rượu, bản thân ông ta và cả đoàn xiếc đều đang xuống dốc không phanh. Bi kịch xảy ra khi đoàn xiếc của ông ta nghỉ đêm tại một làng nhỏ, có tên là Abbas Parva ở quận Berkshire. Họ đang trên đường tới Wimbledon. Lúc đó, họ chỉ dừng trại nghỉ qua đêm chứ không biểu diễn, bởi thị trấn nhỏ quá, không đủ bù đắp chi phí cho buổi diễn.

“Trong số những con thú mà họ mang theo, có một chú sư tử Bắc Phi tên Sahara King, rất hung dữ. Ronder và vợ ông ta thường trốn tài ở bên trong lồng nhốt thú. Ở đây có một tấm ảnh chụp lúc họ đang biểu diễn. Anh xem có thể thấy Ronder là một người đàn ông vạm vỡ, hoang dã, còn bà vợ ông ta lại là một người phụ nữ tuyệt đẹp. Nhân viên điều tra cho biết, con sư tử Sahara đã có những biểu hiện đáng ngại từ lâu. Tuy nhiên, do chủ quan nên cả hai vợ chồng Ronder đều không chú ý đúng mức tới điều này. Hàng đêm, đích thân Ronder hoặc vợ ông ta sẽ cho con Sahara ăn. Có lúc một người, có khi cả hai người cùng đi. Nhưng từ trước đến giờ công việc đó chưa bao giờ do người khác làm, bởi họ cho rằng, chỉ cần cho sư tử Sahara ăn thì nó sẽ coi họ là ân nhân và không tấn công họ. Vào cái đêm đặc biệt cách đây bảy năm, cả hai vợ chồng họ cùng vào chuồng cho Sahara ăn. Một thảm kịch khủng khiếp đã xảy ra, và các chi tiết của tai nạn này chưa bao giờ được điều tra...

“Lúc nửa đêm, tất cả mọi người trong làng đều bị tiếng sư tử gầm và tiếng kêu la khủng khiếp của một phụ nữ đánh thức. Nhân viên đoàn xiếc và tất cả công nhân cầm đèn chạy túa ra từ các lều, giơ đèn soi thì nhìn thấy một cảnh tượng hãi hùng: Ronder nằm sóng soài trên mặt đất cách lồng sư tử hơn 10m, đầu bị đập nát, và đầy những vết cào xé của nanh vuốt sư tử. Cửa lồng mở toang. Bà Ronder nằm bẹp dưới chân con sư tử đói đang ngoác

miệng ra gầm thét. Mặt bà ta bị nó cào xé nát bươm đến nỗi không có ai có thể tin được rằng bà ta sẽ thoát chết. Dưới sự chỉ huy của Leonardo - một thanh niên lực lưỡng - và anh hề Griggs, một số diễn viên trong đoàn xiếc đã dùng những chiếc gậy vừa to vừa dài đánh đuổi được con sư tử hung dữ đang cắn xé bà Ronder, rồi ngay lập tức khóa lồng lại. Nhưng làm sao sư tử sống ra được thì vẫn là một câu đố chưa có lời đáp. Người ta phỏng đoán rằng, hai vợ chồng Ronder định mở cửa vào trong lồng, nhưng ngay khi cửa vừa mở thì con sư tử hung hãn đang đói liền xông ra vồ họ. Cảnh sát đã không tìm được bất kỳ chứng cứ gì. Còn bà Ronder, trong những cơn đau đớn khủng khiếp, khi được khiêng tới toa xe lưu động đến bệnh viện vẫn liên tục hét: “Đồ nhát gan! Đồ nhát gan!”. Mãi tới sáu tháng sau, bà ta mới hồi phục và ra làm chứng trước tòa. Việc khám nghiệm tử thi vẫn được tiến hành; tuy nhiên sau đó, cuộc điều tra đã bị đình chỉ, theo phán quyết của tòa án: ông Ronder chết vì tai nạn nghề nghiệp.”

- Còn có giả thiết nào khác chẳng? - Tôi sốt ruột hỏi.

- Anh nói vậy cũng có lý. Có một vài chi tiết khiến anh chàng cảnh sát trẻ tuổi Edmunds ở cảnh sát quận Berkshire thấy không thể bỏ qua. Đó là một chàng trai thông minh! Nhưng sau đó anh ta bị điều tới Allahabad. Tôi chú ý đến vụ án này cũng là do anh ta tới đây tìm và trao đổi với tôi về vụ án kỳ lạ này.

- Có phải đó là một chàng trai người hơi gầy với mái tóc vàng không?

- Đúng vậy. Tôi biết anh sẽ nhớ ra mà.

- Điều gì khiến anh ta băn khoăn vậy?

- Anh ta và tôi đều có chung một thắc mắc. Vấn đề là ở chỗ, khó mà tưởng tượng được toàn bộ sự việc diễn ra như thế nào. Anh hãy nhìn nhận sự việc từ góc độ con sư tử xem, khi được thả ra, nó sẽ làm gì? Nó lao tới phía trước vài bước là tới trước mặt Ronder. Ông ta quay người lại, cố tháo chạy nhưng vẫn không thoát khỏi nanh vuốt của con sư tử. Ông ta ngã vật ra đất, chết ngay tức thì. Nhưng con thú không chạy trốn mà ngược lại, quay đầu chồm lên vồ bà Ronder. Lúc này, bà ta đang bàng hoàng đứng cạnh lồng thú, con sư tử xông tới, xô ngã bà Ronder, cào xé nát mặt bà ta. Những tiếng thét trong cơn hôn mê dường như muốn trách ông Ronder đã bỏ rơi bà ta.

Nhưng thật ra lúc đó ông ta đã chết rồi, làm sao còn có thể giúp bà ta được? Anh có thấy ở đây có điều kỳ lạ không? Và nếu không phải là ông Ronder, thì người mà bà ta oán trách là ai?

- Đúng vậy, anh nói đúng lắm!

- Còn một điểm nghi vấn nữa. Nó luôn ám ảnh tôi khi nghĩ tới vụ án này, là cùng với tiếng gầm của sư tử và tiếng hét hoảng sợ của bà Ronder, còn có tiếng la hét thất thanh của một người đàn ông nào đó nữa.

- Tiếng la hét đó đương nhiên là của ông Ronder rồi.

- Nếu như sợ ông ta đã bị con sư tử cắn nát, thì chúng ta làm sao có thể nghe được tiếng kêu của ông ấy. Ít nhất có hai người làm chứng nói rằng, họ có nghe thấy tiếng la hét của một người đàn ông lẫn trong tiếng la hét thảm thiết của bà Ronder.

- Tôi cho rằng, lúc đó tất cả mọi người trong khu lều trại đều kêu la hoảng hốt. Còn về những điểm nghi vấn khác thì tôi nghĩ mình có thể giải thích được.

- Tôi rất muốn được lắng nghe ý kiến của anh.

- Hai vợ chồng Ronder đang ở cạnh nhau. Khi sư tử sổ lồng, họ cách chuồng sư tử khoảng 10m. Ông Ronder hoảng loạn chạy trốn nên bị sư tử vồ chết ngay lập tức. Còn bà Ronder nảy ra ý nghĩ chạy ngược lại chuồng rồi đóng cửa lại, đó là nơi trú ẩn tốt nhất của bà ta. Bà đã thực hiện ý định chạy về phía chuồng đó, nhưng khi vừa mới chỉ tới cửa chuồng thì con Sahara đã xông tới, đè bà ta ngã xuống. Bà ta oán trách chồng mình bỏ trốn đã khiến con sư tử bị kích động càng trở nên điên cuồng, vì nếu cả hai cùng chung sức đối phó với con sư tử thì có thể sẽ khiến nó chùn bước. Thế nên bà ta mới hét “Đồ nhát gan! Đồ nhát gan!” trong cơn mê sảng.

- Rất hay, Watson ạ! Nhưng có một sai sót nho nhỏ trong lập luận tuyệt vời của anh.

- Sai sót thế nào?

- Nếu cả hai người đều ở cách lồng khoảng 10m, vậy thì làm sao sư tử có thể ra ngoài được?

- Phải chăng có kẻ nào đó đã thả sư tử ra? Tại sao bình thường nó vẫn chơi cùng họ, cùng biểu diễn những tiết mục xiếc ở trong lồng, mà lần này

lại tấn công họ dã man như thế? Có lẽ kẻ thù giấu mặt đã cố tình chọc tức sự tử chẳng?

Holmes bắt đầu lặng im suy nghĩ, vài phút liền không nói năng gì.

- Ô Watson, có điều này rất cần thiết cho suy đoán của anh. Ronder là người có rất nhiều kẻ thù. Edmunds nói với tôi rằng, khi uống rượu, ông ta trở nên vô cùng hung dữ. Ông ta là một kẻ bạo hành vô độ, hễ bị ai cản trở là sẵn sàng chửi mắng, đánh đập. Tôi nghĩ, người khách ban nãy nói rằng về đêm bà Ronder hay la hét, chính là do bà ta mơ gặp lại người chồng hung bạo. Nhưng cho dù thế nào, trước khi sự thật được phơi bày thì tất cả những suy đoán của chúng ta đều là vô đoán.

Khi xe ngựa dừng trước nhà bà Merrilow, chúng tôi đã thấy dáng người béo tốt của bà ta đang đứng chắn trước cửa. Dụng ý của bà ta rất rõ ràng, đó là sợ mất đi một vị khách thuê phòng quý hóa, vì thế trước khi dẫn chúng tôi lên gác, bà dặn đi dặn lại chúng tôi chớ nên nói những điều hoặc làm những việc khiến cho bà ta mất đi vị khách thuê phòng này. Chúng tôi đồng ý, và theo bà ta bước lên những bậc cầu thang được trải thảm rách rưới để tới căn phòng của người khách kỳ bí.

Đó là một căn phòng vương mùi ẩm mốc; hệ thống thông gió không tốt. Điều này cũng không có gì lạ, bởi bà Ronder, người ngụ ở đó, không bao giờ ra ngoài. Sau gần một đời nhốt thú dữ trong chuồng, giờ đây, người khách trọ giống như bị số mệnh trả miếng lúc xế chiều. Bà ta ngồi im lặng, đăm chiêu, trên một chiếc ghế salông cũ trong góc phòng tối tăm. Sau nhiều năm không vận động, cơ thể bà trở nên thô vụng, nhưng vẫn vô cùng đầy đặn và hấp dẫn. Một tấm mạng màu sẫm rất dày đã che khuất gần hết khuôn mặt bà ta, chỉ lộ ra một khoé miệng xinh xắn và cái cằm tròn trịa, rất thu hút. Tôi có thể tưởng tượng được trước đây bà ta là một phụ nữ đẹp, có phong thái khác người. Tiếng nói của bà ta cũng rất ngọt ngào, dễ nghe.

- Thưa ông Holmes, tên tôi đâu còn xa lạ gì với ông. Tôi biết rằng, khi nghe tên tôi, nhất định ông sẽ tới mà. - Bà ta nhẹ nhàng lên tiếng.

- Vâng, thưa bà. Nhưng tôi chưa hiểu làm thế nào bà lại biết được tôi muốn tìm hiểu câu chuyện của bà?

- Sau khi sức khỏe của tôi hồi phục, khi viên thám tử địa phương là Edmunds tìm tôi để phỏng vấn, tôi mới biết. Tôi đã không nói sự thật với anh ta, có thể việc tôi nói dối là sự lựa chọn thiếu thông minh...

- Thông thường, nói thật vẫn là lựa chọn thông minh nhất. Nhưng tại sao bà lại nói dối anh ta?

- Bởi những điều tôi nói ra có liên quan tới vận mệnh và tính mạng của một người khác. Tuy biết rằng hẳn là một kẻ ngu xuẩn và hèn nhát, nhưng tôi vẫn không muốn lương tâm mình bị cắn rứt vì đã huỷ hoại hẳn. Quan hệ của chúng tôi đã từng vô cùng, vô cùng thân thiết!

- Bây giờ thì bà đã hết áy náy rồi chứ?

- Phải, tôi nghe nói, người đó giờ đã chết.

- Vậy tại sao bà không nói tất cả những điều mà bà biết với cảnh sát?

- Bởi vì còn một người khác cũng liên quan tới vụ án, và người đó chính là tôi. Tôi không thể chịu được những lời bàn tán, đàm tiếu từ những cuộc thẩm tra của cảnh sát và tòa án. Tôi chẳng sống được bao lâu nữa, và tôi muốn ra đi trong thanh thản. Tôi vẫn muốn tìm được người có đầu óc phán đoán, kể cho người ấy nghe về câu chuyện rừng rợn này. Có như vậy thì sau khi tôi chết, mọi việc mới được rõ ràng.

- Thưa bà, tôi thật không xứng đáng với lời khen của bà, nhưng tôi cũng là một người có trách nhiệm. Tôi không thể đảm bảo rằng sau khi bà nói xong, tôi chắc chắn sẽ không đi báo với cảnh sát.

- Tôi không đồng ý với cách suy nghĩ của ông, thưa ông Holmes. Tôi rất hiểu nhân cách và phương thức làm việc của ông. Bởi trong những năm gần đây, tôi vẫn thường xuyên theo dõi những vụ điều tra của ông, mà rất nhiều vụ đã thành công vang dội. Trong những ngày cuối cùng này thì thú vui duy nhất mà vận mệnh vẫn còn dành lại cho tôi là đọc báo, vì thế mọi việc xảy ra trong cuộc sống, tôi rất ít khi bỏ sót. Cho dù có thế nào, tôi cũng muốn thử vận may của mình, tùy ông giải quyết, thế nào cũng được. Chỉ cần nói ra hết mọi chuyện đã cất giấu bấy lâu là tôi thấy thanh thản rồi.

- Vậy thì tôi và người bạn của tôi đây rất hân hạnh được nghe chuyện của bà.

Người phụ nữ từ từ đứng lên khỏi ghế, lấy từ trong ngăn kéo ra tấm ảnh của một người đàn ông. Có vẻ anh ta là một diễn viên xiếc chuyên nghiệp, với cơ thể cường tráng và đẹp mã. Trong ảnh, hai cánh tay vạm vỡ của anh ta đặt trước bộ ngực săn chắc, miệng hé cười dưới bộ râu quai nón rậm rạp đầy nam tính - nụ cười tự mãn của kẻ đã nhiều lần chinh phục những cô gái yêu kiều.

- Đây là Leonardo. - Bà ta nói, giọng hơi trầm xuống.

- Là anh chàng lực sĩ, người đã đưa ra các bằng chứng của vụ án?

- Đúng vậy! Các ngài hãy xem tiếp bức ảnh này: đây là chồng tôi.

Khi nhìn thấy bức ảnh chồng bà, tôi giật mình. Đó là một khuôn mặt vô cùng xấu xí, đầy sát khí - như một con lợn mặt người. Không, chính xác phải là một con lợn lòi mang mặt người, bởi vì ngoài thú tính ra còn có một cái gì đó rất đáng sợ. Người ta có thể tưởng tượng được, cái miệng xấu xí ghê tởm kia khi giận dữ sẽ phun phì phì từng đám nước bọt, và những ánh nhìn độc ác toát lên từ đôi mắt ti hí gian ác kia. Vô lại, độc ác, dã man - đó là những từ để nói về khuôn mặt béo phì chảy xệ của ông Ronder.

- Thưa các ngài, hai tấm ảnh này có thể giúp các ngài hiểu được phần nào quá khứ của tôi. Tôi là một diễn viên xiếc nghèo. Chưa đầy mười tuổi, tôi đã là một diễn viên lắc vòng. Và khi trưởng thành, người đàn ông này yêu tôi - nếu như có thể gọi dục vọng của hắn ta là tình yêu. Trong một khoảnh khắc bất hạnh, tôi đã buộc phải làm vợ của hắn. Và bắt đầu từ những ngày tháng đó, tôi đã sống trong địa ngục. Hắn là một con ác quỷ, luôn dày vò tôi. Trong đoàn xiếc, không ai không biết sự ngược đãi của hắn đối với tôi. Hắn phản bội và bỏ rơi tôi để đi tìm thú vui với những người phụ nữ khác. Nhưng nếu tôi trách cứ là hắn sẽ lạnh lùng trối tôi lại, dùng roi ngựa quất vô cùng tàn nhẫn. Mọi người đều rất thương tôi và nguyên rửa hắn. Nhưng họ không có cách gì giúp tôi được. Tất cả bọn họ đều sợ hắn như quỷ dữ. Lúc nào hắn ta cũng hung tợn, còn khi say thì hắn có thể giết người không ghê tay. Bao nhiêu lần hắn đã bị cảnh sát bắt giam vì đánh người và ngược đãi động vật; nhưng vì có tiền nên hắn đều chạy chọt trót lọt. Những diễn viên giỏi đều bỏ chúng tôi mà đi, đoàn xiếc bắt đầu xuống dốc. Tất cả

đều chỉ còn dựa vào tôi và Leonardo cùng với anh hề Jimmy Griggs, nên đoàn xiếc mới có thể tạm thời sống lay lắt qua ngày.

“Sau này, Leonardo thường xuyên tiếp cận tôi. Các ngài cũng đã thấy anh ta đẹp trai như thế nào rồi đấy. Bây giờ tôi đã biết được rằng, đằng sau cơ thể cường tráng ấy là một trái tim vô cùng hèn nhát. Nhưng nếu so sánh với chồng tôi, thì dường như anh ta là một thiên thần. Anh ta thương hại tôi, giúp đỡ tôi. Cuối cùng thì sự thân mật giữa chúng tôi đã biến thành tình yêu sâu đậm. Đó là tình yêu mà tôi đã ao ước từ lâu, nhưng lại không dám mong đợi. Chồng tôi bắt đầu nghi ngờ chúng tôi, nhưng tôi thấy hắn không chỉ là một kẻ độc ác mà còn là một kẻ nhát gan, và Leonardo là người duy nhất hắn sợ. Hắn ta trả thù bằng cách hành hạ tôi ngày càng nhiều hơn. Một đêm nọ, nghe tiếng tôi kêu thét quá thảm thiết nên Leonardo đã xuất hiện trước xe vợ chồng tôi. Đêm ấy, suýt nữa đã xảy ra một thảm kịch. Sau khi sự việc xảy ra, cả tôi và Leonardo đều cho rằng bị kịch sớm muộn gì rồi cũng sẽ tới. Hắn ta không đáng được sống trên đời nữa. Chúng tôi đã lên kế hoạch giết hắn một cách hoàn hảo. Leonardo là một người thông minh và mưu mẹo. Chính anh ta đã nghĩ ra cách dùng con Sahara để giết Ronder. Không phải bây giờ tôi nói điều này để đổ hết tội cho anh ta, mà vì quá yêu nên tôi sẵn sàng làm tất cả theo ý của anh ta. Ngay lập tức, anh ta làm một cái chùy có đóng năm cái đinh sắt dài giống hệt các vuốt sư tử, nhằm giáng một đòn chí tử giết chết Ronder. Để đánh lạc hướng điều tra nhằm thoát tội, ngay sau đó, chúng tôi sẽ thả con Sahara ra. Và vụ án được dàn dựng như con Sahara đã cắn chết Ronder.

“Đêm đó, trời tối đen như mực. Theo lệ, hai vợ chồng tôi đem thức ăn được đựng trong chiếc xô lớn bằng thiếc tới cho Sahara. Leonardo nấp ở góc lều mà chúng tôi buộc phải đi qua. Anh ta quá chậm chạp, chúng tôi đã đi qua rồi mà vẫn chưa ra tay. Nhưng anh ta vẫn rón rén mò đi theo chúng tôi. Tôi nghe thấy tiếng chùy đinh đập mạnh vào đầu Ronder làm nó vỡ toác ra, tôi không kìm chế được sự vui mừng, tim đập thành thịch. Tôi lao về phía chuồng thú, tháo then cửa lồng sư tử.



“Tiếp đó, những việc khủng khiếp đã xảy ra. Chắc các ngài cũng biết, những con thú dữ đánh hơi mùi máu tươi nhanh như thế nào. Máu người có sức quyến rũ đặc biệt với chúng. Do bản năng kỳ lạ, con sư tử Sahara biết ngay được rằng có người bị giết. Tôi vừa rút song sắt, nó liền nhảy ra và lập tức chồm lên vồ lấy tôi. Đáng lẽ Leonardo đã có thể cứu được tôi nếu anh ta nhanh chóng chạy tới và dùng cái chùy đóng đinh sắt đó tấn công con sư tử, như vậy cũng có thể sẽ khiến nó chùn bước. Nhưng anh ta đã mất bình tĩnh, hoảng sợ khi nhìn thấy con sư tử lao vào cắn xé tôi. Tôi nghe thấy tiếng anh ta la lên rùng rợn rồi bỏ chạy. Lúc này, răng của con sư tử đã cắm sâu vào mặt tôi, hơi thở hôi thối nồng nặc của nó khiến tôi ngất lịm đi và không còn biết đau đớn gì nữa. Tôi tuyệt vọng dùng hai cánh tay ra sức đẩy cái miệng khổng lồ dính đầy máu me ấy ra, đồng thời la hét kêu cứu. Tôi có cảm giác mọi người trong đoàn xiếc đều bị kinh động. Sau đó, tôi chỉ biết lơ mơ rằng một số người là Leonardo, Griggs và một vài người khác đã dùng hết sức lôi tôi ra khỏi nanh vuốt của con Sahara. Đó là những ký ức buồn thảm cuối cùng của tôi, thưa ông Holmes. Vài tháng sau đó, tôi sống trong một trạng thái vô cùng khủng khiếp và cũng dần dần hồi phục trở lại. Khi đã bình phục, tôi vô cùng khiếp sợ khi nhìn thấy bộ mặt dị dạng của mình trong gương. Tôi đã chửi bới, mắng nhiếc con sư tử không tiếc lời! Không phải là vì nó đã cướp đi nhan sắc mà là bởi nó đã không cướp đi sinh mạng của tôi. Thưa ông Holmes, lúc đó tôi chỉ có một ước nguyện, và tôi cũng có đủ tiền để thực hiện. Đó là dùng mạng che kín bộ mặt ghê tởm này của tôi, để không một ai có thể nhìn thấy được. Và tôi sẽ đến một nơi không người quen biết nào có thể tìm thấy. Đó là việc duy nhất mà tôi có thể làm được, và tôi cũng đã làm như vậy. Một con thú bị thương tội nghiệp trở về cái tổ của nó để kết thúc cuộc sống - kết thúc cuộc đời bi kịch thương đau của Eugenia Ronder.”

Sau khi nghe người đàn bà bất hạnh ấy kể xong câu chuyện về quá khứ của mình, chúng tôi ngồi im lặng hồi lâu. Rồi Holmes vỗ nhẹ lên tay bà Ronder với sự thông cảm sâu sắc mà hiếm khi anh biểu lộ.

- Bà thật là một người đáng thương! - Holmes nói - Rất đáng thương! Định mệnh thật khó nắm bắt. Nếu như không có sự đền bù nào thì thế giới

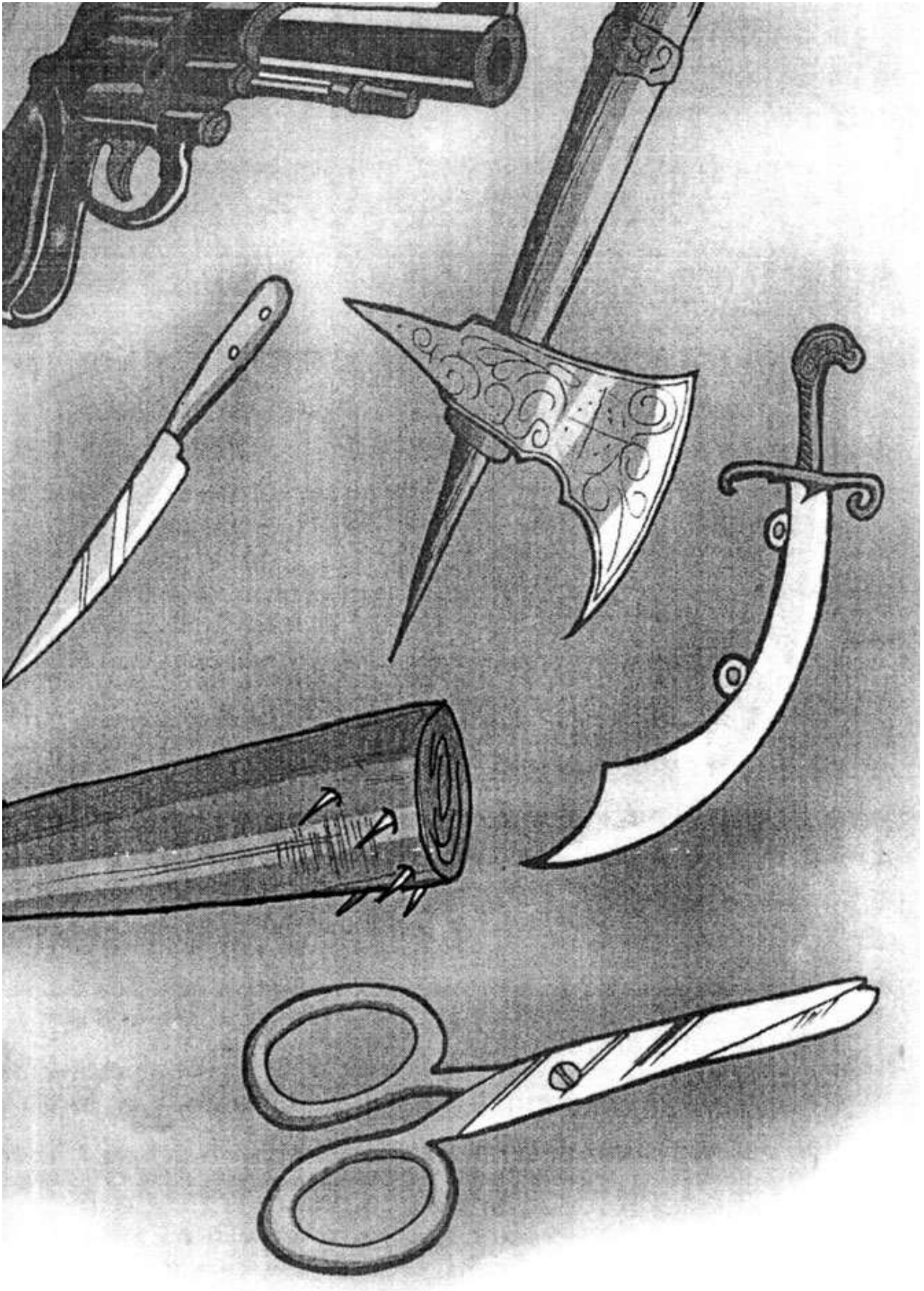
này thật sự chỉ là một trò chơi tàn nhẫn. Còn Leonardo, sau này anh ta sống ra sao?

- Tôi không hề gặp lại hoặc nghe được tin tức gì về anh ta. Có lẽ tôi đã sai lầm khi trao tình yêu cho anh ta. Anh ta có thể nhanh chóng tìm được người con gái nào đó hâm mộ. Nhưng tình yêu là điều một người đàn bà không dễ dàng vứt bỏ được. Dù cho anh ta đã bỏ rơi tôi khi tôi nằm dưới móng vuốt của con sư tử, tôi vẫn không đủ nhẫn tâm để đưa anh ta lên đoạn đầu đài. Về phần tôi, tôi cũng không quan tâm xem những gì sẽ xảy ra với mình nữa. Bởi trên thế giới này, lẽ nào lại còn có những tình cảnh đáng sợ hơn cuộc đời hiện tại của tôi sao? Tuy nhiên, tôi vẫn cố theo dõi Leonardo và số phận của anh ta.

- Anh ta còn sống không?

- Tháng trước, khi đang đi bơi ở gần vùng Margate, anh ta đã bị chết đuối. Tôi đọc được tin này trên báo.

- Sau khi giết Ronder, anh ta đã giải quyết cái chùy cầm đinh đó như thế nào? Cái chùy này là thứ đặc biệt nhất trong toàn bộ câu chuyện của bà.



- Tôi cũng chẳng biết gì nữa, thưa ông Holmes. Gần chỗ chúng tôi nghỉ đêm vào cái hôm khủng khiếp đó, có một mỏ khai thác đá vôi lớn, nước đổ vào thành một hồ nước rất rộng và rất sâu. Có lẽ anh ta đã vớt nó xuống hồ.

- Thực ra, điều đó bây giờ cũng không còn quan trọng nữa. Vụ án này đã khép lại rồi.

- Đúng vậy. - Bà ta đáp lời - Vụ án này đã khép lại rồi.

Lúc này chúng tôi đã đứng lên, định ra về, nhưng trong giọng nói của người phụ nữ ấy có điều gì đó khiến Holmes phải quan tâm. Lập tức anh quay lại và nói với bà ta:

- Sinh mệnh của bà không thuộc về bà, bà không có quyền ra tay với chính mình.

- Lẽ nào nó còn có ích với người khác sao?

- Làm sao bà biết được là có ích hay không? Đối với một thế giới như ngày nay, thì việc can đảm chịu đựng một số phận bất hạnh như bà là tấm gương quý giá cho cả nhân loại!

Câu trả lời của người phụ nữ đó thật đáng sợ, bà ta kéo chiếc mạng xuống và bước ra chỗ sáng.

- Không biết các ngài có thể chịu được không? - Bà ta hỏi, giọng vô cùng đau khổ.

Một cảnh tượng vô cùng khủng khiếp hiện ra trước mắt chúng tôi. Khuôn mặt của bà đã bị hủy hoại đến mức không lời nào tả xiết. Trên khuôn mặt đã hoàn toàn tan nát đó, đôi mắt cực đẹp long lanh nhìn ra ngoài đầy bi thương càng làm cho những đường nét bị tàn phá thêm ghê rợn. Holmes giơ một bàn tay lên, cử chỉ vừa bộc lộ sự thương cảm nhưng cũng vừa phản đối thái độ sống của bà ta. Chúng tôi cùng rời khỏi căn phòng đó.

Hai ngày sau, tôi tới căn hộ của Holmes. Anh ấy tự hào chỉ tay về phía chiếc lọ thủy tinh nhỏ đựng một dung dịch màu xanh lơ được đặt trên giá lò sưởi. Trên bình có dán một cái nhãn đỏ biểu thị thuốc độc, tôi mở nắp lọ và ngửi thấy mùi thơm của hạnh nhân nhẹ nhẹ tỏa khắp phòng.

- Axit Xyanhydric? - Tôi ngạc nhiên hỏi.

- Đúng vậy, gửi theo đường bưu điện tới. Trên mảnh giấy viết rằng: “Xin gửi ông thứ đã mê hoặc tôi. Tôi sẽ nghe theo lời khuyên của ông”.

Holmes mỉm cười trả lời tôi một cách đầy ẩn ý, và nói tiếp:

- Chắc anh cũng đoán được tên người đàn bà can đảm này chứ, Watson?

Tôi chỉ gật nhẹ rồi ngồi xuống chiếc ghế salông, đăm chiêu nhìn ngọn lửa bập bùng đang cháy trong lò sưởi.

VẾT MÁU THỨ HAI

Một buổi sáng thứ ba mùa thu, có hai vị khách danh tiếng của châu Âu đã ghé thăm văn phòng đơn sơ của chúng tôi ở phố Baker. Một người là Huân tước Bellinger, đã hai lần làm thủ tướng nước Anh. Ông có cái nhìn bề trên, nghiêm khắc và kiêu kỳ. Một người là Trelawney Hope, Bộ trưởng chuyên phụ trách vấn đề châu Âu, chính trị gia có tiền đồ nhất nước Anh. Trái ngược với Bellinger, ông Trelawney có mái tóc đen, khuôn mặt khá cân đối, dáng người thanh lịch. Ở ông ta toát lên một vẻ lịch thiệp, trang nhã. Nhưng cả hai đang lo sợ điều gì đó. Từ vẻ mặt lo âu, sâu não của họ có thể đoán được câu chuyện sắp tới quan trọng thế nào. Vị Bộ trưởng phụ trách vấn đề châu Âu tỏ ra rất bồn chồn, lúc ông vờ vờ bộ râu của mình, lúc lại mân mê chiếc đồng hồ đeo tay.

- Thưa ông Holmes, sáng nay tình dấy, tôi phát hiện một tài liệu quan trọng đã biến mất. Tôi lập tức báo cáo với Thủ tướng. Theo ý của ngài Thủ tướng, chúng tôi vội vàng đến đây ngay.

- Ngài đã báo cảnh sát chưa?

Ngài Thủ tướng nói rất nhanh và quyết đoán:

- Không! Chúng tôi không thể làm như vậy.

- Vì sao, thưa ngài?

- Tài liệu này quan trọng đến mức, nếu công bố nó thì sẽ dẫn đến một cuộc xung đột mang tính quốc tế. Có thể nói rằng, vấn đề chiến tranh và hòa bình phụ thuộc vào tài liệu này. Vì vậy, việc tìm lại nó phải được giữ bí mật tuyệt đối, bởi mục đích của vụ đánh cắp này chính là để công bố nội dung của tập tài liệu mật.

- Tôi hiểu. Thưa ngài Trelawney, xin ngài hãy thuật lại một cách tỉ mỉ là tập tài liệu đã bị mất như thế nào.

- Vâng, thưa ông Holmes. Sáu ngày trước, chúng tôi nhận được bức thư của quốc vương nước ngoài gửi đến. Bức thư có ý nghĩa hệ trọng đến nỗi tôi

quyết định không cất nó vào chiếc két an toàn, mà mang về nhà. Tôi để nó vào trong một cái hộp đặc biệt chỉ riêng tôi biết, ở trong phòng ngủ. Tối hôm qua, chắc chắn nó vẫn còn ở đó, bởi khi thay quần áo xuống ăn tối, tôi đã mở hộp ra và thấy nó vẫn nguyên ở đó. Cái hộp được đặt trên bàn trang điểm, ngay cạnh giường của vợ chồng tôi. Tôi và vợ tôi vốn rất tỉnh ngủ, nên chúng tôi có thể chắc chắn rằng suốt đêm hôm đó không có ai vào phòng. Nhưng sáng hôm sau thì tập tài liệu đã biến mất một cách vô cùng kỳ lạ.

- Trước khi đi ngủ, ngài đã làm những gì? - Holmes bình tĩnh hỏi tiếp.

- Vợ tôi đi xem hát, còn tôi ngồi ở phòng ngoài chờ bà ấy suốt. Hơn 11 giờ 30 phút, chúng tôi mới vào ngủ.

- Có nghĩa là cái hộp đựng tài liệu nằm đó không có ai coi giữ trong khoảng gần bốn tiếng đồng hồ?

- Trừ người hầu của vợ tôi có thể vào phòng lúc sáng sớm, thì không ai được phép bước vào phòng tôi bất kỳ lúc nào. Tuy nhiên, những gia nhân nhà tôi đều rất đáng tin cậy và đã làm cho chúng tôi khá lâu. Hơn nữa, họ cũng không thể biết trong hộp đựng những thứ gì.

- Những ai có thể biết về bức thư này?

- Trong nhà tôi không một ai biết cả.

- Nhưng phu nhân ngài chắc chắn phải biết chứ?

- Không, thưa ông. Cho đến sáng nay, khi phát hiện là cái hộp bị mất, tôi vẫn không nói cho bà ấy biết.

Ngài Thủ tướng ngồi bên cạnh cũng gật đầu tán đồng.

- Thế trước đây có khi nào ngài bị mất tài liệu không?

- Không, thưa ông.

- Ở nước Anh này còn ai biết về bức thư đó nữa không? - Holmes hỏi kỹ, tựa chất vấn.

- Hôm qua, chúng tôi đã thông báo nội dung bức thư đến các vị thành viên trong Nội các. Và trong bất kỳ cuộc họp nào, chúng tôi đều thống nhất phải giữ bí mật nội dung bức thư đó, đặc biệt trong cuộc họp hôm qua, Thủ tướng đã cảnh cáo rất nghiêm khắc. Lạy Chúa, thế mà ai ngờ được rằng, chỉ mấy tiếng sau tôi đã đánh mất nó.

Sự tuyệt vọng làm cả khuôn mặt ông ta biến đổi. Vừa nói, ông ta vừa vò đầu đầy vẻ bất lực, hối lỗi. Tuy nhiên, ngay sau đó, khuôn mặt ông ta lại trở về vẻ cao quý vốn có.

Với giọng điềm tĩnh, ông ta nói tiếp:

- Ngoài các thành viên của Nội các, còn có hai hoặc ba quan chức chính phủ biết về lá thư này. Nhưng ngoài những người đó ra, tôi bảo đảm là không một ai biết cả.

- Thế còn ở nước ngoài?

- Tôi cũng tin là không ai biết cả, trừ tác giả của nó. Ngay cả bộ trưởng của quốc vương cũng không hay biết.

Holmes ngẫm nghĩ một lúc rồi nói:

- Thưa ngài, tôi mạn phép hỏi, nội dung của bức thư là như thế nào? Và tại sao việc mất nó lại có thể gây hậu quả nghiêm trọng vậy?

Hai nhà chính trị nhìn nhau rất nhanh. Rồi Thủ tướng chau mày, nhăn mặt lại nói:

- Phong thư vừa dài vừa mỏng, nằm trong phong bì màu xanh nhạt. Mặt trên bức thư gắn xi đỏ, phía trên đóng dấu hình con sư tử đang lao lên. Địa chỉ được viết rất to, bằng những nét cứng và đậm.

Holmes đột ngột ngắt lời vị Thủ tướng:

- Những chi tiết ngài nói đều rất thú vị và quan trọng. Nhưng để tiện cho công việc điều tra, xin ngài hãy nói cho tôi biết về nội dung của bức thư!

- Đây là vấn đề bí mật quốc gia, nên tôi e không thể nói với ông được. Hơn nữa, tôi cũng chưa rõ điều ông hỏi cần thiết ở chỗ nào. Nếu bằng tài năng hiếm có của mình, ông có thể tìm lại chiếc phong bì cùng với bức thư ở trong đó, thì chúng tôi hứa sẽ trả công cho ông hậu hĩnh nhất trong khả năng có thể. Và Anh quốc cũng sẽ rất biết ơn ông!

Holmes đứng dậy, mỉm cười và nói:

- Các ngài là những người bạn rộn nhất Anh quốc. Nhưng một thám tử tư nhỏ bé như tôi cũng rất bận rộn với khách hàng. Tôi rất tiếc là không thể giúp gì cho các ngài trong việc này. Vì vậy, nếu cứ nói tiếp thì thật lãng phí thời gian của cả đôi bên.

Thủ tướng bật dậy. Trong con mắt kiêu kỳ của ông ta lóe lên ngọn lửa.

- Tôi không quen... - Ông ta xúc động nói. Tuy nhiên, sau khi tự trấn tĩnh lại, ông ngồi xuống.

Mấy phút liền, tất cả chúng tôi đều bất động, không ai nói gì. Rồi ngài Trelawney nhún vai nói:

- Thưa ông Holmes, chúng tôi chấp nhận điều kiện của ông. Ông nói đúng, chỉ có hoàn toàn tin tưởng ông thì ông mới có thể làm việc được. Tôi tin tưởng vào ông cũng như cộng sự của ông, ông Watson, vì thế tôi sẽ nói cho các ông biết mọi chuyện. Bởi vì, một khi câu chuyện này bị lộ ra, đất nước chúng ta sẽ gặp phải những tai họa không lường hết được.

- Ngài có thể hoàn toàn tin tưởng vào chúng tôi.

Thủ tướng nhìn thẳng vào mắt Holmes, chậm rãi nói:

- Chuyện là thế này, đó là một bức thư của một quốc vương. Ông ta tỏ ra lo ngại trước tình hình thuộc địa của Anh tăng lên nhanh chóng. Bức thư được viết vội vàng trong lúc vị quốc vương đó đang bức tức. Qua điều tra chúng tôi thấy, những quan chức của ông ta cũng không biết việc này. Lời lẽ trong thư rất gay gắt, có một số câu còn sắc mùi khiêu khích. Vì vậy, nếu bức thư được công bố, dư luận sẽ rất xôn xao. Tôi dám khẳng định rằng, nếu bức thư lộ ra thì nước Anh sẽ bị cuốn vào một cuộc chiến tranh lớn.

- Ngài đã báo tin cho người viết bức thư chưa?

- Báo rồi. Bức thư viết bằng mật mã và mới được chuyển đi.

- Có lẽ người viết bức thư muốn công bố nó chăng?

- Không! Chúng tôi có cơ sở để tin rằng người viết bức thư đã hiểu được sự thiếu thận trọng và đường đột của mình. Nếu bức thư được công bố thì có lẽ những gì mà đất nước ông ta phải gánh chịu còn nặng nề hơn chúng ta nhiều.

- Vậy thì, nếu bức thư được công bố, sẽ có lợi cho ai? Người ta đánh cắp nó để làm gì?

- Ông Holmes, việc này liên quan đến tình hình chính trị châu Âu vốn đã rất căng thẳng. Châu Âu có hai thế lực chính trị cân bằng về lực lượng đang đối lập nhau. Anh quốc hiện nay đang thi hành chính sách trung lập, và có thể coi là đang giữ thăng bằng cho cán cân ấy. Nếu chúng ta bị lôi kéo vào

một cuộc chiến tranh với một liên minh, thì liên minh kia sẽ có ưu thế hơn cho dù họ có tham chiến hay không. Điều này chắc ông cũng hiểu.

- Ngài nói rất rõ ràng! Như vậy thì cũng có nghĩa là kẻ thù của vị quốc vương rất quan tâm đến bức thư này phải không?

- Đúng vậy.

- Nếu thế thì ai là người có thể chuyển bức thư này đi?

- Bất cứ chính phủ nào ở châu Âu. Rất có thể bây giờ bức thư đang được chuyển đi với một tốc độ khủng khiếp. - Ông Bộ trưởng nói xong thì cúi đầu xuống, tâm trạng vô cùng nặng nề.

Thủ tướng nhẹ nhàng đặt tay lên vai ông ta:

- Đây thật sự là một nỗi bất hạnh, nhưng không ai có ý định kết tội ông đâu.

- Chúng ta sẽ áp dụng mọi biện pháp để phòng ngừa... Bây giờ ông khuyên chúng tôi nên làm gì?

- Ý ngài là nếu không tìm được bức thư thì chiến tranh sẽ xảy ra?

- Tôi nghĩ hoàn toàn có thể.

- Vậy thì thưa các ngài, các ngài hãy chuẩn bị cho cuộc chiến tranh ngay đi thôi!

- Ông Holmes, ông không thấy đó là những lời quá tàn nhẫn sao? Lẽ nào ông không thể giúp chúng tôi?

- Hãy suy nghĩ một cách thực tế, thưa ngài! Tôi không tin là bức thư bị mất sau 11 giờ 30 phút đêm đâu. Vì từ lúc ấy cho đến khi phát hiện ra việc bức thư bị mất, thì ngài Trelawney và phu nhân đều ở trong phòng ngủ. Có thể dự đoán rằng, bức thư đã bị mất vào khoảng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút. Có lẽ khoảng hơn 7 giờ 30 phút một chút. Bởi khi đã biết bức thư ở đâu, kẻ cắp sẽ cố gắng lấy nó càng sớm càng tốt. Đã vậy thì giờ này bức thư đang ở đâu? Kẻ cắp sẽ nhanh chóng chuyển nó đến tay người đang cần. Vậy thì chúng ta không còn có cơ hội nào để tìm lại bức thư, cũng như tóm cổ tên ăn cắp. Có thể nói, việc này đúng là vô vọng!

Thủ tướng đứng dậy, rời khỏi ghế bành. Ông tán thành nhận định của Holmes:

- Ông Holmes, những điều ông nói rất logic, tôi thấy chúng ta không còn cơ hội nào, và cũng không thể làm gì nữa.

- Để giải quyết vấn đề này, hãy nghĩ đến giả thiết là bức thư do cô hầu phòng hoặc người hầu của ngài lấy đi...

- Họ đều đã ở với chúng tôi rất lâu và rất đáng tin cậy. - Bộ trưởng vẫn giữ nguyên ý kiến của mình.

- Tôi nhớ ngài đã nói, phòng ngủ của ngài trên tầng hai, mà ở đó lại không có cửa thông trực tiếp ra ngoài, vì thế nếu có người ngoài vào nhà thì mọi người sẽ phát hiện ra ngay. Từ đó có thể thấy, chỉ có người ở trong nhà ngài phạm tội mà thôi. Vấn đề là tên trộm đã giao tài liệu cho ai? Có lẽ hắn đã giao cho một tên gián điệp, hay đặc vụ quốc tế, mà những người này thì tôi biết khá rõ. Có ba người được coi là trùm sò trong số họ. Tôi sẽ tiến hành điều tra từng người một, xem họ có còn ở Anh nữa không. Nếu chỉ một người nào đó trong bọn họ rời khỏi thành phố, nhất là đi vào chiều hôm qua, thì chúng ta có thể biết được bức thư đã biến đi đâu.

- Vì sao tên điệp viên phải đi? - Bộ trưởng thắc mắc - Hắn có thể mang thư đến một sứ quán nào đó.

- Các điệp viên thường không có ý định trao những thành quả của họ cho sứ quán.

Ngài Thủ tướng gật đầu tán thành ý kiến của Holmes:

- Tôi nghĩ ông hoàn toàn có lý và tin tưởng vào những điều ông nói. Ông Trelawney, chúng ta cũng không nên vì việc này mà coi nhẹ việc khác. Hôm nay, nếu có bất kỳ tin tức gì, chúng tôi sẽ lập tức thông báo cho ông. Và cũng hy vọng ông kịp thời cho chúng tôi rõ về tình hình điều tra của mình.

Nói rồi, hai vị khách cúi chào, cáo từ chúng tôi, ra về với vẻ rất trang nghiêm.

Sau khi họ ra về, tôi giở các tờ báo buổi sáng ra, chăm chú đọc tin tức về vụ án mạng ghê sợ xảy ra vào tối hôm qua. Lúc ấy Holmes ngồi bên cạnh, im lặng, thờ dãi. Anh đang mê mải với những suy tưởng của mình. Đột nhiên anh đứng bật dậy, đặt tẩu thuốc lên bàn và reo lên:

- Đúng! Tình thế rất căng, nhưng vẫn chưa hết hy vọng. Giờ nhiệm vụ của chúng ta là phải làm rõ ai đã lấy bức thư; có lẽ thư vẫn còn trong tay

hắn. Suy cho cùng, chắc chúng chỉ quan tâm tới tiền mà thôi. Rất có thể bức thư còn trong tay bọn chúng, như vậy là tôi có thể dùng tiền của chính phủ để mua lại được. Chỉ có ba người mạo hiểm như vậy thôi, đó là Oberstein, La Rothière và Eduardo Lucas. Tôi sẽ phải tới thăm họ, từng người một.

Tôi liếc nhìn lại tờ báo sáng:

- Anh vừa nhắc đến Eduardo Lucas ở đường Godolphin phải không?
- Đúng.
- Anh sẽ không gặp được hắn ta nữa đâu!
- Tại sao?
- Tối qua hắn đã bị sát hại tại nhà.

Holmes kinh ngạc nhìn tôi, rồi giơ tay ra giật lấy tờ báo, đọc ngẫu nhiên toàn bộ nội dung như sau:

Vụ mưu sát ở tu viện Westminster

Buổi tối hôm qua, một vụ án mạng kỳ lạ đã xảy ra tại số nhà 16, đường Godolphin. Con đường yên tĩnh này nằm giữa sông Thames và tu viện Westminster. Bị che khuất bởi tu viện, hai bên đường là những căn nhà cũ kỹ được xây dựng từ thế kỷ XVIII. Ngôi nhà số 16 là một ngôi nhà cổ kính, xinh xắn và ngài Eduardo Lucas, một nhân vật nổi tiếng trong giới quý tộc, đã ở đó nhiều năm. Ngài là một người vui tính, dễ gần, là một trong những giọng ca nam cao được ưa chuộng nhất Anh quốc.

Ngài Lucas năm nay 34 tuổi, chưa lập gia đình. Đây tổ trong nhà có một nữ quản gia tên là Pringle và người hầu nam Mitton. Bà quản gia ngủ trên gác xép và đã lên phòng mình từ rất sớm; còn người hầu nam đêm đó không có nhà, anh ta đi thăm một người bạn.

Sau 10 giờ đêm, chỉ còn một mình ngài Lucas trong nhà. Lúc đó đã xảy ra những gì, cho đến giờ, cảnh sát vẫn chưa điều tra được rõ. Đến 12 giờ kém 15, viên cảnh sát tuần tra qua nhà và thấy cửa chính hé mở. Anh ta bèn gõ cửa nhưng không thấy động tĩnh gì. Vì bên trong vẫn sáng đèn nên anh đi tiếp vào hành lang, rồi gõ cửa nhưng vẫn im lìm. Thấy vậy, anh đẩy cửa bước vào.

Khung cảnh bên trong thật là khủng khiếp, đồ đạc bị dồn về một phía, giữa phòng chỉ có một chiếc ghế nằm chổng chơ, và xác ngài Lucas ngay

bên cạnh, một tay ngài nắm chặt chân ghế, chắc chắn đã chết ngay sau nhát dao chí mạng đâm vào tim. Hung khí là một con dao găm Ấn Độ trong bộ sưu tập vũ khí trang trí trên tường. Nó vốn là một vũ khí được chế tác theo kiểu phương Đông. Động cơ của vụ án, theo điều tra ban đầu, không nhằm mục đích ăn trộm, bởi những đồ vật quý giá trong nhà vẫn còn nguyên.

Ngài Lucas vốn rất nổi tiếng và được mọi người yêu quý. Vì thế, bi kịch và cái chết bí ẩn của ngài đã khiến mọi người bàng hoàng thương tiếc.

Một lúc sau, Holmes nói với tôi:

- Anh Watson, anh nghĩ gì về chuyện này?
- Một sự trùng hợp kỳ lạ!
- Một trong số ba người có khả năng can dự vào việc lá thư bí mật bị lấy cắp đã chết. Quả là kỳ lạ! Hai câu chuyện này chắc chắn có liên quan đến nhau, nhiệm vụ của chúng ta là tìm ra mối liên quan ấy.
- Giờ thì chắc chắn cảnh sát đã biết mọi chuyện rồi!
- Không, họ chỉ biết những gì họ nhìn thấy ở hiện trường mà thôi. Còn những việc xảy ra ở đường Whitehall và sau đó thì chắc chắn họ không hề hay biết... Dù thế nào đi nữa, tôi vẫn nghi ngờ Lucas ở một điểm, đó là đường Godolphin chỉ cách Whitehall mấy phút đi bộ. Còn hai người khác mà tôi nhắc đến lại ở tận khu West End của London. Do vậy, Lucas sẽ dễ dàng trong việc bắt liên lạc và lấy tin tức từ tay chân của các vị quan chức Anh quốc. Cho dù đây chỉ là một chi tiết rất nhỏ, nhưng liên hệ đến vụ án mạng chỉ xảy ra trong mấy tiếng đồng hồ vừa rồi, thì thấy chi tiết này lại trở nên rất quan trọng. Ôi, ai đến thế nhỉ?

Bà Hudson bước vào, trong tay cầm một chiếc khay có đựng danh thiếp của một phụ nữ. Holmes nhắc tấm danh thiếp lên và trên mặt anh lộ ra một thoáng hy vọng. Anh nói với bà Hudson:

- Hãy mời phu nhân Hilda Trelawney Hope vào!

Tôi từng nghe lời ca tụng phu nhân Hilda là người phụ nữ đẹp nhất London. Nhưng cho dù đã nghe qua hay nhìn ảnh, tôi vẫn không thể tưởng tượng được bà ấy lại lộng lẫy đến thế. Tuy nhiên, vào buổi sáng mùa thu hôm đó, ấn tượng đầu tiên về người phụ nữ ấy lại không phải là vẻ đẹp kiêu sa. Cho dù khuôn mặt của bà thật kiều diễm, nhưng vì quá kích động mà trở

nên trắng bệch, đôi môi quyến rũ mím chặt lại. Vì thế, khi bà bước vào phòng, ấn tượng đầu tiên đập vào mắt tôi là bà ta đang vô cùng sợ hãi.

- Thưa ông Holmes, chồng tôi có lẽ đã đến đây phải không?

- Vâng, thưa bà.

- Ông Holmes! Xin đừng nói với chồng tôi về việc tôi đến đây hôm nay.

Holmes gật đầu một cách lạnh lùng:

- Thưa bà, bà làm tôi thật khó nghĩ. Xin mời bà ngồi và nói cho tôi biết yêu cầu của bà. Song tôi e không thể đồng ý với đòi hỏi kỳ lạ của bà.

Phu nhân Hilda đi về phía góc phòng, rồi ngồi quay lưng lại của sổ.

- Ông Holmes! Tôi sẽ thẳng thắn với ông, vì vậy tôi hy vọng ông cũng thế. Tôi biết, tối qua ở nhà tôi đã mất một tài liệu gì đó. Nhưng vì đây là vấn đề chính trị, nên chồng tôi đã không nói gì với tôi. Ngoài một số chính trị gia ra, thì ông là người duy nhất biết mọi chuyện. Vậy xin ông hãy cho tôi biết những gì đã xảy ra và hậu quả của nó như thế nào. Ông đừng vì việc đó ảnh hưởng đến chồng tôi mà không nói với tôi.

- Xin lỗi bà. Tôi không thể trả lời câu hỏi của bà được.

Bà ta thở dài rồi đưa tay ôm mặt:

- Nếu ông không muốn nói thì thôi. Nhưng mong ông vui lòng trả lời một câu hỏi khác.

- Xin bà cứ nói. - Holmes trầm ngâm đáp.

- Vụ việc này có làm ảnh hưởng đến sự nghiệp chính trị của chồng tôi không?

- Thưa bà, nếu việc này không được giải quyết kịp thời thì hậu quả sẽ vô cùng nghiêm trọng.

- Lạy chúa! - Phu nhân Hilda rầu rĩ - Hậu quả sẽ ra sao?

- Thưa bà, câu hỏi đó tôi không thể trả lời được.

- Nếu thế, tôi cũng không làm mất thời gian của ông nữa. Ông Holmes, tôi không trách ông đã quá cẩn trọng, và tôi tin rằng ông cũng không nghĩ xấu về tôi. Bởi tôi chỉ mong được chia sẻ gánh nặng với chồng tôi mà thôi. Một lần nữa, xin ông đừng nói với ông ấy về cuộc nói chuyện hôm nay!

Ra đến cửa, bà ta còn quay đầu lại nhìn chúng tôi một lần nữa, khuôn mặt đẹp đầy xúc động, đôi mắt mở to sợ sệt và đôi môi tái nhợt. Rồi bà ta

biến mất rất nhanh.

Suốt ba ngày sau đó, Holmes tỏ ra rất ít nói. Anh đi đi về về, hút thuốc liên tục, cầm cây đàn vĩ cầm lên kéo một chút rồi lại buông xuống. Anh chìm đắm vào những suy tưởng của mình mà chẳng thiết đến cơm nước, cũng như trả lời những câu hỏi vu vơ của tôi. Điều đó cho thấy công việc điều tra đang tiến hành không được thuận lợi cho lắm. Anh không nói nhiều về vụ án này. Tôi cũng chỉ biết được tin tức vụ án qua những mẩu tin چاپ vá trên báo, như việc bắt giữ John Mitton, người hầu nam của nạn nhân quá cố. Nhưng sau đó anh ta cũng đã được thả. Người ta đã đưa ra phán đoán rằng đây là một vụ giết người có chủ đích, nhưng không thể làm rõ các tình tiết cũng như không bắt được thủ phạm. Động cơ giết người không rõ ràng. Các đồ đạc quý giá và tài liệu trong nhà đều không bị lấy đi. Sau khi nghiên cứu kỹ những thư từ của nạn nhân thì biết được ông ta là một người rất quan tâm đến những vấn đề chính trị quốc tế. Ông ta viết khá nhiều, thư từ trao đổi nhiều vô kể. Ông ta có quan hệ đặc biệt với một số nhà lãnh đạo danh tiếng của vài quốc gia. Còn về quan hệ nam nữ thì khá phức tạp, tuy nhiên, không có mối quan hệ nào lâu bền. Ông ta cũng không có lối sống quá đặc biệt. Cái chết của ông ta vẫn là một nghi vấn đầy bí ẩn. Và điều gì có liên quan đến anh hầu Mitton kia?

Còn về vụ bắt Mitton, theo tôi, đó chỉ là một hành động đánh lừa để chúng ta biết việc điều tra vẫn đang tiếp tục. Tối hôm vụ án xảy ra, Mitton có đi thăm một người bạn, việc này đã được xác nhận chắc chắn. Anh ta thực sự xúc động trước tấn thảm kịch bất ngờ. Một vài vật dụng nhỏ như dao cạo râu được tìm thấy trong vali của Mitton. Nhưng anh ta cũng đã nói rõ đây là quà của ông chủ. Bà quản gia Pringle đã xác nhận điều này. Bà cũng cho biết, hôm đó bà đi ngủ và không hề nghe thấy bất kỳ tiếng động nào. Nếu có khách đến thì chắc chắn ông chủ sẽ đích thân ra mở cửa.

Mãi đến buổi sáng ngày thứ tư, báo chí mới đăng tải một bức điện báo rất dài phát đi từ Paris, bức điện hầu như đã giải quyết mọi vấn đề. Nguyên văn của nó như sau:

“Cảnh sát Paris dường như đã vén được bức màn bí mật về cái chết thảm thương của ngài Eduardo Lucas. - Tờ “Daily Telegraph” viết - Độc

giả hản còn nhớ vụ án mạng thảm khốc xảy ra với ngài Lucas tại nhà riêng, trong tuần này. Người hầu phòng của ngài đã bị tình nghi, nhưng quá trình điều tra cho thấy, anh này vô tội.

Hôm qua, một vài người hầu đã trình báo với cảnh sát Paris về những hành vi bất thường của phu nhân Henri Fournaye của họ. Bà ta đang sống ở một căn hộ nhỏ trên đường Austerlitz. Khám nghiệm của các nhân viên y tế cho thấy, bà Fournaye từ lâu đã mắc chứng nóng giận không kiềm chế được. Theo điều tra, bà Henri đã quay về Paris từ London vào thứ ba vừa rồi. Có nhiều cơ sở để chứng minh rằng, chuyến đi này của bà ta có liên quan mật thiết đến vụ án mạng tại Westminster. Đối chiếu và phân tích các bức ảnh cho thấy, trên thực tế Henri Fournaye và Eduardo Lucas là một. Không rõ vì lý do gì mà ông Lucas phải sống một cuộc sống hai mặt ở London và Paris. Bà Fournaye là người vùng Creole, mắc chứng động kinh, nên rất dễ bị kích động. Có lẽ vì quá ghen tuông mà bà ta trở nên điên loạn, và đó là nguyên nhân dẫn đến cái chết làm kinh động cả thành London. Trước mắt, hành vi của bà ta trong đêm thứ hai vẫn chưa được làm rõ. Tuy nhiên, vào sáng sớm thứ ba, có một người phụ nữ rất giống bà Fournaye đã xuất hiện trên sân ga Charing Cross với vẻ mặt rồ dại và những cử chỉ điên loạn, nên đã bị mọi người chú ý. Vì thế, rất có thể là bà đã giết ông Lucas trong trạng thái không tỉnh táo, hoặc do hành vi giết người này mà trở nên điên loạn. Hiện tại, bà vẫn chưa thể nhớ hết những việc xảy ra trong quá khứ; bác sĩ cũng nói điều này là không thể. Có người đã làm chứng, vào buổi tối thứ hai, một người phụ nữ nào đó đã đứng trên đường Godolphin mấy tiếng liền, và nhìn chăm chú vào nhà của ngài Lucas. Có lẽ người phụ nữ đó chính là bà Fournaye”.

Tôi đọc hết bài báo cho Holmes nghe, khi anh đã dùng xong bữa điểm tâm.

- Anh nghĩ gì về bài báo này?

Holmes đứng dậy đi đi lại lại trong phòng, trầm ngâm nói:

- Thật ra, những tin tức đến từ Paris không có ích gì cho chúng ta cả!
- Nhưng đã làm sáng tỏ được cái chết của ngài Lucas đấy chứ?

- Cái chết của Lucas chỉ là một phần rất nhỏ so với nhiệm vụ của chúng ta. Mục đích của chúng ta là phải tìm ra bức thư để cứu cả châu Âu khỏi một cuộc chiến tranh. Trong ba ngày qua, chỉ có một việc đáng quan tâm nhất là chưa có việc gì xảy ra. Cả châu Âu vẫn chưa có dấu hiệu bất an. Lẽ nào bức thư đã bị thất lạc? Không, điều này là không thể. Vậy, nếu nó chưa mất, thì giờ đang ở đâu? Ai đang giữ bức thư? Và tại sao phải làm vậy? Cái chết của Lucas và việc bức thư bị mất có liên quan gì với nhau? Có phải Lucas bị giết đúng vào buổi tối bị mất lá thư? Ông ta đã nhận được bức thư chưa? Nếu đã nhận rồi thì sao lại không tìm thấy trong đồng tài liệu ở nhà ấy? Phải chăng bà vợ điên khùng của ông ta đã lấy nó đi? Tôi có thể tìm thấy nó mà không làm cho cảnh sát Pháp nghi ngờ được chăng? Nếu tôi thành công trong vụ án này, thì sự nghiệp của tôi sẽ vô cùng hiển hách. À mà lại có tin tức mới rồi! - Anh bóc vội bức thư vừa nhận trên tay, rồi cười nói với tôi: - Hình như Lestrade đã tìm ra được điều gì đó thú vị thì phải. Watson, chúng ta hãy cùng đến tu viện Westminster nào!

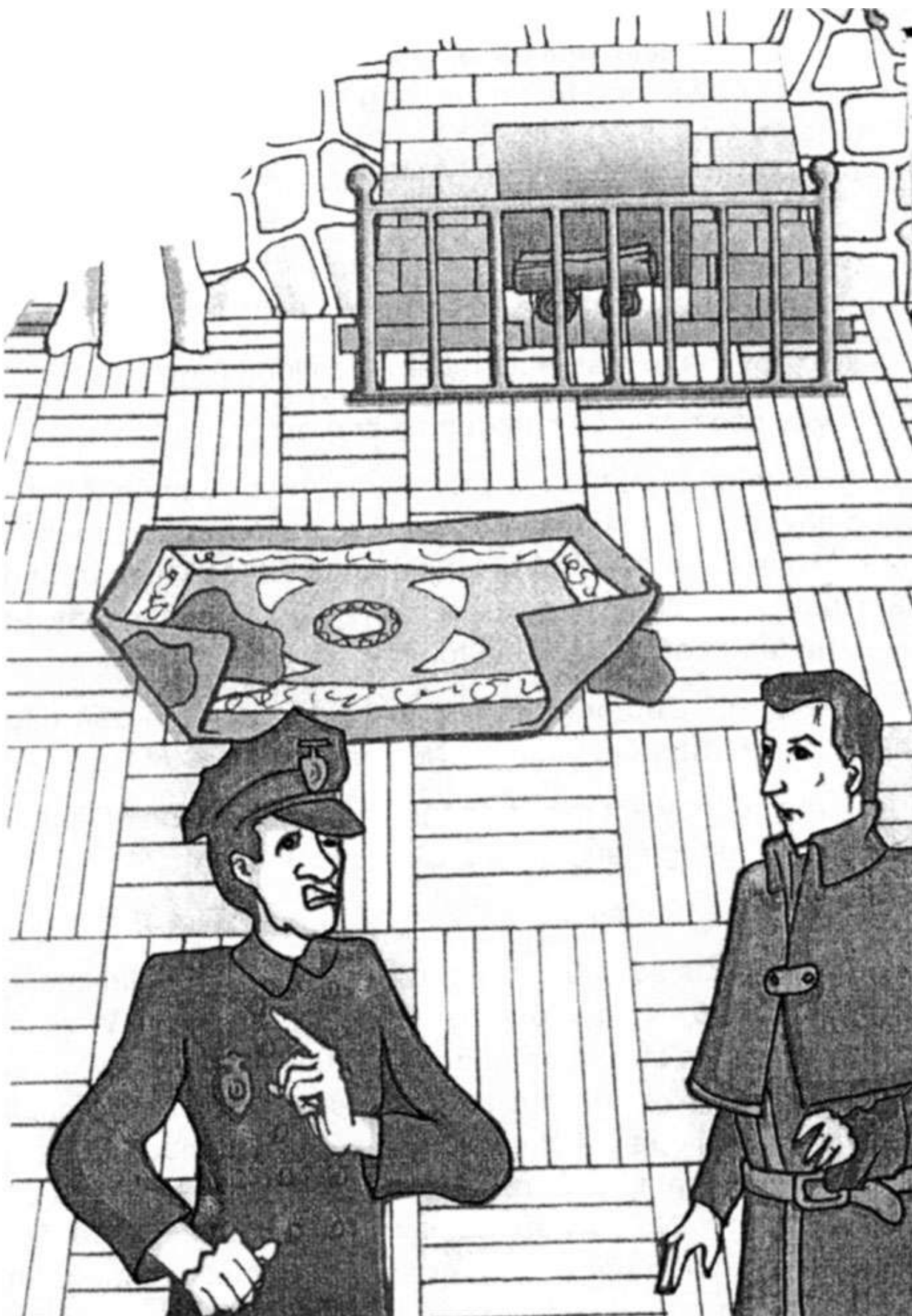
Đây là lần đầu tiên tôi nhìn thấy hiện trường vụ án. Ngôi nhà khá cao và xây dựng rất kiên cố, hợp lý, thoáng đãng, nhưng không đẹp lắm. Một cảnh sát ra đón và mời chúng tôi vào phòng. Chúng tôi bước tới và thấy trong phòng ngoài vết máu hiện rõ trên tấm thảm ra thì không còn dấu vết nào khác. Tấm thảm làm bằng nỉ dày được trải ngay giữa phòng; nền nhà gỗ ghép được lau sáng bóng. Trên tường treo bộ sưu tập các loại vũ khí nổi tiếng của nạn nhân, con dao hung khí cũng là một trong số đó. Một chiếc bàn viết cổ rất đắt tiền đặt cạnh cửa sổ. Đồ đạc trang trí trong phòng như tranh sơn dầu, những tấm thảm nhỏ và các vật treo trên tường đều rất đẹp, trang nhã và đắt tiền. Lestrade hỏi Holmes:

- Ông đã đọc được tin từ Paris chưa?

Holmes gật đầu. Lestrade nói tiếp:

- Những người bạn Pháp của chúng ta đã tìm được những tình tiết quý giá. Tôi thấy họ nói rất có lý. Đó là một vị khách ngoài ý muốn. Vì ông Lucas không thể để vợ đứng ở ngoài được, nên đành phải mời bà ta vào nhà. Bà Lucas chắc đã nói về những chuyện ong bướm của ông ta, và rồi không kìm nổi, đã xông tới xỉ vả chồng. Rồi vợ lấy con dao treo trên tường, bà ta

xông vào đâm chông. Tuy nhiên, không phải chỉ một nhát dao đã khiến nạn nhân mất mạng. Ông có thể nhìn thấy cái ghế đổ ở bên cạnh, một tay Lucas còn nắm chặt chân ghế. Ông ta muốn dùng cái ghế để ngăn bà Lucas lại.



Holmes mở to mắt, nhướn cao hàng lông mày:

- Vậy các ông còn cần đến tôi làm gì?

- Bởi vì tôi phát hiện ra một chi tiết nữa rất khác thường. Sáng nay tôi đã cho tiến hành mai táng nạn nhân, vụ án cũng có thể khép lại. Vì thế chúng tôi chuẩn bị thu dọn hiện trường. Tăm thắm không dính chặt xuống nền nhà như thường thấy. Và khi nâng tấm thắm lên, chúng tôi thấy...

- Thấy gì? Các ông thấy cái gì? - Holmes hỏi dồn dập, chứng tỏ anh rất quan tâm đến việc này.

- Ông có thấy vết máu trên tấm thắm này không? Đáng lẽ phải có một lượng máu đáng kể thấm qua thắm chứ?

- Đúng! Lẽ ra phải thế.

- Nhưng trên sàn gỗ, ngay chỗ tấm thắm đè lên, lại không có vết máu nào. Ông không cảm thấy kỳ lạ sao? - Vừa nói Lestrade vừa lật tấm thắm cho chúng tôi xem - Đáng lẽ vết máu trên tấm thắm và trên sàn phải ở cùng một chỗ, chắc chắn phải để lại dấu vết chứ. Đúng là có hai vết máu, nhưng vị trí vết máu thứ hai không trùng với vết máu thứ nhất, ông có thể thấy rất rõ. - Nói rồi, Lestrade lại lật một mặt khác của tấm thắm lên, ngay lập tức chúng tôi nhìn thấy một vết máu nâu thẫm trên nền gỗ - Ông Holmes, ông nghĩ sao về chuyện này?

- Rất đơn giản, hai vết máu vốn trùng nhau, nhưng đã có người thay đổi vị trí tấm thắm. Tấm thắm hình vuông, lại không cố định nên việc di chuyển rất dễ dàng.

- Cảnh sát chúng tôi cũng tự biết những điều đó chứ, vấn đề là ai đã dịch chuyển và tại sao lại dịch chuyển nó? Tôi hiểu được vẻ mặt trầm ngâm của Holmes lúc này, nó cho thấy anh đang rất xúc động. Lát sau, Holmes mới hỏi:

- Các ông luôn cho cảnh sát túc trực ở hiện trường phải không?

- Vâng.

- Hãy làm theo lời tôi, tra hỏi anh ta tới nơi tới chốn, có lẽ anh ta sẽ thú nhận thôi. Đừng hỏi anh ta có cho ai vào không, mà nói chúng ta biết có người đã vào phòng. Hãy ép anh ta nói ra và khẳng định chỉ có thành thật thì

anh ta mới có hy vọng được tha thứ. Ông hãy làm đi, chúng tôi không chứng kiến việc đó đâu!

- Tôi thề là sẽ bắt anh ta nói ra sự thật. - Ông ta chạy sang phòng bên cạnh. Và ngay sau đó, chúng tôi nghe thấy tiếng quát tháo ầm ĩ.

Lestrade đi rồi, Holmes tỏ ra rất kích động, anh cuống quýt:

- Watson, hãy xem này! - Anh nhanh chóng lật phăng tấm thảm lên, quỳ xuống gõ gõ lên sàn, dùng tay lần từng ô vuông gỗ lát sàn. Đột nhiên một miếng ván lát bật lên, để lộ ra một cái hộp bí mật. Holmes vội đưa tay vào tìm kiếm, thế nhưng sau khi lôi chiếc hộp ra, anh rên lên vì tức giận và thất vọng: Cái hộp bí mật trống không!

- Nhanh lên Watson, phải đặt tấm thảm lại chỗ cũ!

Khi chúng tôi vừa lắp xong tấm ván sàn, trải tấm thảm lên như cũ, thì cũng là lúc nghe thấy tiếng của Lestrade. Khi ông ta bước vào thì Holmes đã tựa vào lò sưởi với vẻ kiên nhẫn, cố ghìm những cái ngáp dài.

- Xin lỗi để ông đợi lâu, ông Holmes. MacPherson! Vào đây! Và hãy nói rõ cho chúng tôi nghe cái việc ngu ngốc mà cậu đã làm.

Chàng cảnh sát to cao chúng tôi gặp ngoài cửa vừa nãy lồm lũi bước vào, mặt đầy vẻ hối hận:

- Thưa ngài, quả thật tôi không có ý làm việc gì xấu cả. Tối hôm qua có một phụ nữ trẻ rẽ vào đây. Bà ta nói mình tìm nhầm nhà. Chúng tôi có nói chuyện với nhau một lúc. Suốt ngày đứng một mình quả là khá buồn...

- Được rồi. Còn sau đó thì sao?

- Bà ta muốn ngó qua hiện trường vụ án một chút, vì bà ta bảo đã đọc về vụ án mà báo chí đã đưa tin và thấy rất tò mò. Đó là một phụ nữ vô cùng xinh đẹp và rất duyên dáng, nên tôi nghĩ, để cho bà ta ngó qua một chút chắc không có chuyện gì. Nào ngờ vừa nhìn thấy vết máu thì bà ta đã quỵ xuống, bất tỉnh. Tôi chạy vội vào bếp mang ra ít nước, nhưng bà ta vẫn không tỉnh lại. Tôi chạy ngay ra ngoài mua một chai rượu brandy. Nhưng lúc tôi quay lại thì bà ta đã biến mất rồi. Có lẽ bà ta thấy xấu hổ khi gặp lại tôi...

- Thế không ai động đến tấm thảm chứ?

- Lúc tôi quay lại, tấm thảm đã hơi bị xô dịch một chút. Tôi đoán có lẽ do bà ta đã ngã lên đó, mà tấm thảm lại không được cố định, nên mới vậy. Vì

thế, tôi đã đặt nó ngay ngăn trở lại.

Lestrade nói giọng đe dọa:

- MacPherson, cậu tưởng hành vi bỏ bê vị trí canh gác của cậu có thể che mắt được mọi người sao? Vừa vào tôi đã nhận ra ngay có người đã vào phòng. Thật may là không mất gì. Nếu không thì coi như cậu toi đời rồi. Ông Holmes, rất tiếc là tôi đã gọi ông tới đây vì một việc không đâu này. Nhưng tôi cho rằng vết máu thứ hai, vết không trùng lên vết thứ nhất, sẽ khiến ông quan tâm.

- Người phụ nữ đó chỉ đến đây một lần thôi sao? - Holmes hỏi lại lần nữa.

- Vâng, đúng một lần.

- Tên bà ta là gì?

- Tôi không biết. Bà ta nói là đi tìm nhà nhưng vào nhầm. Bà ta rất nhã nhặn và lịch sự.

- Bà ta rất xinh đẹp?

- Vâng, bà ta quả là một phụ nữ vô cùng duyên dáng và quyến rũ.

- Bà ta ăn mặc ra sao? Lúc đó là mấy giờ?

- Bà ta ăn mặc rất lịch sự và trang nhã. Tôi còn nhớ đó là một bộ váy dài chấm đất. Khi tôi mua rượu trở lại thì đèn phố đã bật sáng.

- Rất tốt. Watson, đi thôi! Chúng ta phải đến một nơi khác để giải quyết một việc rất quan trọng.

Lúc chúng tôi ra đi, anh chàng cảnh sát hối hận chạy theo mở cửa cho chúng tôi. Holmes quay người lại, đưa một vật ra trước mặt viên cảnh sát. Chỉ thấy anh ta đứng sững lại, mắt mở to đầy vẻ kinh ngạc. Holmes ra hiệu cho anh ta không được nói gì, rồi cất món đồ vào túi áo ngực, đặc ý đi ra đường. Anh thốt lên sung sướng:

- Thật là tuyệt vời, anh bạn ạ! Bức màn bí mật cuối cùng đã được vén lên rồi. Chỉ cần chút mẹo nhỏ thì sẽ không ai bị ảnh hưởng bởi sự cố kinh khủng này. Chiến tranh không thể xảy ra! Danh tiếng chói lọi của Thủ tướng sẽ không bị lu mờ. Quốc vương thiếu cần trọng sẽ được ngủ yên. Còn vị Bộ trưởng đáng thương cũng sẽ không phải tháo gỡ ngòi nổ của chiến tranh.

- Anh đã làm rõ tất cả rồi sao? - Tôi kinh ngạc kêu lên, trong lòng vô cùng khâm phục Holmes.

- Cũng chưa hoàn toàn như vậy. Watson, giờ chúng ta hãy đi thẳng đến phố Whitehall để làm nốt phần việc còn lại.

Khi chúng tôi đến nhà Trelawney Hope, người mà Holmes muốn gặp lại là phu nhân Hilda. Thấy chúng tôi bước vào, phu nhân Hilda mặt đỏ bừng bừng, tức giận nói:

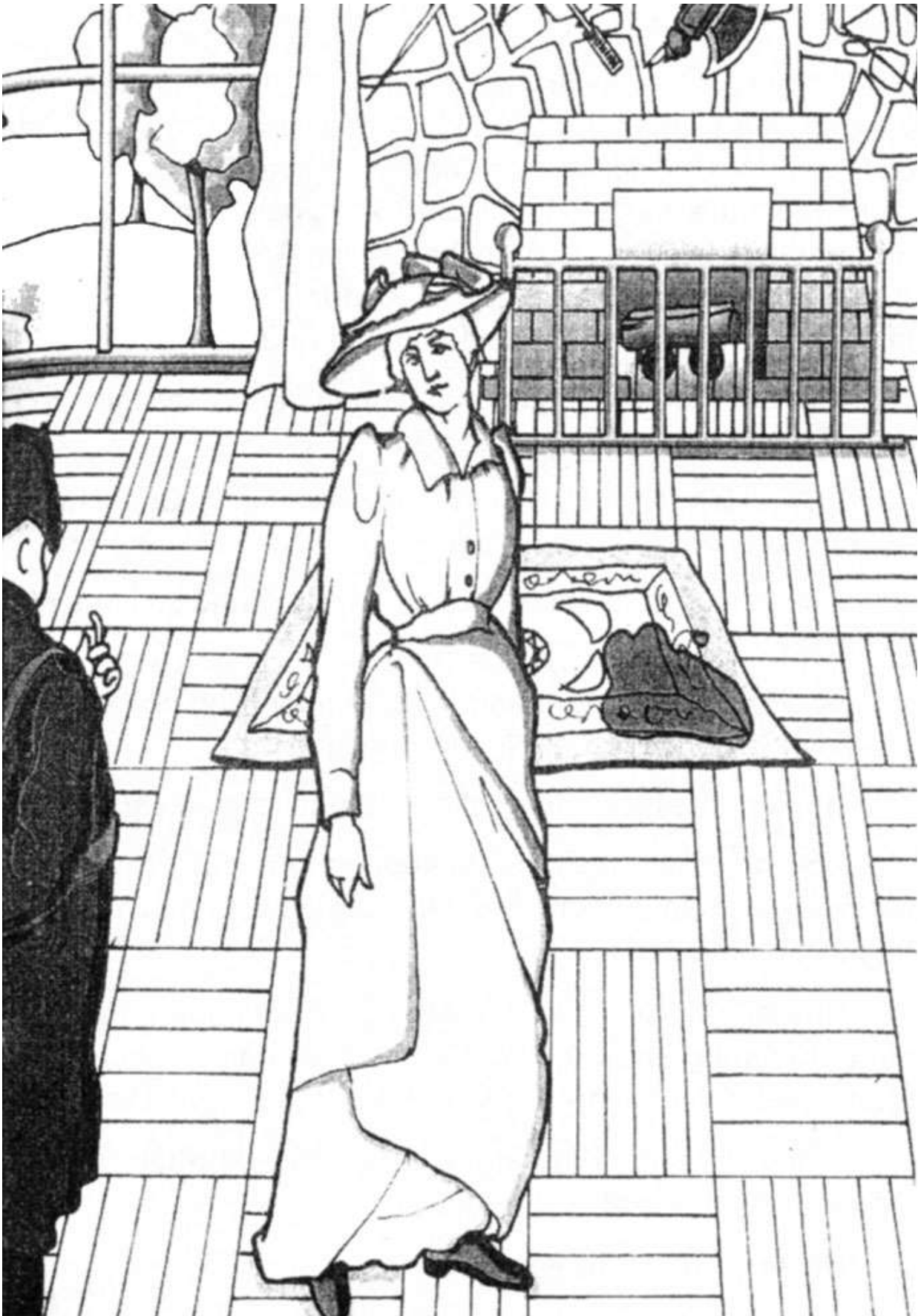
- Ông Holmes, ông thật không cao thượng chút nào. Tôi đã giải thích rõ và hy vọng ông giữ bí mật việc tôi đến tìm ông để chồng tôi không nghi ngờ tôi can dự vào chuyện của ông ấy. Vậy mà giờ ông lại đến tận đây? Ông đã làm hại đến thanh danh của tôi!

- Rất tiếc là tôi không có cách nào khác, thưa bà! Tôi đã hứa là sẽ tìm ra bức thư quan trọng đó. Vì vậy chỉ còn cách đến đề nghị bà giao nó lại cho tôi.

Phu nhân Hilda đứng bật dậy, khuôn mặt xinh đẹp biến sắc, đến nỗi làm tôi có cảm giác bà sắp ngất xỉu. Nhưng không, bà ta có một nghị lực thật phi thường.

- Ông Holmes, ông đang hạ nhục tôi! - Bà ta giận dữ thét lên, định bấm chuông gọi người hầu - Sẽ có người đến mời ông ra ngay lập tức.

- Thưa bà, nếu bà ấn chuông thì mọi ý định chân thành của tôi sẽ đổ xuống sông xuống biển hết! Chỉ cần bà giao lại thư cho tôi thì mọi việc sẽ được giải quyết ổn thỏa. Còn nếu bà không nghe, buộc lòng tôi phải tố cáo bà. Tôi biết bà đã đến nhà ông Lucas, đưa bức thư cho ông ta. Tôi còn biết, tối hôm qua, bà đã “vô tình” ghé thăm lại nơi đó, và tôi cũng biết bà đã lấy bức thư từ nơi cất giấu bí mật dưới tấm thảm như thế nào.



Mặt bà Hilda trở nên tái mét, không dám nhìn Holmes. Bà ta ngớ ra, không nói được câu nào.

- Ông Holmes, ông điên rồi, điên thật rồi! - Cuối cùng bà ta cũng kêu lên, giọng đầy thất vọng.

Holmes lấy trong túi áo ngực ra tấm ảnh nhỏ của phu nhân Hilda cắt từ trên báo và nói:

- Lúc nào tôi cũng mang theo, vì nghĩ rằng nó sẽ có ích. Viên cảnh sát ở đó cũng đã nhận ra bà.

Bà ta ngồi phịch xuống ghế, đầu ngả ra phía sau, bất lực.

- Bà đang giữ bức thư! Tôi không muốn quấy rầy bà nữa. Mọi việc sẽ chấm dứt êm đẹp nếu bà giao bức thư cho tôi. Xin bà hãy làm theo lời tôi!

Phu nhân Hilda quả là một phụ nữ rất ngoan cố, nhưng cũng đầy dũng khí. Sự việc đã đến nước này rồi, mà bà vẫn nhất quyết không nhận:

- Ông Holmes, tôi phải nhắc lại với ông rằng tất cả những điều ông nói thật hoang đường.

Holmes nhồm dậy khỏi ghế:

- Phu nhân, tôi thật sự cảm thấy tiếc cho bà. Tôi đã làm tất cả những gì có thể để giúp bà, nhưng bà đã không đáp lại tấm thịnh tình của tôi. Vậy thì tùy bà!

Nói rồi, anh ấn chuông. Viên quản gia bước vào, anh hỏi:

- Ngài Hope có nhà không?

- Thưa ngài, ông chủ sẽ về nhà lúc 1 giờ kém 15 phút.

Holmes rút đồng hồ ra liếc nhanh:

- Còn mười lăm phút nữa, tôi sẽ đợi ông ấy.

Viên quản gia vừa bước ra khỏi phòng thì phu nhân Hilda đã sụp xuống dưới chân Holmes. Bà ngẩng nhìn Holmes, lệ ngấn đầy hai khoé mắt, khẩn cầu:

- Ông Holmes, xin ông hãy thứ lỗi cho tôi! Hãy vì Chúa mà thứ lỗi cho tôi, xin đừng nói gì với ông ấy, kéo ông ấy sẽ bị tổn thương nặng nề!

Holmes đỡ phu nhân Hilda dậy.

- Rất tốt, thưa bà. Cuối cùng thì bà cũng đã nghĩ lại. Vậy hiện giờ bức thư đang ở đâu? Chúng ta không nên để phí một giây nào nữa!

Phu nhân Hilda vội vàng chạy lại chỗ bàn viết, mở ngăn tủ, lấy ra một bức thư có phong bì màu xanh da trời.

- Thư đây, thưa ông. Tôi thề là tôi chưa hề mở nó ra xem.

Holmes nói nhỏ với bà:

- Làm thế nào để trả bức thư về chỗ cũ? Chúng ta phải nghĩ ra cách gì đó, phiền bà mang chiếc hộp đựng thư lại đây!

Một phút sau, phu nhân Hilda quay lại với cái hộp nhỏ rất tinh xảo trên tay.

- Chắc chắn bà có chìa khóa dự phòng. Vậy hãy mau mở hộp ra!

Hilda lấy từ trong áo ra một chiếc chìa khóa, rồi nhanh chóng mở chiếc hộp. Trong đó có đầy giấy tờ, tài liệu. Holmes nhét phong thư vào giữa những tài liệu sát đáy hộp và kẹp nó vào giữa hai tờ giấy. Sau khi khóa lại, anh bảo phu nhân Hilda hãy khéo léo đặt nó về chỗ cũ. Xong việc, Holmes thở phào nhẹ nhõm:

- Mọi việc coi như đã hoàn tất. Chỉ mười phút nữa chồng bà sẽ về. Tôi sẽ lo liệu phần còn lại, bảo đảm bí mật này cho bà. Còn giờ, bà hãy thẳng thắn nói cho tôi biết mục đích thật sự của bà khi lấy bức thư này là gì.

- Tôi sẽ thú thật hết với ông, ông Holmes. Nhưng xin ông hãy giúp đỡ tôi. Khắp London, không có người đàn bà nào yêu chồng hơn tôi. Nhưng nếu ông ấy biết việc tôi phải làm, dù là bắt buộc đi chăng nữa, ông ấy sẽ vẫn không tha thứ cho tôi. - Phu nhân Hilda đau khổ rên rỉ.

- Mời bà bắt đầu, vì thời gian không còn nhiều nữa.

- Mọi việc bắt nguồn từ một bức thư tôi viết trước khi kết hôn, chỉ là những lời viết ra trong lúc tôi quá xúc động mà thôi. Đó là bức thư của một cô gái đa cảm đang yêu. Trong thư không có điều gì xấu xa cả, nhưng nếu chồng tôi biết, có lẽ ông ấy sẽ nghĩ đó là hành vi tội lỗi. Nếu chồng tôi đọc được lá thư đó, chắc chắn ông ấy sẽ không còn tin tôi nữa. Nhiều năm trôi qua, tôi dường như đã quên bằng nó. Nhưng rồi Lucas xuất hiện, nói bức thư đang trong tay ông ta, và dọa là sẽ giao nó cho chồng tôi. Tôi van xin ông ta hãy buông tha cho tôi. Ông ta nói, chỉ khi tôi lấy tài liệu trong cái hộp của chồng tôi đưa cho ông ta, thì ông ta mới trả lại bức thư. Ông ta đảm bảo việc này sẽ không ảnh hưởng sự nghiệp cũng như danh dự của chồng tôi. Ông ta

còn nói rõ cho tôi biết rằng, tài liệu đó được để trong hộp đựng tài liệu mật của chồng tôi. Một điệp viên nào đấy trong chính phủ đã thông báo cho ông ta biết việc này. Ông Holmes, ông thử nghĩ xem tôi nên làm thế nào?

- Hãy thú nhận hết với chồng bà!

-Ồ không, tôi không thể làm như vậy được, thưa ông Holmes. Tôi không hiểu tài liệu đó mà mất thì có ảnh hưởng to lớn như thế nào đến chính trị, nhưng niềm tin trong tình yêu thì tôi biết, đó là một điều vô cùng thiêng liêng. Ông Holmes, chính tôi đã lấy dấu chìa khóa và đưa nó cho Lucas, để ông ta làm chiếc thứ hai. Tôi mở được hộp một cách dễ dàng, lấy chiếc phong bì xanh như lời ông ta dặn, và mang nó đến nhà ông ta.

- Khi bà đến đó, chuyện gì đã xảy ra?

- Tôi đến vào đúng giờ ông ta đã hẹn, Lucas ra mở cửa. Tôi không dám đóng kín cửa chính vì sợ phải ở một mình với Lucas. Bây giờ tôi mới nhớ lại rằng, lúc tôi bước vào nhà, có một người đàn bà trông mặt rất hung dữ đang đứng ở ngoài đường. Chúng tôi trao đổi rất nhanh hai lá thư cho nhau. Đúng lúc ấy, có tiếng động mạnh ở gần và tiếng bước chân vang lên ngoài hành lang. Lucas vội vàng lật tấm thảm lên, nhanh chóng giấu chiếc phong bì xuống dưới chỗ cất bí mật, rồi lại đặt tấm thảm lên như cũ. Những việc xảy ra sau đó thật giống như trong cơn ác mộng. Tôi thấy một người phụ nữ xông vào với bộ mặt xám đen ngậy đại. Bà ta vô cùng tức giận, quát mắng Lucas bằng tiếng Pháp: “Sự chờ đợi của tao quả không vô ích, cuối cùng đã bắt được mày và tình nhân ở cùng nhau”. Họ lao vào nhau vô cùng dữ tợn. Ông Lucas cầm một chiếc ghế, còn người phụ nữ nọ tay cầm con dao sáng loáng. Tôi hoảng sợ, lao ra khỏi đó, chạy thẳng một mạch về nhà. Hôm sau, đọc báo thì tôi mới biết tin ông Lucas đã bị giết chết. Tối hôm đó, tôi rất mừng vì đã đốt xong lá thư hồi xưa. Nhưng sáng hôm sau, có một tai họa khác lại sắp đổ xuống đầu tôi. Chồng tôi như phát điên lên khi biết lá thư đã không cánh mà bay. Khó khăn lắm tôi mới kiềm chế được mình để không quỳ xuống thú nhận tất cả với ông ấy. Sáng hôm đó, tôi lập tức đến văn phòng của ông và được biết mức độ nghiêm trọng của tội lỗi mà mình đã gây ra. Từ hôm ấy, tôi luôn nghĩ mình phải lấy lại bức thư. Nếu hôm đó Lucas không cất thư trước mặt tôi thì tôi cũng đã không thể biết được nó ở

đâu. Phải bằng mọi cách vào được căn phòng đó! Một ngày liền tôi đều đến đó, nhưng cửa luôn khóa chặt. Tối hôm qua, tôi quyết định thử vận may lần cuối, mọi việc sau đó thế nào ngài đã biết cả rồi. Lấy lại được bức thư, tôi định hủy nó đi vì không biết phải trả lại như thế nào và cũng không muốn thú nhận với chồng tôi... Lạy Chúa, tôi đã nghe thấy tiếng bước chân của ông ấy ở cầu thang rồi!

Đúng lúc ấy, ông Hope bước vào phòng với vẻ mặt đầy xúc động:

- Ông Holmes, đã có tin tức gì rồi sao?

- Vâng, đã có chút hy vọng.

Nét mặt ngài Bộ trưởng lộ rõ vẻ vui sướng, trông rạng rỡ hẳn lên:

- Lạy Chúa, thật tuyệt! Thủ tướng đang đến đây ăn trưa cùng tôi. Từ lúc tài liệu bị mất, hầu như ngài không ngủ được, mặc dù ngài nổi tiếng là người có thần kinh thép. - Rồi ông quay sang giục viên quản gia: - Hãy mau ra mời Thủ tướng lên đây.

Ngài Thủ tướng vừa lên, lập tức quay sang nói với Holmes, vẻ mặt đầy hy vọng:

- Ông Holmes, xin hãy cho chúng tôi biết tin mừng của ông!

- Những chỗ bức thư có thể đến, tôi đã điều tra hết, nhưng đều không tìm được. Nhưng tôi có thể khẳng định với các ngài rằng sẽ không có bất cứ sự nguy hiểm nào cả!

- Ông Holmes, dù vậy thì chúng tôi cũng không thể cứ ngồi trên đồng lửa thế này được! Chúng tôi cần biết mọi việc thật rõ ràng.

- Tôi hy vọng sẽ tìm ra bức thư, vì vậy mới đến đây. Càng nghĩ tôi càng thấy rằng bức thư không thể bị lấy ra khỏi nhà này.

- Ông Holmes, ông có suy luận quá chủ quan không đấy?

- Nếu bức thư bị lấy đi thì người ta đã sớm công bố nó rồi. Vì thế, tôi đoán chắc chắn rằng bức thư vẫn ở một góc nào đó trong hộp tài liệu bí mật của ngài Bộ trưởng đây thôi.

- Ông Holmes, giờ không phải là lúc đùa cợt. Tôi cam đoan với ông là trong chiếc hộp không có bức thư đó.

- Thì chúng ta cứ thử kiểm tra một lần nữa xem sao.

- Điều đó là hoàn toàn vô nghĩa.

- Có thể ngài đã không chú ý đến bức thư, vì nó quá nhỏ...?
- Không bao giờ có chuyện thế cả. - Ngài Bộ trưởng bắt đầu nổi đóa.
- Cũng không thể biết được! Những chuyện tương tự như thế vẫn thường xảy ra mà. Trong hộp có rất nhiều tài liệu khác nữa, biết đâu bức thư có thể lẫn với chúng.

- Tôi đã tự tay đặt bức thư lên trên cùng. - Ngài Bộ trưởng vẫn khẳng khẳng bảo vệ ý kiến của mình.

- Có thể ai đó đã xóc chiếc hộp lên, và bức thư đã bị chuyển dịch sang chỗ khác.

- Không thể nào! Tôi đã lấy tất cả ra kiểm tra rất nhiều lần.

- Tốt hơn hết là chúng ta kiểm tra lại một lần nữa xem sao! Ông Hope, ông hãy cho mang chiếc hộp ra đây. - Thủ tướng quyết định nhanh chóng và dứt khoát.

Ngài Bộ trưởng ấn chuông, tuy có vẻ hơi miễn cưỡng.

- Jacobs, hãy mang cái hộp đựng giấy tờ của tôi ra đây! Chúng ta sẽ phí thời gian thôi, nhưng nếu điều đó làm các ngài hài lòng thì tôi cũng sẵn sàng. Chúng ta sẽ kiểm tra lại thật kỹ một lần nữa. Nào, hãy đặt nó xuống đây! Chìa khóa tôi luôn mang bên mình. Xin mời các ngài xem. Đây là bức thư của Huân tước Merrow, báo cáo của ngài Hardy, các tài liệu về thuế lúa mì, bức thư từ Madrid... Trời ơi, cái gì thế này? - Ngài Bộ trưởng sững sốt kêu lên.

Ngài Thủ tướng nhanh nhẹn giật lấy chiếc phong bì màu xanh trong tay Bộ trưởng, sung sướng reo lên:

- Nó đây, chính nó đây! Lạy Chúa, bức thư còn nguyên vẹn. Xin chúc mừng ông, ông Hope!

Ngài Bộ trưởng lúc này không kiềm chế được tình cảm của mình nữa. Ông ta mừng đến phát cuồng, cứ cầm tay Holmes lắc mạnh và nói:

- Cám ơn ông! Tôi xin cám ơn ông. Thế là tôi đã thoát được một gánh nặng khủng khiếp. ông thật là một phù thủy giỏi nhất Anh quốc... Thế nhưng tôi không thể hiểu, do đâu mà ông biết bức thư vẫn còn ở đây?

Holmes mỉm cười vì thấy ngài Bộ trưởng và Thủ tướng vui mừng đến vậy:

- Bởi tôi biết rằng lá thư không ở đâu tốt hơn là ở nhà ông.

- Tôi không thể tin vào mắt mình được nữa. - Ngài Hope lao đến bên cửa kêu lên: - Phu nhân đâu rồi? Tôi phải nói với Hilda rằng mọi việc đã được giải quyết ổn thỏa.

Ngài Thủ tướng nheo nheo đôi mắt một cách hóm hỉnh:

- Nội tình việc này chắc chắn phải ẩn giấu một điều gì đó. Bức thư có thể trở lại trong hộp bằng cách nào vậy?

Holmes mỉm cười như để tránh cái nhìn chăm chú của ngài Thủ tướng:

- Thưa ngài, chúng tôi cũng có những bí mật ngoại giao riêng của mình chứ!

Nói rồi, Holmes cầm mũ, cáo từ Thủ tướng và ra về.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG DỊ DẠNG

Một buổi tối mùa hè, tôi ngủ gà ngủ gật khi đang đọc cuốn tiểu thuyết. Nhà tôi đã lên lầu. Tiếng then cài cửa ra vào báo cho tôi biết là những người giúp việc cũng đã đi ngủ. Đúng vào lúc đó, tiếng chuông vang lên.

Tôi nhìn đồng hồ: 12 giờ kém 15 phút. Muộn thế này thì chỉ có thể là bệnh nhân; một ca bệnh sẽ làm tôi phải thức thâu đêm! Khó chịu, tôi ra phòng ngoài để mở cửa. Hóa ra là Sherlock Holmes!

- A, Watson! - Anh ấy reo lên - Tôi đến muộn quá...
- Có sao đâu. Mời anh vào!
- Anh chớ ngạc nhiên... Liệu có thể cho tôi ngủ nhờ đêm nay không?
- Sẵn sàng. Anh ăn chưa?
- Cảm ơn, tôi đã dùng rồi, ở ga Waterloo.

Tôi đưa cái túi đựng thuốc cho anh. Anh im lặng hút. Tôi biết rõ là chỉ có một vụ quan trọng mới có thể đưa anh tới đây, vào lúc muộn như thế này. Vậy là tôi kiên nhẫn chờ anh vào chuyện.

- Ngày mai anh tới Aldershot được không?
- Được! Tôi sẽ nhờ một bác sĩ bạn tôi chăm sóc các bệnh nhân.
- Tốt lắm! Tôi muốn đáp chuyến tàu 11 giờ 10 phút, ở ga Waterloo.
- Rất tiện cho tôi.
- Vậy thì nếu anh chưa buồn ngủ, tôi xin nói qua cho anh rõ và những gì cần làm.
- Trước khi anh tới, tôi đã gà gật rồi, nhưng bây giờ thì hoàn toàn tỉnh táo.
- Đó là vụ ám sát đại tá Barclay thuộc trung đoàn Royal Malloys, ở Aldershot. Sự việc xảy ra cách đây hai ngày.

“Royal Malloys là một trong những trung đoàn Ireland nổi tiếng trong quân đội Anh. Tối thứ hai vừa qua, sư đoàn được đặt dưới quyền chỉ huy

của đại tá James Barclay, một chiến binh già can đảm đã được lên lon nhờ lòng dũng cảm. Barclay lấy vợ khi ông còn là trung sĩ. Ông kết hôn với cô Nancy Devoy, con gái một trung sĩ tiểu đội trưởng cùng đơn vị. Vợ chồng Barclay đã thích nghi mau chóng với địa vị mới của họ. Cô vợ sống hòa hợp với các bà vợ sĩ quan cũng như chồng bà đối với các đồng đội. Tôi xin nói thêm bà ấy là một phụ nữ rất đẹp, và cho mãi đến bây giờ, sau ba chục năm lập gia đình, sự xuất hiện của bà ấy vẫn còn gây ấn tượng.

“Thoạt nhìn, cặp vợ chồng này rất hạnh phúc êm đềm. Tôi đã đến hỏi ông thiếu tá Murphy, thì ông này dám chắc với tôi là ông chẳng bao giờ thấy có sự bất hòa trong gia đình đó. Tôi hỏi cận kề hơn, thiếu tá nói rằng ông Barclay yêu quý vợ hơn là bà ấy đối với chồng. Nếu phải xa vợ một ngày, ông rất buồn phiền, nhưng bà vợ thì không chứng tỏ sự mãnh liệt đến thế. Dầu sao trong trung đoàn, họ vẫn được coi là một cặp vợ chồng lý tưởng.

“Dường như đại tá Barclay có gì đó khác thường. Bình thường, ông là một quân nhân già, vui tính, hăng hái. Nhưng đôi khi ông cũng hung bạo và thù hận. Tuy vậy, bà vợ không bao giờ phải chịu đựng những tật xấu đó. Một điều khác nữa là: cứ theo định kỳ, một tâm trạng gì đó như trầm uất lại giáng xuống ông. Viên thiếu tá mà tôi hỏi chuyện ghi nhận điều đó và họ đã lấy làm ngạc nhiên. Nói theo ông thiếu tá, thì nụ cười biến mất trên mặt ông Barclay tựa hồ như bị một bàn tay vô hình xua mất. Và cái hiện tượng đó xảy ra trong những buổi họp mặt xã giao, cũng như tại bàn ăn của sĩ quan ở đơn vị. Có khi trong nhiều ngày liên tục, ông như bị giày vò bởi sự sầu đau u uất nhất.

“Trung đoàn Royal Mallows đóng tại Aldershot từ vài năm nay. Các sĩ quan có gia đình thì ngủ ngoài doanh trại. Ông đại tá đã chọn một biệt thự, cách trại bắc chưa tới 400m, nhưng mặt nhà phía tây cách đường cái 25m. Người ở gồm có bác xà ích và hai người hầu gái. Vợ chồng Barclay không con, rất ít khi tiếp khách trong nhà. Tóm lại, có năm người sống trong ngôi biệt thự đó.

“Bà Barclay là một tín đồ Thiên Chúa giáo. Bà rất bận rộn với câu lạc bộ Thánh George và hết lòng với việc chu cấp quần áo cho những người nghèo trong vùng. Tối hôm đó, một cuộc họp được khai mạc vào lúc 8 giờ. Bà vội

vàng dùng bữa tối để kịp đi họp. Khi ra khỏi nhà, bà báo cho chồng biết là sẽ không vắng mặt lâu. Theo lời khai của người xà ích, bà đến đón một cô láng giềng trẻ tuổi tên là Morrison, rồi cả hai cùng đi. Buổi họp kéo dài bốn mươi phút. Tới 9 giờ 15 phút, bà cho dừng xe, để cô gái xuống trước cửa và về nhà.

“Ngôi biệt thự của đại tá có một căn phòng được dùng làm phòng khách nhỏ, có cửa hướng ra ngoài đường. Từ bên ngoài, muốn vào căn phòng đó phải qua một bãi cỏ tròn, đường kính 30m. Nó được ngăn cách với con đường bằng một bức tường thấp, phía trên có lưới sắt. Bà đại tá đã vào nhà qua ngả đó. Bà thắp đèn và gọi chuồng sai cô hầu phòng đem tới một tách trà: đó là điều trái với thói quen của bà. Ông đại tá ở lại trong phòng ăn; biết vợ mình đã về nhà, ông đi sang phòng khách nhỏ gặp bà. Bác xà ích trông thấy ông đi ngang qua gian tiền sảnh, rồi vào trong đó.

“Mười phút sau khi được lệnh, cô hầu phòng đem trà lên cho bà chủ. Cô ngạc nhiên nghe ông chủ và bà chủ cãi nhau kịch liệt. Cô gõ cửa, không có tiếng trả lời. Cô muốn mở cửa nhưng cửa đã bị khóa trong. Cô hồi hải chạy xuống bếp, báo với bà đầu bếp. Thế rồi hai người đàn bà cùng bác đánh xe vào trong gian tiền sảnh, dỏng tai lên nghe họ cãi lộn. Cả ba người đều nhất trí rằng họ chỉ nghe thấy có hai giọng nói: giọng của ông đại tá và của bà vợ. Những câu của ông Barclay thì thô bạo, thất thanh, khiến người nghe không sao hiểu được. Còn những câu nói của bà Barclay thì lại còn dữ dội hơn nữa. Ba người giúp việc nghe rất rõ ràng: “Anh là một thằng hèn!”. Bà không ngớt lặp đi lặp lại câu đó. Và bà còn nói: “Biết làm sao bây giờ? Hãy trả lại tự do cho tôi! Không bao giờ tôi hít thở chung một bầu không khí với cái hạng như ông! Đồ hèn!”. Bất chợt, người đàn ông hét lên một tiếng khủng khiếp, rồi tiếp đó là tiếng người ngã vật, tiếng hét xé tai của bà chủ. Bác đánh xe lao mình vào cánh cửa, cố làm bật tung nó ra. Bên trong, những tiếng thét tiếp nối nhau. Người đánh xe không phá được cửa, và hai người hầu gái lại quá lo sợ, nên chẳng giúp được gì. Một ý nghĩ chợt lóe lên trong đầu, bác bỏ ra ngoài đi vòng qua phía bãi cỏ; trên đó có một cánh cửa sổ sát đất. Mở cửa sổ, bác xông vào trong phòng khách nhỏ. Bà chủ đã ngưng kêu

gào, nằm bất động trên đivăng. Ông đại tá thì hai chân vắt ngang tay dựa của ghế bành, đầu gục xuống đất; ông chết trong một vũng máu.

“Người đánh xe định mở cửa ra. Nhưng chìa khóa không có trong ổ khóa và cũng không thấy trong phòng. Vậy nên bác lại qua cửa sổ, đi mời một cảnh sát viên và một y sĩ rồi trở lại. Bà Barclay được chuyển sang phòng riêng của bà, vẫn còn hôn mê. Thi hài ông đại tá được đặt nằm dài trên ghế. Và người ta tiến hành cuộc điều tra.

“Vết thương trên người nạn nhân là một vết rách dài 7cm ở phía sau đầu, bởi một loại hung khí có mũi nhọn. Trên sàn nhà, gần bên xác chết, người ta tìm thấy một thứ như là cây gậy ngăn bằng gỗ cứng, có cán bằng xương. Ông đại tá có một bộ sưu tập vũ khí lớn thu thập từ nhiều quốc gia khác nhau, tại những nơi mà ông đã tham chiến. Cảnh sát cho rằng, cây gậy đó nằm trong những bộ sưu tập vũ khí của ông. Nhưng các gia nhân thì nói, trước đó họ chưa từng trông thấy nó. Cảnh sát không khám phá được điều gì khác. Và đây là sự quái lạ chưa ai có thể giải thích được: trên người bà Barclay, trên người nạn nhân, cũng như khắp mọi chỗ trong phòng khách nhỏ, người ta không tìm thấy cái chìa khóa! Cần phải gọi một thợ khóa từ Aldershot tới để mở cánh cửa ra.

“Trước tình hình bế tắc như vậy, thiếu tá Murphy mời tôi xuống Aldershot để trợ giúp cảnh sát.

“Trước khi kiểm tra căn phòng, tôi hỏi han rất kỹ các gia nhân, nhưng không thu được gì hơn những điều mà tôi vừa trình bày. Tuy nhiên, cô hầu phòng có cung cấp cho tôi một chi tiết đáng chú ý: Số là khi nghe tiếng cãi cọ, cô ta đã xuống bếp và đi lên cùng với hai người đầy tớ khác. Nhưng cô xác nhận rằng lúc đầu, khi chỉ có mình cô, giọng nói của ông bà chủ bị nghẹt đến mức cô gần như chẳng thể hiểu được điều gì, và rằng chính là do ngữ điệu đó mà cô hiểu ra hai người đang cãi cọ. Tôi dồn dập đặt nhiều câu hỏi. Sau chót, cô nhớ rằng, có hai lần cô đã nghe thấy bà chủ thốt ra cái tên “David”. Điểm đó rất quan trọng đối với chúng ta để soi sáng những nguyên cớ gây ra cãi cọ.

“Một điều đã gây ra ấn tượng sâu đậm cho mọi người là: những nét nhăn nhúm trên mặt ông đại tá. Theo lời khai của họ, vẻ mặt ông đã biểu lộ sự

khiếp sợ và kinh hoàng chưa từng thấy. Rõ ràng là ông biết mình sắp chết, và việc phải thấy rõ cái chết khiến ông kinh hoàng. Điều đó phù hợp với lập luận của cảnh sát: ông đại tá hẳn đã thấy vợ mình chuẩn bị giết mình. Và cú đánh giáng xuống từ đằng sau cũng không mâu thuẫn với lập luận đó, bởi vì ông đại tá rất có thể đã quay người để né tránh cú đánh. Về phía bà Barclay, người ta không thu được tin tức nào cả. Bà bị một cơn chấn động thần kinh khủng khiếp và tạm thời bị mất trí.

“Cảnh sát đã cho biết là cô Morrison (người đi cùng với bà Barclay vào buổi tối hôm đó), quả quyết là cô không biết chút gì về nguyên cơ gây ra cơn tức giận của bạn mình. Anh Watson, khi tập hợp những dữ kiện đó, tôi đã chú ý đến việc mất cái chìa khóa bí mật. Căn phòng đã được lục soát hết sức kỹ lưỡng mà chỉ uống công. Do đó, cái chìa khóa hẳn đã bị lấy mất. Nhưng cả ông đại tá lẫn bà vợ đều có thể loại trừ. Vậy thì một người thứ ba hẳn đã vào trong phòng, và cái người thứ ba đó chỉ có thể vào qua ngả cửa sổ sát đất, nơi bác đánh xe đã vào.

“Ngay lập tức tôi cho rằng, khám xét kỹ phòng khách nhỏ và bãi cỏ có thể giúp phát hiện ra dấu vết nào đó của nhân vật bí ẩn kia. Không bỏ sót một chỗ nào; và sau cùng thì tôi đã tìm ra dấu vết. Đã có một người ở trong phòng khách nhỏ. Người đó đi qua bãi cỏ từ ngoài đường vào. Tôi phát hiện năm dấu chân rất rõ: một trên đường, nơi mà người đó trèo qua tường, hai trên bãi cỏ và hai trên ván sàn gần cái cửa sổ, nơi người đó vào trong phòng. Chắc chắn là người đó đã chạy băng qua bãi cỏ, bởi vì dấu ngón chân sâu hơn dấu gót chân. Nhưng không phải chính người đó khiến tôi ngạc nhiên đến bối rối, mà là thứ đi kèm theo với người đó.”

- Thứ đi kèm?

Holmes rút từ túi áo ra một tờ giấy lớn và mở ra một cách thận trọng trên đầu gối anh.

- Anh nghĩ sao về cái này?

Tờ giấy đây những hình vẽ ghi lại dấu chân một con vật nhỏ, có năm ngón với móng dài. Mỗi dấu lớn bằng một cái muỗng nhỏ.

- Đây là một con chó. - Tôi nói.

- Chó làm sao leo lên được tấm rèm? Tôi phát hiện ra những dấu vết này trên một tấm rèm đấy.

- Thế thì một con khi?

- Cũng không phải.

- Vậy là con gì?

- Đây không phải là chó, mèo, chẳng phải khi, cũng chẳng là con vật nào mà chúng ta biết cả. Tôi đã thử hình dung ra con vật đó theo các kích thước dấu chân của nó. Đây là bốn dấu chân tại chỗ con vật đứng yên. Chân trước và chân sau cách nhau vào khoảng 50cm. Hãy thêm vào đó chiều dài của cái đầu thì anh sẽ có chiều dài thân mình con vật chưa tới 60cm; nó có thể còn dài hơn, nếu có đuôi. Nhưng khi con vật di chuyển, ta có chiều dài bước chân của nó, mỗi bước dài 8cm. Vậy đây là con vật có mình dài mà chân rất ngắn. Nó không hề để rơi lại hiện trường một sợi lông nào. Nhưng nó có hình dạng bề ngoài như tôi vừa miêu tả. Nó leo lên được rèm cửa, và là thú ăn thịt.

- Những điều đó làm sao anh suy ra được?

- Vì nó leo lên tấm rèm. Trên cửa sổ treo một lồng chim hoàng yến. Mục tiêu của nó chính là con chim này chẳng?

- Rốt cục con quái vật này là con gì vậy?

- Nếu tôi xác định được tên của nó, chắc cũng còn mất khối thời gian mới giải quyết xong vụ này. Tạm thời, có thể đoán nó vào loại chồn hạt dẻ. Mồm dài, lớn hơn những con chồn tôi đã thấy.

- Tuy nhiên, nó dính dáng thế nào đến tội ác này?

- Điều đó vẫn là ẩn số. Nhưng anh thấy đấy, chúng ta cũng đã biết được nhiều điều rồi. Thứ nhất, có một người đứng ngoài đường xem vợ chồng bà Barclay cãi nhau, rèm cửa không buông, còn đèn trong phòng thì lại sáng. Thứ hai, gã này đã chạy qua bãi cỏ, vào phòng kéo theo một con vật quái lạ. Và hoặc là gã đã đánh ông đại tá, hoặc là vừa thấy gã, vì sợ quá ông ta ngã ngửa ra và đập đầu vào thanh gác củi mà chết. Sau đó, chúng ta gặp phải vấn đề rất lạ, là gã lạ mặt bỏ đi, mang theo cả chìa khóa cửa.

- Những suy đoán của anh chỉ làm cho sự việc càng rối rắm hơn. - Tôi bình luận.

- Có thể. Theo suy đoán của tôi, vụ này khó hơn nhiều so với phỏng đoán ban đầu. Tôi đã suy xét rất kỹ và thấy cần tiếp cận vụ việc từ một phía khác. Nhưng, bắt anh thức quá khuya rồi! Mai lên đường đi Aldershot, tôi sẽ kể cho anh nghe tiếp.

- Cám ơn. Tuy nhiên anh đã đi quá xa rồi, dừng lại thì ích gì.

- Chắc chắn, khi đi khỏi nhà vào lúc 7 giờ 30 phút tối hôm ấy, bà Barclay vẫn còn hòa thuận với chồng. Như tôi đã nói, chưa bao giờ bà ấy tỏ ra yêu chồng nồng nhiệt, nhưng theo bác đánh xe kể lại thì bác ta thấy bà trò chuyện khá thân mật với chồng. Rõ ràng là sau khi trở về, bà ta vào phòng ngay để tránh phải gặp chồng, và lại còn kêu người hầu gái pha trà. Phụ nữ đang bồn chồn đều làm như vậy. Cuối cùng, ngay khi ông chồng vào phòng, chiến tranh bùng nổ tức thì. Vậy phải có điều gì đã xảy ra từ lúc 7 giờ 30 phút cho đến lúc 9 giờ để làm thay đổi hẳn thái độ của bà với ông chồng. Nhưng cô Morrison đã ở bên bà ấy suốt khoảng thời gian đó, và khẳng định không hề có gì. Vậy thì, chắc chắn cô ta biết điều gì đó mà không chịu nói.

“Đầu tiên, tôi đoán có lẽ giữa ông đại tá và cô Morrison có gì vụng trộm chẳng, và cô ta đã thú nhận hết với bà vợ. Điều đó giải thích cơn lôi đình của bà vợ khi trở về, và cô nàng kia thì cứ khẳng khẳng rằng không có gì. Giả thiết này cũng hợp lý với những việc đã xảy ra.

“Tuy nhiên, họ lại nhắc đến ông David nào đó. Ai cũng biết, ông đại tá yêu vợ đến thế nào. Lại còn sự xuất hiện của người đàn ông lạ mặt, chẳng có dính líu gì đến những chuyện xảy ra trước đó. Thật khó mà tìm ra được phương hướng để tiến hành điều tra. Nhưng về cơ bản, tôi không thiên về khả năng là có chuyện đan díu gì giữa ông đại tá và cô tiểu thư. Nhưng tôi chắc chắn rằng cô ta nắm giữ bí mật về sự thay đổi thái độ của bà Barclay đối với chồng. Vậy là tôi tìm đến nhà cô Morrison, bảo rằng tôi tin chắc cô ta biết rõ mọi sự. Tôi cũng báo cho cô ta biết, bà Barclay sẽ ngồi ghế bị cáo vì tội giết chồng, nếu vụ việc không được làm sáng tỏ.

“Morrison là một cô gái nhỏ nhắn, thanh cao, đôi mắt e lệ và mái tóc vàng. Nhưng tôi không hề thấy cô ấy hấp dẫn, hoặc quyến rũ do khôn ngoan hay đức hạnh. Sau khi nghe tôi nói, cô ấy ngồi đó suy tư một lúc, rồi quay

sang tôi với vẻ quả quyết, và kể cho tôi nghe câu chuyện. Tôi tóm tắt để anh đỡ mất thời gian:

- Tôi đã hứa với bà bạn của tôi là sẽ không nói chuyện này, đã hứa thì không thể nuốt lời. - Cô ấy bắt đầu - Nhưng nếu tôi giúp được bà ấy thoát khỏi phán xét nặng nề, trong khi bà ấy đang ốm quá nặng, không thể tự thanh minh, vậy thì tôi không thể làm thinh. Tôi sẽ kể cho ông nghe mọi chuyện xảy ra vào tối hôm thứ hai đó. Từ Hội quán ở phố Watt, chúng tôi về nhà lúc 8 giờ 45 phút, có đi qua phố Hudson, một con phố rất yên tĩnh. Chỉ có mỗi một ngọn đèn thấp sáng phía bên trái đường. Khi đi qua cây đèn này, tôi thấy một người đàn ông tiến về phía chúng tôi. Lưng còng, vai đeo cái gì đó giống một cái hộp, ông ta như bị dị dạng, đầu cúi thấp còn đầu gối thì co gập lại. Lúc chúng tôi đi qua, ông ta ngược mắt nhìn chúng tôi qua quầng ánh sáng của ngọn đèn. Bỗng ông ta đứng sững lại, kêu lên bằng một giọng nói dễ sợ: “Lạy Chúa, Nancy!”. Mặt bà Barclay trắng bệch. Nếu con quái vật ấy không đỡ lấy bà thì hẳn bà đã ngã sụp xuống rồi. Suýt nữa tôi đã kêu cảnh sát, nhưng bà ấy lại dịu dàng nói với người đàn ông. “Henry, em cứ tưởng anh đã chết ba mươi năm nay rồi!” - Giọng bà run rẩy. “Thì đúng anh đã từng chết.” - Ông ta nói. Giọng nói của ông ta nghe rõ ghê. Ông ta có một khuôn mặt sạm nắng rất đáng sợ, đôi mắt sáng rực. Đến bây giờ, thỉnh thoảng tôi vẫn mơ thấy cái ánh mắt kinh khủng ấy. Tóc và râu ông ta lấm tấm muối tiêu, khuôn mặt nhăn nhúm như một quả táo héo. “Hãy đi trước một quãng nhé, em gái.” - Bà Barclay nói - “Chị muốn nói chuyện với ông đây một chút. Không có gì phải sợ đâu”. Bà Barclay cố bình tĩnh, nhưng mặt bà ấy vẫn tái mét, và khó khăn lắm mới nghe được những lời nói thốt ra từ đôi môi run rẩy của bà. Tôi làm theo lời bà và thế là họ nói chuyện với nhau vài phút. Sau đó bà ấy đi xuống phố với đôi mắt rực lửa giận dữ. Tôi thấy người đàn ông khốn khổ đứng lại bên ngọn đèn đường và vung nắm đấm vào không khí, tựa như ông ta đang giận dữ phát điên. Bà Barclay không nói thêm lời nào cho đến khi về đến cửa nhà tôi. Bà ấy nắm lấy tay tôi và nài nỉ tôi đừng nói với ai những gì đã xảy ra. “Đó là một người quen cũ của chị, đã lâu mới gặp lại”, bà ấy nói vậy. Tôi hứa với bà sẽ không nói gì và bà trù mến hôn tôi. Kể từ đó đến giờ, tôi không gặp lại bà ấy. Tôi đã kể cho ông

nghe toàn bộ sự thật rồi. Tôi giấu không kể cho cảnh sát biết, vì tôi đâu ngờ bà bạn tôi đang gặp nguy hiểm. Bây giờ tôi mới biết rằng, nói ra tất cả là vì lợi ích của bà ấy.

“Đây là tất cả những gì cô Morrison đã kể. Và anh cũng có thể hình dung được, đối với tôi, câu chuyện ấy chẳng khác gì ánh sáng giữa đêm đen. Mọi chi tiết, trước chẳng có gì liên kết với nhau, nay đã được sắp xếp lại theo đúng trình tự của nó và tôi đã lờ mờ phác họa ra toàn bộ vụ án. Việc còn lại mà tôi phải làm là đi tìm gặp người đàn ông đã gây xúc động mạnh cho bà Barclay. Nếu ông ta còn ở Aldershot thì chẳng có gì khó. Vùng này không đông dân cư, nên một người dị dạng chắc chắn sẽ được chú ý. Mất một ngày tìm kiếm, khi trời sẩm tối tôi đã tìm ra... Ông ta tên là Henry Wood, đang trọ tại chính dãy phố mà bà Barclay đã gặp ông ta. Ông ta mới ở đó được năm ngày. Đóng giả là nhân viên đăng ký hộ tịch, tôi đã trò chuyện khá lâu với bà chủ nhà trọ. Người đàn ông này là một nhà ảo thuật rong; ông ta đi diễn quanh các trại lính và các quán cà phê buổi chiều. Ông ta mang con thú theo trong một chiếc hộp. Con vật này làm bà chủ nhiều phen sợ hết vía, vì bà ta chưa hề thấy loài này bao giờ. Ông ta giải thích rằng nó được dùng để diễn trò. Bà chủ kể cho tôi nghe nhiều điều, rằng riêng việc ông ta sống sót được đã là điều kỳ lạ. Ông ta đi đứng vẹo vọ lắm, và nói một thứ tiếng lạ lùng; hai đêm vừa rồi bà ta cứ thấy ông ta khóc lóc rên rĩ trong phòng ngủ. Về tiền bạc, ông ta rất sòng phẳng.

“Nhưng trong số tiền đặt cọc ông ấy đưa cho bà, có một đồng bạc trông như đồng florin giả. Bà ta cho tôi xem, hóa ra đó là đồng rupi Ấn Độ.

“Thế đấy, anh bạn ơi, giờ thì tôi đã biết chúng ta đang ở đâu và vì sao tôi cần anh giúp. Rõ ràng sau khi chia tay hai người phụ nữ, ông ta đã đi theo họ, cách một quãng xa, và qua cửa sổ đã thấy cảnh hai vợ chồng Barclay cãi nhau. Ông ta chạy vào nhưng lại để xống con thú mà ông ta mang theo trong cái hộp. Mọi việc thế là đã rõ. Chỉ có ông ta mới cho chúng ta hiểu được chuyện gì đã xảy ra.”

- Anh định đến hỏi ông ta?
- Phải. Và với sự có mặt của nhân chứng.
- Tôi sẽ làm nhân chứng.

- Anh sẽ chứng kiến tất cả. Ông ta chịu làm sáng tỏ sự việc thì tốt. Còn nếu ông ta không chịu, chúng ta sẽ giao vụ này cho cảnh sát.

- Sao anh biết ông ta còn ở đó khi chúng ta quay lại?

- Tôi luôn cẩn thận, anh vẫn biết mà. Tôi đã phái một chú nhóc lảng vảng trước cửa nhà trọ. Nếu ông ta bỏ đi, chú nhóc này sẽ theo sát từng bước. Mai chúng ta sẽ đến tìm ông ta ở phố Hudson. Còn bây giờ thì chính tôi sẽ thành tội phạm mất, nếu còn chưa buông tha cho anh đi ngủ.

Trưa ngày hôm sau, chúng tôi đến hiện trường xảy ra vụ án. Holmes dẫn đường đi sang phố Hudson. Mặc dù Holmes vốn giỏi che giấu cảm xúc, tôi vẫn thấy anh đang rất hồi hộp. Còn tôi phần khích tặc đang xem thi đấu thể thao, lại như đang tiến hành cuộc khám phá đầy thú vị. Đây là tâm trạng thường thấy của tôi mỗi lần theo Holmes đi phá án.

- Phố Hudson đây rồi. - Holmes khẽ reo lên - A, Simpson đến báo cáo kia rồi.

- Ông ta vẫn còn ở đó, thưa ông! - Một cậu bé lang thang chạy về phía chúng tôi, vừa chạy vừa nói to.

- Giỏi lắm, Simpson. - Holmes khen ngợi và vỗ đầu chú bé - Đi cùng tôi nào, Watson! Cái nhà này đây.

Anh đưa ra tấm thiệp và ngỏ ý muốn gặp ông Henry Wood, vì có việc quan trọng. Lát sau, chúng tôi được mời vào nhà. Mặc dù đang mùa nóng nực, ông ta vẫn thu mình bên ngọn lửa và căn phòng nóng hầm hập như cái lò. Người đàn ông dị hình dị dạng đến khó tả ngồi rúm ró trong ghế bành. Nhưng khi khuôn mặt nhăn nhúm xấu xí quay sang nhìn chúng tôi, thì rõ ràng trước kia hẳn ông ta rất điển trai. Ông ta nhìn chúng tôi đầy nghi ngại. Không đứng lên, cũng chẳng nói chẳng rằng, ông chỉ cho chúng tôi hai cái ghế dựa.

- Ông Henry Wood, ông mới từ Ấn Độ trở về, tôi chắc thế. - Holmes nói rất nhã nhặn - Tôi đến gặp ông, hỏi về cái chết của đại tá Barclay.

- Can hệ gì đến tôi?

- Tôi cũng muốn làm sáng tỏ điều đó. Theo tôi biết, nếu vấn đề không được làm sáng tỏ, bà Barclay, bạn cũ của ông, sẽ bị đưa ra tòa xét xử vì tội giết người...

Người đàn ông bắt đầu phản ứng quyết liệt.

- Tôi không biết ông là ai, - Ông ta gào lên - hay do đâu mà ông biết mọi chuyện. Nhưng ông có dám thề là ông đang nói sự thật với tôi không?

- Chứ sao. Họ chỉ chờ bà ấy tỉnh trí lại để bắt giữ mà thôi.

- Trời ơi! Ông có phải cảnh sát không?

- Không. Nhưng tôi coi thực thi công lý là nghĩa vụ của tất cả mọi người.



- Tôi xin thề với ông, nàng hoàn toàn vô tội!
- Vậy thì ông là kẻ có tội!
- Không, tôi không gây ra tội ác.
- Vậy, ai giết đại tá Barclay?

- Đó là ý trời! Nhưng ông nên nhớ rằng, dù tôi có đập vỡ sọ hăn thì cũng chưa đủ trả những gì hăn nợ tôi. Nếu không phải hăn chết bởi lương tâm tội lỗi dằn vặt thì có lẽ chính tay tôi đã vấy máu hăn rồi. Ông muốn nghe kể lại mọi chuyện ư? Tôi chẳng có lý do gì đáng hổ thẹn mà phải ngại. Chuyện là thế này, thưa ông... Ông thấy, giờ đây tôi mang trên mình một cái bấu lác đà và những chiếc xương sườn vẹo vọ, nhưng khi xưa, đã có thời hạ sĩ Henry Wood này là người đẹp trai nhất trung đoàn 117. Ngày ấy, chúng tôi đóng quân bên Ấn Độ, tại vùng Bhurtee. Barclay hồi đó là trung sĩ trong cùng đơn vị với tôi. Còn hoa khôi của cả trung đoàn, cô gái xinh đẹp nhất trần đời, là Nancy Devoy, con gái trung sĩ tiểu đội trưởng. Có hai chàng trai cùng yêu nàng, và chỉ một người được nàng đáp lại. Hăn ông sẽ cười khi cái ông già tội nghiệp rúm ró bên lò sưởi này nói rằng nàng yêu tôi, vì thuở ấy tôi thật bảnh bao.

“Nhưng mặc dù tôi đã chiếm được trái tim nàng, cha nàng vẫn nhất định chọn Barclay làm chàng rể. Tôi chỉ là một anh chàng can đảm, ưa mạo hiểm. Còn anh ta có học hành hăn hoi, và đã được chỉ định thành sĩ quan rồi. Nhưng Nancy chỉ yêu tôi, và tôi tin đáng lẽ tôi đã lấy được nàng nếu cuộc chiến Mutiny không bùng nổ, khắp nơi không chìm ngập trong máu lửa.



“Toàn thể trung đoàn bị bao vây ở Bhurtee, cộng thêm phân nửa lực lượng pháo binh, một đại đội lính người Sikh, nhiều dân thường và cả phụ nữ nữa. Khoảng mười ngàn quân phiến loạn như bầy cáo bao vây chúng tôi như vây quanh cái lồng chuột. Sang tuần thứ hai, chúng tôi bắt đầu khan hiếm nước. Vấn đề cấp bách là phải liên lạc được với binh đoàn của tướng Neill đang ngược lên xứ này. Đó là cơ may duy nhất, vì chẳng có hy vọng mở đường máu thoát ra, bởi cạnh chúng tôi còn có cả phụ nữ và trẻ con. Thế là tôi xung phong đi bắt liên lạc với tướng Neill. Lời thỉnh cầu của tôi được chấp thuận. Tôi sẽ đi cùng trung sĩ Barclay, vì anh ta thông thạo thực địa hơn cả, và sẽ mở đường cho tôi thoát ra ngoài. Tôi bắt đầu lên đường vào lúc 10 giờ tối hôm ấy. Hàng ngàn sinh mạng sẽ được cứu sống, nhưng tôi chỉ quan tâm đến duy nhất một người khi tôi trèo tường thoát ra đêm hôm ấy. Con đường chúng tôi đi men theo một dòng suối cạn. Chúng tôi hy vọng nhờ thế bọn địch sẽ không phát hiện ra. Nhưng vừa bò đến ven bờ suối, tôi đã chạm trán với sáu tên địch chờ sẵn đang ẩn mình trong bóng tối. Chỉ trong vài giây, tôi đã bị đánh ngất, rồi bị trói nghiêng. Nhưng về tới nơi và nghe chúng kháo nhau, tôi mới ngó người ra bởi một cú đòn còn đau đớn hơn: Chính đồng đội của tôi, kẻ đã chỉ đường cho tôi trốn ra, cũng là kẻ nộp tôi cho địch, bằng cách phái lính hầu đi báo cho chúng.

“Có lẽ tôi cũng không cần kể thêm. Giờ ông cũng đã hiểu James Barclay nham hiểm đến thế nào. Ngày hôm sau, vùng Bhurtee được tướng Neill đưa quân tới giải cứu. Nhưng quân phiến loạn đã mang tôi theo trên đường rút chạy, và phải nhiều năm sau tôi mới lại được thấy một người da trắng. Tôi bị đánh đập dã man, bỏ trốn, rồi bị bắt lại và bị tra tấn tàn khốc. Ông hãy tưởng tượng tình trạng của tôi khi ấy! Một vài tên bỏ trốn sang Nepal, mang tôi theo, rồi sang đó mang tôi lên vùng Darjeeling. Ở đó, dân sơn cước giết quân phiến loạn, nên tôi trở thành nô lệ cho họ. Rồi tôi bỏ trốn. Nhưng thay vì đi xuống phía nam, tôi đi theo hướng bắc, cho tới khi đến Afghanistan. Tôi sống lang thang ở đó đến một năm trời, cuối cùng trở về Punjab sống với dân bản địa và kiếm sống bằng những trò ảo thuật mà tôi đã học được. Một kẻ tàn tật như tôi nếu có trở về Anh quốc, hay tìm cách liên lạc với chiến hữu, thì có ích gì đâu? Thậm chí dù rất muốn trả thù, tôi cũng không

bao giờ làm thế. Chẳng thà tôi để Nancy và các đồng đội của tôi tưởng rằng tôi đã chết với tấm lưng thẳng, còn hơn để họ thấy tôi sống sót mà phải bò lê bò lết với một cây gậy, chẳng khác một con tinh tinh. Tôi nghe nói Barclay đã cưới Nancy và anh ta thắng tiến rất nhanh. Tuy nhiên, kể cả điều đó cũng không khiến tôi nói ra sự thật. Nhưng tiếng gọi của quê hương xứ sở luôn khiến tôi day dứt. Bao nhiêu năm tha hương, tôi vẫn mơ về những cánh đồng và những rào dậu xanh tươi cây cối của nước Anh. Cuối cùng, tôi quyết định phải trở về quê hương thân yêu. Tôi cố tiết kiệm để trở về, và đến doanh trại này, diễn trò ảo thuật mua vui sống qua ngày.

- Câu chuyện của ông thật xúc động. - Sherlock Holmes nói - Tôi đã nghe kể về cuộc gặp gỡ giữa ông và bà Barclay, về mối quan hệ của ông bà. Tôi đoán, sau đó ông đi theo bà ấy về nhà; qua cửa sổ, ông đã thấy bà ấy với ông chồng cãi cọ. Chắc rằng bà ấy đã trách móc ông chồng về chuyện ngày xưa. Thế là ông không kiềm chế nổi, liền chạy qua bãi cỏ, vào phòng.

- Quả vậy, thưa ông. Khi nhìn thấy tôi, hắn vô cùng khiếp đảm và té ngửa, đầu đập vào thành ghế. Nhưng hắn đã chết trước cả khi ngã xuống. Tôi trông thấy rõ cái chết hiện trên mặt hắn, rõ ràng như tôi đọc cuốn sách này, bên ngọn lửa. Sự xuất hiện của tôi giống như viên đạn bắn xuyên qua trái tim tội lỗi của hắn.

- Sau đó thì sao?

- Nancy ngất xỉu. Tôi lấy chìa khóa từ tay nàng, định mở cửa và gọi người đến giúp. Nhưng, chợt nghĩ, có lẽ tốt hơn nếu tôi để mọi thứ nguyên như thế và bỏ đi. Vì tôi ở vào tình thế tình ngay lý gian. Và nếu tôi bị bắt, mọi bí mật của tôi sẽ bị lộ. Trong lúc vội vã, tôi đã nhét chìa khóa vào túi áo và đánh rơi cây gậy khi đuổi theo Teddy đang leo lên rèm cửa. Tôi lại nhốt nó vào hộp, rồi vội vã bỏ chạy.

- Teddy là ai?

Người đàn ông đứng dậy, lúi từ trong góc nhà ra một thứ giống như cái lông thỏ. Một con vật nhanh nhẹn chui ra. Nó rất đẹp, màu đỏ nhạt, mảnh mai và mềm mại, bốn cái chân chồn, mũi dài và mảnh, cặp mắt đỏ tuyệt đẹp.

- Con chồn đèn! - Tôi reo lên.

- Phải, có người gọi nó là chồn đèn, người khác lại gọi là chồn bắt rắn. - Người đàn ông xác nhận - Tôi thì gọi nó là “con bắt rắn”. Quả nó bắt rắn hổ mang cực nhanh. Tôi có một con rắn đã bẻ hết nanh, và tối nào Teddy cũng biểu diễn bắt rắn mua vui cho dân xứ này. Ông còn gì muốn biết nữa không?

- Rất có thể chúng tôi sẽ cần đến ông, một khi bà Barclay gặp khó dễ...

- Trong trường hợp đó, tôi sẵn sàng làm hết sức mình.

- Nếu không thì chẳng có lý do gì để gây ra một vụ âm ỉ đối với một người đã chết dù ông ta đã thật xấu xa, hèn nhát. Hẳn là ông cũng mãn nguyện, vì ba mươi năm qua lương tâm ông ấy đã vô cùng cắn rứt bởi hành vi độc ác của mình. A, thiếu tá Murphy đang đi bên đường kia. Chào ông Wood! Tôi phải xem từ hôm qua đến giờ có chuyển biến gì không.

Chúng tôi đuổi kịp ông thiếu tá ở góc phố.

- A, ông Holmes. Tôi nghĩ ông đã biết vụ âm ỉ này chẳng đi đến đâu rồi, phải không? - Ông ta nói.

- Gì vậy?

- Cuộc điều tra đã kết thúc. Giám định pháp y xác nhận nạn nhân chết vì xuất huyết não. Ông thấy không, vụ này cuối cùng lại hóa ra đơn giản.

- Vâng, thật quá đơn giản! - Holmes mỉm cười - Đi nào Watson. Chúng ta không còn cần thiết ở Aldershot nữa rồi.

- Có một việc tôi chưa hiểu. - Tôi nói khi chúng tôi cùng đi về phía nhà ga - Nếu ông chồng là James, ông bạn cũ là Henry, thì sao bà vợ lại nói đến David?

- Cái từ đó lẽ ra đã tiết lộ cho tôi biết tất cả câu chuyện này, Watson ạ, nếu như tôi giỏi suy luận. Rõ ràng từ đó dùng để oán trách.

- Để oán trách?

- Phải, Thánh David cũng sa ngã đôi lần. Và một trong những lần ấy, vị thánh đó cũng đã hành động như James Barclay. Tôi e là trí nhớ của tôi về Kinh Thánh hơi tệ.

BÍ ẨN TRÊN CẦU THOR

Đó là buổi sáng sớm một ngày tháng 10, những cơn gió rít thổi liên hồi. Khi xuống lầu ăn sáng, tôi nghĩ tới anh bạn đang phải cố kìm nén nỗi buồn bực của mình bởi những ngày ảm đạm này, giống như các nghệ sĩ thực thụ thường hay bị ngoại cảnh chi phối. Nào ngờ, anh ấy đã ăn sáng gần xong rồi, đang rất vui tươi, nhưng có chút gì đó hơi khó hiểu.

- Có vụ án mới rồi sao, anh Holmes? - Tôi hỏi, giọng không khỏi ngạc nhiên.

- Phép suy luận đúng là có tính truyền nhiễm thật. - Holmes đáp - Anh đã đoán ra bí mật của tôi rồi! Đúng vậy! Có vụ án đấy. Anh đã nghe nói tới ông vua vàng Neil Gibson chưa?

- Có phải ông nghị sĩ Mỹ ấy không?

- Đúng! Ông ta đã từng là nghị sĩ của một bang miền Tây, nhưng người ta biết đến ông ta nhiều hơn trong vai trò chủ mỏ vàng khổng lồ của thế giới.

- Chẳng phải ông ta đã ở Anh khá lâu rồi ư? Ai mà chẳng biết ông ta.

- Đúng vậy! Năm năm trước, ông ta mua một khu đất bao la ở vùng Hampshire. Anh đã biết gì về cái chết thảm thương của vợ ông ta chưa?

- Tôi nhớ rồi. Đó chính là lý do khiến ông ta được đưa lên báo chí, nhưng tôi không biết chi tiết...

- Thực ra thì, tuy vụ án ầm ĩ một dạo, nhưng tình tiết lại rất đơn giản, rõ ràng. Đây là quan điểm của bồi thẩm đoàn, cả quan tòa và cảnh sát nữa. Vụ án nay đã được chuyển giao để tòa xét xử. Tôi sợ làm vụ này chỉ uống công. Vì tôi có thể tìm ra sự thật, nhưng không thể thay đổi được nó trừ khi tìm ra được cứ liệu mới hoàn toàn bất ngờ, nếu không thân chủ của tôi sẽ chẳng có hy vọng gì.

- Thân chủ của anh là ai vậy?

-Ồ, tôi quên không nói cho anh biết, Watson, anh hãy xem bức thư này trước đi!

Holmes đưa cho tôi một bức thư, nét chữ của một kẻ cương nghị và có tính kẻ cả, thư viết rằng:

“Khách sạn Claridge ngày 3 tháng 10

Thưa ông Sherlock Holmes!

Tôi không thể chứng kiến người phụ nữ lương thiện nhất đời mình bị xử tội chết mà không gắng hết sức mình oan. Tôi không thể giải thích mặc dù tôi dám chắc tiểu thư Dunbar vô tội. Chắc ông đã biết về các vụ kiện đó. Khắp nước đều biết, ai ai cũng bàn tán, thế mà chẳng ai dám lên tiếng bênh vực cô ấy! Thật bất công, đến mức tôi sắp phát điên. Cô ấy nhân hậu đến độ không nỡ giết chết dù chỉ một con ruồi. 11 giờ trưa mai, tôi sẽ tới xem các ông có đem lại cho vụ này tia sáng nào không. Hoặc, ít ra tôi hy vọng sẽ nhận được một lời chỉ dẫn. Dẫu thế nào thì tất cả những điều tôi biết, những gì tôi có, cũng như toàn bộ sinh lực của tôi, đều có thể phục vụ ông. Mong các ông hết lòng cứu cô ấy!

Trân trọng

J. Neil Gibson”

- Anh xem, chính bức thư này đây. - Holmes lên tiếng - Tôi đang đợi người đó đến. Còn về tình tiết, tôi nói ngắn gọn cho anh hay: Con người này, theo tôi biết, là một trong số những vị có thể lực nhất về tài chính trên thế giới, nhưng cũng là kẻ bạo ngược khiến người ta kinh hãi nhất đấy. Ông ta lấy vợ - chính là người vừa chết, theo chỗ tôi biết, quý bà này đã qua tuổi thanh xuân. Trong nhà còn có một cô gia sư trẻ đẹp đầy quyến rũ, dạy dỗ hai đứa con họ. Sắc đẹp của cô giáo đã gây bất lợi cho bà chủ. Ba người này sắm vai chính và sân khấu là một lâu đài cổ kính giữa lãnh địa xưa thuộc quyền sở hữu của một vương tôn công tử Anh quốc. Quá trình của tấn bi kịch là người ta phát hiện bà chủ bị một viên đạn súng ngắn bắn vào sọ, trong khu vườn cách nhà gần nửa dặm, quãng gần nửa đêm. Khi ấy bà ta đang mặc áo váy dạ hội, choàng chiếc khăn sang trọng. Chẳng hề thấy cạnh đó có thứ vũ khí nào, hiện trường cũng không có dấu vết kẻ mưu sát. Điểm này rất đáng chú ý. Có lẽ thời gian mưu sát là vào đêm khuya, thì thế được người gác rừng phát hiện lúc 2 giờ sáng. Trước khi cho khiêng về nhà, cảnh

sát và bác sĩ đã khám nghiệm thi thể rất kỹ lưỡng. Nói ngắn gọn vậy, anh có nắm rõ không?

- Tình huống thì rõ rồi. Nhưng sao lại nghi ngờ cô gia sư kia?

- Trước tiên, có một chứng cứ trực tiếp. Dưới gầm tủ của cô ta, người ta tìm thấy một khẩu súng có vết đạn bắn, đường kính đầu đạn trên xác chết phù hợp với đường kính nòng súng này. - Holmes dừng lại giây lát rồi tiếp - Watson à, phát hiện ra súng là có thể định tội được rồi. Ngoài ra, trên người nạn nhân còn có một mảnh giấy hẹn gặp ở đầu cầu có chữ ký của cô gia sư. Còn đây là động cơ: Nghị sĩ Gibson, chồng bà ta, là người đàn ông rất hấp dẫn. Nếu bà vợ chết, thì người đầu tiên lọt vào mắt xanh của ông chủ phải là cô gia sư kia chứ còn ai vào đây được nữa? Tình yêu, tài sản, địa vị... tất cả được quyết định bởi cái chết của người phụ nữ trung niên ấy! Độc ác! Ôi! Thật độc ác, anh cũng thấy thế chứ?

- Đúng vậy.

- Ngoài ra, cô ta còn không đưa ra được chứng cứ ngoại phạm. Ngược lại, cô ta phải thừa nhận, trước khi vụ việc xảy ra không lâu, cô ta đã tới cầu Thor - nơi xảy ra bi kịch. Cô ta không thể nào phủ nhận được, vì có người làng đi ngang qua nhìn thấy cô ta ở đó.

- Vậy xem ra có thể kết án được rồi!

- Nhưng, Watson này, đây lại là một cây cầu chỉ có duy nhất một nhịp đá, với lan can đá, bắc ngang qua chỗ hẹp nhất của một vùng nước vừa dài lại vừa sâu, hai phía cầu kín đầy lau sậy, mà dân địa phương gọi là đầm Thor. Xác chết nằm ở đầu cầu. Nhưng thôi, khách hàng của chúng ta đến rồi, ông ta đến sớm hơn giờ hẹn nhiều.

Billy ra mở cửa, nhưng vào báo tên khách lại là Marlow Bates, cả hai bên chẳng hề quen biết nhau. Ông ta lùn và gầy, cử chỉ vừa rất nôn nóng lại vừa do dự, giống như người đang bị khủng hoảng tinh thần vậy.

- Thưa ông, ông đang bị kích động mạnh. - Sherlock Holmes nói - Mời ông ngồi! Tôi chỉ có thể tiếp chuyện ông ít phút thôi, vì tôi có hẹn lúc 11 giờ.

- Tôi biết. - Người khách hỗn hển nói - Ông Gibson sắp tới, ông ta là ông chủ của tôi, còn tôi là người quản lý đất đai của ông ta. Ông ta quả là

nam hiểm, cực kỳ nam hiểm.

- Có lẽ ông hơi quá lời chăng?

- Tôi phải nhấn mạnh thế, vì thì giờ eo hẹp. Không thể để cho ông ta phát hiện tôi ở đây. Ông ta sắp tới rồi, mà tôi thì không thể tới sớm hơn.

- Ông là quản lý của ông ấy?

- Tôi đã xin nghỉ việc rồi, chỉ hai tuần nữa là tôi thoát khỏi ách nô dịch của ông ta. Ông ta là kẻ lạnh lùng, tàn nhẫn với tất cả mọi người. Ông ta dùng tiền làm từ thiện để che giấu ý đồ tội lỗi của mình. Ông ta rất tàn khốc với vợ, coi bà ấy như đồ bỏ vậy. Bà ấy chết thế nào tôi không rõ, nhưng tôi dám chắc là ông ta đã đẩy bà ấy vào cuộc sống bi thảm tuyệt vọng. Bà ấy là người xứ nhiệt đới, sinh tại Brazil, chắc ông đã biết?

- Tôi chưa nghe thấy điều này.

- Sinh ở vùng nhiệt đới nên bà ấy có tính cách cũng rất nhiệt đới, là người nóng tính, dễ bị kích động. Bà ấy yêu ông ta với tất cả tình yêu của một người phụ nữ. Trước kia, bà ấy là một phụ nữ đẹp mê hồn, nhưng khi sắc đẹp ấy phai pha theo thời gian thì bà ấy chẳng thể níu kéo nổi ông ta nữa, sau khi sức hấp dẫn sút giảm, bà đã không còn được ông ta yêu chiều nữa. Chúng tôi đều quý mến bà ấy, đồng tình với bà ấy, căm giận thái độ độc ác của ông ta. Nhưng ông ta lại rất biết ăn nói, rất giao hoạt. Xin ngài chớ nghe những lời đường mật của ông ta, đừng tin cái mẽ ngoài hào nhoáng, vì bụng ông ta là cả một bồ dao găm! Thôi tôi đi đây. Ông ta sắp tới rồi.

Vị khách hoảng hốt nhìn đồng hồ, vọt ra khỏi cửa và mất hút.

- Này Watson, xem ra ông Gibson này có những nhân viên trung thành khác thường. Nhưng lời cảnh cáo đó không thừa, ta hãy đợi nhân vật chính đến.

Đúng 11 giờ, chúng tôi nghe bước chân nặng nề trên cầu thang. Nhà triệu phú tiếng tăm một thời vào phòng. Chỉ thoạt nhìn, tôi chẳng những thấu hiểu được nỗi khiếp sợ và căm ghét của người quản lý trước ông ta, mà còn hiểu rõ cả những lời nguyền rủa từ các đối thủ cạnh tranh của ông ta nữa. Nếu tôi là nhà điêu khắc muốn đắp một bức tượng ông chủ doanh nghiệp thành công điển hình, người có ý chí sắt thép và trái tim lạnh lùng, chắc chắn tôi sẽ chọn ông ta làm người mẫu. Người ông ta to, cao, gầy khiến người khác có cảm

giác rằng đó là kẻ tham lam. Mặt ông ta vuông, như được tạc từ đá, nhưng không nhăn, khuôn mặt lạnh lùng vô cảm với rất nhiều nếp nhăn và vết sẹo hằn sâu. Đôi mắt xám lạnh lùng, tinh tế, nằm ẩn dưới đôi lông mày rậm. Sau khi Holmes giới thiệu tên tôi, ông ta hơi cúi người, rồi trịnh trọng kéo ghế ngồi xuống, sát với Holmes, gần như kề vai.

- Thưa ông Holmes, cho phép tôi nói thẳng. - Ông ta bắt đầu mở miệng - Với vụ này, chuyện tiền nong không cần phải so kè. Nếu ông muốn soi sáng cho chân lý thì có thể lấy ngân phiếu thấp làm đuốc cũng được. Cô gái đó vô tội và cần được minh oan, còn bằng cách nào thì tùy ông. Vậy, ông hãy đặt giá đi!

- Mức thù lao của tôi luôn được định theo biểu giá cụ thể. - Holmes lạnh lùng trả lời - Tôi không bao giờ thay đổi, trừ những lúc làm miễn phí cho vài thân chủ.

- Vâng, nếu ông chẳng coi tiền bạc là gì, thì xin ông hãy nghĩ đến danh tiếng bản thân. Ông mà làm được vụ này, báo chí Anh và Mỹ sẽ đưa ông lên tận mây xanh, ông sẽ thành nhân vật mới ở cả hai châu lục.

- Xin đa tạ ngài, nhưng tôi luôn chỉ muốn cứ âm thầm làm việc. Điều khiến tôi hứng thú chỉ là bản thân vấn đề của vụ án. Thôi, chúng ta đừng lãng phí thời gian nữa, xin ngài hãy vào đề đi.

- Theo tôi, các điểm chính báo chí đã nêu cả rồi, e rằng tôi cũng chẳng có gì mới hơn khả dĩ giúp được ông. Nhưng điều gì ông cần biết rõ, tôi sẵn sàng trả lời.

- Vậy thì, chỉ có một điểm duy nhất thôi.

- Là gì vậy?

- Quan hệ thực tế giữa ngài và cô Dunbar là thế nào?

Ông ta giật mình nhồm hăn người trên ghế, rồi mau chóng lấy lại bình tĩnh:

- Tôi nghĩ vấn đề ông hỏi thuộc quyền của ông, thậm chí đó là chức trách của ông, phải không, thưa ông?

- Tôi đồng ý với cách nghĩ của ngài.

- Vậy tôi có thể đảm bảo với ông rằng, quan hệ của chúng tôi hoàn toàn là quan hệ giữa một ông chủ với một cô gia sư trẻ của các con tôi mà thôi...

Holmes đứng dậy, nói:

- Tôi rất bận, thưa ngài, tôi không có thời gian và cũng chẳng hứng thú gì khi nói những chuyện vô bổ. Xin tạm biệt ngài.

Vị khách cũng đứng lên, thân thể đồ sộ của ông ta như đe dọa Holmes. Dưới đôi lông mày rậm lóe lên tia sáng giận dữ, đôi gò má xám chột ửng đỏ:

- Quái quỷ gì vậy, ông Holmes? Ông từ chối vụ án của tôi chẳng?

- Ít nhất là tôi từ chối bản thân ngài. Tôi cho rằng điều tôi nói đã rất rõ ràng.

- Rõ ư? Nhưng ẩn ý đằng sau lời từ chối đó là gì vậy? Phải chăng là để nâng giá hay đành chịu bó tay, hoặc còn gì khác? Tôi có quyền đòi hỏi lời giải thích...

- Có thể là ngài có quyền đó. Tôi có thể giải thích. Vụ này đã quá phức tạp rồi, nên không thể để mắc thêm sai lầm nữa.

- Ý ông là tôi nói dối ư?

- Tôi đã cố gắng thật tế nhị. Nhưng nếu ngài cứ muốn nói như vậy, thì tôi cũng không phản đối đâu.

Tôi lập tức bật dậy, bởi trên mặt ông ta lộ rõ vẻ hung hãn, và ông ta đang chực giơ nắm đấm ra. Nhưng Holmes lại mỉm cười, cầm lấy cái tẩu thuốc:

- Thưa ngài, xin ngài chớ to tiếng. Tôi nghĩ ngài nên ra ngoài đi dạo một lát, bình tĩnh suy nghĩ lại sẽ có lợi cho ngài đấy!

Ông ta phải cố gắng lắm mới kìm nén được cơn giận dữ của mình. Tôi rất khâm phục sự tự kiềm chế của ông ta. Chỉ một thoáng ông ta đã chuyển sang thái độ lạnh lùng, điềm đạm, pha chút khinh khỉnh.

- Được thôi! Tùy ông... Tôi biết ông sẽ có cách xử lý, tôi không thể ép ông làm vụ này. Nhưng việc làm hôm nay của ông là tự chuốc họa vào thân... Tôi đã từng đánh đổ khối kẻ còn mạnh hơn ông nhiều. Chẳng kẻ nào dám đối đầu với tôi, chẳng kẻ nào dám cản đường tôi!

- Tôi đã nghe nhiều người nói vậy rồi, vậy mà tôi vẫn còn ngồi đây. - Holmes mỉm cười - Thôi, tạm biệt ngài, còn nhiều thứ ngài cần phải lĩnh hội đấy.

Vị khách hăm hăm đi ra, còn Holmes thì bình thản hút thuốc, mắt nhìn mơ màng lên trần nhà.

- Anh có ý kiến gì không Watson? - Cuối cùng thì một lúc sau anh ấy cũng hỏi tôi.

- Nói thật, tôi nghĩ, ông ta là kẻ rất vô tình, sẵn sàng gạt bỏ tất cả những ai cản đường mình. Vợ ông ta chính là người cản đường mà ông ta không ưa gì, quả đúng như lời Marlow nói lúc trước.

- Đúng! Tôi cũng nghĩ vậy!

- Nhưng còn quan hệ giữa ông ta với cô gia sư là thế nào nhỉ, anh làm sao mà nhận ra được?

- Chỉ cần chốc ông ta một chút là biết ngay. Tôi cho rằng giọng điệu trong bức thư của ông ta rất căng, không bình thường, không giống với thái độ biết tự kiềm chế của ông ta hôm nay. Rõ ràng là ông ta có tình cảm mạnh mẽ, nhưng là với bị cáo, chứ không phải với nạn nhân. Muốn hiểu cặn kẽ thì phải làm rõ mối quan hệ giữa ba người họ. Anh thấy vừa rồi tôi dùng cách tấn công trực diện mà ông ta rất lì lợm nghênh chiến. Rồi tiếp đó, tôi cố gây cho ông ta ấn tượng rằng hình như tôi đã biết cả rồi. Nhưng thực tình, tôi chỉ rất nghi ngờ vậy thôi!

- Vậy ông ta sẽ quay lại đây nữa chứ?

- Chắc chắn! Ông ta không bỏ cuộc đâu. Đấy, chuông cửa đã lại reo rồi.Ồ, thưa ngài, tôi vừa nói với bác sĩ Watson là ngài sẽ quay lại.

Lúc này, có vẻ ông ta đã trầm tĩnh hơn lúc đi ra nhiều, dù rằng trong mắt ông ta vẫn còn vương chút kiêu ngạo của kẻ bị tổn thương. Nhưng hình như lý trí mách bảo ông ta, muốn đạt được mục đích thì cần phải nhượng bộ.

- Thưa ông Holmes, tôi đã suy nghĩ lại, tôi thật lỗ măng khi hiểu sai ý ông. Ông có lý do để tìm hiểu chân tướng sự thật, tôi càng thêm tôn trọng ông. Nhưng tôi xin nói thật, quan hệ giữa tôi và cô Dunbar chẳng có liên quan gì tới vụ này cả.

- Điều này phải do tôi quyết định chứ, đúng không?

- Đúng, tôi cũng nghĩ vậy. Nhưng ông phải thừa nhận, rất nhiều người khi bị hỏi thẳng quan hệ của họ với một phụ nữ nào đó thì họ luôn cảnh giác đề phòng, nhất là khi có tình cảm thầm kín... Ai cũng có quyền giữ kín những nỗi niềm riêng tư ở nơi sâu thẳm trong tâm hồn mình, không muốn người khác đụng chạm vào. Thế mà ông lại đột ngột... Nhưng ông có chủ

đích tốt, tôi có thể thông cảm được: đó là vì ông muốn cứu cô ấy! Ông còn muốn hỏi gì nữa không?

- Tôi muốn... sự thật.

Ông ta hơi chần chừ, khuôn mặt lạnh lùng đầy nếp nhăn sa sầm, nghiêm nghị.

- Tôi sẽ nói ngắn gọn cho ông hay. - Cuối cùng thì ông ta cũng phải hé răng - Có một số việc rất khó nói và nói ra cũng rất khổ tâm. Tôi gặp nhà tôi ở mỏ vàng, khi tôi đi đào vàng ở Brazil. Maria Pinto là con gái của một quan chức chính phủ ở Manaus. Cô ấy vô cùng xinh đẹp, tính tình sôi nổi, nồng nhiệt, đam mê hết mình, nhưng rất dễ xúc động, đầy khí chất của người xứ nhiệt đới, hoàn toàn khác với phụ nữ Mỹ. Thế là tôi yêu và lấy cô ấy làm vợ. Tới khi tình yêu lãng mạn qua đi - phải mất vài năm - tôi mới nhận ra là giữa chúng tôi không có điểm chung gì cả, hoàn toàn không; tình yêu đã nguội lạnh. Nếu cô ấy cũng vậy thì chuyện dễ xử lý rồi. Nhưng chắc ông cũng biết, dù tôi có nói gì cũng chẳng ảnh hưởng tới tình cảm của cô ấy. Sở dĩ tôi lạnh lùng, thậm chí có người bảo là tàn nhẫn nữa, vì tôi biết nếu có thể phá vỡ tình yêu đó, hoặc biến nó thành hận thù, thì đều có lợi cho cả hai. Nhưng chẳng có cách nào! Cô ấy vẫn yêu tôi, vẫn sùng bái tôi.

“Giữa lúc đó thì cô Dunbar tới theo lời rao trên báo, và trở thành gia sư trong gia đình tôi. Mọi người đều công nhận cô ấy vô cùng xinh đẹp. Tôi không muốn mình giả vờ cao thượng, tôi thừa nhận cùng sống với một cô gái trẻ đẹp, lại thường xuyên tiếp xúc thì không thể không nảy sinh những tình cảm thân mật mãnh liệt. Ông có trách tôi không, thưa ông?”

- Tôi không trách ngài. Nhưng nếu ngài đã thổ lộ như vậy thì ngài lại đáng trách, bởi có thể nói, ngài phải có trách nhiệm bảo vệ cô gái đó.

- Có lẽ là như vậy. - Ông ta nói - Tôi e rằng, suốt cả cuộc đời tôi chưa hề khao khát thứ gì hơn là tình yêu và chiếm được cô ấy. Tôi có nói với cô ấy điều đó.

-Ồ, ngài đã nói như thế rồi sao?

Một khi tình cảm của Holmes lay động, trông anh ấy thật ghê gớm.

- Tôi nói với cô ấy, nếu được, tôi nhất định sẽ cưới cô ấy; nhưng điều đó lại không do tôi quyết định. Tôi nói, tôi không tiếc tiền, chỉ cần việc gì làm

cho cô ấy hạnh phúc, tôi đều sẵn sàng.

- Thật khảng khái! - Holmes giọng đầy mỉa mai bình luận.

- Xem ông kìa! Tôi tìm đến ông là để nhờ ông chứng minh cô ấy vô tội, chứ không phải để nghe ông thuyết giảng về đạo đức.

- Tôi chỉ nghĩ tới thân phận cô gái ấy, nên mới quan tâm đến vụ án này. - Holmes nghiêm giọng - Tôi cho rằng tội trạng mà cô ta bị gán cho còn tồi tệ hơn cái việc ngài vừa thừa nhận. Ngài mắc tội hủy hoại một người con gái yếu ớt đang sống dưới mái nhà của mình. Những người lăm tiền như ngài đáng phải nhận lấy bài học này, không phải tất cả đều có thể mua bằng tiền.

Tôi không ngờ là ông vua vàng lại thành thực tiếp nhận lời chỉ trích đó.

- Nay thì tôi đã cảm thấy như vậy rồi. Cảm ơn Chúa, tôi đã không được toại nguyện. Cô ấy kiên quyết không nghe, muốn ngay lập tức thôi việc để về nhà.

- Vì sao cô ấy chưa đi?

- Cái đó, trước tiên là do còn có người phải sống nhờ vào cô ấy, nếu bỏ việc thì với cả cô ấy lẫn người kia, đều chẳng khác gì một tai họa. Do tôi hết lời thề thốt sẽ không quấy nhiễu sự bình an của cô ấy, nên cô ấy đã đồng ý ở lại. Còn một lý do nữa, là cô ấy biết ảnh hưởng của mình đối với tôi, và ảnh hưởng đó mạnh hơn bất kỳ ảnh hưởng nào khác. Cô ấy muốn dùng ảnh hưởng đó để làm việc tốt.

- Làm gì vậy?

- Cô ấy biết một số việc làm ăn của tôi, cơ nghiệp của tôi rất to lớn, lớn đến mức người khác khó tưởng tượng nổi. Tôi có thể xây dựng nó và cũng có thể phá hủy nó; mà tôi thì luôn hủy hoại, chẳng những hủy hoại cá nhân mà còn hủy hoại cả cộng đồng, cả thành phố, thậm chí cả một quốc gia nữa. Kinh doanh là một cuộc đấu tranh tàn khốc, kẻ yếu sẽ thất bại. Tôi dốc toàn lực vào đó mà không hề ngó ngàng tới những lời than khóc khổ đau của người khác. Nhưng cô ấy lại có cách nhìn khác, cô ấy tin rằng, sự giàu có vượt bậc của người này không nên được xây dựng trên cơ sở sự phá sản và đói khổ của hàng nghìn người khác. Cô ấy cho rằng tôi chịu nghe lời cô ấy, cũng như tin rằng bằng nguyên tắc hành xử của mình, có thể làm được chút

gì tốt lành cho công chúng. Vì vậy mà cô ấy ở lại, không bỏ đi nữa. Sau đó mới xảy ra bi kịch...

- Ngài có thể làm sáng tỏ được điều gì không?

Ông ta im lặng, suy nghĩ mấy phút:

- Tôi không phủ nhận điều này rất không có lợi cho cô ấy. Phụ nữ cũng có cuộc sống nội tâm của họ mà đàn ông không hiểu. Lúc đầu khi sự việc vừa xảy ra, tôi rất ngạc nhiên, cho rằng có thể do cô ấy quá bị kích động nên đã đi ngược bản tính của mình. Tôi có một cách giải thích sẽ nói cho ông ngay bây giờ, bất chấp nó là thực hay giả. Hiển nhiên vợ tôi là người cực kỳ ghen tuông, ghen tuông cả trong tâm tưởng và tinh thần, còn đáng sợ hơn cả sự ghen tị về thể xác. Mặc dù vợ tôi chẳng có lý do gì để ghen tuông với cô gia sư kia, tôi thấy cô ấy cũng rất biết điều. Cô ấy thực sự cảm nhận được ảnh hưởng về tư tưởng và hành vi của cô gái người Anh kia đối với tôi, điều mà cô ấy không có được. Dẫu đó là ảnh hưởng tốt thì cũng thế thôi. Cô ấy tự hận mình đến phát điên lên, cô ấy luôn mang dòng máu của người xứ nhiệt đới. Có thể cô ấy mưu toan giết Dunbar, hoặc có ý định dùng súng để uy hiếp, buộc cô ấy phải rời xa chúng tôi... Nhưng có lẽ súng... cướp cò, khiến chính người cầm súng bị thiệt mạng.

-Ồ! Có lẽ đây là giả thuyết duy nhất có thể giải thoát cô gái khỏi tội giết người.

- Phủ nhận chưa phải là điều tồi tệ nhất, đúng không? Người ta có thể hiểu được, một cô gái rơi vào hoàn cảnh hãi hùng đó có thể hốt hoảng trở về nhà với khẩu súng trong tay, thậm chí có thể vứt nó vào tủ quần áo hay vào một chỗ nào đó, mà rồi chính mình cũng không biết gì. Khi khẩu súng bị phát hiện thì cô ấy lại phủ nhận tất cả, bởi giải thích thế nào cũng không thể nói rõ được. Chẳng có gì đánh đổ được giả thiết đó cả.

- Chỉ bản thân cô Dunbar là biết rõ điều đó thôi.

- Cũng có thể...

Sherlock Holmes nhìn đồng hồ:

- Tôi tin rằng sáng hôm nay chúng tôi sẽ nhận được giấy phép cần thiết, và có thể tới Winchester bằng chuyến tàu buổi chiều. Khi tôi gặp được cô

gái trẻ đó, rất có thể tôi sẽ làm sáng tỏ được nhiều điều. Nhưng tôi không thể đảm bảo đạt được kết quả như ngài mong muốn.

Do việc lấy giấy phép từ nhà chức trách bị trục trặc khiến ngay hôm đó không thể xuất phát được, chúng tôi đành đi tới cầu Thor ở khu lãnh địa của ông ta. Ông ta không đi cùng chúng tôi, nhưng cho chúng tôi địa chỉ của thượng sĩ Coventry - viên cảnh sát sở tại. Đây chính là viên cảnh sát đến hiện trường điều tra đầu tiên. Anh ta cao gầy, da trắng, trông bộ dạng hơi bí hiểm, dễ gây cho người ta cảm giác anh ta biết nhiều điều nhưng không dám nói ra. Anh ta còn có một thói quen là hay đột ngột hạ thấp giọng ra vẻ như chuyện rất quan trọng, kỳ thực lại chẳng có gì cả. Nhưng đằng sau những điều đó, anh ta lại là một người thành thực, đúng mực, không kiêu ngạo tới mức không dám thừa nhận năng lực mình có hạn, cần được người khác giúp đỡ.

- Dù sao thì tôi cũng muốn ngài đến chứ không muốn những người ở Scotland Yard đến, thưa ngài Holmes. - Anh ta thật thà thừa nhận. - Cảnh sát cấp trên nhúng tay vào thì dù có thành công, cảnh sát địa phương cũng chẳng vinh dự gì, mà thất bại thì lại bị đem ra làm vật hy sinh. Còn ngài, tôi nghe tiếng ngài chơi đẹp hơn. Có thể khẳng định là ngài rất có nghĩa khí. Ông bạn Watson của ngài hẳn cũng như vậy. Vậy thì thưa ngài, chúng ta có thể cùng ra hiện trường. Tôi xin nêu ra một vấn đề chỉ riêng với ngài thôi. - Anh ta ngó xung quanh vẻ sợ sệt - Ngài không cho rằng trong vụ này, Neil Gibson chính là thủ phạm sao?

- Tôi cũng đang suy xét điều đó.

- Chắc ngài chưa gặp tiểu thư Dunbar, cô ấy là người tuyệt vời về mọi mặt. Chắc chắn là ông ta không muốn cô vợ gây khó cho mình. Mà người Mỹ lại dùng súng dễ dàng hơn người Anh chúng ta nhiều. Đó chính là khẩu súng của ông ấy đấy.

- Điều này đã được chứng thực chưa?

- Rồi. Đó là một khẩu trong bộ đôi súng của ông ta.

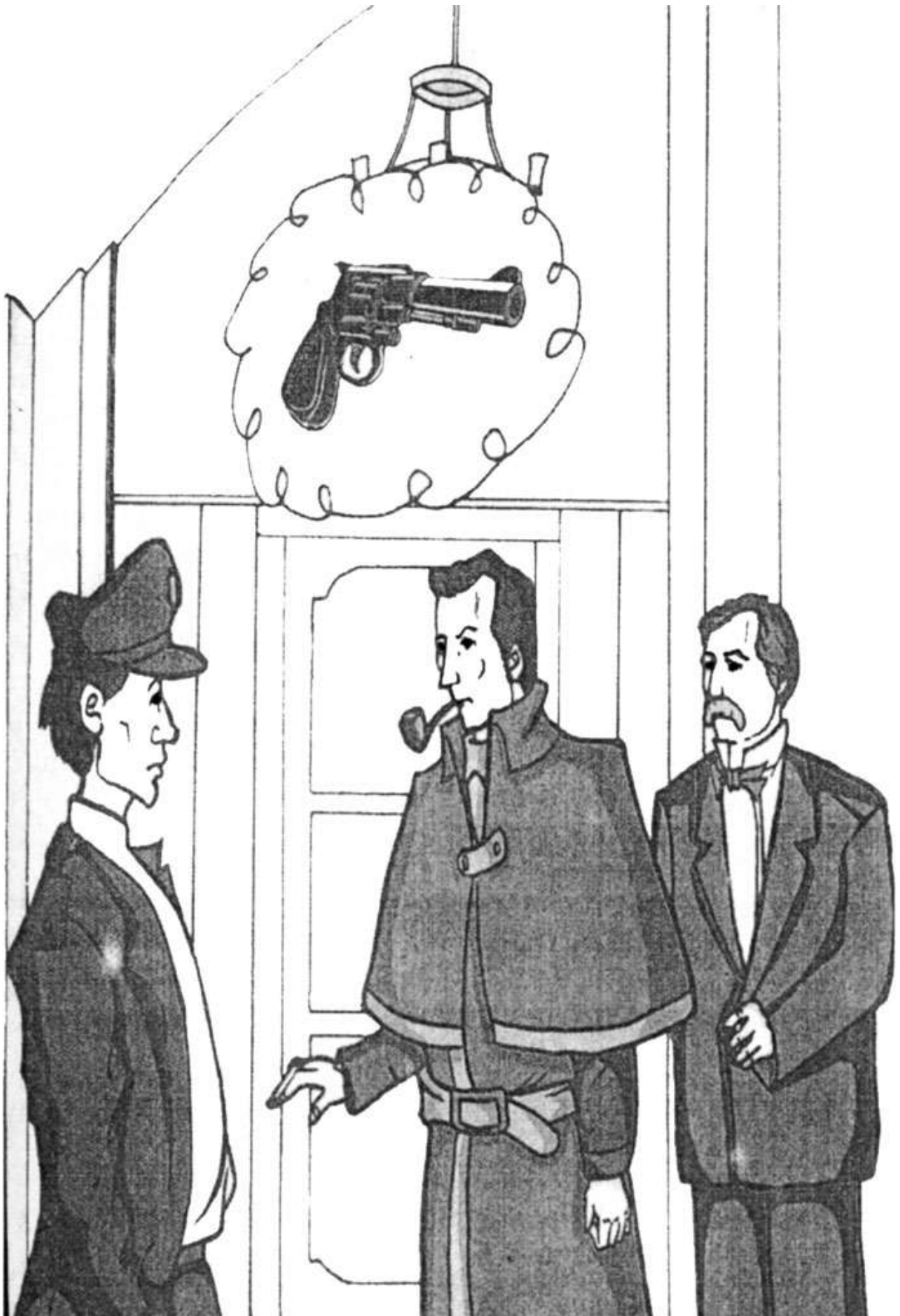
- Một khẩu trong bộ đôi ư? Còn khẩu kia đâu?

- Ông ta có rất nhiều loại vũ khí. Chúng tôi chưa tìm thấy khẩu súng thứ hai, nhưng bao súng đúng là bao đôi.

- Nếu đúng vậy thì phải tìm bằng được khẩu súng kia nữa.
- Chúng tôi đã gom tất vào góc nhà ông ấy, ngài có thể đến xem.
- Để sau! Bây giờ chúng ta tới hiện trường đã.

Đoạn đối thoại trên diễn ra trong căn phòng nhỏ của viên cảnh sát, nơi đã biến thành trạm cảnh sát địa phương. Từ đây đi nửa dặm, xuyên qua cánh đồng hoang lộng gió phủ đầy lá vàng của cây dương xỉ, chúng tôi đến cổng phụ của lãnh địa Thor của nhà triệu phú Mỹ. Đi dọc con đường nhỏ trong khu vực bảo tồn chim trĩ, từ giữa vùng đất hoang mênh mông, chúng tôi nhìn thấy một ngôi nhà nửa làm bằng gỗ, theo hai lối kiến trúc cổ khác nhau đứng chênh vênh trên đỉnh đồi. Bên cạnh đó, có một hồ nhỏ dài, mọc đầy cỏ lau, quăng giữa hẹp nhất có một cây cầu đá. Dừng ở đầu cầu, viên cảnh sát chỉ tay xuống mặt đất, nói:

- Đây chính là nơi thi thể nạn nhân nằm. Tôi đã đặt hòn đá này làm dấu.
- Anh đến trước khi thi thể bị chuyển đi chứ?
- Đúng vậy! Họ lập tức tìm gọi tôi đến đây.
- Ai tới tìm anh?



- Chính ông Gibson. Khi có người báo, ông ta và một số người khác cùng từ trong nhà chạy ra. Ông ta kiên quyết không cho ai di chuyển thi thể nạn nhân cũng như mọi thứ, trước khi cảnh sát tới.

- Thật sáng suốt. Tôi đọc trên báo, biết rằng hung thủ bắn ở cự ly không xa?

- Quả vậy, rất gần là đằng khác.

- Viên đạn xuyên qua thái dương bên phải, đúng không?

- Sát gần chỗ đó, thưa ngài.

- Thi thể nằm ở tư thế nào?

- Nằm sấp. Không có dấu vết vật lộn. Không một dấu vân tay. Không thấy có vũ khí. Tay trái của bà ta giữ chặt mẫu giấy do Dunbar viết.

- Anh vừa bảo là nằm chặt ư?

- Đúng như vậy! Chúng tôi phải rất vất vả mới mở các ngón tay ra được.

- Điều này vô cùng quan trọng, vì nó loại bỏ được giả thiết là mảnh giấy bị nhét vào tay khi nạn nhân đã chết, nhằm tạo chứng cứ giả. À, tôi nhớ rồi, trên mảnh giấy viết: “*Tôi sẽ đến cầu Thor lúc 9 giờ tối. G. Dunbar*”, đúng không?

- Đúng, đúng vậy!

- Cô Dunbar đã thừa nhận mình viết mảnh giấy đó?

- Thưa vâng.

- Cô ta giải thích ra sao?

- Cô ấy chuẩn bị biện hộ cho mình tại tòa nên chẳng nói gì cả.

- Quả là bài toán hóc búa đây. Về mảnh giấy, xem ra còn rất mù mờ.

- Nhưng, - Anh chàng cảnh sát chen vào - theo thiện ý của tôi, trong toàn bộ vụ này, mẫu giấy là điểm sáng tỏ duy nhất đấy.

Sherlock Holmes lắc đầu:

- Bây giờ cứ giả thiết mảnh giấy đó là do bị cáo viết thật, thì bà ta đã phải nhận được trước đó một vài giờ. Vậy vì sao người chết vẫn nắm chặt nó trong tay? Khi gặp nhau, họ đâu cần tới mảnh giấy đó nữa? Điều đó chẳng phải rất lạ sao?

- Nghe ngài nói vậy, tôi cũng thấy kỳ lạ thật.

- Tôi muốn ngồi yên đây suy nghĩ một lát.

Holmes vừa nói vừa ngồi lên thành cầu bằng đá. Tôi thấy anh đưa mắt sầm soi tìm kiếm. Đột nhiên anh vụt đứng dậy, chạy tới thành cầu bên kia, rút kính lúp ra quan sát tỉ mỉ từng phiến đá.

- Có chuyện kỳ lạ này! - Holmes nói.

- Đúng, chúng tôi cũng đã nhìn thấy vết sứt trên thành cầu. Nhưng tôi lại nghĩ rằng là do người qua đường vô tình gây ra.

Đá màu xám, nhưng vết sứt lại sáng màu, to bằng đồng tiền xu. Nhìn kỹ, có thể thấy vết sứt đó phải do một lực rất mạnh tác động vào.

- Phải cần cú đập thật mạnh mới để lại dấu vết như vậy. - Anh ấy lấy cây gậy gõ thật mạnh mấy cái vào thành cầu đá mà chẳng thấy có vết gì cả - Rõ ràng là rất mạnh, mà lại ở một vị trí rất bất bình thường thế này: ở mép dưới của thành cầu.



- Nhưng chỗ này còn cách thi thể ít ra là năm thước cơ mà.

- Không sai, đúng là năm thước. Có thể điều này chẳng liên quan gì tới vụ án cũng nên, nhưng vẫn rất đáng lưu ý. Được rồi, ở đây chẳng có gì để tìm kiếm nữa. Có phải anh nói, ở quanh đây không có dấu chân phải không?

- Thưa, mặt đất cứng như sắt, tuyệt nhiên chẳng có dấu chân nào!

- Vậy chúng ta đi thôi! Có thể vào trong nhà xem trước mớ vũ khí mà anh nói, sau đó chúng tôi sẽ đi Winchester. Tôi muốn gặp cô Dunbar trước khi tiếp tục điều tra.

Ông Gibson vẫn chưa về. Chúng tôi gặp lại Bates, người hơi có vẻ hoảng loạn mà hồi sáng đã ghé qua văn phòng chúng tôi. Ông ta dẫn chúng tôi đi xem số vũ khí của ông chủ với vẻ mặt rất đau khổ. Chúng tôi thấy các loại vũ khí xếp thành một mớ, nghĩ rằng đây có lẽ là những thứ mà cả đời chủ nhân của chúng mạo hiểm mới có được. Ông Bates nói:

- Ông chủ có không ít kẻ thù, phàm những ai biết tính cách và tác phong của ông ta đều chẳng lấy gì làm lạ. Hàng ngày, khi đi ngủ, ông ta luôn để súng với đạn đã lên nòng ở ngay đầu giường và trong ngăn kéo. Ông ta là con người đầy bạo lực, nhiều lúc chúng tôi rất sợ hãi. Bà vợ đã quá cố của ông ta cũng nhiều phen phải hết hồn, bị khủng hoảng...

- Ông đã nhìn thấy ông ấy đánh đập bà ấy bao giờ chưa?

- Việc này thì tôi đâu dám nói. Nhưng tôi có nghe được những lời nhục mạ rợn đến tận xương tủy của ông ta với bà vợ, thậm chí ngay trước mặt gia nhân.

- Ông vua vàng này, cuộc sống riêng tư cũng chẳng sáng chói cho lắm. - Khi chúng tôi lên xe, Holmes thốt lên - Watson này, chúng ta nắm được không ít dữ liệu, có một số hoàn toàn mới, nhưng tôi e để có thể kết luận được thì còn xa vời đấy. Mặc dù ông Bates rõ ràng không ưa gì ông chủ của mình, nhưng tôi được biết rằng: Khi phát hiện sự việc xảy ra, rõ ràng là ông chủ vẫn ở trong thư viện tại nhà. Bữa tối phải 8 giờ 30 phút mới được dọn ra, tới lúc đó mọi việc vẫn bình thường. Đúng là nhận được tin báo lúc khuya khoắt, nhưng thảm kịch lại xảy ra vào thời gian như ghi trên mảnh giấy. Không có bằng chứng nào để khẳng định là ông chủ từ 5 giờ chiều, sau khi từ thành phố về, đã ra ngoài. Ngược lại, cô Dunbar đã thừa nhận việc

hẹn gặp bà chủ ở cầu Thor. Tôi có mấy việc tối quan trọng cần hỏi cô ấy. Chỉ có gặp được chính cô ấy, tôi mới yên tâm. Tôi phải thừa nhận, vụ án này hết sức bất lợi với cô ấy... Chỉ trừ một điều...

- Điều gì vậy?

- Chính là việc phát hiện ra khẩu súng trong tủ quần áo của cô ấy.

- Cái gì? - Tôi ngạc nhiên hỏi - Tôi cứ nghĩ, đó là chứng cứ thuyết phục nhất chứ?

- Không đúng. Lần đầu tiên nghe chi tiết này, tôi đã thấy rất đáng ngờ rồi. Bây giờ, sau khi biết được ít nhiều, tôi lại cho rằng đó chính là chứng cứ duy nhất có thể tin cậy được để mà hy vọng. Chúng ta cần phải biết nghi ngờ rằng đây là một màn dàn dựng lừa bịp có chủ ý.

- Tôi chẳng hiểu gì cả.

- Vậy thì, Watson này, giả sử anh là một cô gái định loại bỏ tình địch của mình. Lạnh lùng và tỉnh táo, anh đã sắp đặt âm mưu xong xuôi: Viết một mảnh giấy hẹn. Đối phương đã tới. Anh cầm súng theo, rồi gây án... Tất cả đều êm xuôi. Lẽ nào sau khi thực hiện xong, anh lại làm một việc rất ngu xuẩn, chẳng giống tí gì phong thái của một sát thủ lừng danh là không ném súng xuống đầm nước sâu dày đặc lau sậy ngay đấy để vĩnh viễn phi tang, mà lại mang về, cẩn thận giấu trong tủ quần áo, mặc dù biết rõ đó là nơi cảnh sát lục tìm đầu tiên? Watson này, nếu là anh, chắc chắn anh cũng không làm cái việc quá ư là ngu ngốc đó chứ?

- Nhưng biết đâu là do quá hoảng hốt.

- Không thể! Tôi không tin khả năng đó. Nếu vụ án mạng đã được tính toán âm mưu từ trước, thì nó dứt khoát cũng phải được tỉnh táo che đậy. Cầu mong rằng tất cả đều đang vướng vào một sự nhầm lẫn to lớn!

- Nhưng quan điểm này của anh lại đòi phải giải quyết nhiều vấn đề khác nữa.

- Đúng, phải giải quyết chúng. Một khi quan điểm đã chuyển biến, những chứng cứ vốn bất lợi trước đây lại trở thành bằng chứng của chính sự thật. Ví dụ như khẩu súng, Dunbar nói cô không hề biết gì về nó cả. Theo giả thiết mới của chúng ta thì cô ấy đã nói thật; cho nên súng là do ai đó cố ý bỏ vào tủ của cô ấy. Vậy là ai đây? Ai muốn đổ tội cho cô ấy? Kẻ đó có phải

chính là tên tội phạm? Anh thấy không: chúng ta đã có hướng điều tra mới rồi đó.

Tối hôm ấy, chúng tôi buộc phải qua đêm ở Winchester vì chưa xong thủ tục. Sáng hôm sau, luật sư biện hộ, tên là Joyce Cummings, đã cùng chúng tôi tới phòng giam cô Dunbar. Từ cô toát lên một thần thái đầy sức mạnh, hoàn toàn có thể cảm hóa và điều khiển người khác. Cô ấy là người mạnh mẽ, khuôn mặt đầy mãn cảm, khiến bạn cảm thấy cho dù cô ấy có thể làm việc gì đó bông bột nhất thời, về bản chất, cô ấy vẫn rất cao quý, luôn lương thiện với mọi người. Cô có mái tóc nâu, người cao dong dỏng, đoan trang, đặc biệt là đôi mắt đầy biểu cảm. Nhưng trong đôi mắt nâu kia vẫn ẩn chứa nỗi tuyệt vọng, âm thầm mà thấm thía, giống như con thỏ nhỏ đáng thương đã sập bẫy mà thấy chẳng có lối nào thoát thân! Khi cô ấy biết người tới thăm và giúp cô là Sherlock Holmes nổi tiếng, thì hai gò má tái nhợt có đôi chút ửng hồng, cô gái nhìn chúng tôi với ánh mắt đã lóe lên chút hy vọng.

- Có lẽ ông chủ đã nói tình hình giữa chúng tôi? - Giọng cô khe khẽ.

- Phải! - Holmes đáp - Cô không cần phải kể những chuyện lẩn cán đó nữa. Gặp cô, tôi tin lời ông ta nói là thật, bất kể đó là về ảnh hưởng của cô đối với ông ta, hay mối quan hệ trong sáng giữa hai người. Nhưng sao những chi tiết đó cô lại không cho các nhà điều tra biết?

- Tôi vẫn nghĩ, sẽ chẳng có kiện cáo gì chỉ vì những điều chả ai tin được đó. Chỉ cần chúng tôi nhẫn nại chờ đợi, tất cả rồi sẽ sáng tỏ, chả cần chúng tôi phải đào bới những chuyện đau lòng về đời tư của gia đình ấy. Nhưng nay tôi mới biết, chẳng những không sáng tỏ mà ngược lại, mọi chuyện càng nghiêm trọng hơn.

- Tiểu thư này, - Holmes cất lời an ủi - tôi mong cô đừng bao giờ ảo tưởng rằng sự thật sẽ tự sáng tỏ. Luật sư Cummings có thể nói rõ với cô, tình hình rất bất lợi cho chúng ta, phải cố gắng hết sức mới có cơ may thắng cuộc được. Mong cô cũng gắng sức giúp chúng tôi làm sáng tỏ vụ việc.

- Tôi sẽ không giấu giếm điều gì cả.

- Vậy cô hãy nói về quan hệ với bà chủ!

- Bà ta rất hận tôi, hận đến điên cuồng, theo đúng tính cách của con người xứ nhiệt đới. Bà ta là người làm gì cũng làm đến cùng, yêu chồng bao

nhieu thì hận tôi bấy nhiêu. Tôi không muốn nói những lời bất công với bà ta, nhưng tôi cho rằng bà ta đã yêu chồng một cách mù quáng nên không hiểu được mối liên hệ giữa chồng bà và tôi. Bà ta cũng không hiểu được rằng, sở dĩ tôi còn nấn ná là bởi tôi còn muốn tác động tốt tới ông chủ. Nay tôi đã nhận ra sai lầm của mình, tôi không có tư cách gì trở lại đó, mặc dù có thể khẳng định rằng những bất hạnh lớn trong ngôi nhà đó, mà sự có mặt của tôi bị coi là căn nguyên, thì dù tôi có rời đi, đại họa không chóng thì chày vẫn cứ xảy ra.

- Bây giờ, cô hãy kể lại quá trình sự việc hôm đó một cách tỉ mỉ và chính xác cho chúng tôi nghe!

- Tôi sẽ nói thật hết những điều tôi biết với ngài, là tôi kể sự thật chứ không phải cố minh oan. Ngoài ra, còn có một số tình tiết, mà đó lại là những tình tiết quan trọng nhất, thì tôi lại không thể giải thích và cũng không nghĩ ra được cách gì để giải oan cho mình.

- Chỉ cần cô nói rõ sự thật, có lẽ người ngoài sẽ có cách giải oan cho cô.

- Về việc tối hôm đó tôi đã có mặt tại cầu Thor, đó là do buổi sáng tôi nhận được mảnh giấy do bà chủ viết. Mảnh giấy ấy đặt trên bàn, trong phòng học của bọn trẻ; có thể do bà ta tự đem đến đặt ở đó. Trên mảnh giấy, bà ta yêu cầu tôi sau bữa tối ra đầu cầu chờ bà ta, bà có việc quan trọng muốn nói và bảo tôi hãy viết giấy trả lời, rồi đặt tại chỗ đồng hồ mặt trời trong vườn, vì bà ta không muốn ai biết chuyện này. Tôi không hiểu vì sao lại phải bí mật như vậy, nhưng cũng làm theo yêu cầu của bà ta, nhận lời hẹn gặp. Bà ta còn bảo tôi xem xong mảnh giấy bà ta gửi thì đốt đi, tôi đã ném nó vào lò sưởi ở lớp học rồi. Bà ta rất sợ chồng, vì vậy tôi cho là bà ta làm vậy vì muốn giấu chồng mà thôi.

- Nhưng sao bà ta vẫn giữ lại mảnh giấy của cô cẩn thận như vậy?

- Vâng. Tôi rất ngạc nhiên khi nghe nói lúc chết, tay bà ta còn nắm chặt mảnh giấy do tôi viết.

- Chuyện tiếp theo thế nào?

- Đúng giờ hẹn, tôi tới cầu. Khi tôi tới thì đã thấy bà ta đứng đợi ở đó rồi. Đến giờ phút ấy tôi mới biết người đàn bà này căm hận tôi vô cùng. Bà ta như phát điên lên. Mà không, bà ta điên thật. Tôi không muốn nhắc lại,

nhưng quả là bà ta đã dùng những lời lẽ ghê sợ nhất, điên rồ nhất để trút hết nỗi căm giận điên cuồng của mình ra. Tôi không nói lời nào, mà cũng chẳng thể nói được. Tôi bịt chặt hai tai, rồi quay người bỏ chạy. Còn bà ta vẫn đứng đó, ở ngay đầu cầu, điên cuồng chửi rửa tôi.

- Chỗ mà sau đó phát hiện ra thi thể bà ta phải không?

- Chỉ cách đó vài mét thôi.

- Nhưng, giả sử sau khi cô bỏ đi không lâu thì bà ta chết, cô không nghe thấy tiếng súng nổ ư?

- Không. Bị bà ta chửi bới cho rối loạn tinh thần nên tôi cố chạy vội về phòng, không còn hồn vía đâu mà để ý đến các chuyện khác nữa.

- Cô nói quay về phòng. Vậy từ lúc ấy cho đến sáng hôm sau, cô có rời phòng lần nào không?

- Chỉ sau khi tin tức về vụ việc đó truyền về, tôi với những người khác mới chạy ra xem thôi.

- Thế lúc đó cô có nhìn thấy ông chủ không?

- Có. Tôi nhìn thấy ông ấy vừa từ cầu trở về. Ông ấy cho gọi cảnh sát và bác sĩ.

- Cô có cảm thấy ông ta bị chấn động tinh thần không?

- Là người rất hiểu ông ấy, tôi nhận thấy ông ấy rất xúc động, cho dù ông ấy là người sắt đá, ít để lộ ra ngoài điều gì.

- Bây giờ nói tới điểm thiết yếu nhất: khẩu súng được phát hiện trong buồng cô. Trước đó, cô đã nhìn thấy nó lần nào chưa?

- Tôi thì là chưa hề nhìn thấy bao giờ!

- Vậy, người ta phát hiện ra nó khi nào?

- Sáng sớm hôm sau, khi cảnh sát tới lục soát.

- Ở ngay trong đồng quần áo của cô ư?

- Đúng, ở dưới chõng váy, trong ngăn tủ của tôi.

- Cô không đoán được nó đã được để vào đó lúc nào ư?

- Sáng sớm hôm đó nó còn chưa có ở đấy.

- Sao cô biết?

- Vì buổi sáng đó tôi còn sắp xếp lại quần áo trong tủ mà.

- Như vậy là đã rõ, có người đã lên vào phòng cô và đặt súng ở đó, nhằm vu tội cho cô.

- Hẳn đúng như vậy.

- Nhưng, họ làm vào lúc nào được?

- Chỉ có thể vào lúc ăn tối, không thì vào lúc tôi đang dạy tội trẻ học.

- Hay là lúc cô nhận được mảnh giấy?

- Buổi sáng hôm đó, cũng có thể.

- Cám ơn cô Dunbar! Cô xem còn tình tiết nào có thể giúp chúng tôi điều tra nữa không?

- Tôi nghĩ không ra nữa.

- Trên thành cầu có một vết sứt do va chạm rất mạnh, còn mới, ở ngay chỗ đối diện với tử thi. Cô có ý kiến giải thích nào không?

- Tôi cho rằng chỉ là trùng hợp ngẫu nhiên thôi.

- Quá lạ lùng. Làm sao lại xuất hiện vết sứt ấy đúng lúc xảy ra thảm kịch, và chính tại chỗ đó?

- Làm sao có thể tạo ra được vết sứt đó? Phải dùng một cú đập cực kỳ mạnh mới được.

Holmes không nói gì, trên khuôn mặt anh hiện rõ nét căng thẳng, mắt nhìn xa xăm. Kinh nghiệm mách bảo tôi rằng, đó chính là thời khắc bộ óc thiên tài của anh tập trung tinh lực. Tất cả ba người, luật sư, cô gái bị giam và cả tôi, đều ngồi lặng lẽ và hồi hộp theo dõi anh. Chẳng ai dám nói gì cả. Đột nhiên anh bật người dậy khỏi ghế, giục cuống lên:

- Đi! Watson, đi ngay nào!

- Có việc gì vậy hả Holmes? - Tôi hỏi gấp.

- Xin tiểu thư chớ lo lắng! Ông luật sư Cummings xin chờ tin tức của chúng tôi! Mai sẽ có tin, chờ nhé! Chúng tôi đảm bảo rằng ánh sáng chân lý sẽ xua tan mây mù.

Đường từ Winchester tới Thor không xa, nhưng vì chúng tôi quá sốt ruột nên cứ thấy dài dằng dặc, nhất là đối với Holmes. Anh đứng ngồi không yên, cứ đi tới đi lui trong toa xe, hoặc liên hồi gõ ngón tay xuống đệm ghế. Đột nhiên, khi sắp tới nơi, anh ngồi xuống trước mặt tôi, hai tay đặt lên hai đầu gối tôi, nhìn thẳng vào mắt tôi với ánh mắt rất tinh nghịch rồi nói:

- Watson à, tôi nhớ ra rồi! Mọi khi, các chuyến đi thế này hình như anh đều mang theo súng. Hôm nay anh có mang theo không?

Tôi rút khẩu súng ngắn trong túi ra, lưu ý anh ấy rằng đó là thứ vũ khí rất nhỏ gọn nhưng đặc dụng. Anh cầm lấy khẩu súng, mở chốt an toàn, rồi tháo băng đạn ra, xem xét rất kỹ càng.

- Nặng, khá nặng... - Anh lẩm nhẩm.

- Đúng vậy, đó là khẩu súng rất chắc chắn. - Tôi tán thành.

Anh cầm khẩu súng, nghĩ ngợi, rồi bảo:

- Watson này, anh biết không, tôi tin, khẩu súng của anh có mối liên hệ chặt chẽ tới vụ án mà chúng ta đang điều tra đây.

- Anh còn đùa nữa à?

- Không, tôi nói nghiêm túc đấy. Chúng ta cần phải kiểm nghiệm đã. Nếu giả thiết của chúng ta là đúng và được thử nghiệm thành công, thì chân tướng sự việc sẽ sáng tỏ ngay. Hãy cắt một viên đạn đi, lắp năm viên kia vào súng và khóa chốt an toàn! Ổn rồi, bây giờ thì súng đã đủ nặng.

Tôi không hiểu anh ấy đang nghĩ gì, anh cũng chẳng giải thích rõ cho tôi biết, cứ ngồi lặng thinh. Khi xuống ga, chúng tôi thuê một chiếc xe ngựa, ngót mười lăm phút sau đã có mặt ở nhà viên cảnh sát Coventry.

- Có manh mối gì rồi ư, thưa ngài Holmes?

- Anh Coventry, anh có thể kiếm cho tôi 10m dây thừng không?

Viên cảnh sát mua ngay một cuộn thừng rất chắc mang về.

- Từng này đủ dùng rồi. - Holmes gật đầu - Nếu giờ anh thấy không phiền, thì chúng ta cùng đi tới chặng cuối của cuộc hành trình điều tra nhé!

Mặt trời xế bóng, ánh nắng chiều lan tỏa khắp vùng Hampshire, tạo ra một quang cảnh mùa thu kỳ diệu. Anh bạn cảnh sát tỏ ra thiếu tin tưởng vào khả năng phá án của Holmes. Tới gần hiện trường, tôi thấy Holmes tuy tỏ vẻ rất bình tĩnh, nhưng thực ra lại đang bị xúc động ghê gớm.

- Đúng đấy Watson ạ! - Holmes đáp lại sự nghi hoặc của tôi - Trước đây, anh đã thấy tôi thất bại rồi. Cho dù tôi có bản năng rất tinh nhạy về chuyện này, nhưng cũng đã có lúc bị bản năng đánh lừa. Lúc còn ở chỗ nhà giam, ý nghĩ này chợt lóe lên trong óc và tôi tin là mình đã xác định được. Bộ óc lạnh lợi và năng động không phải lúc nào cũng giúp tôi tính hết được mọi

khả năng có thể xảy ra. Nhưng, cứ để chúng ta kiểm nghiệm sẽ biết ngay thôi.

Vừa đi Holmes vừa buộc chặt khẩu súng của tôi vào một đầu dây thừng, rồi thẳng bước ra hiện trường vụ án. Với sự giúp đỡ của viên cảnh sát, anh đã tính toán cẩn thận, tìm đúng chỗ mà xác nạn nhân nằm, sau đó kiểm tra trong các bụi dương xỉ quanh đó được một hòn đá khá to và nặng. Anh buộc một đầu dây thừng vào hòn đá, rồi đứng bên thành cầu, từ từ thả hòn đá xuống dưới, hòn đá treo lơ lửng trên mặt nước. Sau đó, anh đứng ở chỗ xảy ra vụ việc, tay giơ súng lên; đoạn dây thừng giữa hòn đá nặng và khẩu súng thẳng căng.

- Bây giờ bắt đầu! - Anh hô lớn.

Nói rồi, anh giơ khẩu súng lên đến ngang đầu, rồi thả tay ra. Khẩu súng bị sức nặng của hòn đá kéo văng ra “cạch” một cái - đập vào thành cầu, rồi bị kéo chìm xuống dưới nước. Anh vội ngồi thụp xuống thành cầu đá, rồi hét toáng lên. Điều đó đồng nghĩa với việc anh đã tìm thấy thứ mà mình mong đợi.

- Còn gì có thể chứng minh xác đáng hơn được nữa? Watson, mau lại đây! Khẩu súng của anh đã giải quyết được bài toán hóc búa. - Vừa nói, anh chỉ vào vết sứt mới, giống hệt vết sứt cũ trên thành cầu.

- Tối nay, chúng ta nghỉ lại quán trọ. - Holmes đứng dậy, nói với viên cảnh sát đang ngó người ra vì kinh ngạc - Anh có thể dễ dàng lấy một cái móc vớt khẩu súng của bạn tôi lên, tiện ngay đó, vớt luôn cả khẩu súng, đoạn dây và hòn đá mà người đàn bà báo thù đã dùng để che đậy việc tự sát của mình và vu tội giết người cho cô gái bất hạnh. Xin anh báo cho ông Gibson rằng sáng mai tôi sẽ đến gặp ông ta sau khi hoàn tất những dữ liệu cần thiết nhằm minh oan cho cô Dunbar.

Đêm khuya, khi chúng tôi đang ngồi hút thuốc ở một nhà trọ trong thôn đó, Sherlock Holmes tóm lược toàn bộ quá trình điều tra vụ án.

- Watson này! E rằng vụ cầu Thor này chẳng làm tăng thêm danh tiếng cho tôi. Thú thực, lần này đầu óc tôi hơi chậm chạp, thiếu năng lực để tổng hợp trí tưởng tượng và mẫn cảm thực tiễn lại... Sự tổng hợp này chính là một lợi thế vốn dĩ của tôi. Phải thừa nhận, vết sứt trên thành cầu đá là bằng

cứ đủ để giải được bài toán này rồi. Vậy mà tôi lại không sớm nhận biết điều đó. Thật đáng trách!

“Chúng ta phải thừa nhận rằng, năng lực dàn dựng của người đàn bà xấu số đó quả rất sâu sắc và tinh vi, nên việc khám phá tâm địa của bà ta quả không dễ dàng gì. Vụ án này cho thấy, tình yêu lầm lạc gây hậu quả ghê gớm chưa từng thấy! Ngay cả khi cô Dunbar quả có là tình địch đã chiếm chỗ trong trái tim ông chồng, thì bà ta cũng không thể được tha thứ. Bà ta quyết đổ mọi tội lỗi cho cô gái. Giải pháp ưu tiên bà ta chọn là tự sát; nhưng phải bằng cách nào đó để buộc kẻ tình địch kia vào một số mệnh còn tồi tệ hơn cả cái chết của bà ta.

“Ta có thể thấy rõ, bà ta thực hiện vô cùng tinh tế từng bước, từng bước một. Bà ta rất khôn khéo để có được mảnh giấy hẹn của Dunbar, khiến mọi người lầm tưởng cứ như cô gái mới là kẻ lựa chọn địa điểm phạm tội. Cũng vì muốn người ta nhanh chóng tìm ra mảnh giấy nên bà ta đã quá lộ liễu - đến lúc chết mà tay vẫn lăm lăm mảnh giấy. Riêng điểm này đáng lẽ đã khiến tôi sớm nghi ngờ mới phải.

“Rồi bà ta lấy một khẩu súng của chồng - trong nhà có cả một kho đầy các loại súng ống - để tự mình sử dụng, sau còn mang một khẩu giống hệt ra bắn một viên đạn, xong mới nhét vào tủ quần áo của cô Dunbar. Chuyện bắn súng ở trong rừng, đâu có ai để ý làm gì. Rồi sau đó, bà ta tới đầu cầu, dàn dựng cách vứt bỏ vũ khí vô cùng tinh vi. Khi cô Dunbar tới, bà ta liền mang hết sức lực cuối cùng trút hận lên đối phương. Rồi chờ cho Dunbar bỏ đi xa, bà ta đã hoàn thành nốt phần việc ghê sợ của mình.

“Nay thì mọi việc đều rõ ràng cả rồi, sự kiện đã được xâu chuỗi hoàn hảo. Có thể báo chí sẽ chất vấn phía cảnh sát, sao ngay lúc đầu không tiến hành mò vớt ở dưới hồ? Nhưng khôn sau thì làm gì mà chẳng dễ! Thêm nữa, cả vạt đầm toàn lau sậy này rộng mênh mông, biết mò vớt thế nào đây, khi anh chưa biết chắc chắn là cần cái gì, và ở đâu.

“Watson này, coi như chúng ta đã giải thoát cho cô gái rất đáng trọng và một quý ông có máu mặt trong giới doanh thương. Nếu sau này họ kết hợp lại với nhau, điều này xem ra rất có khả năng, lúc ấy thị trường tài chính tiền

tệ hẳn phải ngạc nhiên về một ông chủ Neil Gibson hoàn toàn mới, từ sau bài học ghê gớm này trên trường đời.”

LÃO CHỦ THẦU Ở NORWOOD

Holmes đã trở về London được vài tháng. Và theo lời đề nghị của anh, tôi bán căn hộ của mình để tới ở chung với anh. Một bác sĩ trẻ có tên là Verner đã mua lại phòng mạch của tôi ở Kensington với cái giá cao nhất mà tôi bao phối đưa ra. Vài năm sau tôi mới biết rằng, Verner là người bà con xa với Holmes, và chính bạn tôi là người bỏ tiền ra mua giúp phòng mạch này.

Sáng nay, Sherlock Holmes ngồi lọt thỏm trong chiếc ghế bành và thông thả mở tờ báo buổi sáng. Đột nhiên, chuông cửa réo ầm, tiếp theo là tiếng đập cửa ỳnh ỳnh, như thể có ai đó đang tông vào nhà chúng tôi. Cửa vừa mở, một người chạy vụt vào tiền sảnh, rồi tiếng chân vội vàng bước trên cầu thang. Và chỉ vài giây sau, một thanh niên mặt tái mét, cặp mắt ngơ ngác, đầu tóc bù xù, thở hổn hển lao vào phòng chúng tôi. Anh ta nhìn hai chúng tôi, Holmes đặt tờ báo xuống, nhìn anh ta có ý chờ đợi. Anh ta chột hiều, cần phải xin lỗi vì sự xuất hiện đường đột của mình.

- Xin ông thứ lỗi, ông Holmes. - Anh ta nói oang oang - Xin đừng hiểu lầm, vì tôi gần như muốn phát điên... Thưa ông Holmes, tôi chính là John Hector McFarlane bất hạnh!

Cứ như thế, chỉ cần cái tên là đủ giải thích cho sự vụ và chuyến thăm viếng kỳ cục này của anh ta vậy. Nhưng nét mặt không chút phản ứng nào của Holmes cho thấy rằng, cái tên ấy đối với anh chẳng gợi ra chút ý nghĩa nào, cũng như đối với tôi vậy.

- Hãy hút một điếu thuốc lá đi, anh McFarlane! - Holmes chìa ra hộp thuốc - Tôi tin chắc rằng, với những triệu chứng như thế này thì bác sĩ Watson đây sẽ sẵn lòng kê cho anh một liều thuốc an thần đấy. Tiết trời mấy ngày nay thật nóng nực. Còn bây giờ, nếu anh đã cảm thấy bình tâm hơn, xin mời ngồi xuống chiếc ghế kia và nói chuyện với chúng tôi một cách từ tốn, chậm rãi! Làm ơn cho chúng tôi biết anh là ai và muốn gì. Anh xưng tên

cứ như là chỉ cần nghe nói, tôi biết ngay anh là ai. Nhưng thành thực mà nói, ngoại trừ việc anh còn độc thân, là luật gia, hội viên Hội Tam Điểm và mắc bệnh hen suyễn ra, tôi chẳng biết gì hơn nữa đâu.

Vốn đã quen với phương pháp của Holmes, tôi chẳng có khó khăn gì mà không theo kịp các lập luận của anh khi quan sát người khách. Thế nhưng, vị khách của chúng tôi thì vô cùng sửng sốt:

- Vâng, đúng thế thật, thưa ông Holmes. Và ngoài những điều ông vừa nói ra, hiện giờ tôi còn là người đàn ông bất hạnh nhất London. Vì Chúa, xin ông đừng bỏ mặc tôi nhé! Nếu cảnh sát đến bắt tôi trước khi tôi kể hết câu chuyện, ông hãy nói với họ cho tôi vài phút, để tôi có thể kể cho ông nghe toàn bộ sự thật. Tôi sẽ yên tâm vào tù nếu tôi biết chắc ở bên ngoài vẫn còn có ông cứu giúp.

- Bắt anh! - Holmes nói - Chuyện xem ra hấp dẫn đấy! Thế anh sẽ bị bắt vì tội gì?

- Vì tội ám sát ông Jonas Oldacre ở Hạ Norwood.

Khuôn mặt bạn tôi biểu lộ một niềm cảm thông. Vị khách của chúng tôi run rẩy cầm lấy tờ “Daily Telegraph” còn để trên đầu gối Holmes:

- Nếu ông đã đọc báo thì chỉ liếc sơ qua là ông biết vì sao sáng nay tôi tìm tới đây. Hiện nay tôi đang là chủ đề bàn tán khắp thiên hạ. - Anh ta lật trang giữa của tờ báo - Nếu ông cho phép, tôi sẽ đọc ông nghe: “*Vụ án bí ẩn ở Norwood. Một nhà thầu khoán nổi danh đã mất tích. Một vụ ám sát hay một vụ hỏa hoạn do dã tâm? Kẻ sát nhân đang bị truy lùng*”. Họ đang lần theo những manh mối này đây, ông Holmes ạ, và họ sẽ lần đến tôi. Họ đã bám theo tôi từ ga London Bridge rồi, chỉ chờ có lệnh là bắt tôi thôi. Mẹ tôi sẽ tan nát cõi lòng. Bà ấy sẽ chết vì buồn tủi! - Anh ta vịn vẹo đôi tay một cách tuyệt vọng, đứng ngồi không yên.

Tôi chăm chú quan sát chàng trai bị buộc tội giết người này. Anh ta có mái tóc vàng nhạt, khuôn mặt điển trai, đôi mắt xanh đầy lo sợ, đôi môi yếu ớt, râu ria nhẵn nhụi. Anh ta khoảng hai mươi bảy tuổi, ăn mặc đứng đắn, nói năng đường hoàng như một người Anh có giáo dục. Một cuộn giấy tờ lộ ra nơi miệng túi chiếc áo khoác mùa hè của anh ta.

- Chúng ta phải chạy đua với thời gian thôi. - Holmes nói - Watson này, anh làm ơn đọc giùm tôi bài báo được không?

Tôi đọc to câu chuyện vụ án đăng trên báo:

“Đêm qua, hoặc có thể rạng sáng ngày hôm nay, một tội ác nghiêm trọng đã xảy ra ở vùng Hạ Norwood. Nạn nhân là ông Jonas Oldacre. Ông Oldacre độc thân, 52 tuổi, ngụ tại Deep Dene. Ông ta có tiếng là kỳ quặc, bí ẩn và không cởi mở. Ông ta đã làm chủ thầu nhiều năm, sau khi tạo được một gia sản khá khá thì giải nghệ. Sau nhà ông vẫn còn có một khoảng sân chứa đầy gỗ xây dựng. Và nửa đêm hôm qua, lúc khoảng 12 giờ, đồng gỗ đã bốc cháy. Lính cứu hỏa tới ngay, nhưng gỗ khô bén lửa cháy dữ dội, không sao dập tắt được, cho tới khi cả đồng gỗ cháy rụi. Lúc đó, ai cũng nghĩ chỉ là một trận hỏa hoạn bình thường. Nhưng một số dấu hiệu bất thường cho thấy một tội ác nghiêm trọng đã xảy ra. Mọi người rất ngạc nhiên khi không thấy chủ nhà xuất hiện chữa cháy. Một cuộc điều tra ngay sau đó cho thấy, ông ta đã biến mất. Giường không có người ngủ; két sắt trong phòng đã bị mở; một số giấy tờ quan trọng vương vãi trên sàn nhà. Và còn dấu hiệu của một cuộc vật lộn quyết liệt, nhiều vết máu vương lại trong phòng, còn cả một cái can gỗ sồi vấy máu ở cạnh. Được biết ông Jonas Oldacre đã tiếp khách đêm qua ở trong phòng, và cây gậy là của một luật sư trẻ tuổi người London, có tên là John Hector McFarlane, hiện đang làm cho hãng Graham và McFarlane, ở 426 Gresham Building, E.C. Cảnh sát tin rằng họ đã nắm được chứng cứ về động cơ phạm tội. Chúng ta hãy chờ đợi các bước điều tra tiếp theo.

“Tin giờ chót - Vừa lúc báo lên khuôn, có tin đồn rằng John Hector McFarlane vừa bị bắt vì tội danh giết ông Jonas Oldacre. Chắc chắn rằng, ít nhất cũng có lệnh bắt giữ chính thức đối với ông này. Cuộc điều tra tại Norwood cũng có nhiều bước tiến mới quan trọng. Ngoài các dấu vết cho thấy cuộc vật lộn đẫm máu trong phòng nạn nhân, nhân viên điều tra còn phát hiện các cửa sổ trong phòng ngủ của nạn nhân ở tầng trệt đã bị mở, có nhiều dấu vết chứng tỏ một vật lớn đã bị kéo lê ra đồng gỗ. Và sau chót, người ta khẳng định rằng, những mảnh vụn của thi thể nạn nhân đã được tìm thấy trong đồng tro tàn. Giả thiết của cảnh sát là đã xảy ra một vụ án

mạng nghiêm trọng, nạn nhân bị đánh đến chết trong phòng ngủ. Hung thủ đã đánh cắp giấy tờ và kéo xác nạn nhân ra đồng gỗ rồi châm lửa đốt, nhằm phi tang. Cuộc điều tra được ủy thác cho thanh tra Lestrade thuộc Sở Cảnh sát Scotland Yard. Tin chắc với tài năng vốn có, ông sẽ lần ra manh mối vụ án”.

Sherlock Holmes nghe tôi đọc, hai mắt anh nhắm nghiền, các đầu ngón tay chụm lại.

- Vụ này có vài điểm đáng chú ý đây. - Anh chậm rãi nói - Trước tiên, anh McFarlane, anh cho tôi hỏi là làm thế nào đến giờ này mà anh vẫn còn tự do, trong khi rõ ràng là đã đủ bằng chứng để bắt giữ anh rồi.

- Tôi sống ở Blackheath, cùng với bố mẹ tôi. Nhưng đêm qua, vì có việc phải làm lúc khuya với ông Oldacre, tôi nghỉ lại trong một khách sạn ở Norwood, rồi từ đó đi thẳng đến văn phòng. Tôi chẳng hề hay biết gì về vụ này, cho đến khi lên tàu và đọc bài báo mà ông vừa nghe. Tôi biết mình đang gặp nguy hiểm nên ngay lập tức chạy vội tới đây cầu cứu ông. Tôi biết thế nào người ta cũng tới nhà hoặc đến văn phòng để bắt tôi. Có một người đã theo tôi từ ga và chắc chắn là... Ôi trời ơi! Gì thế này?

Đó là tiếng chuông gọi cửa, rồi tiếng bước chân nặng nề trên cầu thang. Vài phút sau, ông bạn quý Lestrade hiện ra nơi ngưỡng cửa. Qua vai ông ta, tôi thấy vài người cảnh sát mặc đồng phục đứng lố nhố ở phía ngoài.

- Phải ông John Hector McFarlane đây không? - Lestrade hỏi.

Thân chủ của chúng tôi đứng lên, mặt tái mét, không nói được lời nào.

- Tôi bắt giữ ông vì tội hạ sát ông Jonas Oldacre ở Hạ Norwood.

McFarlane quay về phía chúng tôi với vẻ tuyệt vọng, đoạn ngã phịch xuống ghế, như thể bị một cú đánh trời giáng.

- Xin hãy từ từ một chút, ông Lestrade! - Holmes ngăn lại - Sớm hay muộn nửa tiếng đồng hồ với ông đâu có gì khác nhau. Ông đây sắp giải thích cho chúng ta hiểu rõ thêm về vụ án thú vị này. Biết đâu, nhờ đó mà chúng ta có thể làm sáng tỏ nhiều vấn đề.

- Tôi nghĩ, tất cả đều đã quá rõ ràng rồi. - Lestrade nói đầy vẻ nghiêm khắc.

- Tuy nhiên, nếu được ông cho phép, tôi rất quan tâm đến câu chuyện ông ta sẽ kể.

- Ông Holmes, tôi thật khó lòng từ chối ông điều gì, vì trước đây ông đã giúp chúng tôi khá nhiều, Scotland Yard coi như vẫn còn nợ ông. - Lestrade tỏ vẻ nhân nhượng - Nhưng tôi phải ở đây, bên cạnh phạm nhân và tôi xin báo trước, bất kỳ điều gì anh ta nói ra cũng có thể sẽ là bằng chứng chống lại anh ta.

- Tôi chẳng dám nài xin gì hơn. - Thân chủ của chúng tôi ừ ừ đáp - Tất cả những gì tôi mong muốn là xin các ông hãy nghe tôi nói và tìm ra sự thật. Lestrade nhìn đồng hồ.

- Tôi cho ông đứng nửa tiếng thôi!

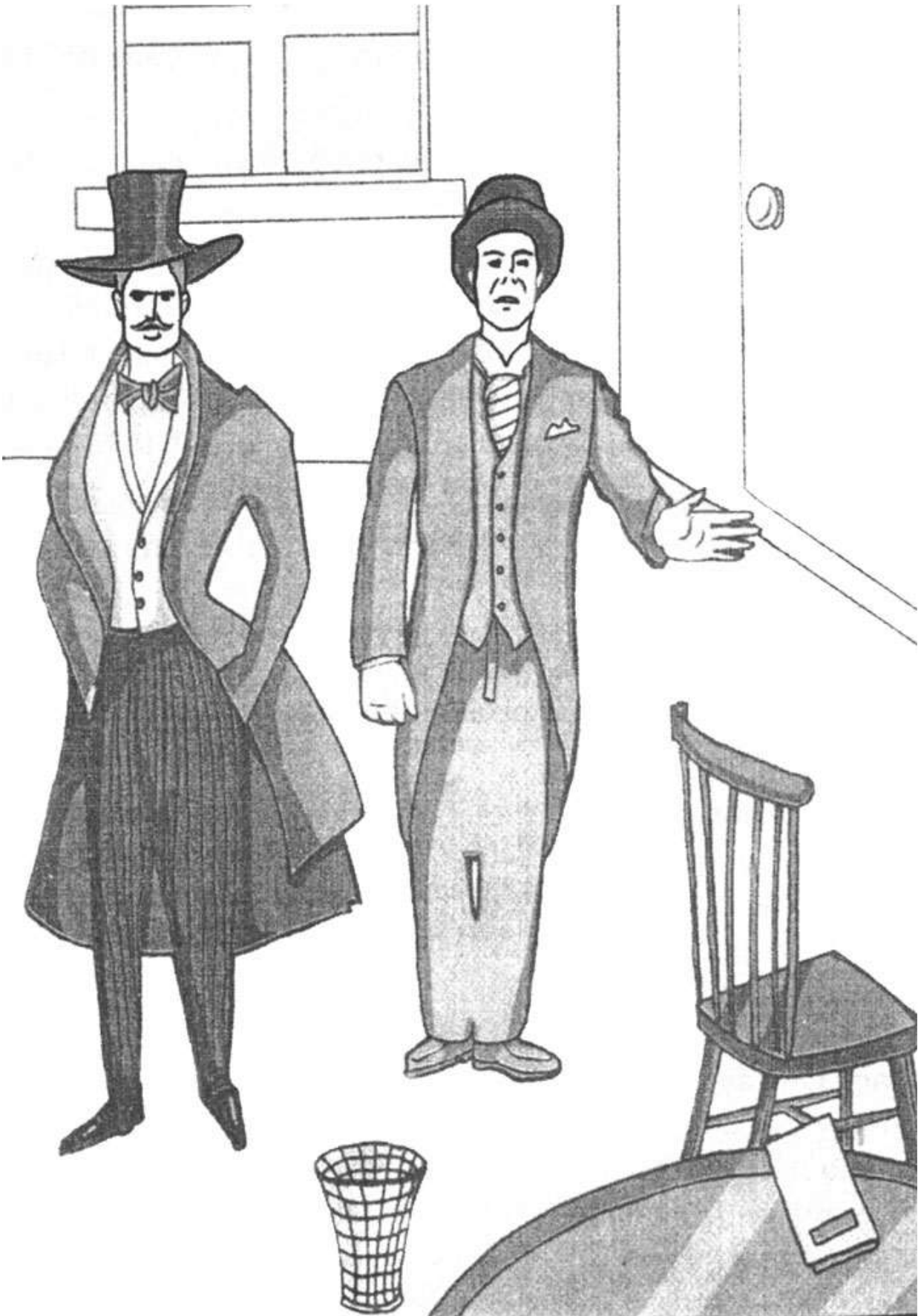
- Trước hết, tôi xin làm rõ ngay, - McFarlane trình bày - rằng tôi không hề biết gì về ông Jonas Oldacre, ngoại trừ cái tên của ông ấy. Từ nhiều năm trước, cha mẹ tôi có quen biết ông ấy, nhưng đã lâu họ không liên lạc với nhau. Vì thế ngày hôm qua, tôi rất ngạc nhiên khi thấy ông ấy tìm đến văn phòng của tôi trong thành phố vào lúc ba giờ chiều. Tôi càng sửng sốt hơn khi ông ấy nói cho tôi mục đích của chuyến viếng thăm. Ông ấy mang theo vài tờ giấy gỡ ra từ một quyển sổ, trên đó đầy những dòng chữ viết nguệch ngoạc. Đây các ông xem. - Anh ta nói rồi đặt mấy tờ giấy lên bàn - “Đây là bản chúc thư của tôi”, ông Oldacre nói vậy. “Tôi muốn cháu soạn lại nó theo thể thức phù hợp pháp luật. Tôi sẽ ngồi đây chờ trong lúc cháu làm việc”.

“Tôi liền bắt tay vào việc. Nhưng tôi kinh ngạc biết bao khi nhận ra rằng ông ấy để lại toàn bộ tài sản cho tôi. Ông Oldacre là một người nhỏ bé, có cặp lông mày bạc trắng. Khi ngẩng lên nhìn ông, tôi bắt gặp ông chăm chú nhìn tôi với ánh mắt ấm áp. Tôi thật không thể tin vào mắt mình khi đọc các điều khoản của chúc thư. Nhưng ông ấy đã giải thích rằng ông ấy sống độc thân, chẳng còn họ hàng thân thích, rằng hồi còn trẻ ông ấy có biết bố mẹ tôi, ông ấy nghe nói tôi là một chàng trai rất đáng khen, và ông ấy tin chắc của cải của mình được trao lại cho một người xứng đáng. Tôi dĩ nhiên chỉ còn biết ập úng nói lời cảm ơn. Bản di chúc được soạn xong, ông ấy ký tên và người thư ký của tôi đứng làm chứng. Đây, như tôi đã nói, chỉ là bản nháp thôi. Bản chính thức đã được soạn trên giấy màu lam nhạt. Sau đó ông

Oldacre báo cho tôi biết là ông còn một số giấy tờ nữa như hợp đồng cho thuê nhà đất, chứng thư xác lập tài sản, giấy tờ thế chấp, cổ phiếu... mà tôi cần phải xem để hiểu. Ông ấy nói rằng chưa thể hoàn toàn yên tâm chừng nào mọi việc còn chưa được sắp xếp xong xuôi. Và ông ấy yêu cầu tôi đến nhà ông ở Norwood ngay trong đêm với bản chúc thư để còn sắp xếp mọi việc. “Con trai, nhớ đừng nói lời nào với cha mẹ con về việc này cho tới khi ta làm xong xuôi mọi thứ! Chúng ta sẽ dành cho họ một điều bất ngờ nho nhỏ”. Ông ấy nhắc đi nhắc lại điều này và bắt tôi phải hứa danh dự.

“Thưa ông Holmes, ông cũng biết là tôi không thể từ chối ông ấy điều gì, vì ông ấy là ân nhân của tôi. Tôi chỉ mong thực hiện được mọi tâm nguyện của ông ấy. Thế là tôi gửi một bức điện về nhà, nói rằng tôi có một việc quan trọng phải làm, chưa biết chừng nào mới về được. Ông Oldacre nói muốn mời tôi ăn tối lúc 9 giờ, vì ông không thể về nhà sớm hơn. Nhưng khó khăn lắm tôi mới tìm được nhà của ông ấy, đến tận 9 giờ rưỡi mới tới nơi. Tôi thấy ông ấy...”

- Dừng một chút! - Holmes cắt ngang - Thế ai mở cửa?
- Một bà trung niên, mà tôi đoán là quản gia.
- Có phải bà ấy đã báo tin anh đến? Tôi đoán thế.
- Vâng, đúng vậy.
- Được rồi, anh nói tiếp đi. - Holmes gật đầu ra hiệu.



McFarlane lau văng trán lấm tấm mồ hôi và tiếp tục kể:

- Bà ấy đưa tôi vào phòng khách, nơi bữa ăn đã được dọn sẵn. Ăn xong, ông Oldacre dẫn tôi vào buồng ngủ của ông ấy. Trong đó có một cái két sắt lớn. Ông ấy mở két lấy ra một đồng tài liệu, và chúng tôi cùng xem. Khoảng hơn 11 giờ, gần 12 giờ chúng tôi mới xong việc. Ông ấy bảo không nên làm ảnh hưởng tới bà quản gia nên đưa tôi ra qua lối cửa sổ luôn mở rộng suốt buổi tối.

- Thế tấm màn che có được hạ xuống không? - Holmes vừa chăm chú lắng nghe, vừa hỏi.

- Tôi không chắc, nhưng tôi nhớ rõ rằng nó chỉ được hạ xuống phân nửa. Đúng, tôi nhớ là ông ấy phải kéo rèm lên để mở rộng cửa sổ. Tôi tìm mãi không thấy cây can của mình. Ông ấy bảo: “Không sao đâu con trai, chúng ta còn gặp nhau nhiều mà. Bác sẽ giữ giúp cây can này cho tới khi con đến lấy lại”. Thế là tôi về, để ông ấy lại với cái két vẫn còn đang mở và đồng giấy tờ tài liệu xếp trên bàn. Lúc đó quá muộn rồi nên tôi không về nhà cha mẹ mình ở Blackheath nữa. Tôi nghỉ đêm tại khách sạn Anerley Arms. Và tôi không hề biết gì hơn, cho đến khi đọc báo về vụ việc kinh khủng này vào sáng ngày hôm nay.

- Ông có muốn hỏi thêm gì nữa không, ông Holmes? - Lestrade nhướn cặp lông mày lên hỏi.

- Không, trước khi tôi tới Blackheath.

- Chắc ông muốn nói tới Norwood?

- Ồ vâng, đi Norwood, ý tôi hẳn là thế. - Holmes mỉm cười đầy ẩn ý.

Dù Lestrade không chịu thừa nhận, nhưng kinh nghiệm đã cho ông ta thấy rằng bộ óc sắc sảo của người đứng trước mặt ông ta có thể sẽ tìm ra khối điều mà đối với ông ta là quá bí ẩn. Tôi thấy ông ta nhìn bạn tôi đầy vẻ tò mò.

- Tôi nghĩ tôi có vài lời muốn nói với ông, ông Holmes ạ! - Ông ta nói - Nay ông McFarlane, hai cảnh sát và chiếc xe ngựa đang đợi ông trước cửa đấy!

Người thanh niên đáng thương đứng dậy, rời khỏi phòng sau khi hướng về chúng tôi cái nhìn cầu khẩn cuối cùng. Hai nhân viên cảnh sát đưa anh ta

ra xe, còn Lestrade ở lại.

Holmes cầm các tờ nháp chúc thư lên xem xét vô cùng chăm chú.

- Tập tài liệu này có vài điểm đáng quan tâm đấy chứ, phải không, ông Lestrade? - Anh nói và đẩy tập giấy về phía Lestrade.

Tới lượt viên thanh tra xem các giấy tờ. Ông ta rất ngạc nhiên.

- Tôi chỉ có thể đọc vài dòng đầu, vài dòng giữa trang thứ hai và đôi ba dòng ở cuối. Những dòng này rõ như in, nhưng những chữ ở đoạn giữa thì rất xấu. Có đến vài chỗ tôi chẳng thể nào đọc được.

- Ông nghĩ sao về điều đó?

- Nói thật thì... Thế ông nghĩ sao?

- Chúc thư này được viết trên tàu. Nét chữ dễ đọc viết tại nhà ga, chữ xấu viết trên đường đi, còn chữ xấu đến mức không đọc nổi là viết lúc tàu qua các khúc quanh. Một chuyên gia về chữ viết có thể nói ngay được rằng những giấy tờ này được viết trên một đường tàu ngoại ô, vì không đâu trong thành phố lại có đường tàu với một chuỗi liên tục các khúc quanh như thế. Giả dụ rằng cả chuyến đi đó được dành cho việc soạn thảo chúc thư thì hẳn đây phải là một chuyến tàu tốc hành, chỉ dừng một lần giữa hai ga Norwood và London Bridge.

Lestrade phá lên cười.

- Ông quá giỏi, vượt xa tôi khi đưa ra các giả thiết, ông Holmes ạ! - Ông ta vui vẻ thừa nhận - Thế những điều này có ích gì cho việc điều tra không?

- Nó chứng thực cho câu chuyện của chàng trai trẻ. Chúc thư này Jonas Oldacre chỉ vừa mới soạn trong chuyến đi ngày hôm qua. Thật đáng quan tâm, phải không? Vì sao ông ta lại viết thứ tài liệu quan trọng như vậy một cách vội vã đến thế? Điều đó cho thấy ông ta nghĩ nó không có tầm quan trọng thực sự. Chỉ một người viết chúc thư mà không mong nó có hiệu lực thì mới làm như vậy.

- Nhưng làm thế thì có khác gì viết ra bản án tử hình cho chính mình. - Lestrade nhận xét.

- Ông nghĩ thế à?

- Ông không cho là vậy sao?

- Có thể, nhưng với tôi vụ việc này vẫn còn chưa sáng tỏ.

- Chưa sáng tỏ? Vậy thế nào mới gọi là sáng tỏ đây?

Một chàng trai bất ngờ được biết rằng mình sẽ được hưởng cả một gia tài nếu ông già chết. Hắn sẽ làm gì? Hắn chẳng nói cho ai hay, mà vội vã thu xếp để có thể gặp ông già ngay tối hôm ấy. Đợi đến khi người trong nhà đi ngủ, hắn mới ra tay giết ông già, thiêu xác ông ấy trong đồng gỗ và tới một khách sạn gần đó để ngủ trọ. Vết máu trong phòng và trên cây gậy rất mờ. Rất có thể hắn ta đã không thấy những vết máu đó, yên trí là xác chết bị thiêu hủy sẽ xóa bỏ được mọi dấu vết. Thế chẳng phải mọi chuyện đã rõ như ban ngày rồi sao?

- Tôi chỉ thấy nó rõ... như một trò đùa thôi. - Holmes lập luận - Ông không hẳn là người giàu trí tưởng tượng, nhưng hãy cứ thử đặt mình vào địa vị anh chàng này đi, ông có chọn ngay cái đêm mà ông nhận được bản di chúc để ra tay không? Ông có tự nhận thấy rằng bản thân sẽ lập tức gặp nguy hiểm vì hai sự kiện này liên quan chặt chẽ với nhau không? Và ông có chọn thời điểm có người quản gia dẫn vào nhà không? Cuối cùng, ông có đem giấu xác chết, nhưng bỏ lại cái can làm bằng chứng rằng mình chính là thủ phạm không? Lestrade, ông hãy thừa nhận rằng tất cả những điều này là rất phi lý đi.

- Về chuyện cây can thì theo tôi, một tên tội phạm thường bất cẩn và hay mắc phải những sai lầm mà một người bình tĩnh có thể tránh được. Có thể hắn hoảng quá, chẳng dám quay lại căn phòng đó nữa. Hãy cho tôi một giả thiết nào đó phù hợp với thực tế hơn.

- Tôi có thể cung cấp cho ông hàng nửa tá những giả thiết đó. - Holmes nói - Ví dụ, ông già đang đưa ra một tài liệu có giá trị thì một kẻ đầu đường xó chợ đi qua chỗ cửa sổ, mà mình chỉ kéo xuống lưng chừng. Hắn thấy những giấy tờ tài liệu đó. Thế là khi McFarlane ra về, hắn trèo vào, vớ lấy cây gậy, giết Oldacre rồi đào tẩu sau khi thiêu xác ông ta.

- Thế sao gã đầu đường xó chợ ấy phải thiêu xác?

- Vậy sao McFarlane phải làm vậy?

- Để che giấu bằng chứng.

- Thế thì có lẽ gã đầu đường xó chợ kia cũng muốn che giấu một vụ trả thù mà y là thủ phạm.

- Thế sao gã ấy chẳng lấy đi thứ giấy tờ nào?

- Vì đó là những thứ giấy tờ mà y chẳng có lợi lộc gì cả.

Lestrade lắc đầu. Tôi thấy ông ta có vẻ kém quả quyết hơn trước.

- Ông Holmes này, ông cứ đi tìm cái gã đầu đường xó chợ của ông đi! Trong lúc ông tìm hân, chúng tôi cứ điều tra gã trai trẻ này. Rồi sẽ biết ai là người có lý. Nhưng tôi lưu ý ông điểm này, theo chúng tôi biết thì giấy tờ trong phòng không hề bị lấy đi, và gã trai trẻ vừa bị bắt giữ là kẻ duy nhất trên đời chẳng cần lấy chúng, vì theo luật, anh ta là người thừa kế duy nhất, sớm muộn gì những tài liệu ấy cũng thuộc anh ta.

Holmes có vẻ bất ngờ khi nghe câu này.

- Trên cơ sở các bằng chứng thì tôi không phủ nhận giả thiết của ông rất có lý. - Anh đáp - Tôi chỉ muốn nói rằng, vẫn còn có những khả năng khác. Như ông vừa nói đấy, thời gian sẽ cho thấy ai đúng, ai sai. Chúc buổi sáng tốt lành! Hôm nay, tôi sẽ ghé qua Norwood xem cuộc điều tra của ông đến đâu rồi.

Viên thanh tra ra về, còn Holmes đứng dậy và nhanh chóng chuẩn bị cho một ngày làm việc với tâm trạng vui vẻ và hăng hái.

- Watson này, việc đầu tiên tôi làm, - Anh vừa khoác vội chiếc áo choàng, vừa nói - là đến ngay Blackheath.

- Sao không phải là đến Norwood?

- Bởi vì trong vụ này có mối liên quan giữa sự việc này với sự việc khác. Cảnh sát phạm phải một sai lầm rất lớn, là chỉ quan tâm đến một sự việc, vì có vẻ như đó mới là tội ác thực sự. Nhưng theo tôi, để giải quyết vụ này rõ ràng là cần phải làm sáng tỏ sự kiện thứ nhất - bản chúc thư được soạn thảo một cách đột ngột và một người thừa kế ngoài dự kiến. Làm rõ được điều đó thì vụ án sẽ có hướng giải quyết nhanh chóng. Tin rằng tối nay gặp anh, tôi sẽ nói cho anh hay mình đã làm được những gì cho anh bạn trẻ này, người đã đặt hết niềm tin vào tôi.

Mãi khuya hôm đó Holmes mới trở về. Và chỉ cần liếc qua khuôn mặt lo âu, căng thẳng của Holmes, tôi cũng biết anh đã không đạt được những gì mong muốn. Suốt một tiếng đồng hồ, anh thả hồn theo tiếng vĩ cầm, như để

giải tỏa những căng thẳng của mình. Cuối cùng, anh đặt cây đàn xuống và kể cho tôi nghe những rủi ro gặp phải.

- Mọi việc tệ quá, Watson ạ, tệ hết mức có thể. Tuy tôi vẫn giữ vẻ thản nhiên với Lestrade, nhưng thực ra trong lòng tôi lại thầm nghĩ, lần này ông ta đi đúng hướng rồi, còn chúng ta mắc sai lầm. Bản năng của tôi đi theo một hướng, còn các sự kiện thực tế lại chứng minh điều ngược lại. Tôi e rằng các thẩm phán chưa thông minh đến độ chấp nhận các giả thiết của tôi trước những dữ kiện thực tế của Lestrade.

- Anh có tới Blackheath không?

- Có chứ, tôi đến đó và ngay lập tức nhận ra rằng, cái lão Oldacre này là một kẻ đê tiện. Người cha đã đi tìm con trai, ở nhà chỉ còn người mẹ - một người phụ nữ nhỏ bé, duyên dáng với cặp mắt xanh lơ. Bà ấy run lên vì sợ hãi và tức giận, bà ấy không bao giờ tin con trai mình lại có thể gây tội tày trời như thế. Nhưng bà ấy không hề tỏ ra ngạc nhiên hay thương xót cho số phận của Oldacre. Trái lại, bà ấy nói về lão ta với vẻ cay độc, đến nỗi vô tình bà ấy lại giúp cho cảnh sát củng cố thêm lập luận hung thủ chính là con trai bà. Vì nếu con trai bà mà biết lão ta là người như thế, đương nhiên anh ta phải ghét cay ghét đắng lão, và càng có cơ gây tội ác. Bà ấy bảo: “Lão ta không phải là con người, mà là con khỉ hiểm độc và đầy mưu mô. Ngay từ trẻ, lão đã độc ác như một con thú dữ”. “Bà biết ông ta từ hồi đó sao?” - Tôi hỏi thế. “Vâng, tôi biết rất rõ lão ấy. Lão ấy thực ra là người yêu cũ của tôi. Ông Chúa, tôi đã đủ can đảm chia tay và kết hôn với một người đàn ông tử tế hơn lão, mặc dù ông ấy nghèo khó. Ông Holmes ạ, hồi ấy đã đính hôn với lão ấy rồi thì tôi mới nghe kể là lão ấy đã từng nhốt một con mèo vào lồng chim. Tôi khiếp sợ sự độc ác phi nhân tính đó và quyết định hủy bỏ hôn ước”. Bà ấy lục tìm trong ngăn tủ và đưa cho tôi xem tấm ảnh một phụ nữ bị bôi lem luốc và rách chằng chịt bằng lưỡi dao nhíp. “Là ảnh tôi đấy. Buổi sáng tôi cử hành hôn lễ, hẳn gửi cho tôi bức hình này với những lời nguyện rửa tội bại”. “Vậy thì ít ra bây giờ ông ta cũng đã tha thứ cho bà, vì ông ta đã để lại cả gia tài cho con trai bà”. “Con tôi và tôi không thêm nhận gì của hẳn, dù hẳn còn sống hay đã chết”. - Bà ấy rút lên. “Ông Holmes ạ! Trời có

mắt đầy. Thượng đế đã trừng phạt hắn, kẻ độc ác ấy, và trời đất sẽ minh giám cho sự trong sạch của con trai tôi”.

“Tôi cố thử vài ba hướng khác, nhưng chẳng thu được điều gì có ích, thậm chí một vài điểm còn chứng minh điều trái ngược với suy xét của chúng ta. Cuối cùng tôi bỏ cuộc và đến Norwood.

“Ngôi nhà mang tên Deep Dane đó là một biệt thự kiểu mới, đứng sừng sững trên một thửa đất lớn. Phía trước có một bãi cỏ rộng, trải dài với những cây nguyệt quế. Bên phải ngôi nhà, cách đường một quãng là một khoảng sân chứa đầy gỗ, nơi đã phát hoả đêm qua. Tôi có vẽ qua sơ đồ ngôi nhà trong sổ đây. Cửa sổ phía tay trái là cửa sổ phòng Oldacre. Anh sẽ thấy là từ ngoài đường có thể nhìn vào qua cửa này. Đây là những gì ngày hôm nay tôi thu thập được. Lestrade không có ở đó, nhưng người phụ tá của ông ta đã đón tiếp tôi khá nhiệt tình. Họ đã thực hiện một cuộc khám xét lớn. Cả buổi sáng, họ khai đồng tro tàn, và ngoài những mẫu vụn xương người đã cháy thành than, họ còn tìm thấy những mẫu kim loại nhỏ đã phai màu. Tôi đã quan sát những mẫu kim loại này cẩn thận và nhận thấy đó là cái cúc quần dài. Thậm chí tôi còn đọc được trên một mẫu có chữ “Hyams”. Đó là tên người thợ may của Oldacre. Tôi cố quan sát kỹ bãi cỏ để tìm những dấu vết, nhưng tiết trời khô làm đất rắn như đá. Tất cả những gì tôi thấy có thể là một xác chết, hoặc một kiện hàng lớn nào đó đã được kéo qua bờ cây, song song với đồng gỗ. Đương nhiên, nó hoàn toàn phù hợp với giả thiết của cảnh sát. Tôi bò trên bãi cỏ đó, giữa cái nắng tháng tám, đến cả tiếng đồng hồ, để rồi chẳng thu được gì.

“Sau đó, tôi lại vào phòng ngủ và xem xét kỹ lưỡng từng góc ngách. Những vết máu rất mờ, đã bị xóa và phai màu. Nhưng rõ ràng đó là những vết máu tươi. Cái can được để sang bên, mà vết máu trên đó cũng rất mờ. Đúng đó là cái can của thân chủ chúng ta. Anh ta cũng thừa nhận điều đó rồi. Trên thảm còn in dấu chân hai người đàn ông, nhưng không có dấu chân người thứ ba, điểm này càng củng cố thêm lập luận của cảnh sát. Họ đang dần tới đích, còn chúng ta thì cứ giẫm chân tại chỗ thế này.

“Tôi chỉ còn có một tia hy vọng nhỏ, nhưng cũng chẳng ích gì. Tôi kiểm tra kỹ giấy tờ trong két; hầu hết đều đã được mang để trên bàn. Các giấy tờ

này cất trong phong bì có gắn niêm phong, cảnh sát đã mở xem vài ba cái. Theo tôi thì các giấy tờ này không mấy giá trị; và tài sản trong ngân hàng của ông Oldacre không tốt lắm. Nhưng tôi có cảm tưởng rằng tất cả giấy tờ không được để cả ở đây. Hình như còn vài chứng thư chuyển nhượng tài sản, đặc biệt là những giấy tờ có giá trị lớn thì tôi không tìm ra được. Nếu chúng ta chứng minh được điều này thì sẽ làm lộ mâu thuẫn trong lập luận của Lestrade: Ai lại đi lấy cắp thứ mà chẳng mấy chốc nữa anh ta sẽ được sở hữu?

“Cuối cùng, sau khi đã lục lọi, tìm kiếm mà chẳng phát hiện thấy gì, tôi đành thử vận may với bà quản gia. Bà ta tên là Lexington, một người nhỏ bé, da màu, ít lời, có cặp mắt dài và hẹp, không thật thà. Tôi tin rằng bà ta có biết gì đó, và nếu muốn, hẳn bà ta đã kể rõ. Nhưng bà ta câm như hến. Bà ta thừa nhận đã đưa McFarlane vào nhà lúc 9 giờ 30 phút, và cứ một mực hối hận giá mình đừng làm việc đó. Bà ta đi ngủ từ trước 10 giờ 30 phút, trong căn phòng ở đầu nhà phía bên kia. Bà ta khẳng định McFarlane để quên mũ và gậy trong đại sảnh. Chính tiếng chuông báo cháy đã đánh thức bà ta dậy. Ông chủ già nua tội nghiệp của bà hẳn nhiên đã bị giết chết. Còn ông ấy có kẻ thù nào không ư? Đương nhiên ai mà chả có. Nhưng ông Oldacre kín tiếng lắm, và các mối quan hệ của ông ấy chỉ là về công việc làm ăn. Bà ta đã xem mấy cái cúc quần và bảo đảm đó là của cái quần mà ông mặc đêm qua. Đồng hồ rất khô vì cả tháng vừa rồi làm gì có mưa. Lửa cháy khác nào bụi nhùi gặp gió; lúc bà ta ra đến nơi thì chỉ còn thấy lửa và lửa. Bà ta và đám lính cứu hỏa đều ngửi thấy mùi thịt cháy khét lẹt. Bà ta không hay biết gì về giấy tờ tài liệu, cũng như công việc làm ăn của ông chủ.”

- Thế đấy, Watson ạ, thế là tôi đành chịu thất bại. Nhưng mà..., nhưng...
- Anh siết mạnh hai bàn tay như để khẳng định niềm tin của mình - Tôi biết rằng tất cả những chuyện này là dối trá. Từ sâu thẳm đáy lòng, tôi cảm thấy thế. Còn điều gì đó mà bà quản gia rõ ràng có biết nhưng chưa bị phát hiện. Trong mắt mù ánh lên sự ương ngạnh, cố che giấu một lương tâm tội lỗi do đồng lõa với một tội ác mà mù biết rõ. Nhưng nói thế cũng chẳng ích gì. Trừ phi chúng ta gặp may, chứ không được có mong vụ Norwood này được nêu trong bản báo cáo thường công.

- Chắc là vậy. - Tôi nói - Nhưng chẳng lẽ vẻ ngoài lương thiện của can phạm không gây được chút thiện cảm nào với bồi thẩm đoàn hay sao?

- Watson thân mến, lập luận thế là nguy hiểm đấy. Anh có nhớ Bert Stevens, tên sát nhân ghê tởm đã nhờ cậy chúng ta giải cứu hồi năm 1887 không? Có gã thanh niên nào trông như một đứa con gương mẫu trong gia đình lương thiện đến thế không?

- Đúng, đúng vậy.

- Nếu chúng ta không đưa ra được một giả thiết khác ổn hơn, chàng trai này sẽ tiêu đời. Giờ đây mọi bằng chứng đều chống lại anh ta, và mọi hướng điều tra đều củng cố luận cứ đầy bất lợi này. Chỉ có một chi tiết nhỏ ở đồng giấy tờ thu hút sự chú ý của tôi. Biết đâu đó chẳng là điểm mấu chốt để chúng ta bắt đầu một hướng điều tra mới. Khi nhìn vào tập ngân phiếu của ông ta, tôi nhận thấy sự mất cân đối thu - chi là do một số lượng lớn các tấm séc đã được chi trả cho một ông có tên là Cornelius. Thú thật, tôi rất muốn biết cái ông Cornelius này là ai mà lại khiến nhà thầu khoán nghỉ hưu phải chuyển khoản cho ông ta nhiều tiền đến thế. Liệu có khả năng ông ta nhúng tay vào vụ này không? Cornelius có thể là một nhà môi giới chứng khoán, nhưng chẳng thể tìm thấy những cổ phần tương đương với các khoản chi trả lớn này. Vì thiếu đầu mối, giờ đây tôi phải tìm hiểu bên ngân hàng về cái ông Cornelius đã lĩnh các chi phiếu đó. Nhưng Watson thân mến à, tôi e rằng vụ này sẽ kết thúc bằng sợi dây thòng lọng mà Lestrade sẽ quàng vào cổ thân chủ chúng ta.

Tôi không biết đêm hôm ấy Holmes có chớp mắt được chút nào không, nhưng lúc xuống ăn sáng, trông anh thật xanh xao, mệt mỏi; đôi mắt sáng lại càng sáng hơn bởi những quầng thâm bao quanh. Thảm dưới chân ghế anh ngồi phủ đầy tàn thuốc lá và vương vãi các trang báo sáng. Trên bàn có một bức điện tín đã mở.

- Anh nghĩ sao về bức điện này hử Watson? - Anh ném nó sang cho tôi.

Bức điện được gửi từ Norwood, nội dung như sau:

“Chứng cứ quan trọng đã được tìm thấy. Tội lỗi của McFarlane đã được xác minh. Khuyến ông nên từ bỏ việc điều tra. Lestrade”.

- Nghe có vẻ nghiêm trọng đây. - Tôi nói.

- Đó là tiếng reo hò mừng chiến thắng của Lestrade. - Holmes trả lời với một nụ cười chua chát - Tuy nhiên, bây giờ mà bỏ cuộc thì quá sớm. Dù sao thì chứng cứ quan trọng mới thấy này có thể sẽ là con dao hai lưỡi, biết đâu nó lại chặn đứng các hướng mà Lestrade đang đi ấy chứ. Anh ăn sáng đi, Watson, rồi chúng ta sẽ lên đường. Tôi cảm thấy, hôm nay tôi rất cần anh cùng đi và hỗ trợ.

Holmes không ăn sáng. Một trong những điểm kỳ quặc ở anh là trong những thời khắc căng thẳng, anh tự cho phép mình không ăn uống gì. Anh lúc nào cũng tin rằng mình khỏe như voi, cho đến khi xỉu đi vì kiệt sức. “Bây giờ, tôi không hơi đâu mà tốn hao sức lực và tâm trí vào việc ăn uống”. Cứ hể tôi tỏ ý phê phán anh về chuyện ấy là sẽ nhận được câu trả lời như vậy. Vì thế, sáng hôm đó tôi chẳng mấy ngạc nhiên khi anh không đủng đến bữa sáng và vội vã lên đường tới Norwood. Một đám đông người hiếu kỳ đang vây quanh ngôi nhà Deep Dene. Lestrade đón chúng tôi với vẻ mặt rạng rỡ và thái độ hớn hởi vì thắng thế.

- Thế nào, ông Holmes? Ông đã tìm ra bằng chứng rằng chúng tôi sai chưa? Hẳn ông đã thấy cái gã đầu đường xó chợ ấy rồi chứ? - Ông ta đặc thẳng kêu lên.

- Tôi chưa rút ra được kết luận nào cả. - Bạn tôi đáp.

- Nhưng chúng tôi thì ngay ngày hôm qua đã đi tới kết luận. Ông Holmes ạ, lần này thì ông nên thừa nhận là chúng tôi đã nhanh hơn ông một chút!

- Chắc là ông đã đánh hơi thấy điều gì đó khác lạ rồi. - Holmes dò hỏi.

Lestrade cười ha hả.

- Đương nhiên ông cũng như chúng tôi thôi, ai lại muốn mình thất bại chứ. - Ông ta say sưa nói - Nhưng không ai có thể chiến thắng trong tất cả mọi trường hợp, phải vậy không bác sĩ? Xin mời các ông theo lối này! Tôi xin cam đoan với các ông rằng, tác giả tội ác là McFarlane chứ không phải ai khác.

Ông ta đưa chúng tôi đi dọc hành lang, đến một đại sảnh tối tăm.

- Đây là nơi McFarlane ra lấy mũ, sau khi gây tội ác. Các ông hãy nhìn xem. - Ông ta đánh một que diêm và chút ánh sáng soi rõ một vết máu tươi trên bức tường quét vôi trắng. Khi ông ta đưa que diêm lại gần hơn, tôi nhận

thấy đó không chỉ là một vết máu. Đó là một dấu ngón tay cái in rất rõ. - Ông Holmes, ông hãy lấy kính lúp mà soi đi!

- Thì tôi đang làm thế đây.

- Ông cũng biết là không có hai người nào mà dấu ngón tay cái lại giống hệt nhau chứ?

- Đúng vậy!

- Vậy thì ông thử so cái dấu này với dấu ngón tay phải của anh chàng McFarlane lấy trên xi xem.

Ông ta đưa cái dấu tay trên xi lại gần vết máu và chẳng cần kính lúp cũng có thể thấy ngay hai dấu tay là của cùng một người. Vậy là chắc thân chủ của chúng tôi chẳng còn hy vọng gì nữa.

- Thế là đã xác định. - Lestrade nói.

- Phải, thế là xác định. - Tôi lặp lại một cách miễn cưỡng.

- Xác định! - Holmes tỏ vẻ đồng tình.

Trong ngữ điệu của anh có gì đó đáng làm tôi phải dỏng tai lên nghe và tôi quay lại nhìn anh. Trên khuôn mặt anh có sự thay đổi lạ thường - một niềm vui sâu kín, cố nén giấu, nhưng vẫn tỏa sáng. Đôi mắt anh lấp lánh như hai vì sao đêm. Tôi có cảm giác dường như anh phải cố gắng lắm mới nhịn được cười.

- Trời ạ! - Cuối cùng anh mới cất nên lời. - Ai mà ngờ được chứ? Vẻ bề ngoài thật dễ che mắt người ta! Một chàng trai trông tử tế đến thế! Đây thật là một bài học nhớ đời để lần sau chúng ta nên thận trọng với những cảm giác ban đầu, phải không ông Lestrade?

- Vâng, thỉnh thoảng có vài người quá tự tin thế đấy, ông Holmes ạ! - Lestrade nói giọng mỉa mai rõ rệt.

Nghe cái cách nói ngạo mạn ấy mà điên cả người, nhưng chúng tôi không thể tỏ ra bực tức.

- Thật may mắn, cái gã trai trẻ ấy lại đi ấn ngón tay cái vào tường khi lấy mũ từ mắc chứ! Chà, cái hành động ấy đến là tự nhiên! - Bề ngoài Holmes cố tỏ ra bình tĩnh, nhưng toàn thân anh rung lên bởi một sự kích động khó kiềm chế - Nhân tiện hỏi ông, ông Lestrade, thế ai đã khám phá ra điều này vậy?

- Bà quản gia, bà Lexington, đã chỉ cho lính trực đêm của tôi thấy.
- Thế cái anh chàng trực đêm ấy đâu?
- Anh ta vẫn đang gác trong phòng ngủ, nơi đã xảy ra vụ giết người, để không cho ai đụng tới những đồ đạc ở đó cả.
- Nhưng tại sao hôm qua cảnh sát không phát hiện ra dấu tay này?
- Vì chúng tôi có lý do gì đâu mà kiểm tra cả đại sảnh. Với lại, chỗ này cũng hơi khuất nữa, ông thấy đấy.
- Không hẳn thế. Tôi chắc các ông chẳng nghi ngờ gì về việc cái dấu tay này mới có ở đây ngày hôm qua?

Lestrade nhìn Holmes cứ như anh bị mất trí vậy. Còn tôi, phải thú thật, tôi cũng thấy ngạc nhiên trước vẻ cao hứng và cách nhận xét hơi phi lý của Holmes.

- Phải chăng ông cho là đêm qua McFarlane rời khỏi xà lim để bổ sung thêm chứng cứ buộc tội chính mình? - Lestrade đã bực mình, xẵng giọng nói
- Tôi có phải mời chuyên gia giám định nào trên thế giới đến đây để xem, liệu có phải dấu ngón tay cái của anh ta không đấy?

- Thì đương nhiên đây là dấu tay anh ta rồi.
- Thế là đủ. - Lestrade nói - Tôi là người thực tế, ông Holmes ạ! Tôi có đủ bằng chứng rồi, cứ thế mà kết luận thôi. Còn nếu ông muốn nói gì, cứ đến tìm tôi ở phòng khách. Tôi sang đó viết báo cáo đây.

Holmes đã cân bằng trở lại, mặc dù tôi vẫn thấy trên khuôn mặt anh lấp lánh vẻ thích thú mà anh đã khéo che giấu.

- Watson này, sự việc tiến triển ra chiều tiêu cực quá phải không? - Anh nói - Nhưng vẫn còn có vài điểm nhỏ có thể mang lại hy vọng cho thân chủ chúng ta.

- Thật vui khi nghe anh nói thế. - Tôi tỏ ra hoan hỉ - Cứ tưởng thân chủ của chúng ta thế là tiêu đời rồi chứ...

- Vẫn chưa đủ cơ sở để nói ra đâu, Watson thân mến ạ! Sự thật là có một điểm bất ổn trong chứng cứ quan trọng mà Lestrade vừa đưa ra.

- Đó là điểm gì vậy?
- Ở chính điểm này đây. Tôi biết, hôm qua lúc tôi kiểm tra đại sảnh thì không hề có dấu tay ấy. Nào Watson, chúng ta đi dạo một chút dưới ánh

nắng mặt trời sẽ tốt hơn đây.

Vẫn còn lộn xộn phức tạp, nhưng đã có thêm chút hy vọng trở lại, tôi theo Holmes ra vườn. Anh xem xét cực kỳ tỉ mỉ các mặt nhà, rồi lại kéo tôi trở vào, đi khắp từ tầng hầm lên đến tầng áp mái. Hầu hết các phòng đều không có đồ đạc, nhưng Holmes vẫn kiểm tra kỹ lưỡng từng góc nhỏ. Cuối cùng, anh suýt la lên vì sung sướng khi dừng lại ở hành lang tầng trên cùng. Hành lang này chạy dài qua ba phòng ngủ chưa có người ở.

- Vụ này vẫn có nhiều điểm kỳ lạ đấy, Watson ạ! - Anh hào hứng nói - Tôi nghĩ đã đến lúc chỉ cho ông bạn Lestrade thấy rồi. Lúc trước ông ta cười chúng ta, giờ đã đến lúc chúng ta trả đũa, nếu tôi suy đoán chuẩn xác vụ này. Phải, phải, tôi đã biết nên giải quyết thế nào rồi.

Khi Holmes tìm đến thì ngài thanh tra của Scotland Yard vẫn đang cầm cú viết.

- Ông đang viết báo cáo vụ này đấy hử?

- Dĩ nhiên rồi.

- Ông không nghĩ vẫn còn quá sớm à? Tôi thấy chứng cứ của ông vẫn còn chưa đủ đâu.

Lestrade biết Holmes quá rõ, nên không dám coi thường câu nói cảnh báo đó. Ông ta đặt bút xuống, nhìn anh với vẻ tò mò.

- Ông định nói gì?

- Vẫn còn một nhân chứng quan trọng mà ông chưa gặp.

- Ông nặn đâu ra hử?

- Tôi nghĩ tôi tìm được đấy.

- Vậy cứ thử xem.

- Thử chứ! Ông có bao nhiêu cảnh sát viên ở đây?

- Ba người, gọi cái là đến ngay.

- Tốt. - Holmes nói - Họ to con, khỏe mạnh và có giọng nói thật vang?

- Cao lớn và khỏe mạnh thì đúng rồi. Nhưng vì sao lại cần có giọng nói thật vang?

- Rồi ông sẽ hiểu thôi. - Holmes nói - Làm ơn gọi người của ông đến. Tôi sẽ thử.

Năm phút sau, cả ba cảnh sát đã tập hợp ở trong sảnh.

- Các anh thấy một đồng rơm lớn ở ngoài kia chứ? - Holmes nói - Làm ơn mang vào đây hai bó. Tôi nghĩ muốn dụ được nhân chứng quan trọng này thì rất cần sự giúp đỡ vô cùng quý báu của các vị. Xin cảm ơn! Watson, trong túi anh vẫn có diêm phải không? Ông Lestrade này, mời ông đi cùng tôi lên bậc thềm trên cao kia.

Như tôi đã nói, có một hành lang rộng chạy dọc ba phòng ngủ bỏ trống. Tới một đầu hành lang, Sherlock Holmes bố trí chúng tôi đứng theo hàng dọc. Các nhân viên cảnh sát mỉm cười đầy nghi hoặc, còn Lestrade nhìn Holmes với vẻ mặt xen lẫn ngạc nhiên, chờ đợi và mĩa mai. Holmes bước tới trước mặt chúng tôi với dáng vẻ của một nhà ảo thuật đang chuẩn bị biểu diễn.

- Ông làm ơn phái một nhân viên đi xách về đây một xô nước đầy. Nào hãy đặt rơm lên sàn, nhưng đừng đặt sát vào tường. Tôi nghĩ chúng ta đã sẵn sàng.

Lestrade đỏ mặt lên vì giận dữ.

- Ông Holmes! Ông đang đùa với chúng tôi đấy à! - Ông ta thiếu chút nữa thì quát lên - Nếu ông biết điều gì thì cứ nói toạc ra, không cần đến cái trò dàn cảnh kỳ cục này.

- Nào Lestrade, tôi xin bảo đảm rằng tôi có lý do đúng đắn để hành động như vậy. Ông có nhớ, lúc này ông đã tỏ ý chế giễu tôi không? Thế nên bây giờ cho phép tôi trịnh trọng chủ tọa một nghi lễ nho nhỏ. Watson này, anh làm ơn mở cửa sổ và ném một cây diêm đang cháy lên đồng rơm được không?

Tôi làm theo yêu cầu của anh. Bị gió cuốn, một làn khói xám tỏa ra khắp hành lang, rơm khô bén lửa nổ lách tách.

- Nào, hãy xem chúng ta có tìm được nhân chứng quan trọng cho ông Lestrade không. Tôi có thể đề nghị các quý ông kêu thật to hai tiếng “Cháy nhà” được không? Nào! Một, hai, ba...

- Cháy nhà! - Chúng tôi cùng hét thật to.

- Cảm ơn. Nào, các ông lặp lại một lần nữa.

- Cháy nhà!

- Thêm một lần nữa, và cùng kêu to lên nhé!

- Cháy nhà!

Tiếng kêu của chúng tôi lớn đến nỗi ở đầu kia của vùng Norwood cũng nghe thấy.

Tiếng kêu còn chưa dứt thì một chuyện lạ lùng xảy ra. Từ một bức tường bằng phẳng cuối hành lang mở ra một cái cửa và một người nhỏ bé như con thỏ bất thành linh vọt ra khỏi hang.

- Tuyệt! - Holmes nói với một giọng thật bình tĩnh - Watson, anh đổ xô nước lên đóng rơm, dập lửa đi! Lestrade, xin giới thiệu với ông một nhân chứng quan trọng của vụ án, ông Jonas Oldacre!

Viên thanh tra sững người nhìn kẻ vừa xuất hiện. Còn tên kia, hấp háy mắt trong ánh sáng của dãy hành lang, hết nhìn chúng tôi lại nhìn ngọn lửa đang lụi dần. Ông ta có một bộ mặt thật ghê tởm: đầy mưu mẹo, tâm địa xấu xa, lông mi trắng, hai mắt màu xanh nhạt.

- Thế này là thế nào? - Cuối cùng Lestrade cũng lên tiếng - Suốt khoảng thời gian vừa rồi, ông làm cái gì vậy?

Oldacre bật ra một tiếng cười ngượng nghịu. Nhưng ông ta vội lùi lại trước bộ mặt đỏ gay, đầy giận dữ của viên thanh tra:

- Tôi có gây ra tai họa gì đâu!

- Không gây ra tai họa gì à? Ông đã làm tất cả những gì cần làm để đưa một người vô tội lên giá treo cổ. Nếu không có ông Holmes đây, thì hẳn là ông đã thành công với mưu mô ác độc đó rồi đấy.

Kẻ gian ác bắt đầu tím tím khóc:

- Thưa ngài, tôi xin cam đoan, đó chỉ là một trò đùa không hơn không kém.

-Ồ, một trò đùa hả? Nhưng tôi không sẵn lòng cười đâu. Hãy đưa ông này xuống phòng khách, để ông ta ngồi đó cho đến khi tôi xuống... Ông Holmes, - Lestrade nói sau khi ba viên cảnh sát đã dẫn Oldacre đi - tôi không thể nói trước mặt các thuộc hạ, nhưng trước mặt bác sĩ Watson, tôi xin thừa nhận đây là một trong những thành công rực rỡ nhất của ông. Mặc dù tôi vẫn chưa hiểu ông đã làm như thế nào, nhưng ông đã cứu được mạng sống cho một người vô tội và đã kịp ngăn một vụ tai tiếng lớn có thể làm tiêu tan danh tiếng của tôi trong Sở Cảnh sát Scotland Yard.

Holmes mỉm cười, vỗ vai Lestrade:

- Thay vì tiêu tan danh tiếng, tên tuổi ông bạn quý của tôi sẽ càng thêm lẫy lừng. Chỉ cần sửa đổi chút ít trong bản báo cáo mà ông đang viết và mọi người sẽ hiểu, với thanh tra Lestrade, đừng có dại mà “đánh trống qua cửa nhà sấm”.

- Ông không muốn được nêu tên sao?

- Không cần, bản thân công việc này đối với tôi đã là một phần thưởng quý giá rồi. Có thể một ngày nào đó sau này, tôi sẽ lấy lại sự vẻ vang của mình khi cho phép ai đó viết dùm hồi ký. Watson này, chúng ta đến xem cái hang của con chuột này đi!

Một bức vách ngăn đan bằng nan và trát thạch cao được bố trí trên 2m chiều dài cuối hành lang, với một cánh cửa được che giấu khéo léo. Ánh sáng lọt vào đó qua khe hở của các nan. Bên trong là vài ba món đồ, thức ăn, nước uống, cùng vài sổ sách, tài liệu.

- Là một nhà thầu xây dựng có lợi thế đấy. - Holmes chỉ vào đó giải thích

- Lão ta tự tạo cho mình chỗ ẩn náu nhỏ bé này mà chẳng cần người nào giúp, trừ cái mù hủi già quý hóa mà tôi sẽ mau chóng bắt giữ nếu tôi là ông, Lestrade ạ!

- Tôi sẽ nghe theo lời khuyên của ông. Nhưng làm thế nào mà ông tìm ra chỗ này, ông Holmes?

- Tôi có thể khẳng định rằng, lão già quỷ quyệt này chỉ có thể trốn đâu đó trong nhà thôi. Khi tôi sai bước ở hành lang trên cùng, tôi đã khám phá ra nó ngắn hơn dãy hành lang phía dưới đến 2m. Thế là đã rõ hẩn ở đâu. Tôi nghĩ, hẩn chẳng có gan nằm yên đó nếu cháy nhà. Đương nhiên chúng ta có thể vào đây tóm cổ hẩn, nhưng tôi muốn hẩn tự thò mặt ra. Hơn nữa, tôi cũng muốn bóc mẽ ông một chút, vì hồi nãy ông đã chế nhạo tôi.

- Thì ông đã trả đũa rồi đấy thôi. Nhưng làm thế nào mà ông biết được con quỷ ấy vẫn còn trong nhà chứ?

- Nhờ dấu vân tay ấy, Lestrade ạ! Ông đã nói nó là bằng chứng quyết định, đúng vậy, nhưng nó quyết định chiều hướng hoàn toàn ngược lại! Tôi biết, ngày hôm kia, trên tường hoàn toàn không có cái dấu vân tay ấy. Ông cũng biết tôi rất hay chú ý đến những chi tiết nhỏ nhặt mà. Nhưng tôi đã

xem xét kỹ lưỡng cả đại sảnh, và tôi nhớ chắc chắn rằng trên tường hoàn toàn không có dấu vết gì. Thế nên, dứt khoát ai đó đã in nó lên tường đêm qua.

- Nhưng bằng cách nào?

- Rất đơn giản. Khi niêm phong các túi tài liệu lại, Jonas Oldacre đã đề nghị McFarlane ấn ngón cái lên sáp mềm để tạo một dấu niêm phong. Mọi việc đã diễn ra chóng vánh và tự nhiên, nên tôi dám chắc chàng trai chẳng còn nhớ gì về chuyện đó. Ngay cả Oldacre cũng chẳng để ý rằng sẽ có lúc sử dụng đến cái dấu tay ấy. Nhưng khi ngồi trong “hang” nghiền ngẫm lại vụ việc, hắn chợt ngộ ra rằng cái dấu tay ấy sẽ là một bằng chứng vô cùng tai hại cho McFarlane. Sao lại dấu tay trên xi, bôi máu vào, rồi in lên tường, đối với hắn chỉ là trò trẻ con. Tự hắn đã làm việc này, hoặc có thể sai mụ hầu già. Nếu ông kiểm tra những giấy tờ tài liệu hắn mang theo vào trong “hang”, bảo đảm ông sẽ thấy cái dấu niêm phong có in vết lặn tay trên đó.

- Tuyệt quá! - Lestrade reo lên - Thật tuyệt! Thế là đã rõ rành rành. Nhưng còn mục tiêu của vụ lừa đảo này là gì vậy, ông Holmes?

Tôi cố bấm bụng giấu một nụ cười khi thấy vẻ tự mãn xác xược của viên thanh tra đột nhiên chuyển thành thái độ cung kính của một cậu học trò.

- Tôi nghĩ không khó giải thích lắm. Lão già này là một kẻ độc ác, thâm hiểm và lắm mưu mô. Ông có biết ngày trước hắn bị mẹ của McFarlane từ chối không? Chắc là không rồi! Tôi đã chả bảo ông, lẽ ra hãy đến Blackheath trước, rồi mới đến Norwood. Hắn hết sức tức tối khi lời hứa hôn bị huỷ bỏ và suốt bao năm qua, hắn không hề quên được sự xúc phạm đó. Lúc nào hắn cũng muốn trả thù bà mẹ McFarlane mà chưa tìm được cơ hội thích hợp. Một, hai năm trở lại đây, công việc kinh doanh của hắn không được thuận lợi. Tôi nghĩ hắn đầu cơ bí mật gì đó và lâm vào tình trạng tồi tệ. Hắn nảy ra ý định quyt nợ, và bắt đầu viết những chi phiếu có giá trị lớn cho một ông Cornelius nào đó. Tôi đoán, đây chỉ là một cái tên giả của chính hắn thôi. Tôi chưa lần tìm đầu mối của mấy chi phiếu này, nhưng tôi dám chắc chúng được chuyển khoản đến một tỉnh lẻ nào đó cho cái tên này. Và Oldacre cứ thỉnh thoảng lại đến sống ở đó với một cái tên khác. Hắn định thay tên đổi họ, rút hết tiền và bỏ trốn, đến sống ở một nơi xa lạ.

- Rất có lý đấy. - Lestrade gật đầu tán thành.

- Hẳn nghĩ rằng, chỉ có giả bộ mất tích thì mới rũ bỏ được các chủ nợ đang bám theo hăn đòi tiền, đồng thời lại có thể trả thù người yêu cũ, bằng cách dàn cảnh bị con trai bà ấy giết... Quả là một màn kịch độc ác quá hoàn hảo. Hăn đã dàn dựng vở kịch đạt trình độ bậc thầy: nào là bản chúc thư minh chứng cho động cơ phạm tội; một chuyến viếng thăm bí mật, ngay cả cha mẹ chàng trai cũng không được biết; rồi cái can bỏ quên của chàng trai tội nghiệp; vết máu trên tường; những mẫu xương người đã cháy thành than và cả mấy cái khuy trong đám cháy nữa chứ. Mưu mô thật hoàn hảo. Tất cả ken dày như những mắt lưới, mà mới chỉ vài giờ đồng hồ trước, ngay cả tôi cũng thấy vô vọng, không tìm ra lối thoát. Nhưng hăn thật không may, khi Thượng đế không phú cho hăn tài hoa nghệ sĩ: đó là biết điểm dừng. Hăn muốn bảo đảm rằng kế hoạch này hoàn hảo, muốn siết chặt sợi dây thòng lọng quanh cổ chàng trai. Thế là, hăn tự xây nên rồi lại tự phá bỏ hết đi. Lestrade này, xuống nhà đi! Tôi muốn hỏi hăn thêm mấy câu.

Tên vô lại vẫn đang ngồi trong phòng khách nhà hăn với hai viên cảnh sát kèm hai bên.

- Thưa ngài, tôi đùa, chỉ đùa thôi mà; không có ý gì hơn. - Hăn rên rỉ - Tôi xin thề, tôi chỉ định trốn đi một thời gian để xem người ta nghĩ gì về tôi. Tôi chắc rằng các ngài không bắt công đến mức cho rằng tôi định hại cậu McFarlane thông minh tội nghiệp đó chứ?

- Việc ấy đã có bồi thẩm đoàn quyết định. - Lestrade nói - Dù sao đi nữa, chúng tôi cũng phải bắt giữ ông vì tội âm mưu hãm hại người khác, nếu không muốn nói là âm mưu giết người.

- Và chắc chắn là ông sẽ được biết các chủ nợ của ông sẽ tịch biên tài khoản trong ngân hàng của ông Cornelius. - Holmes để thêm vào.

Lão già giật mình và hướng ánh mắt náy lửa dữ tợn về phía bạn tôi.

- Một ngày nào đó tôi sẽ trả món nợ này. - Hăn gầm lên như một con thú dữ.

Holmes nở một nụ cười khoan dung:

- Tôi nghĩ, vài năm tới ông sẽ bận rộn lắm đấy. Nhân tiện cho hỏi, ông vứt gì vào đồng gỗ cùng với cái quần cũ của ông đấy? Một con chó chết,

mấy con thỏ, hay con gì khác? Ông không nói à? Ôi! Ông thật chẳng dễ chịu chút nào! Tôi dám chắc là ông đã giết vài con thỏ để lấy máu, và sau đó ném chúng vào lửa. Watson, nếu anh có viết bản tường trình, cứ ghi là “thỏ” nhé!

Rồi cả hai bước nhanh ra ngoài với dáng vẻ vô cùng thanh thản. Họ tới gặp chàng trai bất hạnh Mc Farlanne đón anh ta trở về.

ĐIỀN TRANG “NHỮNG CÂY SỒI ĐỎ”

Buổi sáng, sương mù dày đặc lơ lửng giữa những dãy nhà cũ kỹ và xám xịt. Cửa sổ căn nhà đối diện chỉ hiện ra những vết đen mờ mờ.

Ngọn đèn chiếu ánh sáng yếu ớt lên mấy chiếc đĩa sứ và bộ đồ ăn còn để trên bàn. Sherlock Holmes ngồi im lặng, lật hết trang báo này đến trang báo khác ra xem. Không biết là vì nguyên nhân gì mà tâm trạng của Holmes có vẻ như hơi suy sụp. Cuối cùng, anh không xem báo nữa, mà ngồi ngó trân trân vào ngọn lửa nhảy múa trong lò sưởi.

- Watson yêu quý, bây giờ những kẻ phạm tội hình sự đã không còn dám liều lĩnh và mạo hiểm như trước kia nữa. Cái công việc bé mọn của tôi dường như cũng thay đổi hẳn. Tôi giờ cứ như một công ty chuyên tìm đồ thất lạc, chỉ lo vài việc vớ vẩn như là tìm kiếm những đồ vật bị mất, hay khuyến bảo, chỉ dẫn cho các cô gái trẻ sống ở ký túc xá mà thôi. Sự nghiệp của tôi giờ đây đã hết thời, như đang rơi xuống vực sâu mà không thể nào cứu vãn được nữa. Bức thư tôi nhận được sáng nay chứng tỏ điều đó. Đây, anh đọc đi.

Holmes vo bức thư lại ném qua cho tôi. Nội dung của nó như sau:

“Thưa ông Holmes kính mến!

Tôi rất tha thiết muốn được gặp và xin ý kiến ông để quyết định xem có nên nhận lời mời làm gia sư cho một gia đình hay không. Nếu không phiền, 10 giờ 30 phút ngày mai tôi sẽ tới gặp ông. Chúc ông mạnh khỏe!

Violet Hunter”

- Anh quen cô gái trẻ này à?
- Ồ, không. Tôi đâu có quen biết gì cô ta.
- Bây giờ là 10 rưỡi rồi, có lẽ cô ta đang đến đây.
- Ừ, đúng là cô ta đang ấn chuông.

- Việc này có thể đáng quan tâm hơn anh tưởng đấy. Anh còn nhớ vụ con ngỗng không? Lúc đầu dường như chỉ là một trò đùa, sau đó trở thành một cuộc điều tra công phu. Và cuối cùng, như anh thấy đấy, chúng ta đã nhận được trên một nghìn bảng. Tôi có linh cảm rằng vụ này cũng sẽ như vậy!

Tôi chưa dứt lời thì cửa phòng đã bật mở, một cô gái trẻ bước nhanh vào. Cô ta mặc bộ váy áo giản dị mà gọn gàng, mặt lấm tẩm tàn nhang. Đặc biệt, cô có bộ tóc màu hạt dẻ rất đẹp. Hoạt bát lanh lợi, cử chỉ nhanh nhẹn, xem ra cô ta là cô gái khá tháo vát. Khi Holmes đứng lên chào, cô ta lập tức nói ngay sau khi đáp lễ:

- Tôi chắc là ông sẽ tha lỗi cho tôi vì đã đến làm phiền ông. Nhưng tôi vừa gặp phải một chuyện rất lạ lùng. Mà tôi thì lại không có cha mẹ hoặc người thân nào để có thể hỏi ý kiến, nên tôi nghĩ có lẽ ông sẽ vui lòng chỉ bảo cho tôi.

- Chào cô, mời cô ngồi, cô Hunter! Tôi rất vui khi được giúp đỡ cô.

Tôi thấy Holmes có ấn tượng rất tốt về cách ăn nói chân thật cũng như những cử chỉ đường hoàng của cô Hunter. Anh quan sát cô gái theo thói quen xưa nay, rồi trấn tĩnh ngồi xuống, các ngón tay đan vào nhau, chăm chú lắng nghe cô gái kể.

- Tôi làm gia sư cho gia đình đại tá Spence Munro trong suốt năm năm trời. Nhưng thật không may cho tôi hai tháng trước, đại tá được điều đến Nova Scotia. Ông ta đem theo cả mấy đứa con đến đó, nên tôi bị thất nghiệp. Tôi đã đăng báo tìm việc, đi phỏng vấn theo các mục quảng cáo tuyển việc làm đăng trên báo, nhưng đều không đạt kết quả. Cuối cùng thì số tiền dành dụm được cũng sắp cạn kiệt, tôi không còn biết phải làm sao nữa.

“Ở khu West End có một cơ sở Westaway chuyên giới thiệu việc làm cho những người dạy trẻ. Tuần nào tôi cũng tới đó thăm dò xem có việc gì thích hợp với mình không.

“Cô Stoper phụ trách cơ sở này, cô ấy làm việc trong một căn phòng nhỏ. Các cô gái đến tìm việc ngồi đợi trong phòng khách phía trước, sau đó lần lượt từng người một được dẫn vào văn phòng. Cô Stoper nghiên cứu các hồ sơ, rồi sẽ tìm xem có công việc nào hợp với họ không.

“Tuần trước, như thường lệ tôi lại đến văn phòng. Nhưng lần này, ở trong phòng không chỉ có một mình cô Stoper. Một người đàn ông to béo khác thường đã chờ ở đó từ bao giờ. Từng ngấn, từng ngấn thịt cầm vừa bự vừa dày chồng lên nhau, dính xuống tận cổ. Với bộ mặt tươi cười, ông ta thân nhiên ngồi bên cạnh cô Stoper. Mắt đeo cặp kính to tướng, ông ta nhìn chăm chăm những cô gái đi vào. Khi vừa thấy tôi, ông ta lập tức nhảy dựng lên, quay sang cô Stoper, hớn hờ:

- Cô này. Đúng cô này! Tôi thật không dám mơ ước gì hơn nữa! Tuyệt quá! Tuyệt quá!

Ông ta rất nhiệt tình, xoa xoa tay vào nhau đầy mừng rỡ.

- Cô đến tìm việc phải không? - Ông ta sốt sắng hỏi.

- Vâng, thưa ông.

- Cô là người dạy trẻ?

- Thưa ông, vâng!

- Cô muốn mức lương bao nhiêu?

- Lương của tôi trước đây là bốn bảng một tháng.

- Ôi chao! Thật là ki bo quá... - Ông ta vừa kêu lên, vừa vung vẩy hai tay, tỏ thái độ rất giận dữ - Sao lại có những kẻ có thể trả lương rẻ mạt như vậy cho một cô gái vừa quyến rũ vừa có học vấn như cô?

- Học vấn của tôi có lẽ không tốt như ngài tưởng đâu ạ! Tôi chỉ biết một chút tiếng Pháp, một chút tiếng Đức, âm nhạc và hội họa...

-Ồ không! Đó không phải là vấn đề chủ yếu, quan trọng là cô có cử chỉ và phong thái của một tiểu thư đài các và có giáo dục. Nếu không được thế, cô sẽ không xứng đáng làm người dạy dỗ cho một đứa trẻ mà tương lai sẽ có vai trò rất lớn đối với lịch sử của Anh quốc. Nhưng nếu cô có phong thái như vậy thì sao lại có kẻ nhẫn tâm trả cho cô khoản lương rẻ mạt đó? Thưa cô, mức lương khởi điểm mà tôi có thể trả cho cô là một trăm bảng một năm.

“Cư hội đãi ngộ hậu hĩnh như thế, thưa ông Holmes, dường như là một điều khó tin đối với cô gái nghèo không một xu dính túi như tôi. Có lẽ vì thấy vẻ hoài nghi trên mặt tôi nên ông ta đã mở ví, hào phóng rút ra một tờ giấy bạc:

- Tôi có thói quen ứng trước một nửa lương cho các cô gái trẻ, để họ có thể chi trả tiền đi lại và mua sắm áo quần.

“Ông ta mỉm cười thân thiện đến nỗi hai con mắt nhỏ tí lại, mất tăm trên khuôn mặt như một khối mỡ trắng bệch. Tôi chưa bao giờ gặp một người nào nhiệt thành và lịch thiệp với người khác như ông ta. Lúc ấy, tôi còn đang mắc nợ, số tiền ứng trước này thật là đúng lúc. Tuy nhiên, tôi vẫn cảm thấy có một sự bất thường nào đó. Tôi quyết định phải tìm hiểu rõ thêm tình hình trước khi quyết định.

- Tôi có thể biết ông ở đâu không, thưa ông?

- Vùng nông thôn đáng yêu thuộc quận Hampshire. “Những cây sồi đỏ” là trang trại đẹp nhất ở đó. Thưa cô, đó là một xứ sở đẹp mê hồn. Và nhà của tôi là ngôi nhà cổ kính và đáng yêu nhất ở Hampshire đấy.

- Vậy công việc của tôi là gì thưa ông? Tôi rất tò mò muốn tìm hiểu.

- Một đứa trẻ, một chú nhóc tinh nghịch dễ thương vừa tròn sáu tuổi. Ôi, nếu cô có thể chứng kiến cảnh nó dùng dép để đập những con gián! Tét! Tét! Tét! Cô còn chưa kịp chớp mắt thì ba con đã đi tong rồi! - Ông ta ngả vào ghế, cười đến mức híp tít cả mắt lại.

“Cái trò chơi ấy của đứa bé làm tôi hơi ngạc nhiên, nhưng tiếng cười của ông ta lại khiến tôi nghĩ rằng có lẽ ông ta chỉ đùa mà thôi.

- Tôi chỉ phải trông nom một mình chú bé thôi chứ? - Tôi gắng hỏi thêm.

- Ồ không, không chỉ có vậy, cô gái thân mến ạ! - Ông ta nói to, như muốn tôi nghe rõ hơn - Cô còn có một nhiệm vụ nữa là tuân lệnh vợ tôi. Tôi dám chắc rằng bộ óc thông minh của cô sẽ ý thức được điều này. Tất nhiên, đó là những mệnh lệnh mà một thiếu nữ có phẩm hạnh có thể tuân theo. Đâu có gì là khó, phải không cô?

- Tôi rất hy vọng mình sẽ phục vụ tốt cho gia đình ông bà!

- Vậy thì tốt quá rồi! Nhân tiện đây tôi cũng xin nói rõ về trang phục, như vấn đề quần áo chẳng hạn. Chúng tôi rất quan tâm đến một thời thượng. Nếu như chúng tôi có yêu cầu cô mặc một bộ quần áo vào một ngày nào đó thì cô cũng không phản đối chứ?

- Không, thưa ông. - Tôi đáp, nhưng lấy làm ngạc nhiên khi nghe ông ta nói vậy.

- Hoặc bảo cô ngồi chỗ này hay ngồi chỗ kia thì cũng sẽ không làm cô thấy khó chịu chứ?

-Ồ, không đâu!

- Hoặc là yêu cầu cô cắt tóc ngắn trước khi đến, cũng được chứ?

“Tôi thật không dám tin vào tai mình nữa. Tóc của tôi, thưa ông Holmes, như ông thấy đấy, có màu hạt dẻ, rất dày và óng mượt. Có năm mơ tôi cũng không nghĩ rằng mình sẽ cắt bỏ nó đi một cách tùy tiện như thế.



- Điều này e là tôi không thể làm được, thưa ông. - Tôi đáp một cách thận trọng, vì vẫn còn nghĩ đến món tiền công hậu hĩnh.

Khi trả lời như vậy, tôi nhận thấy mặt ông ta tối sầm lại.

- Tôi e là điều này rất cần thiết đấy. Đây là sở thích nho nhỏ của vợ tôi. Cô biết đấy, cô gái ời, cũng phải chiều theo sở thích của các bà ấy mà. Vậy cô không định cắt tóc ngắn ư?

- Thưa ông, quả thực tôi không thể! - Tôi đáp lại một cách kiên quyết.

- Ồ, thế thì thật đáng tiếc. Vậy chúng ta sẽ không bàn tới chuyện này nữa. Rất tiếc, vì tất cả các mặt khác cô đều rất thích hợp. Cô Stoper, tốt nhất là tôi sẽ tiếp tục tìm kiếm một cô gái khác.

“Trong suốt thời gian chúng tôi trao đổi với nhau thì cô Stoper cứ chúi mũi vào đồng hồ sợ, không hề mở miệng nói một câu nào. Nhưng giờ thì cô ta nhìn tôi với vẻ rất khó chịu, thù ghét ra mặt, khiến tôi hiểu ngay ra là việc tôi từ chối có lẽ sẽ làm cô ta mất một khoản hoa hồng kha khá.

- Cô có muốn chúng tôi giữ lại tên cô trong sổ đăng ký không? - Cô ta khó chịu hỏi.

- Nếu cô vui lòng, thưa cô Stoper.

- Ôi dào! Thực ra, cô đừng mong chúng tôi sẽ mất thời giờ tìm cho cô một công việc khác. Cô đã bỏ lỡ một cơ hội tuyệt vời mà chúng tôi tìm được cho cô đấy. - Cô ta nói một cách cay nghiệt - Cô đừng hy vọng nữa. Tạm biệt cô, cô Hunter!

“Cô ta ấn chuông và người ta đưa tôi ra. Thưa ông Holmes, khi tôi về nhà, vào bếp, thì thấy chẳng còn chút thực phẩm nào nữa. Trên bàn có vài tờ hóa đơn đang chờ thanh toán. Lúc ấy tôi mới tự hỏi, có phải mình đã làm một việc hết sức ngu ngốc không? Nếu những người đó có những sở thích quái gở và họ lại hy vọng người khác sẽ phục tùng những yêu cầu kỳ cục của họ, thì ít nhất họ cũng phải chuẩn bị để trả tiền cho những sở thích kỳ cục đó rồi. Ở Anh, một cô giáo dạy trẻ kiếm được một trăm bảng một năm là vô cùng hiếm. Hơn nữa, bộ tóc của tôi thì có giúp gì cho tôi đâu. Nhiều người cắt tóc ngắn xong trông còn đẹp hơn. Có lẽ tôi cũng nên cắt ngắn tóc đi. Ngày hôm sau, tôi đã tự coi mình là một con ngốc. Khi tôi định bỏ cái thói kiêu ngạo của mình, quay lại cơ sở giới thiệu việc làm Westaway để hỏi

xem chỗ đó có còn trống hay không, thì tôi nhận được thư của ông ta. Tôi có đem theo nó đến đây và xin đọc cho ông nghe:

“Thân gửi cô Hunter!

Cô Stoper đã có nhã ý cho tôi địa chỉ của cô, nên tôi viết thư này cho cô, hỏi xem cô có nghĩ lại không. Vợ tôi rất mong cô tới, vì qua sự mô tả của tôi, bà ấy rất thích cô. Chúng tôi sẵn sàng trả cô ba mươi bảng một quý, tức là một trăm hai mươi bảng một năm, để bù đắp cho những bất tiện nho nhỏ mà cô phải gánh chịu do những sở thích kỳ quặc của chúng tôi gây ra. Dù sao thì những yêu cầu này cũng không phải là quá đáng đối với cô. Nhà tôi rất thích màu xanh đậm và hy vọng cô sẽ mặc bộ váy màu này mỗi buổi sáng. Tuy nhiên cô không cần phải bỏ tiền ra sắm, vì chúng tôi đã có sẵn một bộ như thế mà trước đây là của Alice, con gái chúng tôi (giờ cháu đang ở tận Philadelphia, Mỹ). Theo tôi, bộ váy áo đó rất vừa với cô. Thêm nữa, vấn đề ngồi chỗ này hay chỗ kia, hoặc tiêu khiển theo những phương pháp được chỉ định cũng sẽ không đến nỗi gây bất tiện cho cô. Về bộ tóc của cô, tôi rất tiếc, đặc biệt là đã không kịp khen ngợi vẻ đẹp của nó trong cuộc gặp gỡ ngắn ngủi vừa qua. Nhưng e là tôi vẫn cương quyết giữ nguyên yêu cầu của mình. Tôi hy vọng mức lương tăng thêm sẽ đủ để bù đắp được sự mất mát mà cô phải chịu. Còn về việc trông nom thằng bé, thì công việc sẽ rất nhẹ nhàng. Mong cô cố gắng đến với chúng tôi. Tôi sẽ đem xe đến Winchester đón. Hãy báo cho tôi biết giờ khởi hành của chuyến tàu cô sẽ đi.

Jephro Rucastle

Trang trại “Những cây sồi đỏ” gần Winchester”

“Đây là bức thư tôi mới nhận được, thưa ông Holmes. Tôi đã quyết định nhận công việc này. Tuy vậy, tôi nghĩ tốt nhất nên kể lại cho ông nghe toàn bộ câu chuyện, và mong ông cho một lời khuyên.”

-Ồ! Cô Hunter, cô đã quyết định rồi thì cứ làm thế đi, đâu còn vấn đề gì nữa. - Holmes mỉm cười đáp - Tuy phải nói thật là nếu có em gái, tôi sẽ không cho cô ấy làm việc này.

- Điều đó có nghĩa gì, thưa ông Holmes?

- À, giờ tôi chưa có gì để nói rõ cả. Nhưng có lẽ cô cũng có suy nghĩ của riêng mình.

- Hừm, tôi chỉ có một lời giải thích duy nhất. Rucastle có vẻ là người tốt và lịch thiệp, nhưng vợ ông ta có lẽ có những sở thích nông cuồng. Vì thế mà ông ta muốn giữ bí mật, để bà ấy khỏi bị đưa vào bệnh viện tâm thần. Rucastle phải tìm mọi cách để thỏa mãn những sở thích kỳ cục của vợ, để cho căn bệnh đó không phát tác.

- Có lẽ là vậy. Nhưng dù thế nào thì đối với một cô gái trẻ, đó không phải là một nơi dễ chịu.

- Nhưng bù lại thì lương lại cao! Thưa ông Holmes, mức lương ông ta đưa ra khá cao đấy!

- Đúng vậy! Tiền lương cao... Rất cao là đằng khác. Đây chính là nguyên nhân làm tôi lo lắng. Tại sao ông ta muốn trả cô một trăm hai mươi bảng một năm? Trong khi họ chỉ cần bỏ ra bốn mươi bảng là có thể thuê bất cứ một người nào cũng được. Đằng sau chuyện này chắc chắn có một nguyên nhân sâu xa nào đó.

- Tôi đã kể mọi chuyện cho ông. Nếu sau này phải nhờ tới sự giúp đỡ của ông, tôi tin rằng ông sẽ hiểu đó là chuyện gì. Hơn nữa, tôi sẽ cảm thấy yên tâm hơn khi biết ông ủng hộ tôi.

- Tôi ủng hộ cô! Tôi sẽ quan tâm đến chuyện của cô. Tôi có thể hỏi thêm rằng, thật lòng cô có cảm thấy bất an hay nguy hiểm gì không?

- Nguy hiểm? Ông dự đoán sẽ có nguy hiểm gì?

Holmes lắc đầu với vẻ nghiêm trọng:

- Nếu chúng ta có thể nhận diện được nó thì đã không còn nguy hiểm nữa rồi. Nhưng bất cứ lúc nào, chỉ cần cô gửi điện báo là tôi sẽ lập tức đến ngay.

- Vậy là tôi yên tâm rồi. - Cô gái đứng dậy khỏi ghế, vẻ mặt rạng rỡ tươi cười - Giờ thì tôi đã có thể vui vẻ đến Hampshire. Tôi sẽ viết thư trả lời ông Rucastle ngay, và tối nay đi cắt mái tóc đẹp như mơ của mình.

Cô nói lời cảm ơn Holmes, chúc chúng tôi ngủ ngon rồi vội vã ra về.

- Ít ra thì cô ấy cũng có vẻ là một cô gái tháo vát, rất biết xoay xở... - Tôi nói khi nghe thấy tiếng bước chân nhanh nhẹn của cô đi trên cầu thang.

- Cô ấy cần phải thế. - Holmes nói rất nghiêm túc - Nhưng chỉ một thời gian ngắn nữa thôi, cô ấy sẽ phải cầu cứu chúng ta.

Ít lâu sau, lời dự đoán của bạn tôi quả nhiên ứng nghiệm. Trong thời gian hai tuần này, tâm trí của tôi luôn hướng về “Những cây sồi đỏ”. Tôi lo rằng cô gái đang phải dấn thân vào một cuộc phiêu lưu đầy mạo hiểm. Mức lương cao bất thường, những điều kiện kỳ quặc, công việc nhẹ nhàng, tất cả đều cho thấy một điều gì đó không bình thường, dù rằng tôi không thể xác định được chuyện đó là một sở thích kỳ cục nhất thời hay là một âm mưu; người đàn ông ấy là một nhà từ thiện hay một tên vô lại. Về phần Holmes, tôi thấy anh thường ngồi trầm ngâm trên ghế cả nửa giờ, chau mày nghĩ ngợi một mình. Nhưng khi tôi nhắc tới chuyện cô gái đó, là anh liền xua xua tay ngắt lời: “Thôi đi, tôi đang chờ tin tức. Không thể làm bánh nếu không có bột”. Nhưng đôi lúc, tôi thấy anh rít lên một mình: “Không! Tôi quyết không bao giờ cho em gái tới đó”. Chứng tỏ anh rất lo lắng cho số phận của cô gái đáng thương kia.

Cuối cùng thì một bức điện cũng được gửi tới chúng tôi trong đêm khuya. Holmes mở phong bì, liếc nhanh qua nội dung bức điện rồi quăng sang cho tôi:

- Anh hãy hỏi ngay giờ tàu chạy đến Bradshaw. - Holmes nói ngắn gọn như vậy.

Bức điện vừa ngắn vừa khẩn cấp:

“12 giờ trưa mai tới khách sạn Thiên nga đen ở Winchester. Nhất định phải đến!”

Hunter”

Holmes nửa như đề nghị, nửa mời mọc khi tôi đọc xong bức điện:

- Anh đi cùng với tôi chứ?
- Tất nhiên rồi. Tôi không mong muốn gì hơn nữa.
- Vậy anh tìm xem có chuyến tàu nào không.
- 9 rưỡi có một chuyến. - Tôi cúi mũi vào bảng thông báo giờ tàu chạy, tìm kiếm - 11 rưỡi đến Winchester.
- Rất tốt! Chúng ta đi nghỉ chút đi. Sáng mai phải thật sự mạnh khỏe nhất đấy!

11 giờ hôm sau, chúng tôi đã gần tới thủ đô cũ của Anh quốc. Ban đầu, Holmes vui đầu vào đồng báo, nhưng ngay sau đó, anh bị phong cảnh mùa

xuân mê hồn cuốn hút. Thật là một ngày xuân lý tưởng. Những đám mây trắng lơ lửng trên bầu trời trong xanh, trôi nhẹ từ tây sang đông, ánh nắng rực rỡ. Khí trời rất tươi mới, khiến người ta thấy thanh thản và sảng khoái. Phía xa xa, trùng trùng điệp điệp những ngọn núi của Aldershot. Cả một vùng đồng ruộng xanh mướt, thấp thoáng hiện ra những mái ngói màu đỏ hoặc ghi xám của những trang trại xinh xắn. Đúng là một cảnh sắc thôn quê quá ư đẹp đẽ với những người dân thành thị như chúng tôi.

- Phong cảnh thật là trong lành và đẹp đẽ, phải không? - Tôi bất giác thốt lên, vui sướng.

Nhưng Holmes lại nói với vẻ nghiêm trọng:

- Watson thân mến, đầu óc tôi bị ám ảnh đến nỗi nhìn đâu cũng thấy tội ác. Tôi cùng đi với anh, cũng nhìn thấy bầu trời trong xanh và thấy những ngôi nhà xinh xắn như anh, nhưng trong đầu tôi lại chỉ có độc nhất một ý nghĩ: Đó là chúng nhỏ bé, lẻ loi và hẻo lánh quá, nên tội ác ở đây dễ dàng thoát khỏi sự trừng phạt của pháp luật.

- Chúa ơi! Chắc anh quá lo lắng cho cô Hunter nên mới nghĩ như vậy. Sao anh có thể ghép chung tội ác với những ngôi nhà xinh đẹp đó được chứ?

- Nhưng Watson ạ, chính những ngôi nhà ấy khiến tôi kinh sợ đấy! Tôi có cảm giác rằng, những đường phố tồi tàn ở London còn chứa ít tội lỗi hơn những cánh đồng đẹp tươi và đầy sức sống này!

- Anh làm tôi hoảng đấy.

- Watson ạ, anh hãy nhìn kỹ đi. Mỗi ngôi nhà nhỏ bé ở đây giống như một thế giới riêng. Ở đó, người ta mặc sức muốn làm gì thì làm, không một ai hay biết. Nếu Hunter đang cầu cứu chúng ta mà sống ở Winchester thì tôi sẽ không thấy lo lắng lắm. Nhưng “Những cây sồi đỏ” cách đó những năm dặm nên tôi thấy không yên. Cũng còn may là cô ấy chưa bị đe dọa đấy.

- Nếu cô ấy có thể gặp chúng ta ở Winchester, chứng tỏ cô ấy vẫn còn được tự do đi lại.

- Đúng vậy!

- Rốt cuộc là có chuyện gì? Anh có thể giải thích cho tôi được không?

- Tôi đã có cả bảy cách giải thích khác nhau, nhưng trong đó cách nào là chính xác thì chỉ có thể biết được sau khi có tin tức của Hunter mà

thôi. Đây rồi! Tháp nhà thờ lớn đây rồi. Không lâu nữa chúng ta sẽ được nghe cô Hunter giải thích. - Holmes vui vẻ ra mặt, đáp lời tôi.

“Thiên nga đen” là khách sạn nổi tiếng trên trục đường chính của Winchester, cách nhà ga không xa. Ở đó, chúng tôi gặp ngay Hunter đang nóng lòng đợi chúng tôi. Cô đã thuê sẵn một phòng, bữa trưa cũng đã được dọn sẵn trên bàn.

Cô reo lên khi thấy chúng tôi:

- Thấy các ông tới tôi mừng quá! Rất cảm ơn hai ông! Nhưng quả thực, giờ tôi không biết mình phải làm thế nào nên mới cầu cứu các ông!

- Hãy cho tôi biết cô đã gặp phải chuyện gì. - Holmes hỏi Hunter đầy sự quan tâm.

- Tôi phải nói gấp vì đã hứa với ông Rucastle là sẽ về trước 3 giờ. Sáng nay, tôi xin ông ta cho nghỉ để vào thành phố, nhưng ông ta không biết tôi ra đây làm gì.

- Cô hãy kể thứ tự từng chuyện một. - Holmes duỗi đôi chân quá khổ về gần lò sưởi, ngồi trong tư thế thoải mái để chuẩn bị lắng nghe.

- Trước hết, phải nói rằng tôi chưa hề bị ông bà Rucastle ngược đãi. Nhưng, tôi không có cách nào hiểu nổi họ và tôi rất lo ngại.

- Cô không hiểu chuyện gì?

- Là nguyên nhân những hành động của họ. Tôi kể lại từ đầu mọi chuyện; biết đâu ông có thể lý giải được một vài điều từ những chuyện đó.

“Khi tôi tới, ông Rucastle đã đưa xe tới đây đón, rồi đưa tôi về trang trại “Những cây sồi đỏ”. Môi trường ở đó quả là tuyệt vời, nhưng ngôi nhà thì chẳng đẹp chút nào. Đó là một khối nhà vuông đồ sộ màu trắng nhờ, tuy nhiên do ẩm mốc và bị thời tiết xấu tác động nên trông nó thật loang lổ và xấu xí. Quanh nhà thì ba mặt là rừng cây kéo dài, còn mặt trước là một vùng đất bằng phẳng, thông tới đường lớn đi Southampton, mà ngã ba cách cổng nhà khoảng 100m. Vùng đất đó là của ông Rucastle; còn rừng cây thuộc sở hữu của một vị huân tước. Vài cây sồi đỏ mọc ngay trước cửa, đối diện với ngôi nhà, nên nơi đây được gọi là trang trại “Những cây sồi đỏ”.

“Chiều hôm đó, ông chủ giới thiệu tôi với vợ và con trai ông ta. Ông Holmes ạ, những điều mà tôi phỏng đoán lúc ở phố Baker không giống với

thực tế. Bà Rucastle không hề điên, trái lại còn là người điềm tĩnh với sắc mặt xanh xao và trẻ hơn chồng rất nhiều. Tôi đoán bà ấy chưa đến ba mươi, còn ông Rucastle không ít hơn bốn mươi lăm tuổi. Nghe họ nói chuyện, tôi biết được rằng họ đã lấy nhau được bảy năm. Ông ta góa vợ, có một cô con gái riêng hiện đang ở Philadelphia, Mỹ. Rucastle cho tôi biết, sở dĩ cô ấy bỏ đi là vì không thích người mẹ kế. Vì cô ấy chỉ khoảng hai mươi tuổi nên tôi hoàn toàn có thể hiểu được khi cô ấy có ác cảm với người dì ghẻ chỉ hơn mình vài tuổi. Bà Rucastle đối xử với tôi rất bình thường, không tỏ ra có chút ác cảm nào.

“Bà Rucastle, theo tôi, là một người rất bình thường cả về nhan sắc cũng như về học vấn. Nhưng cũng rất dễ dàng nhận thấy là bà ấy vô cùng yêu thương chồng con. Đôi mắt màu nâu nhạt của bà ấy luôn để ý, chỉ cần phát hiện chồng con cần gì là liền đáp ứng yêu cầu của họ ngay. Ông Rucastle rất tốt với bà ấy, mỗi tội cách ứng xử hơi thô lỗ. Họ dường như là một đôi vợ chồng hạnh phúc. Nhưng bà ấy vẫn giấu kín một nỗi u sầu bí mật nào đó. Bà ấy thường xuyên chìm đắm trong suy tư, ánh mắt trĩu nặng nỗi buồn rầu. Tôi đã nhìn thấy bà ấy rơi nước mắt không chỉ một lần, cứ ngỡ là bà khổ tâm vì những thói xấu của đứa con trai hư đốn. Tôi chưa từng gặp đứa trẻ nào mà hư hỏng, nghịch ngợm như nó. Nó thấp bé hơn những đứa trẻ cùng tuổi, nhưng cái đầu lại rất to, không tương xứng với toàn thân. Thú tiêu khiển ưa thích duy nhất của nó là hành hạ những con vật nhỏ bé yếu ớt. Nó tỏ ra rất có tài bắt chuột, chim non và côn trùng. Nhưng tôi không muốn nói nhiều về chú bé hư hỏng này. Thực tế thì nó chẳng có vai trò gì nhiều trong chuyện của tôi.”

- Tôi rất muốn biết mọi chi tiết mà cô kể lại. - Holmes nói - Dù cô cho rằng có ích hay không.

- Tôi sẽ cố hết sức để không bỏ sót những chi tiết quan trọng. Điều làm tôi thấy khó chịu nhất ở ngôi nhà ấy là ngoại hình và hành vi của những gia nhân. Nhà ông Rucastle có hai người giúp việc, một người đàn ông và vợ ông ta. Tên ông ta là Toller, người thô lỗ vụng về với mái tóc hoa râm và bộ râu quai nón rậm rì. Khó chịu nhất là lúc nào người ông ta cũng nồng nặc mùi rượu. Vợ Toller là một phụ nữ khỏe mạnh, cao lớn, ít nói, rất đáng ghét.

May mà hầu hết thời gian tôi đều ở trong phòng dạy trẻ và phòng riêng. Hai căn phòng này tiếp giáp nhau, đều ở một góc của ngôi nhà lớn.

“Sau khi tôi tới “Những cây sồi đỏ”, cuộc sống trong hai ngày đầu rất yên tĩnh. Ngày thứ ba, bà Rucastle ăn sáng xong liền đi xuống nhà, thì thăm gì đó với chồng.

- À, đúng rồi! - Ông ấy gật đầu đồng ý với vợ, rồi quay về phía tôi - Rất cảm ơn cô Hunter, vì cô đã cắt ngắn tóc theo sở thích của chúng tôi. Bây giờ chúng ta sẽ thử xem cô mặc bộ váy áo màu xanh đậm có hợp hay không. Bộ váy ấy đặt trên giường trong phòng cô. Nếu cô mặc nó thì chúng tôi sẽ rất biết ơn cô đấy!

“Bộ váy đặt trên giường cho tôi mặc có màu xanh đậm đặc biệt. Nó được dệt bằng loại vải cực tốt. Nhưng vừa nhìn, tôi biết ngay là quần áo cũ. Bộ váy áo rất vừa với người tôi, dường như là được may theo số đo của tôi vậy. Ông bà Rucastle thấy thế thì vui mừng quá mức, đến nỗi có phần khác thường. Họ đang ngồi đợi tôi trong phòng khách. Phòng khách rất rộng, chiếm cả nửa phía trước của căn nhà, với ba cửa sổ lớn. Họ yêu cầu tôi ngồi lên chiếc ghế đặt sẵn ở gần cửa sổ giữa, quay lưng ra phía ngoài. Rồi ông Rucastle vừa đi đi lại lại trong phòng khách vừa kể cho tôi nghe vô số những chuyện khôi hài mà tôi chưa từng được biết. Các ông không thể tưởng tượng được ông ấy hài hước thế nào đâu, tôi cười đau cả bụng. Nhưng bà Rucastle lại thấy những chuyện đó chẳng có vẻ gì là hài hước, thậm chí còn không cả cười. Bà ta chỉ ngồi im, đặt hai tay lên đầu gối, khuôn mặt vừa buồn rầu lại vừa lo lắng. Khoảng một tiếng đồng hồ sau, ông Rucastle đột nhiên nói là đã đến lúc tôi bắt đầu công việc trong ngày. Tôi thay váy áo và đến phòng dạy trẻ tìm Edward.

“Hai ngày sau, cảnh đó lại diễn ra tương tự như vậy. Một lần nữa, tôi lại thay váy áo, tới ngồi bên cửa sổ, nghe ông chủ kể những câu chuyện cười bất tận. Rồi ông ấy đưa cho tôi một quyển tiểu thuyết có bìa màu vàng, khẽ xoay chiếc ghế mà tôi đang ngồi sang bên cạnh một chút, để tôi khỏi che khuất quyển sách. Ông ấy yêu cầu tôi đọc to lên cho mọi người cùng nghe. Tôi đọc một trang bất kỳ trong quyển sách, được khoảng mười phút, thì cũng như lần trước, đột nhiên ông ấy bảo tôi ngừng lại để thay quần áo.



“Ông hẳn cũng đoán được, thưa ông Holmes, rằng tôi rất lấy làm lạ và không thể lý giải được những hiện tượng khác thường ấy có ý nghĩa gì. Tôi phát hiện thấy họ hết sức quan tâm đến việc tôi phải ngồi quay lưng về phía cửa sổ. Vì vậy, tôi đột nhiên nảy ra một ý nghĩ là muốn xem xem sau lưng mình đang xảy ra chuyện gì. Tôi mau chóng nghĩ ra một cách. Tôi có một cái gương nhỏ bị vỡ, thế là tôi liền lén giấu một mảnh gương vào trong khăn tay. Trong lần biểu diễn sau đó, sau một tràng cười rũ rượi, tôi liền đưa chiếc khăn tay lên trước mắt, khéo léo đưa qua đưa lại và có thể nhìn thấy mọi thứ sau lưng. Tôi phải thừa nhận là lúc đầu rất thất vọng, vì chẳng nhìn thấy gì cả. Ít ra thì ấn tượng đầu tiên của tôi cũng là như vậy. Nhưng đến lần thứ hai, khi nhìn lại lần nữa, tôi bỗng nhìn thấy có một người đàn ông râu ria xồm xoàm mặc bộ đồ màu xám đứng bên đường đi Southampton, dường như đang nhìn về phía tôi. Anh ta đứng tựa vào hàng rào ở sân nhà và nhìn về phía chúng tôi rất chăm chú. Tôi để chiếc khăn tay xuống, liếc nhanh về phía bà Rucastle thì thấy bà ta đang nhìn chăm chăm vào tôi với ánh mắt rất sắc sảo. Bà ta chẳng nói gì, nhưng tôi tin là bà đã đoán biết việc tôi làm, và cũng nhìn thấy cả người đàn ông nọ. Lập tức bà đứng dậy, nói với ông Rucastle:

- Này anh, bên kia đường có một thằng cha xác lác đang nhìn chăm chăm vào cô Hunter.

- Không phải bạn cô chứ, cô Hunter? - Ông ta dò hỏi.

- Không phải, ở đây tôi chẳng quen ai cả.

- Ôi Chúa ơi! Thật là trớ tráo. Xin cô hãy quay lại và xua tay ra hiệu đuổi hẳn đi!

- Tôi nghĩ, tốt hơn bà không cần quan tâm đến anh ta.

- Không! Không! Như thế hẳn sẽ thường xuyên la cà ở đây. Tôi xin cô! Cô hãy quay lại, xua tay đuổi hẳn đi! Cô hãy làm như thế này này! - Ông ta hướng dẫn tôi.

“Tôi làm theo sự chỉ bảo của ông ta. Đồng thời, bà Rucastle cũng kéo rèm cửa sổ xuống. Chuyện đó xảy ra cách đây một tuần. Từ lúc đó, tôi không còn phải ngồi cạnh cửa sổ, mặc bộ váy cũ màu xanh và cũng không còn nhìn thấy người đàn ông đứng bên đường nữa.”

- Cô cứ kể tiếp đi. - Holmes rất chăm chú - Câu chuyện của cô thú vị lắm, hứa hẹn nhiều điều hấp dẫn đây.

- Tôi e ông sẽ cho rằng chuyện của tôi quá vụn vặt, không có trật tự nào cả. Điều này chứng tỏ, các sự việc tôi kể chẳng có quan hệ gì với nhau cả. Ngay hôm đầu tôi sống ở “Những cây sồi đỏ”, ông Rucastle đưa tôi tới một căn phòng nhỏ cạnh nhà bếp. Khi bước vào đó, tôi nghe có tiếng xích sắt khua leng keng vào nhau và tiếng bước chân của một con vật to lớn.

- Hãy nhìn qua chỗ này! - Ông Rucastle chỉ vào một khe hở nhỏ giữa hai tấm ván gỗ - Nó chẳng phải là rất đáng sợ ư?

“Tôi nhìn qua cái khe, chỉ thấy hai con mắt sáng rực và một hình thù mờ ảo cuộn tròn trong bóng tối.

- Đừng sợ! - Ông Rucastle vừa cười vừa nói với tôi bằng giọng hàm ý đe dọa - Đó là con chó ngao Carlo của tôi. Chỉ có lão chăn ngựa Toller mới bảo được nó. Mỗi ngày tôi chỉ cho nó ăn một bữa thôi, mà sức nó ngốn khủng khiếp luôn, nên nó rất dữ tợn, suốt ngày sùng sục tìm mồi. Thật vô phúc cho ai buổi tối tự tiện xông vào nhà vì sẽ bị những cái răng sắc nhọn của nó xé tan xác. Lúc ấy, chỉ có Chúa mới cứu được thôi. Vì vậy, cô chớ bước ra khỏi cửa vào ban đêm với bất cứ lý do gì. Vì nếu làm thế nghĩa là cô không muốn sống nữa.

“Lời cảnh báo ấy không phải là không có căn cứ. Hai hôm sau, vào khoảng 2 giờ đêm, tôi đứng ở cửa sổ phòng ngủ nhìn ra ngoài. Trăng sáng vắng vạc, ánh bạc lung linh chiếu rọi xuống thảm cỏ trước nhà rõ như ban ngày. Tôi đứng đó đắm chìm vào cảnh tượng tuyệt đẹp, bỗng nhiên phát hiện thấy có vật gì đang thoắt ẩn thoắt hiện dưới bóng của những cây sồi đỏ. Khi nó hiện ra dưới ánh trăng, tôi đã có thể thấy rõ. Thì ra đó là một con chó to tựa con bê, lông màu vàng nâu, răng nanh rất dài với cái miệng đen ngòm ngoác ra, gầy gơ xương. Nó băng nhanh qua lối đi và mất hút vào bóng tối. Kẻ bảo vệ đáng sợ ấy làm tôi đứng tim. Tôi nghĩ, chẳng có tên trộm nào có thể làm cho tôi sợ như vậy cả!

“Bây giờ tôi muốn kể cho ông nghe một chuyện rất kỳ lạ. Ông cũng biết tôi đã cắt ngắn tóc ở London... Tôi mang theo đến đây và để túm tóc đó dưới đáy vali. Một buổi tối, sau khi cho thằng bé ngủ, tôi bắt đầu xem xét

những đồ đạc trong phòng và sắp xếp những món đồ linh tinh cho khuây khỏa.

“Trong phòng có một cái tủ cũ, hai ngăn kéo trên rỗng không nhưng ngăn dưới lại khóa kín. Tôi đã nhét đầy quần áo của mình vào hai ngăn trên mà vẫn còn thừa ra rất nhiều. Vì không được sử dụng ngăn kéo dưới cùng nên tôi rất bức bối. Tôi nghĩ, có lẽ người ta đã vô tình khóa nó lại, nên lấy một xương chìa khóa ra thử mở. Thật may, vừa dùng cái chìa đầu tiên, tôi đã mở được khóa. Trong ngăn kéo chỉ chứa một vật duy nhất. Nhưng tôi dám khẳng định, các ông sẽ không bao giờ đoán được đó là cái gì đâu. Đó chính là món tóc của tôi!

“Tôi cầm túm tóc lên quan sát thật kỹ. Cũng là cái màu đặc biệt ấy, độ dày ấy, y hệt như tóc tôi. Sao tóc của tôi lại ở trong cái ngăn kéo này được? Tay run run tôi mở vali, lấy tóc của mình từ trong đó ra xem. Đặt hai túm tóc cạnh nhau, tôi dám đảm bảo với ông rằng chúng giống hệt nhau. Điều này chẳng phải là rất kỳ lạ sao? Tôi suy nghĩ mãi mà vẫn không hiểu thế nào cả. Tôi đặt túm tóc kỳ lạ ấy vào trong ngăn kéo y như cũ, không hề hé miệng kể chuyện này với ai. Suy cho cùng, tôi đã sai khi mở cái ngăn kéo bị khóa.

“Thưa ông Holmes, ông cũng biết rằng tôi là một người rất thích quan sát... Không lâu sau, tôi đã có thể nhớ chính xác vị trí của từng phòng trong nhà. Một phòng hình như không có người ở. Phòng của Toller đối diện với lối đi, có một cánh cửa thông tới cái phòng khóa kín kia. Một bữa khi lên gác, tôi chạm mặt với ông Rucastle đang đi từ phòng đó ra, tay cầm chìa khóa. Mặt ông ta lúc ấy khác hoàn toàn với khuôn mặt tròn tròn, hài hước mà tôi bình thường quen nhìn. Do cái giận, hai má ông ta đỏ tím, lông mày nhíu lại, gân xanh nổi rõ cả ở hai bên thái dương. Khóa cửa xong, ông ta vội vã đi qua mặt tôi, không nói một lời và cũng không cả thèm nhìn tôi nữa.

“Việc đó kích thích trí tò mò của tôi. Vì vậy, khi dẫn thằng bé đi dạo trong sân, tôi đã lượn một vòng để đến căn phòng đó, có thể nhìn thấy cửa sổ của nó. Căn phòng có bốn cái cửa sổ, ba cái phủ đầy bụi vô cùng bẩn thỉu, cái thứ tư thì có cửa kính đóng chặt. Rõ ràng là căn phòng bị bỏ hoang từ lâu. Đúng lúc tôi đang lang thang ở đó thì ông Rucastle đi về phía tôi, tỏ ra hài hước và vui vẻ như thường ngày.

- À! Nếu tôi đi qua mà không chào thì cô đừng cho là tôi bất lịch sự nhé! Lúc ấy, tôi bận giải quyết công việc mà. - Ông ta nói như thanh minh.

“Tôi bảo ông ấy yên tâm, tôi không hề nghĩ vậy. Rồi nhân tiện tôi hỏi luôn:

- Thưa ông, hình như ở phía trên có các phòng trống, một trong số có cửa kính đóng chặt?

“Ông ta tỏ ra ngạc nhiên, tôi cảm thấy như thế.

- Tôi vốn rất thích chụp ảnh, - Ông ta giải thích - và đã dùng những cái phòng làm buồng tối. Cô gái thân mến! Cô là một người rất có óc quan sát! Ai mà tin được. Ai có thể tin chứ? - Ông ta nói với giọng đùa cợt, nhưng mắt ông ta lại nhìn tôi chăm chăm không có ý đùa cợt chút nào.

“Thưa ông Holmes, từ khi tôi hiểu rằng có cái gì đó trong căn phòng ấy thì tôi chỉ còn mơ tới chúng. Như đã nói, tôi là người vốn tò mò nên cảm giác xé được bức màn bao phủ, và không chừng sẽ làm được một việc gì tốt, làm tôi thật hạnh phúc. Tôi chú ý xem có cơ hội nào có thể đột nhập vào căn phòng cấm ấy không. Cơ hội tốt đã đến vào ngày hôm qua. Tôi có thể cho ông biết rằng, ngoài ông Rucastle, còn cả Toller và vợ ông ta cũng đến đó. Có lần tôi đã thấy Toller ôm một cái bọc đen to dùng từ căn phòng ấy đi ra. Gần đây Toller thường xuyên say xỉn. Tối qua, ông ta uống đến mức say khướt, không còn biết trời đất là gì nữa. Khi lên gác, tôi phát hiện chìa khóa vẫn cắm trong ổ, biết ngay là ông ta để quên. Lúc ấy ông Rucastle và vợ đều ở phòng dưới; thằng bé cũng đang ở cùng họ. Đúng là cơ hội nghìn năm có một. Tôi nhẹ nhàng xoay chìa khóa, mở cánh cửa đó ra, rồi lén bước vào trong. Còn Toller thì không biết gì, ông ta đang say xỉn.

“Trước mặt tôi xuất hiện một hành lang nhỏ, tường không bôi giấy, sàn cũng không trải thảm. Chỗ ngoặt cuối hành lang là một góc vuông. Sau chỗ ngoặt ấy có ba cánh cửa liên tiếp với nhau. Cửa thứ nhất và thứ ba mở toang, phía trong là một gian phòng trống, vừa bẩn vừa u ám. Trên cửa sổ, bụi bẩn bám dày từng lớp, khiến cho ánh sáng buổi chiều chiếu vào đó lại càng u ám hơn. Phòng giữa bị khóa, bên ngoài có một then sắt chặn ngang, một đầu móc gắn vào tường, còn đầu kia buộc chặt lên tường bằng một dây thừng rất to. Cánh cửa thì khóa lại, nhưng chìa khóa không ở đó. Căn phòng kín như

bưng ấy là căn phòng có cửa kính bị bịt kín phía ngoài. Và rồi, qua khe cửa thấy có ánh sáng yếu ớt lọt vào, tôi có thể nhận ra gian phòng đó không tầm tối lắm. Rõ ràng là phòng có cửa sổ trên nóc; ánh sáng vào từ đó. Trong lúc tôi đang loay hoay trước căn phòng hắc ám đó và tự hỏi xem bên trong nó có bí mật gì thì thình lình nghe thấy có tiếng bước chân trong phòng. Qua những tia sáng yếu ớt từ phía dưới cánh cửa, tôi nhìn thấy có một bóng người đang đi đi lại lại. Cảnh tượng ấy làm cho tôi sợ hãi tột cùng. Thừa ông Holmes, lúc ấy thần kinh của tôi bị tê liệt, dường như mất hết mọi khả năng tự chủ, tôi liền quay đầu bỏ chạy. Tôi cứ men theo hành lang mà chạy thực mạng, qua cánh cửa, đâm sầm vào ông Rucastle, lúc đó đang đứng đợi bên ngoài.

- Không chệch đi đằng nào! - Ông ta vừa cười vừa nói - Quả nhiên là cô! Khi tôi thấy cửa mở, tôi đã nghĩ chắc chắn là cô.

- Ôi! Tôi sợ quá! Tôi sợ quá! - Tôi vừa thở hổn hển vừa nói.

- Ồ, cô gái thân mến! Cô gái thân mến! Cái gì làm cô sợ hãi đến thế? - Giọng nói của ông ta quá mơn trớn, quá ngọt ngào làm tôi khựng lại ngay.

- Tôi đúng là ngu ngốc, đã dại dột mò vào chỗ mấy cái phòng trống ấy. Trong đó, sao mà tối tăm, bẩn thỉu thế, làm tôi sợ hết hồn, chạy thực mạng ra đây. Văng lạng, đáng sợ như nơi ở của Tử thần vậy!

- Chỉ thế thôi ư! - Ông ta nhìn tôi bằng ánh mắt dò xét.

- Sao cơ? Theo ông thì thế nào? - Tôi vờ hỏi lại ông ta.

- Theo cô thì tôi khóa cái cửa này làm gì?

- Tôi quả thực không biết.

- Để những người rồi hời không vào được đó, cô hiểu không? - Ông ta vẫn cười nói thơn thớt hết sức thân mật.

- Nếu tôi sớm biết điều đó thì đã...

- Tốt lắm, giờ thì cô đã biết rồi! Nếu cô còn bước chân qua cửa này nữa thì... - Nói tới đây, nụ cười của ông ta trong giây lát trở thành cái nhếch mép hung dữ, và ông ta nhìn tôi từ đầu tới chân với bộ mặt của con quỷ - Tôi sẽ quảng cáo cho con chó ăn thịt đấy!

“Tôi kinh hoàng đến nỗi chẳng biết phải làm gì cả. Tôi nghĩ là tôi đã chạy một mạch về phòng. Tôi chẳng nhớ nổi chuyện gì nữa, cho đến khi

phát hiện mình đang nằm trên giường, toàn thân run lẩy bẩy. Tất cả đều làm tôi sợ hãi: ngôi nhà, ông chồng, bà vợ, đứa con... Lúc ấy tôi đã nghĩ đến ông, ông Holmes ạ! Nếu không có người chỉ bảo, có lẽ tôi chẳng còn dám ở lại đây nữa. Nếu tôi có thể đưa các ông tới chỗ đó thì tốt quá. Đương nhiên tôi cũng có thể trốn thoát khỏi căn nhà đó, nhưng sự tò mò cũng mạnh mẽ như nỗi sợ hãi vậy. Do đó tôi đã quyết gửi điện báo cho ông. Tôi đội mũ, khoác áo, đi tới chỗ gửi điện báo ở cách đó nửa dặm. Lúc trở về, tôi mới thấy trong lòng nhẹ nhõm. Khi về tới nhà, một mối lo khủng khiếp lại nảy ra, nếu họ thả con chó ra thì sao? May là Toller đang say bí tỉ. Buổi tối, cứ nghĩ tới chuyện sắp được gặp các ông là tôi vui đến nỗi cứ nằm trên giường tới tận nửa đêm mà vẫn chưa ngủ. Sáng sớm nay, tôi dễ dàng xin nghỉ để đi tới Winchester. Nhưng trước 3 giờ tôi phải trở về, vợ chồng ông Rucastle chuẩn bị đi dự tiệc. Tối nay họ không có nhà, nên tôi phải trông thẳng bé. Bây giờ, tôi đã kể xong toàn bộ câu chuyện rồi, ông Holmes ạ! Nếu ông có thể cho tôi biết tất cả những điều đó có ý nghĩa gì, thì tôi sẽ vô cùng vui sướng.”

Chúng tôi bị câu chuyện lạ lùng này bắt hết tâm trí. Holmes đứng dậy đi đi lại lại trong phòng, hai tay đút túi quần, vẻ mặt tỏ ra rất nghiêm trọng.

- Có phải gã Toller vẫn luôn say khướt? - Anh hỏi lại như muốn khẳng định điều gì.

- Tôi nghe vợ ông ta nói với bà Rucastle là bà ta chẳng còn cách gì với ông ta nữa.

- Vậy là rất tốt! Tối nay, vợ chồng Rucastle sẽ ra ngoài ư?

- Vâng.

- Ở đó có tầng hầm và một cái khóa chắc chắn không?

- Có một hầm chứa rượu.

- Cô Hunter, qua việc cô xử lý mọi chuyện, có thể nói cô là một cô gái rất mưu trí và dũng cảm đấy. Cô liệu có dám làm một chuyện động trời nữa không?

- Tôi sẽ cố. Ông muốn tôi làm gì?

- 7 giờ, tôi và bạn tôi sẽ tới “Những cây sồi đỏ”. Lúc ấy, ông bà Rucastle đã ra khỏi nhà rồi; còn Toller, chúng tôi hy vọng gã ta đang say khướt. Chỉ

còn lại bà Toller; nếu cô dụ bà ta xuống hầm rượu và nhốt bà ta ở trong đó thì công việc của chúng ta sẽ dễ dàng hơn rất nhiều đấy!

- Tôi sẽ làm.

- Tốt quá rồi! Vậy thì chúng ta sẽ điều tra tận gốc rễ câu chuyện. Chỉ có một lời giải thích hợp lý trong trường hợp này: đó là cô được mời tới đây để thay thế một người nào đó, còn người đó thì lại đang bị nhốt trong căn nhà này. Người bị giam chính là tiểu thư Alice Rucastle, con gái ông ta. Nếu tôi nhớ không nhầm thì người ta bảo cô ấy đã tới Mỹ. Rõ ràng, sở dĩ cô được mời làm công việc này là vì chiều cao, vóc dáng và màu tóc của cô giống y hệt cô ấy. Tóc cô ấy bị cắt, có thể là do cô ấy từng mắc bệnh. Do đó, ông ta yêu cầu cô phải cắt bỏ mái tóc dài đẹp của mình. Cô nhìn thấy túm tóc của Alice hoàn toàn là do tình cờ. Người đàn ông đứng trên đường có thể là bạn bè hoặc chồng chưa cưới của Alice. Và cũng rất rõ ràng, chính vì cô mặc quần áo của Alice, lại giống nhau như hai giọt nước, nên khi anh ta nhìn thấy cô, từ nụ cười của cô, từ tư thế của cô, anh ta tin là cô Rucastle rất vui vẻ, do vậy mà cho rằng cô ấy không cần tới anh ta nữa. Con chó được thả ra hàng đêm là để đề phòng anh ta đến gặp cô ấy. Tất cả những điều đó đều rất rõ ràng. Nhưng điểm nghiêm trọng nhất trong vụ án này lại chính là ở tính cách của thằng bé!

- Có liên quan gì đến thằng bé chứ? - Tôi ngạc nhiên kêu lên.

- Watson thân mến, chẳng lẽ anh không phát hiện ra tính cách thằng bé đó tàn nhẫn khác thường, đặc biệt là nó tàn nhẫn chỉ vì nó... thích thế. Dù tính cách ấy được thừa hưởng từ ông bố “thơn thớt nói cười”, hay bà mẹ u buồn của nó, thì cũng đều không tốt cho cô gái đáng thương đang nằm trong tay họ.

- Tôi tin là ông nói đúng, ông Holmes ạ! - Cô gái thốt lên - Bây giờ nhớ lại những sự việc đã xảy ra, tôi càng chắc chắn là ông đã tìm ra được điểm mấu chốt. Chúng ta không thể để lỡ một phút nào nữa, phải mau chóng đến cứu cô ấy thôi!

- Phải tuyệt đối cẩn trọng, vì chúng ta đang phải đối phó với một kẻ vô cùng xảo quyệt. Có điều, chúng ta sẽ mau chóng giải được điều bí ẩn này thôi.

7 giờ đúng, chúng tôi đã có mặt ở “Những cây sồi đỏ”. Cô Hunter đứng ở trên bậc tam cấp, tươi cười chào đón chúng tôi.

- Cô đã thu xếp mọi việc đâu vào đấy rồi chứ? - Holmes hỏi, không khỏi lo lắng đôi chút.

Đúng lúc ấy, có một tiếng động mơ hồ phát ra từ dưới tầng hầm.

- Đó là bà Toller; tiếng động do bà Toller phát ra dưới hầm rượu. Còn chồng bà ta đang ngáy như sấm trên tấm thảm trong bếp. Đây là chùm chìa khóa của ông ta, hoàn toàn giống chùm chìa khóa của ông Rucastle. - Cô Hunter giải thích cho chúng tôi.

- Cô làm tốt lắm! - Holmes reo lên phấn khích - Giờ cô hãy dẫn đường! Chúng ta sắp chứng kiến kết cục của cái trò xấu xa độc ác này rồi.

Chúng tôi lên gác, mở khóa cánh cửa “cấm”, đi theo hành lang, đến trước căn phòng mà cô Hunter đã miêu tả. Holmes cắt đứt dây thừng, gạt nhanh then sắt chặn cửa sang một bên, sau đó dùng từng chiếc chìa khóa trong chùm thử mở, nhưng không được. Bên trong hoàn toàn không có chút động tĩnh gì. Sự im lặng ấy làm Holmes tối sầm mặt lại:

- Chúng ta đã đến chậm mất rồi. - Anh tức giận nói - Bây giờ Watson sẽ dùng vai đẩy cửa với tôi, xem rốt cuộc chúng ta có vào được không.

Đây là cánh cửa cũ rích, đã bị một ăn rồng nên hai chúng tôi hợp sức đẩy được ngay. Khi lao vào, chúng tôi chỉ thấy căn phòng trống không. Ngoài một cái giường cũ kỹ, một cái bàn mục nát và một giỏ quần áo bẩn thỉu ra, thì không có gì khác. Cửa sổ trên nóc mở toang, người bị nhốt đã mất tăm rồi.

- Hẳn đã giờ trò quỷ rồi. - Holmes nói - Có lẽ thằng cha này đã đoán được ý định của cô Hunter, nên đưa nạn nhân đi trước chúng ta một bước.

- Nhưng bằng cách nào?

- Có thể biết ngay là hẳn đã đưa đi bằng cách nào. Ái chà! Là thế này đây. - Anh đu mình lên mái nhà nhanh như một con sóc và kêu lên - Ở đây có một cái thang dài đi xuống hầm rượu.

- Không thể thế được. - Cô Hunter thắc mắc - Lúc vợ chồng Rucastle đi, không có cái thang ở đó.

- Vậy thì hắn đã quay lại. Tôi đã nói với cô, hắn là một tên xảo quyệt và rất nguy hiểm cơ mà. Tôi nghe thấy có tiếng bước chân đang đi lên cầu thang. Nếu không phải hắn mới là lạ. Watson, anh chuẩn bị lên đạn đi, hắn tới đây!

Anh chưa dứt lời thì một người đàn ông đã xuất hiện trước cửa. Hắn ta béo khỏe, cao to chắc nịch, lăm lăm trong tay cái gậy to tướng. Cô Hunter vừa thấy hắn thì hét lên, nép mình vào sát tường. Nhưng Holmes đã nhảy tới, đối mặt với hắn một cách bình tĩnh.

- Đồ khốn! - Anh nói - Con gái ông đang ở đâu?

Gã béo nhìn ra xung quanh với ánh mắt nảy lửa, sau đó hắn nhìn cửa sổ trên nóc đang mở toang.

- Câu này phải hỏi các người mới đúng! - Hắn gầm lên chói tai - Bọn do thám trộm cắp các người! Ta đã bắt được các người. Các người đã rơi vào tay ta rồi! Được lắm, ta sẽ cho các người lãnh đủ.

Nhanh như cắt, hắn quay người, chạy như bay xuống dưới nhà.

- Ông ta sẽ đem chó đến. - Cô Hunter sợ hãi kêu lên.

- Cô đừng lo, tôi có súng đây. - Tôi trấn an.

- Hãy đóng cửa lại! - Holmes hét ra lệnh.

Rồi chúng tôi cùng nhau chạy thẳng xuống cầu thang. Còn chưa tới đại sảnh thì đã nghe thấy tiếng gầm gừ của con chó ngao, sau đó là những tiếng gào thét thảm thiết và tiếng vật lộn huỳnh huých nghe thật đáng sợ. Một người đứng tuổi mặt đỏ gay, chân tay lẩy bẩy, loạng choạng chạy từ cánh cửa bên ra:

- Trời ơi! - Ông ta hét lên - Ai thả chó ra vậy? Đã hai ngày nay nó chưa được ăn gì! Mau, mau lên kéo trẻ.

Holmes và tôi lao nhanh qua góc nhà, Toller theo sát phía sau. Con chó to đang ngoác cái mõm đen ngòm ra cắn chặt vào cổ họng ông Rucastle. Ông ta thì lăn lộn dưới đất, kêu gào thảm thiết. Tôi nhảy tới, bắn vỡ sọ con chó đang hung hăng cắn xé. Chúng tôi phải khó nhọc lắm mới lôi được ông ta ra khỏi hàm răng nhọn hoắt của con chó, rồi đưa vào nhà. Tuy còn sống, nhưng thân thể ông ta đã bị con chó cắn nát. Chúng tôi đặt ông ta nằm lên ghế salông trong phòng khách. Toller giờ cũng đã tỉnh rượu vì sợ hãi. Tôi

bảo Toller thả vợ anh ta ra và chăm sóc ông Rucastle. Tôi cố hết sức nhẹ nhàng để giảm bớt đau đớn cho ông ta. Chúng tôi đứng vây quanh ông ta, bồng cửa phòng bật mở, một người phụ nữ cao gầy với vẻ mặt dữ tợn bước vào.

- Bà Toller! - Cô Hunter kêu lên thảng thốt.

- Phải, cô Hunter, ông Rucastle đã thả tôi ra khi ông ấy vừa quay về, rồi mới lên tìm các ông. Đáng tiếc là cô lại không cho tôi biết dự định của cô. Nếu không tôi đã có thể cho cô biết sự thật và cô đâu phải phí sức như thế.

-Ồ! - Holmes quan sát bà ta bằng ánh mắt sắc sảo - Tôi thấy bà Toller biết rõ chuyện này hơn bất kỳ ai.

- Phải, thưa ông! Đúng là tôi biết rất rõ mọi chuyện. Giờ tôi đang sẵn sàng nói ra tất cả cho ông nghe đây!

- Vậy mời bà ngồi xuống và hãy kể cho chúng tôi nghe! Vì tôi phải thừa nhận rằng, trong chuyện này, vẫn còn một số điều tôi chưa hiểu.

- Tôi sẽ kể rõ cho các ông. - Bà ta nói - Tôi đã có thể kể cho các ông nghe sớm hơn nếu như tôi không bị kẹt trong hầm rượu. Nếu chuyện này bị đưa ra tòa, các ông hãy nhớ tôi là người duy nhất trong nhà này đứng về phía các ông. Vì tôi là bạn của cô Alice đáng thương.

“Cô ấy chưa bao giờ được hạnh phúc trong ngôi nhà này cả. Nhất là sau khi cha cô ấy tái giá, cô Alice luôn u uất. Ở nhà này, cô ấy bị đối xử lạnh nhạt và khinh rẻ, không có quyền tham gia bất cứ chuyện gì. Nhưng mọi chuyện đã thay đổi hẳn khi cô Alice gặp anh Fowler ở nhà bạn bè. Theo tôi được biết thì cô Alice có một phần tài sản thừa kế do mẹ cô ấy để lại. Nhưng cô ấy luôn im lặng và nhẫn nhịn, chưa bao giờ nhắc đến số tài sản đó và giao tất cả cho ông Rucastle quản lý. Ông Rucastle biết rằng, khi cô ấy còn ở nhà thì ông ta còn được sử dụng số tài sản đó. Nhưng nếu cô ấy lấy chồng và khi chồng cô đòi hỏi quyền lợi về số tài sản thừa kế đó, thì ông ta sẽ trắng tay. Ông ta cho rằng, đã đến lúc phải ngăn cản chuyện này. Ông ta ép con gái phải ký vào một văn tự, nhượng hoàn toàn quyền thừa kế tài sản cho cha mình cả khi cô đã kết hôn.

“Khi cô ấy không chịu ký, ông ta đã hăm dọa khiến cô gái uất ức mà sinh trọng bệnh trong gần hai tháng, 180 Arthur Conan Doyle đến nỗi suýt bị

chết. Cuối cùng, cô ấy cũng dần dần bình phục, nhưng từ đó chỉ còn như một cái bóng. Người cô gầy đét như que củi, mái tóc đẹp cũng bị cắt phăng đi. Nhưng những tai họa ấy cũng không làm người bạn trai trẻ trung của cô thay lòng đổi dạ! Anh ấy vẫn chung thủy hết mực với cô Alice.”

- Cám ơn bà có lòng tốt đã kể cho chúng tôi nghe câu chuyện một cách rành mạch. - Holmes tiếp lời bà Toller - Những phần còn lại tôi có thể đoán ra được. Tôi dám quả quyết rằng, ông Rucastle đã quyết định giam cô Alice trong tầng hầm, phải không bà?

- Thưa ông, đúng là như vậy!

- Và ông ta tìm cách đưa cô Hunter từ London về đây để nhằm tống khứ anh chàng Fowler cứng đầu cứng cổ phải không?

- Chính thế, thưa ông.

- Nhưng Fowler là một người thông minh và kiên trì, anh ta đã tiếp cận ngôi nhà này. Rồi sau khi gặp bà, anh ta đã thuyết phục được bà bằng những lời lẽ cảm động; hay bằng cách nào đó anh ta làm cho bà tin rằng, lợi ích của anh ta cũng chính là lợi ích của bà.

- Anh Fowler là một người rất thân thiện và thẳng thắn. - Bà Toller bình thản xác nhận.

- Anh ta đưa bà tiền để bà mua thật nhiều rượu cho chồng uống, như vậy ông Toller sẽ luôn luôn say khướt. Và bà còn phải chuẩn bị một cái thang vào lúc ông chủ vắng nhà. Tôi nói như vậy không sai chứ?

- Ông nói rất đúng. Thưa ông, mọi chuyện đúng như thế đấy!

- Chúng tôi phải cám ơn bà, bà Toller ạ! - Holmes chân thành nói - Vì bà đã làm sáng tỏ mọi chuyện khiến chúng tôi đau đầu. Bà Rucastle đã đưa bác sĩ tới rồi. Hãy để họ chăm sóc ông Rucastle, còn chúng ta thì trở về London. Tất nhiên là phải hộ tống cô Hunter về cùng. Vì cô ấy cũng có công rất lớn trong vụ án này.

Vậy là câu chuyện bí ẩn về trang trại “Những cây sồi đỏ” đã kết thúc một cách tốt lành. Ngay sau đó, cô Alice và Fowler lấy nhau rồi tới đảo Mauritius sinh sống. Họ rất hạnh phúc và khá giả.

Cô Hunter sau khi trở về London đã tiếp tục đi dạy, và sau đó trở thành hiệu trưởng một trường tư thục có tiếng ở thủ đô London. Với đầu óc thông

minh nhanh nhẹn, chắc chắn cô sẽ thành công.

Câu chuyện chưa thể khép lại, nếu như chúng ta không nói đến số phận của Rucastle. Sau tai ách kinh hoàng đó, Rucastle vẫn không chết, nhưng ông ta chỉ còn là cái bóng vật vờ, phải sống nhờ vào sự chăm sóc của bà vợ. Mọi thứ ở trang trại “Những cây sồi đỏ” vẫn còn nguyên như trước khi cô Hunter tới đó.

VỤ ÁN NGÓN TAY CÁI CỦA VIÊN KỸ SƯ

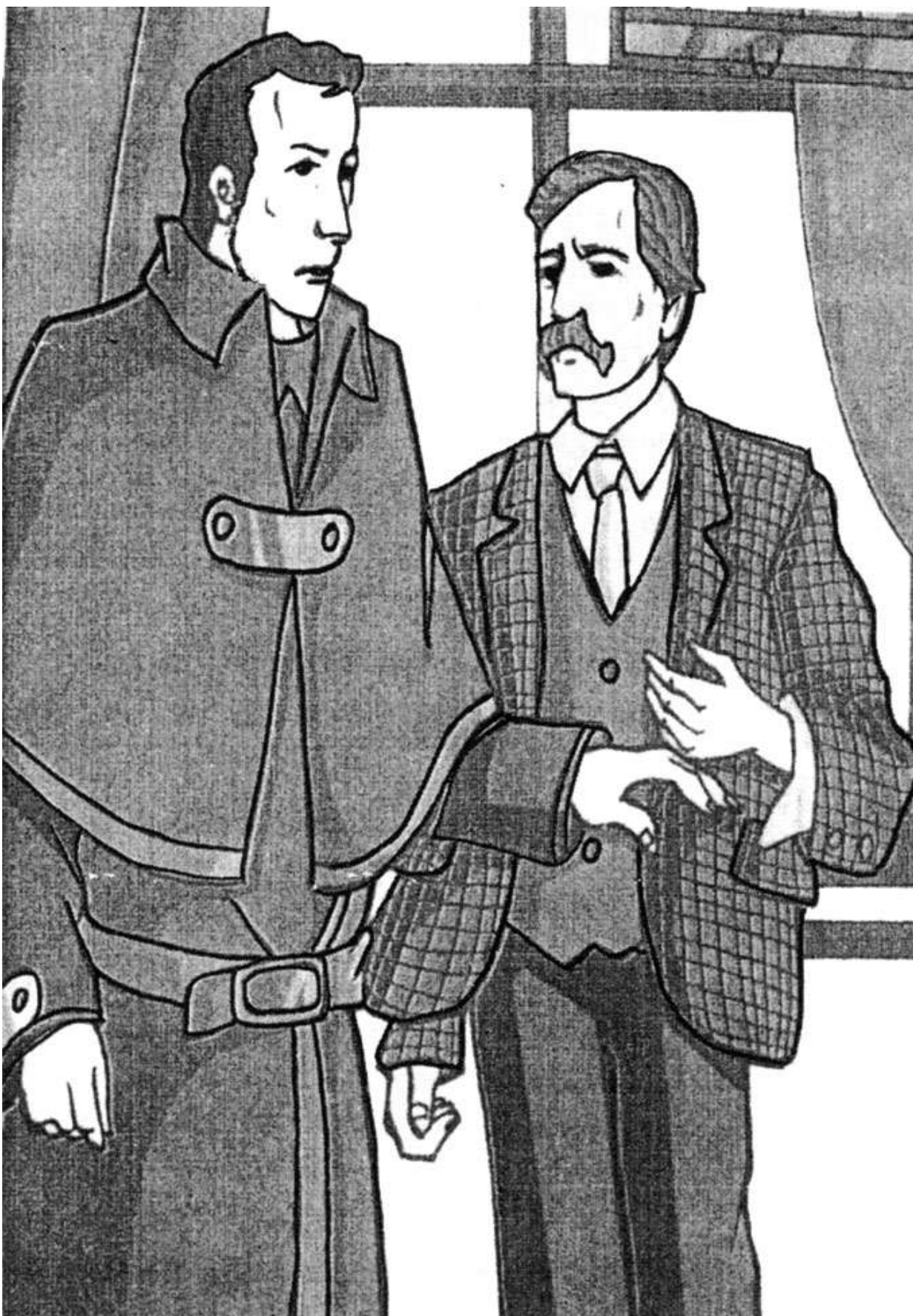
Những năm tháng hai chúng tôi cộng tác với nhau rất thân thiết ấy, trong số những vụ án mà Sherlock Holmes phải giải quyết, thì chỉ đúng hai trường hợp tôi giới thiệu với khách hàng về tài năng lỗi lạc của anh ấy. Thứ nhất là vụ ngón tay cái của Hatherley, sau nữa là vụ đại tá Warburton phát điên. Trong hai vụ án này, đối với những người có óc suy luận độc đáo và nhạy bén, thì vụ sau đáng để nghiên cứu hơn. Thế nhưng vụ trước mở đầu vô cùng kỳ lạ, các tình tiết sự việc đầy kịch tính, có lẽ bởi thế nó đáng được ghi chép lại hơn, dù rằng trong vụ này anh bạn tôi ít phải sử dụng năng lực suy luận siêu việt thường vẫn áp dụng để phá các vụ án trước đó. Tôi tin là vụ án này đã được đăng tải trên báo chí không chỉ một lần. Thế nhưng cũng giống như tất cả các bài phóng sự dạng này, người viết chỉ dùng có nửa trang báo để đăng câu chuyện một cách sơ lược, đại khái thì chắc chắn không thể khiến người ta chú ý được. Thế nên, thà cứ để cho sự thể từ từ phơi bày ra trước mắt bạn, cùng với những phát hiện mới sẽ giúp mọi người hiểu thêm về chân tướng của toàn bộ sự việc. Như vậy, bí ẩn của vụ án cũng sẽ được giải mã từng bước một.

Cảnh tượng lúc ấy để lại trong tôi một ấn tượng vô cùng sâu đậm, dù thời gian trôi đi, hai năm trời đã qua, nhưng tôi gần như vẫn còn nhớ rõ mồn một từng sự việc.

Bây giờ, tôi sẽ đi vào phần chính của câu chuyện, nó xảy ra vào mùa hè năm 1889, không lâu sau khi tôi kết hôn. Lúc ấy tôi trở lại hành nghề y, bỏ Holmes một mình trong căn nhà ở phố Baker, tuy tôi vẫn thường xuyên đến thăm anh ấy, thậm chí có lúc còn khuyên anh ấy hãy từ bỏ thói quen sống tự do phóng túng và tới thăm chúng tôi. Công việc của tôi ngày càng tấn tới. Cũng may là chúng tôi chuyển đến chỗ ở mới cách nhà ga Paddington không

bao xa, đã có một số nhân viên đường sắt và người dân vùng lân cận là những bệnh nhân quen cũ rồi. Vì tôi đã chữa cho một người trong số họ khỏi căn bệnh nan y từng hành hạ ông ta bao lâu nay, nên ông ta đã không ngần ngại tuyên truyền về khả năng khám chữa bệnh của tôi ở khắp nơi, cố gắng đưa những người ông ta có thể thuyết phục được đến chỗ tôi chữa bệnh.

Một buổi sáng, vào lúc gần 7 giờ, tôi bị đánh thức bởi tiếng gõ cửa của cô giúp việc, bảo rằng có hai người từ Paddington đến, đang ở trong phòng chờ. Tôi vội vàng mặc quần áo vào rồi đi ngay xuống nhà. Vì kinh nghiệm cho tôi biết, những người mà theo đường sắt tới đây thì đa số bệnh tình đều không hề nhẹ, nên tôi vội vàng mặc quần áo xuống ngay. Ông bạn tôi - người cảnh sát đường sắt mà tôi đã kể - bước từ phòng khám ra, rồi tiện tay đóng cửa lại.



- Tôi dẫn anh ta tới đây rồi. - Ông ấy trở ngón tay cái ngược về đằng sau, thì thầm - Bây giờ anh ta khá hơn nhiều rồi.

- Gì vậy? - Tôi hỏi, vì cử chỉ của ông ta làm tôi có cảm giác như thể ông ta đang nhốt một con quái vật trong phòng tôi vậy.

- Là một bệnh nhân mới. - Ông ta lại thì thầm - Tôi cho rằng tốt nhất là tôi nên đích thân đưa anh ta đến đây, không thì anh ta ngã mất. Bây giờ tôi phải đi rồi, thưa bác sĩ. Cũng giống như ông, tôi còn phải trực ban. Bây giờ anh ta đang bình yên trong đó rồi.

Nói xong, thậm chí còn không để cho tôi kịp cảm ơn, người “dẫn lối” trung thành ấy đã đi ngay.

Tôi đi vào phòng khám, thấy có một người đàn ông đang ngồi cạnh bàn. Anh ta khá giản dị, mặc bộ comlê vải màu ghi xám, một chiếc mũ mềm đặt trên mấy cuốn sách của tôi. Một tay anh ta quấn trong chiếc khăn với những vết máu loang lổ. Anh ta rất trẻ, không quá hai mươi tuổi, dung mạo tuấn tú. Nhưng nhìn sắc mặt trắng bệch giống như xác chết kia, tôi có một cảm tưởng là dường như anh ta đang phải dồn hết ý chí và sức lực của mình để chống chọi với nỗi đau đớn vừa mới đây bởi một chấn động vô cùng dữ dội.

- Thành thật xin lỗi bác sĩ vì bắt ông phải dậy sớm thế này. - Anh ta nói - Trong đêm, tôi đã gặp phải một tai nạn vô cùng nghiêm trọng. Sáng sớm nay tôi đi tàu hỏa đến đây. Lúc ở ga Paddington, hỏi xem tìm đâu ra bác sĩ thì một người rất nhiệt tình đã chỉ dẫn tôi tới đây. Tôi đã đưa tấm danh thiếp cho chị giúp việc rồi, tôi thấy chị ấy đặt nó lên bàn bên cạnh đây.

Tôi cầm tấm danh thiếp lên, đọc lướt nhanh: “*Victor Hatherley, kỹ sư thủy lực, phòng 16A lầu 3, phố Victoria*”. Đó là họ tên, nghề nghiệp và địa chỉ của vị khách.

- Xin lỗi, để anh phải chờ đợi lâu quá. - Vừa nói, tôi vừa ngồi xuống chiếc ghế tựa - Tôi thấy anh vẫn tỉnh táo lắm, dầu đã ngồi trên tàu suốt cả đêm. Tôi hiểu đi tàu đêm luôn là một việc rất đơn điệu, buồn tẻ mà.

- À, đêm nay thì không thể nói là đơn điệu buồn tẻ được. - Nói rồi anh ta bật cười sặc sụa, tiếng cười vừa cao trong vừa vang. Anh ta ngả tựa vào ghế, cười rung cả người mãi không thôi. Tiếng cười này, theo hiểu biết y học của bản thân, tôi bỗng cảm nhận được điều rất dữ.

- Đừng cười nữa! - Tôi quát - Ngồi yên xem nào. - Rồi tôi nhắc bình, rót cho anh ta một cốc nước.

Thế nhưng chẳng có nghĩa lý gì mấy, bởi sau một trận cười không thể kìm nén nổi, khi cơn khủng hoảng qua đi, anh ta dần bình thường trở lại. Lúc này đây, anh ta như chợt tỉnh, sức cùng lực kiệt, mặt trắng bệch.

- Xấu hổ quá! Tôi đã làm trò vớ vẩn rồi. - Anh ta vừa thở hổn hển vừa cố than vãn.

- Không hề gì! Uống chút đi này! - Tôi pha ít rượu brandy vào cốc nước rồi đưa qua. Hai gò má trắng bệch của anh ta bắt đầu hồng hào trở lại.

- Tốt hơn nhiều rồi. - Anh ta nói - Bây giờ xin bác sĩ bỏ công xem giúp tôi cái ngón tay cái, à không, xem giúp tôi cái chỗ trước đây là ngón tay cái mới đúng!

Anh ta tháo bỏ khăn ra, giơ bàn tay lên. Cảnh tượng này đến người có ý chí sắt thép cũng không thể không khiếp sợ: Bốn ngón tay trồi lên bên một miếng thịt mềm nhũn, lầy nhầy, máu đỏ rùng rợn; đấy vốn là vị trí của ngón tay cái. Nó đã bị chặt đứt hoặc là bị xé ra khỏi bàn tay rồi.

- Chúa ơi! - Tôi hét lên - Vết thương quá trầm trọng! Chắc đã mất nhiều máu lắm.

- Vâng, quả đúng như vậy. Sau khi bị thương, tôi ngất đi, và tôi nghĩ là đã bất tỉnh khá lâu. Khi tỉnh dậy, thấy máu vẫn còn tiếp tục chảy, tôi liền lấy khăn tay cổ quấn thật chặt lại thế này.

- Băng bó khá đấy! Đáng lẽ anh phải làm bác sĩ ngoại khoa mới đúng.

- Thì đây là một vấn đề về thủy lực học mà, thuộc phạm vi kiến thức chuyên môn của tôi.

- Vết thương này phải do một dụng cụ rất sắc và nặng gây nên. - Tôi vừa kiểm tra vết thương vừa nói.

- Giống như một con dao chặt thịt. - Anh ta đồng tình.

- Tôi nghĩ, đây là một tai nạn ngoài ý muốn, phải không?

- Chắc chắn là không phải như vậy.

- Sao? Có kẻ đã rắp tâm ra tay tàn bạo với anh ư?

- Hừm... Quả là cực kỳ tàn bạo!

- Ôi! Thật ghê sợ!

Tôi làm mềm, rửa sạch và lau khô vết thương, bôi thuốc, rồi cuối cùng lấy băng gạc khử trùng băng lại. Anh ta nằm yên đó, dù rất đau đớn nhưng không hề động cựa, chỉ chốc chốc lại cắn chặt hai hàm răng vào với nhau, làm chúng kêu lên ken két.

- Giờ anh cảm thấy thế nào? - Tôi hỏi khi vừa xong xuôi.

- Ôi tuyệt! Rượu mạnh và băng gạc của ông khiến tôi cảm thấy mình như biến thành một người hoàn toàn khác rồi. Sức khỏe tôi quả đã rất yếu, nhưng mục đích buộc tôi phải vượt qua, vì tôi vẫn còn rất nhiều việc phải làm.

- Tốt nhất anh đừng nhắc tới chuyện ấy. Chớ có hành hạ thần kinh của anh thêm nữa!

- Ồ không! Không phải lúc này. Tôi vẫn còn phải báo chuyện này cho cảnh sát. Nhưng không giấu gì ông, nếu như tôi không có vết thương này làm bằng chứng thì hẳn sẽ là chuyện lạ đời nếu họ lại đi tin tôi đấy. Vì rằng đây là một chuyện hết sức bất thường, mà tôi lại không có bất cứ chứng cứ gì đủ để chứng minh là tôi nói thật. Hơn nữa, dù họ có tin tôi, manh mối mà tôi có thể cung cấp cũng rất mơ hồ. Họ có giành lại công bằng cho tôi không cũng còn là một vấn đề...

- A ha! - Tôi kêu lên - Nếu đó là vấn đề hóc búa mà anh thực sự muốn giải quyết thì tôi đây rất sẵn lòng giới thiệu anh với người bạn tôi là Sherlock Holmes. Trước khi anh tìm tới cảnh sát, cứ đi nhờ anh ấy xem sao đã!

- Thế hả! Tôi đã từng nghe nói tới ông ấy. - Vị khách của tôi đồng ý ngay
- Tôi sẽ rất vui mừng nếu ông ấy nhận vụ án này, đồng thời tôi cũng phải báo cảnh sát. Ông có thể giới thiệu tôi với ông ấy được chứ?

- Đâu chỉ giới thiệu, tôi sẽ đích thân đưa anh đến gặp anh ấy.

- Vậy thì vô cùng biết ơn ông, thưa bác sĩ!

- Ta gọi một chiếc xe ngựa rồi cùng đi. Chúng ta vẫn còn kịp ăn sáng cùng anh ấy. Anh thấy thế có ổn không?

- Vâng! Chừng nào còn chưa kể ra được câu chuyện này, tôi chưa thể yên lòng...

- Thế thì để người giúp việc của tôi đi gọi một chiếc xe ngựa. Tôi quay lại ngay đây...

Tôi vội vã đi lên lầu, giải thích ngắn gọn với vợ vài câu. Năm phút sau, tôi đã ăn vận gọn gàng và cùng với người bạn mới quen ấy ngồi xe ngựa thẳng hướng tới phố Baker.

Đúng như tôi dự liệu, Sherlock Holmes mặc đồ ngủ, vừa uể oải đi lại trong phòng, vừa đọc các mục tìm người, hiếu hỉ... đăng tải trên tờ “The Times”, miệng ngậm tẩu thuốc hút trước bữa sáng. Trong cái tẩu ấy chứa toàn sái thuốc của ngày hôm trước, những thứ đó tích đầy một góc lò sưởi. Anh đón tiếp chúng tôi bằng phong thái thân thiết mà điềm tĩnh rất riêng.

Rồi anh liền sai người đem giấm bông và trứng gà tới, mời chúng tôi cùng ăn rất thân mật. Ăn xong, anh bảo người bạn mới nằm trên ghế sofa, kê một cái gối dưới đầu anh ta, và còn tự tay pha cho một cốc brandy.

- Rất dễ dàng nhận thấy là câu chuyện của anh không bình thường chút nào, anh Hatherley ạ! - Holmes nói - Vì Chúa, anh hãy nằm xuống đây, cứ tự nhiên, không cần phải ngại ngần gì. Nếu thấy đủ sức, hãy kể lại cho chúng tôi nghe tất cả những gì anh vừa trải qua! Khi nào anh chớm thấy mệt thì tạm nghỉ ngơi một chút, uống ngụm rượu để cho khỏe lại.

- Xin cảm ơn! - Bệnh nhân của tôi đáp - Nhưng từ sau khi bác sĩ băng bó cho, thì tôi cảm thấy mình cứ như là một người khác rồi. Và tôi cho rằng bữa sáng này của ông gần như đã hoàn tất việc chữa trị. Tôi sẽ cố gắng để làm mất ít nhất thời gian quý báu của ông, cho nên tôi xin bắt đầu thuật lại câu chuyện kỳ lạ của mình ngay đây.

Holmes ngồi trong chiếc ghế bành, bộ dạng có vẻ uể oải, che đậy con mắt sắc lẹm và tâm trạng háo hức của anh. Tôi ngồi đối diện, im lặng lắng nghe câu chuyện kỳ lạ mà người khách đang thuật lại một cách rất chi tiết ấy.

- Thưa hai ông, - Anh ta kể bằng một giọng trầm ấm - tôi là một đứa trẻ mồ côi và vẫn còn độc thân, sống một mình trong nhà trọ ở London. Còn về nghề nghiệp, tôi đã gắng học tập để trở thành kỹ sư thủy lực. Và sau đó, trong bảy năm làm việc tại một công ty nổi tiếng tên là Venner và Matheson ở Greenwich, tôi đã thu lượm được khá nhiều kinh nghiệm rất hữu ích về chuyên môn.

“Hai năm trước, khi người cha đáng thương qua đời, tôi được thừa kế một chút vốn liếng. Thế là tôi quyết định tự mình tiến hành hoạt động kinh doanh; tôi thuê địa điểm mở văn phòng trên phố Victoria.

“Ai ai hẳn cũng nhận thấy rằng, khởi đầu kinh doanh độc lập thật khó khăn và chán nản. Điều này lại càng đúng đối với tôi. Trong suốt hai năm trời, tôi chỉ nhận được ba hợp đồng tư vấn và tiến hành một công việc chẳng đáng kể lắm, đó là toàn bộ những gì mà nghề nghiệp của tôi có thể đem lại. Tổng thu nhập của tôi là hai mươi bảy bảng và mười shiling. Ngày ngày từ 9 giờ sáng đến 4 giờ chiều, tôi đều ngồi đợi trong phòng làm việc nhỏ bé đến mòn mỏi cả chí khí, để rồi cuối cùng cũng nghiệm được ra rằng, đừng bao giờ đi thử sức theo cái kiểu này nữa.

“Thế nhưng, hôm qua, đúng lúc tôi định rời khỏi văn phòng thì trợ lý của tôi vào báo có một quý ông muốn gặp. Ông ta tới muện “do bận công việc kinh doanh” và đưa cho tôi một tấm danh thiếp in tên “Đại tá Lysander Stark”.

“Người đàn ông này cao vừa phải nhưng quá gầy. Tôi nghĩ, mình chưa bao giờ gặp ai gầy như ông ta. Nơi khuôn mặt gầy nhon ấy, mũi và cằm cứ nhô ra, da mỏng dính, sát hai gò má xương xẩu. Nhưng cái bộ mặt ốm o ấy của ông ta có lẽ là bẩm sinh chứ không phải vì bệnh tật gì, vì ánh mắt ông ta sáng quắc, đi lại hoạt bát, phong thái đầy quả quyết. Ông ta ăn mặc giản dị, gọn gàng. Tôi ước đoán ông ta khoảng bốn mươi tuổi.

- Anh Hatherley phải không? - Ông ta hỏi với âm điệu Đức pha - Anh Hatherley, có người giới thiệu với tôi rằng, anh không những tinh thông nghiệp vụ mà còn là người rất cẩn trọng và biết giữ bí mật.

“Tôi cúi đầu chào. Cũng giống như bao nhiêu người trẻ tuổi khác, tôi chán nản tự vấn mình: “Trời đất! Đào đâu ra toàn những đức tính tốt đẹp thế?”.

- Ồ, có lẽ tôi không nói cho anh nghe thì tốt hơn. Từ một nguồn tin, tôi còn biết, anh mồ côi và sống một mình tại London.

- Đúng vậy! - Tôi đáp - Nhưng xin ông thứ lỗi, chứ những điều này chẳng ảnh hưởng gì đến năng lực làm việc của tôi cả. Tôi được biết, ông đến đây là vì muốn thương lượng với tôi về chuyện công việc, đúng không?

- Vấn đề không hẳn là như vậy. Nhưng anh sẽ thấy là tôi không hề nói thừa bất cứ điều gì đâu. Chúng tôi quả thực có một việc cần nhờ anh giúp, nhưng nhất thiết phải giữ bí mật, tuyệt đối bí mật, anh hiểu không? Dĩ nhiên chúng tôi hy vọng là một người đàn ông sống độc thân sẽ giữ bí mật tốt hơn một anh chàng sống cùng gia đình, vợ con.

- Ông có thể tin tưởng hoàn toàn. - Tôi quả quyết nói - Nếu tôi hứa giữ bí mật, thì tôi chắc chắn sẽ thực hiện.

“Lúc tôi nói, mắt ông ta nhìn trừng trừng vào tôi. Gần như chưa bao giờ tôi thấy một ánh mắt soi mói và đầy đa nghi đến thế. Cuối cùng, ông ta lại hỏi lại:

- Vậy là anh hứa chứ?

- Phải, tôi hứa sẽ giữ bí mật. Trước, sau và trong toàn bộ quá trình làm việc, được chưa?

- Anh sẽ tuyệt đối giữ im lặng, tuyệt đối không nhắc gì tới chuyện này dù là nói hay viết?

- Tôi đã hứa với ông rồi còn gì!

- Vậy thì hay quá!

“Bỗng ông ta nhồm lên, phóng ra, mở cửa đánh “rầm” một cái. Lối đi bên ngoài không hề có một bóng người.

- Được rồi! - Ông ta bước vào - Tôi biết là các trợ lý đôi lúc hay tò mò với công việc của ông chủ. Bây giờ, chúng ta có thể nói chuyện một cách an toàn rồi.

“Ông ta kéo ghế sát đến chỗ tôi, rồi lại trân trân ngó bằng đôi mắt dò xét đầy hoài nghi.

“Hành động kỳ quặc của gã đàn ông gây đét ấy khiến trong tôi nảy sinh một cảm giác phản cảm, gần như là sợ hãi. Thậm chí đến nỗi lo mất khách cũng không buộc tôi kiên nhẫn hơn được nữa:

- Xin hãy nói về chuyện của ông đi! - Tôi khó chịu giục - Thời gian của tôi rất quý giá. - Cậu Chúa tha thứ cho câu nói sau của tôi, nhưng thực tình những lời ấy cứ buột miệng bật ra thế.

- Làm việc một đêm được trả năm mươi ghinê với anh thì cũng coi là được chứ? - Ông ta hỏi ngược lại.

- Quả không hề ít.
- Tôi bảo là làm việc một đêm, nhưng thực tế có lẽ chỉ cần tới một giờ đồng hồ. Chẳng qua tôi chỉ muốn hỏi ý kiến anh về việc trật bánh răng của một cỗ máy thủy lực mà thôi. Chỉ cần anh xác định chỗ bị hỏng hóc, thì tự chúng tôi sẽ mau chóng sửa chữa nó. Anh thấy thế nào?
- Xem ra công việc rất nhẹ nhàng, mà thù lao khá hậu hĩnh.
- Chúng tôi muốn mời anh đến trên chuyến tàu cuối cùng đêm nay.
- Đến đâu cơ chứ?
- Đến Eyford thuộc Berkshire. Đó là vùng đất nhỏ tiếp giáp với Oxfordshire, cách Reading chưa tới bảy dặm. Có một chuyến tàu từ Paddington sẽ đưa anh tới đó vào khoảng 11 giờ 15 phút.
- Hay quá!
- Tôi sẽ ra ga đón anh.
- Vậy là còn phải đi xe thêm một quãng đường nữa à?
- Phải, khu vực của chúng tôi thuộc vùng nông thôn, cách ga Eyford khoảng bảy dặm.
- Như vậy là chúng ta khó mà đến nơi trước nửa đêm. Tôi đoán là không thể bắt kịp chuyến tàu quay về. Vậy thì tôi bắt buộc phải qua đêm ở đó rồi.
- Vâng, chúng tôi sẽ sắp xếp chỗ nghỉ đêm cho anh.
- Thế thì không tiện cho lắm. Chúng ta không thể đi vào lúc nào đó thuận tiện hơn sao?
- Chúng tôi đã sắp xếp anh đến vào buổi đêm là tốt nhất. Chính vì để bồi thường cho những bất tiện mà anh gặp phải, chúng tôi mới chi nhiều tiền ra như thế để trả cho một người trẻ tuổi chưa có tiếng tăm như anh chứ. Cái giá này đủ để thỉnh giáo một người xuất sắc nhất trong nghề của các anh đấy. Dĩ nhiên, nếu anh muốn từ chối cơ hội làm ăn này thì bây giờ vẫn còn kịp mà.
- “Tôi nghĩ tới năm mươi ghinê và món tiền ấy sẽ có ích cho tôi như thế nào.
- Ồ, tôi không có ý đó. - Tôi nói - Tôi rất vui lòng làm theo nguyện vọng của ông. Tuy nhiên, tôi vẫn muốn biết rõ hơn một chút, là ông muốn tôi làm cụ thể việc gì.

- Phải, chúng tôi đã đòi hỏi anh phải đảm bảo giữ được bí mật, hẳn điều này đã gợi tò mò cho anh. Chúng tôi không định buộc anh làm một việc mà lại không cho anh biết trước về nó. Tôi muốn biết chắc chắn, hoàn toàn không có người nào đang nghe trộm chứ?

- Chắc chắn là không một ai!

- Vậy thì chuyện là thế này, có lẽ anh cũng biết, loại đất sét có ở đó là một loại khoáng sản vô cùng quý hiếm. Ở Anh mới chỉ có hai nơi phát hiện ra.

- Tôi đã từng nghe nói đến.

- Cách đây không lâu, tôi mua một miếng đất rất nhỏ ở một nơi cách Reading không tới mười dặm. Tôi may mắn phát hiện ra rằng, trong mảnh đất ấy có mỏ đất sét rất quý. Thế nhưng sau khi thăm dò, tôi thấy mỏ này khá nhỏ, lại nối tiếp với hai cái mỏ to hơn nhiều. Những vụ kỳ án của Sherlock Holmes 195 ở hai mảnh đất liền kề thuộc sở hữu của những người hàng xóm. Nhưng những người lương thiện ấy lại không hề biết rằng có một loại khoáng sản quý như vàng đang ẩn giấu trong lòng đất của họ. Đương nhiên, phải nhanh tay mua lấy chúng trước khi họ phát hiện ra giá trị thật của mảnh đất thì mới được giá rẻ. Thật không may là tôi lại bị thiếu tiền. Vì thế, tôi tập hợp một vài người bạn và nói cho họ biết bí mật đó. Họ mách nước rằng chúng tôi nên thăm lặng và bí mật khai thác cái mỏ nhỏ bé ấy trước đã, và bằng cách này dần gom đủ tiền để mua lại đất của hàng xóm. Cho đến giờ, chúng tôi đã tiến hành theo cách đó được một thời gian rồi. Nhằm làm cho công việc được thuận lợi hơn, chúng tôi đã lắp đặt một cái máy nén thủy lực như tôi đã nói lúc đầu. Cái máy này bỗng dưng giở chứng, chúng tôi hy vọng sẽ có được sự chỉ dẫn chuyên môn từ phía anh. Chúng tôi bảo vệ bí mật ấy rất cẩn trọng. Nếu có ai đó biết được rằng chúng tôi mời kỹ sư thủy lực đến thì chỉ tổ gợi trí tò mò của mọi người. Lúc ấy, sự thật nhất định sẽ bị lộ, cơ hội giành được khu đất và kế hoạch của chúng tôi sẽ tan thành mây khói. Đây chính là lý do vì sao tôi muốn anh hứa sẽ không tiết lộ cho ai biết là tối nay anh phải đến Eyford. Hy vọng là tôi đã nói rõ mọi chuyện, và anh thấy thoải mái chứ?

- Tôi hiểu, tôi hiểu. - Tôi nói - Chỉ có một điều duy nhất tôi không rõ lắm, đó là máy nén thủy lực thì có liên quan gì tới chuyện đào đất sét? Theo tôi biết, đào đất sét cũng giống như đào cát sỏi từ trong hầm lò mà.

- À, chúng tôi có cách riêng, chúng tôi ép đất thành những viên gạch mộc, để khi vận chuyển sẽ không bị lộ chúng là thứ gì. Nhưng đó chỉ là chi tiết vụn vặt thôi. Rồi tự anh sẽ biết toàn bộ bí mật, anh Hatherley ạ! Và anh thấy rồi đó, là tôi tin tưởng anh như thế nào. - Ông ta vừa đứng dậy vừa nói - Vậy thì 11 giờ 15 phút gặp nhau ở Eyford nhé.

- Chắc chắn tôi sẽ tới đó.

- Tuyệt đối không được cho ai biết! - Cuối cùng, ông ta lại nhìn trừng trừng vào tôi rất lâu bằng con mắt đầy nghi ngờ. Sau đó, ông ta chìa bàn tay lạnh và ướt ra bắt tay tôi, rồi vội vã ra khỏi phòng.

“Sau đó, như hai vị có thể hình dung được, khi tôi bình tĩnh lại, suy xét toàn diện về chuyện ấy, tôi cảm thấy vô cùng ngạc nhiên trước sự ủy thác mà họ dành cho tôi. Đương nhiên, một mặt tôi rất vui, vì nếu như tôi tự định giá cho nhiệm vụ của mình thì ắt sẽ thấp hơn mười lần so với số tiền thù lao hậu hĩnh mà họ trả. Hơn nữa, rất có thể nhiệm vụ lần này sẽ dẫn tới một số công việc sau này. Mặt khác, thái độ và diện mạo của vị khách đó đã tạo cho tôi một ấn tượng chẳng hề dễ chịu. Tôi cảm thấy sự giải thích của ông ta về thứ đất sét quý không đủ để chứng minh rằng tôi nhất thiết phải đi vào ban đêm, cũng không đủ thuyết phục vì sao ông ta lo lắng đến vậy, nơm nớp sợ tôi sẽ kể cho người khác biết. Dù thế nào đi nữa thì tôi cũng đã kìm nén mọi nỗi lo lắng sợ hãi, ăn một bữa tối thật no, rồi bắt xe đi Paddington và bắt đầu thực thi nhiệm vụ được giao nghiêm ngặt, giữ mồm giữ miệng.

“Ở Reading, tôi không những phải đổi xe mà còn phải đổi trạm. Thế nhưng tôi cũng vừa kịp bắt chuyến tàu cuối cùng tới Eyford. Sau 11 giờ, tàu đã tới cái trạm xe lửa nhỏ bé và ảm đạm ấy. Tôi là hành khách duy nhất xuống tàu. Ngoài một công nhân đường sắt cầm cái lồng đèn với dáng điệu mệt mỏi ra, thì đường ke vắng ngắt không một bóng người. Tuy nhiên, khi ra khỏi cửa soát vé, tôi đã thấy người khách sáng nay đang đứng chờ tôi ở một chỗ tối tăm không có ánh đèn. Chẳng nói chẳng rằng, ông ta tóm tay tôi,

kéo về phía chiếc xe ngựa với cánh cửa đã mở sẵn. Ông ta kéo kín cửa sổ hai bên, đập vào thành xe, con ngựa kéo xe lao vút đi...”

- Chỉ có một con ngựa thôi à? - Đột nhiên Holmes chen ngang câu chuyện.

- Đúng, chỉ có một con thôi.

- Anh có quan sát màu lông của nó không?

- Có, qua ánh sáng khi bước vào khoang xe, tôi thấy đó là một con ngựa màu hạt dẻ.

- Con ngựa trông mỗi mệ hay khỏe khoắn?

- Ồ, nó rất khỏe mạnh với bộ lông bóng mượt.

- Cám ơn! Xin lỗi đã ngắt lời khi câu chuyện đang rất thú vị. Mời anh kể tiếp!

- Thế là kể từ lúc khởi hành, xe ngựa đã đi ít nhất là một tiếng đồng hồ. Đại tá Lysander Stark nói là chỉ có bảy dặm, nhưng tôi cảm thấy với tốc độ xe chạy và khoảng thời gian thì chắc chắn phải gần mười hai dặm. Trong suốt cuộc hành trình, ông ta chỉ ngồi im lặng bên cạnh tôi. Một đôi lần tôi liếc thấy ông ta đang nhìn chăm chăm vào tôi. Có vẻ như đường nông thôn ở đó không được tốt lắm, vì xe chúng tôi lắc lư nghiêng ngả và xóc khùng khiếp. Tôi cố hết sức nhìn ra ngoài, muốn xem chúng tôi đã đến đâu rồi. Nhưng cửa sổ kính kín hơi sương nên ngoài những ánh đèn mờ mờ ảo ảo khi xe lao qua, thì chẳng nhìn thấy gì cả. Thịnh thoảng tôi nói vài câu để phá vỡ sự buồn tẻ của cuộc hành trình, nhưng đại tá chỉ đáp nhát gừng. Vì thế cũng chẳng nói được gì mấy. Cuối cùng, hết những đoạn đường gập ghềnh, xe ngựa đã đi sang đoạn đường lát đá êm và sáng sủa rồi dừng lại. Đại tá Lysander nhảy xuống xe, tôi theo sau, ông ta đột nhiên kéo tôi chui ngay vào một cái cổng có mái với cánh cửa đang mở. Dường như chúng tôi vừa bước ra khỏi xe là vào ngay đại sảnh. Vừa bước qua ngưỡng cửa thì cánh cửa đã đóng rầm một tiếng sau lưng tôi. Tôi láng máng nghe thấy tiếng bánh xe lăn khi cỗ xe rời đi.

“Trong nhà tối om, đại tá mò mẫm tìm diêm và căn nhắc đây bậc bệ. Lúc này, cánh cửa đầu kia hành lang bỗng nhiên mở ra. Một luồng ánh sáng dài màu vàng chiếu về phía chúng tôi, ánh đèn càng lúc càng sáng. Rồi chợt

xuất hiện một người phụ nữ, tay cầm một cái đèn, giơ lên trước mặt. Cô ta vươn người về phía trước, nhìn chúng tôi chăm chăm. Tôi thấy rõ, cô ta rất xinh đẹp. Ánh đèn chiếu vào chiếc áo liền váy màu đen của cô, do ánh sáng phản xạ lại, tôi thấy đó là loại vải sang trọng mà các quý bà quý cô giàu có vẫn thường dùng. Cô ta nói vài từ tiếng nước ngoài, nghe có vẻ như đang hỏi gì đó. Khi người cùng đi với tôi đáp lại nhát gừng và gắt gỏng, cô ấy rất kinh ngạc, suýt đánh rơi cái đèn trong tay. Đại tá Stark bước đến bên cô, thì thầm gì đó vào tai cô, sau đó đẩy cô trở lại căn phòng mà cô vừa đi ra. Rồi ông ta cầm đèn bước về phía tôi.

- Có lẽ anh phải đợi trong căn phòng này vài phút nữa. - Ông ta nói và mở một cánh cửa khác. Đây là một phòng chứa đồ nhỏ và yên tĩnh, giữa phòng có một cái bàn tròn, trên bày lộn xộn vài quyển sách tiếng Đức.

“Đại tá Stark đặt cái đèn lên tít trên nóc giá sách.

- Tôi sẽ không bắt anh chờ lâu đâu. - Nói xong, ông ta biến mất trong bóng tối.

“Tôi nhìn qua mấy quyển sách trên bàn, mặc dù không hiểu nhiều tiếng Đức, tôi cũng có thể nhận ra được hai quyển trong số đó là sách khoa học, những cuốn còn lại là thơ. Rồi nhìn phía cửa sổ, tôi hy vọng có thể thấy đôi chút cảnh tượng nông thôn. Nhưng cái cửa chớp bằng gỗ sồi rất chắc đã chặn kín cửa sổ lại. Trong phòng im lặng lạ thường. Một cái đồng hồ ở đâu đó trong hành lang đang kêu tích tắc, tích tắc. Ngoài nó ra, mọi thứ đều im lặng như ở dưới mồ. Một cảm giác bất an mơ hồ dần dần xâm chiếm tôi. Những người Đức này là ai? Họ chọn vùng nông thôn hẻo lánh này để cư trú là muốn giở trò gì? Đây là đâu? Tôi chỉ biết chỗ này cách Eyford khoảng mười dặm, nhưng không phân biệt nổi là về phía nào cả, đông tây hay nam bắc... Xét về vị trí địa lý thì có lẽ Reading cũng có những thị trấn khác nằm trong phạm vi bán kính ấy, do đó chỗ này chắc cũng không hẻo lánh lắm. Thế nhưng ở đây thật là vắng lặng, có thể khẳng định chắc chắn là chúng tôi đang ở vùng thôn quê. Tôi đi đi lại lại trong căn phòng, khe khẽ ngân nga một khúc nhạc để lấy dũng khí, và cảm nhận là tôi đến đây hoàn toàn vì năm mươi ghinê tiền thù lao kia.

“Đột nhiên cửa phòng bật mở ra, trước đó tôi không hề nghe thấy tiếng động gì. Cô gái lúc này đứng ở cửa, đằng sau tối om. Ánh đèn vàng mờ mờ của phòng tôi chiếu lên khuôn mặt xinh đẹp và đầy khẩn thiết của cô ấy. Chỉ thoáng nhìn một cái, tôi đã thấy ngay sự hoang mang lo sợ của cô, cảnh tượng ấy khiến tôi lạnh toát cả 200 Arthur Conan Doyle người. Cô giơ một ngón tay lên ra hiệu cho tôi không được nói gì, rồi mau chóng nói với tôi vài câu tiếng Anh lơ lớ, mắt liếc nhìn cuống quýt về bóng tối phía sau, giống như mắt của con ngựa non vừa bị nạn.

- Anh hãy chạy đi. Chẳng có gì tốt đẹp cho anh làm đâu. - Cô ấy nói. Xem ra cô ấy đang cố trấn tĩnh.

- Nhưng thưa cô, tôi vẫn còn chưa làm việc cần làm. Ngó xem cái máy xong, tôi mới có thể rời khỏi đây được.

- Không đáng để anh phải chờ đợi đâu. - Cô ấy hốt hoảng nói tiếp - Anh có thể đi ra từ cửa này, sẽ không có người canh gác.

“Cô thấy tôi mỉm cười lắc đầu thì bỗng nhiên trút bỏ hết mọi sự dè dặt, bước lên mấy bước, hai tay đan chặt vào nhau.

- Vì Chúa! - Cô thì thầm - Bây giờ vẫn còn kịp đấy, mau chạy trốn đi!

“Thế nhưng bẩm sinh tôi vốn rất bướng bỉnh, khi làm việc gì mà gặp khó khăn, tôi sẽ càng gắng sức hơn. Tôi nghĩ tới khoản thù lao, cuộc hành trình mệt mỏi và còn buổi tối không lấy gì làm dễ chịu đang diễn ra trước mặt tôi đây. Lẽ nào lại phải bỏ đi, để phí hoài...? Vì sao lại không thực thi nhiệm vụ họ ủy thác và nhận khoản thù lao xứng đáng ấy, mà phải lén lút bỏ đi? Theo tất cả những gì tôi thấy, có lẽ cô ấy không được tỉnh táo lắm. Vì thế, dù thái độ của cô ấy tác động đến tôi cũng rất mạnh mẽ, nhưng tôi vẫn kiên định vẫn lắc đầu, tỏ ý tôi muốn ở lại và làm việc cần làm. Đúng lúc cô ấy lại đang định khẩn cầu tôi thêm lần nữa thì chợt có tiếng đóng cửa từ tầng trên vọng xuống rất rõ, tiếp đó là những bước chân đi xuống cầu thang. Cô gái lắng nghe giây lát, rồi giơ hai tay lên tỏ vẻ tuyệt vọng, và giống như lúc đến, đột nhiên biến mất lặng lẽ.

“Đại tá Lysander Stark và một người béo lùn với đám râu màu nâu mọc vô tổ chức trên cái cằm chẻ bước vào. Đại tá giới thiệu với tôi, đó là ông Ferguson.

- Đây là thư ký kiêm quản lý của tôi. - Đại tá nói - Nhân tiện xin hỏi, tôi nhớ lúc này tôi đã đóng cửa cơ mà. Tôi lo là gió lùa vào, không tốt cho anh.

- Hoàn toàn ngược lại. - Tôi đáp - Chính tôi mở cửa đấy, vì tôi thấy căn phòng này hơi ngột ngạt.

“Ông ta nhìn tôi đầy ngờ vực.

- Vậy thì chúng ta hãy bắt tay ngay vào việc đi! Ông Ferguson và tôi đã chuẩn bị dẫn ông lên trên xem xét chiếc máy.

- Tôi nghĩ là nên đội mũ vào.

- Ồ! Không cần đâu, chỉ ở trong ngôi nhà này thôi mà.

- Cái gì? Các ông đào đất sét ở trong nhà à?

- Không! Không! Đây chỉ là chỗ chúng tôi ép gạch mộc thôi. Nhưng điều này không quan trọng. Chúng tôi chỉ cần anh kiểm tra cỗ máy một chút, rồi cho chúng tôi biết nó hỏng ở đâu thôi.

“Chúng tôi cùng nhau lên tầng trên, ông đại tá xách đèn đi trước, viên quản lý thấp béo và tôi theo sau. Tôi đang ở trong một mê cung của căn nhà cổ có rất nhiều hành lang, với vô số đường ngang lối tắt cùng chiếc cầu thang xoắn ốc rất hẹp và những cánh cửa thấp nhỏ. Tất cả các ngưỡng cửa đã bị những bước chân của nhiều thế hệ giẫm lên nên lồm hăn xuống. Trên sàn nhà của tầng gác thứ nhất không có thảm, cũng không có dấu vết của đồ đạc gia đình, tường vôi bong tróc, những mảng rêu màu xanh bần thiêu vẫn đang tỏa ra mùi ẩm mốc. Tôi cố làm ra vẻ không hề để ý đến những gì không liên quan, nhưng tôi không thể quên lời cảnh báo của cô gái ấy, đầu trước đó đã không coi nó là gì. Tôi cũng lưu tâm tới hai vị đồng hành. Nhìn bộ dạng thì Ferguson là một gã đàn ông lăm lè, nhăn nhó, nhưng chỉ qua vài câu nói của ông ta, tôi có thể đoán được đó là một nông dân Anh.

“Cuối cùng, đại tá Stark dừng lại trước một cánh cửa thấp, không khóa. Phía trong là một căn phòng vuông hẹp tới mức ba người chúng tôi không thể vào cùng lúc được. Ferguson đứng ngoài, đại tá dẫn tôi vào.

- Chúng ta, - Đại tá nói - giờ đây đang đứng trong cỗ máy nén thủy lực. Nếu có ai đó khởi động máy thì sẽ không hay chút nào. Trần của căn phòng nhỏ này chính là mặt dưới của pittông và nó lao xuống sàn nhà bằng kim loại này với áp lực khá lớn đấy. Phía ngoài có một số ống nước nhỏ nằm

ngang, sau khi tiếp nhận áp lực, nước sẽ truyền và gia tăng áp lực theo cách mà ông đã biết. Cái máy này rất dễ vận hành, nhưng khi vận hành không được linh hoạt lắm, gây lãng phí một phần áp lực. Xin hãy xem xét kỹ, rồi cho chúng tôi biết phải làm thế nào mới sửa được nó.

“Tôi nhận chiếc đèn từ tay ông ta rồi kiểm tra xem xét kỹ lưỡng cỗ máy. Đúng là cỗ máy khổng lồ này có thể sinh ra áp lực cực mạnh. Thế nhưng khi tôi đi ra phía ngoài, kéo cần điều khiển xuống thì nghe thấy có tiếng rít rít, tôi biết ngay trong máy có một khe hở nhỏ. Qua kiểm tra, tôi phát hiện cái vòng điện bằng cao su Ấn Độ trên đầu cần điều khiển đã bị co lại, vì thế không thể bao kín được cái cần đang chuyển động. Như vậy, đây rõ ràng là nguyên nhân làm hao phí áp lực. Tôi đã nói vấn đề đó với hai người đi cùng. Họ đều chú ý lắng nghe, rồi hỏi một số vấn đề thực tế, và nhất là phải làm thế nào để sửa chữa được cỗ máy. Sau khi trao đổi rõ ràng cụ thể với họ, tôi quay trở lại căn phòng chính của chiếc máy. Để thỏa mãn sự tò mò của mình, tôi quan sát kỹ căn phòng nhỏ ấy. Chỉ cần nhìn một cái là nhận ra ngay, chuyện về đất sét là hoàn toàn giả dối. Vì nếu cho rằng một cái máy với công suất lớn đến thế mà lại được lắp đặt chỉ vì một mục đích vẫn vơ như vậy thì thực là hoang đường và nực cười. Tường của căn phòng làm bằng gỗ, nhưng trên sàn nhà bằng thép lại có những cái rãnh lớn. Tôi bắt đầu quan sát kỹ thì phát hiện trên đó có một lớp mặt kim loại. Tôi cúi xuống, đang xem xét thứ mặt đó thì nghe thấy ai đó hỏi bằng khẩu âm Đức rất nặng, đầy vẻ ngạc nhiên: “Anh làm gì ở đây?”. Đồng thời viên đại tá mặt tím tái xuất hiện, nhìn chăm chăm vào tôi.

“Rất tức giận vì bị mắc lừa bởi câu chuyện phiền phức mà ông ta dày công bịa đặt, nên tôi kháy:

- Tôi đang thưởng thức món đất sét của ông. Tôi nghĩ, nếu biết được mục đích thực sự của ông khi sử dụng cỗ máy này, chẳng phải tôi càng có những chỉ dẫn tốt hơn cho ông ư?

“Nhưng vừa dứt lời, tôi lập tức cảm thấy hối hận về sự xốc nổi của mình. Mặt ông ta đan lại, mắt ánh lên đầy tàn ác.

- Được lắm. - Ông ta nói - Anh sẽ được biết tất cả về cái máy này.

“Ông ta thoát lùi lại vài bước, kéo cánh cửa nhỏ đánh rầm, rồi xoay khóa đóng chặt lại. Tôi lao ra cửa, cố hết sức kéo cái nắm đấm, nhưng cánh cửa đã khóa chặt rồi, dù tôi cố đẩy, cố đập thế nào nó vẫn đóng im ỉm. Tôi gào to:

- Này, đại tá! Thả tôi ra!

“Vừa lúc ấy, trong im lặng, tôi đột nhiên nghe thấy một tiếng động khiến tôi ngay lập tức sợ thót tim. Đó là tiếng vù vù chuyển động của pittông và tiếng rít của cái ống nước bị rò. Ông ta đã khởi động cỗ máy. Chiếc đèn vẫn nằm trên sàn nhà, tôi đã đặt nó ở đấy khi xem xét các cái rãnh. Nhờ ánh đèn, tôi nhìn thấy cái trần nhà tối thui đang từ từ lắc lắc, rung rung ép xuống. Không ai rõ hơn tôi, áp lực của nó đủ để ép tôi nát bét chỉ trong vòng một phút. Tôi gào thét, lao cả thân mình đập phá cửa, cào móc ổ khóa. Tôi thảm thiết cầu xin viên đại tá thả tôi ra, nhưng tiếng rầm rầm của pittông đã át mất tiếng kêu của tôi. Trần nhà chỉ còn cách đầu tôi nửa mét nữa thôi, chỉ cần giơ tay lên là tôi có thể sờ được vào cái bề mặt thô cứng ấy. Lúc ấy, một ý nghĩ bỗng vụt qua óc tôi, rằng nỗi đau của một người khi chết phần lớn bị quyết định bởi tư thế trong lúc gần chết của anh ta. Nếu tôi nằm sấp, sức nặng kia sẽ đè xuống sống lưng. Vừa nghĩ tới những tiếng răng rắc khi xương bị ép gãy, tôi bất giác run rẩy toàn thân. Có lẽ tư thế khác sẽ tốt hơn, nhưng liệu tôi có đủ can đảm nằm ngửa và trơ mắt ra nhìn cái khối đen sì chết chóc ấy rùng rùng ép xuống không? Tôi đã không thể đứng thẳng được nữa, bỗng nhiên ánh mắt tôi nhắm vào một vật, và ngọn lửa hy vọng trong lòng lại bùng lên.

“Tôi đã nói, tuy trần nhà và sàn nhà bằng thép, nhưng tường lại làm bằng gỗ. Khi tôi đang liếc nhìn lần cuối cùng bốn phía, tôi chợt nhìn thấy một tia sáng vàng vọt yếu ớt xuyên qua kẽ vách gỗ. Rồi một tấm gỗ bị đẩy về phía sau, ánh đèn càng lúc càng rõ. Trong khoảnh khắc ấy, tôi thật không dám tin rằng đây chính là cánh cửa hồi sinh của đời tôi. Tôi lập tức lao ngay ra phía đó, hồn xiêu phách lạc. Tấm gỗ đóng trở lại phía sau lưng tôi, nhưng tiếng vỡ nát của cái đèn và khoảnh khắc sau đó là tiếng va đập chát chúa vào nhau của hai khối kim loại cho thấy tôi đã thoát khỏi mối hiểm họa ngàn cân treo sợi tóc...

“Khi có người kéo tay tôi rất mạnh, tôi mới bừng tỉnh, phát hiện thấy mình đang nằm trên nền đá của một hành lang hẹp. Người phụ nữ, tay cầm một ngọn nến, khom xuống, dùng tay trái kéo mạnh tôi. Cô ấy chẳng phải ai khác, chính là người bạn tốt bụng lúc nãy! Tôi đã ngu ngốc biết chừng nào khi không chịu nghe lời cảnh báo của cô.

- Mau! Mau! - Cô ấy hỗn hển - Họ sắp lên đây rồi. Họ sẽ phát hiện anh không có ở đó. Trời ơi, đừng lãng phí thời gian vàng bạc nữa, mau lên!

“Lúc này, ít nhất thì tôi đã chịu nghe lời cảnh báo của cô ấy. Tôi loạng choạng đứng dậy, chạy theo cô gái ra khỏi hành lang, xuống một cầu thang xoắn ốc. Dưới cầu thang có một hành lang khá rộng. Khi chúng tôi vừa chạy tới đó thì cũng nghe thấy tiếng những bước chân đang chạy rầm rập cùng tiếng hò hét của hai người. Một người trên tầng mà chúng tôi đang ở, còn người kia ở ngay tầng dưới. Cô gái dẫn đường của tôi dừng lại, nhìn quanh tứ phía, giống như một người đã hết đường thoát thân. Tiếp đó, cô ấy đẩy một cánh cửa thông vào một phòng ngủ, ánh trăng sáng từ ngoài cửa sổ chiếu mờ mờ vào phòng.

- Đây là cơ hội duy nhất của anh đấy. - Cô ấy giục - Cao lắm, nhưng anh vẫn có thể nhảy xuống được.

“Đúng lúc cô ấy đang nói thì có ánh đèn xuất hiện ở cuối hành lang. Tôi thấy thân hình gầy đét của tên đại tá Lysander Stark đang chạy rất nhanh, một tay xách đèn, một tay cầm một hung khí giống như con dao thái thịt của đồ tể. Tôi chạy thục mạng vào phòng, đẩy mạnh cửa sổ và nhìn ra ngoài. Trong ánh trăng, vườn hoa sao mà êm đềm, ngọt ngào và sinh động đến thế! Từ đây xuống dưới đó không thể dưới 10m! Tôi trèo lên bậu cửa sổ nhưng còn do dự, chưa nhảy xuống ngay khi biết ân nhân cứu mạng của tôi sẽ ra sao lúc kẻ côn đồ truy đuổi tới. Nếu cô ấy bị hại, tôi quyết không sợ hiểm nguy, sẽ quay lại giúp. Ý nghĩ ấy vừa lóe lên trong óc tôi thì hắn đã chạy tới cửa, định đẩy cô ấy ra để xông tới. Nhưng cô gái đã ôm chặt lấy hắn, cố hết sức giữ hắn lại.

- Anh Fritz! Anh Fritz! - Cô ấy hét lên bằng tiếng Anh - Hãy nhớ đến lời hứa trước đây của anh với em! Anh đã hứa là sẽ không bao giờ làm thế nữa

cơ mà. Anh ta sẽ không nói ra đâu! Lạy Chúa! Anh ta nhất định sẽ giữ yên lặng mà!

- Em điên rồi, Elise! - Hắn gầm lên, cố hết sức thoát ra khỏi vòng tay của cô ấy - Em sẽ làm hỏng chuyện của chúng ta mất. Hắn đã thấy quá nhiều rồi. Buông anh ra!

“Hắn đẩy ngã cô ấy sang một bên, xông tới cửa sổ, lấy hung khí chém tôi. Lúc này cả thân tôi đã ở ngoài cửa sổ, nhưng khi hắn chém mạnh tới, hai tay tôi vẫn bám vào bậu cửa sổ. Tôi bỗng thấy đau kinh khủng, vội buông ngay tay ra và rơi xuống vườn hoa phía dưới.

“Tuy rơi xuống khá mạnh, nhưng tôi may mắn không bị thương, lao bừa vào một bụi cây thấp. Tôi hiểu là mình vẫn chưa thoát khỏi mối hiểm nguy. Nhưng đúng lúc tôi định chạy thì bỗng cảm thấy cả người hết sức mệt mỏi và choáng váng kinh khủng. Tôi nhìn vào bàn tay đang đau đớn tới mức cứ giật giật, lúc ấy mới phát hiện là ngón tay cái của mình đã bị chém đứt rồi, máu không ngừng tuôn ra từ đó. Tôi cố hết sức, lấy khăn tay quấn chặt vết thương lại. Nhưng tôi bỗng thấy ù tai, rồi ngất đi, ngã lăn ra trong bụi hoa tường vi.

“Không biết tôi đã ngất đi bao lâu, chắc chắn là khá lâu, vì khi tôi tỉnh lại, trăng sao đã lặn, mặt trời đang ló ra ở đằng đông. Quần áo của tôi ướt đầm sương đêm, còn tay áo sưng máu từ vết thương ở ngón cái. Cơn đau khủng khiếp từ vết thương khiến tôi lập tức nhớ lại mối hiểm nguy đêm qua và chợt hiểu ra rằng tôi vẫn chưa thoát khỏi hai tên vô lại kia. Tôi liền chồm dậy. Nhưng điều làm tôi kinh ngạc là, khi tôi nhìn quanh thì không hề thấy một căn nhà nào, cũng chẳng thấy vườn hoa đâu cả. Thì ra, tôi đang nằm ở góc một hàng rào cây sát đường cái, cách không xa là một công trình dài dài. Khi đi tới gần thì tôi phát hiện, đó chính là cái ga tàu tối hôm qua tôi đã đến. Nếu như không có vết thương đáng sợ thế này trên tay tôi thì tất cả những gì đã xảy ra trong những giờ phút kinh hoàng ấy có lẽ chỉ là một cơn ác mộng...

“Tôi bước vào trong ga mà vẫn còn choáng váng, hỏi thăm thông tin về chuyến tàu sáng. Được biết, trong vòng một giờ tới sẽ có một chuyến tàu đi Reading. Tôi nhận ra người trực ban là nhân viên đường sắt mà tôi gặp lúc

tới đây. Tôi hỏi anh ta, đã từng nghe nói tới đại tá Lysander Stark bao giờ chưa. Với anh ta, cái tên ấy có vẻ khá xa lạ. Tôi hỏi có chú ý đến chiếc xe ngựa đợi tôi đêm qua không, anh ta bảo không. Hỏi gần đây có đồn cảnh sát nào không, anh ta bảo ngoài ba dặm có một đồn.

“Với tôi thế này, vừa đau vừa mệt thì ba dặm quả là quá xa. Tôi quyết định sẽ báo cảnh sát sau khi về thị trấn. Lúc về tới thị trấn mới hơn 6 giờ một chút, nên trước tiên tôi đi băng bó vết thương. May nhờ vị bác sĩ đây đưa tôi tới chỗ ông. Tôi xin giao phó vụ án này cho ông, và sẽ làm mọi việc hoàn toàn theo ý ông.”

Nghe xong câu chuyện khác thường này, cả hai chúng tôi ngồi bất động hồi lâu. Rồi Sherlock Holmes lấy một trong số các quyển sổ cũ kỹ và nhặt nhèo mà anh vẫn dán những bài báo từ trên giá xuống.

- Ở đây có một mục quảng cáo, có thể sẽ làm các anh thấy hứng thú đấy.
- Holmes nói - Tất cả các báo một năm trước đều đăng tin này. Nghe tôi đọc nhé: *“Tìm người: Anh Jeremiah Hayling, 26 tuổi, kỹ sư thủy lực. Sau khi rời căn hộ thuê lúc 10 giờ đêm mùng 9 tháng này đến nay không có tin tức gì. Trên người mặc...”* A ha! Tôi nghĩ là trước đây “đại tá” đã phải đại tu cỗ máy của ông ta một lần rồi.

- Chúa ơi! - Bệnh nhân của tôi kêu lên - Vậy là điều này giải thích cho những lời mà người phụ nữ đó đã nói.

- Không còn nghi ngờ gì nữa! Rõ ràng, “đại tá” là một tên đồ tể lạnh lùng, quyết không để bất cứ thứ gì ngáng trở mưu đồ của hắn, giống như bọn cướp biển vẫn làm vậy, chúng không bao giờ để bất kỳ nạn nhân nào sống sót trên con tàu mà chúng cướp đoạt. Hừm, bây giờ mỗi thời khắc đều vô cùng quý giá, do đó nếu anh cảm thấy có thể được, chúng ta sẽ đến ngay Sở Cảnh sát Scotland Yard báo án, đây chính là bước đi đầu tiên để chúng ta đến Eyford.

Khoảng ba tiếng đồng hồ sau, chúng tôi cùng lên tàu, xuất phát từ Reading, hướng về cái làng nhỏ Berkshire. Nhóm gồm có Sherlock Holmes, anh chàng kỹ sư thủy lực, thanh tra Bradstreet của Sở Cảnh sát Scotland Yard, một cảnh sát mặc thường phục và tôi. Bradstreet trải một tấm bản đồ

quân sự của quận lên ghế, rồi dùng compa vẽ một vòng tròn với tâm điểm là Eyford.

- Chính chỗ này. - Ông ta nói - Vòng tròn có tâm là cái làng này, với bán kính mười dặm. Địa điểm mà chúng ta phải tìm, hẳn nằm gần vòng tròn này. Tôi nhớ anh đã nói là mười dặm.

- Xe ngựa đã chạy chừng một giờ đồng hồ.

- Anh nghĩ là khi anh đang mê man, họ đã đưa anh từ xa như thế quay trở lại à?

- Tôi nghĩ chắc họ làm thế. Tôi mang máng có cảm giác là dường như mình được nhắc lên và khiêng đến chỗ nào đó.

- Điều mà tôi không thể lý giải là... - Tôi nói - vì sao khi phát hiện thấy anh nằm ngất lịm trong vườn hoa, bọn họ lại tha cho anh? Có lẽ nào tên ác quỷ đó đã mềm lòng trước lời cầu xin của cô gái?

- Tôi cho là khó có chuyện đó. Cả đời, tôi chưa bao giờ nhìn thấy ai có bộ mặt lạnh lùng như hẳn.

- Ồ! Chúng ta sẽ mau chóng làm rõ mọi chuyện thôi. - Bradstreet nói - Nhìn xem, tôi đã vẽ xong cái vòng tròn, bây giờ tôi chỉ ước một điều duy nhất là chúng ta có thể biết đích xác vị trí đó là điểm nào trên vòng tròn.

- Tôi nghĩ là tôi có thể chỉ ra được. - Holmes nói một cách nhẹ nhàng bình thản.

- Thật ư? Ngay bây giờ? - Viên thanh tra kêu lên - Ông hẳn đã phán đoán được điều gì đó. Vậy thì tốt. Xem ai trong chúng ta đồng ý với ông nhé. Tôi cho rằng nó ở phía nam, vì vùng nông thôn đó rất hẻo lánh.

- Tôi bảo đó là phía đông. - Bệnh nhân của tôi dè dặt lên tiếng.

- Tôi nghĩ đó là phía tây. - Viên cảnh sát mặc thường phục không tán thành - Chỗ đó rất heo hút.

- Tôi thiên về phía bắc. - Tôi cũng góp thêm ý kiến - Vì ở đó không có núi, mà anh bạn kia bảo là anh ấy để ý thấy xe ngựa không hề lên dốc.

- Ái chà! - Viên thanh tra cười cười - Ý kiến khác nhau ghê nhỉ. Ông tán thành ý của ai đây, Holmes?

- Các anh đều sai hết!

- Không thể nào!

-Ồ! Phải đấy, sai hết cả! Các anh nhìn đây. - Holmes chỉ ngón tay vào tâm vòng tròn - Đây mới chính là nơi chúng ta sẽ tìm ra họ.

- Thế còn quãng đường mười hai dặm? - Hatherley há hốc mồm hỏi vặn lại.

- Sáu dặm lượt đi, sáu dặm lượt về! Chẳng có gì đơn giản hơn được nữa. Chính anh chả đã nói, khi anh lên xe, con ngựa đó trông rất sung sức, bộ lông bóng mượt cơ mà. Nếu đúng là đã chạy suốt mười hai dặm đường khó đi như thế, sao bộ dạng nó có thể như vậy được?

- Mà đúng đấy, rất có thể đây là một mẹo bịp. - Bradstreet tỏ ra thận trọng.

- Đương nhiên bọn xấu ấy bản chất ra sao ta chẳng còn phải nghi ngờ gì nữa.

- Dĩ nhiên là thế rồi. - Holmes phụ họa - Bọn chúng là những tên tội phạm làm bạc giả với quy mô lớn, chúng dùng cỗ máy đó để đúc hợp kim thay thế bạc.

- Chúng tôi trước đây phát hiện ra có một bọn làm bạc giả rồi. - Thanh tra nói - Chúng đã đúc ra rất nhiều tiền đồng. Chúng tôi truy đuổi chúng tới Reading, nhưng bị mất dấu. Chúng đã có đủ cách để che giấu tung tích, chứng tỏ đó là những tên tội phạm cáo già. Nhưng bây giờ, với cơ hội ngàn vàng này, chúng làm sao mà thoát được nữa!

Viên thanh tra đã lầm, bọn tội phạm ấy đã không cam chịu sa lưới pháp luật. Khi chuyển tàu đi tới ga Eyford, chúng tôi nhìn thấy một cột khói lớn đang cuồn cuộn bốc lên từ đằng sau của một ngôi làng nhỏ gần kề, đám khói trông giống như bộ lông của một con đà điểu khổng lồ treo lơ lửng trên bầu trời làng quê.

- Cháy nhà à? - Bradstreet hỏi khi tàu rời khỏi ga.

- Vâng thưa ông. - Trưởng ga đáp.

- Hỏa hoạn xảy ra từ lúc nào?

- Nghe nói là cháy từ đêm, thưa ông. Nhưng lửa càng lúc càng dữ dội, toàn bộ khu nhà chìm trong lửa rồi.

- Nhà ai vậy?

- Thưa, là nhà bác sĩ Becher.

- Xin hãy nói cho tôi biết, - Chàng kỹ sư xen vào - bác sĩ Becher có phải là người Đức, gầy đét, có một cái mũi vừa dài vừa khoằm không?

Trưởng ga cười:

-Ồ không, thưa ông. Bác sĩ Becher là người Anh và trong xứ đạo này của chúng tôi, không ai mặc áo gilê đẹp được như ông ấy. Nhưng theo tôi biết thì ông ấy còn sống cùng một người nữa, một bệnh nhân ngoại quốc, nhưng xem ra nếu ông có ý muốn đem “món mồi” đó sấy khô thì cũng không thể được mấy mờ đâu.

Trưởng ga vẫn còn nói gì đó rất dài. Chúng tôi chưa nghe hết đã vội vội vàng vàng chạy về hướng có ngôi nhà bị cháy. Con đường này dẫn tới đỉnh quả đồi thấp... Trước mắt chúng tôi hiện ra một tòa nhà sơn trắng trải dài. Từng cửa sổ, từng kẽ hở đang phần phật phun ra những ngọn lửa đỏ rực. Vài chiếc xe cứu hỏa ở vườn hoa phía trước đang cố gắng dập lửa một cách vô vọng.

- Chính là đây! - Hatherley hết sức xúc động hét lên - Hãy nhìn con đường rải sỏi này! Bên kia chính là bụi hoa tường vi tôi đã nằm lăn. Cái cửa sổ thứ hai kia chính là nơi tôi đã nhảy ra!

- Vậy thì, - Holmes nói - ít nhất anh cũng đã báo thù được rồi. Không còn nghi ngờ gì nữa, khi bị cái máy đó ép nát vụn, ngọn đèn dầu của anh đã làm cháy tường gỗ. Quá kích động khi đuổi theo anh nên lúc đó chúng đã không phát hiện ra lửa cháy. Bây giờ anh hãy mở to mắt ra xem, trong đám người kia có “những người bạn” tối qua của anh không? Có điều, tôi e là chúng đã chạy xa tới hơn trăm dặm rồi.

Sự lo xa của Holmes quả nhiên đã thành sự thật. Kể từ đêm hôm đó đến giờ, chẳng ai nghe được bất cứ điều gì, dù là về người đàn bà xinh đẹp hay tên người Đức nham hiểm, hay là gã người Anh nhăn nhó. Sáng sớm hôm ấy, một người nông dân đã nom thấy một chiếc xe ngựa, chở mấy người và vài cái hòm khá to, rất nặng, chạy nhanh về hướng Reading. Nhưng những kẻ gian ác ấy sau đó đã đi đâu thì chẳng ai biết nữa. Thậm chí thông minh đến như Holmes cũng không cách nào phát hiện ra dù chỉ một manh mối nhỏ có liên quan tới bọn chúng.

Lính cứu hỏa xông vào khi phát hiện thấy trong ngôi nhà nhiều đồ vật rất kỳ lạ, họ đau đầu tìm lời giải thích về chuyện đó. Điều làm họ ngỡ ngàng hơn cả là đã thấy ở cửa sổ tầng lầu hai một ngón tay cái của ai đó vừa bị chặt đứt. Phải đến khi mặt trời lặn, họ mới chế ngự được trận hỏa hoạn dữ dội này. Nhưng nóc nhà đã bị thiêu cháy và sụp đổ, cả hiện trường trở thành một đồng tro tàn đổ nát. Cho nên, ngoài một ít ống sắt và bình khí, cái máy nén thủy lực - thứ mà vì nó anh bạn bất hạnh của tôi đã phải trả một cái giá quá đắt - cũng chẳng để lại bất cứ dấu vết gì. Chúng tôi phát hiện ra rất nhiều niken và thiếc ở trong một gian nhà phụ, nhưng không hề tìm thấy dù chỉ một đồng tiền kim loại. Điều này đã đủ để chứng minh cho những chiếc hòm to, rất nặng được nhắc tới lúc trước.

Nếu không nhờ nền đất mềm để lại dấu vết khá rõ, có thể chúng tôi sẽ không bao giờ biết được anh chàng kỹ sư thủy lực đó đã được đưa ra khỏi vườn hoa như thế nào. Rõ ràng là anh đã được hai người nhắc lên. Một người có vết chân rất nhỏ, còn vết chân người kia lại to kinh khủng. Tóm lại, có lẽ gã đàn ông người Anh ít nói đó không quá ác độc như tên đồng bọn. Gã đã giúp cô gái khiêng người bị nạn ra khỏi nơi nguy hiểm.

Khi chúng tôi trở lại trên chuyến tàu quay về London, anh chàng kỹ sư thủy lực buồn thiu than thân trách phận:

- Ôi, đây đúng là một mối làm ăn quá xui xẻo cho tôi! Mất ngón tay cái của mình, mất năm mươi ghinê tiền thù lao, hỏi rằng tôi được gì nào?

- Kinh nghiệm! - Holmes vừa cười vừa nói - Anh phải hiểu, đây là chuyện thực sự rất có giá trị. Chỉ cần câu chuyện này được truyền đi thì trong cuộc sống và công việc sau này, chắc chắn anh sẽ có được danh tiếng tốt.

BỘ MẶT VÀNG NHỌT

Một lần vào đầu mùa xuân, Holmes và tôi cùng nhau đi dạo trong công viên. Những chiếc lá non đầu tiên bắt đầu nhú trên các cành du, chồi con nơi hàng sồi đang cựa mình nhô lên để thành những chiếc lá non tơ. Chúng tôi đi suốt hai tiếng liền vô cùng sáng khoái, khi quay trở về thì đã gần 5 giờ.

- Thưa ông, - Chú bé giúp việc vừa mở cửa vừa nói - có một vị khách đến hỏi ông.

- Khách đi rồi à? - Holmes hỏi lại.

- Vâng ạ!

- Sao cháu không mời ông ta vào nhà ngồi chơi một lát?

- Dạ có, ông ấy có vào nhà.

- Ông ta đợi có lâu không?

- Độ nửa tiếng. Khách rất sốt ruột. Suốt thời gian ở đây, ông ấy cứ đi đi lại lại khắp phòng. Cuối cùng, ông ấy chạy ra ngoài hành lang và than thở: “Không biết đến khi nào ông Holmes mới về?”. Cháu đáp ngay: “Một lát nữa thôi!”. Ông ấy nói: “Được, ta sẽ chờ, nhưng không chờ ở đây, mà ở nơi không khí thoáng đãng kia! Lát nữa ta sẽ quay trở lại”. Thế là ông ấy đi thẳng.

- Giỏi! Cháu được việc lắm. - Holmes vừa khen, vừa cùng tôi đi vào phòng. - Dù sao thì tôi cũng thấy tự giận mình, Watson ạ! Vì tôi đang buồn phát chán và cần có một vụ nào đó để làm. Qua vẻ bất an của người đàn ông kia, vụ việc này lại có vẻ nghiêm trọng đấy. Thế mà... Ô này, không phải là cái tẩu của anh để trên bàn chứ? Vậy là ông ta đã bỏ quên nó ở đây. Một cái tẩu đã cũ, tuyệt vời với ống hút dài và đẹp, cái nõ có màu mà dân sành thuốc gọi là hồ phách. Thử nghĩ xem, ở London có bao nhiêu cái tẩu thuốc màu hồ phách thật sự như thế? Hừm, rõ ràng ông ta phải rối trí mới để quên cái tẩu mà ông ta rất quý.

- Sao anh biết được ông ta rất quý cái tẩu này? - Tôi ngạc nhiên hỏi.

- À, tôi đoán giá ban đầu của cái tẩu này là bảy bảng sáu xu. Anh có thấy nó đã được sửa lại hai lần không, một lần ở ống hút gỗ và một lần ở cối thuốc. Chúng ta có thể thấy giá của mỗi lần sửa chữa bằng những viên bạc như thế này chắc chắn đắt hơn so với giá của cái tẩu. Như vậy, ông ta rõ ràng rất quý nó mới chọn cách sửa chữa lại, chứ không thì đã mua cái mới chỉ với số tiền như thế.

- Còn gì nữa không? - Tôi hỏi, khi thấy Holmes lật qua lật lại cái tẩu trên tay, ánh mắt xem xét trầm tư khác thường.

Anh giơ cái tẩu lên và gõ nhẹ bằng ngón tay dài, gầy guộc, như một vị giáo sư đang giảng về bộ xương:

- Những cái tẩu đôi khi có ý nghĩa đặc biệt. Không có vật gì tiêu biểu cho mỗi một cá nhân rõ hơn nó. Có thể đôi lúc anh làm khác đi, nhưng chắc chắn không phải Những vụ kỳ án của Sherlock Holmes 217 thường xuyên. Cái tẩu này thì luôn được dùng theo một cách. Ông ta đã ngậm rất chặt vào đầu tẩu, chứng tỏ phải là một người rất khỏe mạnh, một hàm răng chắc mới có thể làm như thế. Mà... đấy, có bước chân ngoài cầu thang, ông ta đấy.

Gần một phút sau, cánh cửa mở rộng ra. Một người đàn ông trạc ba mươi tuổi cao lớn bước vào. Bộ comlê thẫm màu ông ta mặc thuộc loại vải tốt, được cắt may rất khéo. Ông ta cầm trên tay chiếc mũ phớt màu ghi xám, rộng vành.

- Xin thứ lỗi. - Ông ta nói có phần luống cuống - Hẳn là tôi cần gõ cửa. Nhưng quả thực tôi hơi bối rối.

Rồi ông ta đưa tay lên xoa xoa trán như một người bị váng đầu.

- Ông đã mất ngủ đến hai đêm rồi. - Holmes từ tốn nói - Điều đó làm hao tổn thần kinh gấp nhiều lần so với lúc làm việc. Xin được phép hỏi, tôi có thể giúp ông được gì không?

- Tôi muốn xin ông một lời khuyên, thưa ông...

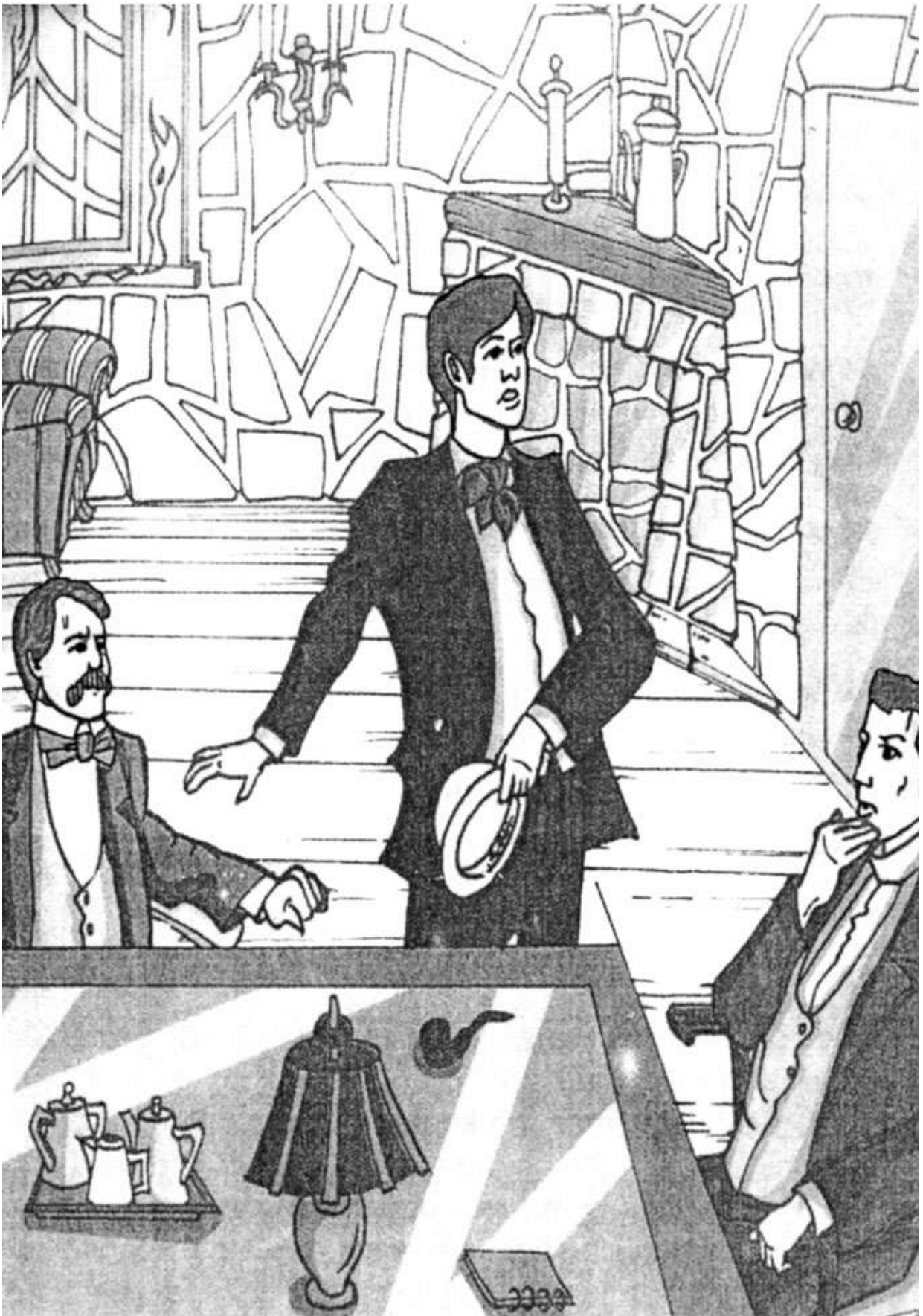
- Ông muốn tôi giúp ông với tư cách một nhà tư vấn, hay một thám tử?

- Vâng. Ông là người từng trải việc đời. Và tôi muốn ông chỉ bảo cho tôi những việc tôi cần làm. - Ông ta nói ngắn, mạnh và dứt quăng.

- Ông Munro thân mến... - Holmes cất lời.

Vị khách của chúng tôi nhóm phất dậy.

- Sao! Ông biết tên tôi à? - Ông ta kêu lên rõ to.



- Nếu ông muốn ẩn danh, - Holmes cười - thì đừng viết tên mình trên vành vải lót của mũ, hoặc là xoay chiếc mũ lại, để người nói chuyện với mình không thấy được hàng chữ đó. Tôi muốn nói rằng tại căn phòng này, anh bạn của tôi và tôi đã từng nghe nhiều điều bí mật vô cùng kinh ngạc. Và chúng tôi đã đem lại sự thư thái cho bao tâm hồn đầy lo âu. Chúng tôi rất vội, vậy nên xin ông nhanh chóng kể cho tôi nghe tất cả những gì đã xảy ra.

Vị khách lại lấy tay xoa trán. Ông ta có vẻ khó khăn khi bắt đầu câu chuyện. Mỗi cử chỉ, từng nét mặt đều chứng tỏ ông ta là người kín đáo, giữ ý và kín đáo. Ông ta có xu hướng che đậy những vết thương lòng của mình hơn là phơi bày ra. Nhưng đột nhiên ông ta giận dữ vung tay lên, tựa như đã quẳng bỏ được tính dè dặt:

- Tôi cưới vợ đã ba năm, chúng tôi hoàn toàn hạnh phúc, không hề giấu giếm nhau điều gì, cả suy nghĩ lẫn việc làm. Thế nhưng từ thứ hai vừa rồi, chúng tôi bỗng trở nên xa lạ với nhau. Và tôi muốn biết vì sao như vậy... Tôi biết rõ, chưa bao giờ nàng yêu tôi bằng lúc này. Nhưng, một khi điều bí ẩn ngăn cách giữa hai chúng tôi chưa được tháo gỡ, mối quan hệ tốt đẹp kia sẽ không có cơ tồn tại.

- Cám ơn ông đã cho tôi biết sự thật, ông Munro!

- Effie đến Hoa Kỳ, sống ở thành phố Atlanta lúc còn rất trẻ. Tại đó, nàng kết hôn với một luật sư có tiếng trong vùng. Họ đã sống hạnh phúc và có một con. Nhưng sau trận dịch sốt vàng da đã giết chết chồng và con, nàng trở về Anh sống với người dì ở Middlesex. Tôi thấy cần phải nhắc lại rằng sau cái chết của chồng, nàng thừa hưởng một tài sản chừng bốn nghìn năm trăm bảng Anh nằm trong ngân hàng. Hàng năm nàng nhận được bảy phần trăm tiền lãi.

“Nàng sống cùng với người dì chừng nửa năm thì tôi gặp nàng. Chúng tôi yêu nhau, và sau vài tuần thì làm lễ cưới. Lúc đó, nàng hai mươi lăm tuổi.

“Tôi là người buôn hoa bia. Tiền lãi của tôi chừng tám trăm bảng Anh một năm. Bởi thế, chúng tôi sống khá phong lưu, có một biệt thự đẹp ở Norbury. Thị trấn này không khác mấy so với thôn quê. Tại đó, có hai ngôi nhà và một khách sạn cao hơn biệt thự của chúng tôi một chút. Còn đối diện

với chúng tôi là một ngôi biệt thự đứng tách riêng. Ngoài những ngôi nhà này ra, không còn công trình nào ở gần ga hơn nữa. Sau khi lập gia đình, vợ tôi đã chuyển giao cho tôi toàn bộ tài sản của nàng. Tôi không đồng ý, vì ngại rằng nếu tôi bị thất bại trong công việc làm ăn thì vốn liếng của nàng mất hết. Nhưng nàng vẫn nằng nặc đòi làm theo ý mình.

“Đột nhiên, cách đây hơn một tháng, nàng nói với tôi:

- Jack này, lúc nhận tiền của em anh có nói rằng, bất kỳ lúc nào em cũng có thể lấy lại số tiền đó.

- Tất nhiên, vì đây là tiền của em.

- Em đang cần một trăm bảng Anh.

- Để làm gì?

- Anh yêu! - Nàng luống cuống trả lời - Anh nói anh là chủ ngân hàng của em... Thế có bao giờ các chủ ngân hàng hỏi khách hàng rút tiền để làm gì không?

- Nếu em cần thì có ngay đây thôi.

- Vâng. Em cần.

- Em sẽ không nói ư?

- Sau này sẽ nói. Còn bây giờ thì không.

“Tôi buộc phải vui lòng với câu trả lời như thế. Từ đấy trở đi, nàng không giấu tôi một điều gì nữa. Tôi đưa séc cho nàng, không nghĩ gì thêm về câu chuyện đó.

“Như tôi vừa nói với ông, có một biệt thự nằm cách nhà chúng tôi không xa. Hai căn nhà chỉ cách nhau có một bãi cỏ. Để đến ngôi biệt thự, người ta đi theo một con đường vừa phải và sau đó rẽ vào lối mòn. Ngay phía sau biệt thự là một rừng thông nhỏ. Tôi rất thích đi dạo trong cánh rừng ấy. Suốt tám tháng ròng, trong biệt thự không có người ở. Tôi lấy làm tiếc là ngôi nhà bị bỏ không như vậy. Đó là một công trình kiến trúc hai tầng lầu xinh xắn, với những cột hành lang cổ kính. Nhiều lần khi dừng lại trước ngôi nhà, tôi thầm nhủ: “Thật là một dinh cơ nhỏ xinh, đầm ấm biết bao!”.

“Thế rồi, vào buổi chiều thứ hai tuần trước, trong khi đi dạo, tôi nhìn thấy một chiếc xe chở hàng có mui chạy trên đường. Sau đó, trên bãi cỏ trước thềm có chất những tấm thảm và các đồ đạc khác. Rõ ràng ngôi biệt

thợ đã được cho thuê. Tôi đi quanh ngôi nhà. Trong một cửa sổ nhỏ, có một khuôn mặt đang theo dõi tôi. Từ xa, tôi không thể nhìn kỹ bộ mặt ấy, nhưng tôi cảm thấy có điều gì đó phi tự nhiên, phi nhân tính. Do vậy, tôi muốn đến gần hơn để biết ai đang theo dõi mình. Nhưng đúng vào lúc đó, khuôn mặt màu vàng xám xịt kia tự nhiên biến mất. Hình như có ai đứng phía sau kéo người ấy vào. Tôi đứng chùng năm phút nữa, rồi quyết định bước lên bậc tam cấp, gõ cửa. Ngay lập tức, một người đàn bà cao nghều với vẻ không hài lòng ra mở cửa.

- Ông cần gì? - Bà ta hỏi bằng giọng Scotland the thé.

- Tôi là láng giềng của bà, ở ngay cạnh đây. Tôi thấy bà mới đến nên sang thăm. Liệu tôi có thể giúp bà được gì chăng?

- Khi nào cần, chúng tôi sẽ gọi! - Bà ta nói vẻ không hài lòng và đóng sầm cửa lại.

“Suốt buổi tối, dù cố nghĩ về một việc khác, nhưng tâm trí tôi vẫn cứ trở lại với bộ mặt thập thò qua cửa sổ và người đàn bà xấu xược kia. Tôi không nói gì cho vợ biết, nàng là người đàn bà đa sầu đa cảm. Tới lúc đi ngủ, tôi nói qua với nàng là ngôi nhà bên cạnh đã có người ở. Nàng làm thinh.

“Đêm hôm ấy, đang trong giấc ngủ, tôi mang máng cảm thấy chung quanh mình diễn ra một cái gì đó. Tôi chỉ mơ màng thấy vợ tôi thức dậy, bắt đầu choàng áo ngoài và đội mũ. Ngái ngủ, tôi chực biểu lộ điều gì đó, tựa như phản đối và ngạc nhiên. Nhưng khi hé mắt ra, dưới ánh sáng của ngọn nến, tôi thấy mặt nàng tái mét. Nàng thở hỗn hển choàng cái áo khoác vào người, và len lén nhìn vào giường, yên chí là tôi vẫn đang ngủ, liền thận trọng lén ra khỏi phòng. Một thoáng sau, tôi nghe có tiếng cọt két của cửa ra vào. Tôi ngồi dậy, đập đập tay vào thành giường để biết chắc là mình đang thức. Tôi rút đồng hồ ở dưới gối ra xem: 3 giờ sáng. Vợ tôi làm gì giữa đêm hôm thanh vắng này?

“Tôi ngồi thừ ra đến hai mươi phút, cố gắng tìm ra một lời giải thích nào đó. Nhưng càng suy nghĩ lại càng khó hiểu. Tôi càng lúng túng hơn khi cánh cửa khẽ mở và có tiếng bước chân của vợ tôi lên cầu thang.

- Em ở đâu đấy, Effie? - Tôi hỏi, khi nàng bước vào.

“Toàn thân nàng run bắn, nàng khẽ kêu lên một tiếng. Sự xúc động và tiếng kêu này khiến tôi lo sợ hơn tất cả. Trong tiếng kêu ẩn chứa một điều tội lỗi. Vợ tôi luôn là người đàn bà trung thực. Bởi thế, tôi lạnh cả người khi nàng len lén đi vào phòng.

- Anh không ngủ sao, Jack? - Nàng thốt lên với một nụ cười gượng gạo - Em tưởng rằng không gì có thể đánh thức anh.

- Em đã ở đâu? - Tôi hỏi lạnh lùng.

- Em hiểu anh ngạc nhiên như thế nào. - Nàng nói khi cởi cúc áo khoác. Ngoài ra, tôi còn nhận thấy những ngón tay của nàng run lấy bầy. - Trước đây, chưa bao giờ em nghĩ rằng có chuyện gì xảy ra với em. Chuyện chỉ là thế này: Đột nhiên, em bắt đầu cảm thấy ngột thở. Em cần không khí trong lành. Em đã đứng cạnh cửa chừng vài phút, và bây giờ em lại cảm thấy bình thường.

“Khi nói những lời này, nàng không quay mặt về phía tôi, và giọng nói cũng không như mọi khi. Chẳng còn nghi ngờ gì nữa: Nàng đã nói dối! Tôi không nói gì, quay mặt vào tường với nỗi đau đớn trong tim. Vợ tôi đã giấu giếm tôi điều gì? Nàng đã đi đâu? Từ đó cho đến sáng, tôi luôn cựa mình, trần trọc, gắng tìm một lời giải thích.

“Ngày hôm ấy, tôi phải ra thành phố. Thế nhưng tôi lo lắng đến mức không làm được việc gì. Vợ tôi hình như cũng rất lo lắng. Trong lúc ăn sáng, chúng tôi không trao đổi với nhau một lời. Và ngay sau đó tôi đi đến khu Crystal Palace, ở đó một giờ đồng hồ và trở về Norbury lúc 1 giờ trưa. Khi qua ngôi biệt thự, tôi dừng lại giây lát, nhìn vào khung cửa mở rộng, và thấy vợ tôi từ đó bước ra.

“Tôi ngây người khi nhận ra nàng. Trong khoảnh khắc, tôi cảm thấy vợ tôi muốn ẩn mình vào trong nhà. Tuy nhiên, khi biết mọi sự trốn chạy đều vô hiệu, nàng bước tới và mỉm cười:

- Ôi, Jack! - Nàng nói - Em rẽ vào vì muốn biết có thể giúp những người láng giềng của chúng ta được gì không. Sao anh lại nhìn em như vậy?

- Đêm qua em tới đây phải không?

- Anh muốn nói gì vậy? - Nàng nói to như muốn phản kháng.

- Em đã đến đây, anh tin chắc như vậy! Sao em tới thăm họ vào lúc nửa đêm?

- Chưa khi nào em ở đây cả. - Nàng vẫn chối một cách tuyệt vọng.

- Sao em lại nói dối? - Tôi nói như quát - Thậm chí giọng nói của em cũng thay đổi khi nghe anh hỏi. Phải chăng em đã có những điều bí mật giấu giếm anh... Anh sẽ vào biệt thự này và sẽ tự mình khám phá ra tất cả.

- Đừng! Đừng, anh!

“Nàng thở hổn hển khi không đủ sức che giấu nỗi khiếp đảm của mình. Lúc tôi tới gần cánh cửa, nàng đã túm lấy tay tôi, kéo tôi ra với một sức mạnh không thể ngờ.

- Em van anh, đừng vào! - Nàng hét lên - Em thề rằng sớm muộn gì rồi em cũng kể cho anh nghe tất cả. Nhưng sau, sau này đã... Nếu bây giờ anh vào ngôi nhà này, một tai họa sẽ xảy ra.

Tôi càng gắng vùng thoát khỏi tay nàng, nàng lại càng túm lấy tôi với những lời cầu xin gần như điên dại.

- Hãy tin em! - Nàng kêu lên - Hãy tin em, chỉ lần này nữa thôi! Anh sẽ không bao giờ hối tiếc đâu. Còn nếu như em có giấu giếm anh chuyện gì thì cũng chỉ vì anh mà thôi. Chúng ta cùng trở về nhà đi, rồi mọi chuyện sẽ đâu vào đấy. Còn nếu anh cứ vào ngôi nhà này, trái với mong muốn của em, thì mối quan hệ của chúng ta sẽ chấm dứt.

“Giọng nói của nàng chất chứa sự tuyệt vọng chân thành đến nỗi tôi phải dừng lại.

- Anh chỉ tin em với một điều kiện. - Cuối cùng tôi nói - Anh muốn tất cả sẽ mau chóng kết thúc. Em có thể giữ kín bí mật của mình, nhưng hãy hứa với anh là phải ngừng ngay mọi cuộc thăm viếng ban đêm và sẽ không làm một điều gì lén lút nữa.

- Em xin hứa! - Nàng thốt lên với tiếng thở phào nhẹ nhõm - Mọi chuyện sẽ diễn ra như ý. Nào, ta hãy về nhà đi!

“Nàng vừa nắm lấy tay áo tôi vừa kéo tôi ra khỏi ngôi biệt thự. Tôi tiện thể ngoảnh nhìn lên cửa sổ phía trên, và lại thấy khuôn mặt màu vàng tái ngắt đang theo dõi chúng tôi. Liệu có mối liên hệ nào giữa vợ tôi với con

người kia? Hoặc nàng có quan hệ gì với người đàn bà thô lỗ hôm trước chẳng?

“Sau chuyện đó, tôi ở nhà luôn hai ngày liền. Hình như vợ tôi nghiêm chỉnh tuân theo các giao ước giữa chúng tôi, nàng không ra khỏi nhà. Thế nhưng, sang ngày thứ ba thì không gì có thể giữ nổi nàng nữa.

“Ngày hôm đó, tôi đi ra thành phố và trở về trên chuyến tàu hỏa khởi hành lúc 2 giờ 40 phút, nghĩa là về sớm hơn thường lệ. Khi tôi bước vào nhà thì cô hầu phòng chạy ra gặp tôi với bộ mặt đầy sợ hãi.

- Bà chủ đâu? - Tôi hỏi.

- Hình như... bà đi... dạo chơi.

“Tôi sinh nghi, chạy bổ lên lầu, xem nàng có ở nhà không. Khi tình cờ nhìn ra cửa sổ thấy người hầu phòng băng qua bãi cỏ tới ngôi biệt thự, tôi hiểu ra ngay tất cả.

“Run lên vì tức giận, tôi lao nhanh xuống dưới, vượt qua bãi cỏ, quyết chấm dứt vĩnh viễn chuyện này. Tôi trông thấy nàng cùng người hầu gái đang hối hả chạy theo lối mòn về nhà. Thế nhưng, tôi không đứng lại gặp họ. Tôi thề phải khám phá ra bí mật này. Không hề gõ cửa, tôi cứ thế đẩy ra, chạy xộc vào hành lang.

“Dưới nhà thật im ắng. Ở nhà bếp, ấm nước đang sôi sùng sục trên lửa, con mèo đen thì nằm cuộn tròn. Không thấy bóng dáng người đàn bà tôi gặp trước đây. Tôi chạy bổ sang phòng khác: cũng trống không. Tôi chạy băng lên trên. Không có ai cả trong hai phòng. Toàn bộ ngôi nhà không một bóng người. Từ đồ đạc đến cách bài trí đều tuềnh toàng và rất bình thường, trừ mỗi căn phòng mà trước đây qua cửa sổ, tôi đã nhìn thấy bộ mặt khủng khiếp. Đó là căn phòng được bày đặt thuận tiện và trang nhã. Tất cả mỗi hoài nghi đã chuyển thành lòng căm giận mãnh liệt và sục sôi khi tôi nhìn thấy bức ảnh toàn thân của vợ tôi trên lò sưởi. Bức ảnh này được chụp cách đây ba tháng, theo yêu cầu của tôi.

“Tôi ở đó đủ lâu để có thể xác định rằng đây thực sự là một ngôi nhà hoàn toàn trống vắng. Tôi rời ngôi nhà mà trong lòng quặn lên một nỗi đau chua xót. Trở về nhà, vợ tôi bước lại gần. Nhưng tôi xót xa và uất ức tới

mức không thềm nói gì cả. Tôi đi nhanh qua nàng, cố tránh để vào phòng. Tuy vậy, nàng vẫn theo kịp trước khi tôi đóng cửa lại.

- Rất tiếc là em đã không giữ đúng lời hứa với anh. Nhưng nếu hiểu rõ mọi chuyện, chắc hẳn anh sẽ tha thứ cho em.

- Thì hãy kể rõ đi!

- Không thể được, Jack ạ!

- Chẳng nào em chưa nói ai sống trong ngôi biệt thự ấy và em đã trao bức ảnh cho ai, thì anh sẽ không thể nào tin em. - Tôi nói như hét lên, và sau khi vùng thoát khỏi nàng, tôi lao đảo ra khỏi nhà.

“Chuyện đó xảy ra hôm qua, ông Holmes ạ! Hôm nay, tôi không về nhà. Sự lừa dối của nàng đã khiến tôi thực sự lo ngại. Sáng nay, tôi chợt nghĩ đến ông.”

Holmes cứ ngồi im lặng, chống tay lên cằm suốt hồi lâu. Cuối cùng, anh cất vấn:

- Ông có cam đoan rằng ông đã nhìn thấy bộ mặt đàn ông trong cửa sổ không?

- Lần nào tôi cũng đứng khá xa, nên tôi không dám quả quyết...

- Có điều, nó gây cho ông ấn tượng rất khó chịu chứ gì?

- Nó trông có vẻ chết chóc và bất động... ghê sợ. Khi tôi đến gần, nó lập tức biến mất.

- Bà nhà xin ông một trăm bảng Anh hồi nào?

- Cách đây hai tháng.

- Có khi nào ông thấy bức ảnh người chồng trước của bà ấy không?

- Không. Chẳng bao lâu sau khi ông ta chết, ở Atlanta đã xảy ra một vụ hỏa hoạn lớn nên mọi giấy tờ đều bị thiêu rụi.

- Tuy nhiên, bà nhà hẳn có giấy báo tử của ông ta chứ?

- Vâng, nàng có nhận được bản sao, sau vụ hỏa hoạn.

- Đã bao giờ ông gặp bất kỳ một ai quen biết vợ ông ở Mỹ chưa?

- Chưa hề.

- Có khi nào bà ấy nói là đang thu xếp thăm lại nơi đó không?

- Không.

- Chắc bà ấy có nhận được thư từ bên đó?

- Theo tôi biết thì không.

- Cám ơn! Tôi muốn được suy ngẫm một chút. Có thể những người sống trong biệt thự đã đoán trước về việc ông đột nhập, nên họ đã tránh đi trước khi ông tới. Nếu vậy thì rất có thể họ sẽ quay lại, và chúng ta sẽ dễ dàng lý giải mọi chuyện. Vậy ông hãy về Norbury, tiếp tục theo dõi các cửa sổ của ngôi biệt thự. Nếu thấy họ trong đó thì ông đừng có xộc vào, mà hãy đánh điện cho chúng tôi. Một giờ sau khi nhận được điện, chúng tôi sẽ có mặt liền.

- Nhưng nếu không có người ở thì sao?

- Nếu thế, ngày mai tôi sẽ đến. Chúng tôi sẽ cùng ông bàn bạc. Xin tạm biệt!

- Anh Watson, đây có thể là chuyện rất tồi tệ. - Holmes nói sau khi tiễn chân ông Munro ra khỏi cửa - Anh nghĩ sao?

- Đây là một chuyện hoàn toàn nhơ nhuốc.

- Quả vậy, đây là sự dọa nạt trực lợi. Nếu không đúng như vậy thì tôi sai lầm hết mức.

- Thế ai là kẻ dọa nạt?

- Chính người sống trong căn phòng ấy, người đã giữ bức ảnh của người đàn bà trên lò sưởi. Bộ mặt vàng vọt cạnh cửa sổ, không hiểu vì lẽ gì cứ bám riết lấy tôi. Tôi quyết không bỏ qua vụ này đâu.

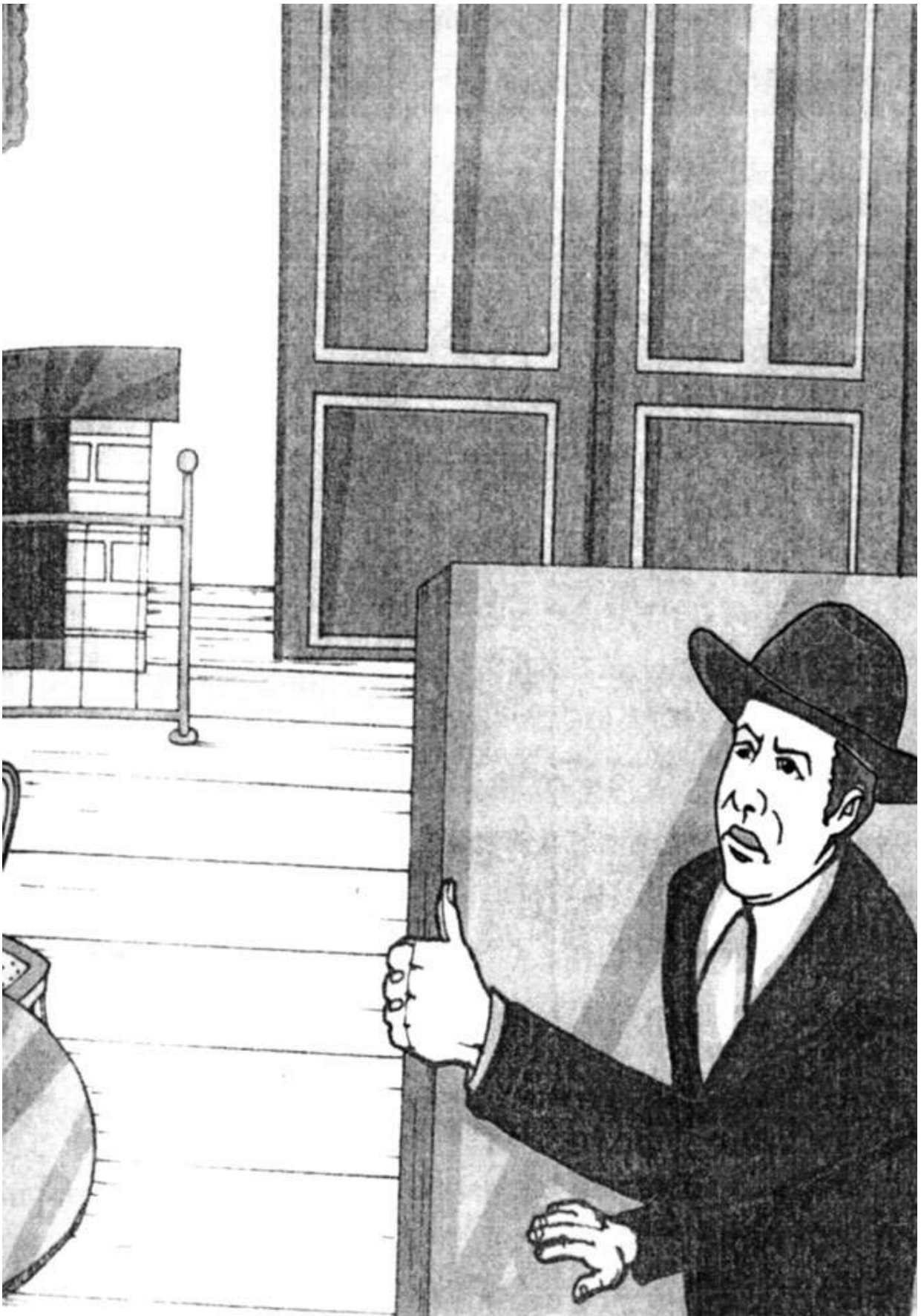
- Anh có giả thiết nào chưa?

- Mới chỉ là giả thiết sơ bộ thôi! Trong ngôi biệt thự đó có người chồng đầu tiên của cô ta.

- Vì sao anh nghĩ thế?

- Khi người chồng hiện nay định vào nhà, cô ta đã sợ hết hồn. Tại sao vậy? Theo tôi, sự thật là thế này: Người đàn bà đó đã lấy chồng ở Mỹ. Sau đó, anh ta trở thành kẻ đáng khinh ghét đối với cô ta. Tôi giả thiết gã có thể bị bệnh phong, hoặc có thể thành kẻ mất trí. Rốt cuộc, cô ta bỏ gã, trở về Anh quốc, thay tên đổi họ và làm lại cuộc đời. Cô ta đi bước nữa hồi ba năm trước và đã coi địa vị của mình là hoàn toàn vững chắc. Thế nhưng, nơi ở của cô ta bị người chồng đầu, hoặc người đàn bà trâng tráo gắn bó với người bệnh, phát hiện. Họ viết thư cho cô ta, đe dọa sẽ đến tố giác... Cô ta dùng

một trăm bảng để buộc họ im lặng. Do vậy, họ đã đến đó. Khi người chồng vô tình nói cho hay về sự xuất hiện của những người lạ mới tới ở tòa biệt thự, cô ta đã đoán được đó chính là những kẻ đang săn lùng mình. Chờ cho chồng ngủ say, cô ta chạy tới đó, thuyết phục họ hãy để cô được yên. Lần đầu không đạt, lại phải tới chỗ họ vào sáng hôm sau, nhưng vừa ra khỏi nhà thì gặp chồng. Tuy hứa với chồng là sẽ không vào đó nữa, nhưng hai ngày sau, hy vọng được giải thoát khỏi những người láng giềng kinh khủng lại bùng lên. Không kìm hãm nổi, cô trở lại mặc cả với họ. Theo đòi hỏi của họ, cô đã trao bức ảnh của mình. Giữa chừng, người hầu gái chạy tới báo là ông chủ đã về... Người vợ vội vàng dẫn họ theo lối cửa sau, có lẽ ra ngoài rừng thông kề bên. Vậy nên vị khách của chúng ta chỉ thấy một ngôi nhà trống không.



- Tôi nghĩ, đây mới chỉ là phỏng đoán...

- Đúng vậy. Nhưng nó soi sáng hết thảy. Nếu các sự kiện mới tiếp theo mà không thể giúp giải thích được, chúng ta sẽ có đủ thời gian để xem xét lại giả thiết của tôi. Chúng ta chưa thể bắt tay vào cuộc, nếu còn chưa nhận được tin tức của ông khách từ Norbury.

Chúng tôi không phải chờ đợi lâu. Bức điện đã đến ngay sau bữa điểm tâm.

“Biệt thự có người lạ! Lại nhìn thấy bộ mặt ở cửa sổ lúc 7 giờ. Không hành động gì, chừng nào các ông chưa đến.”

Ông ta đợi sẵn chúng tôi tại sân ga, mặt xanh xao, người run rẩy.

- Họ còn ở đấy, ông Holmes ạ! - Ông ta nói khi cầm tay bạn tôi - Tôi trông thấy ánh sáng trong tòa nhà khi đi qua đó.

- Ông dự định thế nào?

- Tôi định đột nhập vào đó. Nếu chính mắt trông thấy kẻ nào trong nhà, tôi yêu cầu các ông làm nhân chứng.

- Ông thực sự quyết làm như vậy chứ?

- Tôi quyết làm!

- Thôi được, ông có lý. Dù sự thật như thế nào thì cũng tốt hơn tình trạng mù mờ như hiện giờ. Cố nhiên là chúng ta vi phạm pháp luật, nhưng mà việc này nên làm như thế.

Đêm hôm ấy, trời tối đen như mực. Khi chúng tôi từ đường lớn rẽ vào lối mòn thì trời bắt đầu mưa lâm thâm, ông Munro lao mình về phía trước, chúng tôi theo sau.

- Ánh sáng của ngôi nhà tôi ở đằng kia kìa! - Ông ta vừa chỉ vào ánh đèn lấp ló giữa lùm cây, vừa lau bầu - Còn đây là ngôi biệt thự, tôi sẽ vào đó.

Chúng tôi rẽ vào lối mòn và tiến sát đến ngôi nhà. Cánh cửa ra vào hé mở. Một vệt sáng vàng chiếu rõ trên nền đất đen. Có một cửa sổ trên gác thượng sáng đèn. Chúng tôi thấy cái bóng sẫm chuyển động theo rèm cửa.

- Tên súc sinh ở đó đấy! - Munro cầm phẫn thốt lên - Chính các ông đã trông thấy nó rồi! Bây giờ hãy theo tôi!

Chúng tôi tiến đến gần cửa chính. Đột nhiên, từ trong bóng tối, một người đàn bà bước ra, dang hai tay ngăn cản, cổ van nài:

- Trời ơi! Đừng, anh! - Cô ta kêu lên - Em biết thế nào anh cũng sẽ đến. Hãy bình tĩnh lại, anh yêu quý! Hãy một lần nữa tin vào em, và rồi anh sẽ không bao giờ phải hối hận đâu!

- Từ lâu tôi đã không còn tin cô được nữa. - Ông Munro lãnh đạm trả lời - Hãy buông tôi ra, tôi cần vào trong đó! Còn đây là những người bạn của tôi. Họ đến để giúp tôi chấm dứt vĩnh viễn sự việc tồi tệ này.

Ông ta gạt mạnh vợ sang một bên, và chúng tôi cùng bước theo. Lúc ông ta đẩy cửa, có một bà già chạy ra, toan cản đường. Munro đẩy bà ta ra một cách không thương tiếc. Một loáng sau, chúng tôi đã leo lên cầu thang. Munro vượt lên phía trước, nhắm thẳng căn phòng sáng choang chạy tới. Chúng tôi cũng theo sát ông ta. Đó là căn phòng đầy đủ tiện nghi, được bày đặt ngăn nắp. Hai ngọn nến đang cháy trên lò sưởi. Trong góc phòng, có ai đó đang xoay lưng lại phía chúng tôi. Rõ ràng đó là một bé gái. Cháu vận váy đỏ và đeo găng tay trắng. Đột nhiên, cháu quay về phía chúng tôi, hét lên vì ngỡ ngàng và kinh hãi. Bộ mặt cháu thật kỳ quái: nhợt nhạt và bất động, như mặt người chết.

Holmes bật cười, lấy tay xoa tóc cháu bé. Cái mặt nạ rơi xuống. Trước mắt chúng tôi là một cô bé da đen. Cháu mỉm cười vui vẻ, hàm răng trắng toát. Vẻ mặt ngạc nhiên của chúng tôi khiến cháu phì cười. Tôi cũng cười hả hê cùng với nỗi sướng vui của cháu. Nhưng Munro xấu hổ, ép chặt tay vào ngực, không rời mắt khỏi cháu.

- Thế này là thế nào? - Ông ta kêu lên.

Người vợ với khuôn mặt quả quyết và kiêu hãnh bước vào phòng, lên tiếng:

- Ông ép tôi phải nói ra tất cả những gì ngoài mong muốn của mình. Tôi đành vậy. Chồng tôi chết ở Atlanta, nhưng đứa bé thì còn sống.

- Đứa con của cô?

Cô ta gỡ từ cổ ra một sợi dây chuyền có treo một kỷ vật.

- Ông chưa bao giờ trông thấy ông ấy à?

- Chưa.

Cô ta bấm nút, nắp bật ra, bên trong có bức chân dung một người thông minh, tuấn tú đến lạ lùng. Khuôn mặt mang những dấu hiệu gốc Phi.

- Ông ấy đấy. - Cô ta nói - Trên trái đất này, chưa bao giờ có một người cao thượng hơn thế. Tôi đã rời bỏ quê hương của mình để lấy ông ấy. Khi ông ấy còn sống, tôi không một lần nào luyến tiếc về việc đó. Như các ngài đã thấy đấy, đứa con duy nhất của chúng tôi giống bên nội hơn. Nó đen hơn cha nó. Song đen hay trắng thì đó cũng là máu thịt của tôi, là đứa con yêu quý của tôi! Tôi để nó lại Mỹ, gửi ở chỗ một người đàn bà Scotland trung thành với chồng tôi, bởi nó quá yếu. Nhưng khi tôi gặp ông, tôi đã yêu ông. Tôi buộc lòng phải chọn lựa - hoặc ông, hoặc là con mình. Ba năm nay, tôi đã giấu ông về sự tồn tại của nó. Nỗi nhớ thương con gái gặm nhấm tâm hồn tôi hàng ngày. Biết là nguy hiểm, nhưng tôi vẫn quyết định đưa đứa trẻ tới đây trong một vài tuần lễ. Gửi cho người bảo mẫu một trăm bảng Anh, tôi hướng dẫn cho bà ta biết tòa biệt thự này, để có thể đến ở đó như một người hàng xóm. Để phòng ngừa, tôi yêu cầu người bảo mẫu, ban ngày cần đeo cho đứa trẻ chiếc mặt nạ và găng tay, để nếu có ai trông thấy nó qua cửa sổ thì sẽ không bàn tán về sự hiện diện của đứa bé da đen ở cái thị trấn nhỏ bé yên bình này. Đầu tiên, khi nghe ông nói với tôi là tòa biệt thự đã có người thuê, tôi không sao ngủ được vì xúc động. Cuối cùng, không kìm được mình, tôi đã lên ra ngoài khi biết ông đã ngủ say. Thế nhưng ông vẫn phát hiện ra, và đó chính là điểm khởi đầu cho những nỗi bất hạnh của tôi. Ba ngày sau đó, người bảo mẫu và đứa trẻ chỉ vừa kịp chạy qua cửa sau thì ông đã ập vào nhà... Bây giờ ông đã biết hết rồi, ông quyết định như thế nào là tùy ông.

Hai bàn tay cô ta nắm chặt vào nhau, buồn rầu chờ câu trả lời. Munro không nói lời nào, đến bế đứa bé lên, hôn nó. Và sau khi chìa tay ra cho vợ mình, ông bước ra khỏi cửa, nói thật ngọt ngào:

- Tốt hơn là chúng ta nên về nhà! Anh là một người không được hoàn hảo cho lắm Effie ạ! Song anh cho rằng, anh tốt hơn so với em nghĩ đấy.

Holmes và tôi bước theo sau họ đến con đường mòn.

Sau đó Holmes kéo tay áo tôi lại:

- Thôi! Chúng ta về London sẽ có ích lợi hơn là ở Norbury.

Anh không nói thêm một lời nào về chuyện đó. Tuy nhiên vào tối hôm ấy, lúc đã khuya anh cầm ngọn đèn đi vào phòng ngủ:

- Anh Watson này, nếu một lúc nào đó anh thấy tôi trở nên quá tự tin, hoặc cố gắng ít hơn so với đòi hỏi của công việc, thì hãy nói nhỏ vào tai tôi: “Norbury!”. Tôi sẽ vô cùng cảm ơn anh.

NGƯỜI ĐI BỐN CHÂN

Đó là vào buổi tối chủ nhật tháng 9 năm 1903, tôi nhận được một bức điện khẩn gấp, với lời lẽ mà Sherlock Holmes quen dùng:

“Mời đến ngay! Không rảnh cũng phải đến!”

S.H”.

Càng ngày, mối quan hệ giữa hai chúng tôi càng thêm gắn bó. Anh ấy là người bị chi phối bởi thói quen. Mà sự có mặt của tôi cũng đã trở thành một trong những “thói quen” của anh, giống những vật anh quen dùng như chiếc đàn vĩ cầm, thuốc lá, chiếc tàu cũ kỹ và vô số sách nữa. Mỗi khi anh ấy gặp phải một vụ án quan trọng và hao tốn nhiều công sức, cần đến một người bạn làm chỗ dựa, là tôi lại được dịp thể hiện vai trò của mình.

Tôi đến đường Baker, thấy anh ngồi thu mình trên ghế bành, hai đầu gối nhô cao, miệng ngậm tẩu thuốc, lông mày nhíu lại đầy vẻ suy tư. Xem ra anh ấy đang gặp một vấn đề hóc búa. Anh đẩy cho tôi chiếc ghế mà tôi quen ngồi rồi chả thèm dả động gì. Gần nửa giờ sau, anh chợt nở nụ cười cổ quái chào đón tôi, rồi phân bua:

- Watson thân mến, hôm qua có người báo cho tôi một vài sự việc rất kỳ lạ, khiến tôi suy nghĩ và nảy ra những phỏng đoán hay. Tôi muốn viết một chuyên luận bàn về tác dụng của lũ chó trong công tác điều tra của thám tử.

- Nhưng không, điều này đã được nghiên cứu thảo luận nhiều rồi, ví dụ về chó đánh hơi, chó tìm theo vết máu. - Tôi đáp.

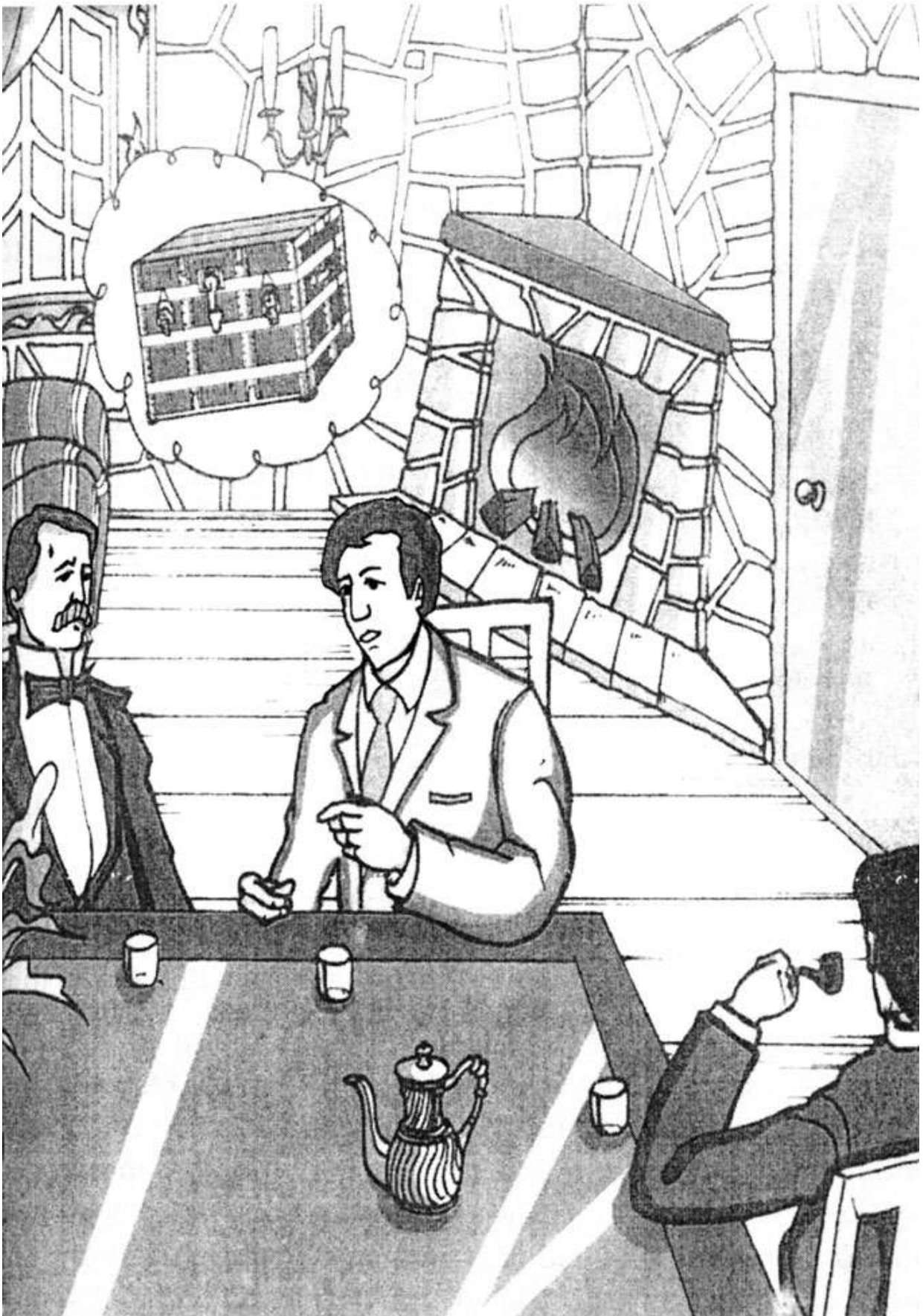
- Không phải thế. Vấn đề đó đương nhiên ai ai cũng đều biết cả rồi. Nhưng nó vẫn còn những mặt tinh vi tuyệt diệu như: Chó có thể phản ánh cuộc sống của một gia đình. Có ai thấy một con chó vui vẻ trong một gia đình luôn sầu não không? Hoặc một gia đình vui nhộn lại có một con chó luôn ủ rũ không? Người cầu nhàu thì chó cũng nhăm nhắng, kẻ ác hiểm thì sẽ có chó ác hiểm. Tính nết của chó có thể phản ánh tinh thần của con người, của một gia đình.

- Điều này e hơi khiên cưỡng. - Tôi lắc đầu đáp với giọng hoài nghi.

Anh mời một điều thuốc khác vào tẩu, rồi lại ngồi xuống, chẳng để ý tới lời phản đối của tôi.

- Lý luận mà tôi vừa nói, trên phương diện thực tế lại rất khớp với một vụ tôi đang điều tra. Tôi cần lời giải đáp... Rất có thể câu trả lời nằm trong kết quả lý giải cho vấn đề: Vì sao con chó sói trung thành với giáo sư Presbury lại cắn ông ấy.

Tôi ngán ngẩm dựa vào lưng ghế. Lẽ nào chỉ vì chuyện thô thiển và vô bổ này mà anh ấy gọi tôi tới, bỏ mặc công việc?



- Watson, anh thì vẫn vậy. - Holmes nhìn tôi rồi nói - Anh luôn không thể hiểu được điều này: vấn đề trọng đại nhất lại thường được quyết định bởi những chi tiết nhỏ nhất, vụn vặt. Việc này chẳng rất kỳ lạ sao, khi thoát nghe nói rằng giáo sư cao niên Presbury, nhà sinh lý học nổi tiếng của Đại học Camford, vốn có một con chó nòi chó sói, rất gần bó, thế rồi chả biết tại sao, vị học giả danh tiếng ấy bỗng bị nó quay lại tấn công hai lần. Anh thấy thế nào, hử Watson?

- Con chó bị điên rồi.

- Khả năng này cũng cần phải tính tới. Nhưng con chó ấy lại không cắn ai, và cũng chỉ tấn công chủ nó trong những tình huống rất đặc biệt thôi. Thật lạ lùng đấy nhỉ, Watson. Tôi nghe có tiếng chuông cửa. Có lẽ anh chàng Bennett, con rể vị học giả, đến sớm trước hẹn một chút. Giá trao đổi với anh được nhiều hơn...

Từ cầu thang vọng lại tiếng chân bước gấp gáp và tiếng gõ cửa khô khốc... Phải một lát, vị thân chủ của chúng tôi mới xuất hiện. Anh ta cao ráo, tuấn tú, khoảng ba mươi tuổi, ăn mặc gọn gàng, cử chỉ rõ ra người có học. Hai người bắt tay nhau, anh ta có vẻ ngạc nhiên vì sự có mặt của tôi, rồi nói:

- Thưa ngài Sherlock Holmes, việc của tôi là vấn đề rất nhạy cảm. Sao tôi phải đi kể cho người thứ ba nghe?

- Xin anh chớ lo lắng. Bác sĩ Watson là người rất thận trọng, thêm nữa, vụ án này tôi rất cần một trợ thủ đắc lực đấy.

- Vậy tôi nghe theo ngài. Xin hãy thông cảm cho tôi.

- Anh Watson! Đây chính là anh Trevor Bennett, trợ lý của vị giáo sư nổi tiếng tôi vừa nói, hiện đang ở cùng nhà giáo sư, và là hôn phu của cô con gái duy nhất của ông ấy. Đương nhiên chúng ta rất hiểu lòng trung thành và tận tụy của anh ấy với giáo sư. Thế nhưng, cách tốt nhất để biểu thị tấm lòng là phải làm sáng tỏ điều bí ẩn hết sức lạ lùng này.

- Thưa ngài, tôi cũng mong như vậy, và đó cũng là mục đích duy nhất của tôi. Xin hỏi bác sĩ Watson đã nắm được cơ bản tình hình chưa?

- Tôi chưa kịp nói cho anh ấy biết.

- Vậy tốt nhất là tôi xin trình bày lại một lượt những điều trước đây, sau đó nói tình hình mới.

- Hãy để tự tôi! - Holmes mau miệng - Như vậy có thể xem tôi đã nắm chắc cơ bản tình hình chưa. Anh Watson à, giáo sư Presbury là người danh tiếng khắp châu Âu. Ông ấy dành toàn bộ thì giờ cho việc nghiên cứu, chưa hề có điều tiếng gì xấu. Ông ấy góa vợ, có một cô con gái tên là Edith. Theo như tôi biết, ông ấy là người có đầu óc thực tế, và rất năng nổ nữa. Tình hình nói chung cho đến mấy tháng trước đây là vậy. Rồi cuộc sống của ông ấy bỗng thay đổi hẳn. Vào năm sáu mươi một tuổi, ông đã hứa hôn với cô con gái của giáo sư Morphy, đồng nghiệp của ông ấy. Đây là tình yêu mạnh mẽ phi phạm của một người tuy tuổi đã lớn nhưng còn đầy ắp đam mê. Còn cô gái trẻ Alice kia, cả ngoại hình và tâm hồn đều hoàn mỹ. Do vậy, sự si mê của ông ấy cũng chẳng có gì là lạ cả. Nhưng, ông lại không nhận được sự đồng tình từ người thân của mình.

- Chúng tôi cho rằng, ông ấy làm thế là hơi lỗ!

- Đúng vậy! Hơi lỗ bịch và dị hợm nữa. Nhưng giáo sư là người rất giàu có và cha cô gái không hề phản đối. Riêng cô gái lại nhìn nhận khác. Cô còn có nhiều người theo đuổi, tuy nhiên, cô xem họ đều không xứng đáng. Cô bất chấp tất cả, vẫn cứ thích ông. Chỉ có một trở ngại duy nhất là tuổi tác thôi!

“Đúng lúc ấy, cuộc sống bình thường đều đều của giáo sư bỗng nhiên bị một chuyện nhỏ đảo lộn. Ông rời khỏi nhà mà chẳng nói cho ai biết đi đâu, điều này chưa hề xảy ra vì ông ấy luôn là người thẳng thắn. Mãi hai tuần sau, ông mới mệt mỏi trở về. Ngẫu nhiên anh Bennett đây có một người bạn đang đi du học gửi thư tới nói rất vui vì đã gặp giáo sư ở Praha, tuy không nói chuyện với nhau được. Chỉ vì vậy mà người nhà mới biết là giáo sư đến đó.

“Bây giờ nói tới vấn đề then chốt. Từ sau khi trở về, bỗng giáo sư thay đổi rất lạ lùng, biến thành người vụng trộm, lén lút. Những người ruột thịt đều cảm thấy rõ ông không còn là ông như trước kia, giống như có một bóng đen đang bao phủ mọi tính cách tốt đẹp của ông ấy. Nhưng trí tuệ của ông không bị ảnh hưởng, bài giảng vẫn rất tuyệt vời. Có điều, ở ông đang ần

giấu sự lạ lùng, khiến gia quyến kinh ngạc và lo buồn. Cô con gái ông rất mực yêu ông, nhiều lần muốn khôi phục tình cảm cha con trở lại thân mật như xưa, muốn phá bỏ cái mặt nạ bí ẩn mà ông bố vẻ như cố ý đeo. Cả anh Bennett đây cũng đã cố gắng hết mức. Thế nhưng, tất cả đều vô ích! Bây giờ, xin nhường lời để anh tự mình kể về những lá thư.”

- Thưa bác sĩ Watson, xin hiểu cho, giáo sư từ trước đến nay chẳng giấu giếm tôi điều gì cả. Ngay cả con trai, hay em trai ông đã chắc gì được tin cần bằng. Tôi là thư ký của ông nên mọi thư từ đều qua tay tôi, tự tôi bóc ra đọc rồi phân loại. Nhưng, vài hôm sau lần ông bỏ nhà đi rồi trở về, mọi chuyện đã thay đổi. Ông ấy bảo tôi rằng, có thể một số thư gửi từ London tới mà ở dưới con tem có dấu chữ thập thì phải để ông tự bóc. Sau đó, quả có những bức thư ấy thật, nó được đóng dấu bưu cục khu Đông London. Nét chữ trên thư chứng tỏ người viết rất kém văn hóa. Tôi không biết ông ấy viết thư trả lời ra sao, vì không qua tay tôi gửi đi như trước.

- Còn có cái hộp nhỏ nữa. - Holmes nhắc.

- À, đúng, cái hộp nhỏ. Sau lần bỏ đi, ông mang từ Praha về một cái hộp nhỏ bằng gỗ, trên hộp được chạm trổ theo kiểu Đức một cái hình quái đản. Ông cất nó trong tủ dụng cụ. Một lần, tôi đi tìm bình mỏ vịt, vô tình cầm cái hộp đó lên... Ông bỗng nổi giận đùng đùng, mắng mỏ sự tò mò của tôi bằng những lời rất gay gắt. Dù tôi đã cố giải thích rằng đó chỉ do vô tình, nhưng suốt buổi tối ấy tôi cảm thấy ông rất hận tôi. Và hình như là không bao giờ ông quên chuyện này.

Tới đây, Bennett lấy từ trong túi ra một quyển nhật ký, lật giở, rồi nói tiếp:

- Việc này xảy ra ngày mùng 2 tháng 7.

- Anh quả là người làm chứng lý tưởng. - Holmes bình luận - Ngày tháng mà anh ghi lại sẽ rất có ích cho chúng tôi.

- Phương pháp này tôi học được ở giáo sư - người thầy danh giá của tôi. Từ khi tôi phát hiện sự khác lạ ở ông, tôi cảm thấy mình có trách nhiệm phải nghiên cứu trường hợp này. Cho nên ở đây tôi có ghi lại cả, vào chính ngày 2 tháng 7 này, khi từ thư phòng bước ra hành lang, ông đã bị con chó Roy của ông cắn. Ngày 11, rồi ngày 20 tháng 7 cũng lại xảy ra chuyện tương tự.

Sau đó, chúng tôi phải xích con chó gần chuồng ngựa. Trước kia chúng tôi đều yêu quý con chó mến chủ này. Tôi nói dài như vậy, chắc làm hai ngài khó chịu phải không?

Anh ta tỏ vẻ không vui vì Holmes đang mãi nghĩ tận đầu tận đuôi chứ không nghe anh ta nói. Mặt Holmes đánh lại, chăm chú nhìn lên trần nhà. Rồi bất chợt anh như tỉnh lại.

- Quái lạ! Quái lạ thật! - Anh lẩm bẩm - Các tình tiết này tôi chưa hề nghe được. Anh Bennett, chúng ta đã tóm được mấu chốt của tình hình. Nhưng vừa rồi anh nói, sự việc đã có hướng phát triển mới ư?

Khuôn mặt hoạt bát của vị khách bỗng tối sầm lại:

- Bây giờ, tôi kể lại chuyện xảy ra tối hôm kia. - Anh ta nói - Vào khoảng 2 giờ sáng, tôi tỉnh dậy, nằm trên giường thì nghe có tiếng động mạnh đâu như ngoài hành lang. Tôi mở cửa ra, thấy giáo sư ngủ ở hành lang.

- Vào ngày nào nhỉ? - Holmes cắt ngang.

- Tôi vừa nói là đêm hôm kia, tức mùng 4 tháng 9. - Anh ta có vẻ hơi bực.

Holmes mỉm cười, gật đầu. Còn tôi nhẹ nhàng yêu cầu anh ta:

- Xin mời nói tiếp đi!

- Vì ông ấy ở tận cuối hành lang nên muốn xuống cầu thang thì buộc phải đi qua cửa phòng tôi. Dẫu cũng khá cứng bóng vía nhưng tôi thấy cảnh tượng thật hãi hùng. Hành lang tối om, chỉ có một luồng sáng chiếu ra từ ô cửa sổ ở giữa. Tôi nhìn thấy có một vật gì đó đang di chuyển, nó đen sì và bò lổm ngổm. Đột nhiên, nó bò tới chỗ có ánh sáng, tôi mới nhận ra chính là giáo sư. Ông ấy đang bò thật, nhưng không bò bằng đầu gối mà bò bằng bàn tay và bàn chân, đầu thì lúc lắc, và thật lạ, ông ấy di chuyển về rất thoải mái, dễ dàng. Tôi rất rối trí, cứ đứng ngây đờ ra. Khi ông ấy bò tới trước cửa phòng, tôi liền bước lại, hỏi có cần tôi đỡ không thì ông ấy đứng phắt dậy chửi thề vào mặt tôi rồi bước phăm phăm xuống lầu. Tôi chờ chừng một giờ, không thấy ông ấy quay lại. Hẳn khi trời gần sáng ông ấy mới quay về.

- Watson, anh thấy hiện tượng này thế nào? - Giọng Holmes cứ như của một nhà sinh lý học giới thiệu một mẫu vật hiếm lạ vậy.

- Có thể là đau lưng do phong thấp? Tôi đã từng gặp bệnh nhân nặng phải đi lại kiễng bò đó rồi, thế nhưng tính khí con bệnh không thay đổi.

- Tuyệt. Anh Watson luôn đưa ta về với thực tế. Nhưng, nói ông ta bị đau lưng do phong thấp e không ổn, bởi ông ta đứng thẳng dậy rồi đi ngay được cơ mà.

- Xưa nay ông ấy vẫn rất khỏe. - Bennett nói - Sự thể mới quái lạ chứ, rõ ràng là tôi chưa từng thấy ông ấy khỏe được như bây giờ. Về việc này, không thể nhờ cảnh sát can thiệp giúp được. Còn chúng tôi rất hoang mang, chẳng biết phải làm thế nào, cứ cảm thấy như tai họa sắp xảy ra rồi. Ngay cả Edith, con gái ông ấy, cũng thấy không thể chờ đợi được nữa rồi.

- Quả là quái đản. Anh đang suy ngẫm điều gì vậy, Watson?



- Xét từ góc độ y học, - Tôi nói - có thể cho rằng đây là bệnh thần kinh. Tinh thần trí não của vị giáo sư già đã bị tình yêu làm rối loạn. Ông ta đi du lịch nước ngoài là muốn chữa khỏi bệnh đó. Thư từ và chiếc hộp gỗ của ông ấy có thể chỉ liên quan tới chuyện riêng tư. Chẳng hạn như tiền vay nợ, cổ phiếu chứng khoán... cất kỹ trong cái hộp gỗ đó.

- Nhưng, chẳng lẽ con chó lai sói lại phản đối các cuộc thương thảo, mua bán của ông ấy? Không đúng! ở đây hẳn phải có gì đó sâu xa hơn nhiều, Watson ạ! Tôi nghĩ...

Cửa đột nhiên bật mở, một cô gái bước vào. Bennett bỗng nhảy dựng lên, giơ hai tay ra chạy tới, la to:

- Edith! Em yêu, không có chuyện gì xảy ra chứ?

- Em cảm thấy không thể không tìm anh được. Anh à, em sợ lắm, em không dám ở đó một mình đâu!

- Thưa ngài Holmes, đây là cô gái vừa này tôi đã nhắc tới. Tôi xin được giới thiệu vị hôn thê của mình:

- À, ra thế. Từ này tới giờ, hai chúng tôi cũng đoán chừng như vậy, anh Watson nhỉ. - Holmes cười, nói - Thưa cô Presbury, có phải quý cô muốn báo cho chúng tôi biết, tình hình đã có bước đột biến mới chăng?

Vị khách mới đến là một phụ nữ tóc vàng, đẹp theo truyền thống Anh quốc. Nàng mỉm cười gật đầu chào Holmes, rồi ngồi xuống cạnh Bennett.

- Không thấy anh ấy ở khách sạn nên tôi nghĩ ngay là ở đây, bởi anh ấy đã nói với tôi rằng nhờ ngài giúp. Thưa ngài, ngài có thể cứu giúp người cha tội nghiệp của tôi không?

- Thưa cô, chúng tôi hy vọng thế! Nhưng tình tiết có chỗ còn khá mù mờ. Biết đâu quý cô chả giúp làm cho sáng tỏ.

- Việc này mới xảy ra đêm qua. Suốt cả ngày ông ấy rất lạ, cứ như đang mê ngủ vậy. Chẳng còn giống cha tôi chút nào; bề ngoài thì thấy vẫn thế nhưng thực ra tâm hồn không còn là ông ấy nữa.

- Mời cô nói lại chuyện đêm qua!

- Đêm đêm, tôi bị đánh thức bởi tiếng chó sủa rất dữ. Con chó đáng thương giờ bị nhốt cạnh chuồng ngựa. Vì sống trong nỗi sợ hãi nên chúng tôi luôn khóa kỹ cửa rồi mới đi ngủ. Phòng ngủ của tôi ở tầng ba, màn cửa

không buông xuống. Trời sáng trắng, tôi đang nằm trên giường nhìn ra cửa sổ thì nghe tiếng chó sủa rất dữ. Đột nhiên, thật là kinh hãi, khuôn mặt cha tôi xuất hiện ngoài cửa sổ, áp sát mặt kính, một tay giơ lên như muốn đẩy cửa kính lên. Tôi suýt ngất đi vì khiếp sợ. Nếu cửa sổ bị mở ra, chắc tôi sẽ diên mất. Đây hoàn toàn không phải là ảo giác. Nói thật là tôi cứng đờ ra ngó cái đầu đó quãng hai mươi giây, nhưng rồi chẳng thấy đâu nữa. Tôi không dám ra khỏi giường để đi xem xem tình hình ra sao. Tôi nằm yên, không động đậy, người lạnh cóng, run cầm cập, nán chờ cho tới sáng. Vào bữa sáng, khi cha con gặp nhau, thái độ của ông rất lạnh lùng và thô bạo, làm như chẳng có chuyện gì đêm qua cả. Tôi cũng chẳng nói gì, tìm cách đi London và tới đây.

Sherlock Holmes có vẻ rất kinh ngạc khi nghe người phụ nữ kể như vậy.

- Phòng ngủ của cô ở tận trên gác ba, vậy trong vườn có thang dài không?

- Không có. Chuyện thể mới kỳ lạ chứ. Chẳng hề có sẵn thứ gì ở đó để leo lên cao đến cửa sổ được. Vậy mà ông cụ lại xuất hiện...

- Chuyện này xảy ra ngày 5 tháng 9 ư? Việc càng phức tạp rồi. - Holmes nói.

Lần này, đến lượt cô ta tỏ ra rất ngạc nhiên.

- Thưa ngài, - Bennett xen vào - Đây là lần thứ hai ngài hỏi về thời gian của sự cố. Lễ nào thời gian lại rất quan trọng đối với vụ án ư?

- Rất có thể, nhưng tôi vẫn chưa có đủ cứ liệu...

- Có phải ngài đang nghĩ tới chứng thần kinh thất thường kia có liên quan đến tuần trăng không?

- Không. Cam đoan là không phải vậy. Tôi đang suy nghĩ tới chuyện hoàn toàn khác. Liệu anh có vui lòng để lại cuốn nhật ký cho tôi đối chiếu vài ba sự việc được không? Watson này, xem ra chúng ta có thể lên kế hoạch hành động được rồi. Cô đây đã nói, cha cô không nhớ được việc ông đã làm vào một số ngày nào đó. Chúng ta thử tới gặp ông ấy, cứ như là ông ấy đã hẹn chúng ta vào đúng ngày mai mà Bennett đã ghi lại. Chắc là xuôi, vì ông ấy đâu có nhớ gì. Như vậy, chúng ta tiếp xúc với ông ấy gần hơn, và sẽ tấn công khiêu khích để điều tra.

- Thế thì tốt quá! - Anh ta nói - Nhưng xin nhắc các ngài, tính khí ông ấy đôi lúc rất nóng nảy, cử chỉ lại hung bạo đấy.

- Chúng tôi có lắm lý do cần gặp ngay ông ấy. - Holmes mỉm cười, nói - Đó là các lý do thú vị nếu giả thiết của tôi phù hợp với thực tế. Vậy mai chúng ta gặp nhau ở Camford. Mấy ngày tới, anh Watson ạ, ta đành chịu sống kham khổ đôi chút vậy.

Sáng thứ hai chúng tôi lên đường tới thành phố của các trường đại học. Chỉ tới khi xếp vali vào trong buồng nhà trọ mà anh ấy đã nhắm trước, Holmes mới nói với tôi về công việc.

- Nay Watson, xem ra trước bữa trưa chúng ta sẽ đánh úp ông giáo sư. Ông ấy lên lớp đến 11 giờ, sau đó mới về nhà nghỉ ngơi.

- Phải tìm có gì để trình diện ông ấy chứ?

Holmes xem lại cuốn nhật ký.

- Ngày 26 tháng 8, ông ấy bị một lần. Giả thiết là hôm đó ông ấy không tỉnh táo. Nếu ta nói hôm ấy ông có lời hẹn, chắc ông ấy không dám vịn vẹo gì đâu. Anh có dám thử “dày mặt” một lần không?

- Đành phải cố thôi.

Một người địa phương đánh xe song mã đưa chúng tôi đi loanh quanh trong ngôi trường cổ kính, rồi đỗ trước một ngôi nhà xinh xắn, cỏ tươi xanh xung quanh, loáng thoáng các khóm hoa màu tím. Xem chừng, giáo sư không chỉ sống rất thoải mái mà còn có phần hơi xa xỉ nữa. Xe dừng, chúng tôi phát hiện một mái tóc điểm bạc lấp ló trong khung cửa sổ mặt tiền. Dưới cặp lông mày rậm, đôi mắt rất sắc sau cặp kính gọng đồi mồi đang nhìn chúng tôi đầy soi mói. Vài phút sau, chúng tôi được đưa vào gặp ông. Con người bí hiểm mà bao chuyện kỳ quái của ông dẫn chúng tôi tới đây, thoát nhìn dáng vẻ bề ngoài và cử chỉ không để lộ bất kỳ dấu hiệu cổ quái nào cả. Ông người cao lớn, ăn mặc và vóc dáng đầy vẻ tôn nghiêm. Nhưng đôi mắt ông lại khiến người khác phải chú ý nhất: rất sắc bén, tinh nhanh và thông minh đến mức tình quái.

Ông đọc danh thiếp của chúng tôi, rồi nói:

- Xin mời các ông ngồi! Không biết tôi có giúp gì được đây?

- Thưa giáo sư, chính chúng tôi cũng định hỏi ngài như vậy. - Holmes bình tĩnh mỉm cười đáp lại.

- Hỏi tôi ư?

- Có lẽ có sự nhầm lẫn đây... À, là vì tôi nghe một người khác nói, giáo sư Presbury ở đại học Camford cần tới sự phục vụ của chúng tôi...

- Vậy hả? - Chợt thấy trong mắt ông lóe lên vẻ dữ dằn - Ông nghe nói thế phải không? Vậy họ tên người báo tên đó là gì hả?

- Xin lỗi giáo sư, đó là bí mật! Nếu có lầm lẫn cũng chẳng có vấn đề gì. Tôi thành thật xin lỗi vì đã làm phiền ngài vậy.

- Ấy đừng! Song cần làm rõ chuyện này vì tôi cũng thấy tò mò... Ông có giấy viết tay, thư tín, hay điện báo gì làm bằng cứ không?

- Không có gì cả, thưa ngài.

- Xem chừng ông không dám chắc là tôi mời các ông đến?

- Tôi không muốn trả lời câu hỏi này.

- Đương nhiên rồi. - Ông ta gằn giọng - Nhưng về vấn đề này, tôi vẫn tự trả lời được mà cóc cần đến các vị. Ông ta băng qua căn phòng, bấm chuông. Người đáp không ai khác mà chính là anh bạn trẻ Bennett.

- Bennett, hãy vào đây. Hai ông này từ London đến, nói có người hẹn họ tới. Anh là người xử lý các thư từ của tôi, vậy thử xem lại xem có thư nào gửi cho người có tên là Sherlock Holmes không.

- Thưa không ạ! - Anh ta bỗng đỏ mặt, trả lời.

- Đúng vậy hả? - Ông giáo sư gằn tiếng và tức giận nhìn Holmes - Thưa ông, giờ thì thế nào đây? - Ông nhào người ra trước, với hai tay chống lên bàn. Holmes nhún vai:

- Tôi chỉ có thể xin lỗi ngài lần nữa vì đã làm phiền ngài một cách vô ích.

- Ông Holmes. Chưa xong đâu! - Ông già hét lên, nét mặt cực kỳ dữ tợn, tiếng vang như sấm. Ông đứng chặn ngang, giơ hai nắm đấm. - Muốn đi, đâu dễ thế!

Cơ thịnh nộ làm biến dạng cả mặt, ông ta cười dữ tợn và nói gằn từng tiếng một. Nếu không có anh bạn Bennett kịp can thiệp thì khó mà ra khỏi đó được. Anh ta hét lên:

- Thưa giáo sư đáng kính, xin hãy nghĩ tới địa vị của mình. Xin ông nghĩ tới tai tiếng có thể xảy ra khi tin này lan truyền trong trường! Ông Holmes là nhân vật lừng danh, giáo sư không thể xử sự tùy tiện với ông ấy như vậy được.

Ông giáo sư phải miễn cưỡng tránh đường. Chúng tôi ra khỏi căn phòng đó, cảm thấy thật là may mắn, và thả bước qua những con phố rợp bóng cây. Holmes tỏ ra thích thú lắm với màn kịch vừa diễn ra.

- Hệ thần kinh của nhà bác học đúng là có vấn đề. Chúng ta tập kích như vậy, quả có hơi liều lĩnh thật, nhưng bù lại đã trực tiếp tiếp xúc được với ông ta rồi. Anh Watson! Nghe có bước chân chạy đằng sau chúng ta. Hình như ông già bám đuổi ta đấy.

Quả có tiếng chân chạy đằng sau, may quá, hóa ra là viên trợ lý của giáo sư. Anh ta vừa ra khỏi góc phố, thở hổn hển:

- Rất lấy làm tiếc, thưa ngài Holmes! Tôi thành thực xin lỗi...

- Không sao đâu mà, anh Bennett thân mến. Những sự cố nhỏ nhỏ thế này khó tránh khỏi.

- Tôi chưa bao giờ thấy ông ấy ngang ngược như vậy. Càng ngày ông ấy càng hung dữ hơn. Như vậy, các ngài càng hiểu rõ hơn việc tôi và con gái ông ấy cứ sợ cuống cả lên. Nhưng đầu óc ông ấy lại vẫn hoàn toàn minh mẫn.

- Quá minh mẫn là đằng khác. - Holmes nói - Thất sách đó là do tôi. Trí nhớ của ông ấy tốt hơn tôi tưởng nhiều. À, mà tiện đây, anh Bennett, hãy chỉ cho chúng tôi thấy cái cửa sổ phòng cô Edith được không?

Anh ta vạch bụi cây, tiến lên trước, chúng tôi nhìn thấy mặt bên của ngôi nhà. Anh ta chỉ tay và nói:

- Đó, cửa thứ hai bên tay trái.

- Cha này gớm thật, cao thế kia mà... Phía dưới chỉ có đám dây leo, bên trên có ống nước có thể bám vào...

- Chính tôi cũng chịu, chả trèo lên được. - Bennett nói.

- Hẳn vậy. Với người bình thường thì đó là một hành động thật nguy hiểm.

- Tôi còn một việc nữa muốn nói với ngài, thưa ngài Holmes. Tôi đã có địa chỉ của người đàn ông ở London mà giáo sư vẫn thường thư từ qua lại. Hình như sáng nay giáo sư lại viết thư gửi cho người đó. Tôi phát hiện và ghi lại địa chỉ của ông ta ở tờ giấy thấm. Tôi đã phụ lòng tin của ông ấy khi làm thế. Nhưng chẳng còn cách nào khác.

Holmes đọc nhanh tờ giấy Bennett đưa rồi bỏ vào túi.

- Dorak? Một cái họ kỳ quặc! Tên họ này là của người Bohemia. Cũng hay, đây là một đầu mối rất quan trọng trong toàn bộ chuỗi xích. Anh Bennett này, chiều mai chúng tôi quay về London, ở lại đây cũng chẳng có ích lợi gì nữa. Chúng tôi không thể bắt giáo sư vì ông ấy chưa phạm tội, cũng không thể xích, trói ông ấy vì chưa chứng minh được là ông ấy bị bệnh tâm thần. Trước mắt không thể trù liệu biện pháp hành động gì được.

- Vậy còn chúng tôi phải làm gì bây giờ?

- Hãy kiên nhẫn! Sự việc sắp đến bước ngoặt. Nếu tôi dự đoán không sai thì thứ ba tới có thể là giờ phút nguy hiểm. Ngày hôm đó, chúng tôi sẽ tới Camford. Thời gian chờ đợi chẳng dễ chịu gì. Giá như cô Edith có thể kéo dài thời gian ở London thêm chút nữa...

- Được mà.

- Tức là cô ấy cứ ở lại London chờ cho đến khi đảm bảo là đã loại trừ được các mối nguy hiểm. Cho đến hôm ấy, đừng làm gì kích động ông giáo sư. Ông ấy mà thoải mái, việc sẽ ổn.

- Ông ấy kìa! - Bennett hoảng hốt kêu lên.

Chúng tôi nhìn qua kẽ lá, thấy cái dáng người cao dong dỏng, ông ta đang đứng trước cửa, ngó ngó nghiêng nghiêng tứ phía. Anh chàng trợ lý vội vàng chui vào các bụi cây, lẫn mất. Chỉ lát sau, anh ta đã đứng cạnh giáo sư, có vẻ như họ đang bàn cãi gì rất gay gắt, rồi cùng đi vào nhà.

- Tôi cho rằng ông giáo sư đã đoán ra được hành vi của chúng ta. Tuy chỉ trong thời gian rất ngắn, nhưng tôi thấy ông ta đầu óc rất tỉnh táo và logic. Quả ông ta có nóng nảy và dữ tợn, nhưng xét ra không phải thiếu lý do khiến ông ta điên tiết bởi có kẻ do thám đến theo dõi, và dám chắc là ông ta đã nghi cả con gái và con rể tương lai rồi. Tôi nghĩ anh bạn Bennett sống cũng chẳng thoải mái gì trong những ngày tới.

Sherlock Holmes dừng lại tại bưu điện để kịp đánh đi một bức điện báo. Ngay tối hôm đó đã có hồi âm. Anh đưa bức điện cho tôi xem:

“Tôi đã đến đường Commercial và đã thấy Dorak rồi. Một người gốc Bohemia đã có tuổi mở một hiệu tạp hóa lớn.

Mercer”

- Anh chưa biết Mercer đâu, Watson ạ, tôi mới tuyển. - Holmes giải thích cho tôi - Anh ta là người làm tạp vụ cho tôi. Chúng ta cần tìm hiểu đối tượng liên lạc thư từ với giáo sư. Quốc tịch của người đàn ông kia khiến tôi nhớ đến chuyến đi Praha của giáo sư.

- Cậu Chúa cho mọi việc ăn khớp với nhau. - Tôi nói - Hiện giờ chúng ta đang đứng trước bao nhiêu dữ kiện thật khó giải thích, và chẳng thấy liên quan gì với nhau. Ví dụ chuyện chó cắn, chuyến đi và lưu lại Praha có liên hệ gì với nhau không? Rồi giữa hai sự việc này với một người bò bằng tứ chi trong đêm nữa. Và thời gian ngày giờ mà anh ghi chép đều thật bất ngờ và bí hiểm khôn lường...

Holmes vừa cười vừa xua tay. Chúng tôi đang ngồi trong gian phòng cũ kỹ của nhà trọ, với chai rượu vang trên bàn do Holmes vừa đem lại.

- Giờ để cho khuây khỏa, ta cùng nghiên cứu về thời gian biểu. - Holmes làm điệu bộ của một thầy giáo làng lên lớp - Cuốn nhật ký của anh chàng trợ lý cho thấy sự cố tâm lý bột phát lần đầu vào ngày 2 tháng 7, sau đó có vẻ cứ chín ngày lại bị một lần, trong số đó chỉ có một lần ngoại lệ thôi. Cho nên, lần áp chót là vào ngày 3 tháng 9. Tất cả đều không phải ngẫu nhiên.

Tôi tán đồng.

- Vì vậy, chúng ta tạm giả thiết là cứ chín ngày ông ta lại dùng thuốc kích thích một lần, thuốc tuy chỉ có công hiệu ngăn ngủi nhưng độc tính lại mạnh. Tính khí bạo ngược của ông ta hiển nhiên là chịu tác động của độc dược này. Ông ta đã quen cách dùng thuốc ở Praha, còn hiện nay, thứ thuốc ấy do một người Bohemia đang ở London làm trung gian cung cấp. Thế đã đủ rõ ràng chưa, anh Watson?

- Còn chuyện chó cắn, khuôn mặt ngoài cửa sổ và bò bằng tứ chi ngoài hành lang?

- Dù sao thì ta cũng đã có bước khởi đầu. Từ giờ đến thứ ba tới, tức ngày 12 tháng 9, tôi không trông mong có gì mới. Trong khi chờ đợi, ta chỉ còn biết giữ liên lạc với anh bạn Bennett kia và tận hưởng niềm vui nho nhỏ ở thành phố cũng đáng yêu này.

Sáng hôm sau, Bennett trốn ra đến báo tin cho chúng tôi. Thật khốn khổ cho anh ta, đúng như Holmes đã đoán trước, tuy giáo sư không công nhiên chỉ trích anh đã dẫn hai chúng tôi đến, nhưng ngôn từ của ông ta rất thô bạo và tỏ ra ngờ vực. Nhưng sáng nay ông ta lại trở lại bình thường, lên lớp giảng bài tuyệt vời như mọi khi.

- Trừ những cơn điên kỳ quặc kia, - Bennett nói - còn thì sinh lực ông thậm chí dồi dào hơn cả trước và đầu óc sáng suốt vô cùng. Cơ mà ông không còn là người thân thuộc của chúng tôi bấy nay.

Sherlock Holmes đáp lời:

- Theo tôi, ít nhất trong một tuần tới đây không có gì phải lo ngại đâu. Tôi thì rất bận, mà bác sĩ Watson cũng có những bệnh nhân đang đợi. Chúng ta hẹn nhau giờ này thứ ba tuần sau sẽ gặp nhau tại quán đây. Cứ yên tâm, hy vọng là lần chia tay sau tôi đã có thể giải thích rõ hoặc xua tan nỗi điều đứng cho gia đình anh. Trong thời gian ấy, anh hãy liên lạc thư từ nếu tình hình thay đổi xấu đi.

Sau đó, mấy ngày liền tôi không gặp Holmes. Tối thứ hai, tôi nhận được bức điện của anh ấy, nhắn tôi ngày hôm sau ra ga xe lửa. Lúc đi tàu trên đường quay trở lại Camford, Holmes bảo không xảy ra sự cố gì. Gia đình giáo sư đầm ấm bình yên. Còn ông ấy cũng xử sự hoàn toàn bình thường. Tối đó, gặp lại chúng tôi tại khách sạn, Bennett cũng tường trình đúng như vậy. Anh ta còn nói:

- Hôm nay, ông ấy nhận được một gói nhỏ và một bức thư gửi từ London tới, bên dưới con tem đều có dấu chéo. Ông ấy răn đe tôi không được đụng vào. Còn thì không có gì khác nữa cả.

- Chẳng ầy có lẽ đủ đấy. - Holmes nói, vẻ ranh mãnh - Anh Bennett này, tôi tin ta sẽ kết thúc được câu chuyện ngay tối nay. Nếu như chúng tôi suy đoán đúng thì vụ việc này đã chín muồi rồi. Nhưng phải liên tục theo dõi chặt chẽ giáo sư! Tôi đề nghị, đêm nay anh hãy thức để quan sát. Nếu nghe

thấy ông ấy bò ngang qua cửa phòng, anh chớ đánh động mà hãy lặng lẽ bám theo ông ấy. Tôi và Watson sẽ ẩn nấp ở gần đấy. À, anh nói chìa khóa cái hộp gỗ kia để đâu nhỉ?

- Móc vào dây đồng hồ đeo tay của ông ấy.

- Tôi cho rằng chúng ta phải nghiên cứu chiếc hộp đó. Kết cục tệ nhất là phải phá khóa cái hộp. Trong nhà có còn người đàn ông mạnh khỏe nào nữa không?

- Còn người đánh xe ngựa, tên là Macphail.

- Anh ta ngủ ở đâu?

- Ngay tại đây chuồng ngựa.

- Rồi, có thể cũng cần tới anh ta. Bây giờ hãy như vậy đã, chờ tình hình diễn biến sẽ tính tiếp. Tạm biệt nhé! Tuy nhiên tôi đoán rằng, trước khi trời sáng ta gặp lại nhau.

Gần nửa đêm, chúng tôi đã tới rình sẵn trong các bụi cây trước nhà của giáo sư. Đêm rất lạnh, gió cuốn, mây bay, mảnh trăng lưỡi liềm chốc chốc lại bị che khuất. Phải làm cái việc rình mò quá chán ngắt thế này nên thật ớn. May mà ai cũng mặc ấm. Lại đang tiến gần đến đoạn chót của chuỗi vụ việc quái dị, nên chúng tôi phấn chấn lên. Holmes thì thầm:

- Nếu đúng là chu kỳ chín ngày thì đêm nay, giáo sư nhất định sẽ lại phát cơn. Có một số việc ghép lại rất logic: Giáo sư phát bệnh sau khi từ Praha về. Ông ta thường bí mật thư từ qua lại với một người tên là Dorak ở London, có thể là người đại diện cho ai đó ở Praha. Hôm nay, giáo sư nhận được gói hàng từ người kia. Ông ta dùng thuốc gì, và vì sao phải dùng đúng thứ thuốc gửi từ Praha tới thì chúng ta chưa biết. Mà ông ta thực hiện chính xác theo chỉ định chín ngày một lần. Ngay từ đầu tôi đã để ý đến triệu chứng lộ ra. Anh đã chú ý tới khớp ngón tay của ông ta chưa?

- Thú thực tôi chưa chú ý tới.

- Chưa từng thấy ai da dày và chai sần đến như thế. Anh Watson này, nhìn người, trước tiên hãy nhìn bàn tay, sau đó nhìn cổ tay áo, đầu gối quần và đôi giày. Chắc chắn không bình thường rồi... Giả thiết thế khó tin thật. Nhưng nhất định là đúng. Rõ ra là vậy!

Holmes ngừng lại vỗ trán.

- Sao tôi không nghĩ ra nhỉ, sao không liên hệ với những sự việc khác? Các khớp ngón tay... tại sao tôi không sớm quan tâm tới chứ? Còn con chó nữa! Cả những đám dây leo... E là tôi phải “về vườn” thôi. Watson chú ý! Ông ta đến rồi kìa! Nào mau, chúng ta có thể tận mắt nhìn rõ ông ta.

Cửa nhà từ từ mở ra. Trong ánh đèn phản chiếu, thân hình cao dong dỏng của giáo sư hiện rõ. Ông ta mặc bộ đồ ngủ, đứng ngay ở cửa, hơi nhô người ra trước, hai tay thẳng trước mặt, giống hệt lần chúng tôi gặp trước.

Giáo sư bước ra sân thì bỗng thay đổi như là biến hóa: Ông ta khom người xuống, bò đi bằng chân và tay, chốc chốc lại nhảy lên như quá dư thừa sức lực vậy. Ông bò dọc theo mặt trước nhà, vòng qua góc nhà rồi biến đi. Lúc ấy, Bennett mới lén ra khỏi cửa, lén bám theo.

- Watson, mau lại đây!

Chúng tôi nhẹ nhàng rời bụi cây, đến nấp ở chỗ khác để có thể nhìn rõ mặt bên ngôi nhà đang được ánh trăng chiếu sáng. Chúng tôi thấy rất rõ giáo sư đang bò lổm ngổm dưới chân tường mọc đầy dây tường vi. Rồi bất ngờ ông ta leo nhanh lên. Ông ta leo từ dây này sang dây kia, giống như đang chơi trò chơi chỉ nhằm thỏa sở thích leo trèo của mình. Tấm áo ngực bung ra, trông ông ta chẳng khác nào con dơi khổng lồ bám vào tường. Sau khi chơi chán, ông ta lại tụt xuống theo các dây tường vi và ngồi bệt dưới đất, rồi bò bằng tứ chi tới chỗ chuồng ngựa. Con Roy xông ra sủa văng lên. Thấy ông chủ, nó kéo căng xích, càng điên cuồng, hung hãn hơn. Ông giáo sư cố ý bò đến gần nhưng ngoài tầm dây xích, tìm đủ mọi trò để khiêu khích con chó: Nào ném cát đá vào mắt nó, lấy gậy đánh, dùng nắm đấm dứ dứ dọa nạt nó. Ông ta tìm mọi cách khiêu khích nó. Chó càng sủa dữ điên cuồng, vùng vằng bứt xích. Cả đời chúng tôi chưa từng gặp cảnh này bao giờ: Một nhân vật đáng kính lại đang nhảy lóc cóc trên con chó với vẻ hí hửng vô cùng độc địa.

Nhưng rồi thảm cảnh đột nhiên xảy ra. Không phải dây xích bị đứt, mà do vòng cổ chó tuột ra. Tiếng xích sắt rơi xuống loảng xoảng. Con chó nhảy bổ tới. Chó và người quấn vào nhau lăn lộn. Chó già rú rít điên dại, người hoảng loạn tột độ hét toáng. Cơ may sống sót cho vị giáo sư thật mong manh. Con chó đang dứ tợn đè giáo sư xuống, răng nanh sắc lẹm của nó cắn

phập vào cổ họng ông ta. Khi chúng tôi kịp tới, gỡ ra thì ông ta đã ngất xỉu rồi. May nhờ Bennett quát lên, con chó mới thôi đe dọa chúng tôi. Tiếng động làm cho người đánh xe ngủ bên trên chuồng ngựa tỉnh giấc chạy ra, nét mặt ngái ngủ và đầy vẻ kinh hoàng.

Sau khi xích con chó lại, chúng tôi khiêng giáo sư vào phòng. Do hiểu về y, Bennett giúp tôi xử lý vết thương. Máu chảy rất dữ, phải mất nửa giờ, sau khi đã tìm đủ mọi cách chúng tôi mới cầm máu được cho vết thương nguy hiểm. Tôi tiêm thuốc an thần cho ông ta ngủ mê man ngay. Chỉ tới lúc ấy, chúng tôi mới thở phào và bắt đầu cùng đánh giá tình hình.

- Tôi nghĩ, cần mời một bác sỹ ngoại khoa giỏi chữa cho ông ấy. - Tôi nói.

- Ôi lạy Chúa, không được đâu! Hiện việc này vẫn chỉ thu hẹp trong phạm vi gia đình thôi. Với chúng tôi, những người thân thích, thì chẳng sao. Nếu việc này bị truyền ra ngoài, sẽ không cách gì khống chế được. Xin hãy nghĩ tới địa vị và danh tiếng của ông ấy tại trường đại học ở châu Âu, và tình cảm của con gái ông ấy nữa!

- Đúng vậy! - Holmes nói - Tôi nghĩ chúng ta nên giữ bí mật. Hơn nữa, giờ đây chúng ta hành động để đề phòng việc tái phát... Xin anh Bennett hãy tháo cho tôi chìa khóa của cái hộp gỗ! Chúng ta đi xem trong cái hộp bí ẩn này có gì nào! Anh đánh xe ngựa hãy canh chừng ông ấy.

Chẳng có gì nhiều nhận, một cái lọ nhỏ rỗng không, một lọ còn đầy, một bộ xylanh tiêm, vài bức thư do một người nước ngoài viết, chữ liêu xiêu, nhỏ li ti. Trên mỗi phong thư đều có dấu chéo và gửi từ đường Commercial, kèm chữ ký là "A. Dorak". Nội dung chỉ là báo một chai thuốc mới gửi đến hoặc hóa đơn thanh toán. Nhưng có một bức thư có lẽ do một người có học vấn viết, đóng dấu bưu điện Praha trên con tem.

- Đây chính là lời giải đáp của bài toán! - Holmes reo to rồi cất tiếng đọc vang:

"Thưa quý đồng nghiệp kính mến!

Từ sau khi được ngài hạ cố đến thăm, tôi buộc phải suy nghĩ mãi về tình trạng của ngài. Tuy có lý do cho việc điều trị đặc biệt, nhưng tôi vẫn chủ

trường làm việc phải cẩn trọng. Bởi các kết quả điều trị trước đây cho thấy, thuốc này có kèm theo những mối nguy hiểm.

Huyết thanh của loài vượn người có thể sẽ an toàn hơn đối với ngài. Nhưng như đã nói, tôi thích sử dụng loại huyết thanh của loài vượn Langur hơn. Đương nhiên nó là loài vật đi bằng bốn chân, biết leo trèo, còn vượn người thì đi bằng hai chân như người.

Tôi mong ngài cẩn trọng hết sức để tránh bị tiết lộ ra ngoài. Tôi còn có một khách hàng nữa ở Anh... Tất cả đều do Dorak đảm nhận vai trò người đại diện của tôi, lo việc cung cấp thuốc cho cả hai ngài.

Gửi lời chào trân trọng.

H. Lowenstein”

- Hóa ra là ông ta! - Tôi trình bày với Holmes và Bennett, khi vừa nghe đọc xong. Lowenstein - Cái tên này gợi cho tôi nhớ lại một bài báo mà tôi đã cắt ra, nói về một nhà khoa học chẳng mấy tiếng tăm đang nghiên cứu một loại thuốc “cải lão hoàn đồng” và “trường sinh bất lão”. Đó chính là Lowenstein ở Praha. Loại huyết thanh cường tráng mà ông ta nghiên cứu bị giới y học cấm dùng, vì ông ta không chịu công bố xuất xứ của nó.

Bennett lấy từ trên giá sách của giáo sư một cuốn sổ tay động vật học, rồi đọc to lên:

- Langur, vượn mặt đen to lớn ở dãy Himalaya, sống leo trèo và bò bằng bốn chân, giống người nhất. Thật may, nhờ có ngài Holmes mà chúng tôi mới hiểu rõ ngọn nguồn tình trạng tệ hại.

- Nhưng nguồn gốc thật sự, - Holmes liền nói - thực tế là thứ tình yêu quá chênh lệch, là chuyện chồng già vợ trẻ của giáo sư. Tất cả chỉ vì ông muốn nhanh chóng phục hồi tuổi thanh xuân nhằm giải tỏa nỗi lo sợ tình duyên sớm đổ vỡ, do ông không còn trẻ. Nào ngờ, một con người muốn vượt qua quy luật của tự nhiên lại bị rớt lại quá xa về phía sau.

Holmes cầm cái lọ nhỏ trên tay, trầm tư ngẫm nghĩ như đang xét nghiệm thứ chất lỏng ở trong đó.

- Chờ tôi viết xong cho lão Lowenstein một bức thư, kết tội hẳn đã làm việc phi pháp - lưu hành độc dược, thì rồi bao nhiêu bức bội bấy lâu nay của chúng ta sẽ tiêu tan. Nhưng những việc đại loại thế này có thể sẽ vẫn còn

xảy ra đâu đó. Mong sao rồi đây sẽ có người tìm ra một phương pháp tốt hơn, chứ thế này thì thật nguy hiểm. Hãy cứ tưởng tượng xem, anh Watson, nếu cái chất ấy - là họ nghĩ thế - sẽ giúp họ trường sinh, vậy thế giới này sẽ như thế nào?

“Tôi không còn điều gì để nói nữa, anh Bennett ạ! Về phần con chó, nhờ khứu giác tinh nhạy mà nó cảm nhận được sự thay đổi mau chóng của ông Presbury tốt hơn anh nhiều. Không phải giáo sư, mà là con vượn ưa leo trèo đã bị con Roy tấn công. Còn việc ông ta ngó vào phòng cô con gái chỉ là hoàn toàn ngẫu nhiên.”

Quay sang tôi, Holmes thân mật nói:

- Anh Watson, chốc nữa sẽ có chuyến xe lửa đi London. Bây giờ ta hãy đi uống trà trước khi lên tàu trở về nhà nghỉ ngơi.

NĂM HẠT CAM

Khi xem lại những ghi chép của mình về các vụ án Sherlock Holmes tham gia từ năm 1882 đến 1890, tôi phát hiện ra vô số tình tiết ly kỳ, cuốn hút, khiến tôi không biết phải chọn lựa thế nào. Có nhiều vụ án được đăng tải trên báo chí, được đông đảo mọi người tìm đọc. Nhưng cũng có vài vụ đã làm rối óc suy luận tài tình của bạn tôi. Vài trường hợp khác thì vô hiệu hóa biệt tài phán đoán của anh ấy bởi đó giống như những câu chuyện có mở đầu mà không thể biết sẽ kết thúc ra sao. Có vụ án anh chỉ làm rõ được một phần. Lại có cả vụ mà sự giải thích chỉ đơn thuần dựa trên khả năng phán đoán và suy luận chủ quan của Holmes, dù anh đã phải bỏ ra nhiều công sức để quan sát, điều tra thực tế, bất chấp lối suy luận logic thông thường. Trong số các vụ án đó, cuối cùng thì cũng thấy có một vụ với nhiều tình tiết rất dị thường, kết cục rùng rợn, khiến tôi không thể không kể ra đây. Mặc dù thật ra, có một số chi tiết liên quan đến vụ án đó vẫn chưa được làm rõ, mà có lẽ cũng sẽ chẳng bao giờ chúng ta biết được chính xác.

Năm 1887, hai chúng tôi đã trải qua bao vụ án quan trọng, mà theo Holmes thì những vụ quan trọng sẽ không mấy khi có gì đặc biệt cũng như thú vị cả. Đương nhiên tôi đã cố ghi lại đầy đủ. Trong đề mục của tháng 12 năm đó, có ghi chép về cuộc phiêu lưu của Paradol Chamber, của hội Mendicant; hội này có cả một câu lạc bộ sang trọng và chúng sống rất hoang phí, xa hoa dưới tầng hầm kho chứa đồ. Các sự kiện liên quan đến vụ mất tích của Sophy Anderson, kỳ án Grice Patersons trên đảo Uffa, và sau cùng là vụ đầu độc Camberwell. Trong vụ án cuối cùng này, thông qua việc tìm hiểu, xem xét kỹ chiếc đồng hồ tìm thấy trong người nạn nhân, Holmes đã chứng minh chiếc đồng hồ đã được lên dây hai giờ trước đó, như vậy nạn nhân đã đi ngủ trong khoảng thời gian này. Đây là chi tiết vô cùng quan trọng để làm sáng tỏ vụ việc. Những vụ án như vậy, tôi sẽ viết lại trong thời

gian tới, nhưng không có vụ án nào trong số đó lại ly kỳ, hồi hộp như câu chuyện tôi sắp kể dưới đây.

Hồi đó là vào cuối tháng 9, những cơn bão mùa thu đang hoành hành dữ dội. Gió thốc, mưa quật xối xả vào cửa sổ khiến cho bao cư dân thành phố London san sát nhà cửa này phải ngõ ngàng vì khiếp sợ sự trả thù của thiên nhiên. Bão càng lúc càng dữ dội, như một con thú hoang không ngừng gào thét và đe dọa. Gió rít trong các ống khói cứ như tất cả con trẻ của thành London đang cùng khóc lóc, kêu gào trong đó. Holmes trầm tư ngồi cạnh lò sưởi sắp xếp lại tài liệu về các vụ án của mình, còn tôi thì ngồi một góc say sưa đọc những trang sách kể chuyện biến cả của Clark Russell. Bên ngoài gió thốc, mưa gào như đưa tôi vào không gian sống động của cuốn tiểu thuyết. Một ngày hôm nay vợ tôi về nhà mẹ đẻ, nên tôi lại đến nhà Holmes làm khách quen của con phố Baker này.

- Đó, anh không nghe thấy sao? - Tôi ngẩng đầu lên và bảo Holmes - Hình như có tiếng chuông cửa. Tối nay, liệu có ai đến được nhỉ? Chắc một vài người bạn của anh chẳng?

- Ngoài anh ra thì tôi làm gì có người bạn nào. Mà tôi cũng không khích lệ khách khứa đến thăm thú.

- Thế thì là một thân chủ ư?

- Nếu đúng là như vậy thì vụ án hẳn phải nghiêm trọng lắm. Bởi vì có ai muốn ra ngoài giữa đêm hôm trong khi bão tố đang hoành hành thế kia? Nhưng biết đâu đó là bạn bè của bà chủ nhà cũng nên.

Nhưng Holmes đã đoán sai, vì tiếng bước chân lên cầu thang đã nói lên tất cả, tiếp đó có tiếng gõ cửa. Anh với cánh tay dài của mình để quay chiếc đèn chiếu ra phía ghế ngồi của khách, rồi nói:

- Mời vào!

Một chàng trai trẻ khoảng hai mươi hai tuổi, lịch lãm chải chuốt và có phần hơi kiêu cách, bước vào. Chiếc ô ướt sũng của anh ta cùng với chiếc áo mưa trùm người thanh niên mặc cho thấy thời tiết bên ngoài kinh khủng thế nào. Anh ta lo lắng nhìn Holmes. Tôi phát hiện mặt anh tái dại, hai mắt trĩu xuống, lộ rõ nỗi hoảng sợ cực độ mà anh ta đã trải qua. Người đó cất tiếng:

- Thành thật xin lỗi ngài. - Anh ta vừa nói vừa gài cặp kính gọng vàng lên mắt - Tôi hy vọng không làm phiền ngài quá mức. E là tôi đã mang cái bồn ượt của cơn mưa bão ngoài kia vào căn phòng sạch sẽ và ấm cúng này.

- Hãy đưa áo mưa và ô cho tôi. - Holmes nói - Tôi treo nó lên móc, rồi nó sẽ khô ngay. Anh đến từ vùng Tây Nam phải không?

- Đúng, tôi từ Horsham đến.

- Tôi đã đoán ra khi nhìn thấy bùn đất bám trên giày của anh.

- Tôi đến đây để xin ngài một lời khuyên.

- Điều này thì rất dễ thôi.

- Và mong ngài sẽ giúp đỡ tôi nữa.

- Điều này thì không phải lúc nào cũng dễ dàng.

- Tôi đã nghe kể về ngài rất nhiều, thưa ngài Holmes. Đại úy Prendergast đã kể với tôi, ngài đã cứu ông ấy thoát khỏi vụ scandal ở câu lạc bộ Tankerville như thế nào.

- Vâng, tôi nhớ ra rồi. Ông ta bị bọn xấu cho vào tròng, vu ông ta đã chơi bài gian.

- Đại úy nói rằng ngài có thể giải quyết mọi vấn đề.

- Ông ta hơi quá lời rồi.

- Ông ấy còn nói ngài chưa bao giờ thất bại.

- Tôi đã thất bại bốn lần rồi, ba lần do đàn ông và một lần do đàn bà.

- Nhưng bấy nhiêu cũng không thể sánh được với những chiến tích mà ngài đã giành được. Và chắc chắn, việc của tôi ngài cũng sẽ giải quyết được.

- Mời anh kéo ghế lại gần lò sưởi và kể tỉ mỉ từng chi tiết câu chuyện của anh cho tôi.

- Đây là một câu chuyện không bình thường chút nào.



- Tất cả những vụ án với tôi đều không bình thường, tôi cứ như là đại diện cho pháp luật vậy.

- Nhưng tôi ngờ rằng, trong bao năm phá án, ngài chưa bao giờ gặp hay nghe những chuyện kỳ lạ, thần bí khác thường như những chuyện xảy ra trong gia tộc của tôi đâu!

- Những điều anh nói kích thích trí tò mò của tôi ghê gớm. Nào, hãy bắt đầu kể những sự việc chủ yếu nhất, sau đó tôi sẽ hỏi lại anh những chi tiết mà tôi cho là quan trọng nhất.

Người thanh niên kéo ghế về phía trước và huơ huơ đôi giày ướt mềm đang đi lại gần lò sưởi, chậm chậm kể:

- Tôi tên là John Openshaw, theo tôi thì tôi không liên quan nhiều lắm đến những chuyện đáng sợ này. Chúng có liên quan đến đời trước, nên tôi e rằng để ngài có thể hiểu được thì tôi phải nói từ đầu.

“Ông nội tôi có hai người con trai, bác Elias và cha tôi là Joseph. Cha tôi có một xưởng sản xuất ở Coventry. Trong thời kỳ phát minh ra xe đạp, ông đã mở rộng xưởng và được cấp bằng phát minh ra loại săm xe chống nổ Openshaw, do vậy việc kinh doanh khá phát đạt. Điều này khiến ông có thể chuyển nhượng xưởng rồi sống một cuộc sống sung túc lúc tuổi già.

“Còn bác tôi khi còn trẻ có đến Mỹ làm chủ một đồn điền ở Florida và công việc làm ăn cũng rất tốt. Khi cuộc nội chiến xảy ra, bác tham gia chiến đấu dưới quyền tướng Jackson, sau chuyển sang quân đoàn của tướng Hood và làm đến chức đại tá. Sau khi viên tướng miền Nam Robert Lee đầu hàng, bác cũng rời quân ngũ, rồi trở lại đồn điền của mình trong khoảng ba đến bốn năm. Khoảng năm 1869 hoặc 1870, bác trở về châu Âu và mua một miếng đất ở quận Sussex, gần Horsham. Lúc ở Mỹ, bác đã dành dụm được một khoản khá lớn. Sở dĩ bác ấy quay trở về là vì không ưa bọn người da đen và không đồng tình với chủ trương cho người da đen tham gia tuyển cử của Đảng Cộng hòa. Bác là một người sống độc thân, tính tình rất cổ quái, nóng tính, khi tức giận thì mắng chửi thậm tệ, rất khó nghe. Từ lúc về sống ở Horsham, bác rất ít khi ra ngoài, tôi cũng không chắc là bác đã đặt chân đến thị trấn chưa nữa. Bác có một khu vườn khá rộng và ba cánh đồng xung quanh nhà. Bác có thể ra ngoài kiểm tra công việc, nhân thể rèn luyện sức

khỏe; nhưng bác ấy không bao giờ làm như vậy. Bác thường xuyên ở lì trong nhà hàng tuần liền; thích uống rượu brandy và nghiện thuốc nặng. Bác không cần kết bạn với ai, đến cả họ hàng thân thích cũng không bao giờ đi lại, thậm chí cũng chẳng thăm nom em trai mình, là bố tôi, bao giờ cả. Nhưng bác lại khá yêu quý tôi. Lần đầu tiên bác nhìn thấy tôi là lúc tôi mười hai, mười ba tuổi. Đó có thể là vào năm 1878, khi bác đã về Anh được khoảng tám, chín năm. Bác xin bố tôi cho tôi ở lại với bác và đối xử yêu thương với tôi theo cách của bác. Lúc không say rượu thì hai bác cháu thường chơi bài, đi câu với nhau. Bác còn để tôi thay mặt bác quản lý người làm và giao dịch với những bạn làm ăn. Vì thế khi mười sáu tuổi, tôi đã thực sự là người chủ trong nhà. Tôi được giữ các chìa khóa và đi bất cứ đâu, làm bất cứ điều gì tôi muốn, miễn là không làm ảnh hưởng đến cuộc sống ẩn cư của bác. Tuy nhiên vẫn có một ngoại lệ là, bác có một căn phòng chứa đồ linh tinh trên tầng áp mái, nó luôn luôn được khóa kín và bác ấy không cho bất kỳ ai, kể cả tôi, được bén mảng tới. Cũng đã có lần tính tò mò trẻ con nổi dậy khiến tôi nhìn qua lỗ khóa, nhưng trong phòng chẳng có gì ngoài mấy cái rương, hòm, túi... chất đầy những đồ cũ kỹ.

“Một ngày kia, vào tháng 3 năm 1883, một bức thư đóng dấu bưu điện nước ngoài được đặt trên bàn ăn của bác. Đây quả là một điều kỳ lạ vì tất cả những hóa đơn đều được trả bằng tiền mặt, còn bạn bè thì chắc chắn là bác ấy không có.

“Đó là bức thư từ Ấn Độ. Bác vừa cầm thư lên bóc vừa nói:

- Dấu bưu điện ở Pondicherry, thế này là thế nào?

“Bác vội vã bóc thư thì đột nhiên có năm hạt cam rơi xuống bàn. Tôi định cười phá lên, nhưng những biểu hiện trên mặt bác khiến tôi phải kìm lại. Môi bác trề xuống, mặt xám ngoét, hai mắt mở trừng trừng, nhìn trân trối vào chiếc phòng bì đang cầm trên tay.

- K. K. K! - Đột nhiên bác thét lên - Ôi lạy Chúa, lạy Chúa! Tội lỗi của con đã không buông tha cho con!

“Tôi cũng hoảng hốt hỏi:

- Thưa bác, có chuyện gì vậy?

- Cái chết! Cái chết đến rồi.

“Bác nói rồi đứng dậy, đi nhanh vào phòng, để mặc tôi chết lặng đi vì sợ hãi. Tôi cầm phong bì lên, nhìn những dòng chữ nguệch ngoạc viết bằng mực đỏ phía bên trong, ngay gần mép, chỗ dán hồ, đó là ba chữ K liên tiếp. Và chẳng có gì khác nữa ngoài năm hạt cam khô nứt. Thế thì điều gì đã làm bác ấy sợ đến vậy? Tôi rời bàn ăn, định lên lầu thì gặp bác đang đi xuống, một tay cầm chiếc chìa khóa đã gỉ sét, chắc chắn là của căn phòng nọ, còn tay kia giữ một chiếc hộp nhỏ, như hộp đựng tiền, bằng đồng.

- Bọn chúng có thể làm điều gì chúng muốn, nhưng ta nhất định không chịu thua. - Bác gầm lên và nguyên rủa đầy căm tức - Nói với cô Mary đốt lò sưởi trong phòng ta lên, rồi cử người đi đón luật sư Fordham của Horsham tới ngay!

“Tôi nhất nhất làm theo lời của bác. Khi luật sư đến, tôi được yêu cầu vào trong phòng. Ngọn lửa trong lò cháy rực, bên cạnh là lớp tro của mớ giấy tờ vừa bị đốt. Chiếc hộp đồng nhỏ đặt ở bên cạnh, nắp mở tung, trống rỗng. Tôi liếc nhanh nhìn chiếc hộp và giật mình vì trên nắp hộp in ba chữ K như tôi đã thấy trên chiếc phong bì lúc sáng.

“Bác nghiêm mặt nói với tôi:

- John, ta muốn cháu là người làm chứng là ta để lại toàn bộ tài sản, kể cả những thứ có ích hay không có ích, cho cha cháu, chắc chắn sau này nó sẽ thuộc về cháu. Nếu cháu có thể bình yên vô sự mà hưởng được thì thật tốt. Còn nếu cảm thấy mình không thể, ta khuyên cháu hãy để lại mọi thứ cho những kẻ thù không đội trời chung với cháu. Ta rất xin lỗi khi phải để lại cho cháu những thứ như con dao hai lưỡi thế này. Nhưng chính ta cũng không thể nói trước được chuyện quái quỷ gì sẽ xảy ra. Tốt hơn hết là cháu hãy ký vào tờ giấy mà luật sư Fordham đưa cho cháu.

“Tôi lập tức ký vào tờ giấy, ngay sau đó luật sư Fordham mang bản di chúc ra đi. Ngài có thể thấy việc này để lại ấn tượng sâu sắc cho tôi đến mức nào. Tôi đã nhiều lần suy nghĩ nát óc mà vẫn không tài nào hiểu được những bí ẩn trong đó. Nhưng những cảm giác hãi hùng khi nghe một điều ghê gớm đe dọa mạng sống của cả nhà thì tôi không thể quên đi được. Nhiều tuần đã trôi qua, cảm giác sợ hãi cũng nhạt dần, hơn nữa cũng chẳng có điều gì bất thường xảy ra với chúng tôi. Dù vậy, tôi thấy bác tôi đã thay đổi rất nhiều.

Bác uống rượu nhiều hơn trước và càng sống khép kín hơn. Hầu hết thời gian bác ở lì trong phòng, khóa trái cửa lại. Nhưng cũng có lúc, do kích động của hơi men, bác lao ra khỏi phòng, tay cầm súng chạy trong vườn gào lên rằng bác chẳng sợ kẻ nào hết. Dù cho là người hay là quỷ thì cũng không thể nhốt bác trong nhà như nhốt một con cừu. Tuy nhiên, khi nổi tức giận qua đi, bác lại chạy nhanh vào phòng, cài chặt then, khóa cửa kỹ càng như đang chạy trốn khỏi một nỗi sợ khủng khiếp. Tôi vẫn nhớ tới khuôn mặt bác lúc đó, mồ hôi túa ra như tắm dù đó là những ngày lạnh giá nhất, như thể bác vừa nhúng mặt vào bồn rửa mặt vậy.

“Ôi, thưa ngài Holmes, có lẽ tôi không nên lạm dụng sự nhẫn nại của ngài. Đã đến lúc nói đến kết cục của câu chuyện. Vào một đêm nọ, bác tôi cũng lên cơn say rượu và chạy ra ngoài vườn, nhưng lần này thì không bao giờ trở về nữa. Chúng tôi bố đi tìm và phát hiện thấy ông nằm sấp mặt xuống một hồ nước nhỏ đầy rong rêu bên thềm cuối vườn. Trên người không hề có một vết đánh nào, hồ nước cũng chỉ sâu khoảng chừng 60cm mà thôi. Căn cứ vào những hành động kỳ dị thường ngày của bác, cảnh sát đã kết luận bác tôi tự tử. Nhưng tôi, dù biết bác là một người rất sợ chết, cũng đành phải tự thuyết phục mình tin vào cái kết luận vô căn cứ đó. Nhưng dù thế nào đi nữa thì mọi sự cũng đã rồi. Cha tôi thừa kế gia sản của bác, cả khoản tiền trị giá mười bốn nghìn bảng trong ngân hàng.”

- Xin ngừng một chút. - Đột nhiên Holmes ngắt lời - Câu chuyện của anh quả thật kỳ lạ. Xin hãy cho tôi biết ngày bác anh nhận được bức thư và ngày ông ta bị coi là tự sát!

- Vâng, bác tôi nhận được bức thư vào ngày 10 tháng 3 năm 1883, còn ngày mất của bác là bảy tuần sau đó, vào đêm 2 tháng 5.

- Vâng, cảm ơn anh! Mời anh hãy tiếp tục câu chuyện.

- Khi cha tôi đến tiếp quản Horsham, theo đề nghị của tôi, ông đã cho kiểm tra mọi đồ đạc trong căn phòng ở trên tầng áp mái, nơi mà từ trước đến nay vẫn bị khóa kín. Chúng tôi phát hiện ra chiếc hộp bằng đồng vẫn còn ở đó, mặc dù mọi thứ bên trong đã bị đốt hết. Nắp hộp vẫn có mác dán ba chữ K viết hoa. Phía dưới còn viết: “Thư từ, bản ghi chép, hóa đơn”. Tôi cho rằng đây chính là những thứ mà bác tôi đã hủy đi. Ngoài những tập ghi chép

về quãng đời bác tôi ở bên Mỹ ra, những đồ trong phòng không có gì đặc biệt. Một số đề cập đến tình hình khi chiến tranh, về những chiến tích của bác tôi khi được phong anh hùng. Một số lại viết về việc tái thiết miền Nam sau chiến tranh, và đều liên quan đến chính trị. Rõ ràng bác tôi đã tích cực tham gia phản đối những nhà chính trị từ miền Bắc xuống.

“Đầu năm 1884, cha tôi chuyển hẳn đến Horsham. Cho đến tháng 1 năm 1885, mọi việc vẫn diễn ra tốt đẹp. Vào ngày mùng 4 tháng 1, khi cả nhà tôi đang quây quần bên bàn ăn sáng, đột nhiên cha tôi kêu lên kinh ngạc. Ông ngồi như bất động với một chiếc phong bì cầm trên tay như vừa mới bóc, tay kia cầm năm hạt cam khô. Bình thường, ông vẫn giấu cợt khi tôi kể về cái chết hoang đường của bác. Nhưng bây giờ, trông ông cũng vô cùng kinh ngạc và sợ hãi khi điều tương tự sắp xảy ra với mình.

- Thế này là thế nào, cái quái quỷ gì vậy hả John? - Cha tôi lắp bắp hỏi.

- Đó là “K. K. K”. - Tôi trả lời. Lúc ấy, tim tôi như ngừng đập.

“Cha tôi nhìn vào chiếc phong bì và nói:

- Đây, bên trong còn viết cái gì đây này.

“Rồi ông lật bức thư ra, bên trong viết: *“Hãy đặt tất cả giấy tờ lên đồng hồ mặt trời!”*.”

- Giấy tờ nào, đồng hồ mặt trời nào? - Cha tôi sợ hãi kêu lên.

- Trong vườn có một chiếc đồng hồ mặt trời, còn giấy tờ chắc chắn là những thứ mà bác đã đốt.

- Trời ơi! - Cha tôi cố vận hết can đảm - Chúng ta đang sống trong một đất nước văn minh, không cho phép những việc ngu xuẩn như thế này xảy ra. Những thứ này từ đâu ra vậy?

- Từ Dundee. - Tôi trả lời sau khi nhìn qua dấu bưu điện.

- Đúng là một trò đùa lố bịch, ta thì có liên quan gì đến đồng hồ mặt trời và đồng giấy tờ? Ta không quan tâm đến mấy thứ ngớ ngẩn này nữa.

- Con nghĩ là ta nên báo cảnh sát. - Tôi đề nghị.

- Hừ, để mọi người mang ta ra làm trò đùa à? Không bao giờ!

- Thế thì để con tự làm vậy.

- Không, ta không muốn làm om sòm lên vì một chuyện hoang đường như thế này.

“Tranh cãi với ông thì cũng chẳng có ích gì, vì ông là người rất cố chấp. Tôi đành bỏ đi, trong khi cảm giác sợ hãi đang bao trùm toàn bộ ngôi nhà.

“Ba ngày sau khi nhận được lá thư, cha tôi đi thăm một người bạn cũ là ngài đại úy Freebody, người chỉ huy một trong các đồn ở đồi Portsdown. Nói thật là tôi rất mừng vì cha tôi rời khỏi nhà; như vậy ông có thể tránh được nguy hiểm. Nhưng tôi đã nhầm, ngày thứ hai sau khi ông đi, tôi nhận được bức điện của đại úy, yêu cầu tôi đến nhà ông ấy ngay. Cha tôi bị ngã xuống một mỏ đá, vốn rất nhiều ở vùng đó. Ông bị vỡ sọ và đã chết. Mặc dù tôi vội vã chạy đến bên ông nhưng đã quá muộn; ông ra đi mà không một lần hồi tỉnh sau cơn mê man. Cha tôi rời Fareham về lúc trời chạng vạng tối, lại không thông thạo đường đi lối lại ở đó, đường đèo chỗ ấy lại không có rào chắn, nên bồi thẩm đoàn đi đến kết luận rằng cha tôi chết do tai nạn. Tôi cũng đã cẩn thận xem xét tỉ mỉ xung quanh nơi cha tôi chết, nhưng cũng chẳng tìm thấy dấu vết gì. Hiện trường không có vết tích nào cho thấy đó là vụ mưu sát hay ẩu đả, cũng không có vết chân của người lạ. Nhưng, không nói chắc ngài cũng biết, trong lòng tôi thực sự cảm thấy lo lắng bất an như thế nào. Tôi gần như có thể chắc chắn rằng có một âm mưu thâm độc nào đó ẩn chứa sau cái chết của cha tôi.

“Trong tình cảnh đau buồn ấy, tôi thừa kế toàn bộ tài sản mà trong lòng lúc nào cũng canh cánh nỗi lo sợ quái gở. Chắc ngài sẽ hỏi tại sao tôi không bán chúng đi. Tôi xin trả lời là, bởi vì tôi tin chắc rằng những điều kinh hoàng xảy ra cho gia đình tôi có liên quan đến những việc làm trước đây của bác tôi. Vì thế, dù tôi có sống ở đâu thì nguy hiểm vẫn cứ luôn rình rập.

“Người cha tội nghiệp của tôi mất vào tháng 1 năm 1885, đến nay đã được hai năm tám tháng. Trong hai năm đó, cuộc sống của tôi khá hạnh phúc. Và tôi hy vọng rằng, những điều khủng khiếp ấy đã kết thúc sau cái chết thảm thương của bác và cha tôi.

“Nhưng tôi đã vui mừng quá sớm, vì lịch sử hình như đang lặp lại. Sáng hôm qua, tôi nhận được một lá thư hết như mấy lá thư trước đây, và mọi chuyện diễn ra giống như với bác và cha tôi.”

Người thanh niên lấy trong chiếc túi áo ra một chiếc phong bì nhẵn nhúm, anh tiến lại bàn và đổ ra năm hạt cam nhỏ khô khốc.

- Đây chính là bức thư đó. - Anh ta nói tiếp - Dấu bưu điện cho thấy nó được gửi từ khu Đông London. Trong thư vẫn là ba chữ cái “K. K. K” và sau đó là dòng chữ: “*Đặt toàn bộ giấy tờ lên chiếc đồng hồ mặt trời!*”.

- Vậy anh đã làm gì chưa? - Holmes hỏi.

- Tôi chưa làm gì cả. - Người thanh niên trả lời.

- Chưa làm gì? - Holmes ngạc nhiên.

- Nói thật với ngài, - Anh gục mặt vào đôi tay nhỏ nhắn, trắng bệch - tôi cảm thấy thật vô vọng. Giờ tôi thấy mình hết như một con thỏ khốn khổ chỉ còn biết đứng nhìn con rắn độc khổng lồ lao về phía mình. Tôi dường như đã sa vào một mê cung ma quỷ, không có cách nào thoát ra được.

- Thôi nào! - Holmes nói to - Chàng trai, anh phải làm một cái gì đó chứ. Đây không phải là lúc tuyệt vọng. Chẳng có gì cứu được anh, ngoài chính sức mạnh của anh. Nếu không, anh sẽ chết! Không có thời gian để đau buồn và thất vọng đâu.

- Tôi đã đi báo cảnh sát.

- Vậy hả, thế tình hình ra sao?

- Họ chỉ cười nhạo khi nghe chuyện của tôi. Họ bảo rằng đã điều tra bức thư và thấy đó chỉ là trò đùa. Có lẽ họ thật sự cho rằng cái chết của những người thân của tôi chỉ là do tai nạn. Vì thế, chúng không có liên quan gì tới những lời đe dọa, cảnh cáo mơ hồ này.

Holmes lắc đầu, vung tay dấm vào không trung.

- Thật là một sự ngu xuẩn không tưởng tượng nổi!

- Tuy nhiên, họ đã đồng ý cho một viên cảnh sát đến cùng sống với tôi.

- Đêm nay, anh ta có đi theo anh không?

- Không, ngày mai anh ta mới bắt đầu...

Một lần nữa, Holmes lại nổi giận, dấm tay vào không trung:

- Tại sao bây giờ anh lại đến tìm tôi? - Holmes hỏi - Quan trọng hơn là, tại sao anh không đến tìm tôi ngay từ đầu?

- Bởi vì tôi không biết. Chỉ đến ngày hôm nay, khi tôi kể về tình cảnh của mình với đại úy Prendergast, ông ấy mới khuyên tôi nên đến gặp ngài.

- Anh đã nhận được bức thư hai ngày rồi, có lẽ chúng ta nên có kế hoạch hành động ngay trước khi chuyện đó xảy ra. Ngoài những gì anh đã kể,

không biết có còn chi tiết nào có thể giúp ích cho tôi hay không?

- Còn một vật nữa. - John nói, rồi lục trong túi áo và lấy ra một mẫu giấy xanh đã ngả màu. Anh đặt nó trên bàn. - Vào ngày bác tôi đốt hết giấy tờ, tôi thấy mẫu giấy này còn sót lại trong đám tro. Tôi tìm thấy nó trên sàn trong phòng bác tôi. Tôi nghĩ có lẽ nó rơi ra nên mới không bị cháy. Trên đó, ngoài vài dòng nhắc đến mấy hạt cam ra thì theo tôi, không có gì quan trọng. Có lẽ đây là một trang nhật ký và nét chữ thì chắc chắn là của bác tôi.

Holmes xoay chiếc đèn và cả hai chúng tôi cùng cúi xuống nhìn mảnh giấy. Mép giấy nham nhở cho thấy rõ ràng nó đã được xé ra từ một quyển vở. Trên đầu trang có dòng chữ “*Tháng 3 năm 1869*”, và tiếp đó là những ghi chú kỳ lạ sau:

“Mồng 4: Hudson đến và vẫn khẳng khái giữ mớ chính kiến như trước.

Mồng 7: Đã gửi hạt cam cho McCauley, Paramore và John Swain ở St. Augustine.

Mồng 9: McCauley biến mất.

Mồng 10: John Swain cũng lặn mất tăm.

Ngày 12: Đến thăm Paramore, mọi thứ đều ổn cả”.

- Cám ơn anh! - Holmes nói, và trả lại mẫu giấy cho vị khách - Giờ thì anh không thể bỏ phí một giây nào, chúng ta cũng không còn thời gian để bàn về những gì anh kể cho tôi nữa. Hãy trở về và hành động ngay!

- Vậy tôi nên làm thế nào?

- Có một việc mà anh phải làm ngay lập tức: Đặt mảnh giấy này vào trong chiếc hộp đồng nhỏ đã kể với tôi, kèm theo một tờ giấy ghi những lời nói thống thiết về sự thật - là tất cả đồng giấy tờ đã bị bác anh đốt hết và chỉ còn sót lại tờ này thôi. Phải đặt chiếc hộp lên đồng hồ mặt trời như họ đã nói. Anh đã hiểu chưa?

- Tôi hiểu rồi.

- Bây giờ không phải là lúc thích hợp để nghĩ đến báo thù hoặc những việc đại loại như thế. Tôi nghĩ pháp luật sẽ giúp ta làm việc này. Bọn chúng đã giăng bẫy thì chúng ta cũng cần có những biện pháp chống lại. Việc đầu tiên giờ đây là phải giải thoát cho anh khỏi những hiểm nguy cận kề. Sau đó mới vén bức màn bí mật lên và trừng phạt bè lũ phạm tội.

- Cám ơn ngài! - Người thanh niên nói, rồi đứng dậy, khoác áo mưa - Ngài đã mang đến cho tôi cuộc sống mới và niềm hy vọng. Tôi sẽ làm theo đúng những gì ngài dặn.

- Anh không được lãng phí một giây nào hết. Và trên tất cả, phải tự biết bảo vệ mình. Bởi vì tôi cho rằng, có một mối nguy hiểm thường trực đang đe dọa mạng sống của anh. Bây giờ, anh định đi về bằng cách nào?

- Tôi sẽ đi tàu hỏa từ ga Waterloo.

- Giờ chưa đến 9 giờ, trên đường còn rất đông người, nên tôi nghĩ, anh có thể ra về an toàn. Tuy nhiên, hãy nhớ rằng cẩn thận không bao giờ thừa.

- Tôi có mang vũ khí.

- Vậy thì tốt rồi. Tôi sẽ bắt tay vào vụ án của anh ngay ngày mai.

- Vậy tôi sẽ gặp ngài ở Horsham chứ?

- Không, bí mật của vụ này nằm tại London, và tôi sẽ tìm ra manh mối vụ án ngay ở đây.

- Vậy khoảng một, hai hôm nữa tôi sẽ đến và trình bày với ngài về tình hình chiếc hộp và những giấy tờ đó. Tôi sẽ làm theo mọi chỉ dẫn và những gì ngài nói.

Rồi chúng tôi bắt tay chào nhau. Bên ngoài, gió vẫn gào thét, những giọt mưa to tướng vẫn đập rào rào vào cửa sổ. Câu chuyện ly kỳ, rùng rợn này khuấy động tâm tư chúng tôi như những cơn bão. Đường như có một trận cuồng phong giận dữ làm đổ sập mọi thứ, rồi kéo bật đi.

Holmes ngồi im lặng một lúc, đầu hơi cúi xuống, mắt nhìn trân trân vào ngọn lửa đỏ rực trong lò. Rồi anh đốt một điếu thuốc, dựa lưng vào ghế và ngửa cổ nhìn theo những vòng khói thuốc uốn lượn bay lên trần nhà.

- Watson, tôi nghĩ đây là vụ án ly kỳ nhất mà chúng ta được biết. - Cuối cùng Holmes cũng phá vỡ sự im lặng.

- Ngoại trừ vụ án “Dấu bộ tứ” ra, thì có lẽ là như vậy.

- Đúng, ngoài vụ đó ra. Nhưng những hiểm họa mà John Openshaw đang phải đối mặt dường như còn lớn hơn nhiều so với ông Sholto.

- Vậy anh đã hình dung được điều gì về mối hiểm họa này chưa?

- Bản chất của chuyện này thì không còn gì phải nghi ngờ nữa. - Holmes trả lời với một giọng chắc nịch.

- Vậy tất cả là thế nào? K. K. K là ai? Và tại sao hẳn phải truy sát gia đình Openshaw bất hạnh này?

Holmes nhắm mắt lại, đặt tay vào thành ghế, những ngón tay đan chặt vào nhau. Anh đáp:

- Đối với một thám tử chuyên nghiệp, khi nhìn sự việc trong một tổng thể, anh ta sẽ suy luận ra từ đấy không những toàn bộ mà cả những hậu quả sẽ xảy ra tiếp theo. Cũng như Cuvier, chỉ nhìn vào một chiếc xương mà có thể mô tả được toàn bộ con vật vậy. Một nhà quan sát thì vừa hiểu vấn đề này, vừa phải suy ra được những vấn đề, những sự việc khác xảy ra trước và sau nó. Chúng ta vẫn chưa nắm bắt được kết quả của sự việc, mà mới chỉ có thể suy luận thôi. Mọi việc phải trải qua quá trình nghiên cứu, xem xét kỹ lưỡng mới giải quyết được, chứ nếu chỉ dựa vào trực giác cá nhân thì chắc chắn sẽ mắc sai lầm. Tuy nhiên, để đạt được trình độ cao nhất của nghệ thuật suy luận, nhà thám tử phải vận dụng được tất cả những tình tiết mà mình đã biết. Điều này có lẽ không khó hình dung, vì bản thân sự việc đòi hỏi chúng ta phải tiếp cận được mọi kiến thức. Tuy nhiên, để đạt đến trình độ đó thì rất khó. Không thể bắt một người nhớ hết những kiến thức mà anh ta cần dùng. Bản thân tôi cũng vậy, tuy đang nỗ lực đạt đến điều đó. Nếu tôi không nhầm, từ ngày đầu tiên chúng ta mới quen nhau, anh đã chỉ ra được những hạn chế về kiến thức của tôi một cách khá ngắn gọn.

- Đúng. - Tôi trả lời và đột nhiên bật cười - Đó là một bản ghi chép khá thú vị. Tôi còn nhớ là: triết học, thiên văn học, chính trị: không điểm; thảo dược: thông thạo; địa chất học: tương đối hạn chế, biết rõ các loại bùn đất trong phạm vi khoảng năm mươi dặm quanh London; hóa học: rất giỏi; giải phẫu: không có hệ thống; còn về khoa học hình sự: đặc biệt khác thường; là chuyên gia đàn vĩ cầm; chuyên gia quyền anh biết sử dụng kiếm, thông thạo luật pháp, thường tự đầu độc mình bằng thuốc lá và thuốc phiện. Tôi nghĩ đó là tất cả những gì tôi đã ghi nhận về anh lúc ấy.

Holmes bật cười khi nghe những nhận định cuối cùng của tôi.

- Cũng như hồi xưa tôi đã từng nói, và giờ phải nói lại: Con người nên sắp xếp ngăn nắp và giữ gìn cẩn thận trong đầu những kiến thức cần thiết cho mình. Còn những thứ khác có thể cất trong thư viện để sử dụng bất cứ

khi nào cần đến. Bây giờ, để giải quyết vụ này thì chúng ta phải tận dụng tất cả những gì đã có. Phiên anh đưa cho tôi quyển “Bách khoa toàn thư nước Mỹ” phần chữ K, ở sau lưng tôi. Cám ơn. Giờ chúng ta hãy xem xét lại mọi tình huống để xem có rút ra được điều gì hay không. Đầu tiên, hãy bắt đầu từ một giả thiết là có những lý do rất đáng kể nào khiến ngài đại tá Openshaw phải rời bỏ nước Mỹ. Đến tuổi của ông ấy, con người ta không dễ gì thay đổi toàn bộ thói quen của mình, chịu từ bỏ cuộc sống ở một nơi có khí hậu trong lành như Florida để trở về sống cô độc ở miền quê nước Anh đầy sương mù. Lối sống thu mình cũng như những sở thích kỳ quặc của ông cho ta thấy, có lẽ là ông sợ ai đó hoặc việc gì đó kinh khủng lắm. Vì thế, chúng ta hoàn toàn có thể đặt ra giả thiết là một nỗi sợ khủng khiếp đã đe dọa, buộc ông phải rời khỏi nước Mỹ. Còn ông ta lo sợ điều gì thì chúng ta chỉ có thể suy luận từ những bức thư mà ông ta và những người họ hàng thừa kế của ông ta nhận được. Anh có nhớ đến con dấu bưu điện ở các bức thư đó không?

- Lá thư thứ nhất đến từ Pondicherry; cái thứ hai là từ Dundee, và cái cuối cùng gửi từ London.

- Từ khu Đông London. Anh có thể rút ra kết luận gì?

- Các nơi đó đều là những hải cảng. Có lẽ những người viết thư làm việc trên tàu, thuyền.

- Tuyệt. Vậy chúng ta đã có một manh mối rồi. Không còn nghi ngờ gì nữa, rất có khả năng người viết thư đang ở trên một con tàu. Giờ chúng ta sẽ xem xét đến dữ kiện thứ hai. Trong lần thứ nhất thư gửi đi từ Pondicherry, phải mất bảy tuần, lời đe dọa mới thành sự thật. Còn từ Dundee thì chỉ mất có ba, bốn ngày. Điều này nói lên cái gì?

- Quảng đường từ Pondicherry xa hơn.

- Nhưng chính bức thư cũng phải đi quãng đường dài đúng như thế.

- Thế thì tôi cũng không rõ nữa.

- Chí ít cũng có thể giả thiết thế này: Người đó, hoặc nhóm người đó, đang sống trên một chiếc thuyền. Dường như chúng luôn gửi đi những lời cảnh báo trước khi thi hành bản án. Anh thấy không, sau khi bức thư từ Dundee gửi tới, vụ việc xảy ra rất chóng vánh. Nếu chúng đi tàu từ

Pondicherry đến thì chúng phải đến nơi gần như cùng lúc với bức thư chứ. Nhưng trên thực tế, chúng phải mất bảy tuần mới tới nơi. Tôi nghĩ, thời gian chênh lệch ấy cho thấy, bức thư do bưu điện chuyển theo đường hàng hải; còn người viết thư thì lại đi bằng thuyền.

- Có thể là như vậy.

- Không chỉ là “có thể”, mà là gần như chắc chắn! Vì vậy, anh có thể thấy được mối nguy cấp bách trong vụ cuối. Do vậy tôi mới nhắc nhở John phải hết sức cẩn thận. Tai họa luôn xảy ra sau khi những kẻ viết thư kết thúc cuộc hành trình. Lần này nó lại được gửi đi từ London, vì thế chúng ta không thể trì hoãn thêm nữa.

- Lạy Chúa! - Tôi bàng hoàng kêu lên - Cuộc truy đuổi điên rồ độc ác này có nghĩa lý gì vậy?

- Giấy tờ mà ngài Openshaw cầm, rõ ràng là có ý nghĩa sống còn với tên giết người hoặc tổ chức khủng bố này. Tôi nghĩ, rõ ràng bọn chúng nhất định phải có mấy tên, nếu không thì không thể liên tiếp gây ra hai vụ án mạng mà không để lại bất kỳ dấu vết nào như vậy được. Và bọn chúng phải là những sát thủ quyết đoán, giết người không ghê tay, mới lừa được cảnh sát và bồi thẩm đoàn. Bọn chúng nhất quyết lấy lại đồng giấy tờ ấy bằng bất cứ giá nào, cho dù nó đang ở trong tay ai đi chăng nữa. Do vậy có thể thấy, K. K. K không phải là tên viết tắt của một người, mà là của một tổ chức.

- Nhưng là tổ chức nào?

- Anh chưa bao giờ... - Holmes hạ giọng, vươn người ra trước, hỏi nhỏ - chưa bao giờ biết đến hoặc nghe nói tới ba chữ Ku Klux Klan à?

- Tôi chưa hề nghe.

- Anh nhìn xem. - Holmes lật mấy trang sách trên đùi rồi đọc: - “*Ku Klux Klan*” là tên một tổ chức bắt nguồn từ âm thanh giống tiếng lên qui-lát một khẩu súng. Tổ chức bí mật đáng sợ này do những cựu binh của quân đội miền Nam sau nội chiến lập ra và nhanh chóng có các chi nhánh ở nhiều bang khác. Trong đó chủ yếu là các bang Tennessee, Louisiana, Carolina, Georgia và Florida. Tổ chức này dùng bạo lực để thực hiện những mục tiêu chính trị, chủ yếu là phản đối quyền bầu cử của người da đen và sát hại những người không có cùng quan điểm với chúng. Trước khi ra tay, chúng

thường gửi cho nạn nhân những đồ có hình dạng kỳ quái nhưng vẫn còn nhận ra được, ví dụ như một cành sồi, vài hạt dưa, hoặc vài hạt cam. Sau khi nhận được những thứ đó, nạn nhân có thể công khai tuyên bố từ bỏ quan điểm trước kia, hoặc chạy trốn ra nước ngoài. Nếu dũng cảm chống lại, nạn nhân sẽ không tránh khỏi những cái chết kỳ lạ, không ngờ được. Bọn chúng có tổ chức rất chặt chẽ, biện pháp hành động hiệu quả và hoàn hảo đến nỗi hầu như không ai có thể thoát khỏi tay chúng nếu đã nhận được lời cảnh cáo. Và cũng không ai có thể chứng minh được đó là các vụ giết người; không thể tìm ra được tội phạm để mà vạch mặt. Mặc dù chính phủ Mỹ và các tầng lớp nhân dân tiến bộ ở miền Nam ra sức ngăn chặn, nhưng tổ chức này vẫn tồn tại và ngày càng mở rộng. Nhưng cuối cùng, vào năm 1869, tổ chức này đột nhiên chấm dứt hoạt động, cho dù sau đó vẫn có vài vụ lẻ tẻ xảy ra...”

Rồi Holmes đặt quyển sách trên tay xuống, trầm ngâm nói tiếp:

- Anh có thấy không, thời gian tổ chức này ngừng hoạt động trùng với thời gian Openshaw cầm theo đồng giấy tờ biến mất khỏi nước Mỹ. Hai sự việc này có khả năng liên quan với nhau. Không phải ngẫu nhiên mà đám người tàn ác kia cứ truy sát gia đình Openshaw. Chắc anh có thể nhận ra đồng giấy tờ và nhật ký kia có liên quan đến những nhân vật có máu mặt ở miền Nam nước Mỹ, và những người đó có thể sẽ mất ăn mất ngủ nếu đồng giấy tờ đó chưa được tìm ra.

- Vậy mảnh giấy mà chúng ta xem được...

- Đúng như suy nghĩ của chúng ta thôi. Nếu tôi nhớ không nhầm thì trong đó có viết: “Đã gửi hạt cam đến cho A, B, C”, điều đó có nghĩa là tổ chức giết người đó đã gửi những lời cảnh cáo đến cho họ. Tiếp đó lại thấy ghi A, B đã biến mất, hoặc đã ra nước ngoài. Cuối cùng còn ghi thêm đã đến thăm C, tôi e rằng nhân vật này cũng sẽ gặp một chuyện khủng khiếp không kém gì các nạn nhân khác. Này, anh bạn bác sĩ của tôi, chúng ta có thể đã có chút manh mối nào đó. Và tôi tin rằng lúc này là cơ hội duy nhất cho anh chàng John, nếu anh ta làm theo đúng những gì tôi dặn. Tối nay thì không có gì để làm nữa. Anh hãy đưa cây vĩ cầm cho tôi, để tôi dùng nó xua đi những

điều khủng khiếp đã xảy ra với gia đình bất hạnh của John, và cả cái thời tiết khốn khổ này.

Sáng sớm hôm sau, bão đã tan. Mặt trời bình thản chiếu những tia nắng rực rỡ qua màn sương mù khổng lồ bao phủ thành London. Khi tôi xuống nhà thì đã thấy Holmes đang ăn sáng rồi.

- Anh không phiền vì tôi không đợi anh chứ? - Holmes lên tiếng - Tôi đoán là cả ngày hôm nay sẽ rất bận rộn với vụ án của chàng trai nhà Openshaw.

- Anh định sẽ làm thế nào? - Tôi hỏi.

- Điều này phụ thuộc rất nhiều vào kết quả của cuộc điều tra đầu tiên của tôi. Tóm lại, chắc tôi phải đi Horsham một chuyến.

- Anh không đến đó trước sao?

- Không, tôi sẽ bắt đầu từ trong thành. Chỉ cần bấm chuông thì người hầu sẽ mang cà phê lên cho anh...

Trong khi đợi cà phê, tôi cầm tờ báo chưa mở trên bàn và đọc qua các mục. Một dòng tít lớn trên báo đập vào ngay mắt và tôi chột rùng mình, người lạnh toát.

- Holmes! - Tôi kêu lên - Anh chậm mất rồi.

- Gì cơ? - Holmes đặt cốc cà phê xuống bàn - Quả đúng như tôi đã lo. Chuyện xảy ra thế nào?

Holmes nói rất bình tĩnh, nhưng tôi có thể cảm nhận được rằng anh đang xúc động mãnh liệt.

- Tôi thấy cái tên Openshaw, và tiêu đề: “*Bi kịch ở cầu Waterloo*” đập ngay vào mắt. Bài báo viết như sau: “*Khoảng 9 đến 10 giờ tối qua, viên cảnh sát Cook thuộc đội H. đang làm nhiệm vụ ở gần cầu Waterloo thì đột nhiên nghe thấy tiếng kêu cứu, và tiếng một vật gì đó khá nặng rơi xuống, làm nước bắn tung tóe. Đêm hôm qua trời tối đen như mực, gió bão gầm thét, nên cho dù có rất nhiều người qua đường giúp đỡ nhưng cũng không thể cứu được người bị rơi xuống sông. Cảnh sát được gọi tới và lập tức nổi còi báo động, thi thể người chết đã được vớt lên. Người xấu số là một chàng trai trẻ. Và theo tên trên phong bì mang trong người thì đó là John Openshaw, sống ở Horsham. Người ta cho rằng, có lẽ vì quá vội vàng đến*

ga Waterloo để bắt kịp chuyến tàu cuối về Horsham nên anh ta đã bị lạc đường. Rồi trong đêm tối mịt mù mưa bão, anh ta bước qua lan can một bến đỗ và đã trượt chân rơi xuống sông. Trên xác nạn nhân không có dấu hiệu bị đánh đập; rõ ràng đây là một cái chết do tai nạn - một trường hợp đáng tiếc. Điều này giống lên một hồi chuông cảnh báo về tình trạng an toàn xung quanh các bến đỗ tàu thủy ở bờ sông”.

Chúng tôi ngồi lặng đi một lúc. Chưa bao giờ tôi thấy Holmes tỏ ra buồn bã và xúc động như vậy.

- Chuyện này thật là một đòn đau đối với tôi, Watson ạ! - Cuối cùng thì Holmes cũng ân hận lên tiếng - Đây là một chuyện đáng buồn và nó khiến cho lòng tự hào của tôi bị tổn thương. Bây giờ, việc này đã trở thành việc của riêng tôi rồi. Nếu Chúa cho tôi đủ sức mạnh, tôi sẽ bắt cả băng nhóm tội phạm này phải đền tội. Anh ta đến cầu xin tôi giúp đỡ, vậy mà tôi lại đẩy anh ta vào chỗ chết...

Anh đứng bật dậy, đi đi lại lại trong phòng, không kiềm chế nổi. Đôi má hõm lại một cách dữ tợn, ánh mắt bùng lên sự căm tức, bàn tay anh hết nắm vào lại duỗi ra.

Cuối cùng, anh nói to:

- Bọn này thật ranh ma, làm sao chúng có thể lừa John đi đến chỗ đó được? Bờ sông đâu phải là đường dẫn đến ga. Cho dù anh ta có làm theo đúng ý định của chúng, thì trên cầu lúc đó chắc chắn vẫn có rất nhiều người cơ mà. Watson, anh hãy chờ xem ai là người chiến thắng sau cùng. Giờ tôi phải đi ngay đây!

- Đi báo cảnh sát ư?

- Không, tôi sẽ tự đóng vai cảnh sát. Đợi tôi giăng xong bẫy, chúng ta có thể bắt gọn cả lũ ruồi muỗi này. Đến lúc ấy, chúng chỉ còn mỗi cách bay lên mới thoát được.

Cả ngày hôm đó, tôi bận bịu với công việc ở phòng khám, khi trở về phố Baker thì trời đã tối lắm rồi. Holmes vẫn chưa về nhà. Mãi đến khoảng 10 giờ đêm anh mới trở về với bộ mặt trắng bệch và dáng vẻ vô cùng mệt mỏi. Anh đi thẳng đến bên chiếc tủ đựng thức ăn, ngẫu nhiên bánh mì và uống ừng ực từng ngụm nước lớn.

- Anh đói lắm à?
- Đói đến chết mất! Tôi quên cả ăn, từ sau bữa sáng đến giờ chẳng có gì bỏ bụng.

- Chưa ăn gì? Anh nhin à?

- Tôi chưa ăn, cũng không có thời gian nghĩ đến ăn uống nữa.

- Thế mọi việc ra sao rồi?

- Rất tốt.

- Có bằng chứng rồi sao?

- Bọn chúng đã nằm trong tay tôi. Mỗi hận của anh chàng Openshaw sẽ sớm được rửa. Watson, chúng ta sẽ dùng chính dao của chúng để giết chúng. Đó là kết quả của những suy tính kỹ lưỡng của tôi đấy.

- Ý anh là sao?

Holmes lấy một quả cam trong tủ, bóc vỏ và tách ra mấy múi, lấy mấy hạt đặt trên bàn. Anh chọn ra năm hạt cam rồi bỏ nó vào trong một chiếc phong bì. Phía trong anh viết: “*S.H thay mặt J.O*”. Sau đó, anh đề trên phong bì: “*Gửi thuyền trưởng James Calhoun, thuyền Lone Star, Savannah, bang Georgia, Hoa Kỳ*”.

- Khi hắn ta vào đến cảng thì bức thư này cũng sẽ đợi sẵn hắn. - Holmes cười đắc ý, nói tiếp - Bức thư sẽ khiến hắn mất ăn mất ngủ. Hắn sẽ không được sống yên ổn và phải chịu cùng số phận như John Openshaw.

- Thuyền trưởng James Calhoun là ai vậy?

- Hắn là thủ lĩnh của bọn khốn kiếp ấy. Dần dần tôi sẽ trừng trị cả bọn chúng, nhưng hắn là kẻ phải bị trừng trị đầu tiên.

- Vậy anh đã dùng cách nào để lần ra bọn chúng?

Anh lấy trong túi áo ra một tờ giấy to, trên đó chỉ chút những dòng chữ ghi ngày tháng và tên người.

- Tôi phải mất cả ngày đấy. Cả ngày cúi đầu vào tập hồ sơ theo dõi hải trình của các con tàu cập bến Pondicherry trong tháng 1 và tháng 2, năm 1883. Theo đó thì trong hai tháng có ba mươi sáu con tàu cập bến. Trong đó tàu Lone Star khiến tôi chú ý ngay vì dù địa điểm xuất phát của nó là từ London, nhưng con tàu lại được đặt tên theo biệt danh của một bang bên Mỹ.

- Hình như là bang Texas thì phải.
- Là bang nào thì tôi cũng không chắc lắm, chỉ biết đó là một con tàu của Mỹ.

- Sau đó thì sao?
- Tôi lại đến tìm hồ sơ ở Dundee. Khi tôi nhìn thấy tên con tàu Lone Star đến đó vào tháng 1 năm 1885, mỗi nghi ngờ đã được xác thực. Tiếp đó, tôi đến kiểm tra lịch trình của con tàu Lone Star ở cảng London.

- Kết quả?
- Con tàu đã đến London từ tuần trước. Tôi liền hỏi thăm và được biết con tàu đã nhổ neo lúc thủy triều lên sáng nay, về Savannah. Tôi bèn gửi điện báo đến Gravesend, họ nói Lone Star vừa chạy qua đó không lâu. Vì gió thổi theo hướng đông nên tôi tin chắc nó vừa vượt qua Goodwin, và hiện giờ cách hòn đảo Wight không xa.

- Vậy anh tính sẽ làm gì?
- Tôi sẽ đi bắt hãn. Chỉ có hãn và hai tên đồng lõa là những người Mỹ trên tàu thôi, còn lại đều là người Phần Lan hoặc người Đức. Tôi còn biết hôm qua, ba kẻ đó đã rời thuyền đi lên bờ. Tin này do hai phu bốc dỡ ở bến cảng tiết lộ cho tôi biết. Khi chúng trở về Savannah thì lá thư đã đến nơi rồi. Lúc ấy tôi sẽ đánh điện thông báo với cảnh sát ở Savannah bắt ba tên này, vì chúng đang bị truy nã ở Anh quốc về tội giết người.

Tuy nhiên, mọi dự đoán tốt nhất của Holmes cũng không tránh khỏi những sai sót. Những kẻ giết John Openshaw không bao giờ có thể nhận được những hạt cam đó, những hạt cam sẽ cho chúng biết trên thế giới này còn những người kiên quyết và khôn ngoan hơn chúng. Những trận bão mùa thu năm ấy kéo dài và rất dữ dội. Chúng tôi luôn chờ đợi tin tức của con tàu Lone Star, nhưng bật vô âm tín. Cuối cùng, chúng tôi cũng nghe được tin ở một nơi nào đó trên Đại Tây Dương mênh mông, có người nhìn thấy một tấm ván trôi nổi có khắc hai chữ “L.S”. Và đó là tất cả những gì chúng tôi được biết về số phận của con tàu Lone Star.

BA NGƯỜI CÙNG HỌ

Vào buổi sáng sớm một ngày cuối tháng 6 năm 1902, Sherlock Holmes nói với tôi, đôi mắt xám tro ánh lên vẻ tinh nghịch:

- Anh Watson, hiện có một cơ hội để anh phát tài đây. Anh đã nghe thấy cái họ “Garrideb” chưa? Nếu tìm được một người mang họ này, anh sẽ kiếm được khoản tiền lớn đấy.

- Tại sao vậy?

- Nói ra thì hơi dài dòng. Tôi cho rằng, trong những vấn đề mà chúng ta đã nghiên cứu, chưa từng có việc nào kỳ lạ như vậy! Gã này sẽ mau chóng đến gặp chúng ta ngay thôi, cho nên bây giờ tôi cũng chẳng muốn nói nhiều. Nhưng trong khi chờ đợi, chúng ta cần tìm ngay một người mang cái họ Garrideb kỳ lạ đó.

Cuốn danh bạ điện thoại để trên bàn, tôi lật giở ra xem, trong lòng chẳng mấy hy vọng, nhưng không ngờ là quả thật có cái họ kỳ lạ đó nằm ở đúng vị trí trong cuốn danh bạ.

- Đây rồi, Holmes! - Tôi đặc ý reo lên.

Anh ấy cầm lấy quyển danh bạ đọc to:

- N. Garrideb, số 136 đường Little Ryder. Đây chính là người viết thư, nhưng chúng ta còn phải tìm một người mang họ Garrideb nữa.

Đúng lúc đó, bà Hudson bê cái khay nhỏ, trên có đặt một tấm danh thiếp vào. Tôi cầm lấy tấm danh thiếp, lướt nhìn qua rồi reo lên:

- Có rồi, đây này. John Garrideb, luật sư, ở bang Kansas.

Holmes nhìn tấm danh thiếp cười:

- Tôi nghĩ, anh còn phải tìm thêm một người nữa đấy! Vị này đã nằm trong dự liệu, có điều, tôi không ngờ sáng nay ông ta lại tới. Nhưng dù sao ông ta cũng sẽ cung cấp cho ta vài thông tin hữu ích.

Vị luật sư người không cao lắm, khỏe mạnh, khuôn mặt bầu bĩnh, nhẵn nhụi, sáng sủa, theo phong cách đặc trưng của các quý ông trong giới kinh

doanh Mỹ. Đôi mắt rực sáng của anh ta khiến ai cũng phải chú ý. Vừa sáng vừa cảnh giác, đôi mắt ấy luôn phản ánh rất nhiều xung đột nội tâm và cũng rất nhạy cảm với từng ý nghĩ thay đổi của người tiếp xúc, thật là hiếm có. Anh ta nói giọng Mỹ khá chuẩn:

- Xin hỏi trong hai vị, ai là ngài Holmes? - Anh ta nói - Thứ lỗi cho sự mạo muội của tôi. Theo tôi được biết, có người cùng họ với tôi viết thư cho ngài phải không?

- Mời ngài ngồi xuống rồi hãy nói! - Holmes cầm tập tài liệu lên - Ngài chính là John Garrideb được nhắc tới trong này ư? Nhưng ngài đã ở Anh một thời gian rồi.

- Thưa ngài, ngài có ý gì vậy? - Mắt ông ta nhìn chúng tôi ánh lên sự nghi ngờ.

- Ngài mặc toàn đồ Anh quốc.

Ông ta miễn cưỡng mỉm cười:

- Tôi đã biết về tài năng quan sát của ngài qua sách báo. Nhưng thật không ngờ mình lại là đối tượng nghiên cứu của ngài. Làm sao mà ngài nhìn ra được như vậy?

- Không cần phải vội, thưa ngài! Bạn tôi nói rằng, đôi khi những chi tiết nhỏ nhất lại có thể giải quyết được vấn đề. Nhưng sao ngài Nathan Garrideb lại không cùng đi với ngài nhỉ?

- Tôi không rõ ông ta lôi kéo ngài vào chuyện gì. - Vị khách đột nhiên phát câu - Việc này đâu có liên quan tới ngài? Vốn chỉ là một sự vụ nhỏ giữa hai người đàn ông đang hoang, vậy mà một người đột nhiên lại đi gặp thám tử! Sáng nay khi tôi gặp ông ta, ông ta nói mình đã làm cái việc ngu xuẩn đó, vì vậy tôi mới tới đây. Nhưng tôi vẫn cho rằng, chơi như thế là không đẹp.

- Việc này đâu có làm ngài mất mặt. Chỉ đơn thuần là ông ấy quá nhiệt tình muốn đạt được mục đích. Mà theo tôi hiểu, mục đích này đều rất quan trọng đối với quan hệ giữa hai người.

Ông ta dần dần dịu bớt cơn tức giận, bộ mặt cau có giãn ra:

- Sáng nay tôi gặp ông ta, ông ta bảo tôi đi gặp thám tử; tôi xin địa chỉ, rồi tới đây ngay. Nếu ngài chỉ là muốn giúp chúng tôi tìm ra người thứ ba thì

cũng chẳng phương hại gì.

- Chính là vậy đó. - Holmes đáp - Nay ngài đã đến đây, tốt nhất là chính ngài hãy nói ra tất cả cho rõ ràng. Ông bạn Watson của tôi vẫn chưa biết gì về vụ này.

- Được thôi! Tôi sẽ cố gắng nói thật ngắn gọn cho các ngài nghe. Nếu ngài là người Kansas, thì chả cần nói ngài cũng biết Alexander Hamilton Garrideb là người thế nào. Ông ấy phát tài nhờ kinh doanh địa ốc, đầu cơ chứng khoán và tích trữ lúa mì ở Chicago. Có tiền, ông ấy dồn vào mua đất để lập những điền trang rộng lớn. Cả phía tây lưu vực sông Arkansas, các khu chăn thả, rừng, ruộng đồng, hầm mỏ... đều của ông ấy. Đó chính là nơi mang lại tiền bạc cho ông ấy.

“Ông ấy không có người nối dõi cũng như họ hàng thân thích - ít nhất là tôi chưa nghe nói bao giờ. Nhưng ông rất tự hào về cái tên họ hiếm hoi của mình, và đó là lý do tôi quen biết ông ấy. Tôi làm luật sư ở một văn phòng trong bang. Ông ấy kinh ngạc khi có một người thứ hai mang cái họ kỳ dị này. Thế là lập tức ông ấy có một ý muốn lạ lùng, muốn tìm trên khắp thế giới xem còn có ai mang họ Garrideb nữa không.

- Hãy tìm cho tôi thêm một người mang họ này! - Ông ấy bảo vậy.

“Tôi trả lời rằng tôi rất bận, không thể đi khắp nơi để tìm được. Nhưng ông ấy lại nói:

- Dù thế nào đi chăng nữa, nếu tình hình phát triển theo ý đồ của tôi, thì ngài có không muốn tìm cũng chẳng trốn tránh được.

“Tôi nghĩ ông ấy đùa, nào ngờ sau đó tôi phát hiện ra rằng tiếng nói của ông ấy rất có trọng lượng.



“Bởi chưa đầy một năm sau thì ông ấy chết và để lại bản di chúc, một bản di chúc cổ quái nhất kể từ khi thành lập bang Kansas cho đến nay. Ông ấy yêu cầu chia tài sản làm ba phần, tôi có thể được một phần với điều kiện là phải tìm được hai người mang họ Garrideb để cho họ hưởng hai phần kia. Mỗi phần tài sản không dưới năm triệu đôla. Nhưng chúng tôi chỉ có quyền hưởng gia tài khi đã trình diện đủ ba người tại văn phòng luật sư, nếu không thì chớ có đụng vào, dù chỉ một xu. Số tiền này hấp dẫn tôi đến mức tôi bỏ cả nghề luật sư để đi tìm... Tôi đi khắp nước Mỹ mà chẳng tìm thấy một ai cả. Sau đó, tôi quay về Anh thử vận may. Tôi phát hiện trong danh bạ điện thoại ở London có một người là Nathan Garrideb. Hai hôm trước tôi đến tìm ông ấy, nói rõ câu chuyện. Nhưng cũng như tôi, ông ấy là người độc thân, chẳng có vợ con gì, chỉ có vài người thân, mà đều là nữ cả!

“Di chúc của ông Alexander yêu cầu cả ba người đều phải là nam giới, vì vậy, nếu ngài tìm giúp được người thứ ba thì chúng tôi sẽ có thù lao thật hậu.”

- Nhưng, thưa ngài! - Holmes vừa cười vừa đề nghị - Tôi thấy cách tốt nhất là đăng tin lên báo để tìm thêm một quý ngài Garrideb nữa.

- Tôi đã đăng rồi, nhưng cũng chẳng tìm được ai cả.

-Ồ! Đây quả là một vấn đề rất thú vị. Đúng rồi, ngài đến từ Topeka phải không? Trước đây, tôi có một người bạn tên là Lysander Starr, tiến sĩ, thị trưởng của Topeka năm 1890, nhưng đã mất.

- Vâng, tên tuổi của ông ấy đến giờ vẫn được mọi người kính trọng. Thưa ngài, việc chúng tôi có thể làm là sẽ thông báo mọi tình hình để ngài biết. Trong vòng một, hai ngày tới, tôi sẽ viết thư báo lại. - Rồi vị khách nhanh chóng đi ra, cũng đột ngột như khi xuất hiện.

Holmes lại châm tẩu thuốc và ngồi im lặng mỉm cười bí hiểm.

- Thật là kỳ lạ, quá kỳ lạ Watson ạ!

- Cái gì lạ chứ?

- Tôi không hiểu con người này nói dối chúng ta từ đầu đến cuối nhằm mục đích gì nhỉ? Ông ta cho rằng mình lừa được chúng ta ư? Tự tới đây, trên người mặc bộ comlê cũ kiểu Anh đã sờn tay và một cái quần cũng cũ không kém. Đồ cũ cả năm rồi vậy mà lại nói là người Mỹ vừa mới sang. Trong mục

tìm người trên báo chưa từng đăng tin của ông ta. Anh biết là tôi chưa từng bỏ qua bất cứ thứ gì trên mặt báo chứ? Từ trước tới nay, tôi chẳng quen một ông tiến sĩ nào ở Topeka cả. Tôi thấy ông ta đúng là người Mỹ thực sự, chẳng qua đã sống lâu ở London nên giọng nói mềm đi chút ít mà thôi. Vậy ông ta định làm trò gì nhỉ, giả vờ đi tìm Garrideb nhằm mục đích gì? Chúng ta phải làm rõ điều này. Còn người kia cũng là giả sao? Watson, hãy thử gọi điện cho ông ta đi!

Tôi quay máy, đầu dây đằng kia cất lên giọng nói yếu ớt run rẩy:

- Đúng, tôi là Nathan Garrideb đây. Có phải ngài là Sherlock Holmes đó không?

Holmes cầm ống nghe, nói ngắn gọn theo thói quen thường lệ của anh:

- Vâng. Ông ấy có tới chỗ tôi. Tôi biết ngài không quen ông ta... Bao lâu rồi nhỉ?... Mới hai ngày thôi à? Tối nay ngài có ở nhà không? Người cùng họ với ngài tối nay chắc không ở nhà ngài chứ?... Vậy chúng tôi sẽ tới. Tôi cần nói chuyện với ngài, nhưng hy vọng sẽ không phải nói chuyện trước mặt ông ta... Tôi nghe nói... vâng. 6 giờ chúng tôi sẽ tới. Đừng nói gì với ông bạn luật sư Mỹ kia... Vâng. Tạm biệt.

Khi con phố Little Ryder chìm trong ánh hoàng hôn vàng, nó chỉ là một ngõ nhỏ của phố lớn, chúng tôi bước vào một ngôi nhà xây theo kiểu kiến trúc thời vua George, rất rộng rãi. Mặt tiền tầng trệt lát gạch màu xanh, với hai cửa sổ lớn. Chủ nhà ở phòng lớn tầng trệt có cửa sổ lớn. Chỉ cái biển đồng phai màu có khắc họ Garrideb lạ lùng, Holmes thận trọng nhận xét:

- Tấm biển này đã có từ lâu rồi, ít nhất cũng là họ thật của ông chủ, điều này đáng chú ý!

Ngôi nhà có một cầu thang chung, phía trên cửa chính có biển ghi tên của văn phòng và căn hộ cho thuê. Khách hàng của chúng tôi đích thân ra mở cửa, ông xin lỗi vì người giúp việc đã về từ lúc 4 giờ rồi. Ông ta rất cao, lưng hơi còng, gầy và hói, khoảng hơn sáu mươi tuổi, nước da trắng nhợt như không có máu, nhưng ấn tượng chung là khá dễ chịu, mặc dù hơi kỳ lạ.

Ngôi nhà cũng lạ lùng như chủ của nó, giống như một bảo tàng nhỏ, phòng sâu mà rộng, xung quanh kê các loại tủ khác nhau, trong đó bày đủ các loại tiêu bản địa chất và mẫu sinh vật. Hai bên lối đi treo đầy những bộ

sưu tập bướm bướm ép khô. Giữa nhà kê một cái bàn rộng, trên để đầy các thứ linh tinh, một chiếc kính hiển vi to tướng làm bằng đồng để ngay chính giữa. Nhìn xung quanh, tôi cảm thấy kinh ngạc trước những sở thích rất rộng của ông chủ. Đây là một hòm tiền cổ, kia là một bộ sưu tập bằng đá. Sau chiếc bàn là một cái giá đựng những hóa thạch cổ, phía trên bày những chiếc sọ người bằng thạch cao có ghi dòng chữ “Người Neanderthan”, “Người Heidelberg”... Rõ ràng đây là người say mê nghiên cứu nhiều môn khoa học.

- Đây là đồng tiền cổ Syracuse. - Ông ta cầm một đồng tiền cổ lên, giải thích - Tôi cho đây là đồng tiền cổ nhất, mặc dù có người mê đồng tiền thời Alexandria hơn. Ở đây còn có một chiếc ghế và một bình hoa cổ của Nhật nữa... Các ngài xem, chúng đều là niềm say mê của tôi. Bác sĩ của tôi thường nói, tôi không nên ra ngoài hoạt động. Ở đây có bao thứ hấp dẫn thế này thì tôi cần ra ngoài làm gì nữa? Tôi dám nói rằng, làm được xong danh mục các đồ cổ trong một cái tủ thôi cũng phải mất vài ba tháng trời.

Holmes ngắm nghía khắp nơi có vẻ như rất tò mò, rồi hỏi:

- Ngài không bao giờ ra ngoài ư?

- Rất ít khi, sức khỏe tôi không tốt, với lại việc nghiên cứu đã chiếm hết cả thời gian rồi. Nhưng ngài có thể hình dung, khi tôi nghe được thông tin may mắn đó, tôi thấy vô cùng kinh ngạc! Chỉ cần một người họ Garrideb nữa là xong! Chúng tôi tin chắc là có thể tìm được, thế giới này hẳn sẽ có một người như thế nữa! Tôi nghe nói ngài chuyên điều tra các vụ kỳ án nên đã mời ngài tới. Đương nhiên ông người Mỹ kia nói cũng đúng, nhưng tôi cần tranh thủ ý kiến của ngài trước đã.

- Tôi cho rằng ngài làm vậy là rất sáng suốt. - Holmes tán đồng - Nhưng lẽ nào ngài thực sự muốn thừa kế cái trang viên ở Mỹ đó ư?

- Đương nhiên là không rồi. Chẳng gì có thể làm tôi xa rời những bộ sưu tập của mình được. Nhưng ông người Mỹ kia nói, một khi xong xuôi, ông ta sẽ mua lại toàn bộ phần của tôi, ông ta ra giá là năm triệu đôla. Hiện nay, trên thị trường đã có hơn chục mẫu vật mà bộ sưu tập của tôi còn thiếu, mà tôi chỉ có vài trăm bảng nên không thể mua được. Ngài thử nghĩ xem, nếu tôi có được mấy triệu đôla đó thì sẽ có tiềm lực lớn biết bao! Nói thật, nếu

sở hữu một bộ sưu tập cỡ bảo tàng quốc gia, tôi có thể trở thành nhà sưu tập đồ cổ đương đại lớn nhất đây.



Mắt ông lấp lánh sau cặp kính, xem ra ông có thể bắt chấp tất cả để đi tìm được một người cùng họ nữa.

- Chúng tôi chỉ đến thăm ngài chứ không dám quấy rầy ngài. - Holmes nói - Tôi không có gì nhiều để hỏi cả, vì ngài đã nói rõ cả trong thư gửi cho tôi rồi. Ông khách Mỹ đến cũng bổ sung thêm ít nhiều. Tôi đoán rằng cho đến tận tuần trước, ngài chưa hề quen biết với anh chàng người Mỹ này.

- Đúng vậy. Thứ ba tuần trước ông ấy mới đến tìm tôi.

- Ông ta có nhắc tới chuyện ông ta tới chỗ tôi không?

- Có! Ông ấy về ngay chỗ tôi và tỏ ra rất tức giận.

- Vì sao lại tức giận?

- Ông ấy cho rằng mình bị xúc phạm. Nhưng sau đó lại rất vui.

- Ông ta có đưa ra kế hoạch hành động gì không?

- Không!

- Ông ta có hỏi hoặc mượn tiền của ngài không?

- Không! Chưa hề.

- Ngài không cho rằng, có thể ông ta có mục đích khác chứ?

- Không, ngoại trừ việc mà ông ta nói ra.

- Ngài có cho ông ta biết về cuộc gặp gỡ này của chúng ta không?

- Ồ, có. Tôi có nói.

Holmes bỗng im lặng suy nghĩ. Tôi biết anh đang nghi ngờ:

- Trong bộ sưu tập của ngài, có thứ gì giá trị lớn không?

- Không. Tuy là bộ sưu tập quý, nhưng không có gì đắt tiền lắm.

- Ngài không sợ bị mất cắp ư?

- Không sợ gì cả

- Ngài sống ở đây được bao lâu rồi?

- Gần năm năm.

Tiếng kẹt cửa cắt ngang câu hỏi của Holmes. Ông chủ vừa mở cửa thì ông khách người Mỹ phấn khởi xông vào.

- Tìm thấy rồi! - Ông ta hươ hươ tờ báo trong tay hứng chí nói lớn - Thưa ngài Nathan Garrideb, chúc mừng ngài, ngài phát tài rồi. Công việc tìm kiếm của chúng ta đã kết thúc vẹn toàn, tất cả đều thuận lợi! Thưa ngài

Sherlock Holmes, chúng tôi chỉ có thể nói với ngài rằng, thật đã làm phiền ngài quá, rất xin lỗi ngài.

Rồi ông ta đưa cho chủ nhà tờ báo; chủ nhà mở to mắt đọc những dòng quảng cáo cỡ rất lớn... Hai chúng tôi cũng ghé nhìn qua vai chủ nhà. Nội dung mục đó như sau:

“Howard Garrideb - nhà sản xuất và kinh doanh máy nông cụ

Kinh doanh các loại máy gặt đập, máy cày tay và cày máy chạy bằng hơi nước, máy gieo hạt, máy xới đất, xe tải chuyên dụng, xe ngựa bốn bánh và các thiết bị khác, bao thầu khoan giếng bơm tay.

Địa chỉ: Khu Grosvenor, Aston...”

- Thật tuyệt! - Ông chủ nhà phấn khởi nói - Vậy là đủ ba người rồi.

- Tôi đã từng đi điều tra ở Birmingham. - Người Mỹ kia cũng háng hái không kém - Người đại diện của tôi đã cắt phần quảng cáo này gửi cho tôi. Chúng ta cần khẩn trương hoàn thành cho xong mọi thủ tục. Tôi đã viết thư cho người này, hẹn ông ta 4 giờ chiều mai sẽ đến văn phòng của ông ta để bàn bạc.

- Ngài muốn tôi tới gặp ông ta à? - Ông chủ nhà nghi ngại hỏi.

- Ngài thấy thế nào? Ngài không cảm thấy sắp xếp như vậy là sáng suốt hơn ư? Tôi là một lữ khách người Mỹ, tuy tôi kể ra một câu chuyện rất đẹp nhưng lại hơi hoang đường, họ dựa vào cái gì để tin tôi đây? Còn ngài là một người có địa vị trong xã hội Anh, họ không thể không coi trọng lời nói của ngài. Tôi đã muốn đi cùng ngài, nhưng ngày mai tôi lại rất bận. Nếu ở đó, ngài gặp khó khăn gì, tôi sẽ sẵn sàng tới ngay.

- Nhưng lâu lắm rồi tôi chưa đi xa như vậy.

- Không sao, thưa ngài Garrideb, tôi đã tính toán cả rồi: 12 giờ ngài lên đường, 2 giờ chiều sẽ đến nơi, ngay tối đó có thể trở về. Việc cần làm của ngài chỉ là gặp người ấy, nói rõ tình hình, lập ra một bản tuyên thệ theo pháp luật để chứng minh sự tồn tại của người này. Tôi còn không quản ngại xa xôi mãi từ Mỹ đến đây, ngài chỉ đi đoạn đường ngắn để làm một việc thì có là gì đâu!

- Đúng. - Holmes chêm vào - Ngài đây nói rất đúng.

Nathan Garrideb nhún vai:

- Được thôi. Ngài đã mang lại hy vọng to lớn cho cuộc đời của tôi như vậy, tôi thực khó mà từ chối yêu cầu của ngài được.

- Thưa ngài, - Người đàn ông Mỹ nói - sáng mai tôi sẽ tới đưa ngài ra ga. Thưa ngài Sherlock Holmes, tôi với ngài không cùng về một đường phải không? Vậy thì tạm biệt nhé, tối mai chờ tin vui của chúng tôi.

Ông người Mỹ đi rồi, sự ngỡ vực trên khuôn mặt của Holmes cũng biến mất, anh tươi tỉnh trở lại.

- Thưa ngài Garrideb, vui lòng cho tôi xem bộ sưu tập của ngài. - Holmes nửa như yêu cầu, nửa như ra lệnh - Đối với nghề nghiệp của chúng tôi, những kiến thức khác nhau đều sẽ có ngày được dùng tới. Căn nhà của ngài chính là một kho tàng tri thức!

Nathan Garrideb đỏ mặt lên vì mừng rỡ, mắt sáng long lanh sau đôi kính:

- Tôi luôn nghe nói ngài là người uyên bác. Nếu ngài có thời gian, tôi sẽ dẫn ngài đi xem một lượt.

- Tiếc là tôi không có nhiều thời gian. Tuy các tiêu bản đều có dán nhãn, nhưng vẫn cần ngài đích thân giảng giải. Ngày mai, nếu có thời gian, ta sẽ xem tỉ mỉ một lượt, nếu ngài không thấy trở ngại.

-Ồ, không có gì! Tôi rất hoan nghênh. Đương nhiên ngày mai nhà tôi đóng cửa. Nhưng trước 4 giờ, bà lao công ở dưới tầng hầm có thể để ngài vào xem.

- Vâng. Vừa hay là chiều mai tôi có thì giờ rảnh rỗi. Nếu ngài nói lại với bà lao công, bà ấy có thể đưa chìa khóa cho thì sẽ không có vấn đề gì. à, nhân tiện xin ngài cho biết, chủ nhà của ngài là ai vậy?

- Đó là văn phòng Holloway và Steele. Nhưng vì sao ngài lại hỏi chuyện này? - Nathan Garrideb có vẻ hơi ngạc nhiên trước câu hỏi bất ngờ này.

- À, tôi cũng ham thích môn kiến trúc cổ. - Holmes vừa cười vừa nói - Không biết ngôi nhà này được xây từ đời vua George hay từ thời nữ hoàng Anne?

- Chắc chắn là từ triều vua George.

- Tôi cảm thấy niên đại còn sớm hơn thế nữa. Nhưng không sao, điều này cũng dễ làm rõ thôi mà. Bây giờ xin tạm biệt ngài và chúc ngài lên

đường may mắn.

Người cho thuê nhà ở ngay gần đó, nhưng trời đã nhá nhem tối nên chúng tôi quay về phố Baker. Sau bữa tối, Holmes lại nói tới đề tài này:

- Bài toán nhỏ này của chúng ta sắp tới hồi kết rồi. Chắc anh đã có phương án giải quyết rồi chứ?

- Tôi vẫn chưa rõ đầu đuôi ra sao.

- Phần đầu đã rất rõ rồi, phần đuôi thì phải chờ ngày mai. Anh không thấy có gì lạ trong cái tin rao vặt của tờ quảng cáo đó à?

- Tôi để ý thấy chữ “cày” bị sai.

- Anh cũng nhận ra ư? Hay quá Watson ạ, anh càng ngày càng tiến bộ. Nhưng cách viết đó ở Anh thì sai, còn ở Mỹ lại đúng. Thợ sắp chữ cứ theo nguyên bản mà sắp. Còn cụm từ “xe ngựa bốn bánh” cũng viết theo kiểu Mỹ. Giếng khoan bơm tay ở Mỹ phổ biến hơn ở Anh. Tóm lại đó là một quảng cáo Mỹ điển hình, vậy mà lại tự xưng là công ty của Anh quốc. Anh có biết là vì sao không?

- Theo tôi thì chính tay người Mỹ kia đăng quảng cáo. Nhưng mục đích của anh ta là gì thì tôi không rõ.

- Như vậy có thể có nhiều cách giải thích khác nhau. Nhưng nói gì thì nói, trước tiên là ông ta muốn điều ông già này đi chỗ khác. Tôi định nói ngài đừng đi cho mất công, nhưng nghĩ kỹ lại thấy cứ để cho ông ấy đi một chuyến, nhà vắng người cũng tốt. Watson này, ngày mai sẽ rõ cả thôi.

Sherlock Holmes đi từ rất sớm, buổi trưa mới về. Tôi thấy anh có vẻ rất trầm tư. Anh nói:

- Vụ này còn nghiêm trọng hơn tôi nghĩ. Tôi phải nói thực với anh, tuy biết sau khi nói thì anh càng muốn mạo hiểm hơn. Làm bạn với nhau nhiều năm, đương nhiên là tôi rất hiểu tính khí của anh. Nhưng vụ này nguy hiểm đấy, tôi báo trước để anh đề phòng.

- Nhưng đây có phải là lần đầu chúng ta cùng mạo hiểm đâu. Tôi cũng hy vọng đây không phải là lần mạo hiểm cuối cùng. Anh hãy nói đi, lần này có gì đặc biệt vậy?

- Chúng ta gặp phải một vụ án rất gai góc. Tôi đã điều tra rõ thân phận thực sự của luật sư John Garrideb rồi, hẳn ta vốn là sát thủ Killer Evans nổi

tiếng tàn bạo và thâm hiểm.

- Tôi vẫn chưa hiểu rõ lắm.

- Tôi vừa mới đi thăm ông bạn già ở Sở Cảnh sát. Tuy ông ấy có đôi lúc thiếu óc tưởng tượng, nhưng về mặt phương pháp và cần cù thì có thể nói là vẫn đứng hàng đầu. Tôi muốn qua hồ sơ của họ để lần ra manh mối vị khách người Mỹ này. Quả nhiên, trong tầng thư căn cước tôi đã phát hiện ra khuôn mặt phúng phính ngây thơ của anh ta. “James Winter - có biệt danh Killer Evans.” Đó là tên trên ảnh.

Holmes lấy một bức thư từ trong túi ra, rồi nói:

- Tôi có chép lại vài mốc chủ yếu của hắn: bốn mươi tư tuổi, nguyên quán Chicago. Ở Mỹ, hắn đã bắn chết ba người. Do có ảnh hưởng về chính trị mà Evans thoát khỏi vòng lao lý. Năm 1893 tới London, tháng 1 năm 1895 bắn chết một người trong vụ cãi cọ do đánh bạc ở một câu lạc bộ đêm. Y bị xác định là người ra tay trước. Khám nghiệm tử thi cho thấy, kẻ bị bắn chết chính là một tay làm tiền giả có tiếng ở Chicago. Năm 1901, Evans được thả ra, và từ đó luôn bị cảnh sát theo dõi, nhưng không thấy hắn làm gì. Kẻ nguy hiểm này thường mang theo vũ khí và luôn sẵn sàng nhả đạn.

- Nhưng hắn đang làm trò gì vậy?

- Điều đó đang dần sáng tỏ. Tôi vừa tới chỗ người cho thuê nhà, họ nói, thân chủ của chúng ta đã ở ngôi nhà ấy năm năm rồi. Trước đó, một năm trời không có ai thuê cả. Còn trước nữa, có một người không nghề nghiệp thuê. Chủ nhà còn nhớ rất rõ khuôn mặt anh ta. Nhưng rồi anh ta đột nhiên biến mất, chẳng có tin tức gì. Anh ta người cao, râu quai nón, da ngăm đen. Cảnh sát cho biết, kẻ bị Evans giết chết trong vụ đánh bạc người cũng cao, có râu và da cũng đen. Có thể giả định là tên tội phạm người Mỹ đã chết kia vốn trọ ở ngôi nhà mà ông bạn ngây thơ của chúng ta hiện nay đang dùng làm viện bảo tàng. Anh thấy chưa, thế là có manh mối rồi.

- Bước tiếp sau thì sao?

- Chúng ta sẽ phải tìm ra mối liên hệ thôi!

Anh lấy khẩu súng ngắn trong ngăn kéo ra, đưa cho tôi:

- Tôi dùng khẩu súng cũ của tôi. Nếu anh bạn miền viễn tây này của chúng ta hành động như biệt danh của hắn, thì chúng ta phải đề phòng thật

cẩn thận.

Khi chúng tôi tới nơi ở kỳ quái của Nathan Garrideb thì vừa đúng 4 giờ. Bà lao công đang định ra về, nhưng rồi lại sẵn sàng cho chúng tôi vào ngay. Trên cửa lắp khóa đặc biệt, Holmes hứa rằng khi nào ra sẽ đóng lại cẩn thận. Bà ta đội mũ rồi đi ra. Căn phòng tầng dưới chỉ còn lại hai chúng tôi. Góc nhà kê một cái tủ cách tường một khoảng hẹp, chúng tôi bèn trốn vào góc sau cái tủ đó. Holmes khẽ nói về kế hoạch của anh:

- Hẳn muốn dụ ông bạn thật thà này ra khỏi đây. Nhưng do ông này ít khi ra khỏi nhà, nên hẳn đã nghĩ ra cách lừa này cho ông ta đi để đạt mục đích. Phải thừa nhận rằng, mặc dù cái họ cổ quái kia khiến cho hẳn lúc ban đầu nảy ra một ý tưởng rất kỳ quặc, nhưng những lời bịa đặt của hẳn mới gian xảo làm sao!

- Hẳn muốn đạt được cái gì đây?

- Theo quan sát của tôi, có lẽ không liên quan tới khách hàng của chúng ta. Việc này chỉ liên quan tới người đã bị hẳn bắn chết. Tên kia có thể là kẻ đồng phạm của hẳn. Tóm lại, trong căn nhà này ẩn giấu một bí mật tội ác. Đầu tiên, tôi nghĩ hay là trong những vật ông chủ kia sưu tập có gì đó rất có giá trị mà ông ta không biết chẳng. Nhưng tên tội phạm làm bạc giả đã từng ở đây, vậy thì không giản đơn như vậy. Watson, chúng ta hãy kiên nhẫn chờ xem sự thể thay đổi ra sao!

Thời gian trôi đi rất nhanh. Khi nghe tiếng mở cửa, chúng tôi nấp càng kỹ hơn. Sau đó có tiếng leng keng của chìa khóa kim loại, rồi tên người Mỹ kia bước vào nhà. Hẳn nhẹ nhàng đóng cửa lại, nhìn xung quanh rất cảnh giác, cởi bỏ áo khoác, đi thẳng tới chiếc bàn lớn ở giữa phòng, động tác rất nhanh nhẹn và chuẩn xác. Hẳn đẩy cái bàn sang một bên, kéo tấm thảm dưới sàn ra, cuộn lại, sau đó rút ra một cái xà beng nhỏ, nện mạnh ván sàn lên. Tiếng tấm gỗ sàn trượt đi kêu cọt két, và dưới sàn nhà xuất hiện một cái lỗ vuông. Tên sát thủ Evans châm một cây nến rồi mất hút luôn dưới cái lỗ ở sàn nhà.

Holmes chạm nhẹ vào cánh tay tôi, báo rằng cơ hội đã đến. Chúng tôi rón rén bước ra khỏi chỗ nấp, tới miệng cái lỗ. Dù chúng tôi đã rất thận trọng nhưng ván sàn vẫn phát ra tiếng kêu khe khẽ. Bởi thế, đầu người Mỹ

kia bỗng nhô lên khỏi cái lỗ ở sàn nhà, hần lo lắng ngó nghiêng bốn phía. Gương mặt đầy vẻ giận dữ quay sang chúng tôi, nhưng rồi lại nở một nụ cười gượng gạo khi thấy hai khẩu súng ngắn đang chĩa thẳng vào đầu.

Nhanh như chớp, hần cũng rút súng ra bắn liền hai phát. Tôi thấy đầu bỗng rất như bị một thanh sắt nung đỏ chạm mạnh. Sau đó chỉ nghe thấy “bốp” một tiếng, Holmes đã dùng báng súng nện vào đầu hần. Tôi mơ màng thấy hần mặt đầm đìa máu đang bò trên sàn. Holmes nhanh tay tước luôn vũ khí của hần, rồi anh mới đưa cánh tay rắn chắc ra ôm lấy tôi, dìu lên trên ghế:

- Watson, anh không sao chứ? Lạy Chúa, anh không bị thương nặng đấy chứ?

- Không sao đâu, đạn chỉ sượt qua da tí thôi!

Thái độ cuồng cuồng của Holmes làm tôi thấy cảm động vô cùng. Vì tôi biết rằng, ẩn sâu dưới vỏ bọc lạnh lùng của anh là một tình cảm chân thành thực sự.

Anh lấy dao rạch quần tôi ra xem rất kỹ. - Anh nói đúng. - Holmes tỏ ra yên tâm hơn - Chỉ là vết thương ngoài da thôi.

Rồi quay sang phía tên người Mỹ, thấy hần đang hoang mang cố ngồi dậy, anh nói:

- May cho nhà người. Nếu người sát hại Watson thì đừng hòng sống mà ra khỏi đây. Người có gì để nói không?

Hần không nói gì, chỉ nằm trên sàn, mắt mở trừng trừng, mồm không ngớt nguyên rủa chúng tôi. Holmes đỡ tôi tới miệng hầm bí mật, rồi ngó xuống. Ngọn nến mà Evans đốt vẫn còn cháy bên dưới, chúng tôi nhìn thấy một đồng máy móc đã han gỉ, cùng nhiều cuộn giấy to, với một dãy chai lọ. Trên chiếc bàn con đầy những gói nhỏ buộc dây kỹ lưỡng và được xếp rất cẩn thận.

- Máy in và toàn bộ trang thiết bị dùng in tiền giả. - Holmes ngạc nhiên thốt lên.

- Đúng vậy! - Tên sát nhân nói, rồi cố gượng dậy ngồi lên ghế - Đây là nơi sản xuất tiền giả lớn nhất London. Chiếc máy này là của Prescott, những gói nhỏ trên bàn là hai nghìn tờ một trăm bảng Anh giả có thể lưu thông

khắp nơi, không có chút sai sót nào. Thưa các ngài, các ngài hãy cầm lấy, chúng ta trao đổi công bằng, rồi để cho tôi đi!

Holmes bật cười lớn:

- Thưa ngài Evans, đó không phải là cách làm việc của chúng tôi. Chính ngài đã giết chết Prescott đúng không?

- Đúng vậy, và bị tuyên án năm năm tù, tuy chính hắn đã tấn công tôi. Đáng lẽ tôi còn phải được thưởng một tấm huân chương lớn cơ đấy. Tiền giả của hắn giống hệt tiền của ngân hàng Anh quốc. Nếu tôi không giết hắn, thì tiền giả đã tràn ngập London. Tôi là người duy nhất biết nơi sản xuất tiền giả của hắn, nên đến đây thì có gì là lạ? Khi tôi phát hiện ra cái người mang họ kỳ quặc này chuyên sưu tầm những thứ bỏ đi, nhưng không bao giờ ra khỏi nhà, tôi đành phải tìm mọi cách để dụ ông ta ra ngoài. Có lẽ tôi thủ tiêu ông ta đi thì vừa dễ dàng lại sáng suốt hơn nhiều. Nhưng tôi là người hay mềm lòng, trừ khi đối phương có súng, còn tôi chưa bao giờ dùng súng bắn người. Xin ngài nói xem, tôi có gì sai đây? Tôi không động vào cổ máy ấy, cũng không làm bị thương chủ nhà. Ngài bắt tôi vì tội gì?

- Chỉ là rắc tâm cố ý giết người mà thôi. - Holmes lắc đầu nói - Nhưng đó không phải việc của chúng tôi, sau đây sẽ có người làm việc đó. Watson, hãy gọi điện cho Sở Cảnh sát, họ đã chuẩn bị sẵn sàng rồi đó.

Sau câu chuyện tuyệt diệu về ba người mang dòng họ kỳ quặc Garrideb do Killer Evans dựng lên, ông bạn khảo cổ đáng thương đã bị suy sụp hoàn toàn. Khi cái lâu đài trong mơ của ông ta sụp đổ, ông ta cũng bị chôn vùi luôn trong đó. Và theo tin chúng tôi được biết thì ông đã vào một trại an dưỡng ở Brixton. Còn Evans thì tất nhiên sẽ được một tấm huân chương lớn như hắn ao ước trong bốn bức tường nhà giam. Kẻ sát nhân đã lại trở về nhà của hắn, chốn tù tội ban đầu.

NGƯỜI MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

Sau khi cưới vợ, tôi liền mua một phòng mạch ở quận Paddington của một bác sĩ già là Farquhar. Phòng mạch tuy không có nhiều bệnh nhân, nhưng tôi vẫn tin vào sức khỏe và khả năng của mình, cũng như nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân sẽ tăng mạnh sau vài năm nữa.

Trong suốt ba tháng kể từ ngày mở phòng mạch, tôi ít khi đi thăm người bệnh ở ngoài. Thế nên, vào một buổi sáng tháng 6, khi đang ngồi đọc tờ “Tập chí Y học Anh”, tôi ngạc nhiên khi nghe tiếng chuông cửa, liền theo ngay là cái giọng lạnh lạnh của Sherlock Holmes.

- Anh Watson! - Holmes reo lên khi bước vào phòng khách - Được gặp lại anh, tôi vui lắm. Cô ấy đã hoàn toàn qua khỏi những chấn động trong vụ “Dấu bộ tứ” chưa?

- Cám ơn anh! Vợ chồng tôi đều khỏe... - Tôi đáp và nồng nhiệt bắt tay anh.

Khi ngồi vào ghế, Holmes nói tiếp:

- Ngài bác sĩ còn quan tâm đến những vụ án của chúng ta đấy chứ?

- Ồ, có chứ... Tối hôm qua, tôi vừa cầm cúi soạn những ghi chú cũ để chỉnh lý và phân loại.

- Đã tập hợp được đầy đủ chưa?

- Chưa đâu! Tôi muốn bổ sung cho phong phú và đang mong có cơ hội tìm thêm những vụ án như thế.

- Ví như ngày hôm nay chẳng hạn?

- Vâng. Nếu anh muốn thế...

- Kể cả phải đáp tàu tới tận Birmingham?

- Thì hẳn rồi!

- Thế còn người bệnh?

- Ồ, đã nhiều lần tôi chăm sóc bệnh nhân của đồng nghiệp láng giềng. Nay bắt ông ấy... “trả nợ” chứ sao.

- Chà, thế thì tốt quá! - Holmes reo lên, buông mình xuống ghế đệm.

- À mà vụ gì vậy?

- Tôi sẽ kể ở trên tàu. Thân chủ của tôi đang đợi trên xe. Anh đi ngay chứ?

- Chờ tôi một phút thôi!

Tôi viết nguệch ngoạc vài dòng cho ông bạn láng giềng, lên gác báo cho vợ tôi biết, rồi trở xuống rất nhanh. Khi lên xe Holmes giới thiệu:

- Anh Watson, đây là anh Hall Pycroft, thân chủ của chúng ta. Cho ngựa chạy đi, bác xà ích!

Ngồi trước mặt tôi là một người trẻ tuổi, thân hình cân đối, nước da sáng. Gương mặt cởi mở, hiền hậu, với hàng ria mép hung vàng, hơi xoăn. Anh ta ăn mặc rất lịch sự, chứng tỏ mình là dân London chính hiệu.

- Còn bảy mươi phút nữa thì tới nơi. - Holmes thông báo và quay sang người thanh niên, anh nói - Xin anh vui lòng thuật lại cho bạn tôi hay về nỗi gian truân rất lý thú của mình!

Người đàn ông trẻ tuổi nhìn tôi với ánh mắt tinh nghịch, rồi nói:

- Trước đây, tôi làm việc cho hãng Coxon và Woodhouse, nhưng đầu mùa xuân vừa qua, hãng đó bị phá sản. Hai mươi bảy người chúng tôi đều bị thất nghiệp. Tôi gõ cửa nhiều nơi xin việc, nhưng đều thất bại. Trước kia tại hãng cũ, tôi kiếm được ba bảng mỗi tuần và dành dụm được bảy mươi bảng. Chẳng bao lâu, tôi đã tiêu sạch số tiền đó, và lại rơi vào cảnh trắng tay, thậm chí còn không đủ tiền mua tem để gửi thư tới những nơi “cần tuyển người”. Tôi đã lê mòn gót giày mà chẳng hy vọng kiếm nổi một việc làm.

“Sau cùng, tôi được biết, công ty Mawson và William, công ty môi giới chứng khoán tầm cỡ tại đường Lombard, có một vị trí đang khuyết... Theo lời rao đăng trên báo thì phải phản hồi bằng thư tín. Tôi vội gửi đến đó đủ các giấy chứng nhận khả năng chuyên môn cùng bản lý lịch. Nhưng thực lòng, tôi không hy vọng lắm. Bất ngờ tôi nhận được thư phúc đáp, nói rằng tôi có thể tới nhận việc ngay, nếu tôi có ngoại hình coi được. Khởi đầu, lương tôi cao hơn ở hãng cũ với công việc như vậy.

“Bây giờ tôi sẽ nói về phần kỳ lạ của câu chuyện. Ngay buổi tối hôm nhận được thư hồi âm, khi tôi đang hút một điếu xì gà, lòng dạ thư thái, bà chủ nhà lên phòng tôi, đem theo một tấm danh thiếp có dòng chữ: “Arthur Pinner, nhà môi giới tài chính”. Tôi chưa bao giờ nghe nói đến ông Pinner này, nhưng vẫn mời lên. Đó là một người tầm thước, tóc nâu, mắt đen, râu đen, cái mũi có vẻ như là dân Do Thái. Ông ta nói ngắn gọn, rõ ra một người biết giá trị của thời giờ.

- Anh là Hall Pycroft?

- Phải, tôi đây. - Tôi đẩy ghế tới mời ông ta ngồi.

- Anh đã từng làm việc cho hãng Conxon và Woodhouse phải không? -

Ông ta hỏi tiếp.

- Đúng vậy.

- Và giờ đây được hãng Mawson tuyển dụng?

- Thưa vâng.

- Anh còn nhớ ông Parker, giám đốc hãng Coxon, chứ? Ông ấy khen anh hết lời...

“Tôi rất vui nghe được như thế. ở văn phòng tôi luôn luôn làm việc cần mẫn, nhưng chẳng bao giờ tôi lại nghĩ là thiên hạ nói tốt về tôi đến vậy.

- Anh có trí nhớ tốt không? - Ông ta hỏi tiếp.

- Cũng tạm được! - Tôi tỏ ra khiêm nhường.

- Trong những ngày không có việc làm, anh vẫn quan tâm theo dõi thị trường chứng khoán chứ?

- Sáng nào tôi cũng đọc tạp chí chứng khoán để nắm bắt giá niêm yết.

- Đó là cách người ta làm giàu đấy. Mong anh sẽ không phật ý nếu như tôi kiểm tra anh, cổ phiếu Ayrshires hôm nay có giá bao nhiêu?

- 106 xuống còn 105.

- Thế còn Tập đoàn New Zealand?

- 104.

- Còn Công ty Broken Hills của Anh quốc?

- Giảm từ 7 điểm xuống 6 điểm.

- Tuyệt vời. - Ông ta dang rộng hai tay, reo to - Chính tôi cũng chỉ trả lời được đến thế thôi. Anh bạn quả là giỏi để vào làm cho hãng Mawson.

- Quả có vậy. - Tôi nói với ông Pinner - Nhưng người khác không đánh giá tôi như ông đâu. Tôi sẽ gắng hết sức mình để không phụ lòng tốt của ông.

- Hừm, anh bạn thân mến! Anh bạn có thể bay cao lên hơn thế chứ. Anh chưa ở đúng vị trí xứng đáng. Hãy cho tôi biết, bao giờ anh đến trình diện tại hãng Mawson?

- Thứ hai tới tôi sẽ tới đó.

- Tôi sẵn sàng trả cho anh một khoản tiền, nếu anh không đi làm cho hãng Mawson.

- Khước từ Mawson sao?

- Đừng đến đó, thứ hai này, anh sẽ làm giám đốc thương mại của Công ty trách nhiệm hữu hạn gồm sứ Franco- Midland, có 134 chi nhánh trong các thành phố và thôn làng tại Pháp, chưa kể tới các chi nhánh ở Bỉ và Ý.

“Tôi như bị hụt hơi, nói thì thầm:

- Nhưng tôi chưa hề nghe đến tên công ty đó!

- Chẳng có gì đáng ngạc nhiên. Tất cả điều đó vẫn được giữ bí mật. Vốn hoàn toàn do tư nhân đóng góp: Ông anh tôi, Harry Pinner, là người sáng lập công ty này, có chân trong Hội đồng quản trị, hiện đang làm giám đốc điều hành. Anh tôi đã yêu cầu tôi tìm một người giỏi giang, thành thật... một người trẻ tuổi, có năng lực và đầy nghị lực. Parker đã giới thiệu anh với tôi. Vì thế, tối nay tôi mới tới đây. Chúng tôi tạm thời sẽ trả cho anh mức lương còm là năm trăm.

- Năm trăm bảng một năm? - Tôi như hét lên.

- Đó mới chỉ là... khởi điểm. Anh còn được hưởng khoản hoa hồng một phần trăm trên tất cả mọi thương vụ. Với khoản hoa hồng đó, thậm chí lương của anh sẽ được tăng hơn gấp đôi.

“Tôi choáng cả người, nhưng bất chợt một tia nghi ngờ lóe lên làm tôi lạnh cả gáy. Tôi từ chối khéo:

- Nhưng tôi không biết buôn bán gồm sứ.

- Chậc, chàng trai ơi, anh biết làm nghề đó qua những con số.

“Hai tai tôi ù cả đi. Tôi rất muốn trấn tĩnh, nhưng quả thật khó mà làm nổi:

- Hãng Mawson chỉ trả cho tôi có hai trăm bảng, nhưng Mawson là một doanh nghiệp đang hoàng. Thật ra thì tôi biết quá ít về công ty của ông, nên...

- A ha, được lắm! Hoan hô! - Ông ta reo lên với một cảm xúc không kìm chế nổi - Anh quả đúng là người mà chúng tôi cần. Người ta chẳng thể lừa dối nổi anh và anh đã rất có lý! Hãy cầm lấy tấm ngân phiếu một trăm bảng này! Nếu anh đồng ý với thỏa thuận của chúng ta thì chỉ việc nhét khoản tạm ứng đó vào túi.

- Ông hào phóng quá! Khi nào tôi bắt đầu nhận việc?

- Ngày mai, lúc 1 giờ chiều anh hãy có mặt ở Birmingham! Tôi có sẵn đây một lá thư giới thiệu anh với anh trai tôi. Anh sẽ tìm gặp anh ấy ở 126B đường Corporation, là nơi đặt văn phòng tạm thời của công ty...

- Thật vậy sao, tôi không biết phải cảm ơn ông như thế nào, thưa ông Pinner.

- Ồ, có gì đâu! Anh chỉ nhận những gì đáng được nhận mà thôi. À mà tôi muốn thu xếp việc này với anh. Anh có tờ giấy nào không? Tốt. Anh hãy viết: “*Tôi là Hall Pycroft, ký tên dưới đây đồng ý đảm nhận chức vụ Giám đốc thương mại Công ty trách nhiệm hữu hạn Franco- Midland, với mức lương năm trăm bảng mỗi năm*”.

“Tôi làm theo những gì ông yêu cầu, sau đó ông ta nhét tờ giấy vào túi.

- Còn một chi tiết nhỏ này nữa. - Ông ta lại hỏi - Anh định thế nào đối với hãng Mawson?

- Tôi sẽ viết thư từ chối.

- Đó chính là điều mà tôi không muốn. Tôi đã cãi lộn với giám đốc công ty Mawson về anh. Ông ta hẳn nhiên kết tội tôi đã phỉnh phờ anh rồi bỏ hãng ông ta. Tới phút cuối, vì mất bình tĩnh tôi đã nói đập thẳng vào mặt ông ta: “Nếu như ông muốn có được những người cộng sự giỏi thì ông phải trả lương cao cho họ”. Ông ta đáp: “Người đó thà lãnh lương thấp ở chỗ chúng tôi hơn là lãnh lương cao của ông!”. Tôi điên tiết trả miếng: “Tôi dám cược với ông năm bảng, rằng anh ta sẽ thuận theo lời đề nghị của tôi và ông sẽ mất anh ta”. Ông ta bảo tôi: “Cược đấy! Chúng tôi đã vớt anh ta từ vũng bùn lên, anh ta sẽ không rời bỏ chúng tôi đâu”.

- Rõ lão xược! Tôi đã gặp hắn bao giờ đâu! Với lại, tại sao tôi phải bận tâm đến hắn chứ? Nếu ông không muốn tôi viết cho hắn, thì tôi sẽ không viết!

- Tốt! Như vậy là đã nhất trí với nhau rồi nhé! - Ông ta phần khởi thỏa thuận với tôi khi xô ghế đứng lên - Đây là khoản ứng trước một trăm bảng và đây là lá thư. Ngày mai, lúc 1 giờ chiều anh cần tới đó. Chúc anh một đêm an lành.

“Tôi vô cùng sung sướng trước cơ may này! Sáng hôm sau, tôi vội vã đến Birmingham và tìm tới đúng địa chỉ được cho. Tôi đến trước giờ hẹn 15 phút. Địa chỉ 126B nằm giữa hai cửa tiệm lớn, có một hành lang dài dẫn tới một cầu thang xoáy tròn ốc, bên trên mở ra nhiều căn hộ cho thuê, dùng làm văn phòng cho các công ty. Tên những người thuê nhà được viết trên một tấm bảng. Nhưng tôi không thấy tên cái công ty Franco-Midland. Tôi đang lưỡng lự, tự hỏi phải chăng đây là một vụ lừa đảo... thì có một người xuất hiện và ngỏ lời chào tôi. Người đó giống hệt người đã gặp tôi tối qua, chỉ khác là không có râu, và mái tóc sáng màu hơn.

- Anh có phải là Pycroft không?

- Phải.

- A, tôi đang đợi anh đây; anh đến hơi sớm một chút. Sáng nay, tôi có nhận được thư của chú em. Chú ấy ca ngợi anh hết lời...

- Tôi đang tìm văn phòng của ông.

- Chúng tôi chưa kịp cho ghi tên lên bảng. Thôi, anh hãy theo tôi, chúng ta sẽ bàn công việc...

“Tôi theo ông ta lên tầng cao nhất, sát mái nhà lợp đá xẻ. Tới hai căn phòng nhỏ trống tuềnh toàng, đầy bụi bặm, sàn không thảm, cửa không rèm, ông ta đẩy tôi vào. Tôi đã hình dung đó là một văn phòng lớn với những dãy bàn bóng loáng, những nhân viên xếp hàng đằng sau... như vẫn quen từ thuở nào! Tôi bàng hoàng ngó hai cái ghế dựa lưng lay bên một cái bàn nhỏ, cùng với một cuốn sổ và một cái giỏ đựng giấy vụn. Đó là tất cả đồ đạc có trong nhà.

- Đừng vội chán nản, anh Pycroft! - Ông ta nói lớn, khi thấy rõ vẻ thất vọng của tôi - Thủ đô Rome cũng đâu được dựng lên trong có một ngày.

Chúng tôi rất dư dả vốn liếng, dầu rằng không có một văn phòng lờ lợt. Hãy ngồi xuống và cho tôi xem lá thư!

“Tôi đưa lá thư ra. Ông ta đọc hết sức cẩn thận.

- Đường như anh đã tạo cho chú em tôi ấn tượng rất mạnh. - Ông ta nói khi đặt lá thư xuống - Chú ấy rất có tài phán đoán. Mong anh cứ coi như đã thực sự được tuyển dụng.

- Tôi phải làm gì?

- Anh sẽ sắp xếp kho hàng lớn của chúng ta bên Paris, là nơi sắp tung ra thị trường một loạt đồ sứ Anh quốc trong những cửa hàng lớn, thuộc 134 đại lý của hãng chúng ta ở bên Pháp. Việc mua hàng sẽ được thực hiện xong trong tuần này. Từ nay tới đó, anh sẽ ở lại Birmingham, và chứng tỏ khả năng của mình...

- Qua việc gì chứ?

“Thay cho câu trả lời, ông ta rút trong ngăn kéo ra một cuốn sách lớn màu đỏ.

- Đây là cuốn sách có ghi tên, địa chỉ những cư dân ở Paris và nghề nghiệp của họ. Anh có thể mang cuốn sách này về nhà, lọc ra và ghi lại tên tất cả những nhà buôn gốm sứ cùng địa chỉ của họ. Bản danh sách sẽ giúp ích cho tôi rất nhiều.

- Hẳn là đã có trong những cuốn sách niên giám rồi chứ?

- Chẳng thể tin vào những cuốn niên giám đó. Hệ thống của họ khác với phương thức của chúng ta. Anh hãy làm và đem cho tôi bản danh sách do anh lập vào sáng thứ hai tuần tới, lúc giữa trưa! Hẹn gặp lại!

“Tôi quay về nhà trọ, lòng bộn bề những cảm xúc trái ngược. Một bên, tôi có việc làm, trong túi lại đang có một trăm bảng; còn bên kia là cái văn phòng nghèo nàn. Song ít nhất tôi đã có tiền; rồi muốn ra sao thì ra! Thế là tôi bắt tay vào việc. Suốt ngày chủ nhật, tôi vui mặt trên cuốn sách đỏ, thế mà qua ngày thứ hai, tôi chỉ mới tới vần H. Tôi quay lại công ty đó. Vẫn gặp nhau trong căn phòng trống trải, ông ta bảo tôi cứ tiếp tục, và hãy quay trở lại vào thứ tư. Thứ tư tôi vẫn chưa làm xong. Tôi ráo riết làm việc, cho tới thứ sáu, có nghĩa là ngày hôm qua. Thế là tôi đem danh sách tới cho ông Harry.

- Cám ơn anh rất nhiều! - Ông ta nói - Bản danh sách này rất hữu ích cho tôi.

- Tôi đã mất khá nhiều thì giờ!

- Bây giờ, - Ông ta nói tiếp - tôi muốn anh lập cho tôi danh sách những nhà bán đồ trang trí nội thất, bởi vì những tiệm đó thường bán cả hàng gốm sứ nữa.

- Được.

- Tối mai, lúc 7 giờ anh đến đây cho tôi biết tình hình công việc. Đừng có làm việc quá sức đấy. Hai giờ đi nghe hòa nhạc trong buổi tối sẽ không có hại gì đâu.

“Thế là, ông ta bắt đầu vừa cười vừa nói với tôi. Và tôi chợt nhìn thấy cái răng thứ hai bên hàm trái được bịt vàng, rất xấu xí.”

Sherlock Holmes xoa xoa hai bàn tay vào nhau, dáng vẻ rất thích thú, còn tôi thì ngơ ngác ngó người thanh niên.

- Phải, ông quả có lý khi ngạc nhiên, bác sĩ Watson ạ! - Anh ta nói với tôi - Tuy nhiên, chuyện là như thế. Khi ở London, cái ông đã cười trước ý kiến tôi sẽ không tới hãng Mawson cũng có cái răng bịt vàng y hệt như cái răng tôi trông thấy ngày hôm qua. Tôi thấy giọng nói và dáng dấp giống hệt nhau; chỉ có vài ba nét đặc trưng là khác (có thể nhờ tác dụng của lưỡi dao cạo hoặc một mái tóc giả), tôi thầm tin tưởng một cách chắc chắn rằng hai người này chỉ là một mà thôi. Tất nhiên là có thể có hai anh em giống nhau như đúc, nhưng không thể giống tới mức là cùng có một cái răng được bịt vàng theo một cách như vậy được.

“Trên đường về, tôi không biết mình đang đi bằng chân hay bằng đầu nữa. Quay trở lại khách sạn, tôi rúc đầu vào trong nước lạnh và cố suy nghĩ. Sao hắn ta lại bắt tôi rời London tới Birmingham? Tại sao hắn lại đến Birmingham trước tôi? Hắn viết thư gửi cho chính mình để làm gì chứ? Tôi chẳng lý giải được bất cứ điều gì. Và bất thành linh, tôi hiểu ra rằng, những điều tối tăm đối với tôi có thể lại sáng rõ như ban ngày đối với ông Holmes. Thế rồi tôi đã đến đây.”

Khi câu chuyện kết thúc, chúng tôi cùng im lặng khá lâu. Sherlock Holmes nháy mắt với tôi, ngả người vào đệm ghế:

- Không dở, phải không Watson? Trong vụ này có một chi tiết tôi rất ưng ý. Vậy thì cuộc nói chuyện với cái ông Harry sẽ hấp dẫn đấy nhỉ?

- Nhưng phải làm thế nào? - Tôi hỏi.

- Ồ, quá dễ! - Pycroft reo lên đầy vui sướng - Các ông là hai người bạn của tôi, cùng đi tới đó tìm việc làm. Có gì là không bình thường khi tôi giới thiệu hai ông với tay giám đốc điều hành kia chứ?

- Rất tuyệt! - Holmes nói - Tôi muốn nhìn tận mặt nhân vật đó và thử tìm hiểu trò chơi của y.

Tối hôm đó, lúc 7 giờ, chúng tôi đi bộ đến văn phòng của hội kinh doanh.

- Chẳng cần đến sớm làm chi. - Thân chủ của chúng tôi giảng giải - Chắc là hẳn chỉ tới đó để gặp một mình tôi thôi. Ủa, kia kìa! Hẳn đang đi đăng trước chúng ta kìa.

Anh ta chỉ cho chúng tôi thấy một người tóc hoe vàng, ăn mặc bảnh bao, đang rảo bước trên vỉa hè bên kia. Hẳn ngó một thằng bé bán báo đang rao toáng những cái tíu giật gân, rồi bất chợt chen vào giữa những cỗ xe con và xe buýt để mua một tờ báo, và mất hút sau nơi bậc cửa.

- Chính chỗ đó! - Pycroft kêu lên - Hẳn đang leo lên văn phòng. Hai ông hãy lại đó với tôi!

Chúng tôi leo năm tầng lầu. Pycroft gõ vào một cánh cửa hé mở.

- Cứ vào đi!

Chúng tôi đặt chân vào một căn phòng trống huếch. Ngồi trước cái bàn duy nhất là người đàn ông mà chúng tôi đã thấy ngoài phố, tờ báo trải rộng trước mặt. Khi người đó ngẩng lên, tôi chưa bao giờ trông thấy một khuôn mặt nào hẳn rõ những dấu hiệu mệt mỏi đến thế, không, phải nói là kinh hoàng thì đúng hơn. Vầng trán bóng đầm mồ hôi, đôi mắt long lanh ánh nhìn hoang dại, ông ta như không còn nhận ra người giúp việc của mình nữa.

- Ông hình như bị đau, thưa ông Pinner? - Người thanh niên hỏi lớn.

- Phải, tôi không được khỏe. - Người kia trả lời, cố gắng trấn tĩnh lại. Ông ta thè lưỡi liếm môi trước khi hỏi: - Các ông này là ai vậy?

- Ông này là Harris ở Bermondsey, ông này là Price ở tại đây. - Pycroft trả lời trôi chảy - Họ là bạn tôi, những người kinh nghiệm đầy mình, nhưng

nay lại bị thất nghiệp. Tôi hy vọng ông sẽ tận dụng khả năng của họ trong công việc.

-Ồ, có thể lắm chứ. - Người đọc báo nói, với nụ cười đến rợn cả người - Phải, chúng tôi có thể giúp đỡ hai ông. Thế ông làm nghề gì, thưa ông Harris?

- Tôi làm kế toán. - Holmes trả lời rất nhanh.

- Thế à? Vừa đúng lúc chúng tôi đang cần một người giữ sổ sách. Thế còn ông, thưa ông Price?

- Thư ký hành chính. - Tôi trả lời.

- Hội buôn sẽ thu nhận các ông. Khi nào chúng tôi quyết định, tôi sẽ báo tin. Và bây giờ, tôi mong các ông hãy đi cho. Vì Chúa, xin hãy để tôi được ở đây một mình.

Những lời sau cùng của ông ta bật ra thốt thức như sự kìm nén lâu ngày, giờ bỗng chốc bị vỡ òa ra. Holmes và tôi trao đổi qua ánh mắt, còn Pycroft tiến một bước về phía cái bàn, anh ta nói:

- Thưa ông, ông quên mất rằng ông đã hẹn tôi đến để chỉ thị cho tôi hay sao?

- Tất nhiên rồi. - Người kia trả lời bằng một giọng bình tĩnh hơn - Các ông vui lòng chờ tôi một lát.

Hắn đứng lên và với một dáng điệu rất lịch sự, nghiêng mình khi đi qua chúng tôi, mở một cánh cửa ở phía đầu kia văn phòng, rồi khép lại sau lưng.

- Như vậy là sao? - Holmes thì thầm - Liệu hắn có tuột khỏi tay chúng ta không?

- Không thể! - Pycroft đáp.

- Tại sao?

- Cánh cửa này thông với một căn phòng phía trong.

- Không có lối ra sao?

- Không có lối ra nào khác cả.

- Phòng có bày đồ đạc gì không?

- Cho đến ngày hôm qua nó vẫn còn trống trơn.

- Thế thì hắn có thể làm gì trong đó nhỉ? Trong vụ án này có điều còn khiến tôi chưa hiểu. Cái gì đã khiến hắn run sợ đến thế?

- Hẳn nghĩ chúng ta là cảnh sát! - Tôi nói.

- Đúng vậy! - Pycroft để theo.

Holmes lắc đầu.

- Trông hẳn đã nhột nhột trước khi chúng ta vào đây. Rất có thể là...

Câu nói của anh ấy bị cắt ngang bởi một tiếng “cốc, cốc” khá mạnh từ phía trong cánh cửa căn phòng kia vọng ra.

- Ma xui quỷ khiến gì mà hẳn lại gõ vào cánh cửa như vậy? - Pycroft kêu lên.

Thêm lần nữa và thêm nhiều tiếng “cốc, cốc” mạnh hơn nữa... Chúng tôi bắt đầu thấy bức dọc. Tôi quay sang Holmes, thấy anh im phăng phắc, hơi nghiêng mình ra trước, hết sức căng thẳng. Bất chợt, nghe thấy tiếng “òng ọc” và tiếng đập vào gỗ dữ dội. Holmes lao như tên bắn qua căn phòng, đẩy mạnh cánh cửa. Cánh cửa chốt chặt từ bên trong. Chúng tôi cùng nhau dốc hết sức lực xô mạnh. Một cái bản lề long ra, rồi một cái tiếp theo nữa. Cuối cùng thì cánh cửa cũng bật tung. Chúng tôi đập phứa lên những mảnh vỡ.

Căn buồng trống trơn.

Chúng tôi bối rối trong giây lát. Ở một góc phòng, gần nơi chúng tôi đứng chờ nhất, còn có một cánh cửa thứ hai. Holmes lao tới, mở cánh cửa đó ra. Dưới đất vương tấm áo com lê và cái áo gilê. Buộc vào một cái móc sau cánh cửa, với dây đeo quần của chính mình quấn quanh cổ, Pinner đã tự treo cổ mình lên. Đầu gối hẳn co quắp; tiếng gót giày đập vào cánh cửa là tiếng động cắt ngang câu chuyện của chúng tôi. Trong phút chốc, tôi đã đỡ lấy thân thể hẳn, nâng lên; Holmes và Pycroft tháo gỡ dây... Chúng tôi khiêng hẳn sang phòng bên. Hẳn nằm dài ở đó, mặt sạm đen. Đôi môi tím tái của hẳn khẽ hé mở theo từng nhịp thở...

- Anh nghĩ sao, Watson? - Holmes hỏi.

Tôi cúi xuống, khám rất nhanh. Mạch đập yếu và không đều. Nhưng nhịp thở bớt đứt quãng và hai mi mắt hẳn run run, đủ để hé thấy chút lòng trắng.

- Chậm một chút nữa là rồi đời! Nhưng bây giờ thì hẳn sống rồi. Làm ơn mở cửa sổ ra và đem nước lại đây!

Tôi mở cổ áo hăn ra, rẩy nước lên mặt hăn và làm hô hấp nhân tạo. Lát sau, hăn hít một hơi thở dài và trở lại bình thường.

- Chỉ còn là vấn đề thời gian thôi. - Tôi nói, khi bỏ mặc hăn nằm đó.

Holmes đứng gần bên cái bàn, hai bàn tay thọc sâu trong túi quần, cầm gục xuống ngực:

- Giờ đây chúng ta phải mời cảnh sát tới. Tuy nhiên, tôi vẫn thích giao lại cho cảnh sát một vụ đã được làm sáng tỏ...

- Vụ này thật là khó hiểu! - Pycroft vừa gãi đầu vừa nói - Tại sao bọn chúng lại muốn tôi tới đây, và giữ tôi lại đây? Thế rồi còn gì nữa?...

- Hừ! - Holmes cất giọng vẻ hời hả - Tất cả đã rõ ràng rồi, ngoại trừ cái hành động đột ngột sau cùng này.

- Vậy tức là ông đã hiểu những gì còn lại?

- Phần còn lại thì đã rõ ràng. Anh nghĩ sao Watson?

- Tôi chẳng hiểu gì hết.

- Ồ, xem nào, những chi tiết ban đầu đều dẫn tới một kết luận thôi mà!

- Thế thì, anh lập luận thế nào?

- Tất cả sự vụ dựa trên hai điểm. Thứ nhất là tờ giấy xác nhận mà người ta buộc Pycroft phải viết, và sau đó là việc anh vào làm trong cái công ty ma quỷ này. Anh không thấy tầm quan trọng của điều đó hay sao?



- Không.

- Xem đây! Tại sao bọn chúng lại cần đến những tờ giấy đó? Đâu cần phải đúng phép tắc, bởi vì những thỏa thuận thế này thông thường bằng miệng. Vậy thì tại sao phải có ngoại lệ như vậy? Anh không thấy sao, anh bạn trẻ, rằng họ chỉ muốn thu được mẫu chữ viết của anh, để từ đó đạt được cái cần thiết.

- Tôi chẳng hiểu gì cả.

- Một người nào đó muốn bắt chước nét chữ của anh và hắn ta cố kiếm cho bằng được bản mẫu. Giờ đây, chuyển qua điểm thứ hai, ta sẽ thấy rằng điều thứ hai giúp làm sáng tỏ cho điều thứ nhất. Điểm thứ hai là như thế này: Pinner yêu cầu anh đừng viết thư xin thôi việc, vì muốn để ông giám đốc hãng Mawson tin rằng, có một ông Pycroft (mà ông ta chưa từng gặp mặt lần nào) sẽ tới nhận việc vào sáng thứ hai.

- Ôi lạy Chúa! - Thân chủ của chúng tôi kêu lên - Tôi đúng là ngu ngốc nhất trên đời!

- Giờ thì anh đã hình dung được tầm quan trọng của bản xác nhận viết tay của anh chưa? Giả sử có ai đó tới nhận chỗ làm dành cho anh, mà chữ viết lại rất khác so với dạng chữ mà anh viết trong đơn dự tuyển, thì sự gian trá ắt hẳn sẽ bị bại lộ. Nhưng nếu tên vào làm có kiểu chữ giống của anh, thì địa vị của hắn liền được an toàn, bởi tôi phỏng đoán là chẳng một ai trong hãng đó biết mặt anh.

- Không một ai! - Pycroft rầu rĩ đáp.

- Để anh không suy nghĩ về điều đó nữa, đồng thời muốn ngăn cản anh trước mọi sự tiếp xúc kéo anh có dịp tìm hiểu được là có một người trùng họ tên với mình đang làm việc tại hãng Mawson, chúng đưa cho anh một số tiền lớn và điều anh tới Midland (là nơi chúng bắt anh phải làm việc bù đầu, khiến anh chẳng thể trở về London mà khám phá ra âm mưu tình vi của chúng). Tất cả mọi việc đơn giản thế đấy.

- Nhưng tại sao hắn lại làm ra vẻ là anh ruột mình?

- Trong âm mưu này, bọn chúng phải có hai tên. Kẻ kia đang giả danh anh làm việc ở văn phòng, còn gã này thì chơi trò tuyển dụng anh. Và lại, hắn không thể không tìm cho anh một ông chủ, tức là nhân vật thứ ba. Đó là

điều hăn chẳng muốn chút nào. Vậy là hăn đóng luôn vai anh ruột của hăn (ông chủ) bằng cách hóa trang. Anh không thể nào nhận ra được, nếu không có “cái răng vàng” kia.

Pycroft giơ hai bàn tay, kêu lên:

- Thế trong lúc Pycroft thật ở đây, thì gã Pycroft giả mạo kia làm trò gì ở hăng Mawson? Chúng ta cần phải làm gì đây, ông Holmes?

- Cần phải đánh điện cho hăng Mawson.

- Thứ bảy, họ đóng cửa nghỉ vào buổi trưa.

- Không sao. Ở đó thế nào cũng có thường trực hoặc bảo vệ.

- Phải đó! Họ thuê người bảo vệ thường trực để canh giữ các tủ sắt cất giữ cổ phiếu. Tôi nhớ đã nghe nói về điều đó.

- Tốt lắm! Chúng ta sẽ đánh điện hỏi người bảo vệ xem tất cả có an toàn không, và có người nào mang tên anh vào làm việc trong hăng đó không. Việc này thì khá rõ ràng rồi; chỉ còn một vấn đề là tại sao một tên trong cuộc vừa trông thấy chúng ta lại đi treo cổ liền.

- Tờ báo! - Một giọng nói lí nhí phát ra phía sau chúng tôi. Gã kia đã ngồi dậy, tay luống cuống xoa xoa các vết lằn đỏ hăn sâu quanh cổ.

- Đúng vậy! Tờ báo! - Holmes reo lớn với tâm trạng phấn khích cực độ - Tôi mới ngốc làm sao!

Anh trải rộng tờ báo trên mặt bàn, và một tiếng reo vui chiến thắng vang lên.

- Đây là tờ báo xuất bản tại London. Hãy chú ý tới những cái títt này: *“Một tội ác trong thành phố. Án mạng ở hăng Mawson và William. Một vụ cướp có quy mô lớn. Đã tóm được tên tội phạm”*. Watson, anh hãy đọc to bài báo này cho chúng tôi cùng nghe đi!

“Từ trước tới nay, Mawson và William một tổ chức tài chính rất nổi tiếng, đảm trách việc cất giữ những cổ phiếu mà tổng số của nó lên tới hàng triệu bảng Anh. Vị giám đốc rất có ý thức về trách nhiệm của mình, đã cho đặt những két sắt kiểu mới nhất và ngày cũng như đêm, luôn luôn cử bảo vệ có vũ trang đảm nhiệm việc canh gác trong ngôi nhà. Tuần lễ vừa qua, một nhân viên kiểm toán mới tên là Hall Pycroft được công ty tuyển dụng. Người này không phải ai khác mà chính là Beddington - một kẻ giả mạo và lừa đảo

nổi tiếng. Tên này đã cấu kết với người em trai vừa mãn hạn tù khổ sai năm năm. Bằng những cách thức còn chưa được làm rõ, y đã đội tên giả, xin được một chỗ làm trong hãng. Lợi dụng địa vị của mình, y đã lấy dấu chìa khóa nhiều ổ khóa khác nhau và tìm ra nơi đặt những kết sắt.

“Ở hãng Mawson, các nhân viên đều rời nhiệm sở vào trưa thứ bảy. Vì vậy trung sĩ Tuson, nhân viên cảnh sát London, đã tỏ ra ngạc nhiên khi thấy một người xách theo túi du lịch xuống cầu thang vào hồi 1 giờ kém 20 phút. Ông đâm ra nghi ngờ và theo dõi người đàn ông đó. Với sự trợ giúp của cảnh sát viên Pollock, ông đã bắt giữ người kia sau một cuộc săn đuổi ngoạn mục. Ngay tức khắc, ông phát hiện ra một vụ trộm rất táo bạo, tài sản thu được gồm nhiều trái phiếu ngành đường sắt Mỹ có giá trị gần một trăm nghìn bảng, và một lượng lớn những chứng khoán khác.

Qua kiểm tra hiện trường, cảnh sát đã phát hiện tử thi của người bảo vệ bất hạnh bị nhét vào trong kết sắt lớn nhất. Sọ nạn nhân bị đập vỡ bằng que cời lò giáng mạnh từ phía sau. Em trai Beddington, người thường sát cánh với y, lại không thấy xuất hiện trong vụ này. Hiện cảnh sát đã mở cuộc điều tra, tìm xem tên đó đang ở đâu.”

- Vậy thì chúng ta có thể giúp cảnh sát một tay rồi. - Holmes nói và liếc nhìn cái thân hình đang co rúm gần cửa sổ - Bản chất con người thật lạ lùng, Watson ạ! Anh có thấy là ngay một tên côn đồ hay một kẻ sát nhân cũng có thể tự tử khi biết anh em của mình đã bị bắt. Tôi và anh bạn bác sĩ sẽ ở lại canh chừng. Còn anh, Pycroft, xin anh hãy đi mời cảnh sát đến đây.

Pycroft gật đầu đồng ý, nhanh nhẹn bước ra ngoài.

VỤ ÁN VÙNG REIGATE

Mùa xuân năm 1887, Holmes gần như suy sụp do làm việc quá sức. Lúc này, anh vẫn chưa bình phục. Toàn bộ vụ án về công ty Netherland-Sumatra và những kế hoạch to lớn của Maupertuis còn khá mới mẻ đối với công chúng, lại liên quan mật thiết đến chính trị và tài chính, có thể coi là động lực cho những nỗ lực của anh. Tuy nhiên, chính vấn đề vừa độc đáo vừa phức tạp đó đã tạo cho bạn tôi cơ hội để chứng minh giá trị của công lý, trong vô vàn các công việc mà anh đã thực hiện trong suốt cuộc đời đấu tranh chống tội phạm của mình.

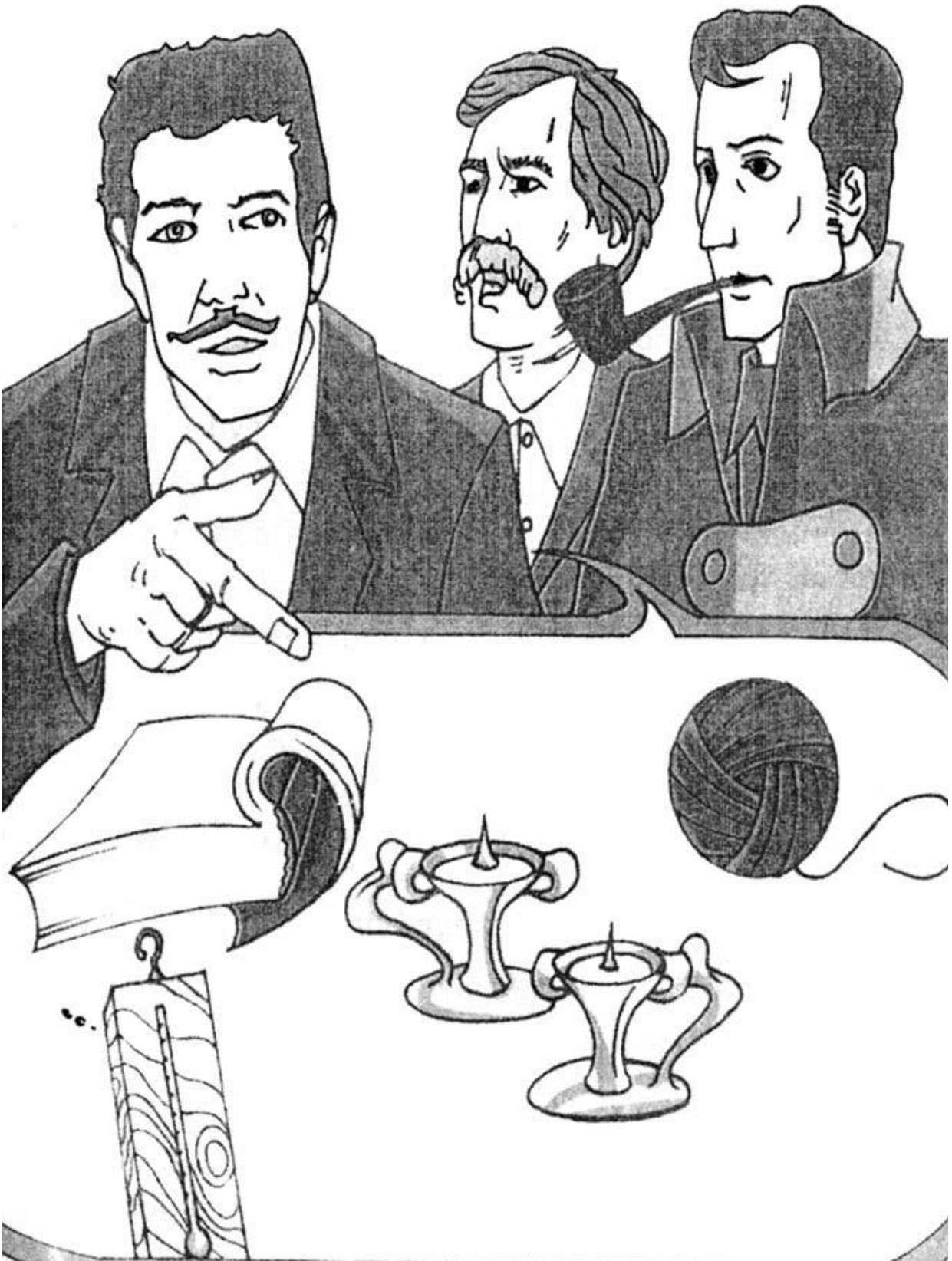
Xem lại những ghi chú của mình, tôi nhớ lại rằng vào ngày 14 tháng 4, tôi đã nhận được một bức điện tín từ Lyons, báo tin Holmes đổ bệnh tại khách sạn Dulong. Trong vòng hai mươi bốn tiếng đồng hồ, tôi đã có mặt tại phòng bệnh, chỉ thực sự cảm thấy yên tâm khi tình trạng của anh không quá nghiêm trọng như tôi nghĩ.

Tôi biết, thể trạng gang thép của anh gần như đã sụp đổ do tính chất căng thẳng của cuộc điều tra kéo dài hơn hai tháng trời. Bởi trong suốt thời gian đó, anh làm việc không dưới mười tám tiếng một ngày, tuy rằng anh vẫn cam đoan với tôi là mình luôn duy trì bài tập năm ngày liên tiếp trong quá trình điều trị. Những chiến công vang dội sau bao nhiêu gian khó cũng không thể giúp anh hồi phục, bởi công sức anh đã bỏ ra thật sự không gì đong đếm nổi.

Ngay cả vào thời điểm đó, toàn châu Âu đang tung hô tên tuổi anh, phòng khách của anh tràn ngập những bức điện chúc mừng, tôi vẫn thấy sự suy sụp nặng nề trong anh. Mặc dù sự thật, anh đã thành công ở những vụ án mà cảnh sát của cả ba quốc gia phải bó tay, rằng anh luôn cao tay hơn những tên lừa đảo bậc thầy châu Âu, nhưng tất cả vẫn không đủ vực anh dậy khỏi sự suy kiệt tinh thần.

Ba ngày sau, chúng tôi trở lại phố Baker. Tôi hiểu rằng, bạn tôi đang cần một sự thay đổi giúp anh khá hơn. Tôi nghĩ ngay đến một tuần đi nghỉ xuân

ở vùng nông thôn. Một người bạn già đã từng được tôi điều trị ở Afghanistan - đại tá Hayter - vừa mới mua một biệt thự tại Reigate thuộc Surrey. Ông đã nhiều lần mời tôi đến thăm. Lần chúng tôi gặp nhau gần đây nhất, ông nói rằng nếu Sherlock Holmes có dịp cùng tôi ghé thăm ông, ông sẽ rất vui mừng và nồng nhiệt đón tiếp cả hai chúng tôi. Tôi nghĩ cần phải báo trước cho Hayter. Còn Holmes, khi biết nơi chúng tôi sắp đến là nhà của một chủ nhân độc thân và anh sẽ được hoàn toàn tự do, anh lập tức đồng ý. Thế là chỉ một tuần từ sau khi từ Lyons trở về, chúng tôi đã có mặt tại nhà đại tá. Ông Hayter là một người dễ chịu, đã thăm thú nhiều nơi trên thế giới. Đúng như dự liệu của tôi, Holmes và ông ấy có rất nhiều điểm tương đồng.



Buổi tối hôm chúng tôi đến, sau bữa ăn, cả ba cùng ngồi trong phòng trưng bày vũ khí của đại tá. Holmes thả mình trên ghế đệm, còn tôi và ông Hayter cùng xem những vũ khí phương Đông của ông.

Bất ngờ ông nói:

- Nhân tiện, có lẽ tôi sẽ đem theo một khẩu súng lục lên gác, phòng trường hợp nguy cấp.

- Trường hợp nguy cấp ư? - Tôi hoảng hồn hỏi.

- Vâng, thời gian gần đây, ở khu vực này có một điều gì đó bất ổn. Nhà ông già Acton, một trong những nhà đại tư sản vùng này, đã bị đột nhập thứ hai tuần trước. Tuy họ không mất mát gì, nhưng những nguy cơ như thế vẫn đang lẩn khuất quanh đây.

- Không có đầu mối nào cả sao? - Holmes bỗng nhiên hỏi, mắt nhìn chăm chăm vào viên đại tá.

- Không hề. Nhưng đó chỉ là một trong những sự việc nhỏ ở vùng nông thôn hẻo lánh này. Tôi cho rằng điều ấy không đáng để anh phải bận lòng, anh Holmes ạ, sau những vụ án quốc tế anh đã phá.

Holmes xua xua tay từ chối lời khen ngợi, nhưng miệng vẫn nở một nụ cười hài lòng.

- Không có dấu hiệu đặc biệt gì đáng quan tâm ư?

- Tôi cho là thế. Những tên trộm đã lục soát thật kỹ phòng sách và lấy đi vài thứ không đáng kể. Căn phòng bị lục tung, các ngăn kéo mở toang, sách báo bị lục lọi kỹ càng. Cuối cùng chúng lấy đi một tuyển tập “Homer” của Poper, hai cái chân nến, một hộp đựng thư bằng ngà voi, một chiếc áp kê bằng gỗ sồi và một quả bóng bện bằng sợi.

- Thật là một vụ trộm lạ lùng! - Tôi thốt lên.

- Hừm, chúng đã lấy được những gì chúng cần. - Holmes lầm bầm - Cảnh sát địa phương phải làm gì đó chứ.

Nhưng tôi giơ một ngón tay lên:

- Anh tới đây để nghỉ ngơi, xin chớ có lao vào bất cứ một vấn đề nào trong lúc tinh thần còn đang rệu rã.

Holmes nhún vai, hướng về phía ông đại tá một ánh nhìn cam chịu. Và rồi câu chuyện chuyển sang những đề tài bớt nguy hiểm hơn.

Tuy nhiên, khi chúng tôi đang dùng bữa điểm tâm thì người quản gia của đại tá chạy ồa vào trong phòng:

- Ngài đại tá hay tin gì chưa, thưa ngài?... Ở đằng nhà cụ Cunningham ấy...

Ông đại tá chợt bất động, tách cà phê trong tay đang định đưa lên miệng bỗng ngừng lại giữa chừng.

- Lại có trộm à?

- Một vụ giết người!

Ông đại tá nghiêng rằng, rít lên:

- Mẹ kiếp! Ai chết? Ông quan tòa hòa giải, hay là con ông ta?

- Là gã đánh xe ngựa William. Một phát trúng tim. Chết mà chẳng nói được lấy nửa lời.

- Ai giết anh ta?

- Kẻ trộm. Hắn đã biến mất. Hắn đang phá cửa sổ gian bếp phụ thì William tới đó, anh ta đã mất mạng trong khi bảo vệ của cải cho chủ mình.

- Lúc mấy giờ?

- Vào khoảng nửa đêm hôm qua.

- Tốt. Lát nữa, chúng tôi sẽ tới đó. - Ông đại tá đáp.

Sau khi người quản gia rời khỏi phòng, ông mới nói thêm:

- Chuyện tồi tệ! Ông Cunningham là một nhân vật rất có thế lực ở đây. Hơn nữa, ông ấy cũng là người trung hậu. Hắn ông ấy rất đau lòng, bởi vì người đánh xe là một đầy tớ rất tốt. Chắc cũng vẫn là những tên trộm đã viếng nhà Acton gây ra.

- Những kẻ đã lấy trộm đồ sưu tập quá ư đặc biệt đó ư? - Holmes hỏi với vẻ trầm ngâm.

- Đúng vậy.

- Hừm! Thoạt nhìn, sự việc có vẻ kỳ cục. Thông thường, những băng trộm cắp hoạt động tại các vùng không thực hiện hai phi vụ trong cùng một địa bàn, cách nhau chỉ vài ngày. Tối qua, khi ông nói cần đề phòng, tôi đã nghĩ rằng Reigate phải là giáo khu cuối cùng ở nước Anh bị bọn trộm nhòm ngó.

- Nếu là do một tên trộm chuyên nghiệp ở địa phương, thì hiển nhiên hẳn sẽ nhắm vào hai gia đình Acton và Cunningham, đó là những nhà lớn nhất xứ này mà.

- Và cũng là những nhà giàu có nhất chứ?

- Họ giàu có từ xưa, song, nhiều năm qua, chủ nhân của hai nhà đã sa vào cuộc kiện tụng kéo dài và nay họ bị... sạt nghiệp. Ấy là theo ý tôi. Ông già Acton hiện đòi chia một nửa cơ nghiệp của nhà Cunningham. Ở cả hai bên, các luật sư đều đòi thù lao rất đắt.

- Nếu là một tên vô lại trong vùng lân cận, hẳn người ta đã tóm cổ hẳn dễ dàng. - Holmes nói, cố nén một cái ngáp - Anh đừng có lo Watson ạ! Tôi chẳng can thiệp vào chuyện này đâu.

- Thanh tra Forrester đến, thưa ông! - Người quản gia loan báo khi mở cửa.

Một người cảnh sát còn rất trẻ, dáng vẻ đàng hoàng, bước vào phòng.

- Xin chào đại tá! Tôi hy vọng không làm phiền ngài. Nhưng, chúng tôi được biết, ông Holmes đang có mặt ở đây...?

Ông đại tá chỉ vào bạn tôi. Viên thanh tra nghiêng mình chào.

- Thưa ông Holmes, chúng tôi rất mong ông sẵn lòng cùng đi ít bước với chúng tôi.

- Số mệnh đã chống lại anh rồi, Watson ơ! - Holmes vừa nói to vừa cười
- Chúng tôi đang tranh luận về vụ án thì ông tới đó, ông thanh tra. Ông có thể cho chúng tôi biết vài chi tiết không?

Khi thấy Holmes ngả người vào thành ghế với một trong những tư thế anh ưa thích, tôi thực sự thất vọng.

- Chúng tôi không có một dấu vết nào trong vụ Acton. Nhưng chắc chắn là cả hai vụ đều do cùng một băng nhóm gây ra. Kẻ phạm tội đã bị nhận diện.

- A ha!

- Vâng, thế nhưng hẳn đã chuồn mất như một cơn lốc, sau khi nổ súng vào William. Cunningham đã trông thấy y từ cửa sổ phòng của cụ, và ông Alec cũng đã trông thấy y từ cửa sau dành cho người giúp việc. Hồi 23 giờ 45 phút có tiếng báo động. Cụ Cunningham vừa lên giường, còn Alec thì

đang hút thuốc. Cả hai đều nghe tiếng anh William kêu cứu. Ông Alec chạy vội xuống. Cửa sau mở rộng. Khi tới chân cầu thang, ông thấy bên ngoài có hai người đang đánh nhau. Một trong hai người nổ súng, người kia gục xuống. Kẻ sát nhân nhảy bổ ra vườn và leo qua hàng rào. Cụ Cunningham từ cửa sổ phòng mình cũng thấy tên cướp nhảy ra tới đường, chạy mất hút. Ông Alec đứng lại để xem có thể cứu giúp gì được cho người hấp hối, khiến kẻ sát nhân có thời giờ trốn thoát. Ngoài chi tiết hắn là người tầm thuốc và mặc đồ vải sẫm ra, chúng tôi không còn dấu vết đặc biệt nào khác.

- Anh chàng William làm gì tại đó? Anh ta có nói được điều gì trước khi chết không?

- Không một lời. Anh ta ở cùng với bà mẹ trong nhà người gác cổng, đó là một người giúp việc rất tận tụy. Có lẽ anh ta đi về phía ngôi nhà để xem mọi việc có ổn không. Khi tên trộm vừa cạy phá xong cánh cửa sau thì William nhào tới.

- William có nói gì với bà mẹ trước khi ra khỏi nhà không?

- Bà mẹ rất già, và lại điếc. Chúng tôi chẳng thu được điều gì từ bà! Cái chết của con trai đã quật ngã bà lão. Tuy nhiên, có một yếu tố cực kỳ quan trọng. Ông hãy coi đây!

Viên thanh tra rút từ cuốn sổ tay ra một mẫu giấy nhỏ bị rách, và mở ra trên đầu gối:

- Mẫu giấy này được tìm thấy giữa ngón tay cái và ngón trỏ của nạn nhân. Dường như đây là một góc của tờ giấy lớn hơn. Con số ghi trên mẫu giấy này là giờ mà William bị sát hại. Kẻ sát nhân đã giật lấy tờ giấy; nếu không William đã có thể giữ nguyên vẹn tờ giấy.

"...Vào lúc 12 giờ kém 15 phút... sẽ được biết... một... rất hữu ích..."

Holmes cầm lấy mảnh giấy.

- Cứ cho đây là một cuộc hẹn. - Viên thanh tra nói tiếp - Chúng ta có thể ngờ rằng, gã William, mặc dù có tiếng là lương thiện, đã thông đồng với tên trộm cạy cửa, rồi sau đó hai đứa gây lộn với nhau...

- Mảnh giấy này hữu ích biết bao! - Holmes thì thầm sau khi quan sát nó rất kỹ - Vụ này xem chừng rắc rối hơn là tôi tưởng.

Anh vùi đầu vào hai bàn tay, giữa lúc viên thanh tra nở nụ cười thỏa mãn trước sự chú tâm của chuyên gia nổi tiếng từ London tới. Và Holmes nói ngay:

- Điều nhận xét sau chót của ông thật là tài tình, tờ giấy này mở cho chúng ta...

Lần nữa anh lại gục mặt vào lòng bàn tay và tập trung cao độ trong vài ba phút. Khi anh ngẩng đầu lên, tôi ngạc nhiên thấy cặp mắt anh long lanh như những ngày chưa đổ bệnh. Anh nhảy cẫng lên, với tất cả năng lực vốn có của mình:

- Tôi đang nói với ông thế nào nhỉ? À, tôi muốn xem xét những chi tiết của vụ án. Nếu được ông cho phép, thưa đại tá, tôi sẽ đi dạo một vòng cùng với ông thanh tra đây, để rà soát lại vài suy nghĩ bông lông của tôi. Tôi sẽ trở về trong nửa tiếng.

Một tiếng rưỡi đã trôi qua. Viên thanh tra quay lại chỉ có một mình, thông báo cho tôi:

- Ông Holmes đang đi bách bộ ngoài đồng và muốn chúng ta cùng đi tới ngôi nhà.

- Tới nhà cụ Cunningham sao?

- Vâng, thưa ông.

- Để làm gì?

Viên thanh tra nhún vai:

- Tôi không biết. Giữa chúng ta với nhau, tôi xin nói thẳng, tôi nghĩ rằng ông Holmes chưa hoàn toàn bình phục. Ông ấy cư xử một cách kỳ lạ, sôi động...

- Ông không cần phải lo quá. Anh ấy luôn luôn tìm ra phương pháp điều tra tốt nhất trong những sự điên rồ. - Tôi khẳng định.

- Ông Holmes nhất mực yêu cầu các vị đến đó, thưa đại tá. Nếu hai vị sẵn sàng, chúng ta cùng đi.

Chúng tôi gặp Holmes ngoài trời. Anh rải những bước dài trên đường, cúi gục đầu xuống ngực, hai bàn tay thọc sâu trong túi quần. Anh nói:

- Vụ án này khá lớn đây. Anh Watson, chuyển đi nghỉ ở vùng quê này sẽ là một thành công đáng kể. Tôi đã hưởng một buổi sáng thú vị.

- Ông đã tới nơi vụ án à? - Đại tá hỏi.
- Phải. Ông thanh tra và tôi.
- Thu được thành công chứ?
- Quả vậy, chúng tôi đã thấy nhiều điều khác nhau rất lý thú. Thoạt tiên, chúng tôi đã xem thi hài của kẻ bất hạnh: Anh ta chết vì một viên đạn súng lục, như các vị đã biết.
- Anh nghi ngờ chuyện đó sao?
- Ồ, luôn luôn nên kiểm tra tất cả. Việc quan sát của chúng tôi đã không uổng phí. Sau đó chúng tôi có trao đổi với cụ Cunningham và con trai cụ. Alec dẫn chúng tôi tới nơi mà kẻ sát nhân đã chuồn khi vượt hàng rào trốn chạy. Điều đó rất đáng quan tâm. Và chúng tôi đã gặp bà mẹ đau khổ nhưng không thu thập được điều gì. Bà ấy quá già yếu. Kết quả cuộc điều tra cho thấy, tội ác này không tầm thường. Thưa ông thanh tra, giờ đây chúng ta đã đồng ý với nhau về mẫu giấy trên đó có viết giờ chết của nạn nhân?
- Mẫu giấy đó hẳn cho chúng ta một chỉ dẫn, thưa ông Holmes.
- Nó cho chúng ta thấy rõ: Người viết bức thư đã lôi William ra khỏi giường giữa đêm hôm khuya khoắt. Nhưng phần kia của tờ giấy hiện ở đâu?
- Tôi đã quan sát mặt đất rất kỹ, với hy vọng tìm được mẫu giấy đó. - Viên thanh tra thì thào.
- Mảnh giấy đã bị giựt ra khỏi tay người chết. Bởi biết tờ giấy kết tội mình, nên kẻ sát nhân nhét vội nó vào túi mà không hề để ý thấy một góc bị thiếu. Nếu thu được phần còn lại của tờ giấy, chúng ta sẽ kết thúc được vấn đề.
- Đúng. Nhưng phải làm thế nào bây giờ?
- Điều đó cần phải tính. Còn một điểm này nữa. Lá thư đã được đưa cho William. Người viết thư không tự mình trao cho người nhận; nếu không, hẳn chỉ cần nói thôi, chứ viết thư làm gì. Vậy ai đã chuyển bức thư? Hoặc cũng có thể là lá thư đã được gửi tới qua đường bưu điện.
- Tôi đã cho điều tra về điểm đó. - Viên thanh tra trả lời - Hôm qua, William có nhận được một lá thư trong lần phát thư buổi chiều. Anh ta đã hủy cái bao thư.

- Tuyệt vời! - Holmes reo lên khi vỗ vào lưng viên thanh tra - Ông đã gặp nhân viên đưa thư. Thật là thích thú khi được làm việc chung với ông! Tốt! Đây là nhà người gác cổng. Thưa đại tá, xin cho phép tôi được chỉ cho ông thấy nơi xảy ra tội ác.

Chúng tôi đi ngang qua căn biệt thự nhỏ, nơi người đánh xe đã ở, và leo lên một lối đi có trồng các cây sồi ở hai bên, dẫn tới một ngôi nhà cổ kính.

Một cảnh sát viên đứng gác ở cửa sau.

- Xin ông vui lòng mở cửa ra! - Holmes nói - Hãy nhìn cái cầu thang này: Chính từ những bậc thang đó mà cụ Cunningham đã trông thấy hai người vật lộn nhau tại nơi chúng ta đang đứng. Ông cụ đứng ở cửa sổ này, cái thứ hai bên tay trái, và cụ đã trông thấy kẻ sát nhân bỏ chạy ngay bên trái bụi cây. Alec cũng trông thấy y nữa. Sau đó, Alec chạy tới quỳ xuống bên người bị thương. Nền đất rất rắn, như các vị thấy. Không có dấu vết nào chỉ dẫn chúng ta.

Trong lúc anh nói, có hai người đi xuống lối vườn, sau khi đã đi vòng quanh nhà. Một người lớn tuổi, dáng vẻ mạnh mẽ, nhưng mặt đã có nếp nhăn sâu, mí mắt nặng trĩu. Người kia là một thanh niên lanh lợi.

- Thế nào, vẫn điều tra về việc đó à? - Anh ta nói với Holmes - Những người từ London đến phải là những người không thể thất bại. Nhưng quý vị chẳng tiến lên được mấy đâu.

- A, cần phải cho chúng tôi một chút thời gian. - Holmes trả lời bằng một giọng vui vẻ, hồn nhiên.

- Quý vị còn cần bao nhiêu thời giờ nữa đây? - Alec nói đồng dục - Đường như chúng ta không có được đầu mối nhỏ nhoi nào.

- Mỗi một! - Viên thanh tra trả lời - Chúng ta sẽ tìm thấy... Lạy Chúa tôi! Này ông Holmes, ông làm sao vậy? Ông Holmes!

Bộ mặt Holmes trông thật đáng sợ, mắt anh đảo lộn tròn, nét mặt bị cơn đau làm cho nhăn nhúm lại. Buông ra một tiếng rên rỉ, anh ngã lăn xuống đất. Hoảng quá, chúng tôi vội khiêng anh vào trong bếp, đặt anh lên một ghế bành rộng và anh ngồi đó, thở thật nặng nề trong vài phút. Cuối cùng, sau khi cáo lỗi về sự ốm yếu của mình, anh lại đứng lên phân bua:

- Tôi vừa mới qua một trận ốm nặng và vẫn còn phải chịu đựng những cơn đau đầu đột ngột như vậy.

- Ông có muốn về nhà bằng cỗ xe độc mã của tôi không? - Cụ Cunningham đề nghị.

- Tôi còn phải ở đây để xác minh rằng không biết William đã tới trước hay là chỉ tới sau khi tên trộm lọt vào nhà. Các vị đã nói rằng tuy cánh cửa bị cạy phá, nhưng kẻ trộm chưa lọt vào bên trong.

- Điều đó là hiển nhiên rồi. - Cụ Cunningham trả lời một cách nghiêm trang - Xem nào, Alec vẫn còn chưa lên giường, chắc chắn là cháu nó đã nghe thấy tiếng động.

- Cậu ấy ngồi ở đâu?

- Trong phòng đọc sách của tôi, đang hút thuốc và nhìn qua cửa sổ. - Ông cụ trả lời.

- Cửa sổ nào? - Holmes hỏi tiếp.

- Cửa sổ cuối cùng bên trái, kế bên cửa sổ phòng cha tôi. - Alec đáp.

- Đèn nơi phòng anh và phòng ông cụ vẫn còn thắp sáng cả chứ?

- Tất nhiên.

- Rõ ràng là có vài điểm kỳ lạ trong vụ này. - Holmes cười nói - Một tên trộm vào nhà giữa lúc đèn vẫn đang sáng, và có hai người trong gia đình vẫn còn thức - y phải cực kỳ bình tĩnh.

- Nếu vụ án này mà không kỳ lạ thì chúng tôi nhờ ông làm gì! - Alec khó chịu nói - Kẻ trộm đã không lấy đồ trước khi bị William bắt gặp. Bằng cớ là chúng tôi đâu có mất gì, mà hiện trường cũng không bị xáo trộn bừa bãi như những vụ trộm cắp thông thường.

- Cái đó còn tùy thuộc vào tầm quan trọng của những món đồ. - Holmes trả lời - Chúng ta đang đối phó với một tên trộm kỳ lạ và hành động theo cách đặc biệt, chẳng hạn như những đồ bị mất ở nhà cụ Acton chỉ là một cuộn dây mảnh, một cái phong vũ biểu...

- Chúng tôi phó thác hoàn toàn cho ông, thưa ông Holmes. - Cụ Cunningham nói tỏ vẻ thân thiện.

- Trước hết, tôi muốn cụ treo một giải thưởng. Tôi đã soạn sẵn mẫu, cụ có ưng không? Năm chục bảng là đủ.

- Tôi sẵn lòng thưởng năm trăm. - Ông quan tòa hòa giải nói, sau khi cầm lấy tờ giấy mà Holmes đưa cho - Nhưng viết thế này chưa được đúng.

- Tôi viết khá vội...

- Xem đây! Sao ông lại bắt đầu như vậy: “Xét thấy, vào hồi 1 giờ kém 15 phút, một mưu toan...” Phải là 12 giờ kém 15 phút.

Sự nhầm lẫn khiến tôi rất buồn. Holmes nổi tiếng là chính xác khi làm việc. Nhưng, cơn bệnh đã làm anh có vẻ đãng trí. Trong một lúc, anh thật sự bị bối rối. Viên thanh tra nhướn mày. Alec thì phá ra cười. Ông già sửa chỗ viết sai rồi trả lại tờ giấy cho Holmes, và còn khen:

- Ông hãy cho đăng càng sớm càng tốt! Ý kiến của ông thật tuyệt vời.

Holmes cẩn thận đặt tờ giấy vào trong bóp, rồi đề nghị:

- Ta cùng đi kiểm tra khắp nhà, để xem tên trộm kỳ quặc kia đã lấy đi món đồ nào.

Trước đó, Holmes đã quan sát kỹ cánh cửa bị cạy phá. Một con dao cứng hoặc một cây kéo cắm sâu vào ổ khóa làm nó bị tung ra. Những dấu vết hằn trên gỗ hãy còn rất rõ.

- Như vậy là cụ không cần cho đặt then cài cửa. - Holmes ngạc nhiên nói.

- Chúng tôi thấy không cần phải làm như vậy.

- Cụ có nuôi chó không?

- Có, chó buộc ở phía bên kia nhà.

- Các gia nhân đi ngủ vào lúc nào?

- Khoảng 10 giờ.

- Và thường thì William đi ngủ vào giờ này, phải không? Nhưng thật kỳ lạ! Vào đúng đêm đó, anh ta lại thức khuya hơn thường lệ. Bây giờ, mong cụ cho phép chúng tôi vào thăm qua nhà cụ.

Một hành lang lát đá đưa tới một cầu thang gỗ dẫn thẳng lên lầu một của ngôi nhà. Trên bậc thềm dẫn lên cầu thang thứ hai đi đến tiền sảnh, chúng tôi trông thấy ở đó có cửa phòng khách cũng như nhiều phòng khác, trong số đó có phòng cụ Cunningham và phòng Alec. Holmes bước chậm rãi, quan sát kỹ càng. Cứ theo vẻ mặt anh, tôi biết anh đang theo đuổi một hướng điều tra.

- Ông bạn hảo tâm của tôi ời! - Cụ Cunningham kêu lên, vẻ thiếu kiên nhẫn - Điều này không cần thiết đâu. Phòng của tôi ở cuối cầu thang, và phòng con trai tôi kế bên. Nếu kẻ trộm lên đây thì cha con tôi đã nghe thấy tiếng động hẳn gây ra rồi.

- Ông hãy điều tra theo hướng khác đi thôi. - Alec nói với một nụ cười hoài nghi.

- Xin quý vị lượng thứ cho cái ý thích thất thường của tôi. Chẳng hạn như tôi muốn biết, tầm nhìn từ những cửa sổ trông xa tới đâu. Phòng của anh Alec đây à? - Holmes hỏi khi đẩy cánh cửa ra - Và đây là căn phòng mà anh đang ngồi hút thuốc thì có tiếng báo động? Cánh cửa sổ mở ra đâu đây?

Anh băng ngang phòng, mở một cánh cửa và liếc nhìn sang căn phòng sát bên.

- Giờ ông đã được thỏa mãn rồi chứ? - Cụ Cunningham hỏi với vẻ hóm hỉnh.

- Xin cảm ơn! Tôi đã thấy được tất cả những gì muốn biết.

- Nếu thật sự cần thiết, chúng ta có thể vào trong phòng tôi.

- Ồ, nếu cụ không thấy phiền...

Ông cụ nhún vai, dẫn chúng tôi vào trong phòng riêng đầy đủ tiện nghi. Trong lúc chúng tôi đi ngang qua phòng, hướng tới phía cửa sổ, thì Holmes bước chậm lại để sánh cùng tôi đi cuối toán. Cuối giường có kê một cái bàn vuông nhỏ, trên đặt một bình nước và giỏ cam. Khi đi ngang qua đó, Holmes cúi xuống và hất đổ cái bàn. Bình nước vỡ tan, trái cây văng ra khắp phòng.

- Đồ quỷ, Watson! - Anh kêu lên một cách lạnh lùng - Thế là anh đã xử tệ với tấm thảm rồi!

Vô cùng bối rối, tôi cúi xuống và bắt đầu lượm những trái cây vung vãi. Hẳn là vì một nguyên cớ nào đó nên Holmes mới buộc tôi phải cáng đáng trách nhiệm về sự vụng về cố ý này. Những người khác cũng lượm trái cam và dựng cái bàn trở lại.

- Coi kìa! - Viên thanh tra kêu lên - Ông ấy đi đâu vậy?

Quả thật, lợi dụng lúc chúng tôi không để ý, Holmes đã biến đi đâu mất dạng.

- Quý ông hãy đợi tôi ở đây! - Alec nói - Cái ông này coi chừng thần kinh có vấn đề. Mau theo con đi ba!

Cả hai chạy vội ra khỏi phòng. Còn ba chúng tôi cứ đứng đó, sửng sờ nhìn nhau.

- Khỉ thật. Tôi bắt đầu tin rằng cậu Alec có lý. - Viên thanh tra lầm bầm - Có thể đây là di chứng do căn bệnh của ông ấy. Nhưng dù sao thì cũng...

Bỗng ông ta ngẩng mặt lên. Một tiếng kêu, mà gần như là một tiếng hét, vang lên:

- Cứu tôi với! Sát nhân!



Tôi phóng như điên ra cầu thang, bởi tôi đã nhận ra giọng Holmes. Nhưng tiếng kêu cứu đã trở thành âm thanh rên rỉ ào ào, không thành tiếng. Nó vọng ra từ căn phòng mà chúng tôi đã vào thăm đầu tiên. Tôi lao vào trong, rồi chạy ngay vào phòng bên. Hai cha con Cunningham đều đang cúi sát trên cơ thể lả đi của Holmes. Gã con trai dùng tay tay siết chặt cổ họng Holmes; ông bố thì vặn cổ tay anh. Trong chớp mắt, chúng tôi đã lôi được hai cha con họ ra. Holmes lão đảo đứng lên, mặt tái mét:

- Hãy bắt giữ hai người này, ông thanh tra! - Anh vừa nói vừa thở hổn hển, mặt mày biến sắc, sắp lả đi.

- Về tội gì?

- Tội giết hại người đánh xe của họ.

- Khoan! Hãy khoan, ông Holmes! Ý ông chắc không phải là... - Viên thanh tra vẫn như chưa hiểu những gì đã xảy ra.

- Không à? Ông hãy nhìn họ mà xem! - Holmes gào lên.

Ông già Cunningham đờ người ra, tưởng chừng như hóa đá, khuôn mặt nhẵn nhúm, in hằn nét tàn nhẫn sâu xa. Người con trai đã hết thối ba hoa, nhạo báng; trong cặp mắt của gã lóe lên sự hung dữ của một con thú hoang đầy nguy hiểm. Viên thanh tra đi ra cửa và tuyệt còi. Hai cảnh sát tới ngay.

- Thừa cụ Cunningham! - Viên thanh tra nói - Tôi hy vọng rằng câu chuyện sẽ chấm dứt bằng việc chứng minh về sự vô tội của cụ. Nhưng cụ cũng có thể thấy rằng... A, anh muốn vậy sao? Hãy buông ngay cái đó ra coi!

Ông ta vung tay về phía trước, khẩu súng lục đang lên nòng trong tay gã Alec rớt xuống sàn nhà.

- Giữ lấy tang vật này! - Holmes nói và lấy chân chặn lên khẩu súng - Nó sẽ có ích trong phiên tòa. Nhưng đây mới là cái mà chúng ta cần có hơn hết!

Anh giờ cao một mảnh giấy nhỏ đã bị vò nát.

- Phần bị thiếu của lá thư! - Viên thanh tra reo to - Ông tìm thấy nó ở đâu vậy?

- Ở chỗ mà tôi tin chắc là sẽ tìm ra. Tôi sẽ giải thích sau. Thừa đại tá, ông và Watson có thể trở về nhà. Tôi cũng sẽ trở về trong quãng một giờ nữa. Ông thanh tra và tôi còn phải trao đổi với các phạm nhân.

Sherlock Holmes đã giữ lời. Khoảng một giờ sau, anh bước vào phòng của ông đại tá. Anh đi cùng với một ông lão mà anh giới thiệu là cụ Acton. Holmes tươi cười, nói:

- Thưa quý vị, ngay từ đầu tôi đã thấy chìa khóa của vấn đề là mẫu giấy trong tay nạn nhân. Nếu câu chuyện kể của Alec là thật và nếu kẻ trộm bỏ trốn ngay tức khắc, thì hẳn đã không giứt và làm rách tờ giấy. Nếu không phải vậy thì thủ phạm chính là Alec, bởi vì trước khi ông già xuống, nhiều gia nhân khác hẳn đã chạy tới. Đó là một chi tiết đơn giản, nhưng ông thanh tra đã bỏ qua. Bởi ông ấy khá đơn giản, cho rằng những vị chức trọng quyền cao trong địa hạt chẳng liên can gì tới vụ án. Thế là tôi nghiên cứu thật kỹ cái mẫu giấy. Nó đây này. Nó có gợi ra cho các vị điều gì không?

- Nét chữ không đều. - Ông đại tá nhận xét.

- Ô, ông bạn thân mến ơi! - Holmes kêu lên - Nó là do hai người viết. Nhìn các gạch ngang khá rõ trên chữ “t” trong những từ “một” và “rất” rồi nét ngang khá mảnh trên chữ “t” trong từ “phút”, thì quý vị sẽ biết rằng mảnh giấy này do hai người viết. Phân tích nhanh sẽ thấy, những từ “sẽ được” và “một” do một bàn tay rắn rỏi viết, trong khi từ “hữu ích” lại do một bàn tay yếu ớt hơn.

- Rõ như ban ngày! - Ông đại tá reo lên - Tại sao lại phải quái gở vậy, khi cần đến hai người để viết một lá thư?

- Đây là một âm mưu bí ối. Một trong hai người tính rất đa nghi, đã quyết định mỗi người viết một phần bằng nhau. Nhưng trong hai người, cái kẻ viết những chữ “một” và chữ “rất” là kẻ chủ mưu gây ra vụ này.

- Điều gì dẫn ông đi tới kết luận đó?

- Tôi so sánh đặc tính của hai dạng chữ viết. Quý vị hãy quan sát thật cẩn thận mẫu giấy này: Người có bàn tay rắn rỏi đã viết trước, và chừa lại những khoảng trống để người kia điền vào. Nhưng những khoảng trống đó không phải lúc nào cũng đủ chỗ cho kẻ viết sau. Người có bàn tay yếu hơn đã gặp khó khăn, chẳng hạn như khi viết chữ “biết” vào giữa hai chữ “một” và “được”. “Một” và “được” rõ ràng là những chữ đã được viết từ trước. Vậy người được phép viết trước là kẻ chủ mưu.

- Tuyệt vời! - Cụ Acton thốt lên.

- Hẳn quý vị đã biết rằng, thông thường, người ta có thể xem xét nét bút mà đoán ra tuổi của một người, với độ sai lệch chừng mười năm. Tôi nói thông thường. Bởi vì có những trường hợp do bệnh tật hoặc cơ thể suy yếu thì kết quả sẽ khác đi. Nhưng trong vụ này, khi quan sát dạng chữ răn rỏi của một người (dấu gạch ngang trên các chữ “t” rất rõ) và dạng chữ ngập ngừng của người kia (những chữ “t” gần như mất hẳn nét gạch ngang) chúng ta có thể xác định rằng, trong hai người này, một người còn trẻ và một người tuổi đã cao, tuy hãy còn tráng kiện.

- Tuyệt quá! - Cụ Acton reo lên một lần nữa, không ngừng gật đầu tán thưởng.

- Tuy nhiên, giữa hai dạng chữ này cũng có những điểm giống nhau. Thường thì những sự giống nhau đó xuất phát từ hai người có chung huyết thống. Điều đó biểu hiện rất rõ trong chữ “e” Hy Lạp mà cả hai viết giống nhau. Những nét giống nhau khác, tuy không phải hoàn toàn, cũng cho thấy về điểm đó. Tôi tuyệt đối tin chắc hai dạng chữ viết này phải là của hai người thân trong nhà. Thế nên tôi vững tin rằng cha con ông Cunningham là tác giả của bức thư.

“Tôi đi tới nhà đó cùng với ông thanh tra. Tôi thấy rõ, vết thương trên thi thể người chết là do một phát súng lục bắn cách xa hơn 4m gây ra. Trên quần áo nạn nhân không có những dấu vết ám đen do thuốc súng. Vậy Alec đã nói dối khi khai rằng, hai người đang đánh lộn thì súng nổ. Mặt khác, hai cha con đều thống nhất về cái nơi mà “hung thủ” đã bỏ chạy ra đường. Ở chỗ đó có một cái hố ngập bùn, nhưng không hề có dấu chân: nghĩa là, chẳng có một kẻ xa lạ nào can dự vào vụ án! Tôi lại còn phải khám phá động cơ của tội ác kỳ cục này. Với mục đích đó, trước hết tôi phải tìm hiểu vụ trộm xảy ra nơi nhà cụ Acton. Ông đại tá đã nói rằng một vụ kiện tụng đã làm cho cụ Acton với cha con Cunningham kinh địch nhau. Ngay lập tức, tôi đoán là họ đã xông vào phòng sách nhà cụ với ý định lấy trộm một tài liệu quan trọng, cái đó có thể giúp họ chiếm phần thắng tại phiên tòa.”

- Tuyệt vời! - Cụ Acton lại kêu lên y như hai lần trước - Ý đồ của bọn họ đã rõ. Tôi có đủ giấy tờ để được chia một nửa cơ nghiệp của nhà đó. Nếu họ mà cướp được những giấy tờ ấy thì chúng tôi nguy to.

- Chúng ta tới đích rồi đây! - Holmes cười nói - Đó là một mưu toan khá liều lĩnh, do Alec đề xướng. Lục soát khắp nơi mà không tìm ra được gì, họ đã làm như những tên trộm tầm thường, nhằm đánh lạc hướng cảnh sát. Chính vì thế họ đã quơ lấy bất cứ cái gì họ thấy. Tất cả mọi chuyện đã khá sáng tỏ. Nhưng tôi còn muốn thu hồi lại phần còn thiếu của bức thư. Tôi tin chắc rằng Alec đã nhét nó vào trong túi áo ngủ. Với lại, anh ta còn có thể để nó vào đâu được chứ? Vấn đề chỉ là tìm hiểu xem nó có còn ở đó không. Vì thế tất cả chúng ta đều vào trong nhà.

“Cha con Cunningham gặp chúng tôi ở bên ngoài, gần cửa nhà bếp. Cần phải tuyệt đối không làm cho họ nhớ lại sự hiện hữu của tờ giấy đó. Nếu không, họ sẽ hủy nó đi ngay tức khắc. Khi viên thanh tra sắp ám chỉ đến tờ giấy lúc giải thích với họ về tầm quan trọng của nó, lúc đó “tình cờ” tôi bị... mệt, và đề tài của câu chuyện được thay đổi.”

- Trời đất thánh thần ơi! - Ông đại tá cười vang.

- Diễn khéo tuyệt vời! - Tôi thốt lên và nhìn Holmes với lòng khâm phục.

- Có những trò hề cũng hữu ích. - Holmes trả lời - Khi đứng lên, tôi đã có sẵn một mưu mẹo: Làm cho ông già Cunningham viết ra hai chữ “giờ” và “phút” để có thể so sánh nó với hai chữ giờ, phút viết trên mẫu giấy.

-Ồ, tôi đã ngu xuẩn làm sao! - tôi bất giác kêu lên khi nghĩ lại.

- Lúc đó, - Holmes cười nói - tôi lấy làm tiếc đã gây cho anh một nỗi buồn nho nhỏ. Khi lên lầu, tôi vào trong phòng, thấy cái áo ngủ treo ở đằng sau cánh cửa. Tôi vội xô đổ cái bàn để chuyển hướng sự chú ý của họ trong chốc lát, và vội vã đi khám xét các túi áo. Tôi vừa mới tìm ra được tờ giấy thì hai cha con họ nhào tới. Tôi thật sự tin rằng họ chủ tâm giết tôi, nếu các bạn không tới kịp: Thằng con thì siết cổ, còn người cha vịn tay tôi để tôi phải buông tờ giấy ra.

“Sau đó, tôi đã nói chuyện với ông Cunningham để làm sáng tỏ động cơ gây tội ác. Ông cụ tỏ ra biết điều, trong khi Alec vẫn hung hăng như quỷ dữ. Cụ Cunningham thú nhận rằng William đã bí mật theo dõi hai cha con ông trong cái đêm họ đột nhập nhà cụ Acton. William đe dọa và đòi tiền họ. Nhưng Alec không thuộc dạng người dễ khuất phục. Thế là William bị gài

bấy và bị giết. Nếu cha con nhà Cunningham thu hồi được nguyên vẹn lá thư (trong đó họ hẹn giờ gặp nhau), và nếu họ không sơ suất một vài chi tiết nhỏ, thì chẳng bao giờ họ bị nghi ngờ cả.”

- Thế còn cái thư “lùng lẫ” đó ở đâu? - Tôi hỏi.

Sherlock Holmes đặt nó trước mặt chúng tôi. Khi ráp hai mảnh giấy lại, chúng tôi đọc được nội dung của nó như sau: *“Nếu anh tới vào lúc 12 giờ kém 15 phút, ở cửa sau, anh sẽ được biết một điều làm anh vô cùng ngạc nhiên. Và nó sẽ rất hữu ích cho anh cũng như cho cả Annie. Nhưng chớ có tiết lộ với bất cứ người nào...”*.

- Anh Watson, có điều là chúng ta chưa biết các mối quan hệ giữa Alec, William, và Annie như thế nào. Nhưng rõ ràng, kỳ nghỉ ngắn ngày của tôi và anh ở đây đã rất thành công. Ngày mai tôi sẽ trở về nhà hoàn toàn khỏe khoắn...

HỘI TÓC HUNG

Mùa thu năm ngoái, tôi đến thăm Sherlock Holmes thì bắt gặp anh đang say sưa trò chuyện với một người đàn ông đứng tuổi có vóc người to béo, sắc mặt hồng hào, tóc màu hung đỏ rực như lửa. Tôi xin lỗi vì sự đường đột và đang định quay ra thì Holmes vội kéo tôi vào phòng.

- Watson thân mến, anh đến thật đúng lúc. - Holmes nhiệt tình nói.
- Tôi e là anh đang bận.
- Đúng thế! Tôi đang rất bận là đằng khác.
- Vậy tôi sẽ sang phòng bên cạnh đợi anh.
- Ồ không. Thưa ông Wilson, bác sĩ Watson đây là người cộng sự và là trợ thủ đắc lực của tôi trong nhiều vụ án. Tôi tin chắc trong vụ này của ông, anh ấy cũng sẽ giúp được tôi rất nhiều.

Người đàn ông to béo kia hơi nhồm dầy, gật đầu chào tôi, cặp mắt ti hí của ông ta liếc nhìn tôi đầy vẻ nghi ngờ.

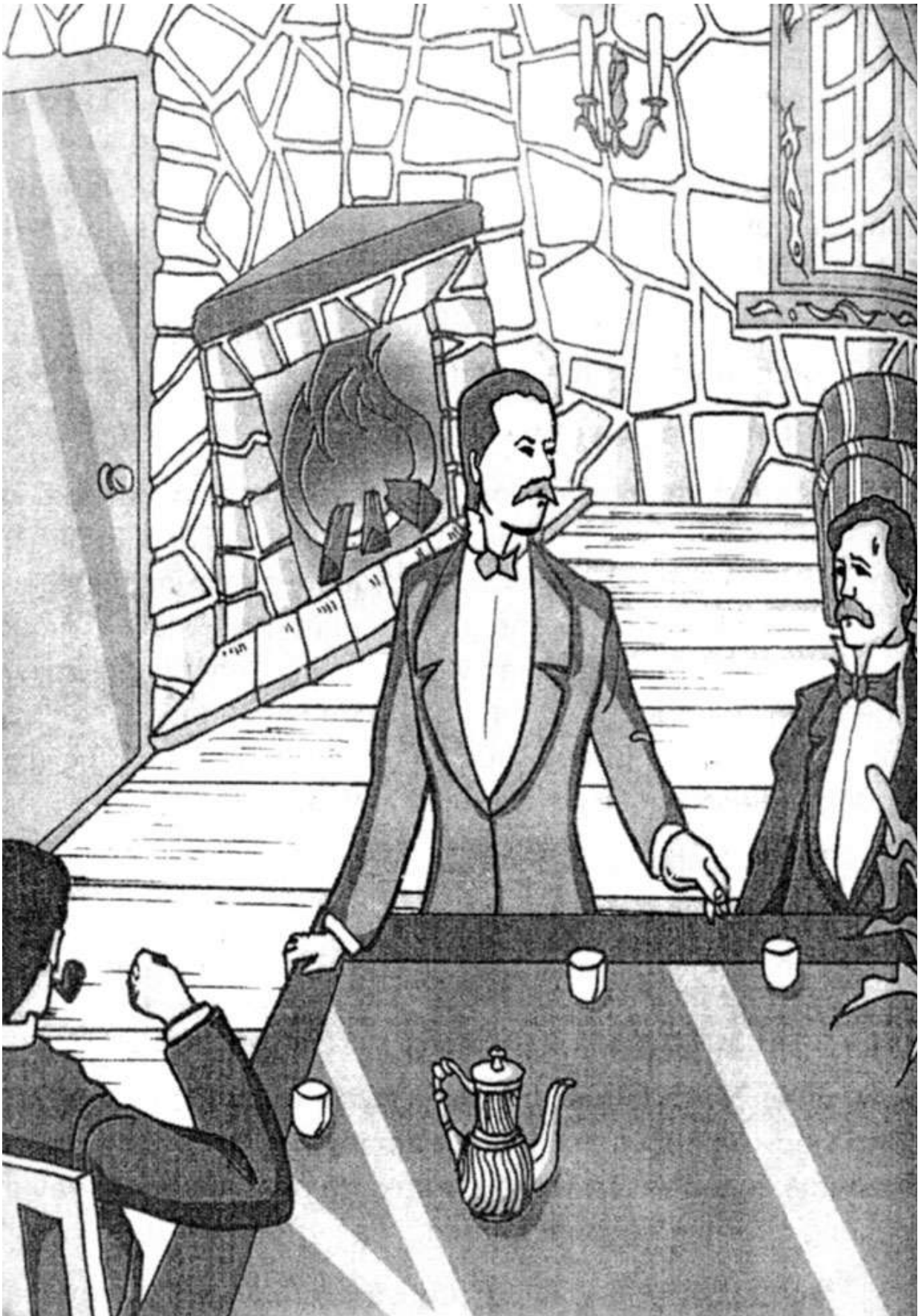
- Anh ngồi trên chiếc ghế tựa kia đi. - Holmes nói rồi trở lại ghế của mình, mười ngón tay đan chéo vào nhau. Đây là thói quen của Holmes khi quá tập trung suy nghĩ về một vấn đề gì đó. - Watson thân mến, tôi biết anh cũng giống tôi, không thích những thứ tầm thường, đơn điệu, mà thích khám phá những điều kỳ quặc, bí ẩn. Và anh còn cẩn thận, tỉ mỉ ghi chép lại tất cả. Điều đó chứng tỏ rằng, anh rất hứng thú khám phá các vụ án. Nếu anh không phiền thì hãy ngồi lại, cùng tôi bước vào những công việc mạo hiểm mới.

Tôi trả lời:

- Quả thực những vụ án của anh luôn làm tôi vô cùng thích thú. Chắc anh còn nhớ tôi nói với anh trước khi nhận giải quyết một vụ đơn giản cho cô Mary Sutherland rằng: để thu được kết quả mỹ mãn, để có được sự phối hợp

ăn ý tuyệt đối, chúng ta cần phải dấn thân vào cuộc sống, nơi chứa đựng sự mạo hiểm nằm ngoài sức tưởng tượng.

- Vậy sao, bác sĩ? Tôi hơi hoài nghi về cách nói này của anh. Nhưng anh rồi vẫn phải đồng ý với tôi thôi. Vì nếu không, tôi sẽ đưa ra một loạt dẫn chứng thực tế khiến anh phải tâm phục khẩu phục mới thôi. Nhưng chuyện đó để sau. Ông Jabez Wilson đây sáng sớm hôm nay đã đặc biệt đến thăm và kể cho tôi nghe một trong những câu chuyện kỳ lạ nhất mà tôi từng biết. Như tôi đã nói với anh là những chuyện kỳ lạ nhất, độc đáo nhất thường không liên quan gì đến những vụ án lớn, mà lại hay liên quan đến những vụ nhỏ hơn, thậm chí đôi khi còn cần phải suy xét xem liệu có đúng là đã có một hành động phạm tội hay không. Với những gì được nghe, tôi vẫn chưa thể khẳng định được liệu đây có phải là một vụ án hay không, nhưng rõ ràng qua những tình tiết mà ông Wilson kể lại thì quả thật đó là câu chuyện đặc biệt nhất mà tôi từng nghe. Ông Wilson, liệu ông có thể kể lại câu chuyện từ đầu một lần nữa được không? Tôi yêu cầu như vậy không phải chỉ vì anh bạn bác sĩ Watson của tôi chưa được nghe phần đầu, mà còn vì chuyện này quá lạ lùng, khiến tôi muốn nghe lại từ chính miệng ông để nắm bắt mọi tình tiết dù là nhỏ nhất. Thông thường, chỉ cần nghe qua vài tình tiết là tôi đã có thể liên tưởng đến hàng ngàn vụ án tương tự, nhưng với vụ này, tôi phải thừa nhận là nó quá đặc biệt, không giống với bất kỳ vụ nào.



Vị khách béo tốt ưỡn người, với vẻ khá kiêu hãnh. Ông ta lôi từ trong chiếc áo khoác to thùng đang mặc ra một tờ báo ố bẩn, nhàu nát, đặt nó lên đùi và vuốt thẳng, rồi cúi xuống xem mẫu tin quảng cáo trên đó. Lúc này tôi mới quan sát vị khách, mong có thể tìm ra được điều gì đó thông qua quần áo và vẻ bề ngoài của ông ta như Holmes vẫn hay làm.

Tuy nhiên, những gì tôi đoán biết được sau khi quan sát không nhiều. Nhìn bề ngoài, có thể thấy vị khách này là một thương nhân người Anh không giàu có, béo phì, hãnh tiến và chậm chạp. Ông ta mặc một chiếc quần xám cũ kỹ, áo choàng không mấy sạch sẽ, cúc áo trước không đóng. Chiếc áo chèn ngắn đến thắt lưng cũng một màu xám xịt với một sợi dây xích nặng nề bằng đồng thau có mặt trang trí là một miếng kim loại hình vuông. Trên thành ghế ông ta ngồi đặt chiếc mũ đã sờn và áo khoác bạc màu có cổ áo bằng nhung nhăn nhúm. Tôi thấy vị khách này ngoài bộ tóc màu hung, vẻ mặt đầy chán nản và thất vọng ra, thì không có gì đặc biệt cả.

Đôi mắt tinh nhanh của Sherlock Holmes mau chóng nhận ra ý đồ của tôi. Khi bắt gặp ánh mắt nghi ngờ của tôi, anh mỉm cười, lắc đầu và nói:

- Ông đây đã từng làm công việc nặng nhọc vất vả, nghiện thuốc nặng và là hội viên của Hội Tam Điểm, từng đến Trung Quốc, gần đây viết khá nhiều. Ngoài những điểm đó ra, tôi không suy luận được thêm điều gì khác nữa.

Ông Jabez Wilson bỗng đứng phắt dậy, tay vẫn cầm chặt mẫu báo cũ, nhưng mắt thì nhìn chăm chăm vào Holmes.

- Ôi lạy Chúa, ông Sherlock Holmes! Làm sao ông biết nhiều chuyện về tôi như vậy? Sao ông lại biết tôi từng làm việc chân tay? Chính xác, trước tôi đã từng là thợ đóng tàu. - Ông ta trợn tròn mắt, ngạc nhiên hỏi.

- Thưa ông, chính cánh tay của ông nói lên điều đó. Tôi thấy tay phải của ông to hơn tay trái rõ rệt. Vì ông lao động nhiều bằng tay phải nên cơ bắp tay phải của ông phát triển hơn tay trái.

- Ồ, đó là chuyện vặt vãnh. Còn chuyện hội viên Hội Tam Điểm thì sao?

- Tôi không dám qua mặt ông bằng cách nói cho ông biết vì sao tôi nhận ra điều đó. Có thể thấy rất rõ là ông đang đeo một chiếc ghim cài vạt hình 1/3 vòng cung compa.

- Ô, đúng vậy, tôi quên mất điều này. Nhưng còn việc viết lách?

- Đó là vì gấu ống tay áo bên phải của ông đã bạc trắng, và phần gần khuỷu tay bên trái, nơi thường xuyên tì vào bàn, lại có một đường vá rất cẩn thận.

- Vậy về Trung Quốc thì sao?

- Hình xăm trên cổ tay phải của ông chỉ có thể thực hiện được ở Trung Quốc. Tôi cũng đã nghiên cứu về các hình xăm, thậm chí đã từng viết bài về vấn đề này. Chỉ ở Trung Quốc mới có cách pha mực tinh xảo và có thể tô màu hồng mịn như thế này cho hình con cá. Ngoài ra, tôi còn thấy một đồng xu tiền Trung Quốc treo ở dây đồng hồ của ông, điều này càng khẳng định cho giả thiết của tôi.

Ông Jabez Wilson cười phá lên. Ông ta vui vẻ nói:

- Đúng quá, tôi đã không nghĩ đến những điều này! Ban đầu tôi nghĩ ông thật là một người thông minh, nhưng sau khi hiểu rõ vấn đề thì thấy chẳng có gì là khó hiểu cả.

Sherlock Holmes quay sang tôi:

- Watson này, bây giờ tôi mới biết mình không nên giải thích hết mọi việc ra như thế. Đó là một sai lầm. Anh biết đấy, danh tiếng của tôi có thể bị hủy hoại nếu tôi cứ quá ngay thẳng, thật thà. Ông Wilson, ông đã tìm ra mẫu quảng cáo đó chưa?

- Tôi thấy rồi. - Ông ta vừa nói vừa giơ ngón tay mập tròn, hồng hào chỉ vào giữa mục quảng cáo - Nó đây. Toàn bộ câu chuyện bắt đầu chính từ cái mẫu tin này đây. Xin ông tự đọc lấy thì hơn.

Tôi đón lấy tờ báo, rồi đọc to:

“Gửi hội những người tóc hung.

Thế theo di chúc của ông Ezekiah Hopkins ở Lebanon, Pennsylvania, Mỹ, hiện nay chúng tôi đang cần một người tóc hung đảm nhận một vị trí công việc nhàn nhã với mức lương bốn bảng Anh một tuần. Điều kiện dự tuyển: Nam, tóc hung, trên hai mươi một tuổi, sức khỏe tốt, trí lực tốt. Đơn dự tuyển nộp trực tiếp cho ông Duncan Ross vào sáng thứ hai, lúc 11 giờ tại văn phòng Hội, số 7 Pope’s Court, đường Fleet, London”.

Sau khi đọc đi đọc lại hai lần mẫu quảng cáo kỳ lạ này, tôi bật kêu lên:

- Thế này là thế nào?

Sherlock Holmes ngồi đung đưa trên chiếc ghế và mỉm cười, đó là biểu hiện khi anh đang ở trạng thái hưng phấn. Anh nói:

- Mục quảng cáo này kỳ lạ quá đúng không? Còn bây giờ ông Wilson, ông hãy kể tất cả những gì về ông, về người ở cùng ông, và mẫu quảng cáo này đã ảnh hưởng gì đến cuộc sống của ông. Bác sĩ Watson, trước tiên anh hãy ghi lại tên tờ báo và số báo lại đã.

- Đó là tờ “The Morning Chronicle”, ra ngày 27 tháng 4 năm 1890, cách đây đúng hai tháng.

- Tốt lắm, nào ông Wilson, ông hãy bắt đầu kể đi.

- Vâng, thưa ông Sherlock Holmes. Như tôi vừa mới kể với ông, - Jabez Wilson vừa nói vừa nhăn trán - tôi có một hiệu cầm đồ nhỏ ở quảng trường Coburg gần trung tâm thành phố. Nó quả là không bề thế gì, mấy năm nay lời lãi chỉ đủ ăn. Trước kia tôi có thuê hai nhân viên giúp việc, nhưng giờ chỉ còn thuê được một người và cũng khó trả đủ tiền lương cho anh ta. Anh ta chấp nhận hưởng mức lương bằng một nửa mức bình thường, để học hỏi kinh nghiệm kinh doanh.

- Thế anh chàng tốt bụng này tên là gì? - Sherlock Holmes hỏi.

- Tên anh ta là Vincent Spaulding. Thực ra thì anh ta cũng không còn trẻ nữa, nhưng rất khó đoán tuổi. Anh ta là một nhân viên nhanh nhẹn, hoạt bát, ông Sherlock Holmes ạ! Tôi thừa biết rằng anh ta dễ dàng kiếm được một công việc khá hơn với số lương gấp đôi thế. Nhưng anh ta vẫn nhận lời làm ở chỗ tôi, và nếu anh ta đã bằng lòng như vậy thì tôi cũng chẳng có gì phải phản đối cả.

- Đúng. Tại sao phải làm vậy? Xem ra ông thật may mắn khi có một người phụ việc chấp nhận tiền lương rẻ mạt như vậy. Đây quả là một điều khá bất thường. Liệu anh chàng giúp việc này có kỳ lạ như chính mẫu quảng cáo này không?

Ông Wilson tiếp tục:

- À, anh ta cũng có điểm yếu đấy, thưa ông. Tôi chưa từng gặp ai thích chụp ảnh như anh ta. Anh ta mang máy đi chụp khắp nơi, rồi vội vàng chui

xuống tầng hầm để rửa ảnh. Đó là nhược điểm lớn nhất của anh ta. Nhưng nhìn chung, anh ta là một nhân viên tốt, rất mực trung thành.

- Tôi đoán hiện anh ta vẫn đang sống cùng ông?

- Vâng, thưa ông. Ngoài anh ta ra còn có một cô bé mười bốn tuổi chuyên lo việc bếp núc và dọn dẹp nhà cửa. Trong nhà chỉ có ba người, vì tôi góa vợ và không có người thân. Chúng tôi sống rất bình lặng, có nợ thì cùng lo chi trả, cho đến khi một loạt chuyện xảy ra. Chuyện đầu tiên làm thay đổi cuộc sống của chúng tôi chính là mẫu quảng cáo này. Đúng tám tuần trước, Spaulding bước vào văn phòng với tờ báo này trong tay và nói: “Ông Wilson ạ, tôi ước gì Chúa ban cho tôi một mái tóc hung”. “Tôi hỏi:

- Sao vậy?

- Tại sao ư? - Anh ta nói - Hội tóc hung đang cần tuyển một người. Ai mà có được công việc này thì sẽ khấm khá. Theo tôi được biết, họ còn thiếu nhiều hội viên so với tiêu chuẩn, số tiền của ban điều hành còn không biết sử dụng vào việc gì. Nếu mái tóc của tôi đổi màu thì tôi sẽ xin nhập hội ngay, vì đây quả là một cơ hội tốt.

- Sao, vậy nghĩa là sao? - Tôi hỏi anh ta.

“Ông thấy đấy, tôi là người sống rất kín đáo, công việc lại không đòi hỏi phải bôn ba ngược xuôi, nên có khi suốt mấy tuần liền tôi không bước chân ra khỏi nhà. Vậy nên tôi không biết nhiều về những chuyện xảy ra ngoài xã hội, do đó mỗi khi có tin tức gì mới tôi đều rất thích thú.

- Ông chưa bao giờ nghe kể về Hội tóc hung này sao? - Anh ta tròn mắt nhìn tôi và hỏi lại.

- Chưa bao giờ.

- Lạ thật đấy, vì ông hoàn toàn có đủ điều kiện để có được làm việc ở đó đấy.

- Thế công việc đó được bao nhiêu?

-Ồ! Lương một năm chỉ khoảng hai trăm bảng Anh, nhưng bù lại việc này rất nhàn nhã, không ảnh hưởng gì đến công việc hiện nay của ông.

“Vâng, các ngài cũng dễ dàng nhận thấy rằng điều này đã thực sự hấp dẫn tôi. Mấy năm nay, công việc làm ăn của tôi không phát đạt lắm, nên cơ

may kiếm được vài trăm bảng quả là hết sức hấp dẫn. Vậy là tôi nói với anh ta: “Anh hãy kể cho tôi nghe những gì anh biết về cái hội này đi”.

“Anh ta đưa cho tôi xem mẫu quảng cáo nọ và nói:

- Vâng, đây ông tự mình xem đi. Hội đó đang có một chỗ trống. Họ cho địa chỉ rõ ràng, ông có thể đến đó để phỏng vấn. Theo tôi được biết, hội này do Ezekiah Hopkins, một triệu phú tính tình kỳ lạ người Mỹ, lập ra. Ông ta có bộ tóc hung đỏ và rất thân thiện với những ai có bộ tóc cùng màu. Vì thế mà sau khi mất đi, ông ta để lại một tài sản khổng lồ cho những người được ủy quyền quản lý với yêu cầu là dùng lợi tức từ khoản tiền đó để tạo cơ hội tốt cho những người đàn ông có cùng màu tóc hung như ông ta. Theo những gì tôi được biết thì công việc này rất đơn giản mà đãi ngộ lại rất tốt.

“Tôi bất giác nghi ngờ:

- Nhưng, cũng sẽ có hàng triệu đàn ông tóc hung đến xin làm công việc này mất.

“Anh ta trả lời chắc chắn:

- Không nhiều đến thế đâu. Ông nghĩ mà xem, họ chỉ dành công việc này cho những người đàn ông là người London thôi. Vì ông triệu phú này vốn sinh ra và lập nghiệp ở London, nên ông ta muốn làm những việc tốt đẹp cho thành phố này. Hơn nữa, tôi còn nghe nói Hội sẽ không tuyển những người có mái tóc màu hung nhạt, hung sẫm hay bất kỳ màu hung nào khác ngoài màu hung đỏ tự nhiên. Ông Wilson, nếu ông muốn nhận công việc này thì ông hãy đến ngay đi. Thật là khó từ chối một cơ hội kiếm tiền tốt như vậy.

“Thưa các ngài, như các ngài thấy đấy, quả thực tóc tôi có màu hung đỏ rực rất nổi bật. Bởi vậy, tôi nghĩ mình có nhiều ưu thế nếu tham gia dự tuyển cho công việc béo bở này. Vincent Spaulding xem ra có vẻ rất am hiểu chuyện này, nên tôi nghĩ có thể anh ta có ích cho tôi. Vậy là tôi liền bảo anh ta đóng cửa hàng một ngày rồi đi với tôi. Anh ta rất vui vì có một ngày nghỉ và cùng tôi đi đến địa chỉ đăng trên báo.

“Ông Holmes ạ, có lẽ tôi sẽ không bao giờ quên được những gì mình đã nhìn thấy hôm đó. Tất cả những người có mái tóc hung với đủ mọi sắc độ từ bốn phương đều lũ lượt kéo về thành phố để ứng cử vào vị trí việc làm đăng

trên báo. Phố Fleet chật cứng những người tóc hung, sân nhà thờ trông giống như một chiếc xe chở đầy cam của tay bán hàng rong vậy. Tôi không ngờ rằng một mẫu quảng cáo nhỏ lại có thể thu hút được nhiều người đến thế. Tóc của họ cũng đủ màu: vàng rơm, vàng nâu, vàng chanh, hung đỏ, cam, màu gạch, màu gan gà... Nhưng Spaulding nói, số người có mái tóc đỏ rực tự nhiên như tôi thì không nhiều. Khi thấy có quá nhiều người đứng đợi, tôi rất thất vọng và chán nản, định bỏ về. Nhưng Spaulding không chịu nghe. Tôi cũng chẳng hiểu khi đó anh ta chen lấn thế nào mà lôi tôi được vào trong đám đông và chúng tôi đã đến đứng ngay dưới chân bậc thềm dẫn lên văn phòng. Trên cầu thang có hai dòng người lên xuống, những người đi lên có vẻ tràn đầy hy vọng, còn những người đi xuống thì lại vô cùng buồn bã và chán nản. Chúng tôi nhanh chóng chen lên, và cuối cùng thì tôi thấy mình đã ở trong văn phòng.”

Sherlock Holmes đứng cạnh vị khách của mình, hít một hơi thuốc dài, trầm tư suy nghĩ rồi nói:

- Đoạn ông đang kể là thú vị, rất đáng quan tâm, xin ông hãy kể tiếp đi.
- Trong văn phòng, ngoài chiếc ghế gỗ và một cái bàn thì chẳng còn có gì cả. Ngồi sau cái bàn là một người đàn ông nhỏ nhắn, màu tóc còn đỏ rực hơn cả của tôi. Mỗi khi người dự tuyển nào đến trước mặt, anh ta chỉ nói vài câu rồi cố tìm ra một lỗi nào đó để đánh trượt họ. Xem ra, để có được công việc này thật không dễ dàng chút nào. Tuy nhiên, khi đến lượt chúng tôi, anh chàng nhỏ bé này lại tỏ ra lịch sự và ưu ái tôi hơn hẳn những người khác. Sau khi chúng tôi vào phòng, anh ta đóng cửa lại để có thể trò chuyện với chúng tôi một cách thoải mái.

“Anh chàng giúp việc của tôi nhiệt tình giới thiệu:

- Đây là ông Jabez Wilson, ông ấy sẵn sàng vào làm ở vị trí mà Hội đang tuyển.

“Anh chàng kia cũng vui vẻ trả lời:

- Ông rất thích hợp với công việc này. Ông đáp ứng tất cả những yêu cầu của chúng tôi. Tôi chưa từng gặp ai có mái tóc tuyệt vời hơn thế.

“Anh ta lùi một bước, nghiêng đầu nhìn chăm chăm vào mái tóc của tôi, khiến tôi cảm thấy vô cùng bối rối. Rồi bất ngờ anh ta lao tới như tên bắn,

chạy lại nắm lấy tay tôi, nhiệt liệt chúc mừng tôi đã dự tuyển thành công.

“Anh ta nói:

- Chẳng cần phải chần chừ hơn nữa. Song xin lỗi ông, cẩn thận vẫn là hơn, tôi hy vọng ông không phật ý.

“Nói rồi anh ta dùng cả hai tay túm chặt lấy tóc tôi rồi giật mạnh, khi tôi phải hét lên vì đau đớn thì anh ta mới buông tay ra.

- Ông ứa nước mắt rồi kìa. - Anh ta nói và thả tay ra - Tôi cũng biết là không nên làm thế. Nhưng tôi vẫn phải thận trọng vì chúng tôi đã bị lừa hai lần, một lần là một tên tóc giả, lần khác là một tên nhuộm tóc.

“Rồi anh ta bước nhanh đến bên cửa sổ và gào lên bằng một giọng to nhất có thể: “Đã chọn được người rồi”.

“Từ dưới vọng lên những tiếng la hét vì thất vọng, và đoàn người nhanh chóng kéo nhau bỏ đi, tản ra nhiều ngả. Sau khi họ ra về, chỉ còn tôi và anh chàng lo việc tuyển chọn là có mái tóc màu hung đỏ.

“Anh ta nhẹ nhàng tự giới thiệu:

- Tôi tên là Duncan Ross, một trong những người được hưởng tiền trợ cấp từ ông chủ cao quý của chúng ta để lại. Ông Wilson, ông đã lập gia đình chưa?

“Khi nghe tôi trả lời là góa vợ, hiện nay đang sống một mình, lập tức gương mặt anh ta sầm xuống. Anh ta nói với giọng nghiêm túc:

- Hừ, đây là vấn đề lớn đấy. Tình hình của ông khiến tôi lo ngại. Vì lẽ mục đích của quỹ này là để dành cho những người có mái tóc hung và gia đình họ để sinh ra nhiều người có mái tóc hung hơn nữa. Nhưng ông lại là người độc thân, thật đáng buồn!

“Ông Holmes ạ, nghe đến đây tôi cảm thấy rất thất vọng vì nghĩ rằng thế là xong, mình đã để tuột mất công việc này vì một lý do thật đáng trách. Nhưng sau khi suy nghĩ một hồi, anh ta lại cho rằng không có vấn đề gì cả.

“Anh ta nói:

- Nếu như với người khác, việc này quả là không thể bỏ qua. Nhưng với người có mái tóc đẹp như của ông, chúng tôi sẽ thử phá lệ một lần. Vậy lúc nào thì ông có thể nhận công việc mới này?

“Tôi bần khoản nói:

- Có một điều hơi khó là tôi đang có một cửa hàng nhỏ ở nhà.

“Vincent Spaulding đứng cạnh chờ lời:

- Ồ, ông Wilson! Ông đừng bận tâm về điều đó! Tôi có thể thay ông trông coi cửa hàng.

“Tôi hơi ngần ngại rồi hỏi tiếp:

- Thời gian làm việc từ mấy giờ đến mấy giờ?

- Từ 10 giờ sáng đến 2 giờ chiều.

“Ông Holmes ạ, cửa hàng cầm đồ của tôi chủ yếu làm việc vào buổi tối, đặc biệt là tối thứ năm và tối thứ sáu, ngay trước ngày trả lương. Bởi vậy nếu đến đây làm buổi sáng thì không có gì bất tiện cho lắm. Hơn nữa, tôi biết anh chàng giúp việc của mình là người đáng tin cậy và tháo vát, chuyện gì anh ta cũng có thể lo liệu được.

“Tôi hỏi, giọng vui vẻ:

- Thế thì cũng rất tiện cho tôi. Còn tiền lương thì sao?

- Bốn bảng một tuần.

- Tôi phải làm những việc gì?

- Đó là những việc rất bình thường. - Ý ông là sao?

- Ồ, trong suốt thời gian làm việc, ông phải ở văn phòng, hoặc ít nhất thì cũng phải ở trong căn phòng này. Nếu ông bỏ ra ngoài, ông sẽ bị sa thải và phải bồi thường. Việc này đã được quy định rất rõ ràng. Ông cũng vi phạm hợp đồng trong trường hợp ra khỏi văn phòng trong thời gian làm việc.

- Chỉ là bốn tiếng một ngày thì chắc chắn tôi sẽ không nghĩ đến việc ra khỏi đây nửa bước.

“Ông Duncan Ross vẫn tiếp tục nói bằng một giọng hết sức nghiêm nghị:

- Chúng tôi sẽ không chấp nhận bất cứ lý do nghỉ việc nào cho dù là ốm đau, việc gấp của gia đình hay bất cứ việc gì khác. Dù thế nào ông cũng phải ở lại văn phòng, nếu không ông sẽ bị đuổi việc.

- Vậy tôi sẽ phải làm gì?

- Công việc của ông là chép lại bộ Bách khoa toàn thư của Anh quốc. Ở đây đã có quyển 1 được xuất bản lần đầu. Ông phải tự lo mực, bút, giấy. Chúng tôi chỉ dành cho ông cái bàn và cái ghế này. Ngày mai ông sẵn sàng bắt đầu vào việc được chứ?

- Tất nhiên là được rồi. - Tôi hào hứng trả lời.

- Vậy bây giờ xin tạm biệt ông, ông Jabez Wilson. Một lần nữa, chúc mừng ông đã may mắn nhận được vị trí quan trọng này. - Anh ta cúi đầu lễ phép chào tôi.

“Tôi và cậu giúp việc rời khỏi căn phòng, trở về nhà. Tôi vô cùng sung sướng vì mình đã quá may mắn. Vâng, chuyện đó khiến tôi mừng thầm suốt ngày. Nhưng đến chiều, tôi lại thấy lo lắng vì cứ có cảm giác toàn bộ câu chuyện này là một trò đùa hay một sự lừa gạt nào đó, mà tôi không thể đoán được mục đích của nó là gì. Thật khó tin khi có người để lại bản di chúc lạ như thế và chịu bỏ ra một khoản tiền lớn chỉ để thuê làm một việc vô cùng đơn giản là chép cuốn Bách khoa toàn thư Anh quốc. Vincent Spaulding đã tìm mọi cách để giải thích và cổ vũ tôi. Đến khi ngủ, tôi quyết không nghĩ đến chuyện đó nữa. Thế nhưng, sáng sớm hôm sau tôi vẫn quyết tâm đến đó để xem chuyện thực hư thế nào. Tôi mua một lọ mực, một cây bút, bảy tờ giấy khổ lớn rồi đến Pope’s Court.

“Và điều khiến tôi sửng sốt và lấy làm sung sướng là mọi chuyện đều diễn ra hết sức tốt đẹp. Một chiếc bàn đã được kê sẵn, anh chàng Duncan Ross đứng đó lo liệu mọi chuyện để tôi bắt đầu một cách thuận lợi. Anh ta bảo tôi chép từ văn A rồi ra ngoài để tôi ở lại một mình, nhưng chốc chốc lại vào xem tôi làm việc thế nào, có cần gì không. 2 giờ chiều, anh ta khen tôi chép được nhiều và tạm biệt tôi. Sau khi tôi ra khỏi văn phòng, anh ta liền khóa cửa lại.

“Ông Holmes ạ, công việc đó cứ tiếp diễn từ ngày này sang ngày khác. Đến thứ bảy, anh ta bước vào phòng và phát cho tôi bốn đồng vàng để trả tiền lương tuần đầu tiên cho tôi. Các tuần sau, mọi chuyện cũng diễn ra tương tự như thế. Sáng nào tôi cũng có mặt ở văn phòng lúc 10 giờ và ra về lúc 2 giờ chiều. Về sau, Duncan Ross đến thưa dăn, chỉ một lần vào buổi sáng, cuối cùng thì không thấy anh ta đến nữa. Tuy vậy, tôi vẫn không bao giờ dám rời văn phòng dù chỉ một phút. Vì làm sao tôi biết chắc được lúc nào thì anh ta xuất hiện, hơn nữa công việc rất tốt, thu nhập cao và hợp với sở thích của tôi, nên tôi không muốn bị sa thải.

“Tám tuần liền trôi qua như vậy. Tôi đã chép được nhiều phần ở vắn A và hy vọng với tốc độ này, tôi sẽ sớm chuyển sang vắn B. Tôi cũng tốn một ít tiền để mua giấy viết, số giấy mà tôi chép được đã chất đầy một giá sách. Nhưng rồi toàn bộ công việc bỗng nhiên kết thúc một

cách rất bất ngờ.” - Kết thúc sao?

- Thưa ông, vừa mới sáng nay thôi. Tôi đến nơi làm việc như thường lệ vào lúc 10 giờ, nhưng thấy cửa khóa. Và trên then cài cửa có một mẫu giấy nhỏ hình vuông. Mẫu giấy đó đây, ông có thể tự đọc.

Rồi ông Wilson chìa ra một mẫu giấy trắng, cỡ bằng một trang sổ tay, viết chỉ vồn vện mấy chữ:

“Hội những người tóc hung giải thể từ ngày 9 tháng 10 năm 1890”.

Holmes với tôi cùng xem mẫu giấy nhỏ và nhìn gương mặt rầu rĩ của vị khách, cho tới lúc không nhận được nữa trước hai hình ảnh ấy, cả hai chúng tôi cùng cười phá lên.

Vị khách của chúng tôi vô cùng tức giận kêu lên:

- Tôi chẳng thấy có gì đáng buồn cười trong chuyện này cả. Nếu các ngài không thể làm gì khác hơn ngoài việc nhạo báng tôi thì tôi xin phép đi chỗ khác.

- Không, không. - Holmes kêu lên và kéo Wilson xuống ghế - Tôi thực tình không thể bỏ qua vụ án này được. Nó thật khác thường khiến người ta phải tò mò, nhưng nếu ông không phiền thì tôi vẫn phải nói thật là chuyện này quả hơi buồn cười. Xin hỏi, khi nhìn thấy tờ giấy trên cánh cửa, ông đã làm thế nào?

- Thưa ông, khi đó tôi vô cùng ngạc nhiên và không biết phải làm thế nào. Tôi đi hỏi những người ở xung quanh khu phòng đó, nhưng xem ra họ cũng chẳng biết gì cả. Cuối cùng tôi đến chỗ chủ nhà, ông ta là kế toán và sống ở tầng dưới. Tôi hỏi ông ta có biết chuyện gì đã xảy ra với Hội tóc hung không. Ông ta bảo ông ta chưa từng nghe nói về cái hội nào như thế cả. Sau đó tôi hỏi ông ta có biết Duncas Ross hiện giờ ở đâu không. Ông cũng nói chưa từng nghe thấy cái tên đó.

- À, là cái ông ở phòng số 4 đó mà. - Tôi nói địa chỉ phòng gã.

- Ồ, có phải là người đàn ông có mái tóc hung đỏ không?

- Đúng vậy

“Ông ta nói tiếp:

- Ông ta nói ông ta tên là William Morris. Ông ta là luật sư và thuê phòng của tôi làm văn phòng luật sư tạm thời, chờ văn phòng chính hoàn thành. Tối hôm qua, ông ta đã chuyển đi rồi.

- Tôi có thể tìm ông ta ở đâu?

- À, ở văn phòng mới của ông ta. Ông ta đã cho tôi địa chỉ, đó là nhà số 17, phố King Edward, cạnh nhà thờ St. Paul.

“Tôi vội đến đó ngay, ông Holmes ạ. Nhưng khi tôi tìm đến nơi thì chỉ thấy một cái xưởng sản xuất nhỏ. Ở đó chẳng ai biết đến cái tên William Morris hay Duncan Ross nào cả.”

Holmes hỏi:

- Vậy sau đó ông làm gì nữa?

- Tôi quay về nhà mình ở quảng trường Coburg để hỏi cậu giúp việc nên làm thế nào, nhưng anh ta cũng chẳng giúp được gì. Anh ta chỉ nói rằng tôi chịu khó chờ, rồi có thể tôi sẽ nhận được thư thông báo của họ. Thế nhưng ông Holmes ạ, tôi vẫn thấy không thể yên tâm được. Tôi không muốn bị mất công việc nhàn nhã mà lương lại cao này. Tôi nghe nói ông luôn giúp đỡ những người đáng thương, nên tôi lập tức đến đây để nhờ ông.

- Ông hành động rất khôn ngoan. - Holmes an ủi - Vụ này của ông rất đáng quan tâm, quả là có một không hai đấy, và tôi rất sẵn lòng đứng ra giải quyết. Từ những gì ông kể cho chúng tôi thì tôi nghĩ vụ này nghiêm trọng hơn những gì chúng ta tưởng nhiều.

Ông Jaber Wilson rầu rĩ:

- Thế này cũng đủ nghiêm trọng rồi, ông nghĩ mà xem, mỗi tuần tôi bị mất bốn bảng Anh lận.

- Riêng về phần ông, - Holmes giải thích - tôi nghĩ là ông chẳng có gì phải phàn nàn cả. Ngược lại, ông đã kiếm được hơn ba mươi bảng và học thêm kiến thức cho mình từ việc chép các mục trong văn A. Trong việc này, ông không hề bị thiệt gì đâu.

- Đúng là tôi không bị thiệt gì cả. Nhưng thưa ông, tôi muốn biết sự thật là thế nào và bọn họ là những ai, họ chơi trò này với tôi nhằm mục đích gì.

Nếu đây là một trò đùa, thì quả là trò đùa khá tốn kém, vì họ đã mất hơn ba mươi bảng.

- Về điều này, chúng tôi sẽ cố làm sáng tỏ những băn khoăn giúp ông. Nhưng trước tiên, ông Wilson, ông hãy trả lời tôi vài câu hỏi. Thứ nhất, anh chàng giúp việc của ông, người đầu tiên khiến ông phải chú ý đến mẫu quảng cáo kia, đã làm cho ông lâu chưa?

- Trước đó khoảng một tháng.

- Anh ta đến làm cho ông như thế nào?

- Anh ta đến theo quảng cáo tìm người tôi đăng trên báo.

- Chỉ một mình anh ta đến đăng ký thôi sao?

- Không, có mười người đến dự tuyển.

- Sao ông lại chọn anh ta?

- Vì anh ta rất tháo vát mà lại chấp nhận mức lương thấp.

- À phải, tiền lương chỉ bằng nửa so với nơi khác.

- Đúng thế.

- Trông anh chàng Vincent Spaulding này như thế nào?

- Dáng người thấp, khỏe khoắn, nhanh nhẹn, mặc dù đã khoảng ngoài ba mươi tuổi, da mặt nhẵn nhụi. Trên trán có một vết sẹo bị bỏng do axit.

Holmes bỗng ngồi bật dậy với vẻ rất kích động. Anh hỏi tiếp:

- Tôi cũng nghĩ vậy. Ông để ý thấy anh ta có bấm lỗ tai không?

- Có, thưa ông. Anh ta nói với tôi rằng một người Digan đã xỏ cho anh ta khi anh ta còn trẻ.

- Hừm. - Holmes nói và ngồi xuống ghế - Anh ta còn ở chỗ ông không?

- Thưa còn, tôi vừa ở chỗ anh ta rồi mới đến đây.

- Khi ông không ở nhà, việc kinh doanh vẫn do anh ta quản lý chứ?

- Thưa ông, tôi không có gì phải phàn nàn về công việc của anh ta, buổi sáng thường chưa có ai đến mua bán gì.

- Thôi, như vậy là được rồi, ông Wilson. Vài ngày nữa tôi sẽ báo cho ông biết thông tin của vụ này. Hôm nay là thứ bảy, tôi hy vọng trước ngày thứ hai chúng tôi sẽ đưa ra kết luận.

- Vậy Watson, anh thấy vụ này thế nào? - Sau khi vị khách ra về, Holmes hỏi tôi.

- Tôi không phát hiện ra manh mối gì cả. Đây quả là một vụ bí hiểm. - Tôi thành thật trả lời.

- Thường thì chuyện kỳ lạ đến đâu, sau khi được làm rõ cũng sẽ không có gì khó hiểu cả. - Holmes bình luận - Những vụ bình thường, không có gì đặc biệt mới là những vụ khó lý giải. Nó giống như một khuôn mặt bình thường, tuy không có gì đặc biệt nhưng cũng lại khó nhận biết. Nhưng tôi phải tiến hành điều tra vụ này ngay lập tức, càng nhanh càng tốt.

- Vậy giờ anh định làm gì? - Tôi hơi tò mò hỏi.

- Hút thuốc. - Holmes thản nhiên nói - Vụ này phải hút hết ba điếu thuốc mới giải quyết được. Tôi yêu cầu anh trong vòng năm mươi phút đừng nói gì với tôi cả.

Rồi Holmes thu người lại trong ghế bành, hai đầu gối khằng khiu co lại gần chạm vào cái mũi điều hòa. Anh ngồi đó mắt lim dim, mồm ngậm chiếc tẩu màu đen trông giống như cái mỏ nhọn dài của một giống chim kỳ lạ. Thấy vậy, tôi nghĩ chắc là anh đã ngủ thiếp đi nên cũng tranh thủ đánh một giấc. Đúng lúc đó, bỗng anh chồm bật dậy như vừa nghĩ ra sáng kiến gì và đặt chiếc tẩu lên thành lò sưởi.

Holmes nói:

- Chiều nay có buổi hòa nhạc tại thánh đường St. James. Anh nghĩ sao Watson? Liệu bệnh nhân của anh có thể để anh tạm nghỉ vài tiếng không?

- Hôm nay tôi chẳng phải làm gì cả. Công việc của tôi không bận rộn lắm đâu.

- Vậy thì hãy đội mũ vào, và cùng tôi đi thôi. Chúng ta sẽ đi qua trung tâm thành phố rồi tiện thể ăn trưa luôn. Hôm nay có một chương trình hòa nhạc Đức rất hay. Tôi vẫn thích nhạc Đức hơn nhạc Ý hay nhạc Pháp. Nhạc Đức khiến người ta phải suy ngẫm, hồi tưởng, mà bây giờ thì tôi đang cần điều đó. Chúng ta đi nào.

Chúng tôi đi tàu điện đến Aldersgate, rồi đi bộ một đoạn tới quảng trường Coburg, nơi diễn ra câu chuyện kỳ lạ có một không hai mà chúng tôi được nghe kể lúc sáng. Đây là một con phố nghèo, nhỏ hẹp cũ kỹ với bốn dãy nhà hai tầng xây gạch màu xám, xung quanh có tường rào. Trên sân có một khoảng trống cỏ mọc um tùm với mấy cây nguyệt quế ngoan cường

vươn lên, trái ngược hẳn với quang cảnh mờ mịt u ám xung quanh. Trên một tòa nhà ở đoạn rẽ có một tấm biển gỗ màu nâu, trên đó ghi hai chữ màu trắng “Jabez Wilson” cùng ba quả cầu đúc bằng kim loại. Tấm biển cho biết đó là cửa hàng của vị khách có mái tóc màu hung ban sáng. Holmes đứng ngay trước cửa hàng, nghiêng đầu ngắm nghía kỹ lưỡng mọi thứ bằng đôi mắt sáng quắc. Anh thông thả đi dọc theo con phố rồi lại quay lại chỗ rẽ đó, mắt vẫn chăm chú quan sát từng ngôi nhà. Cuối cùng anh quay trở lại cửa hiệu cầm đồ, dùng chiếc gậy nện mạnh xuống vỉa hè hai, ba lần rồi tiến thẳng tới trước cửa hiệu gỗ cửa. Lập tức một anh chàng mặt mũi trông sáng sủa, hoạt bát, râu tóc gọn gàng ra mở cửa và mời Holmes vào. Đó chính là anh chàng giúp việc của vị khách ban sáng.

- Cám ơn. - Holmes nói - Tôi chỉ muốn nhờ anh chỉ giúp đường từ đây đến phố Strand.

- Đến ngã tư thứ ba rẽ phải, rồi đến ngã tư tiếp nữa thì rẽ trái. - Anh ta trả lời nhanh gọn, và với một thái độ không lấy gì làm vui cho lắm, đóng sập cửa lại.

- Tôi thấy anh ta là một người khôn ngoan. - Holmes nhận xét khi chúng tôi đi khỏi đó - Theo tôi suy đoán, anh ta là tay khôn ngoan thứ tư ở London này đây, và có lẽ là đứng hàng thứ ba về mặt liều lĩnh. Trước đây, tôi đã từng biết ít nhiều về anh ta.

- Rõ ràng là anh chàng giúp việc này của ông Wilson đóng một vai trò quan trọng trong vụ làm ăn bí ẩn của Hội tóc hung. Tôi chắc rằng việc anh hỏi đường vừa rồi chỉ là cái cớ để nhìn rõ anh ta mà thôi. - Tôi phán đoán.

- Không phải để nhìn anh ta đâu.

- Vậy thì để làm gì?

- Tôi muốn xem quần hần, ở chỗ hai đầu gối.

- Thế anh đã thấy được những gì?

- Tôi thấy điều mà tôi muốn thấy.

- Vậy tại sao anh lại gõ đầu gậy xuống vỉa hè?

- Bác sĩ thân mến ạ, bây giờ là lúc chúng ta nên chú tâm quan sát chứ không phải trò chuyện. Chúng ta đang điều tra trên đất của kẻ thù và đã biết

được đôi điều về quảng trường Coburg. Giờ thì chúng ta còn phải đi tìm kiếm những ngõ ngách khác trong quảng trường nữa.

Khi chúng tôi vòng ra sau khu quảng trường vắng vẻ, hiện lên trước mắt chúng tôi là một quang cảnh khác hẳn, giống như hai mặt đối lập của cùng một bức tranh vậy. Đó là một trục giao thông huyết mạch nối liền khu trung tâm với vùng miền Bắc và miền Tây. Đường phố tấp nập người buôn bán đang chen chúc nhau. Trong dòng người ấy, người thì đi xuôi, người thì đi ngược, vô cùng đông đúc. Vĩa hè cũng đông nghịt những người đi bộ. Khó mà hình dung được những dãy cửa hiệu và văn phòng hoa lệ mà chúng tôi đang nhìn thấy đây lại chính là mặt sau của quảng trường Coburg âm đạm, nghèo nàn và cũ kỹ mà chúng tôi vừa mới đi qua.

Holmes dừng lại ở góc đường và đưa mắt nhìn dọc con phố:

- Để tôi ngắm kỹ một lát nhé, tôi muốn ghi nhớ vị trí của các tòa nhà ở đây. Tôi có thói quen rất thích tìm hiểu tường tận và nhớ chính xác về London. Ở đây có một hiệu thuốc lá Mortimer, bên này là một sạp báo nhỏ, bên kia nữa là chi nhánh Coburg của ngân hàng thành phố, rồi quán ăn chay, xưởng đóng xe ngựa. Sau đó, chúng ta sẽ đi sang nhà phía bên kia. Xong rồi Watson ạ! Chúng ta đã làm xong phần việc của mình, giờ thì hãy nghỉ ngơi một chút. Một chiếc bánh sandwich, một tách cà phê, rồi sau đó ta đến dự buổi hòa nhạc, ở đó chỉ có sự ngọt ngào, tinh tế và bình yên, rung động lòng người. Sẽ chẳng một vị khách tóc hung nào đến làm phiền chúng ta bằng những câu chuyện kỳ cục.

Bạn tôi đúng là một người say mê âm nhạc, vì anh vốn không chỉ là người chơi nhạc tài ba mà còn là một nhạc sĩ cừ khôi. Suốt buổi chiều hôm đó, anh ngồi trong phòng nghe nhạc, trông rất hạnh phúc. Anh khẽ đánh nhịp bằng những ngón tay dài khăng khiu theo điệu nhạc. Gương mặt anh mỉm cười bình thản, nhưng đôi mắt lại mơ màng như đang đi vào giấc ngủ. Lúc này, trông anh hoàn toàn khác với dáng vẻ suy tư của nhà thám tử lừng danh Sherlock Holmes tức trí đa mưu, mẫn cảm kiên quyết mà ta thường thấy. Trong anh dường như có hai con người cùng tồn tại, nhưng sự tinh tế mẫn cảm và sắc sảo vẫn chiếm ưu thế. Chính tính cách như vậy khiến anh thoát khỏi sự suy nhược, lao vào công việc với lòng hăng say, hừng hực sức

sống. Tôi biết rõ rằng lúc anh sắc sảo nhất, ghê gớm nhất là lúc anh ngồi mấy ngày liền trên chiếc ghế, miệt mài với những suy ngẫm của mình. Đôi khi tham vọng mãnh liệt đến nỗi khiến khả năng suy đoán của anh đạt tới cực điểm, thậm chí những người không hiểu anh có thể còn nghi ngờ không biết liệu anh có phải là siêu nhân hay không mà điều gì cũng biết. Buổi chiều hôm đó, khi nhìn anh chìm đắm trong âm nhạc, tôi biết rằng những kẻ tội phạm mà Holmes truy lùng đã đến lúc sa lưới.

Ra khỏi phòng hòa nhạc, Holmes hỏi tôi:

- Watson, chắc anh muốn về nhà ngay phải không?
- Đúng vậy, như thế sẽ tốt hơn.
- Tôi cũng có việc phải làm, mất khoảng một vài tiếng. Vụ việc xảy ra ở quảng trường Coburg này nghiêm trọng đấy.
- Sao lại nghiêm trọng?
- Sẽ có một vụ phạm tội lớn. Tôi có đủ lý do để tin rằng chúng ta còn kịp để ngăn chặn chúng. Nhưng hôm nay là thứ bảy nên sự việc sẽ càng trở nên phức tạp hơn. Vậy nên tối nay tôi cần sự giúp đỡ của anh.
- Vào lúc mấy giờ?
- Khoảng 10 giờ.
- Vậy 10 giờ tôi sẽ đến phố Baker.
- Thế thì tốt quá. Nhưng, Watson ạ! Đây là một vụ nguy hiểm nên anh hãy mang theo súng đi. - Holmes vẫy tay tạm biệt tôi rồi quay đi và lập tức mất hút trong đám đông.

Tôi dám chắc rằng mình không hề kém cạnh so với đám bạn của mình, nhưng khi cộng tác cùng Sherlock Holmes, tôi luôn bị ám ảnh bởi ý nghĩ là mình thật khờ khạo. Ví dụ như trong chuyện này chẳng hạn, tôi cũng nghe những gì anh ấy được nghe, thấy những gì anh ấy được thấy. Nhưng qua lời anh, tôi hiểu rằng anh không chỉ hiểu những chuyện đã xảy ra, mà còn tiên đoán được những gì sắp đến, trong khi đó đối với tôi, toàn bộ vụ này vẫn chỉ là một mớ bòng bong. Trên đường trở về nhà ở Kensington, tôi đã suy nghĩ về mọi thứ, từ câu chuyện chép lại cuốn Bách khoa toàn thư bất thường của vị khách tóc hung đến chuyến đi tới quảng trường Coburg và cả những dự báo không lành của Holmes lúc chia tay. Nửa đêm thì có chuyện gì xảy ra?

Tại sao tôi lại phải mang vũ khí? Chúng tôi sẽ đi đâu và làm những gì? Tôi được Holmes ngầm chỉ cho biết anh chàng giúp việc tháo vát của ông Wison là một tay ghê gớm, có thể là tác giả của những trò chơi thâm hiểm. Mặc dù đã cố gắng móc nối những chuyện đó lại với nhau, nhưng tôi vẫn không thể tìm ra manh mối nào. Cuối cùng tôi đành gác mọi chuyện lại một bên, dù sao đến tối chân tướng sự việc cũng sẽ được làm sáng tỏ.

Tôi ra khỏi nhà lúc 9 giờ 15 phút, đi tắt qua công viên rồi bắt xe ngựa đến phố Baker. Khi đến nhà Holmes, tôi thấy trong nhà có tiếng nói chuyện từ trên gác vọng xuống. Vào phòng Holmes, tôi thấy anh đang chuyện trò sôi nổi với hai người khác. Tôi nhận ra một trong hai người đó là Peter Jones, một nhân viên của Sở Cảnh sát. Còn người kia thì cao gầy, đội chiếc mũ bóng lộn, mặc một chiếc áo choàng rất dày và nặng nề.

- À, vậy là mọi người đã đến đông đủ cả rồi. - Holmes vừa nói vừa cài khuy áo comlê, tiện thể với tay lấy chiếc gậy đi săn nặng trĩu xuống, rồi hướng về phía hai người đàn ông và giới thiệu - Watson, tôi nghĩ anh đã biết ông Jones ở Sở Cảnh sát Scotland Yard. Tôi xin giới thiệu đây là ông Merryweather, cộng sự của chúng ta trong buổi tối mạo hiểm hôm nay.

Ông Jones từ tốn nói:

- Ông bác sĩ, tối nay chúng ta lại cùng nhau phá án rồi. Ông bạn đây của chúng ta là một chuyên gia trình thám siêu đẳng. Ông ta chỉ cần một chú chó là đã có thể lần ra được bọn tội phạm.

Ông Merryweather khiêm tốn nói:

- Tôi hy vọng lần này chúng ta sẽ không làm hỏng việc.

Cảnh sát Jones cao giọng nói:

- Thưa ông, ông nên tin ở ông Holmes, ông ấy chắc chắn đã có phương pháp riêng rất hữu hiệu và thú vị. Thứ lỗi cho tôi nói thẳng, những biện pháp ấy hơi nặng về lý thuyết và quá táo bạo, nhưng quả thực ông ấy có tố chất của một nhà thám tử tài ba. Ví dụ, trong những vụ “Dải băng đốm” và vụ “Viên ngọc bích màu xanh da trời”, ông ấy còn phán đoán chính xác hơn cả cảnh sát chúng tôi. Những gì tôi nói hoàn toàn là sự thực.

Ông Merryweather cũng biểu lộ sự đồng ý:

- Ông Jones, ông đã nói vậy thì tôi cũng tạm yên tâm rồi. Nhưng tôi vẫn muốn nói là vì vụ này tôi đã để lỡ mất buổi đánh bài. Đây là lần đầu tiên trong vòng hai mươi bảy năm nay, tôi không đánh bài vào tối thứ bảy.

Sherlock Holmes khích lệ ông ta:

- Tôi dám chắc với ông rằng, món tiền ông đặt cọc hôm nay lớn hơn tất cả những cuộc chơi mà ông đã từng chơi, hơn nữa đây còn là cuộc chơi đầy thú vị. Ông Merryweather, món tiền đặt cược tối nay của ông sẽ là ba mươi nghìn bảng. Còn với ông, ông Jones, đó sẽ là gã tội phạm mà ông vẫn truy đuổi từ bao lâu nay.

- Vâng, đó là John Clay. Tuy còn trẻ nhưng hắn đã phạm tội giết người, trộm cắp, cướp của, lừa bịp và làm tiền giả. Tôi muốn bắt hắn hơn bất cứ tên tội phạm nào khác ở London, hắn là một kẻ sừng sỏ. Ông nội của hắn là một công tước, thuộc dòng dõi hoàng gia, còn hắn đã từng được học ở trường Eton và Oxford. Đầu óc hắn cũng khôn ngoan, tinh quái và quỷ quyệt như đôi bàn tay hắn vậy. Tuy chúng tôi đã phát hiện ra dấu tích của hắn ở khắp nơi, nhưng lại không sao bắt được. Tuần trước, có thể hắn vừa đào hầm ăn cướp ở Scotland, nhưng đến tuần sau hắn lại quỳên góp tiền để xây dựng một nhà trẻ mồ côi ở nơi khác. Tôi đã bám theo hắn nhiều năm, nhưng chưa bao giờ được nhìn thấy mặt hắn.

- Hy vọng rằng tối nay tôi sẽ có hân hạnh được giới thiệu hắn với ông. Tôi cũng đã một vài lần được độ sức với hắn, và tôi hoàn toàn đồng ý với ông rằng hắn quả là tên cao thủ trong nghề. Thôi, đã hơn 10 giờ rồi, chúng ta xuất phát thôi. Nếu hai ông lên chiếc xe đầu, thì Watson và tôi sẽ lên chiếc xe thứ hai.

Trên suốt đoạn đường dài, Holmes nói rất ít, anh ngồi ngả lưng vào thành xe, ngâm nga điệu nhạc vừa nghe chiều nay. Xe chúng tôi lăn bánh trên những dãy phố dài bất tận mờ mờ ánh đèn, cho tới lúc dừng lại ở phố Farrington.

Bạn tôi nói:

- Chúng ta sắp tới nơi rồi. Ông Merryweather là chủ nhà băng nên ông ta đặc biệt quan tâm đến vụ này. Tôi muốn để Jones đi cùng, mặc dù về trí tuệ, ông ta chỉ là một tên ngốc, nhưng lại có ưu điểm phải thừa nhận là khi bắt

cướp, ông ta vô cùng dũng mãnh và can đảm. Ta xuống đây thôi, họ đang chờ chúng ta kìa.

Chúng tôi đặt chân xuống chính đoạn đường đông đúc mà Holmes và tôi vừa tới ban sáng. Sau khi cho xe đi, theo chân ông Merryweather, chúng tôi băng qua một con hẻm nhỏ, rồi bước qua một cánh cửa mà ông ta mở cho chúng tôi. Bên trong là một hành lang nhỏ dẫn thẳng tới một cái cổng sắt đồ sộ. Ông Merryweather mở cổng, chúng tôi bước xuống những bậc thang xoắn bằng đá dẫn đến một cánh cửa sắt khổng lồ khác. Ông ta dừng lại để thả đèn, sau đó dẫn chúng tôi xuống một lối đi tối tăm ẩm mốc, sặc mùi bùn đất. Rồi ông mở tiếp cánh cửa thứ ba, đưa chúng tôi tới một căn hầm lớn. Trong căn hầm này là hàng đống những chiếc thùng gỗ và những cái hòm lớn.

Holmes giơ cao ngọn đèn lên để quan sát. Anh nhận xét:

- Không dễ gì nếu đột nhập từ phía trên. Ông Merryweather vừa gõ gõ đầu cây gậy xuống nền nhà vừa nói:

- Cũng không thể đột nhập từ phía dưới. - Rồi ông ta kinh ngạc thốt lên - Ôi! Lạy Chúa, sao nghe như có vẻ trống rỗng thế này.

Holmes nghiêm nghị nói:

- Tôi yêu cầu các ông yên lặng một chút. Nếu không chúng ta sẽ thất bại trong chuyến phiêu lưu này. Xin các ông hãy ngồi xuống mấy cái thùng kia và đừng gây ồn.

Ông Merryweather đành ngồi xuống ngay một cái thùng gỗ, vẻ mặt có vẻ tức tối. Holmes quỳ xuống sàn, dùng chiếc đèn xách tay và kính lúp để bắt đầu xem xét cẩn thận từng kẽ đá. Chỉ vài phút sau, anh đã hoàn thành cuộc kiểm tra của mình với vẻ mặt đầy thỏa mãn, rồi bật dậy cất chiếc kính lúp vào túi áo.

Anh thông báo ngắn gọn:

- Ít nhất chúng ta phải chờ một tiếng nữa, vì bọn chúng không thể hành động trước khi ông chủ hiệu cầm đồ tốt bụng ngủ say. Sau đó chúng sẽ tranh thủ từng giờ từng phút một, vì công việc kết thúc càng sớm thì chúng sẽ có nhiều thời gian để tẩu thoát. Anh Watson, chắc anh cũng đã đoán được là hiện chúng ta đang ở dưới tầng hầm của Chi nhánh trung tâm Ngân hàng

London. Ông Merryweather chính là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Ông ấy sẽ giải thích cho anh hiểu tại sao bọn tội phạm khét tiếng nhất London lại quan tâm nhiều đến căn hầm này đến thế.

Vị Chủ tịch Hội đồng quản trị ngân hàng nói thì thầm:

- Đó là vì số tiền vàng mới chuyển từ Pháp sang ngân hàng chúng tôi. Chúng tôi đã được cảnh báo rằng có thể sẽ có kẻ muốn cướp số vàng này.

- Đồng tiền vàng của Pháp?

- Vâng. Cách đây vài tháng, do muốn tăng nguồn vốn nên chúng tôi phải vay của ngân hàng Pháp một số tiền trị giá ba mươi nghìn đồng napoleon. Mọi người đều biết rằng chúng tôi chưa thể dùng số vàng ấy, nên những thùng vàng đó vẫn nằm nguyên trong căn hầm này. Cái thùng tôi đang ngồi trên đây chứa hai nghìn đồng napoleon, được bao bọc bằng những lớp chì mỏng. Số vàng chúng tôi hiện có lớn hơn rất nhiều số tiền của bất kỳ một ngân hàng nào khác, nên Hội đồng quản trị rất lo lắng về vấn đề này.

Holmes tán thành:

- Họ lo lắng là phải. Bây giờ chúng ta phải chuẩn bị tất cả những gì cần làm để hoàn tất kế hoạch. Tôi hy vọng sau một giờ nữa mọi chuyện sẽ kết thúc tốt đẹp. Còn tạm thời, ông Merryweather ạ, chúng ta phải tạm che kín ngọn đèn này đi.

- Vậy chúng ta ngồi đợi trong bóng tối sao?

- Tôi e là phải như vậy. Tôi có mang theo một bộ bài để bốn người cùng chơi. Nhưng tôi sợ rằng bọn cướp đã chuẩn bị kỹ lưỡng từ trước, nên chúng ta không thể sơ suất để lộ ánh sáng ra ngoài. Trước tiên, ta cần phải chọn một vị trí thích hợp. Bọn cướp này rất táo tợn, chúng dám làm tất cả, không từ một thủ đoạn nào. Và dù có bị bất ngờ, chúng vẫn có thể gây ra những tác hại không thể lường trước được. Vì vậy cần hết sức cẩn thận, nếu không rất có thể ta sẽ phải chịu tổn thất nặng nề. Tôi sẽ đứng nép sau cái thùng này, còn các ông hãy nấp sau mấy cái kia. Khi nào tôi chiếu đèn vào bọn chúng, các ông hãy mau lẹ tóm lấy chúng, nếu chúng nổ súng thì các ông hãy lập tức bắn hạ.

Tôi đặt khẩu súng đã lên nòng xuống phía sau chiếc hòm tôi đứng nấp. Holmes nhanh chóng kéo tấm chắn sáng chụp lên trên chiếc đèn, căn hầm

lập tức chìm trong bóng tối, tôi chưa bao giờ ở một nơi nào mà bóng tối dày đặc đến vậy. Mùi metan cháy giúp chúng tôi biết rằng ngọn lửa vẫn còn và khi cần, nó sẽ lập tức bùng sáng. Tôi chờ đợi trong yên lặng, thần kinh vô cùng căng thẳng. Căn hầm ẩm thấp, lạnh lẽo này khiến người ta có cảm giác bị ức chế ghê gớm và tôi thấy mình run lên trong sợ hãi.

Holmes khe khẽ dặn:

- Bọn chúng chỉ có một lối thoát, đó là rút lui về căn nhà ở quảng trường Coburg. Ông Jones, tôi hy vọng ông đã làm đúng theo những gì tôi dặn.

- Tôi đã phá một viên thanh tra và hai cảnh sát mai phục ở cửa trước của hiệu cầm đồ.

- Vậy là chúng ta đã chặn hết tất cả các lối ra vào. Bây giờ chỉ còn phải im lặng ngồi đợi.

Thời gian trôi đi thật chậm chạp. Sau này khi xem đồng hồ, tôi mới biết rằng chúng tôi đã đợi ở đó 1 tiếng 15 phút, nhưng với tôi giống như cả một đêm ròng rã đã trôi đi. Vì không dám nhúc nhích nên chân tay tôi mỏi nhừ và gần như tê cứng. Đầu óc căng thẳng tột độ, tai tôi căng ra nhưng chỉ nghe thấy tiếng thở khò khè nặng nhọc của ông Jones và hơi thở rất nhẹ của ông chủ tịch nhà băng. Từ vị trí này, tôi có thể quan sát mọi phía trên sàn. Bỗng nhiên, mắt tôi bắt gặp một tia sáng yếu ớt.

Lúc đầu, đó chỉ là một tia sáng xanh lét ẩn dưới lớp đá. Sau đó, tia sáng cứ to dần, to dần rồi dài ra thành một vệt vàng. Rồi bất chợt, lặng lẽ xuất hiện một vết nứt. Một bàn tay nhỏ nhắn hiện ra, trắng trẻo như tay phụ nữ, sờ soạng giữa quầng sáng nhỏ. Khoảng một phút sau, bàn tay mềm mại ấy nhô cao lên, rờ rẫm trên sàn. Trong tích tắc, nó biến mất đột ngột như lúc xuất hiện. Và mọi thứ lại chìm trong bóng tối, chỉ trừ khe sáng le lói dưới sàn.

Song bàn tay đó chỉ biến mất trong chốc lát. Bỗng từ khe hở đó phát ra một âm thanh chói tai và những viên đá trắng bị lật sang một bên, để lộ ra một lỗ hổng hình vuông, khiến một luồng sáng từ ngọn đèn lồng tràn vào căn hầm tối tăm. Qua lỗ hổng đó, một gương mặt thanh niên lộ ra, gã nhanh chóng đưa mắt dò xét cẩn thận xung quanh. Sau đó gã vươn người lên, tì vào mép lỗ đu người lên trên. Ngay khi đứng được lên trên sàn nhà, gã liền đưa

tay ra kéo tên đồng bọn lên theo. Cả hai tuy nhỏ nhắn nhưng đều rất nhanh nhẹn, mặt mũi tái xanh với mái tóc hung rực lửa bù xù.

Hắn thì thào:

- Không có ai, mọi việc đều ổn cả. Scott, mày có mang đục và bao đi không? Chết rồi! Không xong rồi! Archie, nhảy đi, nhảy đi, để tao lo.

Nhanh như cắt, Holmes lao ra, tóm chặt lấy cổ áo kẻ đột nhập. Gã kia vội tụt xuống cái lỗ hổng, tôi còn nghe thấy tiếng vải rách soàn soạt khi Jones túm lấy áo khoác của hắn. Ánh đèn rọi thẳng vào khẩu súng ngắn của tên trộm, nhưng chiếc gậy của Holmes đã giáng mạnh vào cổ tay hắn, khiến khẩu súng rơi xuống nền đá.

Holmes quát:

- Vô ích thôi, John Clay. Anh không thoát được lần này đâu.

Gã trộm đáp, giọng lạnh lùng ráo hoảnh:

- Tao cũng thấy thế, nhưng bạn tao đã thoát được, tuy các người có tóm được vạt áo của cậu ta.

Holmes mỉm cười:

- Nhưng có ba người đang đợi hắn ngoài cửa đấy!

- Hừ, các người chuẩn bị thật chu đáo. Khá khen đó!

Holmes bình tĩnh đáp:

- Anh cũng vậy. Ý tưởng về Hội tóc hung của anh quả

Jones nghiêm mặt cảnh cáo:

- Anh và đồng bọn của anh sẽ được gặp nhau ngay thôi. Mặc dù các anh nhanh hơn tôi, nhưng thoát sao được khi lối ra đã bị chặn. Mau chìa tay ra để còng lại.

Khi chiếc còng sắt khóa chắc cánh tay gầy gò của tên trộm, hắn phát khùng lên mắng:

- Đừng có động bàn tay bẩn thỉu của các người vào người ta. Các người có biết rằng trong ta có dòng máu hoàng gia không? Ta yêu cầu các người phải cẩn thận khi nói chuyện với ta, phải nói “Thưa ngài”.

Jones tròn mắt ngạc nhiên, rồi cười phá lên:

- Vâng, thưa ngài, xin ngài bước lên cầu thang. Lên trên kia, chúng tôi sẽ đánh xe ngựa đưa ngài về đồn cảnh sát, như vậy được chứ?

John Clay bình thản nói:

- Thế thì tốt hơn đấy!

Rồi hắn cúi chào chúng tôi, lặng lẽ đi sau viên thám tử.

Merryweather nói lời cảm ơn chúng tôi sau khi lên khỏi căn hầm:

- Ông Holmes! Tôi thật không biết phải cảm ơn và đền đáp các ông như thế nào. Thật tài tình, các ông đã phá vụ án này một cách ngoạn mục. Chưa bao giờ tôi được chứng kiến một vụ cướp nhà băng nào công phu đến như thế.

Holmes khiêm tốn trả lời:

- Tôi có một vài món nợ phải tính sổ với John Clay. Vì vụ án này mà tôi cũng đã tiêu tốn một khoản tiền, và mong nhà băng sẽ chi trả cho tôi những khoản này. Nhưng ngoài những điều đó ra, điều lớn nhất mà tôi thu được là một kinh nghiệm vô cùng quý báu từ vụ án Hội tóc hung kỳ lạ này.

Sáng sớm, khi chúng tôi ngồi nhâm nhi ly rượu whisky tại phố Baker, Holmes giải thích cho tôi nghe về vụ này:

- Watson, anh thấy không? Ngay từ đầu, mục đích duy nhất của mẫu quảng cáo và việc chép cuốn Bách khoa toàn thư là để lôi ông chủ hiệu cầm đồ hiền lành đó ra khỏi nhà mình vài giờ mỗi ngày. Cách này có vẻ kỳ quặc, nhưng quả tình không còn cách nào tốt hơn thế. Chỉ có cái đầu khôn ngoan của Clay mới nghĩ ra được. Hắn đã khôn khéo sử dụng màu tóc hung đỏ rực của tên đồng bọn để thực hiện kế sách này. Bốn bảng mỗi tuần là một miếng mồi nhử hết sức cám dỗ đối với ông chủ hiệu cầm đồ, nhưng nó có đáng là bao so với hàng nghìn bảng mà có thể chúng sẽ lấy được. Chúng cho đăng quảng cáo, rồi một gã lừa đảo đã thuê tạm một văn phòng, còn gã khác khuyến khích ông Wilson thi tuyển. Và thế là chúng có thể khiến ông ta vắng mặt vài giờ mỗi ngày. Chỉ cần nghe gã giúp việc chịu làm với chỉ một nửa số tiền lương, tôi hiểu ngay rằng hắn đang theo đuổi một mục đích đặc biệt nào đó.

- Nhưng làm sao anh đoán được mục đích của bọn chúng?

- Nếu như ở cửa hàng đó có phụ nữ thì tôi còn nghĩ đến một giả thuyết trần tục hơn. Tuy nhiên mọi chuyện không phải như vậy. Công việc làm ăn của ông Wilson chẳng được lời lãi gì nhiều, nhà ông ta cũng chẳng có gì

đáng giá để chúng phải trù tính kỹ lưỡng đến thế. Vì thế, rõ ràng mục đích của chúng không phải cái cửa hàng nhỏ bé đó. Nhưng rốt cục chúng muốn gì? Tôi nghĩ đến sở thích chụp ảnh của gã giúp việc và thói quen chui xuống căn hầm của hắn. Tầng hầm! Đầu mỗi giải quyết câu chuyện chính là đây. Sau đó, tôi liền điều tra về lai lịch của gã giúp việc bí ẩn đó. Tôi phát hiện ra rằng, đối thủ của tôi là một trong những tên tội phạm nhẵn tâm nhất, táo tợn nhất thành London. Hắn đang làm gì đó ở dưới tầng hầm, một công việc phải mất nhiều giờ mỗi ngày và diễn ra trong hàng tháng trời mới xong. Câu hỏi được đặt ra là, hắn làm việc gì vậy? Tôi nghĩ đó chỉ có thể là việc đào một đường hầm để đột nhập vào tòa nhà nào đó.

“Khi chúng ta đến kiểm tra hiện trường, tôi đã hiểu ra tất cả. Tôi đã làm anh ngạc nhiên khi gõ gõ cái gậy xuống vỉa hè, vì muốn biết đường hầm đó dẫn đến đâu, phía trước hay phía sau. Và quả thực, nó không đi lên phía trước. Thế là tôi nhấn chuông gọi cửa. Đúng như tôi hy vọng, gã giúp việc ra mở cửa. Trước kia tôi đã từng nghe qua về hắn, nhưng chưa gặp hắn bao giờ. Tôi không quan tâm tới gương mặt hắn mà chỉ chú ý quan sát hai đầu gối hắn. Chắc anh cũng nhận thấy rằng, cả hai đầu gối quần của hắn đều đã bạc màu, sờn rách. Đặc biệt là nó nhăn nhúm và nhem nhuốc. Điều đó cho thấy rằng hắn đang đào bởi một cái gì đó trong nhiều giờ. Nhưng bí ẩn duy nhất chưa thể lý giải được là tại sao hắn lại đào đường hầm. Đi vòng quanh khu trung tâm, tôi thấy thì ra nhà băng nằm quay lưng lại với cửa hàng cầm đồ của ông Wilson. Tôi biết rằng mình đã giải quyết được vấn đề. Khi anh ra về sau buổi hòa nhạc, tôi ghé qua Scotland Yard để gặp ông giám đốc nhà băng và rồi kết quả như thế nào thì như anh đã thấy đấy.”

Tôi hỏi có phần hơi ngớ ngẩn:

- Nhưng tại sao anh lại đoán được chúng sẽ gây án vào tối hôm nay?
- Ồ, khi chúng đóng cửa văn phòng Hội tót hung thì cũng chính là lúc chúng không còn lo nghĩ đến chuyện ông Wilson đi vắng hay ở nhà nữa. Nói cách khác là chúng đã đào xong đường hầm. Nhưng chúng phải nhanh chóng ra tay vì sợ bị phát hiện, và nhà băng sẽ chuyển số vàng kia đi nơi khác. Như vậy thì thứ bảy là một dịp thuận lợi để hành động, chúng sẽ có tới

hai ngày để tẩu thoát. Dựa trên những lý do đó, tôi đoán chúng nhất định sẽ hành động vào đêm nay.

Tôi không giấu nổi sự thán phục, kêu lên:

- Cách suy luận của anh thật tài tình! Hàng chuỗi những sự kiện xảy ra đều cho thấy phán đoán của anh là hoàn toàn chính xác.

- Nó chỉ khiến tôi tránh được sự vô vị, nhàn rỗi mà thôi. - Anh ngáp dài một cái rồi nói tiếp - Tôi sợ nhất là cuộc sống của mình trở nên tầm thường, vô vị. Những vụ án như thế này đã giúp tôi rất nhiều.

Tôi khen ngợi rất thật lòng:

- Anh là ân nhân của rất nhiều người đấy.

Anh nhún vai, nói:

- Ồ, cuối cùng thì tôi cũng làm được một việc gì đó. Vì như ai đó đã nói: “Con người vô cùng nhỏ bé”.

CÔ GÁI ĐI XE ĐẠP

Vào chủ nhật, ngày 23 tháng 4, lần đầu tiên chúng tôi làm quen với cô Violet Smith. Chuyến viếng thăm của cô ấy hoàn toàn không được Holmes chào đón, vì lúc đó anh đang vướng vào một vấn đề phức tạp liên quan tới sự khủng bố kỳ lạ nhằm vào nhà triệu phú sản xuất thuốc lá nổi tiếng... Tuy nhiên Holmes đã không thể từ chối nghe câu chuyện của người phụ nữ trẻ, xinh đẹp, cao ráo, duyên dáng và quý phái đó. Cô ấy xuất hiện ở phố Baker vào đêm khuya, van nài Holmes giúp đỡ. Quả là vô ích, vì Holmes rất bận. Nhưng người phụ nữ trẻ này tới đây, quyết kể lại câu chuyện của mình và không điều gì có thể buộc cô bước ra khỏi phòng. Với cử chỉ nhẫn nại và nụ cười đầy vẻ mệt mỏi, Holmes mời cô gái xinh đẹp ngồi xuống và kể cho chúng tôi nghe điều gì đang làm cô phiền lòng.

Holmes nói, khi đôi mắt sắc sảo của anh quan sát người phụ nữ:

- Ít nhất điều làm cô phiền muộn không phải là vấn đề sức khỏe. Một người đạp xe hằng hái như vậy, phải rất khỏe mạnh.

Cô ấy sững sốt nhìn xuống chân mình. Và tôi quan sát thấy những vết trầy xước nhẹ ở đế giày, do cọ xát với pêđan.

- Vâng, tôi đi xe đạp rất nhiều, thưa ông Holmes. Và điều đó liên quan tới chuyến viếng thăm ông hôm nay của tôi.

Bạn tôi nhẹ nhàng cầm bàn tay đã tháo găng của người phụ nữ và xem xét rất kỹ...

- Tôi chắc là cô sẽ thứ lỗi cho tôi. Vì đây là yêu cầu công việc mà. - Holmes nói, khi anh buông tay cô ra - Tôi suýt nữa thì phạm sai lầm khi cho rằng cô... đánh máy.Ồ không, Watson, anh có nhận thấy các đầu ngón tay bẹp không; nó thật phù hợp với cả hai nghề đó. Tuy nhiên, có một vẻ gì đó rất thánh thiện trên khuôn mặt cô, - Holmes quan sát khuôn mặt cô gái xinh đẹp đó khi ánh sáng rọi vào mặt cô - mà những người đánh máy không thể có. Tiểu thư đây là một nhạc sĩ.

- Vâng, thưa ông Holmes, tôi đang dạy nhạc.
- Ở vùng nông thôn, phải không? Tôi đoán vậy khi thấy dáng điệu của cô.

- Vâng, ở gần Farnham, trong vùng phụ cận của Surrey.
- Một vùng tuyệt đẹp và cũng rất nhiều duyên nợ với anh đấy, Watson ạ! Nơi đây, chúng ta đã bắt giữ tên giả mạo Archie Stamford, anh có nhớ không? Nào, cô Violet, chuyện gì đã xảy ra vậy?

Cô gái kể lại câu chuyện một cách rành mạch và điềm tĩnh:

- Cha tôi đã mất, thưa ông Holmes, ông ấy là James Smith - nhạc trưởng của nhà hát Imperial cũ. Chú của tôi là Ralph Smith đã đến châu Phi hai mươi lăm năm trước, và từ đó chúng tôi không có tin tức gì về ông. Sau khi cha tôi mất, chúng tôi trở nên rất nghèo khó. Thế rồi một hôm, chúng tôi đọc được một lời nhắn đăng trên tờ “The Times”, tìm địa chỉ của chúng tôi. Ông có tưởng tượng được chúng tôi đã vui như thế nào không, vì đó chính là cơ may hiếm có mà ai đó mang đến cho chúng tôi. Ngay lập tức, chúng tôi tìm đến văn phòng luật sư đã đăng trong lời nhắn. Ở đó, chúng tôi gặp hai người đàn ông - ông Carruthers và Woodley - những người vừa từ Nam Phi trở về. Họ cho biết, chú tôi là bạn của họ; ông ấy đã chết trong nghèo đói ở Johannesburg vài tháng trước đây. Trước khi mất, chú tôi đã nhờ họ tìm người thân và giúp đỡ khi họ gặp khó khăn. Đó là chuyện lạ lùng với chúng tôi, vì chú Ralph khi còn sống không hề biết gì đến họ hàng, chẳng lẽ lúc chết lại quan tâm đến chúng tôi sao? Ông Carruthers giải thích chuyện lạ đó bằng lý do là ông chú tôi chỉ mới hay tin cha tôi mất, và ông cảm thấy phải có trách nhiệm với chúng tôi.

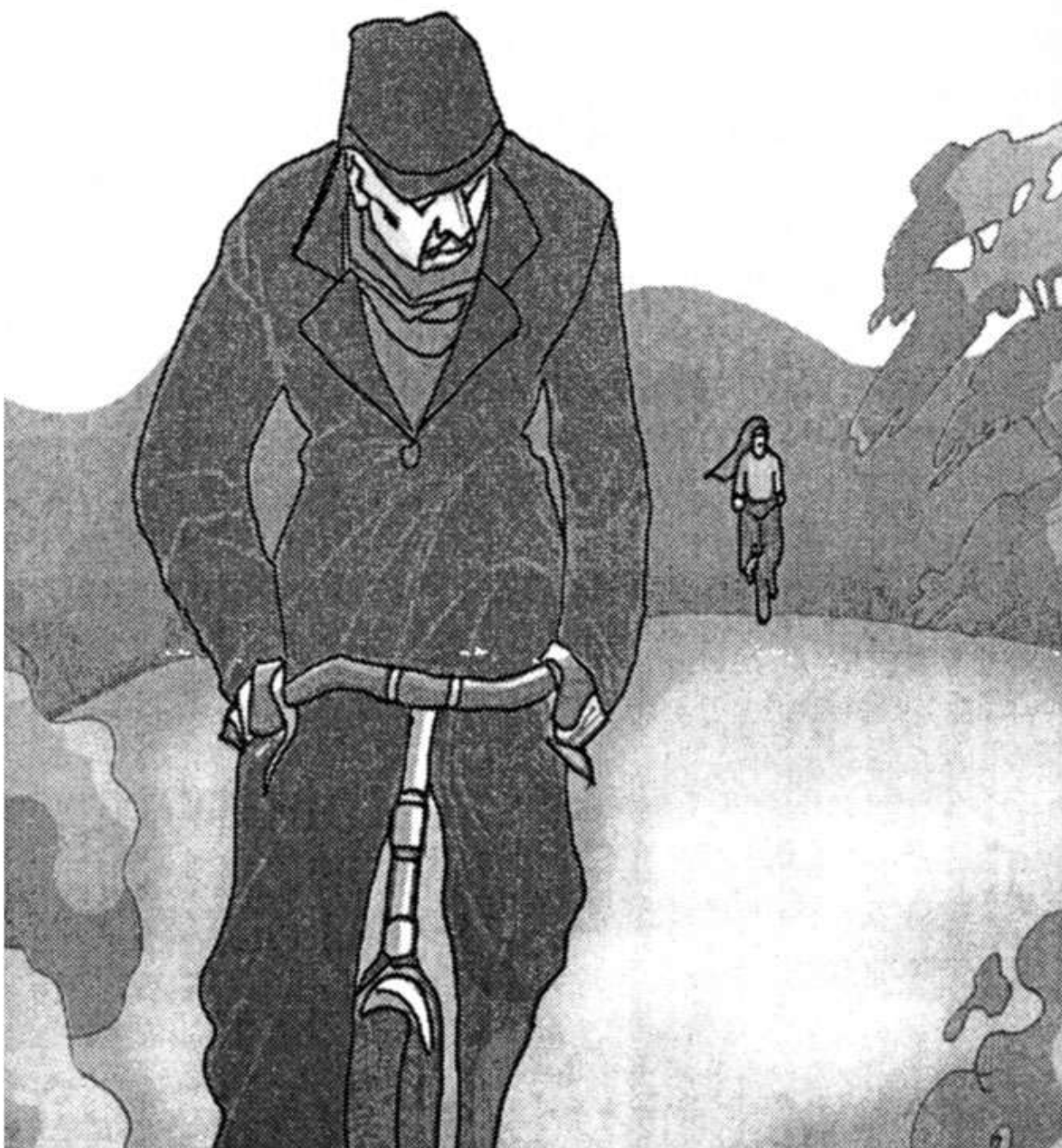
- Xin lỗi. - Holmes ngắt lời - Chuyện này xảy ra khi nào?
- Tháng 12 năm ngoái, nghĩa là bốn tháng trước.
- Cô kể tiếp đi!
- Với tôi, ông Woodley là kẻ đáng ghét nhất. Ông ta không rời mắt khỏi tôi. Ông ta trẻ hơn Cyril nhưng có khuôn mặt ụ ị, thô tục, bộ ria mép màu đỏ quạch và mái tóc lơ thơ rủ xuống phía trước. Ông ta hoàn toàn đáng ghét, và tôi cũng chắc chắn là Cyril không muốn tôi quen biết với một người như vậy.

-Ồ, Cyril là tên của... “anh ấy”! - Holmes mỉm cười. Cô gái trẻ đỏ mặt và khẽ bật cười.

- Đúng vậy, thưa ông, Cyril là một kỹ sư điện trẻ và chúng tôi định sẽ làm lễ thành hôn vào cuối mùa hè. Trời đất! Sao tự nhiên tôi lại nhắc đến anh ấy nhỉ? Điều tôi muốn nói là, ông Woodley thực sự đáng ghét. Nhưng Carruthers, người đàn ông lớn tuổi, thì dễ chịu hơn. Ông ta là một người trầm tĩnh, khuôn mặt nhẵn nhụi, vàng vọt, có thái độ lịch sự và nụ cười dễ thương. Ông ta hỏi thăm về cuộc sống của chúng tôi, mời tôi dạy nhạc cho cô con gái của ông. Tôi trả lời không muốn phải xa mẹ. Ông ấy bảo tôi có thể trở về nhà vào cuối tuần. Ông đề nghị thù lao hàng năm là một trăm bảng. Tôi đồng ý ngay và tới nhà ông ta ở Chiltern Grange, cách Farnham chừng mười cây số.

“Ông Carruthers góa vợ, nhưng có một bà quản gia luống tuổi là bà Dixon, trông coi công việc trong nhà. Ông rất yêu âm nhạc, còn cô con gái ông thật duyên dáng. Mỗi cuối tuần, tôi đều về thăm mẹ.

“Nhưng rồi gã ría đỏ Woodley tới thăm ông khoảng một tuần. Tuần đó với tôi dài như ba tháng! Hắn tán tỉnh tôi, khoe khoang của cải, bảo rằng nếu tôi ưng lấy hắn, thì tôi sẽ có những viên kim cương đẹp nhất London. Sau cùng, khi tôi bảo không muốn có quan hệ gì với hắn, hắn đã ghì chặt lấy tôi, thề là sẽ không buông ra chừng nào tôi chưa hôn hắn. Đúng lúc ông chủ tôi vào phòng, ông giật tôi ra khỏi vòng tay con quỷ đó. Gã lưu manh quay lại xô ngã chủ nhà và đánh bị thương ông ấy. Ngày hôm sau, ông Carruthers tới ngỏ lời xin lỗi tôi, hứa rằng sẽ không bao giờ để xảy ra chuyện tương tự như vậy. Kể từ đó, tôi không còn gặp lại con quỷ ấy nữa.



“Còn bây giờ, tôi muốn nói đến một sự việc đặc biệt, khiến tôi phải tới đây xin lời khuyên của ông hôm nay.

“Thưa ông Holmes, tuần nào cũng vậy, cứ trưa thứ bảy tôi đạp xe tới ga Farnham để đón chuyến tàu 12 giờ 22 phút đi London. Quảng đường đó vô cùng vắng vẻ, nhưng đoạn vắng nhất dài khoảng hơn một dặm, nằm giữa cánh rừng vây bọc nhà trọ Charlington và tráng cỏ Charlington. Trên đời, có lẽ chẳng có đoạn đường nào hoang vu hơn. Cách đây hai tuần, khi đi qua đó, tôi thấy có một người đạp xe cách sau tôi chừng 200m. Trước khi tới Farnham tôi nhìn lại phía sau, nhưng người đó đã biến mất. Nhưng thật ngạc nhiên, vào thứ hai, khi đi làm, tôi lại thấy người đó đạp xe cùng trên đoạn đường. Tuần vừa qua, sự ngạc nhiên càng tăng khi tôi lại thấy người đàn ông đó vào trưa thứ bảy và sáng thứ hai. Chắc chắn là ông ta luôn luôn đạp xe sau tôi một đoạn nhất định. Thật kỳ lạ! Tôi kể chuyện cho ông Carruthers nghe. Ông ấy tỏ ra quan tâm, rồi bảo tôi rằng ông đã đặt mua một con ngựa và một cỗ xe hạng nhẹ, để sau này tôi không còn phải một mình đạp xe trên con đường hoang vắng ấy.

“Đã có ngựa và xe trong tuần này rồi nhưng không rõ lý do gì mà lại chưa đến tay tôi, và tôi vẫn phải đạp xe tới nhà ga. Sáng hôm nay, khi ngang qua tráng cỏ, người đạp xe đã có mặt! Ông ta ở cách tôi một khoảng khá xa, khiến tôi không thể nào nhận biết được mặt ông ta. Nhưng tôi tin chắc, đó là một người tôi không quen biết. Ông ta vận đồ đen, đội mũ cát kết dạ. Thứ duy nhất mà tôi có thể nhìn thấy rõ là bộ râu đen của ông ta. Hôm nay, tôi không thấy sợ hãi, nhưng lại rất tò mò nên tôi đạp xe chậm hơn, ông ta cũng đạp chậm lại. Tôi ngừng lại, ông ta cũng ngừng lại.

“Tôi đặt bẫy ông ta, lúc gần tới một khúc quanh, tôi thành công đạp hết tốc lực... Rồi vừa qua khúc đường quanh, tôi đột ngột phanh gấp, sau đó xuống xe, đứng đợi. Nhưng ông ta không xuất hiện nữa. Tôi quay trở lại, ngó sang phía bên kia khúc quanh. Trải dài trước mắt tôi, suốt cả một dặm đường chẳng thấy bóng dáng ông ta đâu. Kỳ lạ hơn hết là không hề có con đường phụ nào để cho ông ta lẩn trốn cả.”

Holmes cười khúc khích, xoa xoa hai bàn tay vào nhau:

- Thú vị thật! Kể từ lúc đi tới khúc quanh đến lúc cô đứng nhìn con đường hoang vắng là khoảng chừng mấy phút?

- Hai hoặc ba phút gì đó.

- Người đàn ông không thể lùi lại và cô cũng nói rằng không có con đường phụ và cũng không có chỗ rẽ nào chứ?

- Chắc chắn là như thế!

- Vậy thì ông ta đã rẽ xuống một lối mòn ở bên phải hoặc bên trái con đường.

- Chắc chắn không ở bên phía trắng cỏ, vì nếu vậy ắt hẳn tôi đã phải trông thấy ông ta.

- Vậy thì theo phép loại suy, chúng ta đi tới kết luận là ông ta đã đi về hướng nhà trọ Charlington, nằm trong khu đất biệt lập ở phía bên kia con đường. Không có gì khác nữa chứ?

- Không, thưa ông, nhưng tôi cảm thấy rất bất an, nên đến tìm gặp ông và mong xin được lời khuyên của ông.

Holmes im lặng trong chốc lát, cuối cùng anh hỏi:

- Vị hôn phu của cô ở đâu?

- Anh ấy làm việc tại công ty Midland Electric, ở Coventry.

- Có lần nào bất ngờ anh ấy tới thăm cô không?

- Ồ, nếu có thì tôi phải nhận ra anh ấy chứ!

- Có nhiều người “thâm thương trộm nhớ” tới cô không?

- Trước khi tôi quen với Cyril thì có vài người.

- Và từ đó đến nay?

- Chỉ mỗi cái gã thô bỉ râu đỏ quạch Woodley đó.

- Không ai khác nữa sao?

Cô gái lúng túng, khuôn mặt xinh đẹp đỏ ửng lên.

- Là ai mà cô không tiện nói vậy? - Holmes hỏi dồn.

- Ồ, có thể là tôi đã tưởng tượng ra những điều... không có thật chẳng. Dường như là... ông chủ tôi. Ông ấy rất quan tâm tới tôi. Buổi tối, tôi thường chơi đàn cho ông ấy nghe. Ông ấy không bao giờ thổ lộ điều gì. Nhưng phụ nữ luôn đoán được...

- A! - Holmes reo to, và vẻ mặt nghiêm trọng - Ông ta kiếm sống bằng nghề gì?

- Ông ấy khá giàu có.

- Nhưng ông ta đâu có ngựa xe?

- Ít ra ông ấy cũng sống sung túc. Mỗi tuần, ông ấy đi London hai hoặc ba lần. Ông quan tâm tới nhiều những mỏ vàng ở Nam Phi.

- Cô Smith, cô hãy cho tôi biết rõ tất cả những chi tiết mới trong vụ việc của cô! Lúc này tôi rất bận, nhưng vẫn sẽ cố gắng giúp cô. Trong khi chờ đợi, nếu muốn làm điều gì, cô cần báo cho tôi biết trước. Xin chào cô.

Khi cô gái đi rồi, Holmes rít từng hơi thuốc dài... chìm đắm trong suy tư của mình.

- Một cô gái xinh đẹp như vậy, tất phải có nhiều người theo đuổi. Nhưng, tại sao ông ta lại chỉ theo đuổi trên một đoạn đường hoang vắng? Đây hẳn là một mối tình thầm lặng, đáng ngờ đến khó hiểu.

- Điều kỳ lạ chính là ở chỗ, kẻ si tình lại chỉ xuất hiện trên một đoạn đường duy nhất.

- Chính thế. Chúng ta phải tìm hiểu xem, ai ở trong nhà trọ Charlington, quyền lợi nào liên kết Carruthers với Woodley, bởi vì hai người đó khác nhau như hai thái cực. Cũng cần khám phá xem vì sao họ tỏ ra quá quan tâm đến cô gái. Và còn điều này nữa: Làm sao người ta dám trả cho một cô giáo dạy nhạc gấp đôi mức thù lao bình thường, trong lúc người đó lại không có xe, cũng không có ngựa, mà nhà hẳn cách nhà ga tới mười cây số. Kỳ cục! Rất kỳ cục đấy Watson ạ!

- Anh định đi tới đó chẳng?

- Không phải tôi, mà là anh. Rất có thể đây là cái bẫy, mà tôi thì không thể làm hỏng các công việc điều tra quan trọng khác chỉ vì nó. Sáng sớm thứ hai, anh sẽ tới Farnham, nấp bên bãi đất trống ở Charlington; đích thân anh quan sát, phán đoán và cân nhắc mọi việc cho thật cẩn thận. Sau đó hãy điều tra tất cả những người sống trong nhà trọ rồi trở về nói cho tôi biết.

Lúc này cô gái nói sáng thứ hai thì cô sẽ đến đó trên chuyến tàu rời ga Waterloo vào hồi 9 giờ 50. Vậy là tôi đáp chuyến tàu 9 giờ 13. Xuống ga Farnham, tôi tới khu đồng hoang Charlington không mấy khó khăn. Con

đường ngoằn ngoèo giữa một bên là mảnh đất trống quang đãng, bên kia là một hàng cây thông chạy quanh khu công viên tuyệt đẹp. Một lối vào chính được rải đá bám đầy rong rêu, hai bên cổng treo các gia huy đã mốc meo. Ngoài cái cổng chính cho xe ra vào này, tôi quan sát thấy vài lối nhỏ xuyên qua những khoảng trống ở hàng rào, từ đó mở ra nhiều lối mòn. Từ đường nhìn vào, thật khó mà nhìn thấy ngôi nhà, nhưng từ quang cảnh xung quanh cũng đoán được sự âm đạm và mục nát của nó.

Trên bãi đất trống mọc đầy những bụi kim tước nở hoa rực rỡ dưới nắng mai. Tôi đứng sau một bụi cây, từ đó có thể quan sát thuận lợi cổng của căn nhà và một dải dài cả hai bên con đường hoang vắng. Một lát sau, tôi thấy một người đi xe đạp ngược với hướng mà tôi đã tới. Đó là một gã thanh niên trẻ tuổi mặc đồ đen. Khi tới đầu nhà Charlinton thì gã nhảy xuống xe rồi dắt xe chui qua một khoảng trống ở hàng rào và biến mất trong chốc lát.

Mười lăm phút trôi qua, một chiếc xe đạp khác xuất hiện. Cô gái trẻ chắc đến từ phía nhà ga. Khi tới gần hàng rào, cô ngó nghiêng quan sát xung quanh. Một lát sau, người đàn ông ló ra khỏi chỗ nấp, nhảy lên xe đạp bám theo cô gái. Giữa phong cảnh mênh mông, chỉ có hai người: Cô gái ngồi thẳng người trên xe, và gã đàn ông đằng sau, còng lưng trên ghi đông xe đạp, hành động lén lút rất khả nghi. Thành linh cô gái quay người lại, giảm tốc độ. Người đàn ông cũng đạp chậm. Cô gái dừng lại, hẳn ta cũng dừng lại cách cô khoảng 200m. Vừa lúc đó, cô gái quay ngược lại và lao thẳng vào gã. Người đàn ông cũng nhanh chóng kềm, phóng xe hết tốc lực bỏ chạy. Rồi cô gái liền trở lại con đường, đầu ngẩng cao, chẳng còn bận tâm đến kẻ đang lén lút bám theo mình. Thực ra, hẳn ta cũng đã quay trở lại, và vẫn giữ khoảng cách trước. Khúc quanh của con đường đã che khuất bóng hai người...

Thật là may là tôi đã nán lại ở chỗ nấp. Lát sau, gã đàn ông lại hiện ra. Hẳn ta đạp chậm chậm, đi ngang qua cái cổng, rồi nhảy xuống xe. Vài phút sau, tôi thấy gã đứng lẫn giữa những cái cây; bàn tay như đang nắm lại cựa. Rồi gã lại leo lên xe và phóng đi theo ngã đường dẫn đến ngôi nhà. Tôi băng qua bên kia đường, nhìn theo gã qua những hàng cây. Xa xa, tôi lơ mơ thấy

một ngôi nhà cổ xưa, xám xịt, tua tủa những ống khói cổ. Một lùm cây rậm rạp chắn khuất con đường, gã đàn ông đi xe đạp mất dạng hẳn.

Tôi khoan khoái thả bộ về ga Farnham, lòng thanh thản. Nhân viên quản lý nhà đất ở địa phương không cung cấp được cho tôi thông tin gì về nhà trọ Charlinton; ông ta gợi ý cho tôi tới một hãng rất nổi tiếng ở Pall Mall. Trước khi trở về, tôi ghé qua hãng đó và được người đại diện đón tiếp lịch sự. Họ nói, tôi tới quá muộn rồi, nhà trọ Charlinton đã được ông Williamson thuê mượn từ một tháng nay. Người đại diện lấy làm tiếc khi không thể cho tôi biết được gì nhiều về thân chủ đáng kính đó bởi ông ta không thể đem những bí mật của khách hàng ra kể.

Sherlock Holmes chăm chú nghe tôi kể lại, không nói dù chỉ là một lời khen nào. Trái lại, bộ mặt anh càng lúc càng tối sầm theo đà câu chuyện.

- Watson thân mến, anh đã phạm phải một sai lầm rất lớn. Lẽ ra anh phải nấp sau hàng rào, như vậy mới quan sát rõ nhân vật đáng chú ý đó. Nhưng đằng này anh lại đứng cách xa gã đến mấy trăm thước; và anh cũng chẳng cho tôi biết gì hơn về cô Smith. Cô ấy nói rằng không biết gã thanh niên đó. Tôi tin rằng, cô ấy đã không nói dối. Nếu không, tại sao hẳn ta lại cố ý không cho cô sáp lại gần? Hẳn gò mình trên ghi đông là để không chường cái mặt mình ra! Watson, anh đã xoay sở thật là tồi. Lạ chưa! Hẳn vào trong nhà trọ Charlinton và rồi vì muốn biết hẳn là ai, anh lại đi gặp một đại lý địa ốc tại London.

- Đúng ra tôi phải làm gì? - Tôi bức bối to tiếng với Holmes.

- Phải tới quán rượu gần nhất. Ở đó người ta ba hoa đủ thứ chuyện trên trời, và họ sẽ nói cho anh biết tất cả những cái tên, từ ông chủ cho tới cô đầy tớ rửa bát. Williamson! Cái tên ấy chẳng cho tôi biết gì hết. Nếu là một ông già thì ông ta chẳng thể phóng chạy khi bị một thiếu nữ rượt đuổi. Chuyển đi của anh chỉ là sự xác nhận những lời kể của cô gái. Rằng câu chuyện kể của cô gái là có thật. Rằng có mối quan hệ nào đó giữa gã đạp xe với nhà trọ Charlinton. Tôi cũng không nghi ngờ điều đó. Còn nhà trọ được ông Williamson thuê. Này, này, đừng có giận dữ như vậy chứ! Từ nay đến thứ bảy, chúng ta sẽ phải điều tra thêm, lần này đích thân tôi sẽ ra tay.

Sáng hôm sau, chúng tôi nhận được thư của cô gái, cô kể vắn tắt những sự việc mà tôi đã chứng kiến. Nhưng điểm đáng chú ý của bức thư lại ở đoạn tái bút:

“Thưa ông Holmes, ông chủ đã ngỏ lời cầu hôn với tôi. Ông ấy đã đón nhận lời từ chối của tôi theo cách đứng đắn và tử tế, dù vậy ông cũng hiểu rằng mọi việc đã trở nên căng thẳng”.

- Cô gái nhỏ bé của chúng ta gặp rắc rối lớn rồi. - Holmes bình thản nói. Rồi với vẻ suy ngẫm, anh quyết định một cách bất ngờ. - Vụ này có cơ tiến triển khác hẳn với dự đoán ban đầu của tôi. Tôi cần phải tới đó.

Mãi khuya, Holmes mới trở về nhà với cặp môi bị giập và cục u thâm tím trên trán. Anh khoái chí với chuyến đi của mình, luôn tươi cười và vui vẻ kể lại:

- Tôi đã tìm ra cái quán ăn đó và tới ngồi bên quầy rượu. Gã chủ quán bếp xép đã cho tôi biết tất cả những tin tức cần có. Williamson là người có bộ râu trắng, sống độc thân với vài gia nhân trong nhà trọ Charlington. Người ta đồn rằng, ông ta đã từng hoặc đang là mục sư. Nhưng kể từ khi ông ta tới đó, đôi ba sự việc xảy ra đã khiến cho thiên hạ nghi ngờ phẩm chất thầy tu của ông. Tôi có dò hỏi thì được biết, đã có một người mang tên đó được thụ phong, nhưng đã bị “lột mũ áo” từ lâu rồi! Ngoài ra, chủ quán còn cho tôi biết, cứ cuối tuần, khách khứa lại kéo tới nhà (“Những kẻ ham mê, thưa ông”). Và đặc biệt, một ông có bộ ria đỏ tên là Woodley sống luôn ở đó. Chúng tôi đang nói tới đoạn thú vị của câu chuyện thì có người tới quầy rượu; đó chính là “gã ria đỏ”. Hẳn uống bia ở phòng trong và hẳn đã nghe được toàn bộ câu chuyện chúng tôi đối thoại. “Anh là ai?”, “Anh muốn gì?”, “Tại sao anh lại đặt ra câu hỏi đó?” Gã có một lối nói nhanh, hơi vắn vẻ, ngữ điệu quyết liệt. Gã kết thúc sự gây gổ... miệng bằng một cú đấm khiến tôi hứng đủ. Tiếp theo là những cú “quyền anh chính hiệu”, tôi thấy tốt hơn hết là nên chuồn ngay để tránh xa tên côn đồ này ra. Và tôi đã thoát ra như anh thấy đó. Còn gã Woodley thì phải về nhà trên chiếc xe kéo.

Tối thứ năm, chúng tôi lại nhận được một lá thư của cô Smith.

“Thưa ông Holmes, chắc ông sẽ không ngạc nhiên khi biết tôi đã nghỉ dạy đàn ở nhà ông Carruthers. Khoản lương cao không xóa được nỗi bất an

trong tôi! Thứ bảy này, tôi sẽ về London luôn. Sau cùng, ông Carruthers đã có chiếc xe ngựa, nhờ thế mà tôi sẽ bớt gặp nguy hiểm khi đi đường.

Lý do đích thực khiến tôi thôi việc là sự xuất hiện trở lại của gã Woodley. Lão ta vẫn xấu xa đến gớm ghiếc, nhưng giờ đây còn khủng khiếp hơn nhiều. Thiên hạ đồn rằng lão ta đã gặp một tai nạn, mặt mày bị biến dạng. Tôi chỉ thoáng thấy lão ta qua cửa sổ, nhưng vui mừng vì không phải chạm mặt lão. Lão ta đã nói chuyện rất lâu với ông Carruthers và có vẻ như sắp xảy ra xung đột. Sau đó, tôi thấy ông chủ tôi có vẻ rất bồn chồn. Woodley ở đâu đó quanh quất trong vùng, bởi vì gã không ngủ ở đây. Ấy thế mà sáng nay, tôi nhìn thấy gã lén vào trong lùm cây. Đáng lẽ tôi nên sớm thả một con chó dữ ra để nó canh chừng quanh nhà. Tôi ghê tởm và kinh sợ lão. Tôi không hiểu vì sao mà một người như ông Carruthers lại có thể chịu đựng nổi lão một phút? Tóm lại, mọi nỗi phiền muộn của tôi sẽ chấm dứt vào thứ bảy này.”

- Tôi hy vọng được thế, anh Watson! - Holmes nói với vẻ nghiêm trọng - Đến đây thì tôi tin chắc rằng có một chiếc bầy ma quái đang vây quanh cô gái đó. Chúng ta nhất định không được để cho ai làm hại cô ấy trong chuyến đi cuối cùng này. Anh Watson, chúng ta phải có mặt ở đó sáng thứ bảy để có thể kịp thời ra tay, không để câu chuyện đi đến một kết cục bi thảm.

Cho tới lúc đó, tôi vẫn không coi vụ này nghiêm trọng đến thế. Đâu phải là lần đầu tiên một người đàn ông bám theo một cô gái. Và nếu người đó không đủ can đảm để ngỏ lời với cô gái, mà cũng chẳng dám xuất hiện trước cô ta, thì đó không phải là kẻ đáng sợ. Còn với tên côn đồ Woodley thì khác hẳn, nhưng hẳn cũng chưa hề dùng bạo lực đối với cô gái; thậm chí hẳn đã tới nhà Carruthers mà vẫn không chường mặt ra để làm phiền cô ta. Gã đàn ông đi xe đạp chắc chắn ở trong thành phần những khách khứa thường đến nhà trọ vào ngày cuối tuần như lời người chủ quán đã nói. Nhưng gã là ai? Hẳn ta muốn gì? Vấn đề là ở đó.

Tuy nhiên, sự nghiêm túc trong thái độ của Holmes cũng như việc anh nhét một khẩu súng vào trong túi trước khi đi Farnham, khiến cho tôi biết tình hình rất nghiêm trọng và chuyện tồi tệ có thể xảy ra.

Đêm qua trời mưa, nên sớm nay bầu trời thật rục rỡ. Trảng cỏ trải dài ngút tầm mắt suốt một mé đường thật đẹp, với những bụi kim ngân đang rộ hoa. Holmes và tôi vừa đi vừa hít thật sâu làn không khí trong lành, tận hưởng hơi thở tươi mát của mùa xuân. Trên một sườn đồi cao, một căn nhà lờ mờ hiện ra giữa đám cây sồi cổ thụ. Holmes chỉ tay về phía con đường đất đỏ chạy ngoằn ngoèo giữa trảng cỏ và cánh rừng màu xanh non nà. Xa xa, như một chấm đen hiện ra, cỗ xe ngựa đang lao nhanh về hướng chúng tôi. Holmes thốt lên, lộ rõ sự sốt ruột:

- Nếu đó là cỗ xe độc mã loại nhẹ, thì cô gái hăn đã đáp chuyển tàu sớm hơn. Watson này, tôi e rằng cô ấy đã vượt qua góc quanh nguy hiểm trước khi chúng ta gặp cô ấy.

Trong lúc leo lên sườn dốc, chúng tôi không còn trông thấy cỗ xe ở mé dưới. Như có linh tính mách bảo, chúng tôi rảo bước rất nhanh. Tuy vậy, tôi vẫn bị Holmes cho rớt lại đằng sau. Anh bước đi thoăn thoắt và khi cách xa tôi khoảng 100m, anh chợt đứng sững lại, vung tay lên với một cử chỉ đau đớn và tuyệt vọng. Cùng lúc đó, một cỗ xe ngựa kéo trống không phi nước kiệu, với bộ dây cương kéo lê dưới đất, xuất hiện tại khúc quanh của con đường, phóng như bay về phía chúng tôi.

- Muộn quá! Muộn mất rồi! - Holmes kêu lên khi tôi hốt hển bước tới bên anh! - Tôi đã thật ngốc nghếch khi không đi chuyển tàu trước. Đây là một vụ bắt cóc, một vụ giết người! Chặn xe, dừng ngựa lại! Được rồi, nhảy lên!

Chúng tôi mau lẹ nhảy lên xe, Holmes cho ngựa quay đầu lại, quất nó một roi thật mạnh, và chúng tôi lao vút trên đường. Khi ra khỏi khúc quanh, giữa căn nhà và trảng cỏ trước mặt, tôi nắm lấy cánh tay Holmes, la lớn:

- Người đó kìa!

Một người phóng xe đạp về hướng chúng tôi. Đầu cúi rạp trên ghi đông, vai nhô cao, ông ta cầm cúi như một tay đua. Bất chợt, người đó ngẩng bộ mặt đầy râu lên, và với cặp mắt long lanh, ông ta nhìn chúng tôi chằm chặp.

- Dừng lại! - Gã ta gào lên khi dựng cái xe đạp chặn đường chúng tôi - Dừng lại! - Gã ta hét lên, và rút trong túi ra một khẩu súng lục - Dừng lại! Nếu không tôi sẽ bắn chết con ngựa!

Holmes quăng dây cương cho tôi, nhảy phốc xuống xe, hỏi liền:

- Tôi đang muốn gặp ông đây. Cô Violet Smith ở đâu? - Tôi cũng đang muốn hỏi ông đây! Ông đang ở trong cỗ xe của cô ấy. Ông hẳn đã biết cô ấy đang ở đâu chứ? - Người rậm râu vặn lại.

- Chúng tôi thấy chiếc xe này trên đường đi. Không có ai ở trong đó cả... Chúng tôi quay xe lại để tìm cách giúp cô ấy.

- Làm sao bây giờ? - Người kia kêu lên với vẻ tuyệt vọng - Chúng bắt cô ấy rồi, cái tên cướp Woodley khốn kiếp và cả lão mục sư đê tiện của hắn! Chúng ta sẽ đi cứu cô ấy, thậm chí nếu tôi có phải bỏ xác tại đây.

Như một con thú hoảng hốt, ông ta lao tới một khoảng trống ở hàng rào. Holmes vọt theo ông ta, còn tôi sau khi bỏ lại con ngựa ở vệ đường thì cũng vội vã phóng theo Holmes.

- Chúng đi xuyên qua lối này. - Ông ta nói và chỉ tay vào những dấu chân in trên con đường đất ẩm ướt - Ái chà! Hãy dừng lại! Ai trong bụi cây thế này?

Một chàng trai trạc mười bảy tuổi, ăn vận như người chăn ngựa, với quần nhung kẻ và chân đi ghệt, nằm co gập lại, đầu có vết rách. Cậu ta bị ngất, nhưng còn sống. Thoáng nhìn qua vết thương, tôi biết cú chém chưa chạm tới xương.

- Cậu ta là Peter, người đánh xe. Cậu ta đã đưa cô Violet ra ga. Những tên súc sinh đã chặn xe lại và đánh đập cậu ta dã man. Hãy để cậu ta nằm yên ở đây cũng không sao đâu. Cần phải nhanh chóng cứu cô ấy thoát khỏi số phận tồi tệ. - Người đàn ông râu đen hồi hả giục.

Chúng tôi lao xuống chạy theo con đường mòn ngoằn ngoèo giữa những thân cây. Khi tới lùm cây bao quanh ngôi nhà, Holmes ngăn chúng tôi lại:

- Chúng không vào nhà đâu. Những dấu chân của chúng đã quay sang hướng trái... Đây, bên cạnh những cây nguyệt quế!

Trong khi anh nói, tiếng kêu xé tai đầy khiếp đảm của một phụ nữ vọng ra từ khu rừng trước mặt. Đột nhiên tiếng thét bị chặn lại, một tiếng nấc rất to vang lên.

- Qua ngã này! Qua ngã này! Bọn chúng đang ở trong sân. - Người lạ mặt hô to khi xông vào những lùm cây - Quân chó má! Bọn hèn mạt! Hãy

theo tôi, các ông! Muộn mất rồi. Chúng ta muộn mất rồi.

Chúng tôi bất ngờ đi vào một khoảng rừng trống tuyệt đẹp toàn những cây cổ thụ. Ở tí đâu kia, dưới một cây sồi già, ba người đang đứng đó. Một phụ nữ mặt tái mét, bị bịt miệng bằng khăn tay đang lả người gục xuống. Đó chính là thân chủ của chúng tôi, cô Smith. Trước mặt cô, gã côn đồ với hàm ria đỏ đứng xoạc chân, một tay chống nạnh, tay kia vung vẩy cái roi ngựa. Giữa hai người là một lão già râu đốm bạc choàng cái áo lễ thùng thình, chắc chắn là chúng vừa tiến hành xong nghi lễ kết hôn. Bởi khi chúng tôi tới, lão ta đang nhét cuốn Kinh Thánh vào trong túi và vỗ tay vài lần thật mạnh lên lưng chàng rể chúc mừng.

- Họ đang tổ chức hôn lễ. - Tôi há hốc mồm kêu lên.

- Lại đây! - Người dẫn đường cho chúng tôi gào lên - Các ông hãy lại đây!

Ông ta lao qua khoảng rừng thưa, Holmes và tôi bám sát theo. Cô gái lão đảo ngã vào thân cây, cố tìm chỗ dựa. Mục sư Williamson cúi chào chúng tôi với thái độ chế nhạo. Còn tên côn đồ Woodley vừa tiến lên phía trước, vừa hớn hở cười vang: - Mà có thể tháo bộ râu ra được rồi đấy Bob ạ! Tao quá biết mày rồi. Chà, mày và đám bạn của mày đến thật đúng lúc. Để tao giới thiệu với chúng mày phu nhân Woodley.



Câu trả lời của người dẫn đường thật kỳ lạ. Ông gỡ bộ râu đen ra, ném xuống đất, chĩa súng lục vào tên vô lại trẻ tuổi đang vừa bước lại gần ông vừa vung vẩy cái roi ngựa.

- Phải, tao chính là Bob Carruthers. Mày thừa biết là tao sẽ làm gì nếu mày xử tệ với cô ấy. Còn bây giờ thì có Chúa, tao sẽ làm đúng như thế.

- Muộn mất rồi, Bob! Cô ta đã là vợ tao.

- Không, cô ấy là vợ góa của mày!

Ông ta nổ súng, tôi thấy máu phọt ra từ áo gilê của Woodley. Hắn xoay người, kêu lên một tiếng và ngã té ngửa ra sau, mặt xám ngoét. Còn lão già thì vẫn bồng nhùng trong chiếc áo tể, chửi rủa một tràng thô tục, rút khẩu súng ra. Nhưng họng súng của Holmes đã gí vào gáy lão ta trước đó một phần trăm giây.

- Đủ rồi đấy! - Holmes nói giọng lạnh lùng - Hãy buông súng xuống! Phiên anh Watson lượm nó lên và gí sát đầu lão. Cám ơn! Ông Carruthers, đưa ngay súng cho tôi. Ồ, đưa đây nào! Chúng ta chấm dứt bạo lực thôi.

- Ông là ai?

- Tôi là Sherlock Holmes.

- Ôi!

- Tôi đại diện cho cảnh sát, cho tới lúc họ có mặt. Lại đây anh kia!... - Holmes quát một người giúp việc vừa ngơ ngác lộ đầu ra bên khu rừng thưa - Hãy lại đây! Đánh xe chạy thật nhanh, đem tờ giấy này tới Farnham.

Anh viết nguệch ngoạc vài chữ trên tờ giấy xé từ cuốn sổ tay ra.

- Anh hãy đưa tờ giấy này cho ông cảnh sát trưởng ở Sở Cảnh sát! Còn tôi đành phải giữ vị khách quý này cho tới khi cảnh sát đến.

Williamson và Carruthers khiêng lão Woddley bị thương vào trong nhà. Tôi đến đỡ cô gái vẫn đang kinh hoàng dậy, rồi lại khám cho tên rìa đỏ khốn kiếp.

- Y vẫn còn sống!

- Sao! - Carruthers tức giận gào lên, nhảy ra khỏi ghế - Tôi phải lên lầu kết liễu đời hắn, để cô thiếu nữ này, thiên thần này, khỏi bị ràng buộc suốt đời với tên vô lại.

- Không bao giờ cô ấy là vợ của Woodley. Trước hết, Williamson đã tiến hành một lễ cưới “không hợp lệ”.

- Tao đã được thụ phong! - Gã mục sư còn đồ la lối.

- Nhưng sau đó, ông đã bị lột áo.

- Một ngày làm mục sư, trọn đời là mục sư!

- Không ai nghĩ thế. Còn giấy phép nữa?

- Tao có giấy phép cho quyền tổ chức hôn lễ. Hiện nó đang ở trong túi tao...

- Đó chỉ là một trò gian lận. Dầu sao đi nữa, một cuộc hôn nhân bị cưỡng ép thì không thể coi là hôn nhân. Đây là một hành vi phạm tội rất nghiêm trọng, rồi ông sẽ nhận ra. Ông sẽ có thời gian để suy nghĩ về việc đó trong mười năm, nếu như tôi nhớ đúng. Về phần ông, ông Carruthers, ông nên giữ yên khẩu súng ở trong túi!

- Tôi bắt đầu tin như vậy, thưa ông Holmes! Nhưng tôi yêu cô ấy. Đây là lần đầu tiên mà cũng là lần cuối 416 Arthur Conan Doyle cùng tôi biết thế nào là tình yêu... Tôi phát điên lên trước ý nghĩ cô ấy bị rơi vào tay tên thú vật tàn ác nhất Nam Phi này. Kể từ khi cô gái này vào giúp việc cho tôi, tôi đã không dám để cô đi ngang qua ngôi nhà này, nơi tôi biết hai tên côn đồ trộm cướp luôn rình rập quanh đây đang trú ẩn. Tôi cười xe đạp đi theo để bảo vệ cô, luôn giữ khoảng cách đủ xa, phải mang râu giả cho cô ấy không nhận được ra tôi. Vì nếu biết, cô ấy sẽ rời bỏ tôi ngay.

- Nhưng sao ông không báo cho cô ấy biết trước mỗi nguy hiểm đang đe dọa cô ấy?

- Tôi sợ cô ấy sẽ bỏ đi luôn, và tôi không chịu được điều đó. Dù cô ấy không yêu tôi, nhưng hàng ngày được nhìn thấy hình dáng thiên thần ấy ở trong nhà, được nghe giọng nói êm dịu của cô ấy, thì tôi cũng đã hạnh phúc lắm rồi.

- Ông gọi thứ tình cảm đó là tình yêu à? Tôi thì cho đó là sự ích kỷ!

- Có thể là cả hai, nhưng dù sao tôi cũng không thể để cho cô ấy bỏ đi. Mặt khác, với tội vô lại đang săn đuổi quanh đây, cô ấy cần phải có một người bảo vệ trên đoạn đường vắng. Nhưng tới khi nhận được hai bức điện, thì tôi biết là tôi buộc phải làm một cái gì đó.

- Bức điện gì?

Carruthers rút từ trong túi ra một bức điện.

- Là nó đây!

Bức điện vừa ngắn vừa súc tích: *“Lão già đã chết”*.

- Hừm! - Holmes nói - Giờ thì tôi hiểu ra diễn biến toàn bộ sự việc, và vì sao bọn chúng buộc phải ra tay gấp, sau khi có bức điện này. Nhưng trong lúc đợi cảnh sát tới, ông có thể nói rõ thêm cho tôi biết chẳng?

Lão thầy tu hoàn tục, vẫn còn khoác áo lễ, la lối ầm ĩ:

- Bob, mày mà tố giác, tao sẽ giết chết mày không thương tiếc! Nếu mày bán đứng bạn bè cho cái tên cớm mặc thường phục này, thì mày cứ đánh dấu ngày hôm nay bằng một chữ thập đen đi.

- Đừng có nổi nóng, thưa ngài mục sư! - Holmes châm biếm ngắt lời hằn trong lúc mỗi một điều thuốc lá - Những điểm liên quan tới ngài đều đã sáng tỏ; tôi chỉ hỏi vài chi tiết để thỏa mãn óc tò mò mà thôi. Nhưng nếu ngài thấy khó nói, thì chính tôi sẽ kể lại câu chuyện vậy. Thoạt đầu, nhóm ba người là Williamson, Carruthers và Woodley từ Nam Phi về đây để chơi trò vừa rồi.

- Hãy gạt tên tao ra! - Lão già tức tối gào lên - Tao chỉ quen biết hai người này từ hai tháng nay, và chưa bao giờ đặt chân tới Nam Phi cả. Hãy nhét cái đó vào trong ống tẩu và hút đi, tên rảnh việc kia!

- Gã nói thật. - Carruthers xác nhận.

- Ồ, nếu thế thì hai trong số các ông đã tới đây. Các ông đã quen biết ông Ralph Smith bên Nam Phi; và biết ông ta không còn sống được bao lâu nữa. Các ông đã tìm ra cô cháu gái ông ấy, là người sẽ được thừa hưởng gia tài... Đúng thế không?

Carruthers gật đầu. Williamson chửi rủa.

- Cô ấy là người họ hàng gần nhất của ông ta, và các ông biết là ông già đó không làm bản chúc thư nào cả.

- Ông ấy không biết đọc mà cũng chẳng biết viết. - Carruthers lầm bầm.

- Vì thế mà hai người các ông đi săn lùng cô gái thừa kế gia tài. Các ông định rằng một trong hai người sẽ thành hôn với cô gái đó và người kia cũng

được chia phần. Tôi không hiểu, vì lý do gì mà Woodley lại được chỉ định làm... chồng?

- Chúng tôi đã chơi bài đánh cá trong chuyến đi và hăn đã thắng. - Carruthers nhận.

- Ông đã thuê cô gái về dạy học trong nhà, còn Woodley đóng vai trò người tìm hiểu, ve vãn cô gái. Nhưng cô gái rất ghét gã ta. Mặt khác, thỏa thuận của hai người lại càng bị lung lay thêm, do chính ông đã đem lòng si mê cô gái. Ông không thể nào chịu đựng được ý nghĩ rằng tên côn đồ kia trở thành chồng cô ấy.

- Đúng vậy!

- Thế là xảy ra cái vĩa giữa hai người. Woodley đã bỏ đi; và y dàn dựng kế hoạch riêng mà không cho ông biết.

- Phải. Từ đó, hễ khi nào có hăn là có tôi. Hăn đã lôi kéo được cái tên thầy tu phá giới đây. Và tôi biết hai đứa đã thuê căn nhà này, bởi vì nó ở gần con đường cô gái phải đi qua để ra ga. Chính vì thế tôi phải canh chừng cô gái, vì tôi biết việc xấu xa nhất định sẽ xảy ra. Ngày hôm kia, Woodley tới gặp tôi với bức điện: Ralph Smith đã qua đời. Hăn hỏi tôi có còn ý định giữ nguyên bản giao kèo không. Tôi từ chối. Hăn đề nghị nếu tôi là người cưới cô gái thì phải chia cho hăn phần tài sản lấy được. Tôi nói là tôi rất sẵn lòng, nhưng chỉ sợ cô gái không đồng ý. Hăn bảo tôi: Trước hết, làm sao buộc cô ta kết hôn trước đã, rồi sẽ tính sau. Tôi nói rằng không ai được dùng bạo lực đối với cô gái. Hăn bỏ đi, miệng không ngớt chửi rủa độc địa và thề sẽ chiếm đoạt cô ấy. Tôi vội vàng cho xe ngựa để đưa cô ra ga, nhưng vẫn đạp xe bám theo sau để bảo vệ. Nhưng vì cô ấy đã đi rất sớm, nhanh hơn tôi nên sự bất hạnh đã xảy ra.

Holmes đứng lên, ném tàn thuốc vào lò sưởi:

- Anh Watson, tôi thật ngốc! Khi nói lại với tôi rằng anh đã trông thấy người đi xe đạp nấp lại cái càvạt trong chùm cây, thì lẽ ra tôi phải thấy vấn đề ngay tức khắc. Tuy nhiên, chúng ta vẫn có quyền khen ngợi lẫn nhau, rằng mình đã đi đến kết quả cuối cùng của một vụ án kỳ thú và có đôi chút lạ lùng này. Kia, ba cảnh sát địa phương đi cùng chú bé đánh xe ngựa đã đến. Anh Watson, anh có thể khám sức khỏe cho cô Smith và bảo cô ấy rằng,

chúng ta sẽ đưa cô ấy về nhà mẹ cô. Một bức điện gửi cho viên kỹ sư trẻ trong công ty Midland hẳn sẽ là phương thuốc rất hữu hiệu. Về phần Carruthers, ông đã làm những gì có thể làm để sửa chữa tội lỗi của mình trong mưu đồ xấu xa bỉ ổi này. Đây là danh thiếp của tôi, nếu như việc làm chứng của tôi có thể giúp ích cho ông được đôi phần trong phiên xét xử, thì tôi sẵn lòng tới đó.

Cô Violet Smith đã được thừa kế một tài sản lớn, và giờ đây là bà Cyril Morton, phu nhân của người góp vốn thứ nhất trong công ty Morton và Kennedy. Sau phiên tòa, Williamson phải bóc “bảy cuốn lịch”, còn Woodley lãnh mười... Trong nhà đá, chúng có đủ thời giờ để ngắm nhìn từng tờ lịch bị xé đi và suy ngẫm về những mưu đồ ghê tởm mà chúng đã làm.

CON QUỶ HÚT MÁU Ở VÙNG SUSSEX

Sherlock Holmes đang chăm chú đọc một lá thư vừa nhận được, đột nhiên cười không thành tiếng, đưa bức thư lại cho tôi với lời bình luận hóm hỉnh:

- Watson, đây là chuyện pha trộn giữa hiện đại và trung cổ, giữa thực tế và ảo tưởng. Anh nhìn nhận nó sao đây?

Tôi chăm chú đọc bức thư:

“Ngày 19 tháng 11. Số nhà 46 đường Jewry.

Về việc liên quan tới con quỷ hút máu.

Thưa ông!

Khách hàng của chúng tôi, ngài Robert Ferguson, thuộc công ty kinh doanh chè Ferguson và Muirhead tại Mincing Lane, hôm nay có gửi thư đến hỏi về chuyện con quỷ hút máu. Vì công ty tôi chuyên về nghiệp vụ định giá máy móc, việc này không thuộc phạm vi kinh doanh của chúng tôi, nên tôi xin chuyển theo đây lá thư của Robert cho ông và nhờ ông giúp đỡ. Chúng tôi biết rằng ông là thám tử nổi tiếng đã phá thành công vụ án Matilda Briggs, nên xin giới thiệu ông với ngài Robert.

Trân trọng kính chào ông!

Công ty Morrison và Dodd

Người thực hiện E. J. C”

- Matilda không phải là tên phụ nữ. - Holmes trầm tư nhớ lại - Đó là một con tàu liên quan tới những con chuột nước cờ bự mà ai cũng kinh sợ. Nhưng chúng ta thì có quan hệ gì với con quỷ hút máu? Chúng ta biết gì về con ma cà rồng đó? Lần này thì ta lạc vào kho tàng truyện cổ tích rồi. Watson, anh tra phần chữ V xem họ nói gì về những con ma đó.

Tôi quay người lại, lấy cuốn sách tra cứu dày cộp xuống đưa cho Holmes. Anh đặt cuốn sách lên đùi, từ từ đọc danh sách những vụ điều tra trước đây:

- Cuộc hành trình của con tàu Gloria Scott. - Anh đọc to - Tôi nhớ, anh đã ghi lại. Kẻ làm tiền giả Victor Lynch. Thẩn lẩn độc, đây là vụ án rất hay! Vittoria - nữ diễn viên xiếc ngựa, Vanderbilt và tên trộm, Rắn độc, Vigor - người thợ kỳ dị.Ồ, toàn những vụ cũ kỹ cả rồi. Nhưng Watson này, anh nghe nhé. “Quý hút máu người ở Hungary. Vụ án ma cà rồng ở Transylvania!”

Anh giở nhanh các trang sách đọc một hồi lâu, rồi thất vọng quăng cuốn sách lên bàn:

- Watson này! Toàn chuyện điên rồ. Cái kiểu phải dùng cọc gỗ đóng đinh lên mộ mới không làm xác chết sống lại thì có liên quan gì đến chúng ta?

- Nhưng, - Tôi nói - quý hút máu không nhất thiết là người chết, người sống cũng có thói quen hút máu. Tôi có đọc được trong sách viết về quái vật chỉ hút máu trẻ em để trường sinh bất tử.

- Anh nói đúng lắm. Nhưng liệu chúng ta có tin được chuyện đó không? Thế giới này đã quá rộng lớn rồi, chả cần phải đi vào lãnh địa của ma quỷ nữa. Theo tôi thì chẳng nên tin lời của Ferguson. Bức thư đây có thể là do anh ta viết, cũng phần nào nói rõ rốt cuộc thì vấn đề gì khiến anh ta đau khổ.

Nói đoạn, anh lấy ra một bức thư khác ở trên bàn, chưa được anh chú ý tới khi anh đang nghiên cứu bức thư thứ nhất. Anh mỉm cười khi bắt đầu đọc bức thư này. Nhưng rồi nụ cười thích thú ban đầu dần chuyển thành nét trầm tư, chăm chú.

- Điền trang Cheeseman ở Lamberley. Watson này, Lamberley là nơi nào?

- Thuộc Sussex, phía nam Horsham.

- Không quá xa đâu. Còn Cheeseman?

- Tôi tương đối quen thuộc vùng quê đó. Ở đó có nhiều ngôi nhà cổ mang tên những dòng họ. Từ nhiều thế kỷ trước, những dòng họ được dùng để đặt tên các điền trang, ví dụ như điền trang Odley, điền trang Harvey...

Những dòng họ ấy đã bị lãng quên lâu rồi, nhưng tên thì vẫn còn được lưu giữ như vậy.

- Đúng thế. - Holmes lạnh lùng nói - Tôi cảm thấy, không lâu nữa chúng ta sẽ cần tìm hiểu trang viên Cheeseman nhiều hơn đây. Bức thư này do chính Ferguson viết, hoàn toàn đúng như dự tính của tôi. Mà đúng rồi, ông ta còn tự nhận là có quen biết anh đấy.

- Cái gì? Quen biết tôi ư?

Holmes đưa bức thư cho tôi, trên đầu bức thư có ghi địa chỉ mà ban nãy anh đã nhắc tới.

“Thưa ngài Sherlock Holmes!

Luật sư của tôi khuyên tôi liên lạc với ngài. Nhưng thực ra vấn đề của tôi rất nhạy cảm, không biết nên bắt đầu từ đâu. Tôi thay mặt một người bạn để nói về chuyện của anh ấy. Vị thân sĩ này đã kết hôn với một tiểu thư người Peru năm năm trước. Cô ấy là con một thương gia giàu có, bạn tôi quen biết cô ấy trong khi làm công việc nhập khẩu axit clohydric. Cô ấy rất xinh đẹp, nhưng do quốc tịch và tôn giáo khác nhau, nên giữa họ đã nảy sinh khoảng cách trong tình cảm. Sau một thời gian, khi tình cảm dành cho cô ấy đã nhạt, anh ấy cho rằng cuộc hôn nhân này là một sai lầm. Anh ấy cảm thấy, tính cách của cô ấy có cái gì đó quá khó hiểu. Đó quả là điều bất hạnh, bởi cô ấy là một người vợ đáng yêu mà bất kỳ người đàn ông nào cũng mong muốn. Cô ấy luôn luôn hết lòng vì chồng.

Bây giờ tôi xin nói vào vấn đề chính. Chi tiết thì phải gặp ngài mới nói rõ được. Bức thư này chỉ viết sơ qua những điều cơ bản thôi, để ngài xác định xem liệu có nhận vụ này được không. Cách đây ít lâu, vợ anh ấy đã bắt đầu xuất hiện một căn bệnh lạ khiến cô ấy thay đổi, không còn bản tính dịu dàng và khả ái. Bạn tôi có hai đời vợ, đã có một cậu con trai với người vợ trước. Cậu bé này mười lăm tuổi, là đứa trẻ rất được mọi người yêu mến và nó cũng rất trọng tình cảm. Chỉ đáng tiếc là từ nhỏ cậu bé đã bị tàn tật do tai nạn. Đã hai lần, có người phát hiện bà mẹ kể trẻ đẹp vô cơ đánh đập cậu bé đáng yêu đó. Có lần cô ta đánh nó bằng cây ba toong, để lại một vết thâm tím lớn trên cánh tay cậu bé.

Nhưng điều đó cũng chưa đáng kể gì. Hành vi đối với đứa con chưa đầy một tuổi do chính cô ta đẻ ra càng nghiêm trọng hơn. Khoảng một tháng trước, một lần, người bảo mẫu rời đứa trẻ chỉ vài phút để làm một việc gì đó, thấy đột nhiên đứa trẻ khóc ré lên. Bà ta vội vàng quay lại, đi vào thì nhìn thấy bà chủ đang cúi xuống như định cắn cổ đứa bé vậy. Trên cổ cháu bé vẫn còn vết thương nhỏ, máu đang rỉ ra. Bà bảo mẫu sợ quá đi gọi ngay ông chủ, nhưng bà chủ yêu cầu không được đi, còn cho bà bảo mẫu nắm bảng để giữ bí mật chuyện này.

Việc đó đã để lại cảm giác kinh sợ cho bà bảo mẫu. Từ đó bà ta rất chú ý tới mọi hành vi của bà chủ, và càng chú ý bảo vệ đứa trẻ hơn, vì bà thực sự rất yêu nó. Bà ngày đêm luôn luôn túc trực bên cạnh để bảo vệ nó. Còn bà mẹ trẻ lại cũng ngày đêm lặng lẽ bám sát nó như chó sói bám riết lấy cừu non vậy. Đây có lẽ là việc khiến ngài khó tin, nhưng tôi mong ngài nhìn nhận nghiêm túc những gì tôi kể, bởi nó liên quan tới sự sống chết của một đứa trẻ và cuộc sống gia đình của một người đàn ông nữa.

Cuối cùng, cái ngày khủng khiếp cũng đến. Thần kinh bà bảo mẫu không chịu đựng hơn được nữa, bà đã thẳng thắn nói tất cả sự thật cho ông chủ biết. Đối với ông, chuyện này thật kinh hoàng, có thể cũng giống như cảm giác hiện giờ của ngài. Ngài cần biết rằng, vợ anh ấy rất yêu anh ấy, và ngoài lần đánh đập dã man cậu bé đã nói trên ra, cô ta cũng rất yêu con chồng. Do đó anh ấy không tin, còn nói cô ấy làm sao lại sát hại đứa con đẻ của mình được. Cho nên anh ấy cho lời nói của bà bảo mẫu chỉ là hoang tưởng, một sự đa nghi không bình thường. Khi họ đang nói chuyện với nhau thì lại nghe thấy tiếng đứa trẻ khóc thét lên. Hai người vội chạy vào, thấy người mẹ trẻ vừa từ bên cạnh cái nôi đứng dậy. Cổ đứa trẻ đang chảy máu, mảnh vải ga cũng đầy máu. Ngài có thể tưởng tượng nỗi cảm giác của anh ấy khi anh ấy xoay mặt vợ mình ra chỗ sáng thì phát hiện xung quanh mồm cô ta toàn là máu. Anh hoảng quá, la lên... Cô vợ trẻ đã hút máu đứa con nhỏ đáng thương!

Cô ta giờ tự nhốt mình trong phòng, không gặp ai, mà cũng chẳng giải thích gì cả. Anh chồng như phát điên, nhưng cũng như tôi, anh ta chỉ nghe nói tới “quỷ hút máu” mà chẳng biết gì về nó cả. Chúng tôi vốn cho đó chỉ

là chuyện kỳ quái ở nước ngoài, ai ngờ ngay tại Sussex nước Anh cũng có chuyện đó. Ngài có thể tiếp tôi được không? Ngài có thể dùng tài năng siêu việt của mình để giúp một người đang trong trạng thái tinh thần bất ổn được không? Nếu ngài đồng ý, xin gửi điện báo cho tôi theo địa chỉ Ferguson, điền trang Cheeseman, Lamberley. Khoảng 10 giờ sáng tôi sẽ đến chỗ ngài.

Trân trọng kính chào!

Robert Ferguson

Tái bút: Tôi nhớ Watson, bạn của ngài, đã từng là thành viên của đội bóng bầu dục Blackheath, còn tôi hồi ấy là một trung vệ của đội Richmond. Về quan hệ cá nhân, tôi chỉ có thể tự giới thiệu được như vậy thôi”.

Tôi nhớ ra con người này, đặt bức thư xuống và nói:

- Một Robert cao to, trung vệ giỏi nhất của đội bóng chày, là người vui vẻ, đứng đắn. Nay anh ta lại còn quan tâm cả tới việc của bạn mình, anh ta thật là một người nhiệt tình.

Holmes nhìn tôi lắc đầu:

- Được rồi! Watson, tôi không bao giờ thấy được hết khả năng của anh. Anh hãy gửi bức điện với nội dung là: “*Chúng tôi đồng ý tiếp nhận vụ việc của ngài*” cho ông ta đi!

- Sao lại là “vụ việc của ngài”?

- Anh cứ gửi đi! Sáng mai sẽ rõ.

Khoảng 10 giờ sáng hôm sau, Ferguson sải chân bước vào nhà chúng tôi. Trong ký ức của tôi, anh ta là người gầy, cao lêu nghêu, dẻo dai và chạy nhanh như gió. Nhưng giờ đây, xương cốt của Ferguson đã rệu rã, hai vai thông xuống, tóc ngả màu vàng nhạt và cũng chỉ còn lơ thơ.

- Ồ... Watson, xin chào! - Giọng nói của ông ta vẫn trầm và nhiệt tình - Tôi bây giờ đã không còn được như xưa nữa rồi, mấy ngày gần đây, tôi thấy mình già đi nhanh quá. Ngài Sherlock Holmes, qua bức điện, tôi có thể thấy là không thể giả vờ làm đại diện cho người khác được nữa.

- Lời nói thật bao giờ cũng có lợi cho công việc hơn. - Holmes đế vào.

- Đương nhiên là như vậy. Nhưng ngài thử nghĩ xem, nói về người phụ nữ mà tôi rất yêu mến và cần phải bảo vệ, thật khó biết bao. Tôi biết làm sao đây? Làm sao tôi có thể báo với cảnh sát đây? Mà tôi lại cần phải bảo vệ an

toàn cho cả hai đứa con trai nữa. Xin ngài cho tôi biết, đó có phải là bệnh tâm thần không? Là bệnh di truyền theo huyết thống chẳng? Mong ngài giúp đỡ tôi!

- Điều đó có thể hiểu được, thưa ngài Ferguson. Tôi có thể bảo đảm với ngài, tôi tin là mình có thể phá án. Trước tiên, ngài hãy cho tôi biết, ngài đã dùng cách gì rồi? Ngài có còn cho phu nhân tiếp xúc với con ngài nữa không?

- Tôi đã cãi nhau một trận nảy lửa với cô ấy, thưa ngài. Cô ấy vốn rất nhu mì, nặng tình và thực sự hết lòng yêu tôi. Thấy tôi phát hiện ra bí mật của mình, cô ấy vô cùng đau khổ. Cô ấy chẳng nói gì, chỉ nhìn tôi với vẻ hoảng hốt tuyệt vọng rồi quay người bỏ chạy về phòng mình, khóa chặt cửa lại. Từ đó trở đi, cô ấy không chịu gặp tôi nữa. Cô ấy có một cô hầu riêng, tên là Dolores, cơm nước đều do cô hầu mang cho. Bà bảo mẫu đã thề ngày đêm không rời đứa trẻ. Nhưng còn với thằng Jack, cháu lớn của tôi, thì tôi cũng chưa thật yên tâm lắm, bởi cháu đã hai lần bị cô ấy tấn công rồi.

- Nó có bị thương không?

- Không. Nhưng nàng đã đánh đập nó một cách tàn bạo. Việc này thật tệ hại vì nó là đứa trẻ tàn tật, không thể tự bảo vệ mình. Cháu rất đáng thương, ai nhìn cũng phải mềm lòng. Nhưng tâm hồn của cháu thì rất đáng yêu, đáng quý.

- Thưa ngài, trong nhà ngài còn có ai nữa không?

- Còn có hai người nô bộc vừa đến chưa lâu. Một người đánh xe ngựa tên là Michael, cùng hai vợ chồng tôi, thằng Jack con trai tôi, đứa trẻ, Dolores và bà Mason.

- Có vẻ khi kết hôn, ngài chưa tìm hiểu kỹ vợ ngài?

- Lúc ấy, tôi mới chỉ biết cô ấy được vài tuần lễ thôi.

- Người hầu của bà ấy ở với bà ấy lâu chưa?

- Vài năm rồi.

- Như vậy, biết đâu cô ấy hiểu vợ ngài hơn ngài?

- Đúng. Có thể nói như vậy.

Holmes ghi lại tất cả, rồi bảo:

- Tôi cảm thấy vụ này phải đích thân điều tra.

Ferguson thở phào nhẹ nhõm:

- Thưa ngài, đó chính là mong muốn của tôi. Nếu ngài có thể tới thì 2 giờ có chuyến tàu đi từ ga Victoria đây.

- Tất nhiên là tôi đến. Nhưng trước khi tới, còn một vài vấn đề tôi cần làm rõ. Theo tôi hiểu, bà chủ bất hạnh này đã dùng vũ lực đối với cả hai đứa con, con riêng của ngài và con chung của hai người, đúng không?

- Đúng vậy!

- Nhưng cách dùng vũ lực lại khác nhau. Bà ấy dùng gậy đánh con riêng của ngài?

- Một lần dùng cây gậy ba toong, lần sau đánh bằng tay rất tàn tệ.

- Bà ấy không giải thích hành vi của mình sao?

- Không, chỉ nói là hận nó thôi, và còn nhắc đi nhắc lại rất nhiều.

- Đó cũng là chuyện thường tình với một người mẹ kế. Có thể nói đó là sự ghen ghét đối với người quá cố. Bà ấy vốn có hay ghen không?

- Có, cô ấy rất hay ghen, ghen bằng tất cả sự nồng nổi của dòng máu Mỹ La tinh.

- Con riêng của ngài đã mười lăm tuổi, rất hiểu biết, lẽ nào cháu không giải thích với ngài nguyên nhân bị đánh ư?

- Không. Cháu luôn nói là cháu chẳng làm gì nên tội cả.

- Trước đây, quan hệ giữa cháu và mẹ kế có tốt không?

- Giữa họ chưa bao giờ có tình yêu thương dành cho nhau.

- Nhưng ngài nói cháu là đứa trẻ rất thương yêu người khác, rất tình cảm cơ mà.

- Trên đời này chẳng có đứa trẻ nào yêu bố như Jack cả! Tôi là sinh mệnh của cháu, cháu quan tâm đến mỗi lời nói, mỗi hành vi của tôi.

Holmes tiếp tục ghi chép:

- Trước khi tái hôn, ngài khẳng định là luôn ở bên cháu?

- Cả ngày cả đêm!

- Một đứa trẻ rất trọng tình nghĩa như vậy, chắc chắn là rất yêu quý người mẹ đã mất của mình?

- Rất yêu quý, đúng vậy.

- Còn một vấn đề liên quan đến vụ bạo hành kia. Việc đánh con riêng của ngài có phải xảy ra đồng thời với hành vi tấn công đứa bé không?

- Lần thứ nhất thì như vậy, cứ như là cô ấy bị điên vậy, trút giận lên đầu cả hai đứa trẻ. Lần thứ hai chỉ có Jack bị đánh, còn bà bảo mẫu nhận thấy không có chuyện gì xảy ra với đứa con nhỏ cả.

- Điều này hơi phức tạp đấy.

- Thưa ngài, tôi không hiểu ý của ngài lắm.

- Là tôi đưa ra các giả thiết, có cái phải chờ thời gian hoặc những cứ liệu mới để lần lượt loại bỏ. Nhưng trước mắt, tôi chỉ có thể nói với ngài rằng, vụ này không khó giải quyết. Hai giờ nữa, nhất định tôi sẽ đến ga Victoria.



Đó là một đêm tháng 11, trời tối đen, đầy sương mù âm u. Chúng tôi để hành lý ở nhà trọ Chequers, Lamberley, rồi lên xe đi tới điền trang cổ xưa, hoang vu của Ferguson. Đó là một khu nhà to lớn thênh thang nối tiếp nhau, khu trung tâm rất cổ kính, nhưng hai bên lại khá hiện đại với những ống khói cao kiểu Gothic và những viên ngói bằng đá đầy rêu. Trần nhà được đỡ bằng những cây cột lớn, sàn nhà không phẳng, có những chỗ trũng sâu, cả ngôi nhà toát ra một vẻ xấu xí và cũ kỹ.

Ferguson đưa chúng tôi vào một gian phòng ở giữa, rất rộng, có một cái lò sưởi kiểu cũ rất lớn ở sát tường, bên ngoài bọc sắt, trên có khắc hàng số 1670, trong lò đang được đốt bằng loại gỗ thượng hạng, lửa cháy rùng rục.

Tôi nhìn xung quanh, chỉ thấy ngôi nhà này là một mớ hổ lốn về mọi mặt. Tường ốp gỗ có thể là do ông chủ cũ làm từ thế kỷ XVII, phần dưới treo một loạt các bức tranh màu nước hiện đại rất giàu thẩm mỹ. Trên cao lại treo toàn những thứ đồ dùng và vũ khí Nam Mỹ mà chắc chắn là do cô vợ mang từ Peru tới. Holmes đứng dậy, nghiên cứu tỉ mỉ những thứ ấy. Sau khi xem xong, anh ngồi xuống, vẻ trầm tư, rồi đột nhiên đứng dậy, thốt lên:

- Ô! Anh xem này!

Một con chó xù tai quặp vốn đang nằm trong ổ ở góc nhà, lúc đó đang từ từ bò đến với ông chủ một cách rất khó nhọc. Nó kéo lết chân sau cũng như cái đuôi trên mặt đất vô cùng chậm chạp.

- Chú chó này mắc bệnh gì vậy? - Holmes hỏi.

- Một loại bệnh bại liệt. Bác sĩ thú y nói, có thể là do viêm màng não gây ra. Hiện bệnh đang có chiều hướng thuyên giảm, ít lâu nữa sẽ khỏi thôi... Phải vậy không Carlo?

Đuôi con chó rung lên nhè nhẹ, đôi mắt u sầu hết nhìn người này lại nhìn người kia.

- Bệnh này phát ra đột ngột phải không?

- Chỉ sau một đêm thôi.

- Cách đây lâu chưa?

- Khoảng bốn tháng rồi.

- Thật kỳ lạ! Nhưng nó đã cho tôi những gợi ý tốt.

- Ngài cảm thấy điều gì chẳng, ngài Sherlock Holmes?

- Nó chứng thực cho một giả thiết của tôi.

- Vì Chúa, ngài nói sao? Việc này đối với ngài có thể chỉ là trò chơi giải câu đố, nhưng với tôi lại là chuyện sinh tử đấy. Vợ tôi có thể là kẻ sát nhân, con tôi luôn trong tình trạng nguy hiểm. Thưa ngài, ngài đừng bao giờ đùa kiểu như vậy!

Holmes đặt tay lên vai ông ta, an ủi:

- Tôi e rằng dù kết cục thế nào thì ngài cũng đều đau khổ cả. Tôi nhất định sẽ làm giảm nhẹ đau khổ cho ngài. Hiện giờ tôi chưa thể nói gì được, nhưng trước khi rời khỏi đây, có thể tôi sẽ đưa ra đáp án chính xác cho ngài.

- Tôi cũng muốn vậy! Xin hai ngài thứ lỗi, tôi phải lên lầu xem vợ tôi có thay đổi gì không.

Sau vài phút, ông ta quay lại với nét mặt bơ phờ, dẫn theo người hầu gái dáng cao ráo, mảnh dẻ.

- Dolores, trà đã pha xong rồi. - Ferguson nói - Cô hãy lấy thứ mà bà chủ cần, chăm sóc bà thật chu đáo.

- Bà chủ bệnh rất nặng. - Người hầu gái nói to, mắt nhìn ông chủ vẻ căm giận - Bà chủ không muốn ăn, mà muốn mời bác sĩ. Không có bác sĩ, ở một mình với bà ấy tôi sợ lắm!

- Bà chủ có muốn gặp bác sĩ Watson không? - Holmes hỏi.

- Tôi dẫn ông đi, tôi không cần phải đợi sự đồng ý của ai. Bà ấy cần bác sĩ mà.

- Vậy, tôi sẽ cùng đi với cô. - Tôi nói.

Tôi cùng cô ta lên lầu, bước trên một cầu thang dẫn tới đầu kia với một cánh cửa gỗ sồi rất lớn với khóa sắt. Cô người hầu rút trong túi ra chùm chìa khóa. Cánh cửa nặng nề kêu rảng rặc xoay trên các bản lề rồi mở ra. Tôi bước vào, cô ta lập tức vào cùng và đóng ngay cửa lại.

Một phụ nữ nằm trên giường, đang sốt cao, nửa tỉnh nửa mê, nhưng chợt thấy tôi vào, cô ta đưa đôi mắt đẹp nhưng rất hoảng hốt nhìn tôi vẻ sợ hãi. Nhận ra tôi là người lạ, cô ta thở hắt ra và yên tâm gục đầu xuống gối. Tôi lại gần an ủi cô ta vài câu. Cô ta đã yên tâm để cho tôi bắt mạch và cặp nhiệt độ. Mạch rất nhanh, thân nhiệt cũng khá cao, nhưng ấn tượng lâm sàng là tình trạng này do tâm thần kích động chứ không phải viêm nhiễm.

- Năm suốt ngày thế này, tôi e rằng ấy sẽ chết mất! - Cô người hầu lo lắng nói.

Bà chủ quay sang nhìn tôi với bộ mặt xinh đẹp đỏ hồng, hỏi:

- Chồng tôi đang ở đâu?

- Ở dưới nhà, ông ấy muốn vào thăm bà.

- Tôi không muốn gặp ông ấy! Không muốn gặp ông ấy!

Sau đó, có vẻ như thần trí cô ta không còn tỉnh táo nữa:

- Một con quỷ! Con quỷ! Tôi phải làm gì với con quỷ độc ác đó đây?

- Tôi có thể làm gì để giúp được bà?

- Hết rồi! Hết cách rồi! Dù tôi làm gì thì cũng chẳng thay đổi được nữa rồi.



Cô ta hẳn là đang nói làm nhảm. Tôi thật sự không hiểu, Ferguson tốt bụng và thành thực như vậy, làm sao lại thành kẻ độc ác hoặc con ác quỷ được. Tôi nói:

- Thưa bà Ferguson, chồng bà rất yêu bà. Ông ấy rất khổ tâm vì chuyện này đây.

Một lần nữa cô ta lại nhìn tôi bằng đôi mắt đẹp tuyệt trần và nói:

- Ông ấy yêu tôi, đúng! Nhưng lẽ nào tôi không yêu ông ấy? Lẽ nào tôi không yêu ông ấy đến mức nguyện hy sinh cả bản thân, chứ không muốn làm tổn thương ông ấy? Vậy mà ông ấy lại nghĩ về tôi như thế, nói tôi như thế đấy!

- Ông ấy rất đau khổ nhưng không làm sao lý giải được.

- Làm sao ông ấy hiểu nổi, nhưng ông ấy cần phải tin tôi chứ!

- Bà có muốn gặp ông ấy không?

- Không, không! Tôi không thể quên những lời khủng khiếp mà ông ấy nói, cũng không quên nét mặt của ông ấy. Xin ông đi cho, ông không giúp tôi được đâu. Nhờ ông nói với ông ấy là hãy trả con cho tôi. Đó là câu duy nhất mà tôi cần nói với ông ấy.

Cô ta lại quay khuôn mặt xinh đẹp vào tường, chẳng nói gì nữa.

Tôi xuống nhà, Ferguson lo lắng nghe tôi kể lại mọi chuyện.

- Làm sao tôi dám giao đứa con nhỏ cho cô ta? - Ông ta tỏ vẻ cương quyết - Làm sao tôi quên nổi cảnh cô ta đứng cạnh đứa con tôi mà mồm thì đầy máu me của đứa trẻ được?

Ferguson rung mình lắc đầu, mặt tái dại đi. Trong lúc cô giúp việc rót trà ra thì cửa bật mở. Một cậu thiếu niên bước vào. Cậu là đứa trẻ đặc biệt khiến người khác phải chú ý: mặt tái mét, da trắng, tóc hung, đôi mắt xanh có vẻ dễ bị kích động. Vừa nhìn thấy cha, mặt cậu ta đã lóe lên tia sáng vui mừng nhưng rất xúc động. Cậu xông đến, hai tay ôm lấy cổ người cha, giống như các bé gái hay ôm cổ bố vậy.

- Cha ơi! - Cậu ta thốt lên - Con không biết cha đã về, nếu biết thì con đã đến đây chờ từ lâu rồi. Con nhớ cha quá!

- Con ngoan, - Ferguson vừa vuốt nhẹ mái tóc hung của nó vừa nói - cha về sớm vì bạn của cha là ngài Sherlock Holmes và ngài Watson đều đồng ý

cùng về ngay vào buổi tối với cha.

- Đó có phải là thám tử Sherlock Holmes nổi tiếng không cha?

- Đúng đấy.

Đứa trẻ hướng cặp mắt đầy thăm dò nhìn chúng tôi, nhưng xem ra không có vẻ gì thân thiện cả.

- Ngài Ferguson, đứa con nhỏ của ngài ở đâu? - Holmes hỏi - Chúng tôi có thể nhìn cháu một lát không?

- Con bảo bà Mason bế em bé đến! - Ferguson nói.

Cậu thiếu niên ấy bước những bước quái dị, loạng choạng đi ra... Một thoáng sau, cậu quay lại, đi theo là một người đàn bà vừa cao vừa gầy, bế một đứa trẻ rất xinh đẹp, mắt đen láy, tóc hung hung. Ferguson hiển nhiên rất yêu nó, vừa thấy đã vội ôm nó vào lòng vỗ về.

- Thật không thể hiểu nổi lại có người nhẫn tâm muốn hại nó! - Ông ta vừa lẩm bẩm vừa cúi xuống nhìn vết sẹo nhỏ màu hồng trên cổ thiên sứ bé bỏng của mình.

Chính trong giây phút đó, ánh mắt tôi vừa may đã nhắm đúng vào một góc xa của căn phòng. Tôi phát hiện ra, Holmes cũng đang đặc biệt chăm chú nhìn vào cái góc đó. Theo cái nhìn của anh, tôi chắc Holmes đang tập trung vào chiếc cửa sổ bị che lấp. Sau khi ngó nhìn người cha và cậu thiếu niên, anh liền mỉm cười, quay sang đứa trẻ. Trên cổ đứa trẻ còn có một vết thương nhỏ. Anh không nói một lời, chỉ nhìn chăm chăm vào vết thương đó. Cuối cùng, anh nắm lấy bàn tay bé nhỏ của nó đang huơ huơ trong không khí.

- Tạm biệt bé ngoan! Khởi đầu cuộc sống của cháu thật kỳ lạ... - Rồi Holmes kéo bà vú ra một góc, sốt sắng hỏi chuyện.

Tôi chỉ nghe được câu cuối cùng:

- Những lo lắng của bà sẽ lập tức được xóa bỏ ngay thôi!

Bà bảo mẫu bướng bỉnh, lằm lì bế đứa nhỏ đi ra.

- Bà Mason là người thế nào? - Holmes hỏi Ferguson.

- Tuy bề ngoài hơi thô nhưng bà ấy có một trái tim nhân hậu và rất yêu đứa bé.

- Jack, cháu có thích bà bảo mẫu không?

Đột ngột Holmes quay sang hỏi Jack. Mắt nó vốn lanh lợi, linh hoạt bỗng sa sầm xuống, nó lắc đầu.

Ferguson ôm lấy nó:

- May mà tôi lại là người cháu thích nhất.

Jack vui đầu vào lòng cha, Ferguson nhẹ nhàng kéo nó ra:

- Con ngoan, đi chơi đi! - Ông ta giục, nhìn nó đi ra bằng ánh mắt yêu thương, rồi tiếp tục nói với Holmes: - Thưa ngài, nhìn từ góc độ của ngài, đây nhất định là một vụ đặc biệt phức tạp và rắc rối?

- Thì đúng là rắc rối thật. - Holmes có vẻ hơi buồn cười, nói - Nhưng tôi thấy chẳng mấy phức tạp. Vì nó chỉ là một vụ cần một quá trình suy luận đơn thuần. Khi những suy luận này được xác nhận từng điểm một bởi một loạt những sự cố độc lập thì ta có thể kết luận, nhận định chủ quan là hoàn toàn đúng đắn. Và tôi có thể tự tin mà nói rằng, chúng ta đã đạt được mục đích rồi! Kỳ thực, trước khi rời phố Baker, tôi đã có kết luận rồi, phần còn lại chỉ là để quan sát và kiểm chứng nữa thôi.

Đặt bàn tay to tướng lên cái trán đầy nếp nhăn, Ferguson hồi hộp, luống cuống đến mức líu cả lưỡi:

- Trước Thượng đế, thưa ngài, nếu ngài đã nhận ra chân tướng sự việc, xin chớ làm tôi hồi hộp thêm nữa! Tôi làm sao mà chịu nổi được. Tình cảnh của tôi ra sao? Tôi phải làm gì?

- Đương nhiên tôi phải giải thích cho ngài, tôi sẽ nói rõ ngay đây. Nhưng, ngài có cho phép tôi xử lý vấn đề theo cách của mình? Watson, với sức khỏe của bà chủ, liệu bà ấy có thể gặp chúng ta được không?

- Bệnh của bà ấy rất nặng, nhưng hoàn toàn tinh táo.

- Vậy thì tốt. Chỉ có trước mặt bà ấy chúng tôi mới làm rõ mọi việc được. Chúng ta lên lầu gặp bà ấy đi.

- Nhưng nàng dâu có muốn gặp tôi. - Ferguson cao giọng la lên.

- Ồ, có chứ. Bà ấy sẽ đồng ý. - Holmes nói, và vội viết mấy hàng chữ ra một tờ giấy - Watson, phiền anh đưa mảnh giấy này cho bà ấy!

Tôi lên lầu, người hầu cảnh giác mở cửa cho tôi vào. Tôi đưa mảnh giấy cho cô vợ. Một phút sau, tôi nghe thấy tiếng hét to trong phòng, tiếng hét vừa ngạc nhiên vừa vô cùng vui sướng. Cô hầu bước ra, nói:

- Bà chủ sẵn sàng gặp các ngài, bà ấy rất muốn nghe...

Tôi gọi Holmes và Ferguson lên lầu. Vừa bước vào phòng, Ferguson vội tới ngay tới đầu giường, nhưng cô vợ đã nhồm dậy, dùng tay chặn ông ta lại. Holmes cúi người chào, rồi ngồi cạnh ông ta. Bà chủ mở to đôi mắt ngạc nhiên nhìn ông.

- Được rồi, thưa ngài Ferguson, - Holmes nói - tôi bận quá nhiều việc nên phương thức của tôi là ngắn gọn và đi vào vấn đề chính, mỗ xẻ càng nhanh thì càng ít đau đớn. Trước tiên tôi cần nói để ngài yên tâm, vợ ngài là một con người thánh thiện, rất yêu ngài, nhưng lại phải chịu nỗi oan quá lớn.

Ferguson reo lên mừng rỡ:

- Thưa ngài Sherlock Holmes, chỉ cần ngài chứng thực điều này, thì cả đời tôi sẽ vô cùng cảm kích ngài!

- Nhưng làm thế này, e rằng sẽ làm thương tổn ngài ở mặt khác đấy.

- Chỉ cần ngài rửa sạch nỗi oan cho vợ tôi, mọi cái khác tôi không cần để ý tới.

- Vậy tôi sẽ nói cho ngài nghe những giả thiết logic của tôi. Cách nói “quỷ hút máu” theo tôi là rất hoang đường; nhưng quan sát của ngài lại chính xác. Ngài nhìn thấy vợ ngài từ bên giường đưa con đứng lên miệng đầy máu...

- Tôi nhìn thấy rõ mà...

- Nhưng lẽ nào ngài không nghĩ rằng, vợ ngài hút máu con chưa chắc là lấy máu, mà là để chữa lành vết thương cho nó? Trong lịch sử Anh quốc, chẳng phải đã có chuyện một nữ hoàng hút máu vết thương để lấy chất độc ra đó sao?

- Chất độc ư?

- Một chất độc có nguồn gốc từ Nam Mỹ. Trước khi tôi tận mắt nhìn thấy những bình khí treo trên tường nhà của ngài thì tôi nghĩ tới chất độc khác, nhưng sau tôi cho rằng đó chính là loại tên độc của Nam Mỹ. Lúc nhìn thấy hộp đựng tên rỗng treo cạnh cây cung nhỏ kia, tôi cho rằng điều tôi nghi ngờ là đúng. Đó chính là thứ mà tôi mong nhìn thấy. Nếu đứa trẻ bị mũi tên độc ngâm hạt mã tiền đâm phải mà không lập tức hút độc ra thì chỉ có nước chết! Còn con chó kia, nếu có kẻ quyết tâm dùng thuốc độc để hãm hại đứa bé,

hắn nhất định phải thử để xem nó có tác dụng thế nào. Tình trạng của con chó này hoàn toàn phù hợp với những suy luận của tôi.

“Bây giờ ngài hiểu rồi chứ? Vợ ngài sợ kiểu hăm hại như thế. Bà ấy đã tận mắt chứng kiến cảnh đó, và bằng mọi cách cố cứu được đứa con, nhưng lại không muốn nói rõ cho ngài biết vì sợ ngài đau lòng.”

- Nguyên nhân là Jack ư?

- Vừa nãy, khi ngài chơi đùa với đứa con nhỏ, tôi đã quan sát kỹ Jack. Sắc mặt cậu đã phản chiếu rõ lên tấm kính cửa sổ, bởi bên ngoài đã có lớp cửa chớp làm nền. Tôi nhìn thấy sự ghen ghét mãnh liệt với một vẻ thù hận lạnh lùng đến tàn nhẫn trên khuôn mặt cậu bé. Đó là điều rất hiếm thấy!

- Jack yêu quý của tôi ư?

- Ngài cần nhìn thẳng vào sự thật, thưa ngài Ferguson! Đó là nỗi đau đặc biệt bởi nó sinh ra từ tình yêu bị bóp méo, một thứ tình yêu bệnh hoạn đối với ngài và có cả tình yêu đối với người mẹ đã mất của Jack. Chính thứ tình yêu đó đã tạo ra những hành động rồ dại của cậu bé. Toàn bộ tâm tưởng của cậu ta đầy ắp lòng hận thù đối với đứa em nhỏ cùng cha khác mẹ, những nét đẹp thánh thiện của đứa em càng làm nổi bật những khiếm khuyết và bệnh tật của cậu ta.

- Trời ơi! Không thể như vậy được!

- Thưa bà, tôi nói có đúng không?

Bà chủ đang khóc nức nở, mặt vùi trong gối bỗng ngẩng đầu lên, nhìn chồng:

- Lúc ấy, em làm sao mà có thể nói cho anh biết được? Em có thể cảm nhận được rằng, anh sẽ bị một cú sốc tinh thần làm cho ngã gục. Vậy chẳng thà em hãy cố chờ, rồi sẽ có người sẽ nói ra điều đó cho anh nghe. Khi ngài đây viết trong mảnh giấy cho em, rằng ngài ấy đã biết tất cả sự thật, em mừng lắm. Ngài ấy quả là có tài năng phi phàm...

- Tôi cho rằng nên để Jack đi nghỉ một năm bên bờ biển, như vậy sẽ rất có lợi cho sức khỏe của cậu bé. Đó chính là cách xử lý của tôi. - Holmes đứng dậy, kết luận một cách thẳng thắn.

- Tôi nghĩ chuyện đã tới hồi kết rồi, Watson ạ! - Anh nói nhỏ vào tai tôi câu này - Hãy để cho vợ chồng họ tự giải quyết những vấn đề còn lại thôi!

Lúc ấy, Ferguson đã đứng trước đầu giường, hai bàn tay run rẩy ôm lấy mặt, ông ta khóc không thành tiếng.

Holmes cũng không quên trả lời bức thư ban đầu.

“Phố Baker

Ngày 21 tháng 11

Gửi ngài E. J. C

Theo như lá thư gửi ngày 19, tôi xin thông báo, tôi đã điều tra trường hợp của ông Robert Ferguson của Công ty Ferguson và Muirhead, nhà môi giới chè. Cuộc điều tra đã mang lại kết thúc tốt đẹp.

Cám ơn sự giới thiệu của ngài.

Sherlock Homes”

SÁT THỦ “BÒM SỰ TỬ”

Có một vụ án kỳ lạ, khó giải quyết, nên sau khi tôi nghỉ làm rồi mà họ vẫn tìm đến chỗ tôi. Sự việc xảy ra sau khi tôi đã về ở ẩn tại một biệt thự nhỏ tại Sussex. Lúc ấy, tôi chỉ tập trung vào cuộc sống điền viên thanh thản của mình, đó chính là cuộc sống mà tôi khao khát ngay khi còn ở London. Từ khi tôi nghỉ làm đến nay, Watson hầu như biến mất khỏi cuộc sống của tôi. Chỉ thỉnh thoảng lắm, anh ấy có đến nghỉ cuối tuần, quan hệ của chúng tôi bây giờ cũng chỉ đến mức ấy. Do vậy, tôi phải tự ghi chép lại vụ án.

Biệt thự của tôi nằm ở phía nam dãy núi Downs, mặt quay ra biển. Ở góc này, bờ biển toàn vách núi đá vôi trắng, muốn xuống biển chỉ có duy nhất một con đường khúc khuỷu, dài, trơn và rất dốc. Ở đầu kia con đường, dù là khi thủy triều lên, bãi biển cũng toàn đá, sỏi, kéo dài hàng trăm mét. Nhưng chỗ nào cũng có các vòng cong gấp tạo các hõm, hình thành một bãi tắm rất lý tưởng. Mỗi khi triều lên, những bãi tắm đó lại đầy nước. Trên suốt bãi biển kéo dài sang hai bên chừng vài dặm, chỉ có một vịnh nhỏ cắt ngang.

Biệt thự của tôi đứng đó, lẻ loi. Tôi, người quản gia và đàn ong của tôi, đó là toàn bộ thành viên ở đây. Ngoài nửa dặm, có một trường học tư thục nổi tiếng của Harold Stackhurst. Đó là một ngôi trường lớn, dành cho những thanh niên tới học các nghề khác nhau, dưới sự dẫn dắt của những giáo viên giàu kinh nghiệm. Từ khi tôi tới sống ở đây, ông chủ ngôi trường và tôi có quan hệ rất tốt. Và đó cũng là người bạn duy nhất mà không cần phải mời, cứ tới tới lúc nào đến chơi cũng được.

Khoảng cuối tháng 7 năm 1907, một trận bão lớn càn quét qua eo biển, nước biển dâng lên tận chân vách đá, sau khi rút đi còn để lại một hồ nước mặn lớn. Sáng sớm, gió thổi nhẹ nhẹ, bãi biển được thau rửa trông rất sạch sẽ. Tôi men theo con đường nhỏ đi dạo ra tận mép biển. Nghe đằng sau có tiếng gọi, hóa ra là Harold đang vẫy tay gọi tôi.

- Một buổi sáng tuyệt vời, thưa ngài Sherlock Holmes!
- Ông đi bơi phải không?
- Ngài lại suy đoán rồi. - Ông ta cười, chỉ tay vào cái túi căng phồng -
Đúng vậy, anh McPherson sáng sớm đã đi rồi, có thể tôi sẽ gặp anh ta tại đó.

Fitzroy McPherson, giáo viên dạy các môn tự nhiên trong trường, là một thanh niên khỏe đẹp, nhưng sau khi mắc chứng phong thấp chuyển thành bệnh tim, anh ta gầy đi nhiều. Nhưng dù thế nào thì anh ta vẫn là một vận động viên bẩm sinh, rất xuất sắc trong các môn không đòi hỏi vận động quá căng thẳng. Đông hay hè, anh ta vẫn kiên trì đi bơi, do tôi cũng thích bơi nên thường gặp anh ta.

Đúng lúc ấy, chúng tôi nhìn thấy anh ta. Đầu anh ta lộ ra ở mãi tít cuối con đường nhỏ. Rồi cả người anh ta hiện ra trên vách đá, lắc la lắc lư như say rượu. Đột nhiên anh ta giơ hai tay lên đầu, hét lên một tiếng thất thanh rồi ngã vật ra đằng trước. Hai chúng tôi hồi hải chạy tới, đỡ anh ta dậy. Không xong rồi, đôi mắt đờ đẫn thất thần và hai gò má tái nhợt là điềm báo của cái chết đang đến gần. Anh ta mấp máy môi nói ra vài lời như muốn cảnh báo chúng tôi, nhưng tiếng đã không còn rõ nữa. Tuy nhiên qua cử động của môi, tôi ghép lại được chữ “Bờm sư tử”. Nói xong hai câu đó, tay anh ta duỗi thẳng, người vật sang một bên và trút hơi thở cuối cùng! Anh ta chỉ mặc quần, khoác chiếc áo mưa, đi đôi giày vải chưa kịp buộc dây. Khi ngã xuống, chiếc áo mưa mà anh ta khoác rơi ra, để lộ ra cả thân hình.



Chúng tôi rất ngạc nhiên: Lưng anh ta có rất nhiều vết hằn màu tím thẫm, cứ như bị ai đó dùng roi mảnh quất rất mạnh liên hồi vậy. Chiếc roi gây ra vết thương này hẳn phải rất đàn hồi, vì quanh phần vai và lườn anh ta đều đầy những vết sưng do chiếc roi dài. Khuôn mặt co giật đến biến dạng chứng tỏ anh ta đau đớn khủng khiếp. Bỗng có một bóng đen tiến đến, hóa ra là ông Ian Murdoch đã tới bên chúng tôi. Ông ta là giáo viên toán, người cao gầy, da ngăm đen, do trầm tính ít nói, cô độc, nên ít bạn bè. Hình như ông ta đang sống với thế giới của những con số, những đường tròn trừu tượng cao siêu của mình, chẳng liên quan gì đến cuộc sống bình thường cả. Ông ta bị học sinh coi là... quái vật. Điều đó không chỉ biểu hiện ở đôi mắt đen, màu da đen, mà thỉnh thoảng còn biểu hiện ngay cả ra ở tính khí lúc ông ta giận dữ nữa; có thể phải dùng hai chữ “điên cuồng” mới hình dung ra được. Có lần, ông ta bị con chó nhỏ của McPherson quấy nhiễu, ông ta đã tóm lấy đầu nó, quăng ra ngoài cửa sổ. Nếu không vì ông ta là một giáo viên giỏi thì chắc đã sớm bị đuổi rồi. Con người phức tạp và kỳ quái ấy đến bên cạnh chúng tôi.

- Ôi Chúa ơi! Chúa ơi! Tôi biết làm gì đây? Tôi giúp gì được chẳng? - Ông ta bị sốc thực sự.

- Vừa rồi ông có ở chỗ anh ta không? Ông có thể nói cho chúng tôi biết chuyện gì xảy ra chứ?

- Không. Tôi không biết gì cả. Tôi phải làm gì bây giờ? - Ông hãy đến ngay đồn cảnh sát địa phương trình báo đi!

Ông ta không nói gì, quay đầu đi như chạy. Tôi chủ động nhận làm vụ án này, còn Harold ở lại với người chết. Theo bản năng, việc đầu tiên là tôi ghi lại có những ai đang ở bờ biển. Từ cuối con đường nhỏ, tôi có thể bao quát cả dải bờ biển, chẳng thấy một ai; chỉ ở tít xa, có hai, ba bóng người đang đi về phía làng Fulworth. Tôi bước xuống con đường nhỏ thì thấy bước chân đi lên và đi xuống của cùng một người. Nhưng, sáng nay có thấy ai đi dọc theo con đường này ra biển đâu? Có chỗ tôi còn thấy dấu bàn tay mở rộng, ngón chĩa lên in lại trên vách đá. Điều này có thể cho thấy, anh chàng đáng thương kia đã từng ngã ở đây. Đoạn cuối con đường nhỏ là hồ nước mặn do thủy triều rút đi để lại. Cạnh đấy, McPherson đã từng thay quần áo, vì còn

một chiếc khăn lông của anh ta sót lại trên tảng đá. Chiếc khăn gấp gọn gàng và còn khô; xem ra anh ta còn chưa xuống nước. Khi tôi tìm kiếm giữa những hòn đá trơ cứng đó, một đôi lần tôi phát hiện thấy cả vết giày vải lẫn vết chân trần của anh ta, chứng tỏ anh đang chuẩn bị xuống tắm.

Vụ này rõ ràng cần được làm sáng tỏ. Có thể nói, đó là một trong những vụ kỳ dị nhất mà tôi gặp trong đời. Đường sực chỉ vừa tới bờ biển trong mười lăm phút. Harold đã theo anh ta từ trường học, điều này không cần nghi ngờ gì cả. Anh ta đi tắm, quần áo đã cởi ra rồi. Sau đó anh ta lại vội vã mặc vào, quần còn xộc xệch, cúc chưa cài, có thể anh chưa xuống nước, hoặc ít nhất là chưa kịp lau khô người đã quay về ngay. Nguyên nhân khiến anh ta đổi ý là do anh bị đánh bằng roi rất tàn tệ, đau đớn đến mức phải mím chặt môi lại, còn chút sức lực cố bò ra khỏi nơi đó rồi chết. Kẻ nào làm cái việc độc ác như vậy? Dưới chân vách đá còn có một số hang động nhỏ, nhưng bị ánh mặt trời chiếu vào nên không có chỗ ẩn nấp. Phía xa còn mấy bóng người nữa, nhưng họ ở rất xa, chắc không liên quan gì tới vụ án được. Trên biển cũng có vài chiếc thuyền, song cách khá xa; nếu có thời gian có thể hỏi han những người trên thuyền. Trước mắt đã thấy mấy manh mối để điều tra, nhưng quả thực là chẳng có gì rõ ràng cả.

Khi tôi quay trở lại bên người chết thì thấy mấy người đứng ngó xem. Đường nhiên Harold vẫn ở đó. Murdoch đã mời cảnh sát Anderson đến. Anh ta có dáng cao to, chậm chạp, nhưng khỏe mạnh, mang đậm dòng máu Sussex. Anh ta im lặng lắng nghe, rồi ghi lại những ý chính mà chúng tôi nói. Cuối cùng, anh ta kéo riêng tôi ra một chỗ, thì thầm:

- Thưa ngài Sherlock Holmes, tôi xin ngài chỉ giáo cho. Với tôi, đây là một vụ án lớn, nếu mắc để sai sót, cấp trên sẽ khiển trách tôi.

Tôi nói hãy mời cấp trên của anh ta tới, ngoài ra cần mời một bác sĩ, trước khi họ đến không được di chuyển bất cứ thứ gì ở hiện trường. Trong khi chờ đợi, tôi kiểm tra túi áo của người chết. Trong đó có một chiếc khăn tay, một cái kẹp đựng danh thiếp kiểu gấp lại, lộ ra một góc tờ giấy. Tôi lấy tờ giấy, giao cho cảnh sát. Nét chữ trên đó là của một phụ nữ, viết nguệch ngoạc: *“Em nhất định sẽ đến! Mong anh yên tâm. Maudie”*.

Xem ra có vẻ đây là cuộc hò hẹn của đôi tình nhân. Nhưng, thời gian và địa điểm lại không cụ thể. Viên cảnh sát để tờ giấy vào lại chỗ cũ và cho cả các thứ khác vào trong túi áo choàng. Vì không có tiến triển gì thêm, tôi đề nghị họ kiểm tra kỹ dưới chân vách đá, rồi quay về nhà ăn sáng.

Hai giờ sau, Harold đến nói với tôi, thi thể đã được chuyển về Gables để khám nghiệm. Ông ta còn mang tới một số tin tức rất quan trọng và chính xác đúng như dự đoán của tôi. Còn dưới chân vách đá, không phát hiện được thêm gì cả. Nhưng khi họ kiểm tra bàn làm việc của McPherson thì đã phát hiện ra vài bức thư có quan hệ rất mật thiết. Người gửi thư chính là tiểu thư Maud Bellamy ở làng Fulworth. Ông ấy giải thích:

- Thư đã được cảnh sát mang đi. Nhưng tôi không biết nó có liên quan gì đến tai họa kia không, trừ chuyện cô gái đó có hẹn gặp anh ta.

- Nhưng, chắc không thể là ở chỗ mà mọi người thường đến bơi chứ?

- Hôm nay, ngẫu nhiên mấy học sinh lại không đi bơi cùng anh ta. Murdoch giữ họ lại. - Harold chau mày - Ông ta kiên trì theo đuổi việc giảng giờ đại số trước buổi ăn sáng. Ông ta có vẻ rất đau buồn vì chuyện xảy ra hôm nay.

- Nhưng tôi nghe nói họ không hợp nhau.

- Có một dạo thế thật. Nhưng một năm nay, có thể nói hai người lại rất gần gũi nhau. Tính cách của họ thì quả không hợp nhau lắm.

- Hóa ra là vậy. Tôi nhớ mang máng hình như ông đã nói với tôi, có lần do việc xử tệ với con chó mà họ đã cãi nhau.

- Việc đó lâu rồi.

- Nhưng có thể để lại chút oán hận nào đó?

- Không thể! Tôi tin họ là bạn bè thật sự.

- Vậy được rồi. Chúng ta phải cùng đi điều tra tình hình của cô gái. Ông có quen cô ta không?

- Cô ấy là cô gái đẹp, hoa khôi thực sự ở đây; đi tới đâu cô ấy cũng thu hút sự chú ý của mọi người. Tôi biết McPherson đang theo đuổi cô ấy, nhưng không ngờ đã phát triển tới mức như trong thư.

- Cô ấy là người thế nào?

- Cô ấy là con gái của Tom Bellamy. Ông ta sở hữu toàn bộ các xe tắm và tàu thuyền của Fulworth. Trước kia ông ấy chỉ là người đánh cá, nhưng giờ thì đã khác. Ông ấy và con trai William cùng kinh doanh, buôn bán.

- Chúng ta có cần đến thăm họ một chút không?

- Lấy cớ gì được nhỉ?

- Cớ thì dễ tìm ra thôi. Người chết chẳng phải bị đối xử tàn bạo đến tận lúc chết đó ư? Nhất định là có kẻ dùng roi, nếu quả thực những vết thương trên người anh ta là do bị roi đánh. Ở nơi hẻo lánh này, số người anh ta giao du có hạn. Lần theo con đường này, chúng ta có thể phát hiện ra một động cơ nào đó, từ động cơ, chắc chắn có thể tìm ra được hung thủ.

Ngôi làng cổ này nằm trên một vùng đất hình bán nguyệt, quanh bờ vịnh. Phía sau làng, có mấy công trình kiến trúc hiện đại mọc lên, dựa vào sườn đồi. Harold dẫn tôi vào một ngôi nhà như vậy.

- Đây chính là biệt thự Haven mà Bellamy gọi là “Sơn trang cảnh biển”, một ngôi biệt thự bằng đá xanh và có ngọn tháp bên góc. Với một người từ tay trắng đi lên thì quả là không tệ chút nào. - Ông ta bình luận.

Cửa vườn đang mở, một người từ trong đi ra. Dáng người cao gầy, hơi còng, không phải ai khác mà chính là thầy giáo dạy toán Murdoch. Một lúc sau, chúng tôi gặp nhau ở giữa đường.

- Xin chào! - Harold gọi ông ta. Ông ta cũng gật đầu, liếc nhìn chúng tôi rồi bước nhanh đi. Nhưng ông hiệu trưởng kéo tay ông ta lại hỏi giọng gay gắt:

- Ông lên đó làm gì vậy?

- Thưa ông, trong trường, tôi là cấp dưới của ông, nhưng tôi không hiểu tôi có nghĩa vụ gì mà phải báo cáo mọi việc làm của cá nhân tôi cho ông biết. - Ông ta mặt đỏ lựng, nổi cáu cự lại.

- Ông nói vậy là hơi quá đấy.

- Câu hỏi của chính ông cũng không lịch sự chút nào cả!

- Ông luôn có biểu hiện phóng túng vô lễ như vậy, tôi không thể chịu đựng được nữa. Mời ông nhanh chóng đi tìm nơi khác! - Ông hiệu trưởng sôi tiết nói to.

- Tôi cũng định thế từ lâu. Hôm nay, tôi đã mất đi người duy nhất khiến tôi còn muốn ở lại trường của ông.

Nói xong, ông ta sải chân bước nhanh. Ông hiệu trưởng tức giận nhìn theo hét lên:

- Ngài đã thấy hạng người chả ra gì thế này bao giờ chưa?

Lúc ấy, trong óc tôi đã bắt đầu nảy sinh mối hoài nghi mơ hồ, hình như Murdoch đã vớ được cơ hội đầu tiên để mở ra một lối thoát tội. Có thể chuyển viếng thăm nhà ông Bellamy sẽ làm cho vấn đề sáng tỏ ra thêm. Ông hiệu trưởng cố kìm nén, hai chúng tôi cùng bước vào nhà ông Bellamy.

Bellamy là người đàn ông trung niên, có bộ râu hung hung đỏ, ông ta hình như cũng đang nổi cơn tam bành:

- Thưa ngài, không, tôi không muốn biết các chi tiết. - Ông ta chỉ vào một anh chàng khỏe mạnh nhưng nét mặt sa sầm, đang ngồi ở góc nhà - Con tôi và tôi đều cho rằng McPherson theo đuổi Maudie là một sự nhục nhã. Anh ta chưa bao giờ nhắc tới chuyện kết hôn, nhưng thư từ và hẹn hò thì nhiều lắm. Còn có nhiều việc mà chúng tôi đều không tán thành. Con gái tôi mất mẹ, chúng tôi là người bảo vệ nó, chúng tôi quyết...

Cô gái bước vào, ông ta không nói gì nữa. Phải thừa nhận rằng, cô ấy đi đến đâu là mang lại sự rạng rỡ đến đó. Ai có thể tưởng tượng được, một bông hoa kiều diễm như vậy lại sinh ra trong một gia đình và trong hoàn cảnh như thế này. Tôi tin, bất kỳ chàng trai nào cũng có thể bị cô gái này chinh phục. Cô gái đẩy cửa bước vào, mở to đôi mắt sâu thẳm đầy căng thẳng đứng ngay trước mặt ông hiệu trưởng.

- Tôi đã biết tin anh McPherson chết rồi. - Cô gái nói - Xin chớ lo lắng, hãy kể tỉ mỉ cho tôi nghe với!

- Không cần phải lôi em gái tôi vào chuyện đó. - Chàng trai đang ngồi ở góc nhà gầm lên.

Cô em trừng mắt nhìn anh, đe:

- Đó là việc của em, William ạ! Xin anh để em xử lý theo cách của em. Nếu em có thể giúp tìm ra tội phạm, thì cũng là chút thành ý nhỏ nhoi đối với người đã khuất.

Cô nghe hai chúng tôi kể vắn tắt lại tình hình. Sự trầm tĩnh và chăm chú cao độ của cô khiến tôi cảm thấy cô không chỉ xinh đẹp mà tính cách còn rất cứng rắn nữa. Xem ra, cô đã biết tiếng tôi từ trước, bởi cuối cùng cô nói:

- Thưa ngài Sherlock Holmes, mong ngài tìm ra hung thủ để trừng trị theo pháp luật! Dù chúng là ai, ngài cũng luôn nhận được sự hợp tác của tôi.
- Cô vừa nói vừa nhìn cha và anh trai, vẻ thách thức.

Tôi đáp:

- Cám ơn cô! Tôi rất coi trọng trực giác của phụ nữ đối với những việc như thế này. Cô vừa nói “chúng”, như vậy là cô khẳng định, không chỉ có một người liên quan đến vụ này phải không?

- Vì tôi rất hiểu anh McPherson. Anh ấy là người dũng cảm và mạnh mẽ, nếu chỉ có một người thì không thể đối phó với anh ấy được!

- Tôi vốn định nói chuyện riêng với cô, nhưng xem ra cha cô chắc không cho phép. - Rồi tôi nói tới mảnh giấy hẹn trong túi của anh ta: - Về mảnh giấy ấy, cô có thể giải thích một chút không?

- Điều ấy chẳng có gì bí mật cả. - Cô đáp - Chúng tôi hẹn nhau để đính hôn. Sở dĩ chúng tôi không tuyên bố chỉ là do ông chú già đã dọa hủy bỏ quyền thừa kế của anh ấy nếu anh ấy không kết hôn theo như nguyện vọng của ông ta.

- Lẽ ra con phải nói sớm cho chúng ta biết chứ! - Ông Bellamy gào lên.

- Cha à, nếu cha đồng ý thì con đã sớm nói cho cha biết rồi!

- Ta không tán thành con gái giao du với kẻ có địa vị xã hội không tương xứng.

- Chính vì cái nhìn phiến diện của cha, nên chúng con không thể nói cho cha biết. Còn về lần hẹn hò ấy, - Cô lấy trong túi áo ra một mảnh giấy nhàu nát - đây là thư trả lời anh ấy viết:

“Em thân yêu!

*Như thường lệ, khi mặt trời lặn, em hãy gặp anh ở chỗ cũ bên bờ biển!
Đó là quãng thời gian duy nhất anh có thể đi được.*

F.M”

- Hôm nay là thứ ba. Tôi định tối nay sẽ gặp anh ấy.

- Thư không gửi qua bưu điện, vậy cô làm sao nhận được nó?

- Xin ngài cho phép tôi không phải trả lời câu hỏi này, vì thực ra nó chẳng có liên quan đến việc điều tra của ngài. Tôi đảm bảo, mọi việc có liên quan, tôi đều sẽ trả lời đầy đủ.

Cô ấy làm thế thật, nhưng chả có gì hữu ích thêm nữa. Cô ấy không cho rằng vị hôn phu của cô có kẻ thù ngầm, nhưng lại thừa nhận, chính cô có vài người theo đuổi rất cuồng nhiệt.

- Xin được hỏi cô, ông Murdoch là một người trong số họ phải không?

Cô đỏ mặt và tỏ ra hốt hoảng:

- Đã từng có thời gian tôi cho rằng đúng là như vậy. Nhưng sau khi biết quan hệ giữa McPherson và tôi thì tình hình thay đổi rồi.

Nỗi nghi ngờ về con người cổ quái kia càng được khẳng định thêm. Nhất thiết phải điều tra ông ta, phải kiểm tra phòng riêng của ông ta mới được. Ông hiệu trưởng cũng tỏ ý muốn giúp tôi, vì bản thân ông cũng rất nghi ngờ. Rồi chúng tôi rời biệt thự Haven với hy vọng đã nắm được một đầu của đoạn chỉ rối đó.

Một tuần nữa lại trôi qua. Cuộc điều tra vẫn giẫm chân tại chỗ. Giám định tử thi không phát hiện ra manh mối gì, đành phải gác lại để tìm chứng cứ khác. Ông hiệu trưởng cũng kín đáo điều tra thầy giáo dạy toán Murdoch, nhưng không thu được kết quả. Tôi cũng kiểm tra tỉ mỉ lại hiện trường lần nữa mà chẳng có gì mới. Chưa có vụ án nào khiến tôi cảm thấy bất lực như vụ này, tôi không đưa ra được phán đoán khả dĩ nào. Sau đó đã xảy ra vụ việc về một con chó.

- Thưa ngài, có tin xấu về con chó của McPherson.

Một buổi tối, người quản gia của tôi đột nhiên nói sau khi thu thập được những tin tức từ kênh riêng của bà ta.

- Con chó ấy làm sao?

- Chết rồi! Nó chết vì thương chủ nó.

- Ai nói với bà như vậy?

- Mọi người đều đang nói về chuyện này. Con chó ấy cả tuần không ăn uống gì. Hôm nay, hai học sinh trong trường đã phát hiện ra nó chết ở bãi biển, đúng chỗ chủ nó đã chết.

- Chính ở chỗ ấy ư?

Trong óc tôi lóe lên một cảm giác mơ hồ - đó dứt khoát là chuyện lớn rồi đây! Chó chết, như vậy cũng là hợp với bản tính trung thành và thân thiện của loài chó. Nhưng sao lại ở đúng chỗ đó? Vì sao một bãi biển hoang vu lại nguy hiểm đối với cả một con chó? Lẽ nào nó cũng phải chết bởi kẻ hận thù kia? Đúng vậy, cảm giác còn rất mơ hồ, nhưng đã dần hình thành trong óc tôi một cách suy nghĩ mới. Vài phút sau, tôi đi thẳng vào trường học, tìm thấy ông hiệu trưởng Harold ở trong phòng làm việc. Theo yêu cầu của tôi, ông cho gọi hai học sinh đã phát hiện ra con chó chết đến.

- Đúng vậy! Con chó nằm chết trên bờ hồ nước ấy. - Một cậu học sinh khẳng định - Hẳn là nó đi tìm dấu chân của chủ nó.

Tôi nhìn con chó trung thành đang nằm trên chiếc thảm để ở giữa sân. Người nó cứng đờ, hai mắt lồi ra, bốn chân co rúm lại, biểu hiện sự đau đớn cực độ.

Sau đó, tôi đi ra chỗ hồ bơi. Mặt trời đã xuống núi, những vách đá vôi ngả bóng đen sì, phủ kín mặt hồ, khiến mặt nước xám xịt. Nơi này thật lạnh lẽo, chỉ có hai con chim đang bay trên trời, vừa bay vừa cất tiếng kêu. Trong ánh nắng chiều yếu ớt, tôi nhận ra dấu chân con chó nhỏ còn in trên cát, xung quanh hòn đá nơi chủ nó để chiếc khăn. Tôi đứng đó suy nghĩ rất lâu, trong lúc bóng đêm càng lúc càng dày thêm. Trong đầu tôi, những ý tưởng đang cuộn cuộn chảy. Rõ ràng tôi muốn tìm kiếm cái gì đó rất quan trọng và tôi biết nó đang ở đâu đây, mặc dù không sao tìm ra được gì. Đó là cảm giác của tôi khi đứng ở một nơi đầy tử khí này. Cuối cùng, tôi đành quay trở về nhà.

Đi hết con đường mòn, đột nhiên, một ý tưởng lóe lên trong đầu tôi như ánh chớp, tôi nhớ ngay ra một điều quan trọng mà tôi đã khổ sở tìm kiếm suốt bao lâu. Trong đầu tôi chứa đựng cả một khối tri thức mới, tuy không theo trật tự nào nhưng lại rất cần thiết cho công việc của mình. Óc tôi như một gian kho chứa, trong đó có rất nhiều túi, khiến ngay cả tôi cũng chỉ có khái niệm mơ hồ về chúng. Tôi luôn nghĩ, trong đó ắt có thứ rất quan trọng đối với vụ án, dấu nó vẫn chỉ lơ mờ thoắt ẩn thoắt hiện. Nhưng tôi biết mình sẽ có cách làm nó hiện rõ ra. Rất kỳ bí và thật khó tin, nhưng lại luôn có thể. Tôi cần phải kiểm chứng về điều này.

Trong nhà tôi có một căn gác xép chứa đầy sách vở. Tôi quay về và leo ngay lên đó, lục lọi cả giờ đồng hồ. Sau cùng, tôi cầm một cuốn sách có bìa màu cà phê, chữ in nhũ rồi đi ra. Tôi vội vã lật giở tới chương mà tôi nhớ. Đây đúng là một giả thuyết có phần không tưởng, nhưng tôi không thể không làm rõ khả năng đó, vì nếu không tôi sẽ không thể nào yên tâm được. Tôi ngủ rất muộn và nôn nóng chờ sự việc sẽ diễn ra vào ngày mai.

Thế nhưng công việc lại gặp một số trở ngại khá rắc rối. Tôi vừa vội vàng uống xong tách trà buổi sáng, định ra bãi biển thì viên cảnh sát Bardle ở Sở Cảnh sát tới - một người đàn ông răn rỏi, đứng đắn nhưng hơi đàn độn. Anh ta có vẻ lúng túng đề nghị với tôi:

- Hôm nay, tôi đến đây chỉ là thăm viếng không chính thức và cũng không muốn nói nhiều. Nhưng thực sự là chúng tôi không có cách gì giải quyết vụ án này. Vấn đề là, liệu tôi có nên bắt ông ta?

- Anh định nói là bắt Murdoch phải không?

- Đúng. Nghĩ đi nghĩ lại, thực sự chẳng còn ai khác. Chúng tôi đã khoanh vùng rất hẹp các nghi can rồi, nếu không phải ông ta thì là ai?

- Anh có chứng cứ gì để buộc tội ông ta không?

Quá trình thu thập chứng cứ của anh ta giống với những giả thuyết vốn đeo bám tôi. Trước tiên là tính cách ngang ngạnh và những bí mật xung quanh Murdoch. Sự nóng giận bột phát biểu hiện ra khi ông ta quăng con chó qua cửa sổ. Thêm nữa, trước đây ông ta đã cãi cọ với McPherson, và còn có thể căm hận vì anh ta theo đuổi tiểu thư nhà ông Bellamy nữa... Anh ta nắm chắc tất cả những vấn đề quan trọng nhưng chẳng có gì mới, trừ một điểm đó là Murdoch hình như đang chuẩn bị rời khỏi nơi này.

- Đã có tất cả những chứng cứ bất lợi đối với ông ta như vậy, mà nếu để ông ta đi thì tôi sẽ rơi vào tình cảnh thế nào đây?

- Giả thiết của anh có những lỗ hổng rất lớn. - Tôi phân tích - Sáng hôm xảy ra sự việc, ông ta có thể đưa ra những chứng cứ ngoại phạm. Ông ta đang giảng toán cho học sinh tới phút chót. Ngoài ra chớ quên rằng, ông ta không thể một chọi một với một người rất khỏe như McPherson để hành hung được. Cuối cùng là vấn đề hung khí dùng để ra tay nữa.

- Ngoài loại roi mềm ra thì còn có thể là gì khác?



- Anh đã khám nghiệm kỹ các vết thương chưa?
- Tôi đã xem xét rồi, bác sĩ pháp y cũng đã khám nghiệm rất kỹ.
- Nhưng tôi đã dùng kính lúp để quan sát thật kỹ lại, thấy chúng có những điểm rất khác biệt. - Tôi đến bàn lấy ra một bức ảnh phóng to - Đây là phương pháp mà tôi dùng để xử lý các vụ án loại này.
- Thưa ngài, ngài làm việc quả là rất hoàn hảo.
- Nếu không thì tôi đã không thành thám tử! Thôi, chúng ta hãy cùng xem kỹ các vết thương quanh vai phải nhé. Anh xem có gì đặc biệt nào?
- Không, tôi không thấy gì cả.
- Rõ ràng là độ sâu của vết thương không đều nhau. Đây là điểm có rỉ máu, kia là điểm không rỉ máu. Vết thương ở đây cũng vậy. Anh nói xem, thế là thế nào?
- Tôi nghĩ chẳng ra! Còn ngài?
- Có thể tôi biết mà cũng có thể không. Không lâu nữa, tôi nghĩ sẽ đưa ra đáp án chính xác. Một khi mô tả được dụng cụ gây ra vết thương, thì sẽ tìm được ra hung thủ ngay.
- Tôi có một ví dụ hơi thô thiển. - Viên cảnh sát gợi ý - Nếu đặt một tấm lưới bị nung đỏ lên lưng thì điểm gây chảy máu sẽ là các nút giao nhau của các sợi dây đan lưới...
- Hoặc chúng ta có thể nói một cách xác đáng hơn, đó là một loại roi gồm chín sợi bằng da, trên đó có rất nhiều những nút rắn chắc chẳng?
- Quá đúng! Ngài Sherlock Holmes, ngài nói rất đúng!
- Nhưng cũng có thể không hoàn toàn như vậy. Dù gì đi nữa, hoàn toàn chưa đủ chứng cứ để bắt người. Ngoài ra, còn câu nói của nạn nhân trước khi tắt thở: “Bờm sư tử” nữa chứ.
- Tôi đã cố suy đoán, liệu có phải là Ian...?
- Tôi cũng đã nghĩ tới, nhưng nghe thì không thấy giống chút nào! Tiếng nói của anh ta mà tai tôi ghi nhận, tôi khẳng định đó là từ “Bờm sư tử”.
- Ngài có giả thiết nào khác không, thưa ngài Sherlock Holmes?
- Cũng có, nhưng tôi đang tìm cách kiểm chứng chắc chắn đã. Trước đó, tôi không muốn bàn tới.
- Vậy khi nào thì có thể tìm được?

- Sau một giờ nữa, mà có lẽ không đến một giờ đâu...

Viên cảnh sát gãi gãi cằm, nhìn tôi bán tín bán nghi:

- Tôi rất hy vọng hiểu được cách nghĩ trong đầu ngài, ngài Holmes ạ! Phải chăng là những chiếc thuyền cá kia?

- Không đâu, lúc ấy chúng ở cách nơi xảy ra án mạng rất xa.

- Vậy có phải là Bellamy và đứa con trai to lớn của ông ta chăng? Họ chẳng có chút cảm tình nào với nạn nhân cả.

- Không. Trước khi chưa làm rõ, tôi sẽ không nói gì cả. - Tôi cười trừ - Thưa ngài cảnh sát, nếu 12 giờ trưa nay ngài tới chỗ tôi...

Chúng tôi chuẩn bị chia tay thì có một sự việc hãi hùng xảy ra. Nhưng đó cũng chính là khởi điểm để kết thúc vụ án này.

Cửa nhà tôi đột nhiên mở tung ra, Murdoch loạng choạng bước vào, mặt cắt không còn giọt máu, đầu tóc rối bù, áo quần xộc xệch, đôi tay dài gầy gò bám chặt lấy cái bàn, miễn cưỡng đứng lên:

- Rượu brandy! Brandy! Mau mang đến đây!

Ông ta thở hổn hển, nói xong thì khe khẽ rên lên, rồi ngã xuống chiếc ghế tràng kỷ.

Tiếp sau đó, ông hiệu trưởng Harold cũng thở hổn hển chạy vào với bộ quần áo nhàu nhĩ như Murdoch và đầu cũng không đội mũ, vẻ mặt hốc hác.

- Mau đem brandy ra đi! - Ông hiệu trưởng gào lên - Ông ta suýt chết. Tất cả những gì tôi có thể làm là đưa ông ta tới đây. Ông ta đã ngã hai lần trên đường đi rồi...

Sau khi uống nửa cốc rượu nóng, sự việc đã thay đổi một cách kỳ diệu. Murdoch chống một tay, nâng người lên, cởi bỏ áo ngoài:

- Mau đem thuốc đến! Thuốc phiện, dầu thoa! - Ông ta hét toáng - Cái gì cũng được. Mau mau chấm dứt cơn đau vô hạn này đi cho tôi!

Nhìn vết thương trên lưng Murdoch, chúng tôi cùng thốt lên những tiếng kêu hãi hùng. Trên vai ông ta toàn là những vết thương hình lưỡi sừng mọc ngang dọc, giống hệt những vết thương gây ra cái chết của McPherson.

Sự đau đớn đó thật ghê sợ, bởi ông ta chốc chốc lại thở dốc, mặt tái mét, hai tay cào ngực, trán đầm mồ hôi. Ông ta có thể chết bất cứ lúc nào. Mỗi lần cho uống rượu brandy là ông ta đều tỉnh lại. Lấy tăm bông chấm dầu cái

bôi lên vết thương, có vẻ như làm dịu bớt sự đau đớn của những vết thương bí hiểm này. Cuối cùng, ông ta ngã đầu xuống gối, chút sức lực sót lại dường như bị dốc cạn làm ông ta nửa tỉnh nửa mê, nhưng ít ra cũng không cảm thấy đau đớn nữa. Chúng tôi không thể hỏi ông ta được điều gì.

Một lát sau, ông hiệu trưởng Harold nói với tôi:

- Lạy Chúa! Việc gì vậy, hả ngài Sherlock Holmes? Cuối cùng là chuyện gì vậy?

- Ông phát hiện ra ông ta ở đâu?

- Ngay trên bãi biển, ở chính nơi McPherson chết. Nếu tìm ông ta cũng yếu như McPherson thì ông ta cũng chết lâu rồi! Trên đường, đã hai lần tôi ngỡ là ông ta... đi rồi.

- Ông thấy ông ta trên bãi biển ư?

- Khi tôi nghe thấy tiếng kêu của ông ta, tôi đang đi trên con đường nhỏ chỗ vách đá. Ông ta đứng ở mép nước, người lắc la lắc lư như say rượu. Tôi vội chạy tới khoác cho ông ta cái áo rồi đỡ ông ta dậy, dìu về đây. Vì Chúa, Sherlock Holmes, ngài hãy nhanh nhanh nghĩ ra cách gì đó để làm sáng tỏ vụ này đi! Không thể ở đây được nữa rồi! Lẽ nào một người tiếng tăm như ngài lại không có cách gì ư?

- Tôi nghĩ là mình có cách đấy. Ông và cả ngài cảnh sát nữa, hãy đi với tôi! Hãy xem ta có bắt được hung thủ hay không.

Để Murdoch cho bà quản gia chăm sóc, ba chúng tôi cùng tới cái đầm chết người kia, khăn và quần áo của Murdoch vẫn còn để cả đồng trên hòn đá. Tôi từ từ đi quanh hồ, hai người bám sát sau tôi. Phần lớn cái đầm này rất nông, nhưng chỗ sâu nhất chừng năm thước lại ở ngay dưới mỏm đá nơi mà vách đá bờ biển lượn lờ vào khoảng 1-1,5m. Đây là nơi người ta thường tới bởi vì nước ở đây trong vắt như pha lê. Dưới vách núi là những hòn đá xếp thành dãy dài. Tôi đi dọc theo những mỏm đá, quan sát rất kỹ chỗ nước sâu. Chính ở nơi sâu nhất đó, tôi đã thấy cái mà tôi cần tìm. Tôi reo lên đặc thẳng:

- Sứ độc Cyanea! Cyanea! Mau lại đây xem “Bờm sư tử”!

Quả thật con sứ độc này trông giống như một túm lông bờm của sư tử bị nhổ ra. Nó cuộn lại như một trái bóng nằm trên thềm đá ở sâu dưới mặt

nước chừng 1m. Nó động dậy theo làn sóng, dưới đám lông màu vàng còn có rất nhiều tua màu trắng. Nó co vào, giãn ra một cách nặng nề và chậm chạp.

- Con vật gây ra tội ác đây rồi, phải tiêu diệt nó đi thôi! - Tôi hét to - Mau đến giúp tôi một tay, Harold!

Phía trên vách đá vừa may có một hòn đá rất to, chúng tôi cố sức đẩy nó xuống. “Ùm” một cái, nó đã bị lăn xuống nước. Sau khi sóng lặng, chúng tôi nhìn thấy hòn đá to ấy đang nằm đè lên trên một mỏm đá ở dưới đáy hồ, con sứa độc bị ép chặt bên dưới. Một lớp dầu đặc từ dưới đó chảy loang ra, dần dần nổi lên trên mặt nước.

- Hừ! Chuyện này ngoài sức tưởng tượng của tôi, làm khó cho tôi mãi! - Viên cảnh sát cũng kêu lên - Thưa ngài Sherlock Holmes, đó là con gì vậy? Tôi chưa thấy nó bao giờ cả. Con vật này từ đâu tới chứ không có ở vùng Sussex này.

- Không có nó càng tốt. - Tôi nói - Có lẽ cơn bão Tây Nam đã thổi nó dạt vào đây. Mời hai vị theo tôi về nhà, tôi sẽ đọc cho hai vị nghe câu chuyện hãi hùng của một người lần đầu tiên gặp nó, một tai ương khủng khiếp của biển cả.

Trở về văn phòng, chúng tôi thấy Murdoch đã dần hồi phục và ngồi lên được. Ông ta vẫn thấy mắt hoa, đầu váng, thi thoảng vẫn bị co giật vì quá đau đớn. Ông ta lắp bắp nói mình chẳng hiểu việc gì đã xảy ra, chỉ thấy người lúc ấy đột nhiên đau đớn đến tận xương tủy vì bị các móc nhọn quất vào mình, phải cố hết sức mới leo lên bờ được.

- Tôi có một cuốn sách. - Tôi giải thích - Lần đầu tiên nói rõ được một việc tưởng chừng không bao giờ làm rõ. Cuốn sách có tên là “Bên ngoài nhà”, của một nhà nghiên cứu sinh vật nổi tiếng. Ông kể rằng có một lần ông đã gặp loài vật khủng khiếp ấy, độc tính của nó chẳng kém gì chất độc của loài rắn đeo kính, nhưng mức độ gây đau đớn còn lớn hơn rất nhiều. Vì vậy ông ta đã miêu tả tỉ mỉ về *Cyanea Capillata*, tên đầy đủ của con quái vật giết người này. Tôi xin trích đọc một đoạn:

“Khi người bơi gặp phải một khối tròn, trơn mềm, màu hung, giống như đám lông bờm sư tử điểm bạc, thì phải hết sức cảnh giác, vì đó chính là loài

sửa độc *Cyanea Capillata*”.

“Tác giả kể về việc chính ông đã một lần gặp loài vật này khi đi tắm trên biển Kent. Ông thấy nó tỏa ra những “cái vòi” dạng sợi trong suốt hầu như không nhìn thấy được, dài tới 5m. Tất cả những ai chạm vào nó đều gặp nguy hiểm chết người, dù là ở xa, chính ông cũng suýt mất mạng.”

“Những tua dạng sợi đó tạo ra những vết hằn đỏ trên da, nhìn kỹ thấy giống như ban đỏ, mỗi nốt ban giống như một mũi kim bị nung đỏ châm vào dây thần kinh”.

“Ông giải thích rằng, thậm chí một vết thương nhỏ nhất cũng gây đau đớn khủng khiếp, những đau đớn khó nói thành lời. *“Đau lan ra cả vùng ngực, như bị đạn bắn vào. Tim đột nhiên ngừng đập, sau đó lại đập như điên loạn, cứ như chực nhảy ra khỏi lồng ngực vậy.”* Ông gần như đã chết, mặc dù chỉ chạm vào những vòi độc đó ở trong nước biển đang có sóng, chứ không phải ở trong đầm nước phẳng lặng. Ông nói, sau khi bị trúng độc, ông không nhận ra mặt mình nữa: sắc mặt nhợt nhạt, nhãn nhúm khác thường, chẳng ra hình dạng gì cả. Ông ấy vội tu cả chai rượu brandy và có lẽ vì vậy mà thoát chết”.

Quay sang ông thanh tra, tôi nói:

- Anh hãy cầm tạm cuốn sách này, trong đó đã miêu tả đầy đủ tấn bi kịch của McPherson rồi.

- Đồng thời, nó cũng xóa sạch những nghi ngờ đối với tôi. - Murdoch nói xen vào, khuôn mặt tuy vô cùng đau đớn nhưng vẫn để lộ nụ cười châm biếm - Thưa ngài cảnh sát, tôi không trách ngài, cũng không trách ngài Holmes đây, bởi sự nghi ngờ của các vị là hoàn toàn có thể hiểu được...

- Không đúng, thưa ông Murdoch. Tôi đã bắt tay vào phá vụ án này rồi. Nếu tôi ra bờ biển sớm hơn một chút, theo kế hoạch đã định, thì có thể đã tránh được tai nạn này cho ông.

- Nhưng thưa ngài, làm sao ngài biết được?

- Tôi là người thích đọc đủ các loại sách, nhớ dai dẳng những chi tiết kỳ dị trong đầu. Mấy tiếng “Bờm sư tử” của McPherson cứ ám ảnh tôi mãi. Tôi nhớ rằng đã đọc nó ở trong một cuốn sách nào đó. Các ngài thấy đấy, chỉ vài chữ đó thôi cũng đã đủ miêu tả về loài vật khủng khiếp ấy. Tôi tin rằng, khi

McPherson nhìn thấy nó là lúc nó đang nổi trên mặt nước, anh ta chỉ kịp nhớ ra duy nhất cái tên đó để cảnh báo chúng ta.

- Như vậy, ít nhất là tôi cũng đã được chứng minh sự trong sạch của mình. - Murdoch từ từ đứng dậy - Nhưng tôi còn có đôi câu muốn được giải thích, bởi tôi biết các ngài đã điều tra chuyện gì về tôi rồi. Tôi thực sự yêu cô gái đó, nhưng từ khi cô ấy chọn McPherson, ý nguyện duy nhất của tôi là giúp cô ấy tìm được hạnh phúc. Tôi tình nguyện tránh sang một bên, làm người liên lạc cho họ; tôi đã chuyển thư cho họ. Bởi với tôi, cô ấy là người thân cận nhất, nên tôi đã vội vã đến gặp và báo cho cô ấy tin dữ về cái chết của anh bạn trẻ của tôi. Cô ấy không muốn tiết lộ cho các ngài biết về quan hệ giữa chúng tôi, vì sợ các ngài không hiểu được sự thành thật của tôi mà còn gây thêm rắc rối nữa. Xin lỗi các ngài, giờ tôi xin phép về trường, tôi muốn nghỉ ngơi...

Một lúc sau, Harold cũng ra về. Ông ta bắt tay tôi, xin lỗi về những phiền phức do vụ án gây ra cho tôi. Còn thanh tra cảnh sát thì chân thành nói lời cảm ơn:

- Thật tuyệt! Tôi có nghe nói nhiều về ngài mà vẫn chưa tin. Nhưng nay thì tôi đã hoàn toàn bị khuất phục. Thật kỳ diệu!

Tôi buộc phải từ chối lời khen:

- Phải chi xác của McPherson ở dưới nước thì tôi đã nghĩ ngay tới con sứa độc mà không chậm chạp như vậy trong việc phá án. Chính cái khăn lau đã làm tôi bị lạc hướng, vì tôi nghĩ anh ta không nhảy xuống dưới nước. Tại sao ngay lúc ấy tôi không nghĩ ra là anh ta bị một con vật dưới nước tấn công nhỉ? Dù sao tôi cũng đã để mất phương hướng. Ông thanh tra, thường thì tôi luôn qua mặt các ông, nhưng lần này con sứa độc đã phục thù giúp các ông rồi.

VỤ ÁN Ở BIỆT THỰ BA ĐẦU HỒI

Sáng nay, Sherlock Holmes tỏ ra vui vẻ. Anh vừa mời tôi ngồi xuống chiếc ghế salông cũ bên lò sưởi, còn mình ngồi phía đối diện, miệng ngậm chiếc tẩu, thì bỗng có khách. Nếu nói là chúng tôi được đón tiếp một con bò điên cũng không ngoa chút nào.

“Rầm!” - Cánh cửa bật mở toang và một gã da đen to lớn lao vào phòng. Nếu không phải vì bộ mặt dữ tợn, có lẽ vị khách đó trông sẽ rất tức cười. Anh ta mặc một bộ comlê màu xám, với chiếc càvạt màu đỏ cam lòe loẹt; khuôn mặt to bành, cái mũi tẹt dí hếch lên phía trước, hai con mắt trắng dã đầy vẻ tức tối. Anh ta hết nhìn chăm chăm vào Holmes lại nhìn tôi:

- Trong hai ông, ai là Sherlock Holmes? - Anh ta hỏi vẻ xác xược.

Holmes mỉm cười, giơ chiếc tẩu lên ra hiệu.

- À, hóa ra là ông! - Vị khách không mời mà đến bước đùng đình quanh chiếc bàn, cao giọng nói: - Ông hãy nghe đây, ông Sherlock Holmes! Ông đừng có chõ mũi vào việc của người khác nữa. Hãy để họ tự giải quyết lấy công việc của mình. Ông hiểu chưa?

Holmes điềm tĩnh đáp:

- Anh cứ nói tiếp đi, hay đấy!

- Hừ, hay à? Đợi đến khi tôi làm cho ông dựng tóc gáy lên thì ông sẽ không còn thấy hay ho gì nữa đâu. Trước đây, tôi cũng đã từng xử vài tên như ông rồi, và sau đó họ đều trở nên ngoan ngoãn. Hãy nhìn đây, ông Sherlock Holmes!

Anh ta dứ dứ nắm đấm to đùng trước mũi Holmes. Nhưng Holmes lại có vẻ rất thích thú trước những hành động hung hãn đó:

- Anh bấm sinh đã như thế, hay do tập luyện mà được như vậy?

- Nhờ chăm chỉ tập luyện đấy. - Vị khách trả lời, vẫn giữ nguyên vẻ mặt xắc xược.

Chẳng hiểu vì thái độ lạnh như băng của Holmes hay do tiếng động nhỏ gây ra khi tôi tóm lấy thanh còi than, mà thái độ hung hăng của vị khách bỗng chùng xuống:

- Dù sao tôi cũng cảnh cáo ông! Tôi có một người bạn thân ở Harrow. Anh ta rất quan tâm đến chuyện này. Ông biết rõ là tôi đang nói đến điều gì đấy chứ? Anh ta không muốn ông chen ngang. Ông rõ chưa? Ông không đại diện cho pháp luật và tôi cũng thế. Nếu ông còn muốn nhúng mũi vào chuyện này, thì tôi sẽ không khách khí đâu. Hãy nhớ đấy! - Vị khách tuyên bố xanh rờn với một giọng đe dọa.

Holmes dường như không sợ gì, bình tĩnh đáp lại:

- Chính tôi cũng muốn gặp anh từ lâu rồi. Nhưng tôi sẽ không mời anh ngồi đâu, vì tôi không ưa cái mùi trên người anh. Anh là Steve Dixie có biệt hiệu Thiên lôi, làm nghề đấm bốc, phải không?

- Đúng, đó là tên tôi đấy ông Holmes ạ! Nhưng nếu ông vẫn cứ thích chõ mũi vào việc của tôi, tôi sẽ cho ông biết tay!

- Không cần vậy đâu. - Holmes nhìn thẳng vào cái miệng xấu xí đang ngoác ra của vị khách - Song về chuyện anh giết cậu thanh niên Perkins ở quán rượu Holborn thì sao? Đây, không phải là anh đang định về đấy chứ?

Gã da đen bỗng nhảy dựng lên, sắc mặt trở nên xám ngoét.

- Đừng có làm nhảm những điều đó với tôi. Sao tôi lại dính dáng với cái thằng Perkins đó được? Khi chuyện đó xảy ra, tôi đang tập luyện tại khu Bull Ring ở Birmingham.

- Đúng vậy. Anh có thể tự bào chữa chuyện đó với quan tòa. Nhưng tôi luôn quan tâm theo dõi đến sự câu kết giữa anh và Barney Stockdale đấy. - Holmes vẫn không buông tha, đe dọa lại.

- Trời ơi, ông Sherlock Holmes! - Gã da đen bắt đầu xuống nước.

- Đủ rồi đó, hãy đi đi! Khi nào cần tôi sẽ gọi.

- Vậy tạm biệt ông, ông Holmes. Tôi hy vọng mình đã không mạo phạm đến ông.

- Nếu anh nói cho tôi biết ai đã sai anh đến đây.

- Vâng, thưa ông! Đó chính là người mà ông vừa nhắc đến.
- Vậy ai đã ra lệnh cho hắn sai anh tới đây?
- Lạy Chúa, điều đó thì tôi đâu có biết. Hắn chỉ nói với tôi rằng: “Steve, hãy đến gặp Sherlock Holmes, bảo với lão rằng khôn hồn thì đừng có dính đến Harrow”. Tất cả những gì tôi nói đều là sự thực.

Vừa dứt lời, chẳng đợi bị hỏi thêm, gã da đen đã vội vàng chuồn mất, biến đi cũng nhanh như lúc xông vào vậy. Holmes gạt tàn trên tàu thuốc, cười khẩy:

- Watson này, may mà anh chưa đập vỡ sọ hắn đấy. Tôi đã thấy anh tóm lấy thanh cời lò. Thật ra hắn không có gì đáng sợ cả, chỉ là loại vai u thịt bắp, to đầu mà dốt thôi. Ta có thể dễ dàng trấn áp được hắn, giống như vừa rồi vậy. Hắn cùng một giuộc với bọn Spencer John. Gần đây chúng nhúng tay vào hàng loạt những vụ bẩn thỉu. Nếu có thời gian, tôi nhất định sẽ khai ra hết cho mà xem. Cầm đầu bọn chúng là Barney, một tên ma cô xảo quyệt. Chúng chuyên tấn công, dọa nạt và dụ dỗ người khác. Tôi muốn biết lần này, kẻ đứng đằng sau giật dây chúng là ai.

- Nhưng tại sao chúng lại muốn dọa anh?

- Đó là vì vụ Harrow Weald. Chúng đã vậy thì tôi càng phải quyết tâm phá vụ này hơn. Nhiều người cảm thấy bị “dứt dây động rừng” thế này thì ắt phải có vấn đề gì đây.

- Nhưng rốt cục vụ án này là như thế nào?

- Lúc này tôi đang định kể vụ này cho anh nghe thì xảy ra cái chuyện nực cười như anh đã thấy đấy. Đây là thư của bà Maberley. Nếu anh quan tâm thì hãy đi cùng tôi, đánh cho bà ta một bức điện báo, rồi lập tức lên đường.

Tôi đọc bức thư, thấy viết như sau:

“Ông Sherlock Holmes kính mến!

Gần đây tôi gặp phải một loạt những biến cố kỳ lạ có liên quan đến căn nhà của tôi. Tôi rất mong ông hãy ra tay giúp đỡ. Ngày mai tôi ở nhà cả ngày. Nhà tôi ở gần ga Weald, chỉ cách đó có một đoạn. Ông chồng quá cố của tôi là Mortimer Maberley cũng đã từng là một trong những vị khách hàng đầu tiên của ông.

Kính thư.

Mary Maberley”

Địa chỉ ghi trên thư: Biệt thự Ba đầu hồi, vùng Harrow Weald.

- Anh xem, câu chuyện là vậy đấy! - Holmes nói - Nếu anh có thời gian, chúng ta có thể lên đường ngay.

Sau khi ngồi tàu rời đi xe ngựa một đoạn ngắn, chúng tôi đến ngôi nhà theo địa chỉ ghi trong thư. Đây là một tòa biệt thự bằng gỗ, ở giữa một bãi cỏ tự nhiên rộng hơn một mẫu Anh. Ba đầu hồi nhô lên trên các cửa sổ ở tầng hai là nguồn gốc của tên gọi biệt thự Ba đầu hồi. Phía sau biệt thự là một khu rừng khá lớn, cây cối rậm rạp. Toàn bộ quang cảnh trông thật thảm thương. Tuy vậy, nội thất trong nhà lại rất tinh tế. Và vị phu nhân đón tiếp chúng tôi cũng là một người có học thức và lịch sự, lời nói và cử chỉ của bà đều rất có văn hóa.

Holmes cúi đầu chào thân thiện:

- Thưa bà, tôi vẫn còn nhớ rất rõ về ông nhà, mặc dù từ hồi ông nhà nhờ tôi đến nay đã vài năm rồi.

- Có lẽ ông cũng biết con trai tôi, nó tên là Douglas.

Holmes vô cùng thích thú nói với phu nhân:

- Chúa ơi! Phu nhân chính là mẹ của Douglas Maberley sao? Tôi đã từng gặp cậu ấy một vài lần. Cả London này, ai mà không biết đến cậu ấy. Cậu ấy quả là một con người tuyệt vời. Vậy giờ cậu ấy đang ở đâu, thưa bà?

- Nó chết rồi, ông Holmes ạ, nó chết rồi! Nó được bổ nhiệm làm tùy viên sứ quán tại Rome, tháng trước nó đã chết ở đó vì bệnh viêm phổi.

- Tôi rất lấy làm tiếc vì điều đó. Không ai có thể ngờ rằng người như cậu ấy lại ra đi vội vàng như vậy. Tôi chưa từng thấy ai tràn trề sức sống yêu đời và ngoan cường đến thế!

- Nó ngoan cường quá đổi, ông Holmes ạ, chính điều đó đã hủy hoại đời nó. Có thể trong ấn tượng của ông, nó luôn hào hoa phong nhã, nhưng đó là vì ông chưa nhìn thấy nó lúc u sầu tuyệt vọng. Trái tim thẳng bé bị tổn thương quá nặng. Chỉ trong vòng một tháng thôi, tôi đã phải tận mắt chứng kiến cảnh đứa con trai đẹp đẽ và phong độ của mình trở thành một người mệt mỏi không còn sức sống, chán ghét cuộc đời như thế nào.

- Cậu ấy thất tình sao? Có phải vì một người phụ nữ mà đến nông nổi ấy?

- Phải gọi là một con quỷ cái mới đúng! Nhưng, hôm nay tôi mời ông đến đây không phải vì chuyện về thằng con trai đáng thương của tôi, ông Holmes ạ!

- Tôi và bác sĩ Watson đang sẵn sàng nghe phu nhân nói đây!

- Gần đây trong nhà này đã xảy ra nhiều chuyện rất kỳ lạ. Tôi chuyển đến đây từ hơn một năm trước. Vì muốn sống một cuộc sống yên tĩnh, nên tôi từ chối tiếp khách, không đi lại gì với hàng xóm xung quanh. Ba hôm trước, một người tự xưng là nhân viên môi giới bất động sản đến tìm tôi. Anh ta nói một khách hàng của anh ta rất thích căn nhà của tôi. Nếu tôi đồng ý nhượng lại thì giá cả không thành vấn đề. Tôi cảm thấy rất lạ vì hiện giờ thiếu gì nhà đang bán tốt hơn thế này. Nhưng tôi cũng rất quan tâm tới đề nghị đó, nên đã ra giá cao hơn giá tôi mua năm trăm bảng Anh. Vụ mua bán lập tức được tiến hành mà người mua không hề mặc cả gì. Nhưng anh ta nói, khách hàng của anh ta còn muốn mua cả nội thất trong nhà, nên đề nghị tôi đưa ra một mức giá phù hợp.

“Những đồ nội thất này đều do tôi đích thân chuyển về đây, ông có thể thấy chúng đều là đồ rất tốt nên tôi đã đưa ra một cái giá khá cao. Cũng như lần trước, anh ta lập tức đồng ý. Tôi vẫn thích ra nước ngoài du lịch, nay lại có tiền nhờ vụ mua bán khá hời này, nên xem ra cuộc sống sau này của tôi sẽ khá sung túc, tôi có thể thăm thú tùy thích.

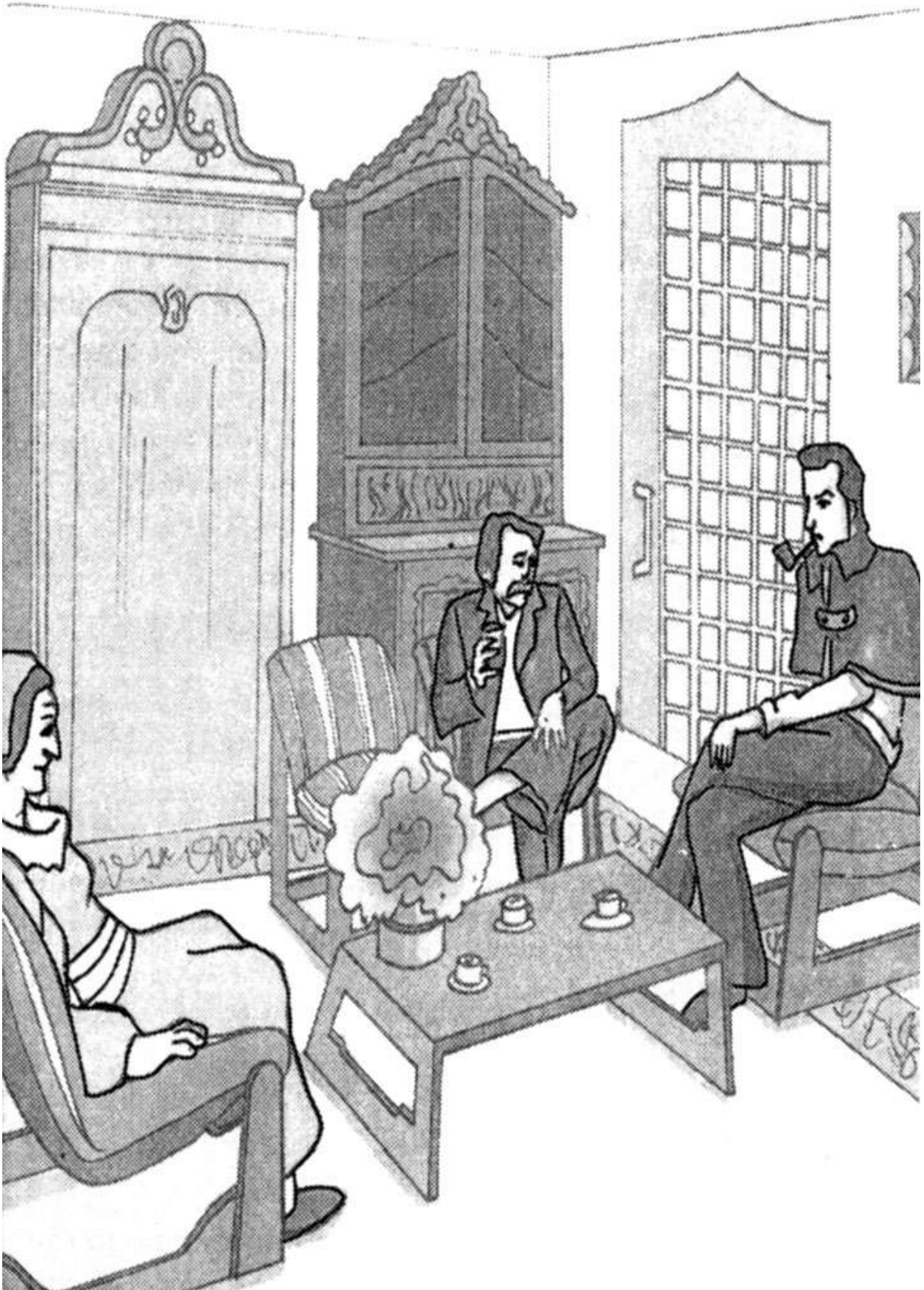
“Ngày hôm qua, người môi giới mang hợp đồng mua bán đã soạn sẵn đến. May mà tôi đã đưa bản hợp đồng đó cho ông Sutro, luật sư của tôi, xem. Ông ấy hiện đang ở Harrow. Ông ấy bảo tôi: “Đây là một hợp đồng vô cùng kỳ lạ. Bà có biết rằng nếu bà ký tên vào đây thì bà sẽ không được phép mang bất cứ đồ đạc gì đi khỏi căn nhà - bao gồm cả đồ dùng cá nhân của bà?”. Tối hôm đó, khi người môi giới quay lại, tôi lưu ý với ông ta điểm này và nói là tôi chỉ bán đồ gỗ trong nhà.

- Không, không chỉ là nội thất, chủ nhân tôi muốn mua tất cả. - Anh ta khẳng định lại lần nữa.

- Vậy còn quần áo và đồ trang sức của tôi thì sao?

- Đương nhiên là sẽ linh động khi đụng đến đồ đạc cá nhân của bà. Nhưng tất cả mọi thứ nếu chưa được kiểm tra thì không được đem ra khỏi nhà. Khách hàng của tôi là người rất rộng rãi, nhưng họ có sở thích và thói quen đặc biệt của riêng mình. Với ông ấy, hoặc là mua tất cả, hoặc là chẳng mua thứ gì.

- Thế thì tốt nhất là đừng mua gì cả! - Tôi bực mình nói xẵng. Chuyện đó thế là bị gác lại. Nhưng đây quả là một câu chuyện kỳ lạ, nó làm tôi hơi sợ.”



Đúng lúc đó, câu chuyện đột ngột bị cắt ngang.

Holmes giơ tay ra hiệu cho phu nhân im lặng. Anh bước nhanh đến cửa, đột ngột mở tung cánh cửa ra và lôi một cô gái cao lêu nghêu, chỉ có da bọc xương vào. Holmes ghì chặt lấy hai vai cô gái. Cô ta cố giãy giụa, trông giống như một con chim cố vùng vẫy để thoát khỏi lồng.

- Thả tôi ra! Ông làm gì vậy? - Cô ta gào lạc cả giọng.

- Susan, chuyện gì vậy? - Phu nhân ngạc nhiên hỏi.

- Thưa bà, tôi đang định vào hỏi khách có ở lại dùng cơm không thì bị ông này lôi vào.

- Tôi đã nghe thấy tiếng cô ta thở sau cánh cửa được năm phút rồi, nhưng tôi không muốn làm gián đoạn câu chuyện của bà. Susan, cô bị hen suyễn đúng không? Cô thở có vẻ rất khó khăn và mạnh quá, không giấu được tôi đâu.

Susan tức tối, nhưng kinh ngạc nhìn Holmes nói:

- Ông là ai? Ông có quyền gì mà giữ tôi?

- Chính tôi mới phải hỏi cô câu này đấy! Phu nhân Maberley, bà có nói cho ai biết việc bà viết thư và nhờ tôi giúp đỡ không?

- Không, tôi chưa nói cho ai cả, thưa ông Sherlock Holmes.

- Thư do ai gửi vậy?

- Susan.

- Vậy là đúng rồi. Susan, cô đã viết thư, hay báo cho ai biết việc bà chủ của cô mời tôi đến đây?

- Ông đừng có nói bừa. Tôi chẳng báo cho ai cả.

- Susan, người bị hen suyễn sẽ không sống được lâu đâu, mà nói dối thì cũng chẳng mang lại kết quả tốt đẹp gì cả. Hãy nói thật đi, cô đã báo cho ai?

- Susan! - Phu nhân tức giận quát lớn - Cô quả là một kẻ xảo trá. Tôi nhớ ra rồi, tôi đã từng thấy cô nói chuyện với một người đàn ông bên bờ rào.

- Đó là chuyện riêng của tôi. - Susan gân cổ lên cãi.

- Nếu tôi nói rằng người đàn ông đó là Barney Stockdale thì cô giải thích thế nào?

- Ông đã biết vậy thì còn hỏi làm gì?

- Trước đây tôi còn nghi ngờ, nhưng nay thì đã rõ rồi. Nếu cô nói cho tôi biết đứng đằng sau Barney là ai thì tôi sẽ thưởng cho cô mười bảng Anh.

- Đó là người sẵn sàng rút ra hàng nghìn bảng cho tôi mỗi lần chứ không như ông.

- Vậy đó là một người đàn ông giàu sụ chứ gì? Không phải ư? Cô cười à? Vậy thì là một phụ nữ giàu có. Đã đến nước này, sao cô không nói tên người đó ra để được nhận ngay mười bảng Anh?

- Phải đợi đến lúc ông xuống địa ngục đã.

- Cô nói gì vậy, Susan? - Phu nhân Maberley không kiềm được, hét lên.

- Tôi không làm nữa! Tôi chịu đựng thế là đủ rồi. Mai tôi sẽ nhờ người đến lấy đồ của tôi đi! - Nói rồi, cô gái khó chịu đi thẳng ra cửa.

- Tạm biệt cô Susan, đừng quên dùng thuốc hen nhé... Cần thận!

Ngay khi cánh cửa đóng sầm lại, lập tức Holmes chuyển giọng:

- Bọn này muốn làm một vụ lớn đây. Xem cách hành động nhanh chóng của chúng thì biết. Dấu bưu điện trên thư của phu nhân gửi cho tôi ghi là 10 giờ sáng. Susan đã lập tức gửi thư báo cho Barney, nhờ vậy mà hắn nhanh chóng tìm tên cầm đầu xin chỉ thị. Và tên chỉ huy đã lập ngay kế hoạch hành động. Nhưng ở đây, tôi nghiêng về giả thiết cầm đầu nhóm tội phạm này là một phụ nữ, vì khi tôi nói sai, Susan đã nhếch mép cười. Gã da đen hung dữ Steve Dixie được sai đi, ngay 11 giờ ngày hôm sau đã đến đe dọa tôi. Mọi người thấy đấy, hành động của bọn chúng thật mau lẹ.

- Nhưng mục đích của chúng là gì?

- Đây chính là vấn đề mà chúng ta phải giải quyết. Trước kia ai sống ở đây vậy?

- Một thượng úy hải quân về hưu có tên là Ferguson.

- Ông ta có điểm gì đặc biệt không?

- Tôi chưa từng nghe nói gì về người này.

- Tôi nghĩ, liệu có phải ông ta đã chôn cái gì đó ở đây không? Đương nhiên, ngày nay người ta thường gửi những đồ quý giá của mình ở trong két sắt ngân hàng. Song, thế giới rộng mênh mông này vẫn còn có những người lập dị. Và nếu thiếu họ, thế giới này sẽ trở nên vô vị biết bao. Ban đầu tôi nghĩ là có một kho báu được chôn ở đây, nhưng nếu quả là như vậy thì họ

cần gì đến những đồ nội thất? Liệu bà có đang sở hữu tranh nguyên tác của Raphael hay bản thảo của Shakespeare mà không biết không?

- Không thể nào, ngoài bộ ấm trà cổ của hãng Crown Derby ra, thì tôi không có thứ đồ đáng giá nào khác.

- Một bộ ấm trà không đáng phải làm thần bí như vậy. Tại sao họ lại không nói thẳng là họ cần thứ gì? Nếu họ muốn có bộ ấm trà thì chỉ cần trả giá cao là xong, không cần phải mua toàn bộ đồ đạc. Song tôi nghĩ đó chắc chắn phải là thứ gì mà ngay chính phu nhân cũng không biết, và nếu có biết chắc phu nhân cũng sẽ không chịu bán.

- Tôi cũng nghĩ vậy. - Tôi đồng tình với Holmes.

- Bác sĩ Watson đây mà cũng đồng ý thì chắc chắn vấn đề là như vậy rồi.

- Vậy, ông Sherlock Holmes, liệu đó có thể là cái gì?

- Để tôi thử suy luận xem có tìm ra được manh mối gì không. Phu nhân đã sống ở đây được một năm rồi?

- Sắp được hai năm.

- Rất tốt, trong thời gian dài như vậy, không có ai yêu cầu hoặc lấy đi thứ gì của phu nhân cả. Vậy mà trong vòng ba, bốn ngày, người ta lại đưa ra những đề nghị vô cùng hấp dẫn để hối thúc bà một cách rất bí ẩn. Điều này có ý nghĩa gì vậy?

- Điều đó cho thấy rằng, cho dù thứ đồ họ cần là gì thì nó cũng chỉ mới vừa được đưa vào đây. - Tôi nhận xét rất nhanh.

- Đúng như vậy! Phu nhân Maberley, bà có thứ đồ gì mới không? - Holmes quay sang hỏi bà Maberley.

- Không, năm nay tôi không mua thêm gì cả.

- Ồ vậy sao! Vậy thì lạ quá. Tôi phải tìm hiểu chứng cứ của câu chuyện này kỹ càng hơn nữa. Luật sư của phu nhân có thể tin tưởng được chứ?

- Ông ấy rất đáng tin cậy.

- Phu nhân còn có gia nhân nào nữa ngoài cô Susan?

- Tôi còn một cô hầu trẻ nữa.

- Phu nhân cố gắng mời luật sư Sutro ngủ lại đây một, hai đêm. Bà cần được bảo vệ.

- Có nguy hiểm gì vậy?

- Hiện nay tôi vẫn chưa rõ họ muốn lấy thứ gì, tất cả còn rất mơ hồ. Nếu không biết họ muốn gì thì đành phải làm theo cách khác vậy, thử lần đầu mỗi từ kẻ chủ mưu xem sao. Người môi giới bất động sản đến mua nhà bà có để lại địa chỉ không?

- Chỉ có danh thiếp và giấy hành nghề của ông ta thôi. Đó là ông Haines-Johnson, chuyên gia phân tích và đầu giá bất động sản.

- Xem ra thì không thể tìm được ông ta qua danh bạ điện thoại đâu. Những người làm ăn đường hoàng sẽ không giấu giếm địa chỉ kinh doanh của mình như vậy. Được rồi, nếu có điều gì mới xin phu nhân sớm thông báo cho tôi. Tôi đã đồng ý nhận vụ này thì chắc chắn sẽ cố gắng làm tốt. Bà có thể hoàn toàn tin cậy ở tôi.

Khi chúng tôi qua đại sảnh, cặp mắt tinh tường của Holmes, vốn không bỏ sót một chi tiết nào, chợt sáng lên khi nhìn thấy mấy chiếc hòm đặt chất chồng lên nhau ở góc nhà. Trên những chiếc hòm đó, dấu đóng của hải quan vẫn còn mới nguyên.

- Milano, Lucerne. Những thứ này được gửi đến từ Italy.

- Đó là đồ đạc của đứa con trai đáng thương của tôi.

- Phu nhân vẫn chưa mở ra sao? Nó được chuyển đến bao lâu rồi?

- Từ tuần trước.

- Nhưng sao vừa rồi phu nhân nói... Hừm, đây rất có thể là manh mối. Làm sao chúng ta biết được bên trong không có thứ gì quý giá chứ?

- Chắc chắn là không có gì cả, Sherlock Holmes ạ! Douglas đáng thương của tôi chỉ có một khoản tiền lương và tiền lãi hàng năm thôi. Liệu nó có thể có thứ gì đáng giá cơ chứ?

Sherlock Holmes dăm chiêu suy nghĩ:

- Phu nhân Maberley, đừng trì hoãn nữa. Bà hãy lập tức sai người mang đồng đồ này lên phòng ngủ, rồi kiểm tra ngay xem bên trong có gì đặc biệt không. Ngày mai tôi sẽ đến, lúc ấy hãy báo lại cho tôi.

Rõ ràng là biệt thự Ba đầu hồi đang bị theo dõi chặt chẽ. Vì khi chúng tôi đi qua con đường nhỏ có hàng rào cao thì thấy gã da đen hồi sáng đang đứng nấp trong bụi cây. Bắt gặp gã ở chốn hoang vu này mới càng thấy rõ vẻ dữ

tợn, đáng sợ của hắn. Hắn đang chăm chú nhìn về tòa biệt thự của phu nhân Maberley. Holmes thọc tay vào túi áo tìm kiếm.

- Ông tìm súng đấy hả, ông Sherlock Holmes?

- Không, tôi đang tìm hộp thuốc Steve ạ!

- Ông thật biết đùa, ông Holmes ạ!

- Nếu anh lọt vào tầm ngắm của tôi thì anh sẽ thấy tôi không thích đùa chút nào đâu. Sáng nay tôi đã cảnh cáo anh rồi đấy!

- Ông Holmes, tôi đã nghĩ về những gì ông nói sáng nay rồi. Tôi không muốn nghe nhắc đến vụ Perkins nữa. Nếu ông cần gì, tôi sẽ sẵn sàng giúp đỡ ngay.

- Được, vậy anh hãy nói cho tôi biết ai đã sai anh trong vụ này.

- Ôi, Chúa ơi, ông Holmes! Tôi đã nói hết với ông rồi kia mà. Chính Barney đã ra lệnh cho tôi chứ ai.

- Được, Steve. Anh hãy nhớ rằng, phu nhân và tất cả mọi thứ trong tòa nhà kia đều do tôi bảo vệ. Anh đừng có quên điều đó đấy!

- Vâng, ông Sherlock Holmes, tôi ghi nhớ.

- Watson, xem ra tôi đã dọa cho hắn sợ hãi linh hồn rồi. - Holmes nói khi chúng tôi lại đi tiếp - Và giờ thì hắn ta rất lo cho mạng sống của mình. Điều đó khiến tôi phải kinh ngạc. Nếu quả thực gã ta biết kẻ ra lệnh cho mình là ai, tôi nghĩ gã sẽ nói ngay thôi. Thật may mắn là tôi có biết chút đỉnh về băng tội phạm Spencer John, mà tên Steve này cũng nằm trong đó. Watson, tôi nghĩ vụ này phải cần đến Langdale Pike, bây giờ tôi sẽ đến gặp ông ta đây. Khi tôi trở về, chắc chắn mọi chuyện rõ ràng hơn Từ lúc đó cho tới hết ngày, tôi không gặp Holmes. Nhưng tôi có thể tưởng tượng ra những gì mà Holmes làm trong nửa ngày còn lại đó. Bởi Langdale Pike là cuốn từ điển sống về mọi vấn đề có dính dáng đến những vụ tai tiếng trong giới thượng lưu Anh quốc. Nhân vật kỳ lạ này dành toàn bộ thời gian của mình, chỉ trừ lúc ngủ ngồi bên cửa sổ một câu lạc bộ ở phố St. James, để nghe ngóng rồi buôn lại đủ thứ chuyện vớ vẩn xảy ra ở London. Nghe nói, thu nhập của anh ta lên tới hàng nghìn bảng nhờ bán lại những tin tức giật gân cho các tờ báo lá cải, mà độc giả của nó là vô số những người hiếu kỳ và vô công rồi nghề. Trong xã hội đực ngầu này, chỉ cần một gợn xoáy nhỏ nổi lên là ngay lập tức

được các máy ghi tự động, chính xác của đám người này thu lại. Thậm chí, nếu trong thế giới ngầm của London có xảy ra những vụ chém giết, thủ tiêu lẫn nhau thì chính ông ta lại biết rõ nhất, mặc dù ông ta chỉ là người ngồi ngoài nghe ngóng. Đôi lúc Holmes cũng cung cấp thông tin cho Langdale, và vì thế nếu Holmes cần, ông ta cũng sẵn sàng giúp đỡ.

Sáng sớm hôm sau, tôi gặp lại Holmes. Thấy thái độ thoải mái vui vẻ của anh, tôi biết ngay mọi chuyện đều tốt lành. Nhưng không ngờ, một điều tồi tệ đang đợi chúng tôi. Đó chính là bức điện báo dưới đây:

“Mong ông đến ngay! Ngôi nhà của bà thân chủ tôi có dấu hiệu bị bọn trộm thăm viếng. Cảnh sát cũng đã đến.

Sutro”

Holmes huýt một tiếng sáo:

- Vở kịch đã đến đoạn cao trào rồi đây, nhanh hơn những gì tôi dự tính. Watson, đằng sau vụ án này chắc chắn là một nhân vật quyền thế. Tôi không lấy làm lạ về điều này, vì hôm qua tôi đã nghe được một số tin tức đáng tin cậy. Ông Sutro này chính là luật sư của phu nhân. Hôm qua tôi đã quá sơ suất khi không yêu cầu anh ở lại đó để canh chừng giúp phu nhân Maberley. Xem ra, ông này là một kẻ quá ngu ngờ. Vậy chẳng còn cách nào khác là chúng ta phải lên đường tới Harrow Weald ngay.

Lần này, biệt thự Ba đầu hồi ở trong tình trạng vô cùng lộn xộn, khác hoàn toàn so với khung cảnh gọn gàng, yên bình ngày hôm qua. Trước cổng vườn có mấy người đang nhòm ngó, hai viên cảnh sát đang kiểm tra cửa sổ và các bồn hoa. Vào trong nhà, chúng tôi gặp một người cao niên tóc bạc phơ, ông ta tự giới thiệu mình là luật sư. Cạnh ông ta còn có một viên cảnh sát mặt đỏ lựng, lảng xảng quanh Holmes như một người bạn cũ vậy.

-Ồ, ông Sherlock Holmes! Lần này e rằng không có gì để ông phải bận tâm đâu. Đây chỉ là một vụ trộm thông thường, cảnh sát thừa sức xử lý được, khỏi cần đến chuyên gia như ông.

- Vụ án nào cũng cần có cảnh sát giỏi. Ông nói rằng đây chỉ là một vụ trộm của thông thường ư? - Holmes nói có ý nhắc nhở viên cảnh sát phải thận trọng.

- Đúng vậy, chúng tôi đã biết rõ kẻ gây án và làm thế nào để tìm ra bọn chúng. Đó chính là băng Barney Stockdale và thêm cả một gã da đen nữa. Hôm qua, có người đã nhìn thấy bọn chúng lảng vảng quanh đây.

- Các ông thật giỏi! Vậy xin hỏi bọn chúng đã lấy trộm cái gì?

- Về điều này, có lẽ chúng chưa lấy được gì. Phu nhân Maberley bị đánh thuốc mê, căn phòng... Ồ, bà ấy đây rồi.

Vị phu nhân đón chúng tôi hôm qua giờ đây trông thật xanh xao, bà yếu đến nỗi phải nhờ đến cô giúp việc dìu vào.

- Ông Sherlock Holmes, điều ông cảnh báo tôi hôm qua thật chí lý. Nhưng đáng tiếc là tôi lại không làm theo những gì ông bảo. Tôi không muốn làm phiền đến ông Sutro, vì thế mà chẳng có ai bảo vệ tôi. - Phu nhân đau đớn thốt lên.

- Mãi sáng nay tôi mới nghe nói về việc này. - Ông luật sư giải thích.

- Hôm qua, ông Sherlock Holmes khuyên tôi nhờ ông ở lại để giúp đỡ, nhưng tôi lại không nghe theo, nên giờ mới ra nông nỗi này.

- Phu nhân trông rất yếu, xem ra sức khỏe của bà không chịu được những chuyện đã qua.

- Vụ việc chẳng phải đã sáng tỏ rồi sao? - Ông cảnh sát chỉ vào sổ của mình và nói - Song, nếu sức khỏe của phu nhân cho phép thì...

- Thực ra cũng chẳng cần phải nói gì nhiều. Theo tôi, chính con bé Susan bày vẽ đường đi nước bước cho bọn chúng. Chúng rất thông thuộc và biết rõ mọi góc ngách trong ngôi nhà này. Tôi vẫn còn nhớ, trong tích tắc, tôi bị một tấm vải tẩm thuốc mê bịt vào miệng, nhưng tôi không biết là mình đã hôn mê bao lâu. Lúc tỉnh lại, tôi thấy một gã đàn ông đứng cạnh giường, còn tên khác thì cầm một tập giấy lấy từ đồng hành lý của con trai tôi, rồi đứng lên. Tất cả đồ đạc của con trai tôi bị lục tung ra, vứt vung vãi đầy sàn nhà. Khi hẳn chưa kịp thoát thân thì tôi đã chồm dậy vồ lấy hắn.

- Như vậy mạo hiểm quá, thưa bà. - Viên cảnh sát nhận xét.

- Tôi tóm chặt lấy hắn nhưng hắn đã đẩy được tôi ra; một tên khác đánh tôi rất mạnh, rồi tôi chẳng còn nhớ được gì nữa. Cô hầu Mary nghe thấy tiếng động liền hét lên. Khi cảnh sát đến thì bọn trộm đã cao chạy xa bay.

- Chúng đã lấy đi những gì vậy?

- Tôi không nghĩ chúng lấy được gì quý giá. Tang vật còn lại chỉ là một trang giấy, có lẽ là tôi đã cướp lại được từ tay tên trộm. Tờ giấy đó rơi xuống sàn nhà, trông nó rất nhàu nát. Đó là bút tích của con trai tôi.

- Tờ giấy đó có không giá trị gì cả. - Viên cảnh sát bình luận - Một khi bọn trộm đã...

- Ông thật là cao minh, học rộng biết nhiều! Nhưng tôi vẫn muốn xem qua tờ giấy, có được không? - Holmes châm biếm nhẹ nhàng.

Viên cảnh sát rút từ cuốn sổ ghi chép ra một tờ giấy to, gấp đôi lại.

- Tôi không bao giờ bỏ qua một chi tiết nào, dù nó có nhỏ đến đâu. - Ông ta trịnh trọng nói - Đây cũng là điều tôi muốn góp ý với ông, ông Sherlock Holmes ạ! Hai mươi năm trong nghề, tôi đã học được đôi chút. Biết đâu trong ấy lại chẳng có dấu vân tay hay điều gì đó hữu ích.

Sherlock Holmes xem xét kỹ tờ giấy.

- Ông cảnh sát, ông nghĩ gì về điều này?

- Đó có lẽ là một kết thúc kỳ lạ cho một quyển tiểu thuyết kỳ quặc.

- Rất có thể là như vậy. Ông có thấy số trang 245 ở bên trên không? Vậy 244 trang còn lại đâu? - Holmes hỏi.

- Tôi nghĩ tên trộm đã lấy đi rồi. Mà lấy được thì cũng có ích gì cho chúng đâu.

- Đột nhập vào nhà người khác chỉ vì muốn lấy một thứ đồ như vậy, thật là lạ! Theo ông, sự việc này nói lên điều gì?

- Đúng vậy, thưa ông. Chắc là trong lúc vội vã, chúng đành vớ đại lấy cái gì đó. Hy vọng chúng sẽ tha hồ khoái chí với những gì lấy được.

- Tại sao chúng lại lục lọi đồ đạc của con trai tôi? - Phu nhân Maberley băn khoăn.

- Có lẽ ở tầng dưới, chúng không tìm thấy thứ gì đáng quý nên chạy thử lên tầng trên, cầu may. Đây là ý kiến của tôi, còn ông, ông có cao kiến gì không, ông Holmes?

- Tôi phải suy nghĩ đã. Watson, anh đến bên cửa sổ này xem.

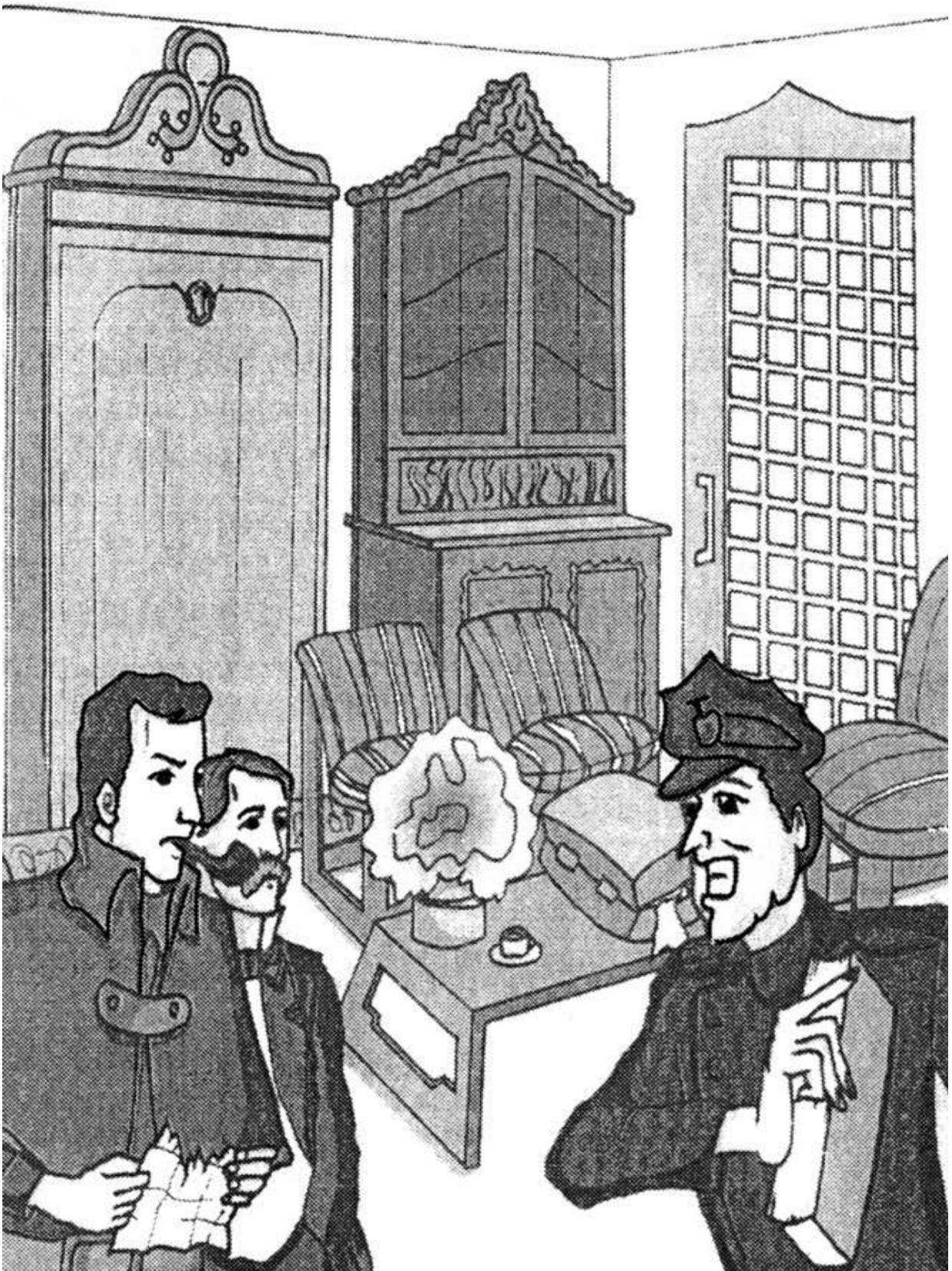
Chúng tôi đứng ở đó, anh ấy đọc mảnh giấy còn sót lại một lượt. Tờ giấy, bị thiếu nửa trước, có nội dung như sau:

“... vết dao cắt và vết thương do đâm ở trên mặt làm chảy rất nhiều máu. Nhưng, khi anh nhìn thấy khuôn mặt đó, khuôn mặt mà vì nó anh sẵn sàng hy sinh cả tính mạng của mình, lại đang thản nhiên chứng kiến nỗi đau và sự nhục nhã của anh, thì trái tim anh còn rỉ máu nhiều hơn thế. Anh ngược mắt nhìn lên, còn cô ta lại nhếch cười tàn nhẫn. Không ngờ, cô còn cười được! Cô ta cười trông giống như một con quỷ cái không tim. Ngay trong giây phút ấy, tình yêu đã chết, chỉ còn duy nhất nỗi hận thù. Một người đàn ông luôn phải sống vì một mục đích nào đó. Hỡi cô gái, nếu không phải sống để được ôm em, thì tôi sẽ sống để hủy diệt em, báo thù em”.

- Câu cú thật lạ! Anh có thấy không, đang từ “anh” bỗng chuyển sang “tôi”. Người viết đã quá xúc động, nên vào giây phút quan trọng đã tưởng mình là nhân vật nam chính. - Holmes nói với vẻ hài hước.

- Chẳng ra sao cả! - Viên cảnh sát thờ ơ nói, rồi gấp tờ giấy vào trong quyển sổ - Sao vậy? Ông phải đi à, ông Sherlock Holmes?

- Đã có một cảnh sát giỏi như ông rồi, thì tôi có ở đây cũng chẳng giúp ích gì được. À, phải rồi, phu nhân Maberley, bà từng nói muốn đi du lịch phải không?



- Đó là mơ ước bấy lâu nay của tôi, ông Sherlock Holmes ạ!
- Bà muốn đi đâu? Cairo, quần đảo Madeira hay là Riviera?
- Nếu có tiền, tôi sẽ đi du lịch khắp thế giới.
- Du lịch khắp thế giới à? Vậy xin tạm biệt phu nhân! Tối nay tôi sẽ nhắn lại cho bà.

Khi đi qua cửa sổ, tôi thấy viên cảnh sát mỉm cười, lắc đầu. Dường như ông ta muốn nói rằng: “Những gã thông minh này điên mất rồi”.

- Watson, chúng ta còn lại đoạn đường cuối cùng trong chuyến du lịch. Tôi muốn hoàn thành cho xong ngay chuyện này. Anh đi cùng tôi nhé, vì đến gặp người như quý bà Isadora Klein thì tốt nhất là có một người làm chứng.

- Holmes nói như vậy, khi chúng tôi trở về trung tâm thành phố London náo nhiệt.

Chúng tôi thuê một chiếc xe ngựa rồi vội phóng về phía quảng trường Grosvenor. Holmes đang trầm ngâm suy nghĩ, chợt nhận ra điều gì đó:

- Đúng rồi, Watson, anh đã hiểu mọi chuyện chưa?
- Tôi vẫn chưa dám chắc.
- Nhưng anh không có ấn tượng gì về cái tên Isadora Klein sao? Đó là một người đẹp nghiêng nước nghiêng thành. Chẳng ai có thể so sánh vẻ đẹp với cô ta - một người gốc Tây Ban Nha, mang huyết thống của những người chinh phục Nam Mỹ. Gia tộc cô ta đã có mấy đời làm lãnh đạo. Cô ta kết hôn với ông vua đường của Đức, nhờ đó mà hiện là một góa phụ đẹp nhất, giàu có nhất thế giới. Cô ta muốn gì được nấy, một lúc đến mấy người tình. Và anh chàng đẹp trai nhất thành London, Douglas Maberley, cũng nằm trong số đó. Theo như người ta nói thì Douglas không phải là một anh chàng tầm thường, và cũng không phải là gã sở khanh ong bướm, mà là một mẫu người cao quý, có thể hy sinh tất cả, nhưng cũng luôn hy vọng mình xứng đáng được hưởng những gì mình đã trao tặng. Khốn thay, nàng lại là một góa phụ xinh đẹp nhưng lạnh lùng, vô tình, sau khi được thỏa mãn là đoạn tuyệt luôn. Nếu đối phương không chấp nhận yêu cầu của nàng, thì cô nàng sẽ tìm mọi cách để đạt được mục đích.

- Vậy, đây chính là chuyện tình của Douglas?

- Đúng vậy. Bây giờ anh hãy thu tóm các tình tiết lại đi. Nghe nói cô ta sắp kết hôn với quận công Lomo, chỉ bằng tuổi con mình. Mẹ của quận công có thể không quan tâm lắm đến tuổi tác của cô ta. Nhưng nếu có vụ scandal tình ái nào thì tình hình sẽ khác, nên cô nàng cần phải... Ồ, mà chúng ta đã đến nơi rồi.

Đây là một trong những tòa nhà tráng lệ nhất ở khu West End. Một người hầu nhanh nhẹn mang danh thiếp của chúng tôi vào, rồi lại chạy nhanh ra, báo là nữ chủ nhân không có nhà. Holmes vui vẻ nói:

- Vậy chúng tôi sẽ đợi đến khi nào quý bà về!

Người hầu hốt hoảng nói toạc ra:

- Không có nhà, có nghĩa là sẽ không tiếp các ông.

- Cũng được, vậy chúng tôi cũng không cần đến chào nữa. Nhờ anh gửi tờ giấy này cho nữ chủ nhân. - Holmes điềm đạm trả lời.

Holmes ngoáy vội vài ba chữ vào một tờ giấy trong cuốn sổ nhỏ của anh, rồi xé ra và đưa cho người hầu.

- Anh viết gì vậy? - Tôi tò mò hỏi.

- Tôi chỉ viết năm chữ là: “Vậy cảnh sát thì sao?”. Tôi nghĩ, bây giờ chúng ta có thể vào được rồi.

Quả nhiên, nhanh đến không ngờ, chỉ một phút sau, chúng tôi đã được đưa đến một phòng khách to, đẹp, rất ấn tượng dưới ánh đèn màu hồng nhạt nửa sáng nửa tối. Tôi nghĩ, người đàn bà này đã đến cái tuổi ngay cả sắc đẹp vô song nhất cũng phải nhờ tới ánh sáng mờ ảo rồi. Chúng tôi vừa bước vào phòng, cô ta liền đứng dậy, dáng dong dỏng cao, dài các, đi đứng uyển chuyển, khuôn mặt đẹp tuyệt trần nhưng vô cùng giả tạo, hai con mắt sắc như dao, hằn học nhìn chúng tôi:

- Tại sao lại can thiệp vào chuyện của tôi? Mẫu giấy dọa dẫm này có nghĩa gì? - Cô ta giơ tờ giấy ra hỏi.

- Thưa phu nhân, điều đó chắc không cần phải giải thích. Tôi tin vào trí thông minh tuyệt vời của phu nhân. Dù vậy, tôi cũng phải thừa nhận là gần đây trí thông minh đó có giảm đi đôi chút.

- Thế là thế nào, thưa ông?

- Bà cho rằng, thuê bọn lưu manh là có thể dọa được tôi sao? Nếu không có đầu óc phiêu lưu mạo hiểm, chẳng ai lại đi chọn công việc như của tôi. Chính bà chứ không phải ai khác, đã buộc tôi phải điều tra vụ án về chàng trai Douglas trẻ tuổi.

- Tôi chẳng hiểu ông nói gì cả. Những điều đó đâu có liên quan gì đến tôi!

Sherlock Holmes quay mặt đi, về mặt mũi:

- Đúng vậy, tôi đã đánh giá quá cao trí tuệ của bà. Thôi, chào tạm biệt!

- Đợi một chút, ông muốn đi đâu?

- Tới Sở Cảnh sát Scotland Yard.

Chúng tôi chưa kịp ra đến cửa, bà ta đã chạy đến và kéo tay Sherlock Holmes. Bỗng chốc từ vẻ lạnh lùng cứng rắn như thép, bà ta biến thành một con thiên nga, uyển chuyển và mềm mại:

- Hãy ngồi xuống, thưa các ông! Chúng ta có thể thương lượng một chút. Ông Sherlock Holmes, tôi nghĩ mình cần phải thành thật với ông. Ông có tư chất cao quý của một quý ông. Phụ nữ rất miễn cảm với điều này. Tôi có thể coi ông như một người bạn tri kỷ.

- Song, thưa phu nhân, tôi không dám đảm bảo là có thể sẽ đáp lại thịnh tình đó của bà. Tôi không phải là đại diện cho luật pháp, nhưng tôi sẽ cố dốc sức bảo đảm cho sự công minh của pháp luật. Tôi sẵn sàng nghe bà nói, rồi sau đó tôi sẽ nói về cách làm của tôi.

- Tôi thật là ngu ngốc khi sai người đi uy hiếp một người dũng cảm như ông. Thật là ngu ngốc hết chỗ nói!

- Điều thực sự ngu ngốc là bà đã giao mình cho một lũ lưu manh chỉ biết đục khoét và phản bội bà.

- Không, tôi không phải là người đơn giản như vậy đâu. Tôi xin nói thẳng với ông rằng, ngoài Barney và Susan vợ anh ta ra, không ai biết chủ nhân của chúng là ai. Còn về hai người họ, đây không phải là lần đầu tiên. - Bà ta mỉm cười, gật đầu thân mật trông thật vô cùng quyến rũ.

- Hóa ra là vậy. Hẳn là bà đã phải thử thách chúng rồi.

- Chúng như là những con chó săn, không biết ăn ở hai lòng.

- Nhưng lũ chó săn đó sớm muộn sẽ cản lại chính chúng ta. Họ sẽ bị bắt trong lần ăn trộm này. Cảnh sát đã tìm ra được chúng.

- Chúng sẽ chấp nhận tất cả. Đây là điều kiện để tôi thuê chúng mà. Tôi sẽ không phải ra tòa vì vụ này đâu.

- Trừ phi tôi buộc bà phải hầu tòa.

- Không, ông sẽ không làm như vậy, vì ông là một quý ông đáng kính. Vì vậy ông sẽ không tiết lộ bí mật của một phụ nữ.

- Trước tiên, bà phải trả lại bản thảo cái đã!

Bà ta cười rất nhẹ nhàng và đi về phía lò sưởi, rồi dùng thanh cời lò to tướng moi một đồng tro tàn.

- Ông muốn tôi trả lại cái này sao? - Bà ta hỏi với cái nhìn đầy vẻ thách thức. Vẻ mặt ấy thật vô lại và gian xảo. Tôi thấy, có lẽ bà ta là một trong những kẻ tội phạm khó ứng phó nhất của Sherlock Holmes. Tuy nhiên, Holmes vẫn lạnh lùng:

- Vậy là số phận của bà đã được định đoạt. Bà rất nhanh tay, nhưng lần này bà đã đi quá xa rồi đấy.

Phu nhân quăng thanh cời xuống đất nghe “xoảng” một tiếng.

- Ông thật tàn nhẫn! - Bà ta hét lên - Ông muốn tôi kể lại toàn bộ câu chuyện này sao?

- Hoặc tôi cũng có thể kể lại cho bà nghe.

- Nhưng ông phải đứng trên góc độ của tôi, ông Sherlock Holmes ạ! Ông phải nhận thấy rằng, đó là hành động của một phụ nữ tận mắt chứng kiến những tham vọng của cả đời mình sắp bị đổ vỡ vào phút chót. Người phụ nữ như vậy có đáng trách không, nếu như những gì cô ta làm chỉ là để bảo vệ chính bản thân mình?

- Căn nguyên tội lỗi là ở chính con người bà.

- Vâng! Tất nhiên, tôi thừa nhận điều đó. Douglas là chàng trai rất đáng mến, nhưng anh ta không phù hợp với kế hoạch của tôi. Anh ta muốn cưới tôi, muốn cưới tôi, ông Sherlock Holmes ạ! Với một anh chàng trung lưu không xu dính túi ư? Anh ta chẳng muốn gì khác, trừ điều đó. Sau đó, anh ta càng ngày càng mù quáng. Trước đó tôi đã trót chiều anh ta, nên anh ta cho

rằng tôi sẽ mãi mãi là của anh ta và chỉ một mình anh ta mà thôi. Cuối cùng, tôi đành phải để anh ta nhận rõ thực tế.

- Bằng cách thuê bọn lưu manh đánh cậu ấy ngay dưới cửa sổ của bà.

- Xem ra chuyện gì ông cũng biết. Phải, đúng là như thế đấy. Barney và bọn thuộc hạ đã đuổi anh ta đi, tôi cũng nhận thấy rằng làm như vậy là hơi quá đáng. Nhưng sau đó ông có biết anh ta đã làm gì không? Một con người đứng đắn có lòng tự tôn liệu có làm chuyện như vậy được không? Anh ta viết một quyển sách kể lại cuộc đời của chính mình. Đương nhiên trong đó, tôi là một con sói còn anh ta là một chú cừu non. Mọi tình tiết đều bị phơi bày. Tất nhiên anh ta dùng những cái tên giả. Nhưng ở cái thành London này ai mà không nhận ra ngay cơ chứ? Ông thấy hành vi của anh ta thế nào, ông Sherlock Holmes?

- Tôi nghĩ cậu ấy hoàn toàn có quyền làm như vậy.

- Có lẽ dòng máu Italy đang ngấm vào anh ta khiến anh ta mang cả bản tính độc ác và tàn nhẫn của người Italy nữa. Anh ta viết thư cho tôi, gửi cho tôi một bản, để tôi phải đau khổ vì lo sợ. Quyển sách có hai bản, anh ta nói một bản dành cho tôi và bản kia giao cho nhà xuất bản.

- Tại sao bà biết nhà xuất bản chưa nhận được bản thảo?

- Tôi quen biết ông chủ nhà xuất bản. Đó đâu phải là cuốn tiểu thuyết duy nhất của anh ta. Tôi được biết nhà xuất bản này chưa nhận được thư gửi từ Italy, sau đó lại nghe tin Douglas Maberley đột ngột qua đời. Một khi bản thảo đó còn ở trên đời này thì tôi không thể được an toàn. Đương nhiên, nó phải nằm trong đồng hồ đặc còn lại của anh ta và sẽ được giao lại cho mẹ anh ta. Tôi liền nhờ băng Barney ra tay, và một phụ nữ được gài vào biệt thự làm người hầu. Tôi vốn định xử lý mọi việc một cách hợp pháp, và thực sự muốn làm như vậy. Tôi quyết định mua lại căn nhà cũng như toàn bộ đồ đạc trong đó với bất kỳ giá nào. Chỉ khi những cách này thất bại, tôi mới sử dụng đến biện pháp khác. Ông thấy đấy ông Holmes, cứ coi là tôi đã nhần tâm với Douglas, nhưng có trời biết tôi đã hối hận như thế nào. Tôi còn làm gì hơn được nữa, khi tương lai của mình có nguy cơ sụp đổ.

Holmes nhún vai:

- Ồ. Xem ra tôi lại phải đòi tiền bồi thường chứ không kiện cáo như thường lệ. Phải tốn bao nhiêu tiền mới đủ cho một chuyến du lịch hạng sang vòng quanh thế giới?

Nữ chủ nhân trợn mắt, ngơ ngác nhìn Holmes:

- Năm nghìn bảng có đủ không?

- Tôi nghĩ như thế có thể là đủ rồi.

- Rất tốt.

- Vậy hãy viết cho tôi một tờ séc năm nghìn bảng! Tôi sẽ trao nó cho phu nhân Maberley. Bà có trách nhiệm giúp bà mẹ ấy thay đổi không khí. Ngoài ra, thưa quý phu nhân, bà hãy cẩn thận đừng đùa với lửa nữa, nếu không nó sẽ đốt cháy đôi bàn tay non nớt của bà đấy. - Holmes giơ ngón trỏ lên, ra hiệu cảnh cáo.

CHIẾC VƯƠNG MIỆN NAM NGỌC BERYL

Holmes! - Buổi sáng đó, tôi đứng bên cửa sổ nhìn xuống phố gọi anh - Có một ông già điên đang đi đến kia. Buồn thật, sao người thân lại để ông ta đi ra ngoài đường một mình chứ?

Bạn tôi uể oải rời chiếc ghế bành, hai tay đút trong túi áo khoác, nhòm qua vai tôi. Buổi sáng tháng 2 đó trời lạnh và quang đãng; tuyết của hôm trước vẫn đầy trên mặt đất, lấp lánh dưới ánh nắng mùa đông. Giữa phố Baker, tuyết dồn thành đống màu nâu bẩn; còn ở hai bên lề đường dành cho người đi bộ, tuyết vẫn phủ trắng xóa. Vĩa hè lổm đổm loang lổ do được quét dọn, nhưng lại dễ trượt ngã, rất nguy hiểm. Thế nên, có ít người đi lại hơn thường lệ. Trên con đường từ ga tàu điện ngầm chẳng có một mống nào, ngoại trừ người đàn ông kỳ dị đã thu hút sự chú ý của tôi.

Ông ta chừng năm mươi tuổi, dáng cao, to béo bệ vệ, khuôn mặt đầy da. Mặc bộ đồ màu thẫm, kiểu cách sang trọng, với chiếc mũ sáng màu, ông ta khoác chiếc áo choàng dài màu đen, chiếc quần ghi xám cắt may rất hợp “mốt”, đôi ủng nâu vừa như in. Nhưng hành vi của ông ta lúc này lại trái ngược hẳn, ông ta đang chạy nhanh, cứ chốc chốc lại hơi nhảy lên trông giống như một người mất trí. Khi chạy, ông ta đánh tay lên xuống, lắc đầu, gương mặt nhăn nhó trông vô cùng đáng thương.

- Liệu đã có chuyện gì xảy ra với ông ta? - Tôi hỏi - Ông ta như đang ngó tìm số nhà?

- Tôi tin chắc ông ta sắp lên đây. - Holmes nói, xoa xoa hai tay vào nhau.

- Lên đây sao?

- Phải! Tôi nghĩ rằng, ông ta đến nhờ tôi tư vấn, linh cảm mách bảo tôi điều đó. A ha! Anh thấy chưa. Tôi đâu có nói sai.

Khi ấy, người đàn ông thở hỗn hển, lao vào cửa nhà chúng tôi và kéo chuông cửa mạnh đến nỗi làm náo loạn cả căn nhà.

Lát sau, ông ta đã vào trong phòng của chúng tôi, vẫn phì phò thở và hoa chân múa tay. Nhưng cái nhìn đầy buồn thảm của ông đã khiến nụ cười của chúng tôi trở nên vô duyên. Ông ta không thốt nên lời, chỉ lắc lư cơ thể và vò đầu bứt tóc tựa như người sắp lên cơn điên. Đột nhiên ông ta nhảy dựng lên, đập đầu vào tường mạnh đến nỗi cả hai chúng tôi cùng phải lao vào kéo ông ta ra giữa phòng. Sherlock Holmes đỡ ông ta ngồi xuống chiếc ghế tựa, rồi dịu giọng gợi chuyện.

- Ông đến chỗ tôi để kể cho tôi nghe chuyện của ông, phải vậy không? - Anh nói - Ông có vẻ rất mệt mỏi vì phải đi vội vã. Hãy nghỉ ngơi cho đến khi ông lại sức đã, sau đó tôi sẽ rất hân hạnh lắng nghe vấn đề đang khiến ông phải khốn khổ kia.

Người đàn ông ngồi yên ở đó khoảng một, hai phút, ngực phập phồng, cảm xúc giằng co. Rồi ông ta đưa khăn tay lau mồ hôi trán, môi mỉm cười, hướng về phía chúng tôi.

- Xem chừng các ông nghĩ là tôi... điên, phải không? - Ông ta hỏi.

- Tôi chỉ thấy rõ, ông đang phải chịu một tai họa nghiêm trọng. - Holmes đáp.

- Đúng là như vậy! Một tai họa đủ để đánh gục tôi, nó xảy ra quá đột ngột và khủng khiếp. Tôi sẽ phải đối mặt với sự căm phẫn của công chúng, dù tôi chưa bao giờ có tì vết về nhân cách. Những buồn phiền cá nhân thì mọi người đều có; nhưng hai điều mà tôi sắp kể ra đây, tính chất ghê sợ của chúng đã làm tổn thương tâm hồn vốn nhạy cảm của tôi. Ngoài ra, người cao quý nhất trên mảnh đất này có lẽ cũng sẽ phải nếm trải cảm giác như tôi, trừ khi người ta tìm ra cách gì đó tránh được vụ việc khủng khiếp này.

- Xin ông hãy bình tĩnh lại, rồi cho tôi biết ông là ai, và chuyện gì đã xảy ra. - Holmes nhẹ nhàng hỏi.

- Tôi là Alexander Holder, Giám đốc ngân hàng Holder & Stevenson, ở đường Threadneedle.

Đó là tên chủ nhà băng cao tuổi nhất trong Hội đồng quản trị ngân hàng lớn thứ hai ở thủ đô. Điều gì đã khiến cho một trong số những công dân

hàng đầu của London tìm đến chúng tôi? Holmes và tôi tò mò nghe ông ta kể lại câu chuyện.

- Ngay từ khi viên thanh tra cảnh sát bảo tôi: “Chỉ có Sherlock Holmes mới giúp được ông”, tôi liền đi đến đường Baker bằng xe điện ngầm, và từ ga chạy bộ đến đây. Bởi vì, tuyết dày như thế này, xe ngựa đi rất chậm... Hẳn các ông cũng biết rằng, một trong những phương thức xuất tiền ra có lợi nhất là cho vay. Trong những năm qua, chúng tôi đã cho các gia đình quý tộc vay những khoản tiền rất lớn, thế chấp bằng những bức tranh, sách quý hoặc vàng bạc. Sáng hôm qua tại ngân hàng, một người thư ký đem đến cho tôi một tấm danh thiếp. Đọc cái tên ghi trên đó, tôi giật nảy mình, bởi đó là một trong những gia đình danh gia vọng tộc lớn nhất nước Anh. Thật là một vinh dự rất lớn cho tôi, và khi ông khách được đưa vào, tôi tìm cách khen một câu. Nhưng ông ta ngắt ngang lời tôi:

- Ông Holder, tôi biết rằng ngân hàng của ông thường cho vay, một khi người vay có thứ để bảo đảm. Tôi cần ngay tức khắc năm mươi nghìn bảng. Dĩ nhiên, tôi vẫn có thể mượn của các bạn tôi một số tiền lớn gấp mười lần, nhưng tôi thích xem đây là việc cá nhân mà tôi phải tự giải quyết lấy. Với địa vị của tôi, mang ơn người khác là một điều nên tránh.

- Tôi có thể hỏi ngài muốn dùng số tiền đó trong bao lâu không?

- Thứ hai tới, người ta sẽ trả cho tôi một số tiền lớn, và chắc chắn tôi sẽ hoàn lại cho ông cả vốn lẫn lãi, với mức lãi mà ông cho là thích hợp. Nhưng điều quan trọng nhất đối với tôi là phải có ngay năm mươi nghìn bảng hôm nay.

- Tôi có thể lấy tiền túi của tôi ra cho ngài vay mà không đòi hỏi bảo đảm gì cả. Nhưng thân phận của tôi không cho phép tôi làm như vậy. Mặt khác, vì lẽ tôi làm việc cho công ty, nên tôi có bốn phận đòi hỏi ngài phải có những bảo đảm cần thiết.

- Tôi cũng thích như thế hơn. - Ông ta đáp, rồi đưa ra một chiếc hộp da màu đen, hình vuông - Ông có nghe nói đến chiếc vương miện nạm ngọc beryl không?

- Đó là một trong những bảo vật quý giá nhất của Anh quốc.

- Đúng vậy!

“Ông ấy mở cái hộp ra: chiếc vương miện đẹp lộng lẫy được đặt nằm trên một lớp nhung màu hồng.

- Chiếc vương miện này có đính ba mươi chín viên ngọc beryl thật lớn, và cái khung bằng vàng cũng vô cùng đáng giá. Trị giá chiếc vương miện này tính ra ít nhất cũng là một trăm nghìn bảng. Tôi sẵn sàng giao nó cho ông giữ làm vật thế chấp.

“Tôi cầm lấy chiếc hộp quý báu, nhìn chiếc vương miện, rồi nhìn vị thân chủ.

- Phải chăng ông nghi ngờ giá trị của nó? - Ông ta như đoán được tâm trạng của tôi.

- Không, hoàn toàn không. Đúng hơn, tôi tự hỏi...

-... Vì sao tôi dám giao cho ông giữ một vật quý giá như thế, phải không? Ông đừng lo ngại gì cả! Ông tưởng rằng tôi sẽ hành động như thế sao, nếu tôi không tuyệt đối chắc chắn có thể thu hồi lại nó trong vòng bốn ngày nữa? Đây chỉ là một vấn đề thủ tục thôi. Theo ông, vật bảo đảm này có đủ không? - Nhà quý tộc nói.

- Quá đủ!

- Ông Holder, xin ông hiểu rằng tôi đặt trọn niềm tin vào sự kín đáo và nhất là sự cảnh giác của ông. Chắc ông cũng hiểu rằng, tai tiếng sẽ rất lớn nếu xảy ra chuyện gì với vật này. Một vết trầy xước nhỏ cũng nghiêm trọng gần như là mất nó. Ông hãy nhớ rằng, trên khắp thế giới không có những viên ngọc beryl nào có thể so sánh được với những viên ngọc này! Tuy nhiên, tôi vẫn giao chiếc vương miện cho ông giữ. Sáng thứ hai, tôi sẽ đích thân đến nhận lại nó.

“Tôi gọi người thủ quỹ và ra lệnh cho anh ta xuất ngay năm mươi nghìn bảng cho ông ta. Tuy nhiên, khi còn lại một mình với chiếc hộp, tôi không khỏi lo sợ khi nghĩ đến trách nhiệm to lớn đè nặng lên vai. Và tôi bắt đầu cảm thấy hối hận khi nhận “bảo vật quốc gia” này. Nhưng đã trễ rồi, không thể làm gì được nữa, tôi bèn cất nó trong két sắt riêng và tiếp tục làm việc. Chiều đến, trước khi về nhà, tôi tự bảo không nên đại dột để lại trong văn phòng một vật quý báu như thế. Hàng trăm tủ sắt của ngân hàng chả đã từng bị phá rồi! Và nếu két sắt của tôi bị phá... chiếc vương miện biến

mất?... Không! Không thể để chuyện đó xảy ra! Tôi quyết định mang nó về nhà, và rồi cất kỹ bảo vật trong hộp tủ buồng thay đồ ở lầu một, lúc đó tôi mới thở phào nhẹ nhõm.

“Bây giờ, thưa ông Holmes, tôi cần phải cho ông biết qua về những người trong nhà tôi. Tôi có hai gia nhân nam, đều ngủ ở bên ngoài nhà; ba người hầu gái đã giúp việc từ nhiều năm nay, và họ là những người rất ngay thẳng, thật thà. Một người hầu gái khác, tên là Lucy, mới vào được vài tháng, nhưng tính tình của cô ấy cũng tốt. Đó là một cô gái khá xinh đẹp, lôi cuốn nhiều chàng trai si tình thỉnh thoảng đến lảng vảng quanh nhà chúng tôi. Đó là toàn bộ gia nhân. Còn gia đình tôi thì không có mấy người. Tôi góa vợ, và chỉ có mỗi đứa con trai duy nhất, tên là Arthur. thằng con này là tất cả nỗi thất vọng của tôi. Thưa ông Holmes, kể từ khi vợ tôi qua đời, tôi dồn cả tình thương yêu cho nó. Tôi không bao giờ từ chối nó điều gì.

“Dĩ nhiên, tôi có ý định chuẩn bị cho nó kế nghiệp tôi ở ngân hàng, nhưng khốn nỗi, nó không có khiếu và cũng không thích kinh doanh. Tính tình của nó không được ngoan ngoãn cho lắm. Đến tuổi thành niên, nó gia nhập câu lạc bộ quý tộc, và trở thành bạn thân của những nhà quý tộc giàu có, sang trọng, giết thì giờ bằng những trò ăn chơi xa hoa. Cùng với họ, nó vung tiền vào những canh bạc và vào những cuộc cá ngựa. Nó thường xuyên xin thêm tiền tôi, ngoài số tiền trợ cấp hàng tháng, để thanh toán những khoản nợ cờ bạc. Hơn một lần nó đã cố gắng đoạn tuyệt với cái câu lạc bộ nguy hiểm kia, nhưng lần nào cũng vậy, George Burnwell lại lôi cuốn nó trở về với cái nhóm người đó.

“Thật sự tôi không ngạc nhiên khi thấy George Burnwell có ảnh hưởng rất lớn đối với Arthur. Ông ta lớn tuổi hơn Arthur, thuộc giới thượng lưu, hào hoa phong nhã, và rất đẹp trai. Tuy nhiên, đôi lúc nhớ lại một vài lời khinh bạc và vô sỉ của George Burnwell, nhớ lại ánh mắt tinh ma quỷ quái của ông ta, tôi cảm thấy nghi ngại: con người này khó có thể tin cậy được.

“Và đó cũng là ý kiến của cô bé Mary, cháu gái của tôi. Tôi thương nó như là con ruột của mình vậy. Nó là ánh sáng mặt trời ấm áp trong nhà, một thiếu nữ vừa xinh đẹp vừa tốt bụng, dịu dàng, đồng thời là một người quản

lý giỏi giang, trông coi đắc lực mọi công việc nội trợ trong nhà. Mary chỉ làm trái ý tôi một điều duy nhất là nó đã hai lần từ chối lời cầu hôn của Arthur. Tôi lấy làm buồn vì nghĩ rằng nếu có một người nào đó có thể đưa Arthur trở thành người tử tế thì người đó chính là Mary, chứ không phải ai khác.

“Thưa ông Holmes, buổi tối hôm đó, trong phòng khách, tôi kể lại cho Arthur và Mary nghe câu chuyện về cái vương miện, nhưng không tiết lộ tên của người chủ.

“Sau khi pha cà phê xong, Lucy đã rời khỏi phòng, tôi nhớ chắc như thế, nhưng không nhớ rõ cửa phòng có được đóng lại hay không.

“Mary và Arthur cùng tỏ ra thích thú và đòi được xem cái vương miện. Tôi từ chối.

- Ba cất nó ở đâu? - Arthur cố dò hỏi.

- Trong tủ đồ riêng của ba.

- Con hy vọng ngôi nhà này sẽ không bị trộm thăm viếng trong đêm nay.

- Tủ đã được khóa kỹ.

- Ăn thua gì! - Arthur nói - Bất cứ chiếc chìa khóa cũ nào cũng có thể mở nó ra được. Khi còn bé, chính con đã mở nó với chìa khóa của cái rương đựng bát đĩa, muối thìa....

“Arthur có tật thường nói đến bất cứ điều gì, còn tôi lại không bao giờ chú ý đến những điều nó nói. Tuy nhiên, buổi tối hôm đó, nó theo vào tận phòng riêng của tôi với một vẻ mặt rất nghiêm trọng:

- Thưa ba, ba có thể cho con hai trăm bảng được không? - Arthur hỏi, mắt cứ nhìn xuống...

- Không, ba đã quá rộng rãi với con rồi. - Tôi xẵng giọng đáp.

- Ba đã rất tốt với con, nhưng con rất cần. Nếu không, con sẽ không bao giờ có thể muối mặt mò đến câu lạc bộ đó được nữa.

- Điều đó tốt quá đi chứ.

- Dạ, nhưng chắc ba không muốn con trai của ba bị mất danh dự chứ? Con phải tìm cho ra tiền, nếu ba không cho con số tiền đó, con sẽ tìm cách khác.

- Con sẽ không có một xu nào hết. Đừng nài nỉ vô ích! - Tôi giận dữ đáp lại vì đó là lần thứ ba trong tháng này nó xin tiền tôi.

“Nó nghiêng mình, và lặng lẽ rời khỏi phòng.

“Khi nó đi rồi, tôi mở ngăn tủ đựng đồ ra để biết chắc chắn là cái kho báu vẫn còn nằm trong đó, rồi cẩn thận khóa lại. Xong, tôi đi một vòng xung quanh nhà để xem có điều gì bất thường không. Công việc này thường do Mary đảm nhiệm, nhưng buổi tối hôm đó tôi đích thân làm. Khi đi xuống cầu thang, tôi thấy Mary đang đứng một mình ở cửa sổ phòng lớn. Lúc tôi đến gần, nó đóng cửa sổ lại và gài thật cẩn thận. Nó có vẻ hơi bối rối, hỏi tôi:

- Thưa bác, tối nay bác có cho phép Lucy đi ra ngoài không?

- Không!

- Cô ta vừa trở vào nhà bằng lối cửa sau. Con dám chắc ả đã đi gặp một anh chàng nào đó, phía cái cửa ngách. Thật là một hành động không đứng đắn tí nào! Con thấy, có lẽ chúng ta phải chấm dứt cái trò đùa đờn này.

- Sáng mai con hãy nói với cô ta. Con có chắc chắn là tất cả các cửa đều đã được đóng kỹ không?

- Dạ, chắc.

- Vậy, chúc con ngủ ngon!

“Tôi hôn nó, rồi trở về phòng mình.

“Thưa ông Holmes, tôi cố gắng nói cho ông biết hết mọi chi tiết liên quan đến vụ này. Nhưng nếu ông thấy có điểm nào không được rõ, xin ông cứ hỏi lại, đừng ngại gì cả.”

- Ông kể lại khá rõ ràng rồi.

- Tôi thường ngủ không say lắm. Đêm hôm đó, do nỗi lo âu đè nặng tâm trí, tôi càng khó ngủ hơn. Khoảng 2 giờ sáng, một tiếng động khẽ trong nhà làm tôi giật mình, tiếng động đó im bật khi tôi hoàn toàn tỉnh ngủ. Nhưng tôi có cảm giác như thể một cánh cửa sổ ở đâu đó đã được đóng lại thật êm. Tôi cố lắng tai nghe. Thành linh, tôi ngồi nhồm dậy: có tiếng chân đi rất nhẹ trong căn phòng kế bên. Tôi liền nhảy xuống giường và chạy đến mở cửa phòng thay đồ ra.

- Arthur! - Tôi kêu lên. - Thằng vô lại! Đồ ăn cắp! Sao mày dám đụng đến chiếc vương miện đó?

“Cạnh chiếc đèn đã vặn nhỏ lại, thằng khốn nạn chỉ mặc mỗi áo sơ mi và quần dài, hai tay đang bê cái vương miện. Dường như nó đang cố gắng hết sức để vặn hay bẻ cong chiếc vương miện lại. Nghe tiếng la của tôi, nó buông chiếc vương miện rơi xuống sàn nhà, gương mặt tái mét. Tôi lượm chiếc vương miện lên thật nhanh và xem xét. Một góc bằng vàng, với ba viên ngọc beryl gắn vào đó, đã bị sút mất.

- Thằng bất hiếu! - Tôi giận dữ hét lên - Mày đã phá hỏng nó! Thế này thì tao bị ô nhục suốt đời. Mày lấy cắp ba viên ngọc rồi, phải không?

- Lấy cắp? - Nó lặp lại câu hỏi.

- Phải, mày đã lấy cắp ba viên ngọc beryl! - Tôi hét lớn và nắm lấy vai nó, lắc mạnh.

- Nhưng có thiếu viên ngọc nào đâu!

- Thiếu ba viên! Mày vừa là một thằng lừa dối, vừa là một tên trộm cắp.

- Ba đã gọi con bằng những từ không thể chấp nhận được; con không thể chịu đựng những lời nhục mạ của ba lâu hơn nữa. Con sẽ không nói thêm một lời nào về vụ này. Con sẽ rời khỏi nhà của ba và tự lo lấy thân mình.

- Mày sẽ rời khỏi nhà tao giữa hai viên cảnh sát! - Tôi hét lên đầy giận dữ - Vụ này sẽ được đưa ra công lý, tao thề như thế!

- Con sẽ không nói gì cả! - Nó đáp, với một vẻ quyết liệt tôi chưa thấy bao giờ - Ba đã muốn gọi cảnh sát, thì cứ để cảnh sát làm việc.

“Trong lúc đó, mọi người trong nhà đã thức dậy. Mary là người đầu tiên chạy vào, trông thấy chiếc vương miện và nhìn gương mặt của Arthur, nó đoán biết đầu đuôi câu chuyện, kêu lên một tiếng và ngã quỵ xuống sàn, bất tỉnh. Tôi cho chị hầu phòng đi gọi cảnh sát. Lát sau, một thanh tra và một cảnh sát viên đến. Arthur, này giờ vẫn khoanh tay đứng im, vẻ mặt bức tức, lên tiếng hỏi tôi có ý định tố cáo nó về tội trộm cắp hay không. Tôi trả lời với nó rằng vụ này không còn là vụ riêng tư nữa, và tôi muốn pháp luật được thi hành triệt để.

- Ít nhất, xin ba đừng cho bắt con ngay bây giờ! Vì quyền lợi của ba cũng như của con, xin ba hãy để con ra ngoài năm phút!

- Phải chăng mày muốn bỏ trốn, hay mày muốn cất giấu mấy viên ngọc?

“Ý thức được tất cả tình hình khủng khiếp của vấn đề, tôi năn nỉ nó hiểu cho rằng vụ này có thể gây tai tiếng ghê gớm, ảnh hưởng tai hại đến uy tín quốc gia. Tất cả những nguy cơ đó hãy còn có thể tránh được...”

- Con đủ lớn khôn để nhận thức được tất cả tầm quan trọng của vụ này và đối mặt với nó. Con đã bị bắt quả tang, không một lời thú nhận nào có thể giảm nhẹ tội lỗi của con được. Nhưng con có thể nhận sự khoan hồng bằng cách nói cho ba biết, những viên ngọc đó ở đâu. Ba sẽ tha thứ hết.

- Ba hãy để dành sự tha thứ cho những kẻ nào cần đến nó! - Arthur quay lưng lại và cười gằn.

“Nghĩ rằng không còn cách nào thuyết phục được Arthur, tôi đành giao nó cho viên thanh tra cảnh sát canh giữ. Liền đó Arthur bị khám xét, cảnh sát cũng lục soát phòng riêng của nó và tất cả những góc ngách trong nhà, nhưng không tìm thấy gì! Và nó vẫn không nói một lời nào. Sáng nay, nó đã bị tổng giam. Còn tôi, sau khi làm xong tất cả mọi thủ tục cần thiết liền chạy thẳng đến đây. Hiện tại, cảnh sát đã thú nhận là bất lực. Thưa ông Holmes, nếu có yêu cầu gì, xin ông hãy cứ nói, tôi đã treo thưởng một nghìn bảng... Chúa ôi! Chỉ trong một đêm, tôi đã mất hết danh dự và đứa con trai duy nhất! Ôi, làm sao bây giờ?”

Ông ta đưa hai bàn tay lên ôm lấy mặt, lắc qua lắc lại, miệng nói lầm bầm những lời vô nghĩa như một đứa trẻ.

Sherlock Holmes ngồi im lặng trong vài phút, đôi mày nhíu lại, mắt nhìn đăm đăm vào ngọn lửa trong lò sưởi.

- Ông có thường tiếp khách không?

- Tôi không tiếp ai cả, ngoại trừ những nhà hùn vốn và gia đình của họ, hoặc thỉnh thoảng là một người bạn của Arthur. Nhưng thời gian gần đây, George Burnwell có đến nhà tôi nhiều lần. Ngoài ra, không có ai khác.

- Ông có thường hay đến chỗ này chỗ kia chơi không?

- Arthur thì có. Mary và tôi ở nhà. Cả Mary và tôi đều không thích đi chơi.

- Đó là một điều lạ lùng đối với một thiếu nữ!

- Nó là đứa con gái trầm lặng. Và nó cũng không còn bé bỏng gì nữa, đã hai mươi bốn tuổi rồi.

- Theo lời ông kể lại, vụ này cũng đã gây cho cô ấy cơn xúc động ghê gớm, phải không?

- Phải, Mary đã ngã ra bất tỉnh.

- Cả cô ấy lẫn ông đều không chút nghi ngờ về tội lỗi của con trai ông?

- Còn nghi ngờ gì nữa, khi chính mắt tôi trông thấy chiếc vương miện nằm trong tay của Arthur?

- Đó chưa phải là một bằng chứng để buộc tội. Có phải phần còn lại của chiếc vương miện đã bị hư hại không?

- Đúng, nó bị cong vẹo chút ít.

- Vậy ông không nghĩ rằng con trai của ông đang tìm cách uốn nắn nó hay sao?

- Ông đang cố gắng làm những gì có thể cho nó và cho tôi! Nhưng đó là một việc quá khó khăn. Tại sao nó lại có mặt ở đó, để làm gì vậy? Với chiếc vương miện trong tay? Và nếu nó vô tội, tại sao nó không nói mà cứ im lặng?

- Đúng! Và nếu cậu ấy có tội, tại sao cậu không bịa ra một điều nói láo thay vì im lặng? Trong vụ này còn có nhiều chi tiết lạ. Về cái tiếng động đã đánh thức ông dậy, ý kiến của cảnh sát thế nào?

- Cảnh sát nói, tiếng động có thể do Arthur gây ra khi đóng cửa phòng của mình lại.

- Rất khó tin! Không một người nào sắp sửa làm một hành động bất lương lại đóng sầm cửa phòng của mình lại để đánh thức người khác dậy! Còn về ba viên ngọc?

- Họ tiếp tục lục lọi trong nhà với hy vọng sẽ tìm lại được chúng.

- Họ có nghĩ đến việc tìm ở bên ngoài ngôi nhà không?

- Có. Toàn bộ khu vườn đã được xem xét rất tỉ mỉ và không sót một chỗ nào.

- Thưa ông, vụ này phức tạp hơn nhiều so với tưởng tượng ban đầu của cảnh sát. Xin ông hãy xét kỹ lại giả thiết của ông. Ông cho rằng con trai ông đã rời khỏi phòng của cậu ấy, để đi vào phòng thay đồ của ông (một hành động rất liều lĩnh), mở tủ của ông ra, lấy chiếc vương miện, dùng hết sức lực bẻ gãy một góc nhỏ của nó, rồi ra khỏi phòng, đi đến một chỗ X nào đó để cất giấu ba viên ngọc (và cất giấu một cách tài tình đến độ không ai có thể tìm ra được), rồi cậu ấy lại mang ba mươi sáu 510 Arthur Conan Doyle viên ngọc còn lại trở vào căn phòng (nơi mà cậu ấy rất dễ dàng bị phát giác). Nào, tôi xin hỏi ông một giả thiết như thế có đứng vững được không?

- Nhưng, như vậy thì theo ông, còn có giả thiết nào khác nữa? - Ông chủ ngân hàng kêu lên với một cử chỉ vô cùng tuyệt vọng - Mà nếu động cơ của nó ngay thật, tại sao nó không nói cho tôi biết?

- Việc đầu tiên của chúng ta là phải làm sáng tỏ điểm này. Vậy, nếu ông bằng lòng, chúng ta hãy cùng đến Streatham, ở đó chúng ta sẽ xem xét thật kỹ một số chi tiết.

Holmes yêu cầu tôi cùng đi với anh và ông Holder. Tôi nhận lời ngay. Thú thật, cũng như ông Holder, tôi thấy người thanh niên đó đã phạm tội rõ ràng. Nhưng tin tưởng vào tài xét đoán và suy luận ít khi sai lầm của Holmes, tôi vẫn còn một vài hy vọng: ngay từ đầu, Holmes đã bác bỏ giả thiết quá đơn giản về tội chứng của Arthur.

Fairbank là một ngôi nhà bằng đá trắng, hình dáng vuông vức, nằm hơi cách xa đường cái một chút. Có một con đường vòng khá rộng để hai chiếc xe có thể chạy song song với nhau và một lối chạy dài đến trước hai chiếc cổng sắt. Ở bên phải, có một rặng cây nhỏ dẫn đến lối đi giữa hai hàng rào cây xanh, dẫn tới cửa nhà bếp và là lối đi dành cho gia nhân. Ở bên trái có một lối đi khác, nhằm thẳng hướng chuồng ngựa; nó chạy quanh co bên ngoài khu vực ngôi nhà. Thỉnh thoảng, những người dân ở gần đây cũng đi theo lối này. Holmes dừng lại trước cửa lớn, chầm chậm đi khắp xung quanh nhà. Anh qua hết mặt trước của ngôi nhà, đi xuống lối đi dành cho gia nhân, vòng quanh khu vườn rồi trở lên bằng lối dẫn đến chuồng ngựa. Thấy anh không có vẻ gì vội vã, ông Holder và tôi bèn đi vào phòng ăn,

ngồi chờ bên lò sưởi. Chúng tôi ngồi im lặng được một lúc thì một thiếu nữ xuất hiện. Cô gái hơi cao hơn trung bình một chút, thân hình mảnh dẻ, mái tóc và đôi mắt sẫm màu nổi bật trên làn da trắng muốt. Gương mặt xanh xao, đôi môi nhợt nhạt, ánh mắt cô biểu lộ một sự cầu xin nín lặng nhưng vô cùng tha thiết. Khi cô tiến vào phòng với một dáng đi nhanh nhẹn và nhịp nhàng, tôi nhận thấy nỗi đau buồn của cô còn có phần sâu sắc hơn cả vẻ đau buồn của ông chủ ngân hàng. Không quan tâm đến sự hiện diện của tôi, cô tiến thẳng về phía ông Holder, nhẹ nhàng áp hai bàn tay vào mặt ông và nói:

- Bác đã bảo người ta thả anh Arthur ra chưa ạ?
- Không, con ạ! Ung nhọt cần phải cắt bỏ.
- Nhưng con chắc rằng anh ấy vô tội! Bác biết không, trực giác của phụ nữ rất ít khi lầm. Bác sẽ hối hận khi tỏ ra quá khắt khe với anh ấy đấy, bác ạ!
- Nếu vô tội, tại sao nó lại làm thình?
- Ai mà biết được? Có lẽ anh ấy giận bác đã nghi ngờ anh ấy.
- Làm sao bác không nghi ngờ nó được? Chính mắt bác trông thấy nó cầm chiếc vương miện mà.
- Ồ, anh ấy chỉ xem thôi... Bác hãy tin con, anh ấy không có tội! Bác hãy bỏ qua vụ này đi. Thật là đáng sợ khi nghĩ rằng Arthur phải vào tù!
- Bác sẽ không bỏ qua vụ này trước khi tìm lại được những viên ngọc. Thay vì bỏ qua, bác đã mời từ London về một thám tử đại tài, ông ta sẽ làm sáng tỏ tất cả, bác tin chắc như thế!
- Có phải là ông đây không? - Cô nàng hỏi, đưa mắt nhìn tôi.
- Không, bạn của ông ấy. Lúc này, thám tử đang đi vòng theo lối đến chuồng ngựa.
- Lối đi đến chuồng ngựa...? - Nàng nhướn đôi mày đen lên - Ông ấy có thể hy vọng tìm được gì ở đó? Và chắc là ông ấy đây rồi. Thưa ông, tôi tin rằng ông sẽ chứng minh được sự vô tội của Arthur. Tôi tin chắc là anh ấy bị oan.
- Tôi hoàn toàn đồng ý với cô. Cũng như cô, tôi hy vọng sẽ chứng minh được sự vô tội của cậu ấy. - Holmes vừa đáp, vừa quay trở lại chỗ tắm tắm

chùi chân để chùi sạch lớp tuyết bám vào giày - Chắc là tôi đang được hân hạnh nói chuyện với cô Mary phải không? Cô có thể cho phép tôi hỏi một vài câu không?

- Xin ông cứ hỏi! Tôi rất mong điều bí ẩn khủng khiếp này được làm sáng tỏ...

- Về phần cô, cô có nghe thấy gì trong đêm vừa qua?

- Không gì hết, cho đến khi bác tôi la lên. Lúc đó tôi mới chạy xuống.

- Khi đóng những cửa lớn và cửa sổ, cô có đóng kỹ tất cả các cửa sổ không?

- Có.

- Sáng nay, tất cả những cửa sổ đó vẫn còn được đóng kín chứ?

- Vâng.

- Một trong những chị hầu phòng có tình nhân, phải không? Và tối hôm qua, cô có bảo cho ông chủ biết rằng chị ấy đã đi ra ngoài để gặp anh ta?

- Phải. Lúc chị ấy pha cà phê trong phòng khách, có lẽ chị ấy đã nghe bác tôi nói về chiếc vương miện.

- Tôi hiểu. Cô suy ra rằng chị ấy có thể đã đi ra ngoài để báo cho tình nhân biết, và cả hai người đó đã sắp đặt kế hoạch để lấy trộm chiếc vương miện?

- Nhưng chúng ta còn đặt ra những giả thiết phiêu lưu đó để làm gì? - Ông chủ ngân hàng gắt gỏng - Bởi vì tôi đã nói rằng, chính mắt tôi trông thấy Arthur đang cầm chiếc vương miện trong tay mà!

- Xin ông kiên nhẫn cho một chút! Chúng ta vẫn còn phải trở lại giả thiết về chị hầu phòng. Cô Mary, cô đã trông thấy chị ấy trở vào bằng cửa nhà bếp, phải không?

- Phải. Khi tôi đi xem xét, coi cửa nhà bếp đã đóng chưa, tôi đã trông thấy chị ấy tuồn êm vào nhà. Dù là trong sương mù, tôi vẫn trông thấy tình nhân của chị ấy.

- Cô có biết anh ta không?

- Có chứ! Anh ta tên là Francis.

- Anh ta đứng ở mé trái nhà bếp, nghĩa là hơi xa một chút, trong lối đi? - Holmes suy luận.

- Phải.

- Và anh ta có một cái chân gỗ?

Một thoáng lo lắng hiện lên trong đôi mắt của người thiếu nữ.

- Phải chăng ông là một vị thánh? - Cô lo lắng nhưng vẫn mỉm cười, kêu lên - Làm sao ông biết được điều đó?

Nhưng Holmes không đáp lại nụ cười của cô. Anh nói như đề nghị:

- Tôi cần xem xét trên gác. Và có thể là tôi sẽ quan sát lại khắp xung quanh nhà một lần nữa. Nhưng trước khi lên gác, có lẽ tôi nên xem xét kỹ những cửa sổ của tầng dưới...

Anh nhanh chóng đi từ cửa sổ này đến cửa sổ khác và dừng lại một lúc trước cửa sổ lớn trông ra lối đi dẫn đến chuồng ngựa. Anh mở ra và dùng chiếc kính lúp xem xét thật tỉ mỉ thành cửa sổ.

- Tốt! Bây giờ chúng ta có thể lên gác. - Sau cùng anh nói.

Phòng thay đồ của ông chủ ngân hàng là một căn phòng nhỏ đầy đủ tiện nghi với tấm thảm màu xám, một tủ lớn và một gương soi hình chữ nhật. Holmes tiến đến chiếc tủ và nhìn chăm chú vào ổ khóa.

- Ông thường mở bằng chìa nào?

- Chiếc chìa mà con trai tôi đã chỉ: chìa khóa của chiếc rương để trong phòng chứa đồ, không dùng đến nữa.

- Nó có ở đây không?

- Ở trên nóc tủ.

Holmes lấy chiếc chìa khóa và mở tủ ra.

- Chìa khóa này không gây một tiếng động nào cả. Do đó, kẻ gian mở tủ mà vẫn không làm cho ông thức giấc. Chắc cái hộp này đựng chiếc vương miện? Mong ông cho phép tôi xem xét nó một chút.

Anh mở hộp, lấy vương miện ra. Một đầu của vương miện cong lại và đã gãy: một góc chứa ba viên ngọc đã bị bẻ đi mất.

- Ông Holder, đây là góc đối xứng với cái góc đã bị mất. Tôi có thể yêu cầu ông thử bẻ gãy nó được không?

Ông chủ ngân hàng kinh hãi, lùi lại:

- Không! Tôi không thể làm chuyện đó được!

- Vậy thì tôi sẽ thử...

Holmes lấy hết sức bẻ mạnh, nhưng không hề hấn gì.

- Tôi tin chắc nó chỉ hơi cong một chút xíu thôi. - Anh bình thản nhận xét - Dù những ngón tay của tôi có khỏe đến mấy, tôi cũng không thể bẻ gãy nó được. Nhưng, ông hãy cứ cho là tôi bẻ gãy được đi: nó sẽ phát ra một tiếng rắc khô khan và khá lớn, gần như tiếng nổ của một phát súng lục vậy. Và nếu như một tiếng động như vậy mà chỉ phát ra cách giường ông có vài mét, có thể nào ông lại không nghe thấy gì?

- Ôi, tôi như người đang chìm trong bóng tối.

- Có lẽ tất cả sẽ sáng tỏ, nếu chúng ta tiếp tục. Cô Mary, cô nghĩ sao?

- Tôi cũng không biết phải nghĩ sao nữa.

- Con trai của ông có mang giày dép gì không, khi ông trông thấy cậu ấy?

- Trên mình nó chỉ có một chiếc áo sơ mi và chiếc quần tây dài.

- Cảm ơn ông! Chúng ta có được sự may mắn lạ thường, vậy nếu không làm sáng tỏ được vấn đề, thì đó là lỗi của chúng ta.

Holmes ra ngoài một mình, làm việc trong một tiếng đồng hồ, rồi trở vào nhà với hai bàn chân dính đầy tuyết và một gương mặt lạnh lùng khó hiểu:

- Thưa ông, bây giờ, điều duy nhất mà tôi có thể làm để giúp ông, là trở về nhà tôi.

- Nhưng còn mấy viên ngọc?

- Tôi chưa thể nói ra được.

Ông chủ ngân hàng vịn hai bàn tay vào nhau:

- Vậy là tôi sẽ không bao giờ lại trông thấy chúng! - Ông ta kêu lên - Còn con trai tôi?

- Tôi vẫn không thay đổi ý kiến về cậu ấy.

- Vậy, tôi van ông, xin ông giải thích, sự việc là như thế nào?

- Nếu sáng mai, ông có thể đến nhà tôi, trong khoảng từ 9 đến 10 giờ, tôi sẽ giải thích cho ông rõ tất cả. Có phải ông đã giao cho tôi toàn quyền chi tiêu, miễn sao thu hồi lại được ba viên ngọc?

- Tôi sẵn sàng chi cả gia tài!

- Tốt lắm. Bây giờ tôi đi lo việc đó. Xin chào ông.

Trong chuyến đi trở về, tôi tìm cách dò hỏi, nhưng Holmes trả lời rất vu vơ. Chúng tôi về đến nhà trước 3 giờ chiều. Holmes chạy thẳng vào phòng, vài phút sau anh trở ra, cải trang thành một anh bồi: Cổ áo cuộn tròn, bộ đồ sờn rách với chiếc càvạt đỏ và đôi giày mòn gót.

- Như thế này là được rồi. - Anh vừa nói, vừa ngắm nghía mình trong gương - Trong vụ này, có thể giả thiết của tôi đúng, nhưng cũng có thể là tôi sai lầm. Nhưng dù sao, rồi tôi cũng sẽ biết rõ sự thật.

Anh cắt một lát thịt bò nướng, kẹp vào giữa hai miếng bánh mì, và ra đi.

Khi anh trở về, tôi vừa uống xong tách trà. Trông anh là có thể thấy rõ ngay vẻ vui tươi: Anh xách hai chiếc giày cũ bằng đầu sợi dây giày, đóng đưa qua lại, rồi ném vào góc phòng. Tôi rót cho anh một tách trà.

- Tôi chỉ về một lát, rồi lại đi ngay, để tiếp tục cuộc điều tra.

- Ở đâu vậy?

-Ồ, ở tận đầu kia của khu West End. Và tôi chưa biết mấy giờ tôi sẽ về. Vậy nên anh không cần chờ tôi!

- Có triển vọng không?

- Không tệ lắm! Tôi đã đến Streatham, nhưng không vào nhà. Vụ này có một vấn đề nhỏ rất lý thú. Thôi, tôi chỉ còn vừa đủ thì giờ để thay đồ.

Qua những lời nói có vẻ hơi mơ hồ của anh, tôi hiểu anh đã đạt được những kết quả rất khả quan. Chờ đến khuya vẫn chưa thấy anh về, tôi bèn đi ngủ. Tôi không biết Holmes về lúc mấy giờ, nhưng sáng hôm sau, khi xuống phòng khách để ăn điểm tâm, tôi đã thấy anh ngồi đó tự bao giờ, tươi tỉnh và khỏe khoắn, tay này cầm một tờ báo, tay kia là tách cà phê.

- Xin lỗi, tôi đã không đợi anh cùng ăn. Nhưng chúng ta có hẹn với thân chủ, và bây giờ đã hơn 9 giờ rồi.

- Thật vậy, dường như tôi vừa mới nghe có tiếng chuông reo.

Quả đúng là ông chủ nhà băng của chúng tôi. Chỉ mới qua một đêm mà ông tiêu tụy hẳn! Ông vào phòng với vẻ mệt mỏi và đờ đẫn. Tôi đẩy chiếc ghế bành đến cho ông, và ông liền ngồi phịch xuống.

- Không biết tôi đã làm gì nên tội! Cách đây hai hôm, tôi còn là một người thành đạt và sung sướng. Nhưng hôm nay, tôi đã khốn khổ nhất trần đời. Họa vô đơn chí, con nhỏ đã ra đi rồi!

- Mary bỏ đi rồi à?

- Phải. Sáng nay. Phòng nó trống trơn, trên bàn có một lá thư. Ngày hôm qua, trong cơn đau buồn, tôi có quở trách nó, rằng tất cả câu chuyện thâm này sẽ không xảy đến, nếu trước đây nó bằng lòng kết hôn với Arthur. Trong thư, nó nhắc đến lời trách móc đó.

“Thưa bác rất yêu quý của con!

Con thấy rằng con là nguyên nhân gây ra tai họa cho bác, rằng nếu con hành động khác đi thì tai họa đã không xảy đến. Với ý nghĩ này ám ảnh trong đầu, con sẽ không thể tiếp tục an nhiên sống ở trong nhà bác được nữa; vậy tốt hơn con nên rời xa. Xin bác đừng lo lắng cho tương lai của con; con không thiếu thốn gì đâu. Nhất là xin bác đừng kiếm tìm con mà mất thì giờ vô ích. Dù còn sống hay chết, mãi mãi con vẫn là Mary thương yêu của bác.”

- Ông Holmes, liệu Mary có tự tử không?

- Không! Cô ấy đã chọn giải pháp tốt nhất; ông Holder, tai họa của ông sắp chấm dứt rồi.

- Thế à? Nhưng ngọc đâu?

- Ông có nghĩ rằng một nghìn bảng cho mỗi viên ngọc là một số tiền quá lớn không?

- Tôi sẵn sàng trả mười nghìn bảng!

- Không cần nhiều đến thế! Chỉ cần ba nghìn thôi. Cộng thêm một số tiền thưởng nhỏ nữa, được không? Ông có mang theo cuốn ngân phiếu không? Đây, bút đây. Ông chỉ cần viết một ngân phiếu bốn nghìn bảng, thì mọi việc sẽ êm đẹp cả.

Ông chủ nhà băng mừng quýnh, tay run run viết tờ ngân phiếu. Holmes đi đến bàn giấy của anh, lấy ra một miếng tam giác nhỏ bằng vàng có gắn ba viên ngọc beryl và ném nó lên bàn.

- Nó đây rồi! Ông đã tìm ra nó! - Vị chủ nhà băng cứ lấp ba lấp bấp - Tôi thoát nạn rồi! Thoát nạn rồi! Thoát nạn rồi! - Ông siết chặt những viên ngọc vào ngực.

- Ông còn mắc nợ một điều khác nữa, ông Holder. - Holmes nói với một vẻ nghiêm khắc.

- Tôi còn mắc nợ? - Ông ta vừa hỏi lại, vừa cầm cây bút lên - Hãy nói cho tôi biết bao nhiêu, tôi vui lòng đền đáp.

- Không, ông không còn mắc nợ tôi gì cả. Nhưng ông phải thiết tha xin lỗi con trai ông. Đó là một tâm hồn cao quý. Trong vụ này, cậu ấy đã hành động một cách dũng cảm và cao thượng.

- Arthur không ăn cắp sao?

- Tôi đã nói với ông ngày hôm qua, và tôi xin khẳng định điều đó trong ngày hôm nay: Không!

- Chắc chắn chứ? Vậy chúng ta hãy đến ngay nhà giam báo cho nó biết.

- Cậu ấy đã biết rồi! Sau khi làm rõ được sự thật, tôi có đến nhà giam nói chuyện với cậu ấy. Vì cậu ấy không chịu mở miệng, nên tôi đã nói cho cậu ấy biết hết mọi điều. Cậu ấy thừa nhận tôi suy xét đúng sự thật. Và cậu ấy giải thích thêm vài chi tiết hãy còn hơi lơ mờ. Cái tin về cô Mary sẽ khiến cậu ấy kể mọi việc cho ông biết.

- Tôi van ông, xin ông hãy nói hết cho tôi nghe!

- Vâng. Nhưng tôi buộc phải bắt đầu bằng sự việc đau lòng nhất đối với ông: Thủ phạm là Mary và George Burnwell! Bây giờ, họ đã trốn rồi.

- Con bé á? Không thể có chuyện đó!

- Khốn thay, đây không phải là chuyện “có thể” hay “không thể”, mà là sự thật! Cả ông và con trai ông đều không hiểu rõ bản chất của George Burnwell. Đó là một trong những người nguy hiểm nhất ở nước Anh: tay cờ bạc sạt nghiệp, tên lưu manh bất trị, một kẻ không còn lương tâm. Cô cháu gái của ông hoàn toàn không biết gì về hắn cả. Khi ông ta bắt đầu tán tỉnh cô ấy (cũng như ông ta đã tán tỉnh hàng trăm phụ nữ trước đó), Mary đã hãnh diện, nghĩ rằng cô là người đầu tiên và duy nhất làm cho trái tim ông ta rung động. Chỉ có quỷ mới biết được những gì tên lưu manh đó đã nhỏ to với Mary. Có điều chắc chắn là, trong vòng tay của hắn, cô ấy đã trở thành một món đồ chơi: Gần như đêm nào hai người cũng lén lút gặp nhau.

- Tôi không tin, không thể tin được! - Ông chủ nhà băng hét lên, gương mặt tái mét.

- Tốt! Vậy tôi sẽ kể cho ông nghe những gì đã xảy ra ở nhà ông đêm hôm đó. Khi ông đi về phòng mình thì Mary lên ra khỏi phòng cô ấy, đến

đứng bên cửa sổ trông ra lối dẫn tới chuồng ngựa và nói chuyện với tình nhân đang đứng ở bên ngoài. Dấu chân của gã bất lương in rõ trên tuyết trong suốt thời gian hắn đứng bên cửa sổ. Mary đã nói với hắn về chiếc vương miện. Lòng tham của kẻ thối tha đó nổi dậy và hắn thuyết phục cô nàng đánh cắp bảo vật. Vừa nghe xong những lời dụ dỗ đó, Mary bỗng thấy ông đang đi xuống cầu thang, cô vội vã đóng cửa sổ lại và kể cho ông nghe về chuyện chị hầu phòng.

“Về phần con trai ông, sau khi xin tiền ông không được, cậu trở về phòng mình nằm trần trọc mãi, tâm trí lo âu bởi những món nợ. Lúc nửa đêm, cậu nghe có tiếng bước chân đi nhẹ qua cửa phòng mình. Cậu liền ngồi dậy, nhìn ra ngoài hành lang và kinh ngạc thấy Mary đi vào trong phòng thay đồ của ông. Sinh nghi, cậu liền mặc vội sơ mi và quần dài, rồi đứng núp trong bóng tối. Một lát sau, Mary xuất hiện dưới ánh sáng của chiếc đèn đặt ở dãy hành lang, và con ông thấy rõ cô cầm chiếc vương miện đi xuống cầu thang. Kinh hãi, cậu liền chạy đến ẩn mình sau tấm màn gần cửa phòng ông. Tại đó, cậu thấy cô gái nhẹ mở chiếc cửa sổ lớn, trao vương miện cho một kẻ nào ở bên ngoài, rồi nhanh chóng đóng cửa sổ lại và trở về phòng của nàng.

“Chừng nào Mary vẫn còn đứng ở đó, Arthur không thể làm được gì vì không muốn gây tai tiếng cho người mà cậu thương yêu.

“Nhưng khi nàng đi rồi, cậu liền chạy xuống cầu thang với đôi chân trần. Cậu mở chiếc cửa sổ lớn, nhảy ra ngoài tuyết và lao mình trên lối đi dẫn đến chuồng ngựa. Đứng trước cậu hiện ra lơ mơ một bóng người đàn ông đang chạy: George Burnwell cố chạy trốn, nhưng Arthur đã tiến sát đến ông ta. Hai người giành giật với nhau, con ông giữ một mé vương miện và gã sở khanh giữ mé kia. Con trai ông đã nện cho tên lưu manh một nhát khá nặng ở phía trên mắt. Rồi thành linh nghe có một tiếng “rắc” khô khan. Nhưng con trai ông, nhận thấy mình đã giựt được vương miện, liền chạy trở về nhà, đóng cửa sổ lại, leo lên phòng thay đồ của ông. Chính lúc cậu nhận thấy chiếc vương miện đã bị bẻ cong và cố uốn cho nó thẳng lại thì ông xuất hiện...”

- Có thể nào lại như thế được chẳng? - Ông chủ nhà băng thăm thì.

- Và lúc đó, ông đã làm cho cậu ấy giận dữ bằng những lời mắng nhiếc thậm tệ. Nhưng cậu đã chọn giải pháp cao thượng nhất: Im lặng để giữ bí mật cho cô nàng.

- Bây giờ tôi mới hiểu, tại sao con nhỏ đã la lên một tiếng rồi bất tỉnh, khi nó trông thấy chiếc vương miện! - Ông Holder đau đớn nói - Chúa ơi, tôi thật là u mê. Và con tôi đã xin tôi để nó đi ra ngoài trong năm phút! Thằng bé muốn trở lại chỗ nó đã đánh nhau với tên ác ôn để tìm miếng vương miện bị bẻ... Ôi, tôi rất có lỗi với con tôi.

- Khi đến nhà ông, tôi liền đi một vòng xung quanh, hy vọng tìm được những dấu chân trên tuyết. Tôi biết rằng đêm hôm trước đó tuyết không rơi, và không khí lạnh giá giữ được nguyên vẹn những dấu vết. Tôi men theo lối đi dành cho gia nhân, nhưng ở đây đã có quá nhiều dấu chân giẫm lên nhau và tôi không thể phân biệt được gì nữa. Tuy nhiên, tôi cũng nhận ra rằng cách cửa nhà bếp không xa, một người đàn bà đã dừng lại và nói chuyện với một người đàn ông, dấu chân người đó để lại có hình tròn ở một bên, chứng tỏ người đàn ông này dùng một cái nạng gỗ... Sau đó, tôi đi khắp khu vườn, nhưng chỉ tìm thấy ở đó những dấu chân của các cảnh sát. Trái lại, khi đi theo lối dẫn đến chuồng ngựa, tôi đã khám phá được cả một câu chuyện rất dài và rất phức tạp. Chính những dấu chân còn in rõ mồn một trên tuyết đã kể cho tôi biết.

“Có hai loại dấu chân song song với nhau: dấu chân của người mang giày và dấu chân của người đi chân trần. Những dấu chân trần này chỉ có thể là của con trai ông. Lần theo những dấu chân đó về phía ngôi nhà, tôi đi đến chiếc cửa sổ lớn. Ở đó tôi thấy dấu chân của người mang giày in rất sâu xuống lớp tuyết, chứng tỏ người đó đã đứng tại đây một lúc khá lâu, có lẽ là để chờ đợi. Rồi, vẫn lần theo những dấu chân, tôi quay trở lại đầu kia của lối đi. Cách chừng 100m, tôi nhận ra được chỗ hai người đã dừng lại đối diện với nhau: lớp tuyết bị giẫm đạp hỗn loạn ở đây, chứng tỏ đã có một cuộc giành giật quyết liệt xảy ra. Sau cùng, tôi tìm thấy vài giọt máu, vậy là tôi đã không lầm. Người mang giày đã tháo chạy xuống mé dưới lối đi, một vết máu nhỏ ở đây chứng tỏ hắn đã bị thương. Hắn chạy ra đến con đường

lớn, nhưng đến đây thì bị mất dấu của hăn, bởi vì lẽ đường và lòng đường đã được quét sạch.

“Tuy nhiên, khi trở vào nhà, dùng kính lúp xem xét thật kỹ thành và khung của chiếc cửa sổ lớn, tôi liền nhận ra ngay có một người đã nhẩy qua đó để vào nhà. Tôi thấy rõ dấu của một bàn chân còn ướt trên bờ cửa sổ. Lúc bấy giờ, với những chi tiết được thu thập và phân tích như thế, tôi đã có thể dựng lên một giả thiết: Có một người đàn ông đứng chờ ở bên ngoài cửa sổ lớn, một kẻ nào đó trong nhà đem chiếc vương miện xuống trao cho hăn và con trai ông đã bắt gặp được sự việc này. Cậu đuổi theo tên trộm, đánh nhau với hăn, mỗi người cố gắng lôi kéo chiếc vương miện về phía mình, và sức lực của hai người cộng lại đã làm cho chiếc vương miện bị gãy mất một góc. Con trai ông thu hồi lại được chiếc vương miện, nhưng đã bỏ lại ba viên ngọc trong tay gã địch thủ ác ôn. Cho tới đó, mọi sự đều rõ ràng, hợp lý. Vấn đề đặt ra bây giờ là tìm xem tên trộm đó là ai và kẻ nào ở trong nhà đã đem chiếc vương miện xuống cho hăn.

“Trong vụ này, chắc chắn ông không phải là người đem vương miện xuống cho tên trộm. Vậy chỉ còn cô cháu gái của ông và những chị hầu phòng. Nhưng nếu thủ phạm là những chị hầu phòng thì không có lý do gì Arthur lại im lặng. Vậy chỉ còn có Mary, và tôi biết rằng Arthur rất thương yêu cô ta; điều này đủ để giải thích tại sao cậu cam chịu câm như hến... Tôi nhớ rằng ông đã bắt gặp Mary đứng bên chiếc cửa sổ đó, rằng cô nàng đã ngất xỉu khi trông thấy chiếc vương miện mà cô tưởng đang phải ở trong tay kẻ đồng lõa của mình. Thế là tôi tin giả thiết của mình khớp với sự thật.

“Nhưng ai có thể là kẻ đồng lõa của cô nàng? Dĩ nhiên đó phải là gã tình nhân. Bởi nếu không thì ai đủ sức làm cho cô ta quên được ông? Tôi biết rằng ông rất ít khi ra ngoài đi chơi, và số bạn thân của gia đình ông cũng rất ít ỏi. Nhưng trong đó có George Burnwell, một người đàn ông đầy tai tiếng đối với giới phụ nữ. Có thể chính hăn ta là kẻ đồng lõa của Mary và cũng chính hăn đang giữ những viên ngọc bị mất. Dù Arthur có biết rõ hăn là tên trộm, hăn có thể vẫn an toàn, bởi Arthur sẽ không dám tiết lộ ra điều sẽ gây tai tiếng cho gia đình mình.

“Lúc bấy giờ, tôi cải trang thành một người hầu và đến nhà ông quý tộc. Một gia nhân ở đó cho tôi biết, đêm vừa qua, ông chủ của anh ta đã vô ý tự gây ra một vết thương ở mặt. Và sau cùng, với sáu xu, tôi mua lại được một đôi giày cũ của chủ anh ta. Tôi liền chạy thẳng một mạch đến Streatham để đo xem những dấu chân đó, kích thước và hình dạng có đúng là bàn chân ông ta không: y chang!”

- Tối hôm qua, - ông Holder nói - tôi có trông thấy trên lối đến chuồng ngựa có một gã bụi đời, ăn mặc rách rưới.

- Chính là tôi đấy. Sau khi đã biết chắc tên trộm đó chính là George Burnwell, tôi trở về nhà thay quần áo. Đến đây, vai trò của tôi trở nên khó khăn hơn. Bởi vì tôi hiểu rằng không nên làm rùm beng vụ này, cốt để tránh cho ông khỏi bị tai tiếng. Tôi cũng biết rằng George Burnwell là một tên táng tận lương tâm, chắc chắn hẳn sẽ khai thác cái thế kẹt của ông. Lúc đầu hẳn chối leo lẻo... Nhưng khi tôi kể rõ từng chi tiết sự việc xảy ra đêm hôm đó, hẳn liền trở mặt xấc xược và chụp lấy một cái chùy treo trên tường. Tôi lập tức gí súng vào thái dương hẳn. Tôi đề nghị với hẳn cho tôi chuộc lại ba viên ngọc với giá ba nghìn bảng. Hẳn chặc lưỡi: “Thật là xui! Tôi chỉ bán có sáu trăm bảng mà thôi!”. Tôi bèn buộc hẳn phải cho tôi địa chỉ người mua, đổi lại tôi hứa sẽ không lôi hẳn ra tòa. Tôi chạy thẳng một mạch đến nhà người kia, và sau một hồi ngã giá, tôi mua lại được ba viên ngọc với giá một nghìn bảng mỗi viên. Xong, tôi liền tới gặp con trai ông để cho cậu ấy biết rằng, tất cả đã được giải quyết tốt đẹp. Lúc bấy giờ đã 2 giờ sáng rồi, tôi chỉ còn nghĩ đến có một việc: đi ngủ. Sau một ngày làm việc cực nhọc, đó quả là một sự nghỉ ngơi rất xứng đáng đấy chứ!

- Và ngày đó đã cứu nước Anh thoát khỏi một vụ tai tiếng xấu xa! - Ông chủ nhà băng kết luận và đứng lên - Thưa ông, tôi không thể tìm ra được lời nào để bày tỏ hết lòng biết ơn đối với ông. Nhưng, xin ông hãy tin rằng, mãi mãi, tôi không bao giờ quên ơn ông. Bây giờ, tôi mau chóng đến gặp con trai tôi để xin nó tha thứ. Về phần con bé Mary đáng thương đó, hành động đại dột của nó đã làm cho tôi tan nát cả cõi lòng. Với khả năng xét đoán tài tình của ông, ông có thể cho tôi biết bây giờ nó ở đâu không?

- Cô ta thì đương nhiên là chỉ có mặt tại nơi mà George Burnwell đang ở. Chẳng bao lâu nữa, ông cứ tin tôi, họ sẽ nhận sự trừng phạt thích đáng, cho dù họ phạm tội lỗi gì.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Số 18 Nguyễn Trường Tộ - Ba Đình - Hà Nội

Điện thoại: 04.37161518 - 04.37163409; Fax: 04.38294781

Website: www.nxbvanhoc.com; www.nxbvanhoc.vn; Email: tonghopvanhoc@vnn.vn

* **Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh:** 290/20 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 3

Điện thoại: 08.38469858; Fax: 08.38483481

* **Văn phòng đại diện tại thành phố Đà Nẵng:** 344 Trưng Nữ Vương - TP. Đà Nẵng

Điện thoại - Fax: 0511.3888333

ĐƠN VỊ LIÊN KẾT XUẤT BẢN VÀ PHÁT HÀNH



Tri thức Nhận Niềm tin
DINH TÌ BOOKS
SHARING KNOWLEDGE, RECEIVE BELIEF

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VĂN HÓA ĐINH TÌ

Trụ sở chính:

Số 14 - A11 - KĐT Đầm Trấu - Q. Hai Bà Trưng - Hà Nội

ĐT: (+84)4. 39 334 889 Fax: (+84)4. 39 334 943

Website: www.dinhthibooks.com.vn

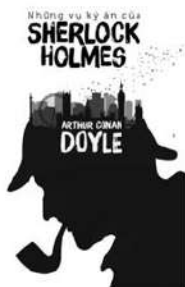
Email: contacts@dinhthibooks.com.vn / sales_hn@dinhthibooks.com.vn

Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh:

134/29 Đào Duy Anh - Phường 9 - Q. Phú Nhuận - TP. HCM

ĐT: (+84)8. 38 446 287 Fax: (+84)8. 38 447 135

Email: sales_hcm@dinhthibooks.com.vn



Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN ANH VŨ

Chịu trách nhiệm nội dung: TS. LA KIM LIÊN

Biên tập Nhà xuất bản : HOÀNG TRANG

Biên tập Đinh Tì : THANH HƯỜNG

Bìa : QUANG HUY

Kỹ thuật vi tính : TRẦN HÀ

Sửa bản in : HÀ GIANG

In 2000 cuốn khổ 14,5cm x 20,5cm - Ruột sách được in trên giấy CREAMY, BULK 2.0 theo tiêu chuẩn châu Âu - không hại mắt - chống lóa - thân thiện với môi trường - Tại Công ty CP in Viễn Đông

Đ/C: Km 19+400, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên

Số ĐKKHXB: 1194-2015/CXBIPH/53-78/VH ngày 15-5-2015

Quyết định xuất bản của NXB Văn học số: 763/QĐ-VH ngày 20-5-2015

Mã số ISBN: 978-604-69-5845-1

In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2015.

